

Biểu mẫu 18**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN****THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019 - 2020****A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	13	423	7854	2055	0	0	0	0
1	Khối ngành I	0	0	1145	640	0	0	0	0
2	Khối ngành II	0	0	0	0	x	x	x	x
3	Khối ngành III	0	113	977	35	x	x	x	x
4	Khối ngành IV	0	18	116	0	x	x	x	x
5	Khối ngành V	13	178	1327	658	x	x	x	x
6	Khối ngành VI	0	87	3425	371	x	x	x	x
7	Khối ngành VII	0	27	864	351	x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	1427	0.42	13.31	69.52	
1	Khối ngành I	349	0.86	20.34	69.63	77.8
2	Khối ngành II	0	0	0	0	0.0
3	Khối ngành III	209	0	15.79	57.89	84.2

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
4	Khối ngành IV	38	0	2.63	60.53	71.5
5	Khối ngành V	250	0.8	9.2	73.2	76.6
6	Khối ngành VI	421	0.24	12.11	75.06	67.0
7	Khối ngành VII	160	0	6.88	66.25	77.4

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)*100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

I. Khoa Y Dược

1. Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 10%. Thi kết thúc học phần: 90%
2	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ bản về hóa học, từ đó vận dụng được những kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu những học phần tiếp theo trong chuyên ngành của mình. - Tư duy phản biện: suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin. - Giao tiếp: phát triển, giải thích và diễn tả ý tưởng một cách hiệu quả thông qua kỹ năng viết, nói hoặc hình ảnh minh họa. - Thực nghiệm và định lượng: phân tích, xử lý các số liệu và dữ kiện thực nghiệm thành các báo cáo hoàn chỉnh.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 15%. Thi kết thúc học phần: 85%

		– Làm việc nhóm: có khả năng liên kết các ý tưởng, các lựa chọn; tương tác, thảo luận và nghi vấn; biết tôn trọng sự khác biệt và bảo vệ quan điểm cá nhân. – Hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, làm việc khoa học; biết cân bằng giữa hoài nghi và tiếp nhận, có tình yêu khoa học và tự tin. – Có ý thức về vai trò của Hoá học trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.			
3	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học. - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 10%. Thi kết thúc học phần: 90%
4	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 10%. Thi kết thúc học phần: 90%
	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 15%. Thi kết thúc học phần: 85%
5	Tiếng anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
6	Nguyên lý cơ bản 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu, có hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và về chủ nghĩa xã hội.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

7	Di truyền y học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về các quy luật di truyền ở người (di truyền đơn gen, đa gen, đa nhân tố, di truyền quần thể); các kiểu đột biến nhiễm sắc thể, đột biến gen và ảnh hưởng của chúng trong biểu hiện các tính trạng, bệnh tật ở người; các bước thực hiện chẩn đoán, tư vấn bệnh tật di truyền.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
8	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
9	Giải phẫu 1	- Trình bày được đại cương giải phẫu cơ thể người. - Trình bày được đầy đủ các chi tiết giải phẫu của chi trên, chi dưới, hệ thần kinh và chỉ được trên bề mặt cơ thể người một số chi tiết giải phẫu quan trọng. - Vận dụng được các kiến thức giải phẫu học vào các môn học khác như sinh lý, mô phôi... và nghề nghiệp sau khi ra trường, đặc biệt trong lĩnh vực phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
10	Lý sinh	- Sau khi học xong học phần này, sinh viên được và tự trang bị cho mình những kiến thức cơ bản nhất của lý sinh, khả năng vận dụng lý thuyết đó để nghiên cứu sâu hơn làm rõ bản chất vật lý của các quá trình diễn ra trong cơ thể sống cũng như ảnh hưởng của các tác nhân vật lý bên ngoài lên cơ thể sống. Bên cạnh đó, sinh viên còn nắm vững nguyên tắc của các phương pháp lý sinh hiện đại và tích cực tìm hiểu nghiên cứu để ứng dụng trong thực tiễn.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
11	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
12	Công tác quốc phòng và an ninh	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

		XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.			
13	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh đánh trả vũ khí công nghệ cao khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao tiến công xâm lược nước ta.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
14	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Học phần đề cập những nội dung cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, bao gồm: Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân; Các binh chủng: Binh chủng Pháo binh, Tăng thiết giáp, Đặc công, Hóa học, Công binh, Thông tin.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
15	Tiếng anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
16	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
18	Tiếng anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc

		Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh			học phần: 90%.
19	Miễn dịch học đại cương	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Mô tả được các hình thức đáp ứng miễn dịch - Nắm được các tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch - Nắm được các đặc điểm của kháng nguyên, cấu trúc kháng thể - Nắm được các cách thức đáp ứng miễn dịch. -Biết cách giải thích các đáp ứng của hệ miễn dịch trong đáp ứng miễn dịch tự nhiên và miễn dịch thu được. -Biết vận dụng kết quả của đáp ứng miễn dịch ứng dụng trong xét nghiệm - Có thái độ đúng về vai trò của miễn dịch trong các chuyên ngành khoa học của y học	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
20	Sinh lý học 1	Sau khi học xong phần này sinh viên nhận thức được chức năng của các cơ quan trong cơ thể.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
21	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
22	Mô phôi	Mô tả được cấu tạo bình thường trong từng mô, cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể bình thường ở mức độ vi thể, siêu vi thể, phân tử. Biết được vùng đầu mặt cổ, Hệ tim mạch, hệ niệu dục.	4	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
23	Giải phẫu 2	- Trình bày được đầy đủ các chi tiết giải phẫu của hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu sinh dục, hệ hô hấp tuần hoàn...và chỉ được trên bề mặt cơ thể người một số chi tiết giải phẫu quan trọng. - Mô tả được mối liên quan của từng tạng trong các hệ thống các cơ quan của cơ thể người. - Nhận biết được sự thống nhất giữa hình thể, cấu tạo và chức năng của các bộ phận trong cơ thể. - Vận dụng được các kiến thức giải phẫu học vào các môn học khác như sinh lý, mô phôi, các môn chuyên ngành....và nghề nghiệp đặc biệt trong lĩnh vực phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu.	4	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

24	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
25	Tâm lý y học – Y đức	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức cần thiết trong lĩnh vực tâm lý y học và đạo đức y học để áp dụng vào công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
26	Hóa sinh	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng biết được cấu tạo, chuyển hoá các chất ở một số cơ quan trong cơ thể. Thao tác và biện luận được các chỉ số hoá sinh máu và nước tiểu của người bình thường và một số bệnh lý thường gặp.	4	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
27	Sinh lý học 2	Sau khi học xong phần này sinh viên nhận thức được cơ chế điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể và mối tương tác giữa cơ thể với môi trường.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
28	Vi sinh	Môn Vi sinh y học phục vụ cho các đối tượng là sinh viên đại học Y khoa, Cử nhân điều dưỡng. Nội dung môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về vi sinh vật có lợi và có hại cho con người. + Sau khi học môn vi sinh, sinh viên phải nắm được các kiến thức cơ bản của môn vi sinh Y học: Đại cương Vi sinh vật, cấu tạo, sinh lý, các yếu tố tác động và những ảnh hưởng của vi sinh vật đến cơ thể cảm thụ. Bệnh học của một số vi sinh vật gây bệnh trên người.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
29	Điều dưỡng cơ bản	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc và sơ cứu ban đầu người bệnh, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
30	Kỹ năng 1 (Giao tiếp)	Trình bày và thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp và kỹ năng thuyết trình.	1	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
31	Tiếng anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

32	Ký sinh trùng	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tính phổ biến và tầm quan trọng của hiện tượng ký sinh. Mối quan hệ hữu cơ giữa KST – con người – động vật - ngoại cảnh. Đặc điểm sinh học, tính chất gây bệnh của các KST phổ biến ở Việt Nam và các biện pháp phòng chống đặc thù cho mỗi loại KST.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
33	Kỹ năng 3 (Kỹ năng thăm khám)	Khám lâm sàng cơ bản về khám tim, phổi, tiết niệu, khám phụ khoa được , đỡ đẻ thường ngồi chồm, khám được trẻ sơ sinh sau đẻ	1	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
34	Kỹ năng 2 (Kỹ năng Thủ thuật)	Cung cấp cho sinh viên làm được các kỹ thuật vô trùng cơ bản, tiêm truyền, băng và thay băng, thông dạ dày, thông niệu đạo, bàng quang, đo các dấu hiệu sinh tồn, sử dụng được các dụng cụ cung cấp oxy	1	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
35	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	-Biết được các khái niệm cơ bản trong sinh lý bệnh như: Khái niệm về bệnh,yếu tố bệnh nguyên,cơ chế bệnh sinh,quá trình lành bệnh,quá trình tử vong. - Hiểu rõ quá trình bệnh lý điển hình như:viêm ,sốt,chuyển hóa... -Nắm được các cơ chế sinh lý bệnh của các cơ quan.	4	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
36	Giải phẫu bệnh	Cung cấp cho sinh viên y khoa kiến thức cơ bản về tổn thương tế bào và mô trong bệnh lý chung và riêng ở mỗi cơ quan cụ thể, từ đó có tư duy khoa học về những biến đổi của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý, góp phần hiểu rõ và giải thích logic các triệu chứng lâm sàng của bệnh tật.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
37	Chẩn đoán hình ảnh	- Chẩn đoán được các bệnh phổ biến, thường gặp trên các phim X - quang có hình ảnh bệnh lý điển hình. - Giải thích được nguyên lý của các kỹ thuật tạo hình y học hiện đại. - Đánh giá được các ưu, khuyết điểm của các phương pháp chẩn đoán bằng hình ảnh y học.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
38	Nội cơ sở LT	Trình bày được cách phát hiện, nguyên nhân, các cận lâm sàng cần thiết và nhận biết được một số triệu chứng, hội chứng thường gặp trong nội khoa. Chẩn đoán (Xác định, nguyên nhân) được các triệu chứng, hội chứng thường gặp trong nội khoa.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
39	Nội cơ sở TH	Phát hiện được các triệu chứng và hội chứng thường gặp trong Nội khoa. Làm được bệnh án nội khoa cơ sở theo mẫu hoàn chỉnh	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
40	Kỹ năng 4 (Xét nghiệm)	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Biết được các tế bào máu trong bệnh lý thiếu máu -Biết được các thành phần bất thường trong nước tiểu	1	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

		- Biết cách phân tích,biện luận một số huyết đồ bệnh lý thường gặp trên lâm sàng - Biết cách phân tích và biện luận các niệu đồ - Xác định được nguyên lý hình thành các sóng trên điện tim. - Phân tích được 09 huyết đồ thường gặp trên lâm sàng -Phân tích được 06 niệu đồ thường gặp trên lâm sàng - Đo điện tim ở 12 chuyển đạo thông dụng và một số chuyển đạo đặc biệt. - Có thái độ đúng khi phân tích huyết đồ,niệu đồ,ứng dụng trên lâm sàng trong chẩn đoán bệnh. - Nhận thức được vị trí vai trò của điện tim trong chẩn đoán và theo dõi các bệnh tim mạch.			
41	Ngoại cơ sở LT	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Trình bày được cách phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp trong ngoại khoa - Liệt kê được các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết để bổ sung cho triệu chứng lâm sàng - Nhân biết được các hội chứng thường gặp trong ngoại khoa dựa vào các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
42	Ngoại cơ sở TH	Sau khi thực hành xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Phát hiện được các triệu chứng thường gặp trong ngoại khoa - Biết cách thăm khám ngoại khoa cơ bản và một số các thủ thuật cơ bản trong ngoại khoa - Đọc được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng để bổ sung cho các triệu chứng lâm sàng. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng thăm khám bệnh và vận dụng vào việc chẩn đoán bệnh	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
43	Dược lý	- Nắm được các kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học - Hiểu và trình bày được cơ chế tác dụng chính của từng nhóm thuốc - Trình bày được một số đặc điểm về dược động học, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ, độc tính, tương tác thuốc của từng nhóm thuốc - Ứng dụng kê toa thuốc trên lâm sàng một cách hợp lý, an toàn và hiệu quả nhất.	4	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
44	Phẫu thuật thực hành	Cung cấp cho sinh viên về lý thuyết và thực hành đại cương và chi tiết các phương pháp phẫu thuật.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
45	Ung thư đại	Sau khi thực hành xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Trình bày được cách phát hiện các triệu chứng của ung thư	1	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc

	cương LT	- Trình bày được các nguyên nhân của triệu chứng ung thư - Liệt kê được các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết để bổ sung cho triệu chứng lâm sàng - Nhận biết được các hội chứng điển hình thường gặp trong ung thư: dựa vào các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng					học phần: 90%.	
46	Ung thư đại cương TH	Sau khi học và thực hành xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Biết cách thăm khám và phát hiện ung thư. - Phát hiện được những triệu chứng của ung thư thường gặp. - Biết đọc kết quả của các xét nghiệm cận lâm sàng của ung thư.			1	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.	
47	Giáo dục và Nâng cao sức khỏe	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức cần thiết trong lĩnh vực truyền thông giáo dục sức khỏe để áp dụng vào công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.			1	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.	
48	Tiếng anh chuyên ngành Y	Sinh viên hiểu và sử dụng các thuật ngữ y học, hiểu được các bài viết chuyên ngành và giao tiếp bằng tiếng Anh			3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.	
49	Thực tập cộng đồng	Tìm hiểu cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện đa khoa huyện Thực hành các kỹ năng lâm sàng đạt yêu cầu theo bảng kiểm và đạt chỉ tiêu tương ứng với từng kỹ năng bắt buộc được liệt kê trong bảng dưới đây. Tập dượt tối đa các cơ hội để thực hành các kỹ năng trong phần các kỹ năng khuyến khích sinh viên học được liệt kê trong bảng dưới đây:			2	Học kỳ 10	○ Giá trị đánh giá: điểm học phần tương đương: 02 TC Đánh giá theo 3 kênh quan sát: Tổng điểm 100 (Sau khi có tổng điểm đánh giá quy về thang điểm 10 làm điểm chính thức cho học phần) Sinh viên tự đánh giá : với 4 nội dung : Tổng điểm: 10 điểm	
		NỘI – NHI – NHIỆM – CẤP CỨU	Kỹ năng bắt buộc:					
			Số TT	Kỹ năng				Chỉ tiêu thực h ãnh
			KN 1	Thực hiện giao tiếp với BN một cách hiệu quả để hỏi tiền sử, bệnh sử và làm bệnh án cho BN: - Mắc bệnh tim mạch - Viêm đường hô hấp cấp - Viêm đường tiết niệu - Nhiễm trùng đường tiêu hóa - Mắc bệnh mạn tính (tăng HA, tiểu đường, v.v...) - Mắc bệnh truyền nhiễm				5 bệnh án (kỹ năng giao tiếp hiệu quả cần được thể hiện qua các lần tiếp xúc với bệnh nhân và người nhà)

			- Cấp cứu				Thời gian (tham gia đầy đủ các buổi học tại BV theo quy định)
		KN 2	Khám hệ tim mạch: xác định được tần số tim, dấu hiệu hẹp, hở van hai lá;	1			Làm việc nhóm (vai trò của cá nhân SV trong các phần làm việc nhóm với các SV khác)
		KN 3	Khám hệ hô hấp xác định được tần số thở, ran ẩm, ran nổ;	1			Quan hệ với CBYT cơ sở
		KN 4	Khám được BN hôn mê;	1			Kỹ năng tiếp cận với BN và người nhà
		KN 5	Xác định triệu chứng và phụ giúp bác sĩ xử trí sơ cấp cứu ban đầu đối với các bệnh cấp cứu thường gặp: hôn mê, sốt cao co giật, sốc thuốc, sốc giảm thể tích, chấn thương....	2			GVKN đánh giá sinh viên: Bảng kiểm đánh giá các nội dung: Tổng điểm: 50 điểm
		KN 6	Khám, chẩn đoán, đề xuất ra quyết định điều trị, chăm sóc, và theo dõi điều trị bệnh nhân viêm đường hô hấp	1 (hoàn chỉnh một bệnh án và theo dõi 1 bệnh nhân trong quá trình học)			Ý thức kỷ luật
		KN 7	Khám, chẩn đoán, đề xuất ra quyết định điều trị và chăm sóc, và theo dõi điều trị bệnh nhân tiêu chảy cấp	1 (hoàn chỉnh một bệnh án và theo dõi 1 bệnh nhân trong quá trình học)			Tham gia hoạt động nhóm
		KN 8	Khám, chẩn đoán, đề xuất ra quyết định điều trị và chăm sóc, và theo dõi điều trị bệnh nhân đau bụng cấp	Hoàn chỉnh một bệnh án và theo dõi 1 bệnh nhân trong quá trình học			Mức độ hoàn thành các MT và chỉ tiêu được giao ;
		KN 9	Khám, phân loại trẻ bệnh (IMCI) và đề xuất xử trí	2			Kỹ năng giao tiếp (với CB và BN) ;
		KN 10	Khám, chẩn đoán và đề xuất xử trí bệnh nhân sốt	1			Mức độ tuân thủ các kỹ năng .
			Khám, chẩn đoán, đề xuất ra quyết định điều trị và chăm sóc và theo dõi điều trị bệnh nhân mắc bệnh có tính chất địa phương (tùy theo)				
		Các kỹ năng khuyến khích SV học nếu có điều kiện:					

			- Tham gia điều trị, theo dõi kết quả điều trị bệnh nhân tại khoa tại dưới sự giám sát của Bác sỹ - Viết giấy đề nghị xét nghiệm để BS ký - Đánh giá kết quả xét nghiệm máu, nước tiểu, X-quang - Tổng kết bệnh án cho BN xuất viện; - Giáo dục sức khỏe cho BN và người nhà tại bệnh viện theo từng chủ đề liên quan đến bệnh nhân và khoa trên cơ sở tôn trọng các thói quen, phong tục tập quán và các yếu tố văn hóa không có hại cho sức khỏe của người bản địa.			GVGS của trường đánh giá sinh viên: Thông qua bảng thu hoạch và báo cáo tiểu luận cuối khóa: Tổng điểm: 40 điểm
			Kỹ năng bắt buộc:			Đính kèm các bảng điểm đánh giá việc dạy/học tại thực địa.
		NGOẠI - SẢN	KN 1	Thực hiện giao tiếp hiệu quả để khai thác tiền sử, bệnh sử BN và làm bệnh án cho BN ngoại khoa	5 bệnh án (kỹ năng giao tiếp hiệu quả cần được thể hiện qua các lần tiếp xúc với bệnh nhân và người nhà)	
			KN 2	Tiếp cận, hỏi bệnh, thăm khám và theo dõi BN đau bụng cấp (ngoại khoa)	2	
			KN 3	Kỹ thuật vô trùng cơ bản: rửa tay, đi và tháo găng, mặc áo, xử lý bơm kim tiêm và vật sắc nhọn	Mỗi loại 2 lần	
			KN 4	Phụ mổ	2	
			KN 5	Xử lý và khâu vết thương phần mềm	2	
			KN 6	Khám thai và phát hiện các thai nghén nguy cơ	2	
			KN 7	Thăm khám, theo dõi và tiên lượng cuộc đẻ dùng biểu đồ chuyển dạ	1	
			KN 8	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm và xử trí tích cực giai đoạn 3	1	
			KN 9	Cắt và khâu tầng sinh môn	1	

			KN 10	Khám, chăm sóc và theo dõi hậu sản thường	1			
			KN 11	Khám và chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ	1			
			KN 12	Khám và chăm sóc sơ sinh tuần đầu sau đẻ	1			
			KN 13	Đặt và tháo DCTC	1			
			KN 14	Khám phụ khoa, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh phụ khoa thông thường: nhiễm trùng sinh dục do vi khuẩn, do nấm candida abican, do trichomonas; phát hiện được khối u buồng trứng	2			
		Các kỹ năng khuyến khích SV học nếu có điều kiện: - Tham gia điều trị bệnh nhân, theo dõi kết quả điều trị bệnh nhân tại khoa phòng dưới sự giám sát của Bác sỹ - Viết giấy đề nghị xét nghiệm để BS. Ký - Đánh giá kết quả xét nghiệm máu, nước tiểu, X-quang - Tổng kết bệnh án cho BN xuất viện; - Thay băng, cắt chỉ, chăm sóc hậu phẫu; - Xử trí gãy xương cẳng tay và cẳng chân - Thông tiểu nam, nữ; - Giáo dục sức khỏe cho BN ngoại khoa và người nhà tại bệnh viện theo từng chủ đề liên quan để bệnh nhân, khoa trên cơ sở tôn trọng các thói quen, phong tục tập quán và các yếu tố văn hóa không có hại cho sức khỏe của người bản địa. - Phụ mổ đẻ - Tắm trẻ sơ sinh - Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ - Tư vấn KHHGD - Giáo dục, tư vấn về làm mẹ an toàn cho bà mẹ, gia đình liên quan đến những thói quen, phong tục tập quán của đồng bào; - Tư vấn giáo dục về dinh dưỡng, lao động của bà mẹ và trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số						

51	Nội bệnh lý 1 LT	Trình bày được dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị và phòng bệnh của bệnh lý tim mạch, hô hấp và nội tiết thường gặp.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
52	Nội bệnh lý 1 TH	Chẩn đoán được bệnh và chỉ định được phương pháp điều trị, phòng bệnh thích hợp của bệnh lý tim mạch, hô hấp và nội tiết thường gặp.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
53	Ngoại bệnh lý 1 LT	Sau khi học và thực hành xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của những bệnh ngoại khoa - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến của bệnh. - Đọc được một số kết quả cận lâm sàng như: Xquang, siêu âm, xét nghiệm. - Biết tóm tắt được các triệu chứng, hội chứng trong thăm khám lâm sàng, kết hợp với kết quả cận lâm sàng và đưa ra được chẩn đoán sơ bộ những bệnh ngoại khoa đã học. Từ đó giúp cho sinh viên có kiến thức nền tảng cho chẩn đoán bệnh lý và các điều trị sau này.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
54	Ngoại bệnh lý 1 TH	Sau khi học và thực hành xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Biết vận dụng các triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán và diễn biến của bệnh ngoại khoa đã học lý thuyết để thăm khám bệnh nhân tại bệnh viện và tại cộng đồng. - Đọc được kết quả cận lâm sàng như xét nghiệm, X quang và vận dụng vào thực tế để chẩn đoán bệnh - Biết tập hợp các triệu chứng, hội chứng kết hợp giữa khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán sơ bộ và hướng xử trí các bệnh ngoại khoa đã được học.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
55	Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn Thực phẩm	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức - kỹ năng - Thái độ cơ bản về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm cũng như các biện pháp đảm bảo an toàn nhằm tăng cường sức khỏe con người và giúp các em biết cách tiếp cận toàn diện ở cộng đồng	1	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
56	Xác suất Thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê toán học và vận dụng vào nghiên cứu khoa học Y học của sinh viên.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
57	Phụ sản 1 LT	Cung cấp những kiến thức cơ bản về sản phụ khoa cho sinh viên Y khoa năm thứ 4	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
58	Phụ sản 1 TH	Cung cấp những kiến thức lâm sàng cơ bản về sản phụ khoa cho sinh viên Y khoa	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%.

		năm thứ 4.			Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
59	Tổ chức y tế	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức cần thiết trong lĩnh vực tổ chức và quản lý y tế để áp dụng vào công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
60	Khoa học Môi trường và Sức khỏe Môi trường	Học phần Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về tác động của ô nhiễm môi trường sống, môi trường lao động đến sức khỏe con người và sinh vật trên trái đất. Sinh viên có khả năng thực hiện được một số xét nghiệm cơ bản để đánh giá môi trường sống, môi trường lao động. Từ đó sinh viên có thể đưa ra những giải pháp phù hợp cải thiện môi trường để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
61	Nội bệnh lý 2 LT	Trình bày được dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị và phòng bệnh của một số bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, máu và cơ xương khớp thường gặp.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
62	Nội bệnh lý 2 TH	Chẩn đoán được bệnh và chỉ định được phương pháp điều trị, phòng bệnh thích hợp của bệnh lý tiêu hóa, tiết niệu, máu và cơ xương khớp thường gặp.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
63	Nhi 1 LT	Học phần này sẽ bổ sung cho sinh viên kiến thức về sự phát triển, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển và đặc điểm các hệ cơ quan của trẻ em. Sinh viên cũng tiếp tục được trang bị thêm các kiến thức về sơ sinh và dinh dưỡng của trẻ.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
64	Nhi 1 TH	Học phần này giúp sinh viên đánh giá được sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, Phát hiện được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ. Hướng dẫn cách đo các chỉ số nhân trắc. Hướng dẫn cách thăm khám, phát hiện các triệu chứng lâm sàng. Hướng dẫn sinh viên xác định các dấu hiệu trẻ sinh đủ tháng, non tháng và cách chăm sóc. Sinh viên cũng được thực hành pha chế một số dung dịch cho trẻ tiêu chảy. Sinh viên cũng được hướng dẫn cách đề xuất các xét nghiệm, chẩn đoán một số bệnh hay gặp ở trẻ em và cách làm bệnh án nhi khoa.	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
65	Dân số học	Kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản của dân số học, cấu trúc và phân bố dân số. Kỹ năng: Vận dụng và tính toán được các số đo cơ bản sử dụng trong dân số học, ý nghĩa của các thước đo đối với sự phát triển dân số. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của chính sách dân số, mục tiêu và nội dung của chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản trong chương trình y tế quốc gia.	1	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

66	Truyền nhiễm 1 LT	Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán và điều trị và cách phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm thường gặp.	2	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
67	Truyền nhiễm 1 TH	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng: + Phân loại được bệnh truyền nhiễm theo nguyên nhân và đường lây + Chẩn đoán và xử trí được hội chứng sốt kéo dài chưa rõ nguyên nhân, Hội chứng viêm màng não, hội chứng phát ban. + Phân tích được các yếu tố dịch tễ liên quan đến bệnh truyền nhiễm gây dịch và bệnh truyền nhiễm thường gặp. + Chẩn đoán và điều trị được các bệnh nhiễm trùng thể thông thường + Trình bày và tư vấn được các biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm. + Chẩn đoán được các bệnh truyền nhiễm thường gặp tại địa phương + Điều trị đúng các bệnh truyền nhiễm thể thông thường. + Xử trí cấp cứu ban đầu đúng các thể bệnh truyền nhiễm nặng. Bệnh truyền nhiễm là bệnh lây, vì vậy phải có biện pháp phòng ngừa đúng để tránh lây lan ra cộng đồng. Hàng năm có thể có bệnh dịch mới nổi vì vậy cần phải thường xuyên cập nhật kiến thức để phòng chống các bệnh dịch mới nổi	2	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
68	Lao LT	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp về bệnh bao gồm: lịch sử bệnh lao, vi trùng lao, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh lao, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh lao, chương trình phòng chống lao quốc gia...	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
69	Lao TH	- Biết thăm khám và làm bệnh án bệnh nhân lao. - Trình bày được các nội dung cơ bản của Chương trình phòng chống lao quốc gia. - Trình bày được các triệu chứng lao. - Trình bày được nội dung các bệnh lao. - Trình bày các phác đồ điều trị lao.	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
70	Phục hồi chức năng LT	Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên phải thăm khám, chẩn đoán và điều trị phục hồi chức năng - phòng ngừa được một số bệnh thường gặp.	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
71	Phục hồi	Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên phải thăm khám, chẩn đoán và điều trị	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 15%.

	chức năng TH	phục hồi chức năng - phòng ngừa được một số bệnh thường gặp.			Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
72	Thần kinh LT	- Trình bày tóm tắt được giải phẫu và chức năng sinh lý của hệ thần kinh. - Trình bày và phân tích được quy trình chẩn đoán một số hội chứng và bệnh thường gặp của hệ Thần kinh. - Trình bày và phân tích được các biện pháp điều trị một số hội chứng và bệnh thường gặp của hệ Thần kinh.	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
73	Thần kinh TH	- Làm được một bệnh án Thần kinh đầy đủ và đúng trình tự. - Khám và nhận định được kết quả đối với các triệu chứng và dấu hiệu của hệ thần kinh. - Chẩn đoán và điều trị được một số hội chứng và bệnh lý thường gặp của hệ thần kinh.	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
74	Tâm thần LT	- Trình bày được các nội dung cơ bản của sức khỏe tâm thần. - trình bày được các triệu chứng tâm thần - trình bày được nội dung các bệnh tâm thần thường gặp.	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
75	Tâm thần TH	- Biết thăm khám và làm bệnh án bệnh nhân tâm thần - Trình bày được các nội dung cơ bản của sức khỏe tâm thần. - trình bày được các triệu chứng tâm thần - trình bày được nội dung các bệnh tâm thần thường gặp.	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
76	Y học Cổ truyền LT	Cung cấp cho sinh viên kiến thức của YHCT như: Học thuyết âm dương – ngũ hành, các huyết thường dung trên lâm sàng điều trị một số bệnh thường gặp. Thuốc được liệu, các bài thuốc thường dung trong YHCT. Ngoài ra sinh viên được trang bị kiến thức về một số bệnh thường gặp trên lâm sàng	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
77	Y học Cổ truyền TH	Trình bày các nội dung sau: Thực hành kỹ thuật châm cứu trên mô hình, trên sinh viên và trên bệnh nhân. Thực hành cách xác định huyết trên mô hình và trên bệnh nhân. Thực hành phương pháp làm một bệnh án YHCT. Thực hành nhận biết các dược liệu thường dùng. Cách khám, phân tích, biện chứng luận trị, chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sàng thông qua cách tiếp cận bệnh nhân tại phòng bệnh và bình bệnh án...	1	Học kỳ 9	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
78	Dịch tễ học	Áp dụng những nội dung và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng.	3	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

79	Chính sách Y tế - Kinh tế Y tế	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức và kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực chính sách y tế và kinh tế y tế.	2	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
80	Dị ứng LT	- Nắm được các kiến thức về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh Dị ứng- Miễn dịch. - Chẩn đoán, điều trị, các phương pháp phòng các bệnh lý dị ứng – Miễn dịch thường gặp.	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
81	Dị ứng TH	- Làm bệnh án bệnh dị ứng- miễn dịch đầy đủ và đúng trình tự. - Khám và xác định các triệu chứng và hội chứng của các bệnh lý dị ứng miễn dịch. - Chẩn đoán, điều trị, các phương pháp phòng các bệnh lý dị ứng – Miễn dịch thường gặp.	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
82	Răng Hàm Mặt LT	Trình bày được sinh lý và giải phẫu đại cương cơ quan RHM. Khai thác được bệnh sử, các triệu chứng cơ năng của các bệnh về RHM thông thường. Chẩn đoán và chăm sóc các bệnh về RHM thường gặp và xử trí ban đầu một số cấp cứu RHM. Phát hiện được biến chứng một số bệnh và chuyển lên tuyến trên kịp thời. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe, dự phòng và tự chăm sóc khi bị bệnh RHM trong nhân dân	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
83	Răng Hàm Mặt TH	Trình bày được sinh lý và giải phẫu đại cương cơ quan RHM. Khai thác được bệnh sử, các triệu chứng cơ năng của các bệnh RHM thông thường. Chẩn đoán và chăm sóc các bệnh RHM thường gặp và xử trí ban đầu một số cấp cứu RHM. Phát hiện được biến chứng một số bệnh và chuyển lên tuyến trên kịp thời. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe, dự phòng và tự chăm sóc khi bị bệnh RHM trong nhân dân	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
84	Tai Mũi Họng LT	Trình bày được sinh lý và giải phẫu đại cương cơ quan TMH. Khai thác được bệnh sử, các triệu chứng cơ năng của các bệnh TMH thông thường. Chẩn đoán và điều trị các bệnh TMH thường gặp và xử trí ban đầu một số cấp cứu TMH. Phát hiện được biến chứng một số bệnh và chuyển lên tuyến trên kịp thời. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe, dự phòng và tự chăm sóc khi bị bệnh TMH trong nhân dân.	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
85	Tai Mũi Họng TH	Trình bày được sinh lý và giải phẫu đại cương cơ quan TMH. Khai thác được bệnh sử, các triệu chứng cơ năng của các bệnh TMH thông thường.	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc

		Chẩn đoán và điều trị các bệnh TMH thường gặp và xử trí ban đầu một số cấp cứu TMH. Phát hiện được biến chứng một số bệnh và chuyển lên tuyến trên kịp thời. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe, dự phòng và tự chăm sóc khi bị bệnh TMH trong nhân dân.			học phần: 85%.
86	Mắt LT	Chẩn đoán và xử trí được các bệnh về Mắt và biết cách tư vấn phòng chống bệnh nhằm nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
87	Mắt TH	Sử dụng được các phương tiện khám mắt, khám và phát hiện được các bệnh lý ở mắt trên lâm sàng, cũng như thực hiện được các thủ thuật cơ bản tại mắt.	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
88	Da liễu LT	Sau khi sinh viên học xong có thể chẩn đoán và điều trị một số bệnh da thông thường, các bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh phomg,	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
89	Da liễu TH	Sau khi sinh viên học xong có thể chẩn đoán và điều trị một số bệnh da thông thường, các bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh phomg,	1	Học kỳ 10	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
90	Nội bệnh lý 3 LT	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán, phương pháp điều trị và phòng bệnh của bệnh lý cấp cứu và tổng hợp thường gặp.	2	Học kỳ 11	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
91	Nội bệnh lý 3 TH	Chẩn đoán được bệnh và chỉ định được phương pháp điều trị, phòng bệnh thích hợp của bệnh lý cấp cứu và tổng hợp thường gặp.	2	Học kỳ 11	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
92	Ngoại bệnh lý 2 LT	Sau khi học và thực hành xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Trình bày được các triệu chứng, hội chứng và diễn biến của bệnh ngoại khoa. - Chỉ định được các cận lâm sàng như xét nghiệm, siêu âm, X quang, CT..phù hợp với từng bệnh - Biết chẩn đoán xác định bệnh và cách xử lý cấp cứu một số bệnh ngoại khoa thường gặp.	2	Học kỳ 11	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
93	Ngoại bệnh lý 2 TH	Sau khi học và thực hành xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Trình bày được các triệu chứng và diễn biến của những bệnh ngoại khoa - Trình bày được chẩn đoán nguyên nhân và hướng xử lý một số bệnh ngoại khoa thường gặp. - Biết được các thăm dò hỗ trợ chẩn đoán: chẩn đoán hình ảnh, chọc rửa, chọc dò - Đọc được kết quả của xét nghiệm cận lâm sàng như Xquang, siêu âm...	2	Học kỳ 11	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

		- Biết tóm tắt được các triệu chứng, hội chứng thăm khám lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng và đưa ra được chẩn đoán sơ bộ những bệnh ngoại khoa đã học. Từ đó giúp cho sinh viên có kiến thức nền tảng cho chẩn đoán bệnh lý và các điều trị sau này.			
94	Phụ sản 2 LT	Cung cấp những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho sinh viên Y khoa năm thứ Sáu.	2	Học kỳ 11	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
95	Phụ sản 2 TH	Cung cấp những kiến thức lâm sàng cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho sinh viên Y khoa năm thứ sáu.	3	Học kỳ 11	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
96	Nhi 2 LT	Học phần này giúp sinh viên có đủ kiến thức để phát hiện, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh các bệnh và các hội chứng thường gặp ở trẻ em.	2	Học kỳ 11	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
97	Nhi 2 TH	Học phần này giúp sinh viên có đủ kỹ năng để phát hiện, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh các bệnh và các hội chứng thường gặp ở trẻ em. Có tầm nhìn chung về bệnh tật và một số các kinh nghiệm tối thiểu về kỹ năng xử trí ban đầu.	3	Học kỳ 11	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
98	Truyền nhiễm 2 LT	Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng trình bày nguyên tắc sử dụng kháng sinh, corticoide trong điều trị bệnh Truyền nhiễm. Chẩn đoán và xử trí một số bệnh truyền nhiễm thể ác tính.	2	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
99	Truyền nhiễm 2 TH	Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng trình bày nguyên tắc sử dụng kháng sinh, corticoide, kháng vi rút trong điều trị bệnh Truyền nhiễm. Chẩn đoán và xử trí một số bệnh truyền nhiễm thể ác tính, mạn tính.	2	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
100	Chuyên đề Nội cuối khóa LT	Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán và điều trị về một số vấn đề cập nhật về bệnh lý tim mạch, nội tiết, hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu. Phân tích được kết quả của khí máu động mạch và nội soi đường tiêu hóa trên. Chẩn đoán và điều trị cập nhật được một số bệnh lý tim mạch, nội tiết, hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu dựa trên một số tình huống giả định cụ thể về mặt lý thuyết.	2	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
101	Chuyên đề Ngoại cuối khóa LT	- Trình bày được các triệu chứng, chẩn đoán, diễn biến và hướng điều trị của một số bệnh ngoại khoa. - Chỉ định làm các cận lâm sàng như xét nghiệm, siêu âm, X quang, CT..phù hợp với từng bệnh - Biết cách xử lý cấp cứu một số bệnh ngoại khoa thường gặp. - Tư vấn có hiệu quả các bệnh ngoại khoa tại cộng đồng	2	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

102	Chuyên đề sản cuối khóa LT	Cung cấp một số kiến thức mới trong lĩnh vực sản phụ khoa để cho sinh viên cuối khóa thi tốt nghiệp.	2	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
103	Chuyên đề Nhi cuối khóa LT	- Học phần này giúp sinh viên học các bệnh mang tính thời sự về sức khỏe, các bệnh hay gặp ở địa phương mà chưa cập nhật trong chương trình giảng dạy. Sinh viên cũng được tham khảo một số các kiến thức, công nghệ mới, phương pháp điều trị mới. Áp dụng cụ thể để chẩn đoán và điều trị các bệnh này.	2	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
104	Nội cuối khóa TH	Chẩn đoán đầy đủ được bệnh và chỉ định được phương pháp điều trị, phòng bệnh thích hợp của bệnh lý nội khoa thường gặp	4	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
105	Ngoại cuối khóa TH	- Chẩn đoán và xử trí một số bệnh ngoại khoa thường gặp. - Thực hiện được một số thủ thuật ngoại khoa cơ bản. - Tư vấn và giáo dục sức khỏe một số bệnh ngoại khoa thông thường. - Chẩn đoán và xử trí ban đầu một số cấp cứu thường gặp trong ngoại khoa, chuyển bệnh nhân đến cơ sở điều trị thích hợp và thực hiện các kỹ thuật tiểu phẫu.	4	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
106	Sản cuối khóa TH	Cung cấp một số kiến thức mới trong lĩnh vực sản phụ khoa, hệ thống số kiến thức phải học để cho sinh viên cuối khóa thi tốt nghiệp	4	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
107	Nhi cuối khóa TH	Học phần này giúp sinh viên có đủ kỹ năng để phát hiện, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh các bệnh và các hội chứng thường gặp ở trẻ em một cách chủ động và độc lập. Có tầm nhìn chung về tổ chức, phân loại, sắp xếp khám và chữa bệnh, một số các kinh nghiệm tối thiểu về kỹ năng xử trí ban đầu, cập nhật các kiến thức, kỹ thuật, lập luận chuẩn đoán mới mang tính thời sự xã hội.	4	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
108	Chuyên đề sinh lý	Sau khi học xong phần này sinh viên nhận thức được vai trò của các hormone tham gia vào quá trình chuyển hóa đường, can xi, phát phát.	1	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
109	Chuyên đề Giải phẫu	- Trình bày được cấu tạo và các vùng chi phối vận động, cảm giác của đám rối thần kinh cánh tay, đám rối thắt lưng cùng. Vận dụng để khám tổn thương hoặc bệnh lý thần kinh ngoại biên trên lâm sàng. - Trình bày giải phẫu vùng của cơ thể trên các mặt cắt ngang, trán hoặc dọc để từ đó có thể ứng dụng trong lâm sàng hoặc các phương tiện chẩn đoán hình ảnh.	1	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
110	Chuyên đề	Đánh giá việc kê đơn và sử dụng một số nhóm thuốc cơ bản, sử dụng nhiều trên lâm	1	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%.

	Dược lý	sàng về tính hợp lý, hiệu quả và an toàn			Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
111	Chuyên đề Dịch tễ	Nhận định được vai trò của một số bệnh truyền nhiễm quan trọng trong giai đoạn hiện nay Mô tả đúng, đầy đủ các chỉ số dùng để đánh giá một bệnh truyền nhiễm và nói được ý nghĩa của nó Nêu được các yêu cầu cơ bản trong công tác điều tra một bệnh truyền nhiễm Trình bày những công việc cụ thể, cần thiết phải làm ở mọi tuyến y tế trong công tác phòng chống dịch Trình bày được các biện pháp phòng chống dịch đối với từng mắt xích của quá trình dịch cho từng loại bệnh.	1	Học kỳ 12	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

2. Điều dưỡng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 15%. Thi kết thúc học phần: 85%
2	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ bản về hóa học, từ đó vận dụng được những kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu những học phần tiếp theo trong chuyên ngành của mình. Tư duy phản biện: suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin. Giao tiếp: phát triển, giải thích và diễn tả ý tưởng một cách hiệu quả thông qua kỹ năng viết, nói hoặc	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 15%. Thi kết thúc học phần: 85%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình ảnh minh họa. Thực nghiệm và định lượng: phân tích, xử lý các số liệu và dữ kiện thực nghiệm thành các báo cáo hoàn chỉnh. Làm việc nhóm: có khả năng liên kết các ý tưởng, các lựa chọn; tương tác, thảo luận và nghi vấn; biết tôn trọng sự khác biệt và bảo vệ quan điểm cá nhân. Hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, làm việc khoa học; biết cân bằng giữa hoài nghi và tiếp nhận, có tình yêu khoa học và tự tin. Có ý thức về vai trò của Hoá học trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.			
3	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 10%. Thi kết thúc học phần: 90%
4	Di truyền đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về các quy luật di truyền ở người (di truyền đơn gen, đa gen, đa nhân tố, di truyền quần thể); các kiểu đột biến nhiễm sắc thể, đột biến gen và ảnh hưởng của chúng trong biểu hiện các tính trạng, bệnh tật ở người; các bước thực hiện chẩn đoán, tư vấn bệnh tật di truyền.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
5	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 10%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp.			Thi kết thúc học phần: 90%
6	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
7	Tiếng anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
8	Giải phẫu	- Trình bày được đại cương giải phẫu cơ thể người. - Trình bày được đầy đủ các chi tiết giải phẫu của chi trên, chi dưới, hệ thần kinh và chi được trên bề mặt cơ thể người một số chi tiết giải phẫu quan trọng. - Vận dụng được các kiến thức giải phẫu học vào các môn học khác như sinh lý, mô phôi... và nghề nghiệp sau khi ra trường, đặc biệt trong lĩnh vực phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
9	Mô phôi	Mô tả được cấu tạo bình thường trong từng mô, cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể bình thường ở mức độ vi thể.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 30%. Điểm thi kết thúc học phần: 70%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Tâm lý y học – Y đức	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức cần thiết trong lĩnh vực tâm lý y học và đạo đức y học để áp dụng vào công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 30%. Điểm thi kết thúc học phần: 70%.
11	Sinh lý học	Sau khi học xong phần này sinh viên nhận thức được chức năng của các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 30%. Điểm thi kết thúc học phần: 70%.
12	Hóa sinh	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng biết được cấu tạo, chuyển hóa các chất ở một số cơ quan trong cơ thể. Thao tác được một số xét nghiệm HS cơ bản.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá phần thực hành: 30%. Điểm kiểm tra giữa học phần: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 60%
13	Vi sinh vật	Môn Vi sinh y học phục vụ cho các đối tượng là sinh viên đại học Y khoa, Cử nhân điều dưỡng. Nội dung môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về vi sinh vật có lợi và có hại cho con người. Sau khi học môn vi sinh, sinh viên phải nắm được các kiến thức cơ bản của môn vi sinh Y học: Đại cương Vi sinh vật, cấu tạo, sinh lý, các yếu tố tác động và những ảnh hưởng của vi sinh vật đến cơ thể cảm thụ. Bệnh học của một số vi sinh vật gây bệnh trên người. + Hiểu và nắm vững được các nguyên tắc xét nghiệm nuôi cấy định danh một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 30%. Điểm thi kết thúc học phần: 70%.
14	Ký sinh trùng	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tính phổ biến và	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tầm quan trọng của hiện tượng ký sinh. Mối quan hệ hữu cơ giữa KST – con người – động vật - ngoại cảnh. Đặc điểm sinh học, tính chất gây bệnh của các KST phổ biến ở Việt Nam và các biện pháp phòng chống đặc thù cho mỗi loại KST.			Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
15	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	- Biết được các khái niệm cơ bản trong sinh lý bệnh như: Khái niệm về bệnh, yếu tố bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh, quá trình lành bệnh, quá trình tử vong. - Hiểu rõ quá trình bệnh lý điển hình như: viêm, sốt, chuyển hóa... - Nắm được các cơ chế sinh lý bệnh của các cơ quan.	2	Học kỳ 2	-Kiểm tra thực hành 01 bài - Thi lý thuyết 01 bài -Điểm kiểm tra thường xuyên quá trình học tập:3% -Điểm đánh giá nhận thức và thái độ qua kiểm tra:2% -Điểm đánh giá phần thực hành: 20% -Điểm chuyên cần: 5% -Điểm thi kết thúc học phần: 70%
16	Dược lý	- Nắm được các kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học - Hiểu và trình bày được cơ chế tác dụng chính của từng nhóm thuốc cơ bản - Trình bày được một số đặc điểm về dược động học, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng phụ, độc tính của từng nhóm thuốc cơ bản. + Hiểu và nắm vững được các nguyên tắc xét nghiệm nuôi cấy định danh	2	Học kỳ 2	- Điểm chuyên cần: 6 % - Điểm kiểm tra giữa học phần: 6 % - Điểm thực hành (đủ 4 bài thực hành và 1 bài kiểm tra cuối đợt thực hành): 18% - Điểm thi kết thúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp.			học phần: 70%
17	Dinh dưỡng – vệ sinh an toàn thực phẩm	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức - kỹ năng - Thái độ cơ bản về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm cũng như các biện pháp đảm bảo an toàn nhằm tăng cường sức khỏe con người và giúp các em biết cách tiếp cận toàn diện ở cộng đồng	2	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra giữa học phần: 20 % Điểm chuyên cần: 10 % Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
18	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức cần thiết trong lĩnh vực truyền thông giáo dục sức khỏe để áp dụng vào công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	2	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần 10% Kiểm tra thường xuyên (1 bài tiểu luận) 20% Kiểm tra kết thúc học phần 70%
19	Tiếng anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
20	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Công tác quốc phòng và an ninh	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
22	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh đánh trả vũ khí công nghệ cao khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao tiến công xâm	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lược nước ta			
23	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
24	Hiểu biết về quân, binh chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
25	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn, mục đích, nguyên tắc, và các tiêu chuẩn thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện trong thực hành điều dưỡng, áp dụng các nguyên tắc vô khuẩn, tiệt khuẩn, khử khuẩn trong quy trình chăm sóc người bệnh	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
26	Tổ chức y tế	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức cần thiết trong lĩnh vực tổ chức và quản lý y tế để áp dụng vào công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	1	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra kết thúc phần thực hành: 20% Kiểm tra kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					phần 70% (Không có thực hành)
27	Điều dưỡng cơ bản 1	Nội dung học phần này là giúp cho sinh viên hình thành và phát triển các lý luận cơ bản của nghề điều dưỡng, tổ chức thực hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh một cách an toàn thành thạo, và vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào thực hành nghề nghiệp tại các cơ sở y tế khác nhau trong những điều kiện khác nhau	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 10% tổng điểm Kiểm tra giữa kỳ: 20% tổng điểm Thi hết môn: 70% tổng điểm
28	Điều dưỡng cơ bản 2 LT	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản về các quy trình kỹ thuật điều dưỡng, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh.	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 10% tổng điểm Kiểm tra định kỳ: 10% tổng điểm Thi hết môn: 70% tổng điểm
29	Điều dưỡng cơ bản 2 TH	Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành các kỹ thuật điều dưỡng theo quy trình kỹ thuật (có bảng kiểm) như hút đờm rãi, thở oxy, rửa dạ dày, cho ăn qua thông, tiêm thuốc, truyền dịch ... Các kỹ thuật chăm sóc - cấp cứu cho bệnh nhân như thay băng vết thương, cắt chỉ vết khâu....Các bước tiến hành trong thực hiện kỹ thuật có sử dụng máy chuyên dụng như: bơm tiêm điện, máy truyền dịch....	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi hết môn: 70% Thi hết môn : 70% tổng điểm
30	Thực hành bệnh viện Điều dưỡng cơ bản	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng cơ bản về các quy trình kỹ thuật điều dưỡng, thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh.	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
32	Tiếng anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
33	Nguyên lý cơ bản 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu, có hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và về chủ nghĩa xã hội.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
34	Điều dưỡng nội 1 LT	Trình bày được định nghĩa, các khái niệm, nguyên nhân của bệnh nội khoa thường gặp. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh nội khoa thường gặp. Trình bày được diễn tiến và biến chứng của các bệnh nội khoa thường gặp Nêu được cách xử trí và chăm sóc các bệnh nội khoa thường gặp Trình bày được các nội dung tư vấn về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách phòng bệnh nội khoa thường gặp.	2	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
35	Điều dưỡng nội 1 TH	Trình bày được định nghĩa, các khái niệm, nguyên	1	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhân của bệnh nội khoa thường gặp. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh nội khoa thường gặp. Trình bày được diễn tiến và biến chứng của các bệnh nội khoa thường gặp Nêu được cách xử trí và chăm sóc các bệnh nội khoa thường gặp Trình bày được các nội dung tư vấn về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách phòng bệnh nội khoa thường gặp.			10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
36	Điều dưỡng nội 2 LT	Trình bày được định nghĩa, các khái niệm, nguyên nhân của bệnh nội khoa thường gặp. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh nội khoa thường gặp. Trình bày được diễn tiến và biến chứng của các bệnh nội khoa thường gặp Nêu được cách xử trí và chăm sóc các bệnh nội khoa thường gặp Trình bày được các nội dung tư vấn về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách phòng bệnh nội khoa thường gặp.	2	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
37	Điều dưỡng nội 2 TH	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, cách phòng bệnh, chăm sóc người bệnh nội khoa. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa tại bệnh viện và	2	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cộng đồng.			
38	Điều dưỡng ngoại 1 LT	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về một số bệnh thông thường. Trong mỗi bệnh, ngoài phần khái niệm về bệnh sẽ tập trung chủ yếu về cách phát hiện các triệu chứng lâm sàng, chỉ định cận lâm sàng, các tiêu chuẩn chẩn đoán và hướng điều trị đối với từng bệnh.	2	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
39	Điều dưỡng ngoại 1 TH	Học phần này nhằm giúp sinh viên được tiếp cận với các ca lâm sàng cụ thể của từng bệnh, viết được bệnh án Ngoại khoa của từng bệnh. Đồng thời, tiến hành phân tích bệnh án về triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cho bệnh nhân.	1	Học kỳ 4	Kiểm tra thường xuyên: điểm bệnh án nộp/ tuần (30%) Thi kết thúc: Làm bệnh án nộp theo ca bệnh và hỏi vấn đáp cá nhân (70%)
40	Điều dưỡng ngoại 2 LT	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của điều dưỡng Ngoại khoa, hiểu được các khái niệm và lý thuyết về vấn đề sức khỏe Ngoại khoa. Nhận định được các vấn đề chăm sóc và nhu cầu sức khỏe của bệnh nhân Ngoại khoa. Nắm được cách làm quy trình điều dưỡng trong thực hành để chăm sóc người mắc các bệnh lý Ngoại khoa. Giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa thường gặp. Hiểu được cách áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân trên lâm sàng	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 10% Thi kết thúc học phần: 90%
41	Điều dưỡng ngoại 2 TH	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của điều	2	Học kỳ 4	Kiểm tra thường xuyên: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đường Ngoại khoa, hiểu được các khái niệm và lý thuyết về vấn đề sức khỏe Ngoại khoa. Nhận định được các vấn đề chăm sóc và nhu cầu sức khỏe của bệnh nhân Ngoại khoa. Quy trình điều dưỡng, giao tiếp, và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa. Áp dụng quy trình điều dưỡng trong thực hành để chăm sóc người mắc các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp. Áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân trên lâm sàng			Thi kết thúc học phần: 70%
42	Tiếng anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
43	Điều dưỡng phụ sản LT	Nội dung học phần giúp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh lý sinh sản, kiến thức chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ, và các biến chứng sản khoa thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản - phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa, các sản phụ sinh thường, sinh mổ, các sản phụ mắc các bệnh lý kèm theo trước, trong và sau khi mang thai.	2	Học kỳ 5	Kiểm tra thường xuyên: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Điều dưỡng phụ sản TH	Nội dung học phần giúp cho sinh viên kiến thức cơ bản	2	Học kỳ 5	Kiểm tra thường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về sinh lý sinh sản, kiến thức chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ, và các biến chứng sản khoa thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản - phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa, các sản phụ sinh thường, sinh mổ, các sản phụ mắc các bệnh lý kèm theo trước, trong và sau khi mang thai.			xuyên: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Điều dưỡng nhi LT	Nội dung học phần giúp cho sinh viên kiến thức cơ bản: nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nhi khoa thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh nhi khoa. Khiêm tốn học tập vươn lên	2	Học kỳ 5	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
46	Điều dưỡng nhi TH	Nội dung học phần giúp cho sinh viên vận dụng được kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý và bệnh lý thường gặp trong nhi khoa vào công tác nhận định, phân tích để có hướng chăm sóc bệnh nhi phù hợp. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh nhi khoa. Đồng thời thúc đẩy được vai trò chăm sóc của bố mẹ cũng như người chăm sóc trẻ	2	Học kỳ 5	Thực hiện theo thông tư 57/2012/TT-BGDĐT "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					dục và Đào tạo" có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2013.
47	Điều dưỡng truyền nhiễm LT	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các bệnh truyền nhiễm, kiến thức chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về các bệnh truyền nhiễm.	2	Học kỳ 5	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
48	Điều dưỡng truyền nhiễm TH	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các bệnh truyền nhiễm, kiến thức chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về các bệnh truyền nhiễm.	2	Học kỳ 5	Thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 “Quy chế học vụ Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 555/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 11/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện Quy chế 43 và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT về đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
49	Kỹ năng mềm	Sinh viên nhận thức có các kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm và các nguyên tắc, kỹ năng giao	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếp, ứng xử trong một số trường hợp thông thường Sinh viên có các kiến thức cơ bản về stress, căng thẳng tâm lý, áp lực học tập, công việc và biết các phương pháp giải tỏa các áp lực trong học tập, cân bằng cảm xúc, tâm lý cá nhân khi gặp vấn đề, tình huống không mong muốn. Sinh viên có các kiến thức cơ bản về chuẩn bị hồ sơ tìm việc, viết CV, hồ sơ năng lực cá nhân, các kiến thức cơ bản về phỏng vấn tuyển dụng, môi trường làm việc, văn hóa công sở. Sinh viên được tăng cường các kiến thức, hiểu biết chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm làm việc thực tế từ những người thành đạt, chuyên gia giàu kinh nghiệm từ nhiều lĩnh vực khác nhau, các công ty, doanh nghiệp, người sử dụng lao động. Sinh viên hiểu, phân biệt và vận dụng được các phong cách, kiểu tư duy trong học tập và làm việc.			phần: 90%.
50	Dân số học	Trình bày được các khái niệm cơ bản của dân số học, cấu trúc và phân bố dân số	1	Học kỳ 5	Điểm kiểm tra giữa học phần: 20 % Điểm chuyên cần: 10 % Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
51	Sức khỏe môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về tác động của ô nhiễm môi trường sống, môi trường lao động đến sức khỏe con người và sinh vật trên trái đất. Từ đó sinh viên có thể đưa ra những giải pháp phù hợp cải thiện môi trường để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.	1	Học kỳ 5	Điểm kiểm tra giữa học phần: 20 % Điểm chuyên cần: 10 % Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52	Xác suất thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê toán học và vận dụng vào nghiên cứu khoa học Y học của sinh viên	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 30%. Điểm thi kết thúc học phần: 70%.
53	Dịch tễ học	Áp dụng những nội dung và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng.	2	Học kỳ 6	Điểm đánh giá chuyên cần và thái độ tham gia thảo luận: 10% Điểm đánh giá phần thực hành: 10% Điểm kiểm tra giữa học phần: 10% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
54	Tiếng Anh chuyên ngành	Giúp sinh viên có thể sử dụng được tiếng Anh trong lĩnh vực điều dưỡng. Đáp ứng với yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Có khả năng tham gia thực hiện được một nghiên cứu trong lĩnh vực sức khỏe	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 30%. Điểm thi kết thúc học phần: 70%.
56	Điều dưỡng LCK hệ nội LT	Trình bày được triệu chứng của một số hội chứng và bệnh thường gặp đối với các chuyên khoa Tâm thần, Lao, Da liễu, Thần kinh. Trình bày được một số biện pháp điều trị cơ bản và cách chăm sóc một số hội chứng và bệnh thường gặp của các chuyên khoa Lao, Da liễu, Thần kinh.	2	Học kỳ 6	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ từng môn: 20% Thi hết môn: 70%
57	Điều dưỡng LCK hệ nội TH	Biết phát hiện triệu chứng của các bệnh liên chuyên khoa hệ nội Biết làm bệnh án các bệnh liên chuyên khoa hệ nội.	2	Học kỳ 6	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trình bày được triệu chứng của một số hội chứng và bệnh thường gặp đối với các chuyên khoa Tâm thần, Lao, Da liễu, Thần kinh. Trình bày được một số biện pháp điều trị cơ bản và cách chăm sóc một số hội chứng và bệnh thường gặp của các chuyên khoa Lao, Da liễu, Thần kinh.			phần: 20% Thi hết môn: 70%
58	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại LT	Trình bày được sinh lý và giải phẫu đại cương cơ quan Mắt, TMH và RHM. Khai thác được bệnh sử, các triệu chứng cơ năng của các bệnh Mắt, TMH và RHM thông thường. Chẩn đoán và chăm sóc các bệnh Mắt, TMH và RHM thường gặp và xử trí ban đầu một số cấp cứu Mắt, TMH và RHM. Phát hiện được biến chứng một số bệnh và chuyển lên tuyến trên kịp thời. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe, dự phòng và tự chăm sóc khi bị bệnh Mắt, TMH và RHM trong nhân dân	2	Học kỳ 6	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi hết môn: 70%
59	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại TH	Trình bày được sinh lý và giải phẫu đại cương cơ quan Mắt, TMH và RHM. Khai thác được bệnh sử, các triệu chứng cơ năng của các bệnh Mắt, TMH và RHM thông thường. Chẩn đoán và chăm sóc các bệnh Mắt, TMH và RHM thường gặp và xử trí ban đầu một số cấp cứu Mắt, TMH và RHM. Phát hiện được biến chứng một số bệnh và chuyển lên tuyến trên kịp thời. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe, dự phòng và tự chăm sóc khi bị bệnh Mắt, TMH và RHM trong nhân dân	2	Học kỳ 6	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi hết môn: 70%
60	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư	2	Học kỳ	Điểm tích lũy: 10%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.		7	Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
61	Quản lý điều dưỡng	Cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý y tế; vận dụng kiến thức về quản lý y tế vào trong các hoạt động quản lý điều dưỡng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ người điều dưỡng trong hệ thống quản lý điều dưỡng, phát triển kỹ năng duy trì mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả.	2	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi hết môn: 70%
62	Phục hồi chức năng LT	Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên phải thăm khám, chẩn đoán và chăm sóc phục hồi chức năng - phòng ngừa được một số bệnh thường gặp.	1	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi hết môn: 70%
63	Phục hồi chức năng TH	Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên phải thăm khám, chẩn đoán và chăm sóc phục hồi chức năng - phòng ngừa được một số bệnh thường gặp.	1	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi hết môn: 70%
64	Y học cổ truyền LT	Khám, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thường gặp bằng phương pháp châm cứu, xoa bóp bấm huyệt và thuốc đông dược.	1	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi hết môn: 60%
65	Y học cổ truyền TH	Khám, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thường gặp bằng phương pháp châm cứu, xoa bóp bấm huyệt và thuốc đông dược.	1	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
66	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu LT	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học về nguyên nhân, triệu chứng, cách sơ cứu và chăm sóc người bệnh trong một số trường hợp cấp cứu thường gặp. Ngoài ra, sinh viên còn có thể phụ giúp thầy thuốc thực hiện các thủ thuật cấp cứu và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại khoa hồi sức tích cực.	1	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi hết môn: 70%
67	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu TH	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học về nguyên nhân, triệu chứng, cách sơ cứu và chăm sóc người bệnh trong một số trường hợp cấp cứu thường gặp. Ngoài ra, sinh viên còn có thể phụ giúp thầy thuốc thực hiện các thủ thuật cấp cứu và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại khoa hồi sức tích cực.	1	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa học phần: 20% Thi hết môn: 70%
68	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi LT	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về những thay đổi về sinh lý, tâm lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nội khoa thường gặp ở người cao tuổi. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh cao	1	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tuổi tại bệnh viện và các vấn đề xã hội cần thiết khi thực hiện chăm sóc sức khỏe ở cộng đồng.			
69	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi TH	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, cách phòng bệnh, chăm sóc người bệnh cao tuổi mắc bệnh mạn tính. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cao tuổi tại bệnh viện và cộng đồng.	1	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra định kỳ: 20% Thi hết môn: 70%
70	Điều dưỡng ngoại thần kinh	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến vấn đề sức khỏe Ngoại khoa do tổn thương hệ thần kinh. Nhận định được các vấn đề chăm sóc và nhu cầu sức khỏe của bệnh nhân mắc bệnh lý Ngoại khoa liên quan đến hệ thần kinh. Trình bày được cách làm quy trình điều dưỡng trong thực hành để chăm sóc người mắc các bệnh lý Ngoại khoa liên quan đến hệ thần kinh. Giao tiếp, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân hoặc người nhà trong chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh lý Ngoại khoa liên quan đến hệ thần kinh. Hiểu được cách áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân tổn thương hệ thần kinh trên lâm sàng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi hết môn: 70%
71	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	Nhận định được các vấn đề chăm sóc và nhu cầu sức khỏe của bệnh nhân trước trong và sau phẫu thuật. Quy trình điều dưỡng, giao tiếp, và giáo dục sức khỏe trong	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi hết môn: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chăm sóc bệnh nhân trước trong và sau phẫu thuật. Áp dụng quy trình điều dưỡng trong thực hành, các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho người bệnh nhân trước trong và sau phẫu thuật.			
72	Chăm sóc NB có bệnh truyền nhiễm nâng cao	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các bệnh truyền nhiễm, kiến thức chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về các bệnh truyền nhiễm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi hết môn: 70%
73	Chăm sóc người bệnh ung thư	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về ung thư: khái niệm bệnh ung thư, dịch tễ, nguyên nhân và yếu tố nguy cơ, các triệu chứng, hội chứng diễn biến của các loại ung thư thường gặp; - Trình bày các nội dung phòng bệnh, các phương pháp chẩn đoán, hướng điều trị và chăm sóc các bệnh ung thư thường gặp. - Trình bày được các phương pháp chăm sóc về tâm lý, chăm sóc giảm nhẹ triệu chứng cho bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi hết môn: 70%
74	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh			
75	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
76	Điều dưỡng cộng đồng	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức cần thiết trong chuyên ngành điều dưỡng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, mà đơn vị cơ bản là gia đình. Mục tiêu của điều dưỡng cộng đồng là phục hồi sức khỏe, định hướng phục vụ cộng đồng, các nhóm người có nguy cơ, các gia đình và các cá nhân một cách liên tục theo suốt cuộc đời họ, chứ không phải chỉ là khi họ bị bệnh tật hoặc thương tật.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi hết môn: 70%
77	Thực tập cộng đồng	Nội dung học phần giúp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về sức khỏe cộng đồng và vai trò người điều dưỡng cộng đồng; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi hết môn: 70%
78	Điều dưỡng Nội TH	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và nâng cao về chăm sóc, các kỹ năng liên quan đến thực hành chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa. Áp dụng các kiến thức điều dưỡng và lý thuyết bệnh học liên quan để chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội khoa đến mức thành thạo, đồng thời thúc đẩy vai trò chăm sóc người bệnh của gia đình người bệnh.	4	Học kỳ 8	Điểm chuyên cần: 10 % Điểm chỉ tiêu lâm sàng : 20 % Thi hết môn: 70%
79	Điều dưỡng Ngoại TH	Học phần này cung cấp thêm cho sinh viên các kỹ năng	4	Học kỳ 8	Điểm chỉ tiêu lâm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		liên quan đến thực hành chăm sóc người bệnh mắc bệnh Ngoại khoa. Áp dụng các kiến thức điều dưỡng và lý thuyết bệnh học liên quan để chăm sóc người bệnh mắc bệnh Ngoại khoa đến mức chuyên nghiệp, đồng thời thúc đẩy vai trò chăm sóc người bệnh của gia đình người bệnh.			sàng: 30 % Thi hết môn: 70%
80	Điều dưỡng phụ Sản TH	Nội dung học phần giúp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh lý sinh sản, kiến thức chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ, và các biến chứng sản khoa thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản - phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa, các sản phụ sinh thường, sinh mổ, các sản phụ mắc các bệnh lý kèm theo trước, trong và sau khi mang thai.	4	Học kỳ 8	Điểm học phần (100%) = % Đánh giá chuyên cần +% Quy trình chăm sóc cá nhân +% Quy trình bình (nhóm) + % Bài thi kết thúc học phần.
81	Điều dưỡng Nhi TH	Nội dung học phần giúp cho sinh viên vận dụng được kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý và bệnh lý thường gặp trong nhi khoa vào công tác nhận định, phân tích để có hướng chăm sóc bệnh nhi phù hợp. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh nhi khoa. Đồng thời thúc đẩy được vai trò chăm sóc của bố mẹ cũng như người chăm sóc trẻ	4	Học kỳ 8	Thực hiện theo thông tư 57/2012/TT-BGDĐT "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo" có hiệu lực thi hành kể từ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					ngày 10 tháng 2 năm 2013
82	Khóa luận tốt nghiệp	Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong thực hành nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính chủ động tích cực trong học tập. Thông qua học phần này, sinh viên hình thành được các đức tính cẩn thận, khẩn trương, kiên trì, tỉ mỉ cũng như ý thức và đạo đức nghề nghiệp. Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên tiếp cận được tình hình thực tế của công việc trong những dịch vụ chăm sóc và kỹ thuật chuyên nghiệp tại các bệnh viện nơi sinh viên thực tập. Nhằm đảm bảo an toàn cho người nhận dịch vụ chăm sóc và kỹ thuật do người điều dưỡng cung cấp liên quan trực tiếp tới sức khỏe và tính mạng con người. Qua đó liên hệ với phần lý thuyết và thực hành đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, thực hành chăm sóc lâm sàng, nâng cao chất lượng về sự an toàn của các dịch vụ điều dưỡng, củng cố thêm nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn.	6	Học kỳ 8	Điểm khoá luận tốt nghiệp: 100 %
83	Chuyên đề tốt nghiệp	Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học. Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc. Viết một chuyên đề tốt nghiệp theo yêu cầu.	3	Học kỳ 8	Điểm Vòng 1: 50% do giáo viên hướng dẫn chấm Điểm Vòng 2: 50% do tổ Bộ môn phụ trách chấm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
84	Chuyên đề điều dưỡng Nội	Nâng cao kiến thức về chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lớn mắc bệnh nội khoa thường gặp. Thực hiện các quy trình chăm sóc cơ bản và nâng cao cho người lớn mắc bệnh nội khoa. Tur vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân và cùng phối hợp với cán bộ y tế trong điều trị, chăm sóc và phòng bệnh.	1	Học kỳ 8	Điểm chuyên cần: 10 % Điểm kiểm tra giữa HP : 20 % Thi hết môn: 70%
85	Chuyên đề điều dưỡng Ngoại	Học phần này cung cấp cho sinh viên được các khái niệm và lý thuyết về vấn đề sức khỏe Ngoại khoa nâng cao. Nhận định được các vấn đề chăm sóc và nhu cầu sức khỏe của bệnh nhân Ngoại khoa nâng cao. Nắm được cách làm quy trình điều dưỡng trong thực hành để chăm sóc người mắc các bệnh lý Ngoại khoa nâng cao. Giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh Ngoại khoa nâng cao. Hiểu được cách áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong việc chăm sóc, điều trị và phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân trên lâm sàng	1	Học kỳ 8	Điểm chuyên cần: 10 % Thi hết môn: 90%
86	Chuyên đề điều dưỡng Sản	Nội dung học phần giúp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về sinh lý sinh sản, kiến thức chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ, và các biến chứng sản khoa thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản - phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa, các sản phụ sinh thường, sinh mổ, các sản phụ mắc các bệnh lý kèm theo trước, trong và sau khi mang thai.	1	Học kỳ 8	Điểm chuyên cần: 15 % Thi hết môn: 85%
87	Chuyên đề điều dưỡng Nhi	Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, phòng và điều trị và chăm sóc bệnh nhi khoa thường gặp. Cách nhận định	1	Học kỳ 8	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ em qua các thời kỳ. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa. Tư vấn được cho bệnh nhân hiểu về nguyên nhân sinh bệnh, triệu chứng, biến chứng và phòng bệnh nhi khoa.			20% Thi hết môn: 70%

3. Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
2	Xác suất thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 10%. Thi kết thúc học phần: 90%
3	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
4	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 10%. Thi kết thúc học phần: 90%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.			
5	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 15%. Thi kết thúc học phần: 85%
6	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 10%. Thi kết thúc học phần: 90%
7	Giải phẫu	Chưa có	2	Học kỳ 1	
8	Sinh lý	Trình bày được chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Các cơ chế hoạt động và điều hòa hoạt động của chúng	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 15%. Thi kết thúc học phần: 85%
9	Mô	Chưa có	2	Học kỳ 1	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Di truyền Y học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về các quy luật di truyền ở người (di truyền đơn gen, đa gen, đa nhân tố, di truyền quần thể); các kiểu đột biến nhiễm sắc thể, đột biến gen và ảnh hưởng của chúng trong biểu hiện các tính trạng, bệnh tật ở người; các bước thực hiện chẩn đoán, tư vấn bệnh tật di truyền.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
11	Tâm lý y học – Y đức	Sau khi học xong học phần này sinh viên cần đạt được một số kiến thức cần thiết trong lĩnh vực tâm lý y học và đạo đức y học để áp dụng vào công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
12	Tiếng anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
13	Hóa học đại cương 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ bản về hóa học, từ đó vận dụng được những kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu những học phần tiếp theo trong chuyên ngành của mình. - Tư duy phản biện: suy nghĩ sáng tạo, cách tân, biết tìm tòi, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin. - Giao tiếp: phát triển, giải thích và diễn tả ý tưởng một cách hiệu quả thông qua kỹ năng viết, nói hoặc hình ảnh minh họa. - Thực nghiệm và định lượng: phân tích, xử lý các số liệu và dữ kiện thực nghiệm thành các báo cáo hoàn chỉnh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 15%. Thi kết thúc học phần: 85%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		– Làm việc nhóm: có khả năng liên kết các ý tưởng, các lựa chọn; tương tác, thảo luận và nghi vấn; biết tôn trọng sự khác biệt và bảo vệ quan điểm cá nhân. – Hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, làm việc khoa học; biết cân bằng giữa hoài nghi và tiếp nhận, có tình yêu khoa học và tự tin. – Có ý thức về vai trò của Hoá học trong đời sống, sản xuất, khoa học của xã hội hiện đại, hình thành các giá trị tư tưởng, đạo đức, lối sống.			
14	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
15	Nguyên lý cơ bản 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu, có hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và về chủ nghĩa xã hội.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
16	Vi sinh 1	Sinh viên giải thích được nguyên lý và cơ chế của các kết quả xét nghiệm thông thường, làm được một số xét nghiệm vi sinh và pha chế được các dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường trong lĩnh vực vi sinh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
17	Hoá sinh 1	Sinh viên mô tả được một số thiết bị và các loại máy thường dùng trong phòng xét nghiệm. Sử dụng thành thạo, đúng qui trình kỹ thuật cơ bản các trang thiết bị thường dùng trong phòng xét nghiệm hoá sinh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
18	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 15%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.			Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
19	Vật lý đại cương - Lý sinh	Giúp sinh viên có các kiến thức cơ bản về các quy luật, hiện tượng, quá trình vật lý cơ bản và cơ chế, tác động, ứng dụng của chúng đối với cơ thể sinh vật. - Trình bày được các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
20	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
21	Đường lối quân sự của Đảng.	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Công tác quốc phòng và an ninh	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
23	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh đánh trả vũ khí công nghệ cao khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao tiến công xâm lược nước ta.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên biết và áp dụng được một số phương pháp trong nghiên cứu khoa học để xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực y khoa và các bước để phát triển một đề cương nghiên cứu.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
25	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
26	Tiếng anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
27	Vi sinh 2	Sinh viên có kiến thức cơ bản về thực hành trong phòng thí nghiệm, trình bày được các dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường... trong lĩnh vực vi sinh và làm được kháng sinh đồ.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
28	Ký sinh trùng 1	Sinh viên biết được mối quan hệ hữu cơ giữa KST-con người – động vật - ngoại cảnh, biết một số biện pháp phòng chống KST, liệt kê các bước cơ bản trong kỹ thuật chẩn đoán giun sán.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
29	Hoá sinh 2	Sinh viên trình bày được cấu trúc, phân loại, tính chất của Glucid, Lipid, Protid, Hb, Acid nucleic và giải thích được kết quả của phản ứng định tính các chất Glucid,	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lipid, Protid, Hemoglobin, Enzym, Acid nucleic.			
30	Ký sinh trùng 2	Sinh viên đặc điểm hình thể của ký sinh trùng đơn bào và vi nấm y học và thực hiện thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật các kỹ thuật xét nghiệm ký sinh trùng đơn bào và vi nấm y học.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
31	Hoá sinh 3	Sinh viên biết được các thử nghiệm, xét nghiệm của chuyển hóa Glucid, Lipid, Protid và biện luận được kết quả các thử nghiệm, xét nghiệm về chuyển hóa Glucid, Lipid, Protid.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
32	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	Biết một số nguyên tắc, chỉ định, chống chỉ định các tai biến có thể xảy ra và cách xử trí được các tai biến xảy ra trong và sau khi thực hiện nhiệm vụ. Có thái độ đúng, chủ động, phối hợp bệnh nhân và người nhà trong việc thực hiện kỹ thuật.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
33	Tiếng anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
34	Vi sinh 3	Sinh viên giải thích được nguyên lý và cơ chế của các kết quả xét nghiệm thông thường và thực hiện kỹ thuật nuôi cấy để xác định tác nhân vi khuẩn gây bệnh.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
35	Sinh lý bệnh - Miễn dịch - Dược lý	Sinh viên được một số được cơ chế bệnh sinh, vòng xoắn bệnh lý. Trình bày được kiến thức cơ bản về dược lực học, dược động học của các nhóm thuốc thông thường. Giải thích các biểu hiện bệnh lý trên lâm sàng,	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sử dụng hợp lý, an toàn và hiệu quả một số nhóm thuốc thông thường.			
36	Y sinh học phân tử	Môn Sinh học phân tử y học phục vụ cho các đối tượng là sinh viên đại học Y khoa, cử nhân xét nghiệm. Nội dung môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh học ở mức tế bào và mức độ phân tử, đồng thời hiểu được kỹ năng thực tập trên gen. + Sau khi học môn sinh học phân tử, sinh viên phải nắm được các kiến thức cơ bản của môn sinh học phân tử y học: Đặc điểm cấu tạo các đại phân tử trong tế bào. Cơ chế trong quá trình truyền thông tin di truyền của tế bào. - Hiểu và nắm vững được các nguyên tắc xét nghiệm nuôi cấy định danh một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
37	Kỹ Thuật xét nghiệm cơ bản	Sinh viên trình bày được những nội dung cơ bản về tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của một phòng xét nghiệm tuyến tỉnh. Ứng dụng, thực hiện thành thạo và thao tác đúng các quy trình kỹ thuật cơ bản.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
38	Các loại bệnh phẩm trong xét nghiệm vi sinh – Ký sinh trùng	Sinh viên liệt kê được các quy định chung về thu thập bệnh phẩm để xét nghiệm vi sinh – ký sinh trùng, kể được tên các bệnh phẩm thường gặp trong xét nghiệm vi sinh - ký sinh trùng và thực hành thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật cơ bản về cách lấy, vận chuyển và bảo quản bệnh phẩm để xét nghiệm huyết thanh học, virus - miễn dịch, xét nghiệm ký sinh trùng - vi nấm.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Thu thập bảo quản phân để xét nghiệm tìm ký sinh trùng	Sinh viên mô tả các trang thiết bị và các bước triển khai thu thập và bảo quản mẫu bệnh phân và áp dụng thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật cơ bản một số bước lấy phân, lưu mẫu và pha đúng một số chất bảo quản phân.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
40	Hoá sinh 4	Sinh viên phân tích được chức năng gan, thận, nước tiểu, và biện luận được các kết quả của xét nghiệm sinh hóa trên. Sử dụng thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật cơ bản các xét nghiệm về định tính và định lượng các thông số thông thường, glucose, protein, urê, creatinin, acid uric, que thử nhanh trong nước tiểu.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
41	Vì sinh 4	Sinh viên có kiến thức về virus học gây bệnh cho trẻ em và người lớn và nắm vững được các nguyên tắc thực hiện các kỹ thuật cơ bản của xét nghiệm chẩn đoán virus học.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
42	Ký sinh trùng 3	Sinh viên trình bày được đặc điểm hình thể ký sinh trùng sốt rét và tiết túc y học và thực hiện được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét và tiết túc y học.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
43	Huyết học tế bào 1	Sinh viên trình bày một số xét nghiệm Huyết học - Truyền máu thường gặp và nắm chắc một số nguyên lý thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Huyết học tế bào.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
44	Bệnh học Nội khoa – Bệnh học Ngoại khoa	Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng, phương pháp phòng và xử trí một số bệnh nội khoa và ngoại khoa thường gặp. Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nội và ngoại khoa thường gặp về mặt lý thuyết.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Dinh dưỡng – Vệ sinh ATTP - Sức khoẻ MT	Sinh viên phải biết dinh dưỡng không hợp lý đến sức khỏe con người; xác định một số nguyên nhân và biện pháp phòng chống các bệnh về dinh dưỡng và ngộ độc thức ăn; xây dựng chế độ ăn cân đối hợp lý cho cho các đối tượng. Nâng cao ý thức vệ sinh môi trường và dinh dưỡng - an toàn thực phẩm; tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán địa phương.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
46	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	Sinh viên biết được một số khái niệm dịch tễ học để phòng chống các bệnh lây nhiễm. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học để xác định các yếu tố nguy cơ liên quan đến các bệnh từ đó đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của bệnh nhân.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
47	Huyết học tế bào 2	Sinh viên trình bày mục đích một số xét nghiệm Huyết học - Truyền máu và mô tả nguyên lý của các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học tế bào.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
48	Tổ chức y tế - CTYTQG - Giáo dục sức khỏe	Sinh viên biết được một số khái niệm về giáo dục và nâng cao sức khỏe, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình truyền thông. Sinh viên có thể lựa chọn được các phương pháp và phương tiện TT- GDSK phù hợp với nội dung giáo dục vào công việc của mình trong tương lai.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 10%. Điểm thi kết thúc học phần: 90%.
49	Huyết học đông máu	Sinh viên trình bày được cơ chế Cầm máu-Đông máu, thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
50	Huyết học truyền máu	Sinh viên trình bày, giải thích được hệ thống các nhóm máu, các vấn đề miễn dịch huyết học.Thực hiện được kỹ thuật xác định nhóm máu.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Xét nghiệm Huyết học nâng cao	Sinh viên mô tả một số bệnh về máu và vấn đề an toàn trong truyền máu. Thực hành thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm về tế bào, đông máu, miễn dịch huyết học chuyên sâu.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
52	Xét nghiệm tế bào 1	Sinh viên có kiến thức cơ bản về các kỹ thuật xét nghiệm và chẩn đoán tế bào bệnh học và có thể làm thành thạo một số kỹ thuật xét nghiệm về tế bào cơ bản.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
53	Xét nghiệm tế bào 2	Sinh viên có kiến thức cơ bản về Kỹ năng chẩn đoán tế bào bệnh học và có khả năng thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm tế bào bệnh học.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
54	Thực tập KTXN 1: Vi sinh-Ký ỉnh trùng	Sinh viên mô tả và thực hiện được một số xét nghiệm chẩn đoán vi sinh.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
55	Thực tập KTXN 2: Hóa sinh	Sinh viên mô tả được một số xét nghiệm về Hormon, các chất điện giải và thực hiện thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật các xét nghiệm về Hormon, các chất điện giải.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
56	Thực tập KTXN 3: Huyết học	Sinh viên giải thích được nguyên lý của các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học và thực hành thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học-Truyền máu.	36	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
57	Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh	Sinh viên trình bày được công việc chuẩn bị trang thiết bị cho công tác xét nghiệm giải phẫu bệnh, thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh và đánh giá chất lượng của xét nghiệm giải phẫu bệnh.	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
58	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	Sinh viên trình bày 3 giai đoạn của quá trình xét nghiệm: Trước, trong và sau xét nghiệm và lựa chọn phương pháp, kỹ thuật và thuốc thử phù hợp để kiểm tra	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chất lượng xét nghiệm.			
59	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	Sinh viên có kiến thức về phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện và làm được một số xét nghiệm vi sinh để chẩn đoán các loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn BV.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
60	Một số xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong vệ sinh an toàn thực phẩm	Sinh viên giải thích được các cơ chế đề kháng kháng sinh của vi khuẩn, trình bày một số xét nghiệm ký sinh trùng trong vệ sinh an toàn thực phẩm.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
61	Độc chất học lâm sàng	Sinh viên trình bày được khái niệm về độc chất, cách phân loại độc chất, sự chuyển hóa biến đổi một số độc chất trong cơ thể người bị nhiễm độc và thực hiện được kỹ thuật xét nghiệm một số độc chất trong cơ thể theo quy trình kỹ thuật.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
62	Bệnh lý tế bào máu	Sinh viên hiểu được nguyên nhân sinh bệnh của các tế bào máu và biết một số xét nghiệm cần thiết với từng loại bệnh.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
63	Xét nghiệm tế bào 3	Sinh viên trình bày được các kỹ thuật cơ bản áp dụng trong tế bào bệnh học thực hành tốt các thao tác và các kỹ thuật chuẩn bị trong chọc hút tế bào, tế bào bong và tế bào dịch.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
64	Miễn dịch	Sinh viên mô tả được các cơ chế bảo vệ miễn dịch, biện pháp né tránh, đặc điểm của miễn dịch chống vi rút, ký sinh trùng... và vận dụng kiến thức để giải thích các bệnh lý miễn dịch trên lâm sàng.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
65	Một số kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán nhiễm vi sinh vật gây bệnh.	Sinh viên giải thích được nguyên tắc, cách làm và nhận định được kết quả PCR và real-time-PCR và biết cách cài máy, chạy chương trình real time-PCR và đánh giá kết quả cho từng tác nhân gây bệnh cụ thể.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
66	Enzym học lâm sàng	Sinh viên trình bày được cấu tạo và cơ chế hoạt động của Enzym và CoE và sử dụng thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật và nhận định được kết quả của các xét nghiệm Enzym trong chẩn đoán chẩn đoán và điều trị.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
67	Hoá sinh máu	Sinh viên trình bày được các chức năng, tính chất lý hoá, pH và các hệ thống đệm của máu, biện luận kết quả các xét nghiệm sinh hóa của máu và làm thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật các xét nghiệm về hoá sinh máu.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
68	Đề kháng kháng sinh – Các kỹ thuật kháng sinh đồ chuyên biệt	Sinh viên giải thích được các cơ chế đề kháng kháng sinh của vi khuẩn, ứng dụng để nhận định được kết quả của một số kỹ thuật kháng sinh đồ chuyên biệt và phát hiện MRS, phát hiện ESBL, phát hiện kháng cảm ứng clindamycin.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
69	Tổ chức – Quản lý và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	Sinh viên trình bày được cách thiết kế xây dựng phòng xét nghiệm, liệt kê được các trang thiết bị và dụng cụ cần thiết cho cho một phòng xét nghiệm và bố trí và sắp xếp hợp lý phòng xét nghiệm theo chuẩn.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
70	Thực tế nghề nghiệp	Chưa có	2	Học kỳ 8	
71	Một số kỹ thuật xét nghiệm ký sinh trùng chuyên sâu	Sinh viên liệt kê các bước cơ bản của các kỹ thuật xét nghiệm ký sinh trùng chuyên sâu và thực hiện thành thạo đúng quy trình kỹ thuật một số xét nghiệm ký sinh trùng chuyên sâu.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
72	Thực Tập KTXN 5: Giải phẫu bệnh	Sinh viên trình bày được các kỹ thuật cơ bản áp dụng trong tế bào bệnh học và thực hành tốt các thao tác và các kỹ thuật chuẩn bị trong chọc hút tế bào, tế bào bong và tế bào dịch.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
73	Các kỹ thuật huyết học truyền máu chuyên sâu	Sinh viên trình bày được nguyên lý của các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học và thực hành thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học-Truyền máu.	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
74	Thực Tập KTXN 5: Vi sinh, Ký sinh trùng	Sinh viên trình bày được các bước thực hiện kỹ thuật kháng sinh đồ đối với vi khuẩn H. Pylori và vi khuẩn kỵ khí và thực hiện thành thạo các thao tác kháng sinh đồ đối với vi khuẩn H. Pylori và vi khuẩn kỵ khí	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
75	Thực tập KTXN 5: Huyết học	Sinh viên giải thích được nguyên lý của các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học và thực hành thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học-Truyền máu.	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
76	Thực tập KTXN 5: Hoá sinh	Sinh viên giải thích được các xét nghiệm, thử nghiệm dùng để thăm dò chức năng Tụy, Gan, Thận và sử dụng thành thạo, đúng quy trình kỹ thuật các xét nghiệm thử nghiệm dùng để thăm dò chức năng Tụy, Gan, Thận	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
77	Khóa luận tốt nghiệp	Chưa có	3	Học kỳ 8	
78	Chuyên đề tốt nghiệp	Chưa có	4	Học kỳ 8	
79	Ký sinh trùng cuối khóa	Sinh viên mô tả hình thể một số côn trùng và tiết túc thường gặp và giải thích một số nguyên tắc chung phòng chống đối với côn trùng và tiết túc.	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.
80	Vi sinh cuối khóa	Sinh viên giải thích được vai trò và chức năng của người xét nghiệm và sử dụng thành thạo và hiểu được nguyên lý vận hành của các máy móc, trang thiết bị cơ bản dùng trong công tác xét nghiệm vi sinh.	3	Học kỳ 8	Điểm tích lũy: 15%. Điểm thi kết thúc học phần: 85%.

4. Ký sinh trùng Y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1					
2					
3					

II. Khoa Nông lâm nghiệp

5. Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.			Thi kết thúc học phần: 70%
4	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Toán B1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Thực hành hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm hoá học giúp SV không chuyên ngành hóa học hiểu sâu sắc thêm phần lý thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các	1	Học kỳ 1	Điểm cuối cùng tính bằng trung bình cộng của các bài.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn học cơ sở và chuyên ngành.			
8	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Hình họa-Vẽ kỹ thuật	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách đọc và cách thành lập các bản vẽ kỹ thuật. Trong quá trình học tập sinh viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản như lý thuyết về phép chiếu, các phương pháp biểu diễn vật thể, nắm vững các quy tắc của tiêu chuẩn nhà nước về bản vẽ đồng thời rèn luyện các kỹ năng thực hành ...	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Hóa hữu cơ	Trang bị cho sinh viên không chuyên những kiến thức cơ bản và cốt lõi về những hợp chất hữu cơ, giúp sinh viên tiếp thu tốt các học phần tiếp theo như hóa phân tích, hóa học thực phẩm, hóa sinh thực phẩm...	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Nguyên lý cơ bản 2	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính là giai cấp công nhân			
13	Xác suất - Thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Vật lý B	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Hóa lí	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng hiểu được cơ sở lý thuyết của quá trình hóa học và ảnh hưởng của các thông số vật lý, hóa học đến hệ hóa học và quá trình hóa học, làm nền tảng để sinh viên học tiếp các môn khoa học khác của chuyên ngành và ứng dụng vào các quá trình thực tế sản xuất.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Thực hành vật lý Đại cương	Tiến hành làm thí nghiệm để khắc sâu và kiểm chứng lại	1	Học kỳ 2	Điểm trung bình của

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các kiến thức lý thuyết đã học thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện quang. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết cách xử lý sai số và đánh giá các kết quả thực nghiệm.			các bài báo cáo thực hành: 100%.
18	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Kỹ thuật nhiệt	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về những quy luật khách quan có liên quan đến nhiệt năng và những giải pháp ứng dụng có hiệu quả các quy luật đó vào kỹ thuật.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Tư tưởng HCM	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Quá trình và TB cơ học trong CNTP	Môn học này giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các quá trình cơ học và ứng dụng trong tính toán quá trình,	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thiết kế các thiết bị phục vụ cho sản xuất hóa học và thực phẩm.			70%
23	<i>Đường lối QS của Đảng</i>	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
24	<i>Công tác quốc phòng AN</i>	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.			
25	<i>Quân sự chung và Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</i>	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
26	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Dân số học đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dân số học, sự biến động dân số và các quá trình dân số, giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ và tầm quan trọng của phát triển dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
30	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	Tiếng Anh 3	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Cơ sở thiết kế nhà máy TP	Giúp sinh viên có hoàn thành bản vẽ về sơ đồ nhà máy, bố trí máy móc thiết bị trong nhà máy thực phẩm.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Hóa học thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học và vai trò của các hợp chất chủ yếu trong thực phẩm; trang bị cho sinh viên kiến thức về các quá trình biến đổi của các hợp chất chủ yếu trong quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm. Các kiến thức của môn học là cơ sở cho các môn học khác như công nghệ sinh học thực phẩm, vi sinh thực phẩm, công nghệ lên men, công nghệ chế biến thịt, sữa, chè, cà phê, ...	2		
35	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
36	Quá trình và TB truyền nhiệt trong CNTP	Môn học này giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các quá trình cơ học và ứng dụng trong tính toán quá trình, thiết kế các thiết bị phục vụ cho sản xuất hóa học và thực phẩm.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
37	Quá trình và TB truyền khối trong CNTP	Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ có được các kiến thức cơ bản về lý thuyết các quá trình truyền khối, các nguyên lý, định luật cân bằng vật chất, năng lượng liên quan tới từng quá trình truyền khối như chưng cất, trích ly, khuếch tán. Đồng thời biết các phương pháp tính toán áp dụng trong tính toán thiết kế thiết bị cho từng quá trình truyền khối.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Vi sinh vật học thực phẩm	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng một cách đầy đủ về vi sinh vật nói chung và vi sinh vật trong thực phẩm nói riêng.	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Thực hành vi sinh vật thực phẩm	Học phần nhằm củng cố kiến thức về vi sinh vật thực phẩm cho sinh viên ngành Công nghệ Thực phẩm. Sinh viên nắm được các yêu cầu phân tích vi sinh vật trong thực phẩm, có khả năng xác định các chỉ tiêu cần kiểm nghiệm vi sinh vật với từng mẫu thực phẩm xác định, nắm vững kỹ năng cần thiết trong thực hành kiểm nghiệm vi sinh vật thực phẩm.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Cơ sở kỹ thuật TP	Giúp cho sinh viên hiểu và trình bày được bản chất, mục đích của từng quá trình công nghệ; những quá trình đó sẽ gây ra những biến đổi gì đối với nguyên liệu và kết quả của nó đạt được là gì trong quá trình công nghệ đó; các thiết bị và nguyên tắc hoạt động, vận hành thiết bị phục vụ cho các quá trình đó.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
41	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
42	Hóa sinh thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm những kiến thức cơ bản về các quá trình biến đổi của các hợp chất chủ yếu trong quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm; Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hóa sinh học các quá trình lên men, hóa sinh học các quá trình sản xuất enzyme - là cơ sở cho các môn học khác như công nghệ sinh học thực phẩm, vi sinh thực phẩm, công nghệ lên men, công nghệ chế biến thịt, sữa, chè, cà phê, công nghệ enzyme...	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Thực hành hóa sinh thực phẩm	Giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết Hóa sinh thực phẩm. Cung cấp cho sinh viên các phương pháp phân tích chỉ tiêu hóa sinh trong nông sản và thực phẩm. Các kỹ năng của môn học là cơ sở cho các môn học khác như công nghệ sinh học thực phẩm, vi sinh thực phẩm, công nghệ lên men, công nghệ chế biến thịt, sữa, cà phê...	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Bảo quản thực phẩm	Nắm bắt các hư hại của nông sản và các sản phẩm được chế biến từ nông sản xảy ra trong quá trình bảo quản (nông sản, rau quả tươi, thực phẩm), phương pháp bảo quản và cách thức hạn chế.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	TTGT quá trình và TB CNTP	Giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức thực tế về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các máy thiết bị chế biến thực phẩm ở quy mô công nghiệp.	2	Học kỳ 5	Báo cáo thu hoạch: 100%
46	Kiểm nghiệm lương thực, thực phẩm	Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức về các vấn đề chung về kiểm định chất lượng lương thực thực phẩm, phân tích cảm quan chất lượng lương thực thực phẩm, nguyên lý và ứng dụng của các phương pháp phân tích hóa lý, vi sinh trong phân tích các chỉ tiêu của lương thực và thực phẩm.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Công nghệ sinh học thực phẩm	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về: Công nghệ sinh học tổng quát; Kỹ thuật gen, ứng dụng của CNSH trong bảo quản chế biến thực phẩm như công nghệ lên men, công nghệ protein đơn bào và ứng dụng của CNSH trong bảo vệ môi trường.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	Sinh viên có những kiến thức về chức năng của bao bì thực phẩm, những quy định hiện hành đối với các thông tin trên bao bì và đặc điểm của một số loại bao bì thực	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm hiện nay cũng như an toàn vệ sinh bao bì thực phẩm.			
49	Công nghệ sản xuất cà phê	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu, kỹ thuật chế biến các sản phẩm từ các nguyên liệu cà phê. Tạo cho sinh viên có mối quan tâm và yêu thích nhất định đối với quy trình chế biến cà phê; phát triển, đa dạng các sản phẩm từ những nguyên liệu này.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	Đánh giá cảm quan TP	Phù hợp với sứ mạng chung của nhà trường và ngành, chất lượng học cao, có khả năng phát triển, nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng cao, sinh viên tốt nghiệp làm việc hiệu quả.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về các biến đổi hóa sinh của nguyên liệu thịt sau giết mổ, các phương pháp bảo quản nguyên liệu thịt và trong quá trình chế biến các sản phẩm từ thịt. Hiểu được thành phần hóa học của nguyên liệu thủy sản cũng như các biến đổi của chúng sau khi chết ảnh hưởng đến chất lượng trong quá trình chế biến thủy sản. Hiểu rõ quy trình bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ thủy sản.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Công nghệ chế biến sữa và trứng	Sinh viên nắm bắt được những kiến thức về thành phần, tính chất và giá trị dinh dưỡng của sữa, trứng đối với đời sống con người. Các quá trình cơ bản ứng dụng trong ngành sữa, trứng, các quy trình công nghệ để chế biến sữa, trứng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	Công nghệ chế biến lương thực	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hạt lương	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực và các tính chất lý hóa của chúng. Trọng tâm là quá trình bảo quản, sơ chế hạt lương thực và công nghệ chế biến các sản phẩm từ các loại hạt lương thực. Kỹ năng kiểm tra, đánh giá chất lượng của hạt lương thực và các sản phẩm chế biến từ hạt lương thực.			Thi kết thúc học phần: 70%
54	Công nghệ sản xuất rượu, bia, nước giải khát	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở về lên men trong sản xuất rượu bia; nước giải khát lên men và pha chế. Đồng thời trang bị những kỹ năng thực hành trong kỹ thuật sản xuất rượu bia và nước giải khát.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
55	Công nghệ SX chè và các SP cây nhiệt đới	Phù hợp với sứ mạng chung của nhà trường và ngành, chất lượng học cao, có khả năng phát triển, nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng cao, sinh viên tốt nghiệp làm việc hiệu quả.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Công nghệ rau quả	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên liệu rau quả và các biến đổi xảy ra trong quá trình bảo quản chúng. Đồng thời cũng trang bị cho người học công nghệ bảo quản và chế biến rau quả bao gồm đông hộp, làm đông và sấy khô lên men rau quả. Người học có thể vận dụng những kiến thức này vào thực tế để làm việc trong các nhà máy sản xuất và chế biến các sản phẩm thực phẩm từ rau quả.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Công nghệ dầu béo	Cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản thành phần cấu tạo, các tính chất hóa lý, các chỉ tiêu chất lượng của chất béo nói chung. Nắm rõ quá trình khai thác dầu thô, dầu tinh luyện và công nghệ chế biến một số sản phẩm từ dầu mỡ. Có những hiểu biết cơ bản về chức năng sinh học, giá trị dinh dưỡng và ảnh hưởng của dầu mỡ đến sức khỏe từ đó vận dụng trong việc nâng cao chất lượng và cải tiến sản phẩm phù hợp với	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhu cầu dinh dưỡng.			
58	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về dây chuyền sản xuất mía đường và bánh kẹo cơ bản Nắm vững các thuật ngữ, các tính chất của nguyên liệu có ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, nguyên lý hoạt động của các thiết bị, biến đổi của nguyên liệu và yêu cầu của sản phẩm đầu ra trong từng công đoạn sản xuất.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Thực tập rèn nghề	Giúp cho sinh viên nắm được quy trình sản xuất, nguyên lý hoạt động và các quá trình xảy ra trong các thiết bị trong nhà máy chế biến thực phẩm. Là dịp để sinh viên liên hệ giữa lý thuyết đã học với thực tế sản xuất, hiểu rõ hơn lý thuyết cũng như biết được cấu tạo của các loại máy móc thiết bị sử dụng trong công nghiệp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng cơ bản trong sản xuất thực tế công tác.	2	Học kỳ 6	Điểm chuyên cần: 20 % Điểm viết báo cáo: 20% Điểm báo cáo trước hội đồng: 60%
60	Phát triển sản phẩm	Trang bị kiến thức căn bản về mối quan hệ trong tiến trình phát triển sản phẩm Sinh viên độc lập trong tiến hành nghiên cứu và phát triển sản phẩm thực phẩm mới.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Đồ án công nghệ TP	Đồ án công nghệ nhằm rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để hoàn thành một báo cáo khoa học cụ thể. Sinh viên có khả năng phân tích, tập hợp những kiến thức chuyên ngành trong quá trình tham khảo các cơ sở dữ liệu có sẵn để hoàn thiện một bài báo cáo khoa học và có khả năng trình bày một vấn đề chuyên môn trước tập thể.	2	Học kỳ 7	Điểm xây dựng ý tưởng và viết đề cương nghiên cứu: 10 % Điểm ý thức khi viết báo cáo: 10% Điểm hoàn tất báo cáo: 40% Điểm báo cáo trước hội đồng: 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
62	Quản trị chất lượng trong CNTP	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm và các quy phạm pháp luật trong kinh doanh và sản xuất thực phẩm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Kỹ thuật lao động và vệ sinh an toàn TP	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về: an toàn trong quá trình sử dụng dụng cụ và trang thiết bị điện, thiết bị áp lực, cháy nổ trong sản xuất, trong sinh hoạt cũng như việc xử lý ô nhiễm môi trường lao động; Đồng thời người học cũng nắm bắt được kiến thức và nguyên tắc cơ bản về an toàn thực phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi và trong các cơ sở sản xuất thực phẩm, xác định nguyên nhân gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm, từ đó đưa ra biện pháp phòng ngừa và đánh giá rủi ro đối với sản phẩm thực phẩm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
64	Mô hình hóa và tối ưu hóa trong CNTP	Sau khi học xong học phần này người học có thể độc lập tiến hành bố trí các thí nghiệm của các nghiên cứu khoa học, thu thập và xử lý các số liệu của kết quả thí nghiệm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Xử lý phế phụ phẩm trong CNTP	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản thành phần tính chất của một số loại phụ phẩm thực phẩm, các phương pháp công nghiệp để tái chế, tái sử dụng,; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến xử lý phụ phẩm, tăng hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Công nghệ enzyme	Giúp sinh viên nắm được kiến thức chung về enzyme, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản trong việc thu nhận enzyme từ các nguồn nguyên liệu khác nhau; kỹ thuật	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cố định enzyme và ứng dụng của enzyme cố định. Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức về các phản ứng và các quá trình enzyme trong các lĩnh vực khác nhau như công nghiệp, y học...đặc biệt là ứng dụng của enzyme trong công nghệ thực phẩm.			
67	Dinh dưỡng học	Trang bị cho sinh viên nắm được: Kiến thức cơ bản về thành phần các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm Hiểu rõ về các loại khẩu phần ăn cho các đối tượng khác nhau Nắm vững các yêu cầu về vệ sinh thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm trong ngành ăn uống.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Phương pháp NCKH	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Công nghệ lạnh và sấy	Hiểu rõ về hệ thống lạnh nói chung trong chu trình lạnh, các hư hỏng có thể xảy ra trong quá trình làm lạnh hoặc làm lạnh đông thực phẩm đồng thời đưa ra được các biện pháp hạn chế và khắc phục. Nắm bắt được các phương pháp cũng như công nghệ sấy trong sản xuất nông sản và thực phẩm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Các KT hiện đại trong CN chế biến TP	Hiểu rõ cơ sở khoa học của các quá trình tiên tiến trong công nghệ chế biến thực phẩm và phạm vi ứng dụng của chúng. Thiết kế được những quy trình sản xuất thực phẩm có sử dụng các quá trình tiên tiến nhằm hạn chế tổn thất sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng và giảm ô nhiễm môi trường. Nhận biết được qui luật biến đổi của nguyên liệu diễn ra trong các quá trình chế biến để lựa chọn thông số công nghệ phù hợp. Chọn được thiết bị phù hợp để vận hành quá trình. Đánh giá được những ưu điểm của quy trình sản xuất thực phẩm có sử dụng các quá trình tiên tiến và đề xuất hướng phát triển của nó trong tương lai.			
71	Thực tập chuyên ngành	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đặc điểm vùng nguyên liệu của nhà máy, điều kiện ngoại cảnh, mặt bằng tổng thể, dây chuyền công nghệ. mặt bằng phân xưởng sản xuất chính . quy trình quản lý chất lượng, vệ sinh, an toàn lao động, an toàn thực phẩm tại cơ sở thực tập.	2	Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Điểm các bài thực hành: 10% Điểm bảo vệ thực tập tại nhà máy: 80%
72	Phụ gia thực phẩm	Các chất phụ gia phổ biến được và không được phép sử dụng trong thực phẩm. Nguyên tắc sử dụng và cách bổ sung có hiệu quả một số loại phụ gia thông dụng trong chế biến và bảo quản thực phẩm Các tác động có hại đến sức khỏe của một số phụ gia thực phẩm.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Thực phẩm truyền thống	Giúp sinh viên ngành Công nghệ sau thu hoạch có những kiến thức cơ bản sản phẩm truyền thống của nước ta và một nước châu Á như: cơ sở khoa học về việc chế biến một sản phẩm truyền thống và ứng dụng của công nghệ sinh học vào các quy trình chế biến sản phẩm truyền thống.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Thực phẩm chức năng	Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về thực	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm chức năng, tầm quan trọng của thực phẩm chức năng trong bảo vệ sức khỏe con người cũng như nguyên lý và khả năng phát triển một sản phẩm chức năng.			Thi kết thúc học phần: 70%
75	Công nghệ sản xuất mì chính và nước chấm	Sinh viên có những kiến thức về: những kiến thức về: Nguyên liệu sản xuất mì chính, các phương pháp sản xuất mì chính, Công nghệ sản xuất nước chấm từ thủy sản và đậu nành.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Công nghệ tinh dầu và hương thơm	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành thực phẩm và liên quan những kiến thức cơ bản về công nghệ tinh dầu và hương thơm thực phẩm. Hiểu biết về đặt tính hóa lý, hóa sinh của tinh dầu và hương thơm, qua đó có thể áp dụng trong công nghệ khai thác và các ứng dụng của nó trong công nghệ thực phẩm.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Công nghệ sản xuất đồ hộp	Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về những quá trình cơ bản trong sản xuất đồ hộp thực phẩm (như rau, quả, thịt, hải sản, sữa tiệt trùng...) Và những qui trình kỹ thuật chế biến thực phẩm đóng hộp. Giúp người học hiểu biết mục tiêu của quá trình thanh trùng, giá trị thanh trùng, và tính toán các thông số kỹ thuật trong quá trình thanh trùng đồ hộp thực phẩm.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Công nghệ sữa và sản phẩm sữa	Sinh viên nắm bắt được những kiến thức về thành phần, tính chất và giá trị dinh dưỡng của sữa đối với đời sống con người. Các quá trình cơ bản ứng dụng trong ngành sữa, các quy trình công nghệ để chế biến sữa và một số sản phẩm từ sữa.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
80	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

6. Công nghệ sau thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Toán B	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
4	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cập, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.			70%
5	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Nguyên lý cơ bản 2	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính là giai cấp công nhân			
9	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Vật lý B	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Thực hành vật lý Đại cương	Tiến hành làm thí nghiệm để khắc sâu và kiểm chứng lại các kiến thức lý thuyết đã học thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện quang. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết cách xử lý sai số và đánh giá các kết quả thực nghiệm.	1	Học kỳ 2	Điểm trung bình của các bài báo cáo thực hành: 100%.
12	Hóa học đại cương 2	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hóa học.			
13	Thực hành hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm hoá học giúp SV không chuyên ngành hóa học hiểu sâu sắc thêm phần lí thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Vẽ kỹ thuật	Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết và rèn luyện kỹ năng vẽ để hoàn thành các bản vẽ kỹ thuật.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khác.			
17	Dân số học đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dân số học, sự biến động dân số và các quá trình dân số, giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ và tầm quan trọng của phát triển dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	<i>Đường lối QS của Đảng</i>	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có Đảng.			
22	<i>Công tác quốc phòng AN</i>	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
23	<i>Quân sự chung và Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</i>	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Cơ học ứng dụng	Trang bị cho sinh viên giải thành thạo một bài toán tĩnh học, động học trên cơ sở đó để giải các bài toán động lực học; kiểm tra bền, xác định tải trọng cho phép, chọn kích thước mặt cắt ngang cho các chi tiết máy hoặc bộ phận công trình chịu lực khác nhau.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Tư tưởng HCM	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Tiếng Anh 3	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gia nói tiếng Anh.			
29	Xử lý phụ phẩm thực phẩm	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản thành phần tính chất của một số loại phụ phẩm thực phẩm, các phương pháp công nghiệp để tái chế, tái sử dụng,; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến xử lý phụ phẩm, tăng hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
30	Kỹ thuật điện	Trang bị cho sinh viên biết cách giải các mạch điện, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các loại máy điện.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Công nghệ môi trường đại cương	Môn học trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ Sau thu hoạch những kiến thức cơ sở về công nghệ môi trường bao gồm công nghệ môi trường không khí, nước, công nghệ kiểm soát chất thải rắn và kỹ thuật phòng ngừa ô nhiễm công nghiệp và có kiến thức thực tế về quy trình xử lý các chất thải trong sản xuất chế biến nông lâm thủy sản.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	Hóa sinh công nghiệp	Cung cấp cho sinh viên ngành chế biến và bảo quản nông sản những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học và vai trò của các hợp chất chủ yếu trong thực phẩm; trang bị cho sinh viên kiến thức về các quá trình biến đổi của các hợp chất chủ yếu trong quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm; Cung cấp cho sinh viên các phương pháp phân tích các chỉ tiêu hóa sinh chủ yếu trong nông sản và thực phẩm. Các kiến thức của môn học là cơ sở cho các môn học khác như công nghệ sinh học thực phẩm, vi sinh thực phẩm, công nghệ lên men,	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công nghệ chế biến thịt, sữa, chè, cà phê, ...			
33	Vi sinh vật học thực phẩm	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng một cách đầy đủ về vi sinh vật nói chung và vi sinh vật trong thực phẩm nói riêng.	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Kỹ thuật nhiệt	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về những quy luật khách quan có liên quan đến nhiệt năng và những giải pháp ứng dụng có hiệu quả các quy luật đó vào kỹ thuật.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
36	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
37	Tự động hóa các dụng cụ đo	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về: tự động hóa công nghệ, cách phân loại và nghiên cứu hệ thống tự động, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của dụng cụ đo một số thông số công nghệ, cách đọc các sơ đồ chức năng đo và điều khiển quá trình công nghệ, nhằm giúp sinh viên hiểu bản chất của tự động hóa, thuận lợi hơn trong việc sử dụng các dụng cụ đo và hiểu được các sơ đồ cơ bản về đo và điều khiển các quá trình công nghệ theo ISO.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Dinh dưỡng học	Trang bị cho sinh viên nắm được: Kiến thức cơ bản về thành phần các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm Hiểu rõ về các loại khẩu phần ăn cho các đối tượng khác nhau Nắm vững các yêu cầu về vệ sinh thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm trong ngành ăn	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
39	Quá trình & thiết bị cơ bản trong công nghệ chế biến TP	Học phần nhằm cung cấp những khái niệm cơ bản về công nghệ và công nghệ thực phẩm, đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản xảy ra trong công nghệ thực phẩm cũng như trang thiết bị phục vụ cho các quá trình chế biến thực phẩm để từ đó lựa chọn phương pháp cũng như trang thiết bị phục vụ cho quá trình.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	TTGT: Quá trình & thiết bị cơ bản trong công nghệ chế biến TP	Giúp cho sinh viên nắm được quy trình sản xuất, nguyên lý hoạt động và các quá trình xảy ra trong các thiết bị trong nhà máy chế biến thực phẩm. Là dịp để sinh viên liên hệ giữa lý thuyết đã học với thực tế sản xuất, hiểu rõ hơn lý thuyết cũng như biết được cấu tạo của các loại máy móc thiết bị sử dụng trong công nghiệp.	2	Học kỳ 5	Báo cáo thu hoạch: 100%
41	Sinh lý-Hóa sinh nông sản STH	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý, hóa sinh nông sản vào nghiên cứu, bảo quản, sản xuất nông sản thực phẩm nhằm tạo sản phẩm chất lượng cao, giảm hao hụt về khối lượng, chất lượng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
42	Công nghệ sinh học thực phẩm	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về: Công nghệ sinh học tổng quát; Kỹ thuật gen,	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ứng dụng của CNSH trong bảo quản chế biến thực phẩm như công nghệ lên men, công nghệ protein đơn bào và ứng dụng của CNSH trong bảo vệ môi trường.			70%
43	Độc tố nông sản & thực phẩm	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về độc tố có trong nông sản và thực phẩm.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Quy hoạch thực nghiệm	Sinh viên có những kiến thức về: Các đại lượng thống kê cơ bản, xác định cách thức so sánh hai tổng thể, các kiểu bố trí thí nghiệm, phân tích hồi quy tương quan.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Trồng trọt đại cương	Nắm được những kiến thức cơ bản về các điều kiện và yêu cầu để cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt nhằm bố trí cây trồng phù hợp trên các loại đất khác nhau.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Kiểm tra & quản lý chất lượng nông sản thực phẩm	Phù hợp với sứ mạng chung của nhà trường và ngành, chất lượng học cao, có khả năng phát triển, nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng cao, sinh viên tốt nghiệp làm việc hiệu quả.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Công nghệ lạnh	Hiểu rõ về hệ thống lạnh nói chung trong chu trình lạnh, các hư hỏng có thể xảy ra trong quá trình làm lạnh hoặc làm lạnh đông thực phẩm đồng thời đưa ra được các biện pháp hạn chế và khắc phục.	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Bảo quản nông sản & thực phẩm	Nắm bắt các hư hại của nông sản và các sản phẩm được chế biến từ nông sản xảy ra trong quá trình bảo quản (nông sản, rau quả tươi, thực phẩm), phương pháp bảo quản và cách thức hạn chế.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Công nghệ thịt và sản phẩm thịt	Giúp sinh viên ngành Công nghệ sau thu hoạch có những kiến thức cơ bản về các biến đổi hóa sinh của nguyên liệu thịt sau giết mổ, các phương pháp bảo quản	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên liệu thịt và trong quá trình chế biến các sản phẩm từ thịt.			
50	Công nghệ cà phê, ca cao	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu, kỹ thuật chế biến các sản phẩm từ các nguyên liệu (cà phê, ca cao). Tạo cho sinh viên có mối quan tâm và yêu thích nhất định đối với quy trình chế biến cà phê, ca cao; phát triển, đa dạng các sản phẩm từ những nguyên liệu này.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Công nghệ chè	Phù hợp với sứ mạng chung của nhà trường và ngành, chất lượng học cao, có khả năng phát triển, nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng cao, sinh viên tốt nghiệp làm việc hiệu quả.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Công nghệ lên men	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở lên men và công nghệ ứng dụng các quá trình lên men để sản xuất các sản phẩm phục vụ đời sống. Đồng thời trang bị những kỹ năng thực hành trong công nghệ sản xuất lên men.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	TTGT công nghệ chè, cà phê, ca cao	Giúp cho sinh viên nắm được quy trình sản xuất, nguyên lý hoạt động và các quá trình xảy ra trong các thiết bị trong nhà máy, nông trường hoặc công ty chế biến chè, cà phê và ca cao. Là dịp để sinh viên liên hệ giữa lý thuyết đã học với thực tế sản xuất, hiểu rõ hơn lý thuyết cũng như biết được cấu tạo của các loại máy móc thiết bị sử dụng trong công nghiệp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng cơ bản trong sản xuất thực tế công tác.	2	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	TTGT công nghệ lạnh	Tìm hiểu thực tế các quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm thủy hải sản lạnh đông xuất khẩu. Qua đó nắm bắt được cấu tạo, nguyên tắc hoạt động của các máy lạnh trong hệ thống lạnh.	1	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
55	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Kỹ thuật an toàn lao động	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về: an toàn điện, hóa chất, thiết bị áp lực, cháy nổ trong sản xuất và trong sinh hoạt, đồng thời có kiến thức về việc xử lý ô nhiễm môi trường lao động; giúp cho người học có sự hiểu biết và ý thức trong việc giữ gìn an toàn sản xuất cũng như giữ gìn và xử lý môi trường lao động bị ô nhiễm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Phát triển sản phẩm	Trang bị kiến thức căn bản về mối quan hệ trong tiến trình phát triển sản phẩm Sinh viên độc lập trong tiến hành nghiên cứu và phát triển sản phẩm thực phẩm mới.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Công nghệ rau quả	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên liệu rau quả và các biến đổi xảy ra trong quá trình bảo quản chúng. Đồng thời cũng trang bị cho người học công nghệ bảo quản và chế biến rau quả bao gồm đông hộp, làm đông và sấy khô lên men rau quả. Người học có thể vận dụng những kiến thức này vào thực tế để làm việc trong các nhà máy sản xuất và chế	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biến các sản phẩm thực phẩm từ rau quả.			
59	Công nghệ mía đường	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên liệu sản xuất đường; quy trình công nghệ, thông số kỹ thuật, các thiết bị trong sản xuất đường; biến đổi của nguyên liệu trong từng công đoạn	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Phương pháp NCKH	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Bao gói thực phẩm	Sinh viên có những kiến thức về chức năng của bao bì thực phẩm, những quy định hiện hành đối với các thông tin trên bao bì và đặc điểm của một số loại bao bì thực phẩm hiện nay cũng như an toàn vệ sinh bao bì thực phẩm.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Công nghệ dầu béo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về bản chất hóa học của các thành phần cấu tạo dầu mỡ thực phẩm và các tính chất lý hóa của chúng. Trọng tâm là quá trình chế biến hạt có dầu và công nghệ chế biến các sản phẩm từ dầu mỡ.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Công nghệ thức ăn gia súc	Giúp sinh viên ngành Công nghệ sau thu hoạch có những kiến thức về độc tố trong nguyên liệu thức ăn gia súc, chọn được các loại nguyên liệu phù hợp để đáp ứng được nhu cầu dinh dưỡng của gia súc. Hiểu được nguyên lý hoạt động, cách vận hành một số máy móc trong chế biến thức ăn gia súc, gia cầm.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
64	Bảo quản chế biến thủy sản	Hiểu được thành phần hóa học của nguyên liệu thủy sản cũng như các biến đổi của chúng sau khi chết ảnh hưởng đến chất lượng trong quá trình chế biến các sản phẩm thủy sản.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Công nghệ sữa và sản phẩm sữa	Sinh viên nắm bắt được những kiến thức về thành phần, tính chất và giá trị dinh dưỡng của sữa đối với đời sống con người. Các quá trình cơ bản ứng dụng trong ngành sữa, các quy trình công nghệ để chế biến sữa và một số sản phẩm từ sữa.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Công nghệ chế biến lương thực	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hạt lương thực và các tính chất lý hóa của chúng. Trọng tâm là quá trình bảo quản, sơ chế hạt lương thực và công nghệ chế biến các sản phẩm từ các loại hạt lương thực. Kỹ năng kiểm tra, đánh giá chất lượng của hạt lương thực và các sản phẩm chế biến từ hạt lương thực.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Công nghệ sản xuất bánh kẹo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên liệu sản xuất bánh kẹo; quy trình công nghệ, thông số kỹ thuật, các thiết bị trong sản xuất bánh kẹo; biến đổi của nguyên liệu trong từng công đoạn.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Quản trị doanh nghiệp		2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Công nghệ sản xuất đồ hộp	Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về những quá trình cơ bản trong sản xuất đồ hộp thực phẩm (như rau, quả, thịt, hải sản, sữa tiệt trùng...) Và những qui trình kỹ thuật chế biến thực phẩm đóng hộp. Giúp người học hiểu biết mục tiêu của quá trình thanh trùng, giá trị thanh trùng, và tính toán các thông số kỹ	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật trong quá trình thanh trùng đồ hộp thực phẩm.			
70	Phụ gia thực phẩm	Các chất phụ gia phổ biến được và không được phép sử dụng trong thực phẩm. Nguyên tắc sử dụng và cách bổ sung có hiệu quả một số loại phụ gia thông dụng trong chế biến và bảo quản thực phẩm Các tác động có hại đến sức khỏe của một số phụ gia thực phẩm	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Thực phẩm truyền thống	Giúp sinh viên ngành Công nghệ sau thu hoạch có những kiến thức cơ bản sản phẩm truyền thống của nước ta và một nước châu Á như: cơ sở khoa học về việc chế biến một sản phẩm truyền thống và ứng dụng của công nghệ sinh học vào các quy trình chế biến sản phẩm truyền thống.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	Công nghệ enzyme	Giúp sinh viên nắm được kiến thức chung về enzyme, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản trong việc thu nhận enzyme từ các nguồn nguyên liệu khác nhau; kỹ thuật cố định enzyme và ứng dụng của enzyme cố định. Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức về các phản ứng và các quá trình enzyme trong các lĩnh vực khác nhau như công nghiệp, y học...đặc biệt là ứng dụng của enzyme trong công nghệ thực phẩm.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Công nghệ nấm men	Sinh viên có những kiến thức và kỹ năng về nấm men và công nghệ sản xuất sinh khối nấm men và sản phẩm từ sinh khối nấm men.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					100%
75	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

7. Khoa học cây trồng (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Toán B	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Nguyên lý cơ bản 2	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này chính là giai cấp công nhân	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Vật lý B	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: giải bài tập, giải thích	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.			
9	Thực hành vật lý Đại cương	Tiến hành làm thí nghiệm để khắc sâu và kiểm chứng lại các kiến thức lý thuyết đã học thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện quang. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết cách xử lý sai số và đánh giá các kết quả thực nghiệm.	1	Học kỳ 2	Điểm trung bình của các bài báo cáo thực hành: 100%.
10	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Hóa học đại cương 2	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Thực hành hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm hoá học giúp SV không chuyên ngành hóa học hiểu sâu sắc thêm phần lý thuyết	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.			
13	Xác suất - Thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Thực vật học		2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Sinh thái môi trường	Trình bày các khái niệm, nguyên lý cơ bản của sinh thái học. Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái Áp dụng các nguyên lý sinh thái cơ bản trong quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác.			70%
19	Dân số học đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dân số học, sự biến động dân số và các quá trình dân số, giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ và tầm quan trọng của phát triển dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu			Thi kết thúc học phần: 70%
24	Hóa sinh thực vật	Môn học Hóa sinh thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể thực vật và các chu trình chuyển hóa của các chất trong cơ thể thực vật. Đồng thời giúp sinh viên có nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật. Ứng dụng trong chọn tạo giống cây trồng phục vụ cho lợi ích con người.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Đường lối QS của Đảng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
27	Công tác quốc phòng AN	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.			tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
28	<i>Quân sự chung và Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</i>	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
29	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái,	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.			
30	Sinh lý thực vật	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý thực vật vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất nhằm tạo sản phẩm năng suất cao, chất lượng cao, nông sản sạch; là môn học cơ sở cho ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Công nghệ sinh học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ sinh học: khái niệm, vị trí, vai trò, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản, những ứng dụng cụ thể trong nông nghiệp, trong bảo tồn nguồn gen và trong bảo vệ môi trường. Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một vài kỹ thuật trong ngành công nghệ sinh học hiện được ứng dụng phổ biến trong thực tiễn cuộc sống.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	Giống cây trồng	Trang bị những kiến thức lý thuyết về cơ sở chọn tạo các giống cây trồng nhằm tạo được các giống mới đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Khí tượng nông nghiệp	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về các yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn và tác động của chúng đối với cây trồng cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý các yếu tố khí tượng trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Sinh thái nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh thái học nông nghiệp, các nguyên lý, nội dung và nguyên tắc điều khiển sự phát triển các hệ sinh thái nông nghiệp. Cơ sở sinh thái học trong nghiên cứu, thiết kế, quản lý và đánh giá các hệ sinh thái nông nghiệp bền vững.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Khuyến nông	Trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về công tác và hoạt động khuyến nông và sau khi học xong có thể	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		áp dụng vào thực tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo yêu cầu trong tình hình mới hiện nay.			70%
36	Thủ nhường	Trên cơ sở các nội dung trong học phần, sinh viên có thể áp dụng tốt nhất những kiến thức đó vào các môn học liên quan và vào thực tiễn.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
37	Cơ khí nông nghiệp	Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết Cơ khí và bước đầu rèn luyện kỹ năng lái máy kéo và sử dụng một số loại máy trong nông nghiệp.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Tư tưởng HCM	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
39	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Tiếng Anh 3	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
41	Phương pháp thí nghiệm đồng	Khẳng định vai trò của công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp và xác định các phương pháp nghiên cứu	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ruộng	trong khoa học nông nghiệp. Phân tích và thực hiện được các bước tiến hành một thí nghiệm hoàn chỉnh trong khoa học nông nghiệp Ứng dụng và giải bài tập được các thuật toán xác suất, thống kê để xử lý các kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp			70%
42	Nông hoá	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các loại phân bón sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Nắm được những kiến thức cơ bản, cơ sở lý luận và thực tiễn khi sử dụng các loại phân bón cho cây trồng. Cung cấp cơ sở cho việc xây dựng quy trình bón phân cho cây trồng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Vi sinh vật đất	Thông qua tìm ra quy luật phát sinh tiến hóa thích nghi với điều kiện tự nhiên của vi sinh vật mà tìm kiếm các giải pháp tác động tích cực cũng như ngăn chặn có hiệu quả các tác động bất lợi của VSV nhằm nâng cao độ phì nhiêu và năng suất cây trồng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Côn trùng nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm, đặc tính và quy luật sinh sống của lớp côn trùng, nguyên lý và phương pháp phòng chống các loài có hại, khai thác và bảo vệ những loài có ích cho sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Bệnh cây nông nghiệp	Hiểu biết một số khái niệm về bệnh hại trên cây trồng và phương pháp chẩn đoán xác định tác nhân gây bệnh. Hiểu biết về đặc điểm sinh học, sinh thái của tác nhân gây bệnh, qui luật phát sinh phát triển bệnh. Có kiến thức cơ bản về các tác nhân gây bệnh: Nấm, vi khuẩn, Virus, tuyến trùng... Vận dụng được các nguyên lý về phòng trừ bệnh hại trên cây trồng, đưa ra	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các biện pháp phòng trừ bệnh cây. Hiểu biết bệnh hại trên cây trồng và biện pháp phòng trừ			
46	TTGT sâu bệnh hại	Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực hành điều tra, phát hiện và nhận biết sâu bệnh hại cây trồng và những loài có ích, đồng thời có kiến thức thực tế về chăm sóc và quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính.	1	Học kỳ 5	Báo cáo thực tập: 100%
47	Hệ thống nông nghiệp	Trang bị các kiến thức khái niệm về hệ thống và nghiên cứu hệ thống nông nghiệp. Học xong sinh viên có thể tiến hành thực hiện nghiên cứu phát triển nông thôn.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Sử dụng thuốc BVTV	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất độc học nông nghiệp và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong phòng chống các loại dịch hại cây trồng và nông sản trong Nông – Lâm nghiệp đạt hiệu quả cao, đồng thời bảo vệ môi trường thiên nhiên.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Bảo quản nông sản	Nắm bắt các hư hại của nông sản và các sản phẩm được chế biến từ nông sản xảy ra trong quá trình bảo quản (nông sản, rau quả tươi, thực phẩm), phương pháp bảo quản và cách thức hạn chế.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	Thị trường nông nghiệp	Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên Kiến thức cơ bản về Khái niệm, vai trò, đặc điểm thị trường trong nông nghiệp; Phân tích thị trường nông nghiệp; Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp; Tổng quan về tiếp thị và tiếp thị nông sản; Một số kỹ năng về tiếp thị nông sản truyền thống và hiện đại trong nghiên cứu phát triển thị trường nông sản. Cung cấp cho sinh viên phương pháp cần thiết trong nghiên cứu và phân	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tích thị trường nông nghiệp và trên địa bàn nông thôn.			
51	Đánh giá đất đai	Thông qua xác định đặc điểm, tính chất đất đai mà so sánh đối chiếu với yêu cầu sử dụng đất đai cần phải có để phân hạng thích hợp đất đai phục vụ quy hoạch sử dụng đất bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, sử dụng quỹ đất hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Đường lối CM của ĐCSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	Tin học ứng dụng	Sử dụng một số hàm thông dụng, giải được một số dạng bài toán thống kê bằng Excel. Biết sử dụng phần mềm chuyên xử lý thống kê IRRISTAT 4.0. Biết quản lý, lưu trữ dữ liệu bằng các phần mềm tin học.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	QH và lập dự án PTNT	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về phát triển nông thôn, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội nông thôn mới. Trang bị cho sinh viên những phương pháp, kỹ năng tiếp cận nông thôn, các bước tiến hành quy hoạch, lập dự án phát triển kinh tế, xã hội nông thôn Việt Nam	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
55	Thủy nông	Nắm được những kiến thức cơ bản về nhu cầu tưới tiêu nước của cây trồng, cách xác định nhu cầu, cách tưới tiêu và quản lý hệ thống tưới tiêu.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Cây lương thực	Trang bị cho sinh viên kiến thức về khoa học cây trồng.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thi kết thúc học phần: 70%
57	Cây rau	Đào tạo ra những kỹ sư thực hành nông nghiệp có lòng yêu tổ quốc, yêu nhân dân lao động, yêu nghề nghiệp; Có kiến thức chuyên môn cơ bản, hiện đại về cây rau và vận dụng tốt vào thực tế sản xuất; Có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau đáp ứng yêu cầu xã hội.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Cây ăn quả	Đào tạo ra những kỹ sư thực hành nông nghiệp có lòng yêu tổ quốc, yêu nhân dân lao động, yêu nghề nghiệp; Có kiến thức chuyên môn cơ bản, hiện đại về cây ăn quả và vận dụng tốt vào thực tế sản xuất; Có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau đáp ứng yêu cầu xã hội.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Cây đậu đỗ	Đào tạo ra những kỹ sư thực hành nông nghiệp có lòng yêu tổ quốc, yêu nhân dân lao động, yêu nghề nghiệp; Có kiến thức chuyên môn cơ bản, hiện đại về cây đậu đỗ; Có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, đáp ứng yêu cầu xã hội.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	TTGT Cây LT, rau, AQ	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về kỹ thuật sản xuất cây trồng.	2	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
61	Chế biến cà phê bột	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu, kỹ thuật chế biến các sản phẩm từ các nguyên liệu ca cao. Tạo cho sinh viên có mối quan tâm và yêu thích nhất định đối với quy trình chế	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biến ca cao; phát triển, đa dạng các sản phẩm từ những nguyên liệu này.			
62	Chế biến chè xanh, đen	Trang bị cho người học những hiểu biết và kỹ năng về chế biến chè nói chung và chế biến chè xanh, chè đen nói riêng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Chế biến ca cao bột	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để sinh viên có khả năng vận dụng các kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu, kỹ thuật chế biến các sản phẩm từ các nguyên liệu ca cao. Tạo cho sinh viên có mối quan tâm và yêu thích nhất định đối với quy trình chế biến ca cao; phát triển, đa dạng các sản phẩm từ những nguyên liệu này.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
64	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Kinh tế nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức về Vị trí, vai trò và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân; Hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam; Các nguồn lực trong việc tăng trưởng và phát triển kinh tế nông nghiệp và Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; Kinh tế học cung – cầu và sự mất cân bằng cung – cầu thị trường nông nghiệp; Phân tích thị trường nông nghiệp; Thương mại quốc tế các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Phương pháp NC KH	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.			Thi kết thúc học phần: 70%
67	Canh tác & QL cỏ đại	Cung cấp những kiến thức rất cơ bản và cần thiết cho sinh viên về khái niệm cơ cấu cây trồng và các cơ sở khoa học để lựa chọn cơ cấu cây trồng hợp lý cho một cơ sở hoặc một vùng sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, lựa chọn các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp nhằm giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển thuận lợi, đem lại lợi ích kinh tế và môi trường cao nhất. Học phần này cũng giúp sinh viên tìm hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản về cỏ dại và các đặc điểm của chúng để xây dựng các biện pháp quản lý cỏ dại một cách có hiệu quả.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Cây cao su	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về Cây cao su.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Cây cà phê	Đánh giá được tình hình sản xuất, tiêu thụ cà phê trên thế giới. Phân tích được đặc điểm thực vật học, sinh lý và yêu cầu sinh thái của cây cà phê. Giải thích được các bước của quy trình cải tiến giống và sản xuất cây giống cà phê. Quy trình trồng, chăm sóc cà phê bền vững. Quy trình thu hái, chế biến cà phê	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Cây chè	Trang bị cho người học những hiểu biết và kỹ năng về kỹ thuật canh tác và chế biến chè.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	TTGT Cây CS, CP, Chè	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành và những	2	Học kỳ 7	Báo cáo thu hoạch:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức thực tế sản xuất cây cao su, cà phê, chè.			100%
72	Cây điều, cây ca cao	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về Cây điều và Cây ca cao.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Cây tiêu	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tình hình sản xuất, tiêu thụ hồ tiêu; Đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái của cây hồ tiêu; Quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc, chế biến hồ tiêu.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Chăn nuôi đại cương		2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
75	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Qua môn học này, sinh viên hiểu rõ hơn về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với Lâm nghiệp sau khi ra trường. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Nuôi ong		2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Dâu tằm	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hình thái học và sinh vật học dâu - tằm; những kiến thức chủ yếu về kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm để người học có thể	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vận dụng thực hành trong sản xuất.			70%
78	Cây lấy củ	Trang bị kiến thức khoa học cây khoai, cây sắn về kỹ thuật trồng trọt và biện pháp kỹ thuật tăng năng suất.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Cây mía, cây bông	Trang bị cho người học những hiểu biết về cây mía, cây bông và các kỹ năng về trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản để tăng năng suất và phẩm chất nguyên liệu trên cơ sở hạ giá thành đầu tư.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Hoa, cây cảnh	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về cây hoa và cây cảnh.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
81	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; Các quy định kỹ thuật và kiểm soát nông sản hàng hóa khi tham gia thị trường xuất - nhập khẩu; Các chương trình chứng nhận nông sản tự nguyện; những hiểu biết cơ bản về thực hành nông nghiệp tốt; Các kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực hành sản xuất theo GlobalGAP và VietGAP.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
82	Quản lý dịch hại tổng hợp	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp hay phòng trừ tổng hợp (IPM), trên cơ sở đó tiến hành xây dựng và thực hiện biện pháp IPM trên một loại cây trồng ở một vùng sinh thái nông nghiệp nhất định vừa bảo vệ được sản xuất nông nghiệp, vừa bảo vệ được môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người nông dân.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
83	Trồng nấm ăn	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được các đặc điểm của nấm trồng và lựa chọn các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp để trồng, chăm sóc và	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bảo quản một số loài nấm trồng phổ biến nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.			70%
84	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
85	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

8. Khoa học cây trồng (Thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học. Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động. Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2	Tiếng Anh	Hỗ trợ một lượng kiến thức tiếng Anh để người học có thể tham khảo tài liệu chuyên môn phục vụ học tập và trao đổi khoa học	6	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Phương pháp luận trong NCKH	Là môn học trang bị cho học viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu, phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và phương pháp viết một báo cáo khoa học.	2	Học kỳ I	- Chuyên cần: 10% - Điểm tiểu luận, seminar: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4	Hóa sinh nâng cao	Là học phần giới thiệu các kiến thức mới về hóa sinh có liên quan, ứng dụng đối với thực vật. Đặc biệt tập trung vào các nội dung: Gen và hoạt động của gen ở thực vật; gen và hoạt động của gen ở lục lạp; genomics; PCR và ứng dụng trong chọn giống; Cổ định N sinh học và phát triển bền vững.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
5	Những vấn đề Sinh lý thực vật hiện đại	Cập nhật những kiến thức mới về các quá trình sinh lý diễn ra trong cơ thể thực vật, quần thể, quần xã; sự thay đổi các quá trình khi điều kiện môi trường thay đổi; sinh lý nâng cao năng suất, chất lượng nông sản; cung cấp các phương pháp nghiên cứu, các chỉ tiêu sinh lý thực vật.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6	Sinh thái nông nghiệp	Mô tả các nguyên lý sinh thái, mối quan hệ và ứng dụng trong nông nghiệp. Mô tả các quy luật sinh thái trong nông nghiệp là cơ sở để phát triển một nền nông nghiệp bền vững. Ngoài ra môn học sẽ trình bày các tiến bộ trong nghiên cứu về sinh thái, phát triển và quản lý môi trường trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
7	Dinh dưỡng khoáng cho cây trồng	Thông qua quá trình bón phân (phân khoáng và phân hữu cơ) cho cây trồng phân tích ưu nhược điểm của cách bón phân truyền thống từ đó đề xuất cách bón phân theo chẩn đoán dinh dưỡng, cách thức để có thể bón	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân theo chẩn đoán dinh dưỡng (quy trình cách bón phân theo chẩn đoán dinh dưỡng) và hiệu quả kinh tế và triển vọng khi bón phân theo chẩn đoán dinh dưỡng.			
8	Cây cà phê	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm sinh học của cây cà phê trên địa bàn Tây Nguyên. Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền vững. Hiện trạng và xu hướng phát triển. Cơ sở sinh lý hình thành năng suất và phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây cà phê. Mối quan hệ cây cà phê và môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
9	Phương pháp thí nghiệm và thống kê Sinh học	Là môn học nghiên cứu các phương pháp thí nghiệm trong nông nghiệp và các phương pháp thu thập, xử lý thống kê các kết quả nghiên cứu được.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng hình thức vấn đáp: 70 %
10	Di truyền học trong chọn giống cây trồng	Chọn giống cây trồng (plant breeding) là một trong những lĩnh vực quan trọng của sản xuất nông nghiệp, nhằm tạo ra ngày càng nhiều giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu được các điều kiện bất thuận; Là sự tiến hoá của thực vật do con người điều khiển, được hình thành từ trong thực tiễn trồng trọt. Cùng với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, đặc biệt là sự phát triển của di truyền học, công tác chọn tạo giống cây trồng đã xây dựng được một nền tảng khoa học vững chắc và không ngừng được hoàn thiện. Trong chương này sẽ lần lượt tìm hiểu các vấn đề: Khái niệm về Giống cây trồng và Chọn tạo giống; Cơ sở Di truyền của Chọn giống Ưu thế lai; Các Phương pháp trong Chọn giống Thực vật; Đa bội thể và Phát sinh Đột biến trong Chọn giống Thực vật; Ứng dụng Công nghệ	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh học trong chọn giống và trình tự chọn giống, khảo nghiệm, sản xuất thử và công nhận giống.			
11	Sinh học phân tử	Học phân bao gồm các nội dung sau: các đại phân tử sinh học; cấu trúc gen ở prokaryote và eukaryote; quá trình phiên mã và dịch mã ở prokaryote và eukaryote; điều hòa biểu hiện gen ở prokaryote và eukaryote; các kỹ thuật phổ biến dùng trong sinh học phân tử như PCR, tạo dòng, giải trình tự gen, biểu hiện và tinh sạch protein; và các ứng dụng của sinh học phân tử với vật nuôi và cây trồng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
12	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	Biến đổi khí hậu tác động đến đời sống thực vật và sản xuất nông nghiệp; Khái niệm stress; các phản ứng của cây khi gặp stress; sinh lý tính chống chịu hạn, chống chịu nhiệt độ cao, nhiệt độ quá thấp, sinh lý chống chịu úng (ngập nước), sinh lý chống chịu muối; phản ứng của cây khi có các tác nhân sống cùng chung sống.11.3. Kiến thức chuyên ngành			
13	Chọn giống cây trồng nâng cao	Là môn học nghiên cứu về cơ sở để chọn tạo giống, các nguồn gen trong công tác chọn tạo giống, các phương pháp tạo giống và nhân giống cây trồng, đánh giá về vật liệu giống. Cung cấp các kiến thức nâng cao về chọn giống và công tác chọn tạo giống các cây trồng. Cập nhật về những thành tựu ưu thế lai của các cây ngắn ngày			
14	Cây lương thực	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm nông sinh học cơ bản của một số cây lương thực chủ yếu ở khu vực Tây Nguyên (cây lúa, ngô, khoai lang). Hiện trạng và xu hướng phát triển các loại cây lương thực. Cơ sở sinh lý hình thành năng suất và phẩm chất các loại cây lương	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây lương thực. Các biện pháp kỹ thuật canh tác bền vững và hiệu quả cho các loại cây lương thực.			
15	Cây cao su	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm sinh học của cây cao su trên địa bàn Tây Nguyên. Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền vững. Hiện trạng và xu hướng phát triển. Cơ sở sinh lý hình thành năng suất và phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây cao su. Mối quan hệ cây cao su và môi trường.	1	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
16	Cây ăn quả	Là môn học nghiên cứu về các đặc điểm sinh học của một số cây ăn quả chủ yếu trên địa bàn Tây Nguyên (cây bơ, sầu riêng...). Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền vững cho các loại cây đặc sản ở khu vực Tây Nguyên. Hiện trạng và xu hướng phát triển cây ăn quả. Cơ sở sinh lý hình thành năng suất và phẩm chất cây ăn quả. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây ăn quả.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
17	Nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao	Môn học đề cập đến các thông tin về các tiến bộ kỹ thuật trong công tác chọn tạo giống, canh tác bền vững, công nghệ sinh học nông nghiệp, sử dụng chế phẩm sinh học trong bảo vệ thực vật và nông nghiệp. Sự ra đời của các công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
18	Bảo vệ thực vật nâng cao	Cung cấp kiến thức sinh học phân tử của cơ chế gây hại của dịch bệnh trên cây trồng, cơ chế kháng bệnh của cây trồng liên quan đến di truyền, hợp chất sinh tổng hợp trong tế bào cây. Sự tương tác giữa cây trồng và đối tượng gây hại. Các thông tin về các công nghệ và kết quả mới trong tạo tính chống chịu của cây trồng đối với các đối tượng gây hại. Các tiến bộ về phòng trừ sinh	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học các đối tượng gây hại trên cây trồng.			
19	Cây Hồ tiêu	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm sinh học của cây tiêu trên địa bàn Tây Nguyên. Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền. Hiện trạng và xu hướng phát triển. Cơ sở sinh lí hình thành năng suất và phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây tiêu. Mối quan hệ cây tiêu và môi trường.	1	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20	Cây chè	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm sinh học của cây chè trên địa bàn Tây Nguyên. Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền vững. Hiện trạng và xu hướng phát triển. Cơ sở sinh lí hình thành năng suất và phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cây chè. Mối quan hệ cây chè và môi trường.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
21	Cây rau	Là môn học nghiên cứu các đặc điểm sinh lý và các biện pháp kỹ thuật trong canh tác rau. Cung cấp những thông tin mới về những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nghề trồng rau trên thế giới và Việt Nam. Cơ sở sinh lí và sinh hóa ứng dụng trong sản xuất rau: giá thể, dinh dưỡng, trồng rau không đất. Công nghệ sản xuất rau và hạt giống rau. Tiếp thị và thương mại rau. Kiểm soát dư lượng trên rau	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
22	Cây bông, cây mía	Cung cấp các kiến thức về đặc điểm sinh học, kỹ thuật trồng trọt và canh tác cây bông vải. Cập nhật các kiến thức mới về sản xuất cây bông: giống, kỹ thuật canh tác, bảo vệ thực vật. Hiện trạng và xu hướng phát triển cây bông. Cơ sở sinh lí hình thành năng suất và phẩm chất cây bông.	1	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
23	Hệ thống nông nghiệp	Là môn học nghiên cứu về các kiến thức xây dựng hệ	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thống nông nghiệp trên cơ sở phát triển bền vững. Môn học sẽ trình bày các tiến bộ trong nghiên cứu về hệ thống nông nghiệp, phát triển và áp dụng hệ thống nông nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.			học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
24	Sản xuất nông nghiệp có chứng nhận	Là môn học trình bày các chương trình chứng nhận đối với sản xuất nông nghiệp. Cung cấp cho người học các kiến thức cập nhật, các quy tắc về các chứng nhận đối với sản xuất nông nghiệp.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
25	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	Giới thiệu và kỹ thuật di truyền và ứng dụng; Thực vật chuyển gene, các cây trồng biến đổi gene (GMO) trong nông nghiệp, lâm nghiệp: tiềm năng, cơ hội và thách thức; Công nghệ nuôi cấy tế bào trong nhân giống cây trồng; nhân sinh khối tế bào; nuôi cấy tế bào thu hợp chất thứ cấp; Công nghệ tế bào trần; công nghệ nuôi cấy bao phấn; Công nghệ sinh học trong kiểm soát sâu bệnh.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
26	Công nghệ hạt giống	Môn học sẽ ôn lại những kiến thức cơ bản về sinh sản của thực vật, thành phần hóa học, sự nảy mầm, tính ngủ nghỉ và sức sống của hạt giống. Sau đó môn học sẽ đi sâu về các kiến thức những nguyên lý của kỹ thuật cơ bản sản xuất hạt giống cây trồng, sản xuất hạt giống tự thụ phấn, giao phấn, sinh sản vô tính, chế biến và kiểm định hạt giống.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
27	Đất và cây trồng	Là môn học nghiên cứu mối quan hệ tương hỗ giữa đất và cây trồng, là cơ sở cho các biện pháp kỹ thuật canh tác, bón phân.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Chuỗi giá trị nông sản	Cung cấp các kiến thức cơ bản về chuỗi giá trị, vai trò của chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp để tăng giá trị và mở rộng thị trường nông sản. Phương pháp làm gia tăng mối liên kết và mở rộng chuỗi giá trị của nông sản.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
29	Quản lý dịch hại tổng hợp	Giới thiệu sơ lược về các loại dịch hại trên cây trồng, Các loại sâu bệnh hại chủ yếu trên cây trồng chính ở khu vực Tây Nguyên (Cà phê, tiêu, ca cao...). Các nguyên lý, nguyên tắc và yêu cầu của việc áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), các biện pháp riêng lẻ phòng trừ dịch hại, ưu nhược điểm của từng biện pháp, vai trò của chúng trong IPM. Sự bùng phát dịch hại và ngưỡng kinh tế. Một số mô hình IPM trên cây cà phê, cao su, cây rau, lương thực. Cung cấp các kiến thức và thành tựu trong bảo vệ thực vật. Thực trạng và xu hướng quản lý dịch hại trên cây trồng. Cơ sở và các tiến bộ kỹ thuật để phát triển các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp trên cây trồng.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
30	Khoa học cỏ dại	Các kiến thức về sinh học, sinh thái cỏ dại, vị trí của cỏ dại trong hệ sinh thái nói chung và hệ sinh thái nông nghiệp nói riêng. Các đặc điểm sinh học của cỏ dại liên quan đến sự tồn tại của chúng trong tự nhiên, cơ chế và sự gây hại của cỏ dại cho cây trồng. Các biện pháp tổng hợp trong phòng trừ cỏ dại.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
31	Cây công nghiệp khác (Ca cao, Macadamia....)	Cung cấp kiến thức về các đặc điểm sinh học của một số cây công nghiệp khác (Ca cao, Điều, Maccadamia...) trên địa bàn Tây Nguyên. Các biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm tăng năng suất và bền vững. Hiện trạng và xu hướng phát triển. Cơ sở sinh lí hình thành năng suất và	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất các loài cây này.			
32	Bảo quản nông sản sau thu hoạch	Cập nhật những kiến thức mới về nguyên lý ứng dụng trong công nghệ sau thu hoạch. Các kỹ thuật mới được ứng dụng trong bảo quản và sơ chế nông sản hạt, rau quả sau thu hoạch.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
33	Công nghệ nhà kính trong nông nghiệp	Lịch sử hình thành, phát triển và xu hướng xây dựng nhà kính nhằm ứng dụng trong nông nghiệp. Thiết kế mô hình, lắp đặt và xây dựng nhà kính. Công nghệ quản lý và điều khiển trong nhà kính. Các mô hình sử dụng nhà kính để ứng dụng trong nông nghiệp công nghệ cao.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
34	Vi sinh vật ứng dụng trong nông nghiệp	Vi sinh vật và canh tác nông nghiệp. Các nhóm VSV trong canh tác nông nghiệp: vi sinh vật phân giải lân, tổng hợp đạm, phân hủy chất hữu cơ và vi sinh vật trong bảo vệ thực vật. Cơ chế và sinh học phân tử giữa vi sinh vật và cây trồng, cơ chế sử dụng vi sinh vật trong phòng trừ sinh học.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
35	Quản lý đề tài và dự án NCKH	Môn học này cung cấp cho học viên các nội dung: Những vấn đề cơ bản quản lý đề tài và dự án NCKH, Quản lý đề tài NCKH, Quản lý dự án NCKH.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
36	TTGT tổng hợp	Học phần thực tập giáo trình tổng hợp là học phần tự chọn, được bố trí học sau khi đã học xong các học phần: cây cà phê, cây cao su, hệ thống nông nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung chính như sau: Thực tập kỹ thuật sản xuất cây con trong vườn ươm, vườn nhân. Kỹ thuật ghép cây. Kỹ thuật khai thác (thu hoạch) và chế biến cao su, chè. Thăm quan các mô hình sản xuất công	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghệ cao bằng hệ thống thủy canh, giá thể, thổ canh các loại rau, củ, quả, hoa.... Trong nhà lưới, nhà kính...			
37	Công nghệ tưới tiêu	Nhằm trang bị cho học viên kiến thức về xác định nhu cầu nước cho cây trồng trong thiết kế tưới, tiêu nước và xác định các chỉ tiêu trong quy hoạch, thiết kế hệ thống tưới hiện đại, tiết kiệm nước.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
38	GIS trong quản lý và canh tác nông trại	GIS trong quản lý và canh tác nông trại là một học phần giúp học viên có kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và công tác chuyên môn của mình nói riêng. Môn học cung cấp kiến thức về hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ viễn thám (RS) và kỹ năng sử dụng các công cụ trên trong quản lý và canh tác nông trại thông qua việc thành lập các bản đồ chuyên đề như bản đồ thủy hệ, bản đồ thủy lợi, bản đồ cơ cấu các loại cây trồng; tính toán khả năng sinh trưởng, khoanh vùng dịch bệnh và dự báo năng suất cây trồng...	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

9. Khoa học cây trồng (Tiến sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Sinh lý và tính chống chịu của cây trồng	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức căn bản, bổ sung thông tin mới, cập nhật, về các quá trình sinh lý - sinh hoá cũng như cơ chế đáp ứng của cây trồng dưới ảnh hưởng của các nguyên nhân “stress” vô sinh và hữu sinh, và các biện pháp khắc phục.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
2	Sinh học phân tử trong chọn	Sau khi học xong học phần, nghiên cứu sinh có khả	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	giống cây trồng	năng nắm được các kiến thức chuyên sâu về sinh học phân tử, sử dụng các marker ứng dụng trong di truyền chọn giống cây trồng.			luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
3	Công nghệ cao trong sản xuất giống cây trồng	Cơ sở để chọn tạo giống, các nguồn gen trong công tác chọn tạo giống, các phương pháp tạo giống và nhân giống cây trồng, đánh giá về vật liệu giống. Cung cấp các kiến thức nâng cao về chọn giống và công tác chọn tạo giống các cây trồng ở khu vực Tây Nguyên: lúa, ngô, cây công nghiệp dài ngày. Cập nhật về những thành tựu ưu thế lai của các cây ngắn ngày.	2	Học kỳ I	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
4	Dinh dưỡng và sản xuất cây trồng bền vững	Giúp cho học viên nắm được những vấn đề vai trò giữa dinh dưỡng cây trồng, từ đó vận dụng nghiên cứu dinh dưỡng cây trồng cụ thể trên địa bàn cụ thể, đặc biệt trong điều kiện Tây Nguyên. Xây dựng phương pháp bón phân phù hợp cho cây qua các chỉ tiêu phân tích cây và phân tích đất tùy theo đặc điểm của từng loại cây trồng chủ yếu như cà phê, cao su, ngô	2	Học kỳ II	- Điểm tiểu luận, seminar: 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
5	Hệ thống canh tác bền vững cây trồng vùng cao	Cung cấp cho học viên về đặc điểm tự nhiên đặc thù vùng cao; Nắm được cơ sở khoa học hệ thống canh tác vùng cao và đặc điểm hệ canh tác vùng cao; Xây dựng được cơ cấu cây trồng vùng cao bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, KT-XH khu vực	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
6	Biến đổi khí hậu và sản xuất cây trồng	Học viên nắm được cơ sở khoa học và những tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển nông nghiệp bền vững; Nắm được cơ sở khoa học để xây dựng cơ cấu cây trồng ứng phó với biến đổi khí hậu, phù hợp với và dạng sinh học trong từng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể.	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Vi sinh vật hữu ích và sản xuất nông nghiệp bền vững	Nắm được vai trò của các nhóm vi sinh vật hữu ích trong sản xuất nông nghiệp bền vững. Ứng dụng vi sinh vật hữu ích trong sản xuất nông nghiệp bền vững. Đề xuất được các giải pháp để nâng cao vai trò của các vi sinh vật hữu ích trong sản xuất nông nghiệp bền vững.	2	Học kỳ II	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
8	Phương pháp viết bài báo khoa học	Sau khi học xong học phần, nghiên cứu sinh có khả năng: Tổng hợp và xử lý kết quả cho bài báo khoa học; Có kỹ năng trong viết bài báo khoa học để có thể đăng được trong các tạp chí trong và ngoài nước; Tránh được các lỗi thường gặp khi viết một bài báo khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm seminar: 50% Bài tập: 50%
9	Nghiên cứu phát triển nông lâm kết hợp trên đất dốc	Phân tích được các tiềm năng, lợi ích của nông lâm kết hợp trong phát triển đời sống cộng đồng và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên. Trình bày được khái niệm, đặc điểm nông lâm kết hợp trên đơn vị diện tích và cảnh quan Nông lâm kết hợp. Phân tích được các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong NLKH Phân tích thực tế canh tác ở địa phương để thiết kế, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá hệ thống Nông lâm kết hợp.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
10	Sâu bệnh hại và bảo vệ thực vật	Giúp nghiên cứu sinh nắm vững các loại sâu bệnh mới phát sinh và gây hại nghiêm trọng trên cây trồng quan trọng ở khu vực Tây Nguyên. Hiểu được các qui luật phát sinh phát triển, các quan điểm mới trong BVTV và các biện pháp BVTV trong sản xuất nông nghiệp tiến tiến và nông nghiệp cấp chứng chỉ.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng hình thức vấn đáp: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Dinh dưỡng vi lượng trong nông nghiệp	Giúp nghiên cứu sinh nắm vững vai trò của các nguyên tố vi lượng cần thiết cho cây trồng; Các dạng vi lượng trong đất; Cơ chế quá trình hấp thu, vận chuyển trong cây; Ảnh hưởng đất và môi trường đến nguyên tố vi lượng	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

10. Bảo vệ thực vật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán B	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Nguyên lý cơ bản 2	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này chính là giai cấp công nhân	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			Thi kết thúc học phần: 70%
9	Xác suất - Thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Thực vật học		2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Sinh thái môi trường	Trình bày các khái niệm, nguyên lý cơ bản của sinh thái học. Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái Áp dụng các nguyên lý sinh thái cơ bản trong quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Hóa học đại cương 2	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Thực hành hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm hoá học giúp SV không chuyên ngành hóa học hiểu sâu sắc thêm phần lí thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn học cơ sở và chuyên ngành.			
14	Vật lý B	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Thực hành vật lý Đại cương	Tiến hành làm thí nghiệm để khắc sâu và kiểm chứng lại các kiến thức lý thuyết đã học thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện quang. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết cách xử lý sai số và đánh giá các kết quả thực nghiệm.	1	Học kỳ 2	Điểm trung bình của các bài báo cáo thực hành: 100%.
16	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Hóa sinh thực vật	Môn học Hóa sinh thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể thực vật và các chu trình chuyển hóa của các chất trong cơ thể thực vật. Đồng thời giúp sinh viên có nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật. Ứng dụng trong chọn tạo giống cây trồng phục vụ cho lợi ích con người.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Dân số học đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dân số học, sự biến động dân số và các quá trình dân số, giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ và tầm quan trọng của phát triển dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan			Thi kết thúc học phần: 70%
24	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	<i>Đường lối QS của Đảng</i>	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.			Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
28	Công tác quốc phòng AN	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
29	Quân sự chung và Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.			thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
30	Tiếng Anh 3	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Sinh lý thực vật	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý thực vật vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất nhằm tạo sản phẩm năng suất cao, chất lượng cao, nông sản sạch; là môn học cơ sở cho ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	Chọn giống cây chống bệnh	Trang bị những kiến thức lý thuyết về cơ sở chọn tạo các giống cây trồng nhằm tạo được các giống mới đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Sinh thái nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh thái học nông nghiệp, các nguyên lý, nội dung và nguyên tắc điều khiển sự phát triển các hệ sinh thái nông nghiệp. Cơ sở sinh thái học trong nghiên cứu, thiết kế, quản lý và đánh giá các hệ sinh thái nông nghiệp bền vững.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Thỏ nhưỡng	Trên cơ sở các nội dung trong học phần, sinh viên có thể áp dụng tốt nhất những kiến thức đó vào các môn học liên quan và vào thực tiễn.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Vi sinh vật đất	Thông qua tìm ra quy luật phát sinh tiến hóa thích nghi	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với điều kiện tự nhiên của vi sinh vật mà tìm kiếm các giải pháp tác động tích cực cũng như ngăn chặn có hiệu quả các tác động bất lợi của VSV nhằm nâng cao độ phì nhiêu và năng suất cây trồng.			Thi kết thúc học phần: 70%
36	Công nghệ sinh học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ sinh học: khái niệm, vị trí, vai trò, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản, những ứng dụng cụ thể trong nông nghiệp, trong bảo tồn nguồn gen và trong bảo vệ môi trường. Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một vài kỹ thuật trong ngành công nghệ sinh học hiện được ứng dụng phổ biến trong thực tiễn cuộc sống.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
37	Khuyến nông	Trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về công tác và hoạt động khuyến nông và sau khi học xong có thể áp dụng vào thực tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo yêu cầu trong tình hình mới hiện nay.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Khí tượng nông nghiệp	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về các yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn và tác động của chúng đối với cây trồng cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý các yếu tố khí tượng trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
39	Tư tưởng HCM	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.			Thi kết thúc học phần: 70%
41	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
42	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	Khẳng định vai trò của công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp và xác định các phương pháp nghiên cứu trong khoa học nông nghiệp. Phân tích và thực hiện được các bước tiến hành một thí nghiệm hoàn chỉnh trong khoa học nông nghiệp Ứng dụng và giải bài tập được các thuật toán xác suất, thống kê để xử lý các kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Côn trùng đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm hình thái, cấu tạo và hoạt động các bộ máy bên trong cơ thể côn trùng, đặc tính sinh vật học côn trùng, những bộ họ côn trùng (có hại và có lợi) liên quan đến cây trồng nông nghiệp, các yếu tố sinh thái liên quan đến sự phát sinh phát triển của côn trùng là cơ sở để xây dựng hệ thống các biện pháp phòng trừ sâu hại hữu hiệu nhất.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Bệnh cây đại cương	Hiểu một số khái niệm về bệnh hại cây trồng Chẩn đoán xác định tác nhân gây bệnh Hiểu được điểm sinh học, sinh thái của tác nhân gây bệnh, qui luật phát sinh phát triển bệnh. Có kiến thức cơ bản về các tác nhân gây bệnh: Nấm,	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vi khuẩn, Virus, tuyến trùng... Vận dụng được các nguyên lí về phòng trừ bệnh hại trên cây trồng, đưa ra các biện pháp phòng trừ bệnh cây.			
45	Động vật hại Nông nghiệp	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh học và biện pháp phòng trừ của một số loài chuột, nhện, ốc bươu vàng, ốc sên và sên trần phá hại mùa màng và các nông sản phẩm	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Nông hoá	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các loại phân bón sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Nắm được những kiến thức cơ bản, cơ sở lý luận và thực tiễn khi sử dụng các loại phân bón cho cây trồng. Cung cấp cơ sở cho việc xây dựng quy trình bón phân cho cây trồng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Sử dụng thuốc BVTV	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất độc học nông nghiệp và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong phòng chống các loại dịch hại cây trồng và nông sản trong Nông – Lâm nghiệp đạt hiệu quả cao, đồng thời bảo vệ môi trường thiên nhiên.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Cỏ dại và biện pháp phòng trừ	Môn học giúp sinh viên có khả năng hiểu biết và nhận diện được các loài cỏ dại phổ biến hiện diện trên đồng ruộng, đặc điểm sinh học và sinh thái của từng nhóm cỏ và các phương pháp được sử dụng để quản lý cỏ dại nhằm xây dựng phương án quản lý cỏ dại phù hợp.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Hệ thống nông nghiệp	Trang bị các kiến thức khái niệm về hệ thống và nghiên cứu hệ thống nông nghiệp. Học xong sinh viên có thể tiến hành thực hiện nghiên cứu phát triển nông thôn.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
50	Đường lối CM của ĐCSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Tin học ứng dụng	Sử dụng một số hàm thông dụng, giải được một số dạng bài toán thống kê bằng Excel. Biết sử dụng phần mềm chuyên xử lý thống kê IRRISTAT 4.0. Biết quản lý, lưu trữ dữ liệu bằng các phần mềm tin học.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Cây ngắn ngày	Trang bị cho sinh viên kiến thức về khoa học cây trồng.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	TTGT cây ngắn ngày	Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về kỹ thuật sản xuất cây trồng.	1	Học kỳ 6	Điểm đánh giá bài thu hoạch 1 bài: 100 %
54	Côn trùng chuyên khoa	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thành phần sâu hại trên một số cây trồng chính tại khu vực Tây Nguyên, phạm vi ký chủ, khu vực phân bố, đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh vật học, các yếu tố sinh thái ảnh hưởng đến quy luật phát sinh phát triển của sâu hại, và vận dụng các nguyên lý phòng trừ sâu hại để đưa ra các biện pháp phòng trừ hiệu quả.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
55	Bệnh cây chuyên khoa	Hiểu biết về bệnh hại trên một số loại cây trồng chủ yếu ở khu vực Tây nguyên Xác định nguyên nhân gây bệnh, đặc điểm sinh học, sinh thái của tác nhân gây bệnh, qui luật phát sinh phát triển bệnh.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng được các nguyên lý về phòng trừ bệnh hại trên cây trồng, đưa ra các biện pháp phòng trừ hiệu quả.			
56	TTGT bệnh cây, côn trùng	Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực hành điều tra, phát hiện và nhận biết sâu bệnh hại cây trồng và những loài có ích, đồng thời có kiến thức thực tế về chăm sóc và quản lý dịch hại trên một số cây trồng chính tại khu vực Tây Nguyên.	1	Học kỳ 6	Điểm đánh giá phần thực hành: 70% Điểm chuyên cần: 30%
57	Phương pháp NC KH	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Quản lý cây trồng tổng hợp	Nhằm trang bị cho học viên các khái niệm, chiến lược, nội dung của mỗi chương trình ICM và thực tiễn về biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp (ICM). Nâng cao kỹ thuật chăm sóc cây trồng khỏe, độ phì của đất một cách bền vững, chọn loại cây trồng, phương pháp canh tác, phương pháp bảo quản và khả năng tính toán cân nhắc thị trường.	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Độc tố nông sản và thực phẩm	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về độc tố có trong nông sản và thực phẩm.	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Công nghệ Sản xuất CP VSV có ích	Vai trò và ứng dụng các vi sinh vật và chế phẩm vi sinh vật trong phòng trừ bệnh cây, các phương pháp sản xuất các chế phẩm sinh học	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Nấm học	Hiểu biết cơ bản về nấm, tác hại của nấm đối với cây trồng	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					70%
62	Tuyến trùng học	Hiểu biết cơ bản về tuyến trùng và tác hại của tuyến trùng trên cây trồng	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Bệnh vi khuẩn và virus hại cây trồng	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để có thể nhận biết được virus và vi khuẩn gây hại cho cây trồng để từ đó đưa ra các biện pháp phòng trừ hợp lý.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
64	Dâu tằm	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hình thái học và sinh vật học dâu - tằm; những kiến thức chủ yếu về kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm để người học có thể vận dụng thực hành trong sản xuất.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Cây dài ngày	Trang bị cho sinh viên ngành bảo vệ thực vật những kiến thức cơ bản về các loại cây trồng dài ngày, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến cà phê, chè, cao su, cây ăn quả	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	TTGT cây dài ngày	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành và những kiến thức thực tế sản xuất cây cao su, cà phê, chè, cây ăn quả	1	Học kỳ 7	Điểm đánh giá bài thu hoạch 1 bài: 100 %
67	Dịch tể học BVTV	Cung cấp những kiến thức cơ bản về dịch hại cây trồng nông nghiệp, những biến động số lượng quần thể dịch hại và yếu tố sinh thái ảnh hưởng, phương pháp điều tra biến động số lượng quần thể dịch hại làm cơ sở dự tính dự báo (DTDB), phòng chống dịch hại một cách hợp lý vừa bảo vệ được năng suất, phẩm chất cây trồng vừa bảo vệ được môi trường. Nắm được những kiến thức cơ bản về dịch hại cây trồng nông nghiệp, tình hình gây hại, biến động số	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng của những loài dịch hại chủ yếu, mối quan hệ giữa cây trồng, dịch hại và yếu tố sinh thái, phương pháp điều tra biến động số lượng quần thể dịch hại và DTDB tình hình gây hại của chúng. Nắm được quy luật diễn biến số lượng, gây hại của một số loài dịch hại chủ yếu trên cây trồng chính và biện pháp tác động nhằm phòng chống dịch hại có hiệu quả.			
68	KDTV và Dịch hại nông sản sau TH	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về cơ sở khoa học của KDTV, pháp lệnh, điều lệ về KDTV của nước CHXHCN Việt Nam, về các loài dịch hại nông sản sau thu hoạch...Đây là cơ sở để sinh viên kịp thời phát hiện, giám định chính xác đối tượng KDTV và dịch hại chính trong kho. Từ đó đề xuất biện pháp xử lý, tiêu diệt triệt để đối tượng KDTV ngăn chặn sự lây lan của chúng và phòng chống dịch hại nông sản sau thu hoạch có hiệu quả.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Kiểm soát dư lượng thuốc BVTV	Giúp người học hiểu được tác hại của dư lượng thuốc và có thể thực hiện được các phương pháp phân tích dư lượng thuốc trên nông sản.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	TTGT KDTV và dịch tễ học BVTV	Môn học này tạo điều kiện cho sinh viên tổng hợp phân tích dựa trên thực tế sản xuất và kiến thức đã học tại trường; đồng thời tiếp cận các quy trình, biện pháp và kỹ thuật KDTV và dự tính dự báo sâu bệnh hại cây trồng.	1	Học kỳ 7	Điểm viết báo cáo thu hoạch kết thúc học phần: 80 % Điểm chuyên cần : 20 %
71	Máy trong BVTV	Trang bị cho sinh viên biết cấu tạo, nguyên lý hoạt động của động cơ đốt trong, máy bảo vệ thực vật để có khả năng sử dụng và chăm sóc bảo dưỡng.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
72	Phân tích kinh tế		2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Công nghệ protein và enzyme	Hiểu biết cơ bản về protein và enzym, vai trò của chúng trong cuộc sống, các nguồn enzym và phương pháp tinh sạch và sinh tổng hợp enzym và protein, ứng dụng trong BVTV	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Ứng dụng GIS & Viễn thám trong BVTV	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng liên kết dữ liệu không gian và thuộc tính trong phần mềm GIS để vận dụng phân tích trong chuyên ngành Bảo vệ thực vật.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
75	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Qua môn học này, sinh viên hiểu rõ hơn về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với Lâm nghiệp sau khi ra trường. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Hoa, cây cảnh	Nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề về cây hoa và cây cảnh.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Nuôi ong		2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
78	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; Các quy định kỹ thuật và kiểm soát nông sản hàng hóa khi tham gia thị trường xuất - nhập khẩu; Các chương trình chứng nhận nông sản tự nguyện; những hiểu biết cơ bản về thực hành nông nghiệp tốt; Các kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực hành sản xuất theo GlobalGAP và VietGAP.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về pháp luật đại cương và pháp luật về chuyên ngành.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Quản lý dịch hại tổng hợp	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp hay phòng trừ tổng hợp (IPM), trên cơ sở đó tiến hành xây dựng và thực hiện biện pháp IPM trên một loại cây trồng ở một vùng sinh thái nông nghiệp nhất định vừa bảo vệ được sản xuất nông nghiệp, vừa bảo vệ được môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người nông dân.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
81	PP giám định côn trùng	Sau khi học xong, sinh viên có khả năng thành thạo các thao tác và kỹ năng trong xử lý, phân tích, bảo quản mẫu vật côn trùng; sử dụng được các khoá phân loại; giám định được các bộ, họ và một số loài đơn giản.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
82	PP giám định bệnh cây	Nắm bắt các nguyên tắc và phương pháp trong chẩn đoán bệnh cây Chẩn đoán một số bệnh cây phổ biến	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
83	Thuốc thảo mộc	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để có thể nhận biết được các cây có khả năng phòng trừ được sâu bệnh hại cây trồng và có khả năng tự gia công được các thuốc phòng trừ sâu bệnh từ các cây trồng đó	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
84	Phòng trừ sinh học côn trùng	Sau khi học xong, sinh viên có được nhận thức và kỹ năng cần thiết về thiên địch của các nhóm dịch hại, hướng nghiên cứu phát triển và ứng dụng các tác nhân sinh học trong phòng trừ dịch hại.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
85	Phòng trừ sinh học bệnh cây	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cân bằng sinh học, sự mất cân bằng sinh học trong hệ sinh thái nông nghiệp; giới thiệu về biện pháp phòng trừ sinh học bệnh cây, những thuận lợi và khó khăn trong việc áp dụng biện pháp này; giới thiệu vai trò và cơ chế tác động của các sinh vật có lợi trong việc ức chế sự phát triển của mầm bệnh.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
86	Phòng trừ sinh học cỏ dại	Học phần này giúp sinh viên có khả năng phát hiện, sàng lọc và đánh giá hiệu quả của các tác nhân sinh học dùng trong kiểm soát cỏ dại. Ngoài ra, sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng áp dụng linh hoạt các biện pháp sinh học trong việc hạn chế thiệt hại do cỏ dại gây ra trên đồng ruộng.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
87	Nhân nuôi côn trùng có ích	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và thực tiễn về về côn trùng thiên địch (côn trùng ký sinh và côn trùng bắt mồi); Từ những kiến thức đã học sinh viên có thể dễ dàng nhận diện được một số loài côn trùng thiên địch có ích. Đồng thời sinh viên có khả năng nhân nuôi, phát triển và điều khiển chúng trong phòng trừ sinh học dịch hại cây trồng từ đó vừa bảo vệ được sản xuất nông nghiệp, vừa bảo vệ được môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người nông dân.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
88	Sinh thái học côn trùng	Giúp cho người học quan điểm, nhận thức đúng đắn trong việc xây dựng các biện pháp kỹ thuật hợp lý để	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bảo vệ mùa màng đạt hiệu quả mong muốn, đồng thời bảo vệ được sự cân bằng sinh thái, hướng tới sự phát triển bền vững.			70%
89	Bệnh phát sinh từ đất	Môn học này trang bị những kiến thức cơ bản về các bệnh nấm hại cây trồng có nguồn gốc trong đất.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
90	Bệnh do chế độ dinh dưỡng	Hiểu biết về vai trò các nguyên tố trong sinh trưởng và phát triển cây trồng, các biểu hiện khi thiếu dinh dưỡng. Các biện pháp hạn chế bệnh hại do chế độ dinh dưỡng.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
91	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
92	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

11. Lâm sinh (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán B	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.			
3	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
4	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn,	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp			
7	Nguyên lý cơ bản 2	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này chính là giai cấp công nhân	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Hóa học đại cương 2	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Thực hành hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm hoá học giúp SV không chuyên ngành hóa học hiểu sâu sắc thêm phần lý thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Vật lý B	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân; rèn	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện cho sinh viên các kỹ năng: giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.			70%
12	Thực hành vật lý Đại cương	Tiến hành làm thí nghiệm để khắc sâu và kiểm chứng lại các kiến thức lý thuyết đã học thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện quang. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết cách xử lý sai số và đánh giá các kết quả thực nghiệm.	1	Học kỳ 2	Điểm trung bình của các bài báo cáo thực hành: 100%.
13	Xác suất - Thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Thực vật học		2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Sinh thái môi trường	Trình bày các khái niệm, nguyên lý cơ bản của sinh thái học. Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái Áp dụng các nguyên lý sinh thái cơ bản trong quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát;	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.			
17	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Dân số học đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dân số học, sự biến động dân số và các quá trình dân số, giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ và tầm quan trọng của phát triển dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kĩ năng vận dụng chúng vào việc	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan			
21	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Tư tưởng HCM	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
24	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Hóa sinh thực vật	Môn học Hóa sinh thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể thực vật và các chu trình chuyển hóa của các chất trong cơ thể thực vật. Đồng thời giúp sinh viên có nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật. Ứng dụng trong chọn tạo giống cây trồng phục vụ cho lợi ích con người.			70%
27	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Tiếng Anh 3	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Địa lý thực vật	Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thực vật, các nhân tố và các quy luật quyết định sự phân bố của thực vật Kiến thức môn học là nền tảng để tiếp cận các môn học liên quan khác	2	Học kỳ 4	
30	Đường lối QS của Đảng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.	3	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trong số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.			Trọng số 60%
31	Công tác quốc phòng AN	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
32	Quân sự chung và Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh;	3	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.			
33	Khí tượng thủy văn rừng	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về các yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn và tác động qua lại giữa chúng với rừng, cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý các yếu tố khí tượng trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Đường lối CM của ĐCSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Sinh lý thực vật	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý thực vật vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất nhằm tạo sản phẩm năng suất cao, chất lượng cao, nông sản sạch; là môn học cơ sở cho ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
36	Sinh thái rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản về sinh thái rừng, các biến đổi của rừng, ảnh hưởng của các nhân tố môi trường đến rừng và ngược lại,...; trang bị cho sinh viên các kiến thức về bản chất sinh học của rừng, quá trình diễn thế,....	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
37	Đất & phân bón trong LN	Cung cấp kiến thức để sinh viên thành thạo trong đánh giá, vận dụng sự hình thành đất, độ phì nhiêu đất, phân loại đất, phân bón trong các khâu sử dụng đất và kỹ thuật sản xuất Lâm nghiệp trong khu vực địa lý nhất định.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	TTGT Đất & phân bón trong LN	Cung cấp những kiến thức cơ bản, và rất cần thiết cho sinh viên về điều tra đất lâm nghiệp ngoài thực địa. Từ đó có thể phân loại các nhóm đất, nhận xét về độ phì nhiêu đất.	1	Học kỳ 4	Báo cáo thu hoạch: 100%
39	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
41	Đo đạc lâm nghiệp	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng sử dụng kiến thức Bản đồ, đo đạc để ứng dụng trong điều tra, quan và giám sát tài nguyên rừng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
42	Công nghệ sinh học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ sinh học: khái niệm, vị trí, vai trò, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản, những ứng dụng cụ thể trong nông nghiệp, trong bảo tồn nguồn gen và trong bảo vệ môi trường. Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một vài kỹ thuật trong ngành công nghệ sinh học hiện được ứng dụng phổ biến trong thực tiễn cuộc sống.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Thống kê ứng dụng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý tài nguyên rừng thông qua các tiêu chuẩn thống kê cơ bản và các mô hình hồi quy đa biến.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
44	Giống cây rừng	Trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết cơ bản về công tác giống cây rừng trong việc gây trồng cây rừng để phát triển rừng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	GIS trong lâm nghiệp	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và thái độ trong ứng dụng kỹ thuật Viễn thám và GIS trong quản lý Lâm nghiệp	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Cây rừng	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguồn tài nguyên thực vật rừng và các kỹ năng nhận biết chúng từ đó tạo điều kiện tiếp thu tốt một số môn học chuyên ngành khác và vận dụng vào thực tiễn để quản lý nguồn tài nguyên rừng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Động vật rừng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về động vật hoang dã; để họ có khả năng vận dụng để sử dụng và phát triển động vật hoang dã trong kinh doanh, quản lý rừng bền vững	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Lâm sản ngoài gỗ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ về quản lý nguồn LSNG để góp phần vào việc phát triển, sử dụng có hiệu quả nguồn Tài nguyên rừng theo hướng bền vững.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Công cụ máy lâm nghiệp	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc, cấu tạo và tính năng kỹ thuật của các công cụ, máy móc dùng trong lâm nghiệp và kỹ thuật chăm sóc, bảo dưỡng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	Bảo tồn đa dạng sinh học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về đa dạng sinh học và bảo tồn đa	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dạng sinh học; để họ có khả năng vận dụng vào việc sử dụng và kinh doanh, phát triển bền vững tài nguyên rừng.			70%
51	TTGT Bảo tồn ĐDSH, ĐVR và LSNG	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; cung cấp thêm một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể nhận diện động vật hoang dã, điều tra giám sát đa dạng sinh học trên thực địa; cũng như thu thập mẫu trong điều tra, nghiên cứu động vật, lâm sản ngoài gỗ để sử dụng và phát triển các nguồn tài nguyên này trong kinh doanh, quản lý rừng bền vững	1	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
52	Kỹ thuật lâm sinh	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng để thiết kế, áp dụng phương thức, giải pháp kỹ thuật lâm sinh thích ứng với kiểu và trạng thái rừng của mình đang quản lý để hướng đến kinh doanh, sử dụng rừng hiệu quả và bền vững.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	TTGT: Cây rừng, Kỹ thuật lâm sinh	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các kiểu trạng thái rừng tại nơi thực tập với các loài cây chính tạo nên tổ thành rừng cũng như các loài cây có ý nghĩa về mặt lâm sinh, kinh tế hoặc bảo tồn. Học phần cũng rèn luyện kỹ năng phân tích xác định các đặc tính lâm học của các lâm phần để đề ra các giải pháp lâm sinh phù hợp.	1	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
54	Trồng rừng	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật gieo ươm tạo cây con, thiết kế, chỉ đạo thi công trồng và chăm sóc rừng trồng; các kỹ năng điều tra đánh giá chất lượng gieo ươm, trồng rừng.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
55	Nông lâm kết hợp	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp tiếp cận cần thiết để hỗ trợ, thúc đẩy cộng đồng và các bên liên quan trong việc sử dụng đất theo hướng Nông lâm kết hợp.			Thi kết thúc học phần: 70%
56	TTGT giống, trồng rừng, Nông lâm kết hợp	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; thực tập để rèn luyện một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể thiết kế, điều tra đánh giá kết quả trồng rừng, Nông lâm kết hợp, sản xuất vườn ươm cây giống phục vụ cho công tác phát triển lâm nghiệp trên địa bàn.	1	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
57	Côn trùng rừng	Mục tiêu chung của môn học là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về côn trùng nói chung và côn trùng rừng nói riêng. Trên cơ sở đó đề ra phương hướng nghiên cứu và phòng trừ một số các loài côn trùng có hại và lợi dụng các loài côn trùng có ích góp phần nâng cao sản lượng của rừng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Bệnh cây rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản và rất cần thiết cho sinh viên về khái niệm về bệnh cây, xác định được vị trí và vai trò của bệnh hại trong hệ sinh thái rừng, xác định được triệu chứng, nguyên nhân và quá trình phát sinh phát triển của các bệnh hại chính trên địa bàn Tây Nguyên. Có khả năng xây dựng hệ thống các biện pháp phòng trừ bệnh hiệu quả, an toàn với môi trường và cân bằng sinh thái.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Lửa rừng	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về lửa rừng, các nguyên nhân gây ra và các yếu tố ảnh hưởng đến lửa rừng, các biện pháp phòng và chữa cháy rừng và quản lý cháy rừng.	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	TTGT Côn trùng, bệnh cây và	Nhằm giúp sinh viên nắm được phương pháp quản lý	1	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	lừa rừng	sâu bệnh hại và lừa rừng cho từng đối tượng kinh doanh trong Lâm nghiệp. Các điều kiện phát sinh sâu bệnh và lừa rừng cũng như quy luật phát sinh phát triển của nó để xây dựng được phương pháp Quản lý dịch hại tổng hợp IPM.			100%
61	Tin học ứng dụng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý tài nguyên rừng thông qua các tiêu chuẩn thông kê cơ bản và các mô hình hồi quy đa biến.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Phương pháp NC khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Điều tra rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng vận dụng và tìm ra những quy luật khách quan tồn tại trong các đối tượng điều tra, từ đó xây phương pháp điều tra rừng phù hợp với thực tiễn.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
64	Khai thác gỗ tác động thấp	Trang bị cho sinh viên biết các hình thức công nghệ khai thác gỗ hiện nay ở Việt Nam và trên Thế giới, nắm vững lý thuyết cắt gỗ để sử dụng các công cụ cắt sao cho đạt hiệu quả cao nhất, cách thiết kế mạng lưới đường vận xuất, vận chuyển, các phương pháp vận xuất, vận chuyển gỗ... và thiết kế được dây chuyền công nghệ khai thác gỗ.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Khuyến Nông	Trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về công tác và hoạt động khuyến nông và sau khi học xong có thể áp dụng vào thực tế trong hoạt động sản xuất nông	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp và phát triển nông thôn theo yêu cầu trong tình hình mới hiện nay.			
66	Luật và chính sách Lâm nghiệp	Trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết cơ bản về pháp luật. trong hoạt động quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Lâm nghiệp xã hội	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về LNXH để họ có được những phương pháp tiếp cận phù hợp khi thực hiện các hoạt động chuyên môn. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động LNXH. Môn học LNXH còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên vào tiếp cận các hoạt động LNXH ở Việt Nam.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Gỗ và công nghệ gỗ	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: cấu tạo gỗ, tính chất cơ lý của gỗ, cách thức bảo quản gỗ, các công nghệ sản xuất gỗ tự nhiên và gỗ nhân tạo hiện có; nhằm giúp cho người học phân biệt được một số loại gỗ thông dụng, giải thích được các hiện tượng thông thường xảy ra trong quá trình sử dụng sản phẩm gỗ, cũng như việc nắm bắt những vấn đề cơ bản và quản lý các loại hình dây chuyền chế biến gỗ hiện có.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Trồng trọt đại cương	Nắm được những kiến thức cơ bản về các điều kiện và yêu cầu để cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt nhằm bố trí cây trồng phù hợp trên các loại đất khác nhau.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Quản lý các dự án lâm nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về dự án và chu trình quản lý dự án lâm nghiệp để sinh viên có thể vận dụng tham gia xây	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dựng và quản lý dự án tring kinh doanh sử dụng và quản lý rừng bền vững.			
71	Công trình lâm nghiệp	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về: thiết kế sơ bộ và dự toán xây dựng các công trình cơ bản của Nông thôn và ngành Lâm Nghiệp.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	Kinh tế lâm nghiệp		2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Quy hoạch và điều chế rừng	Trình bày khái niệm, phương pháp luận về QHLN - ĐCR ở các đối tượng, cấp quản lý tài nguyên rừng khác nhau. Chủ động phối hợp với các bên liên quan trong xây dựng, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá phương án QHLN - ĐCR phù hợp với chính sách lâm nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong quản lý tài nguyên rừng như thống kê, công nghệ GIS để tổ chức các phương án quy hoạch và điều chế rừng hiện đại.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Thực tập giáo trình Điều tra rừng, QH & ĐCR	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; cung cấp thêm một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể giải đoán ảnh vệ tinh và phân tích không gian GIS, xây dựng các chỉ tiêu kỹ thuật, mô hình cho điều chế rừng và lập kế hoạch điều chế rừng bằng GIS.	1	Học kỳ 8	Báo cáo thu hoạch: 100%
75	Ứng dụng GIS trong điều chế rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng sử dụng kiến thức Viễn thám và GIS để ứng dụng trong một số môn chuyên môn liên quan đến dữ liệu không gian và phi không gian.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
76	Sản lượng rừng	Trang bị cho người học hiểu được quy luật sinh trưởng của cây cá thể và lâm phần làm cơ sở dự đoán tăng trưởng và sản lượng, đồng thời đề xuất hệ thống biện pháp kỹ thuật tác động hợp lý, sao cho lâm phần đạt năng suất cao, đáp ứng mục đích kinh doanh.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Lâm nghiệp đô thị	Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những khái niệm về lâm nghiệp cảnh quan và đô thị cùng với vai trò của nó trong giai đoạn phát triển hiện nay, đồng thời cũng trang bị cho sinh viên những nguyên lý và kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho các loại hình rừng và cây xanh ở các đô thị.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp	Trang bị cho sinh viên những nhận thức mới về vai trò quan trọng của kiến thức sinh thái địa phương (LEK); các phương pháp tiếp cận và công cụ thích ứng để nghiên cứu, lồng ghép LEK trong thử nghiệm và phát triển kỹ thuật lâm nghiệp, góp phần thúc đẩy tiến trình quản lý rừng cộng đồng có hiệu quả và bền vững	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Nghiệp vụ kiểm lâm	Tìm hiểu những quy định hiện hành của nhà nước về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm lâm. Tìm hiểu các nguyên tắc, qui định về kiểm tra, kiểm soát việc thi hành pháp luật của nhà nước. Tìm hiểu các nguyên tắc, qui định của pháp luật trong thủ tục xử lý vi phạm pháp luật.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Quản lý lưu vực	Cung cấp các kiến thức cơ bản về lưu vực, vòng tuần hoàn nước, chu trình thủy văn trong lưu vực, các phương pháp nghiên cứu và quản lý lưu vực, lập kế hoạch quản lý lưu vực và mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu đến các quản lý sử dụng tài nguyên trong lưu vực.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
81	Dịch vụ sinh thái môi trường	Sau khi học xong, sinh viên có khả năng hiểu được các	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	rừng	giá trị của dịch vụ môi trường rừng và các phương pháp, kỹ thuật định giá giá trị dịch vụ môi trường rừng trên thế giới và ở Việt Nam.			Thi kết thúc học phần: 70%
82	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
83	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

12. Lâm sinh (Thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học. Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động. Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2	Tiếng Anh	Hỗ trợ một lượng kiến thức tiếng Anh để người học có thể tham khảo tài liệu chuyên môn phục vụ học tập và trao đổi khoa học	6	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Tiếng Anh trong lâm nghiệp	Basic knowledge in the field of forestry such as silviculture, statistics in forestry, remote sensing and GIS, forest ecology, etc.	2	Học kỳ I	- Chuyên cần: 10% - Điểm tiểu luận, seminar: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4	Di truyền và giống trong lâm nghiệp	Hiểu được cơ sở di truyền của các giải pháp kỹ thuật cải thiện giống cây rừng, vai trò của giống cây rừng trong lâm nghiệp. Nắm được các giải pháp kỹ thuật cải thiện giống cây rừng và ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật cải thiện giống cây rừng trong thực tiễn sản xuất lâm nghiệp	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
5	Sinh thái môi trường	Trình bày các khái niệm, nguyên lý sinh thái học. Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái Vận dụng thích hợp các nguyên lý sinh thái để quản lý, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, không khí, rừng..).	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp	Trình bày được cơ sở khoa học của CNSH hiện đại trong công tác giống cây lâm nghiệp Ứng dụng những kỹ thuật CNSH trong thực tiễn công tác giống cây lâm nghiệp	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
7	Phương pháp viết luận án và bài báo khoa học	Viết được bài báo trong nước Viết được luận văn thạc sĩ	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
8	GIS và Viễn thám trong lâm nghiệp	Tổng quan về GIS và viễn thám Lập cơ sở dữ liệu và bản đồ tài nguyên Phân tích không gian trong GIS	2	Học kỳ II	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Ứng dụng hệ thống thông tin (Viễn thám và GIS) trong quản lý rừng			
9	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	Sử dụng các phần mềm để xử lý thống kê lâm nghiệp Ứng dụng thống kê tin học trong nghiên cứu lâm nghiệp	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng hình thức vấn đáp: 70 %
10	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới	Trình bày khái niệm về sinh thái thực vật rừng Xác định các nhân tố sinh thái chủ đạo của thực vật rừng nhiệt đới	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
11	Sinh thái rừng nhiệt đới	Giúp học viên cao học hiểu được hệ sinh thái rừng về tính ổn định, sự thay đổi theo không gian và thời gian, các nguyên lý cơ bản của sinh thái phục hồi và phương pháp nghiên cứu hệ sinh thái rừng làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp kỹ thuật phục hồi và quản lý rừng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
12	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	Sử dụng một số chính sách để quản lý lâm nghiệp Quy hoạch, giao đất, đánh giá, quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp tổng hợp	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
13	Quản lý lửa rừng	Nhận biết được nguyên nhân, tác hại và những bất cập trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng ở nước ta hiện nay; Nắm được phương pháp dự báo cháy rừng và các giải pháp phòng cháy chữa cháy rừng có hiệu quả	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
14	Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn	Nhận biết được đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh học, sinh thái của một số loài thực vật, côn trùng, mầm bệnh ngoại lai xâm hại rừng;	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đưa ra giải pháp quản lý các sinh vật ngoại lai xâm hại rừng có hiệu quả, bền vững, ít ảnh hưởng tới môi trường và đa dạng sinh học.			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
15	Đa dạng sinh học	Phân tích được tính đa dạng sinh học và thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở một địa điểm (địa phương/khu vực) cụ thể; Mô tả được nhu cầu thực tiễn và tính cấp thiết bảo tồn môi trường sống (sinh cảnh) của một số loài động thực vật nguy cấp, quý hiếm ở địa phương; vận dụng trong đề xuất bảo tồn loài và sinh cảnh; Giải thích được các quan điểm và phương pháp tiếp cận trong bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn gắn với quản lý bền vững tài nguyên rừng; Mô tả và áp dụng được các phương pháp điều tra, giám sát đa dạng sinh học cho từng trường hợp cụ thể trong quản lý tài nguyên rừng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
16	Nông lâm kết hợp	Phân tích được các tiềm năng, lợi ích của nông lâm kết hợp trong phát triển đời sống cộng đồng và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên. Trình bày được khái niệm, đặc điểm nông lâm kết hợp trên đơn vị diện tích và cảnh quan Nông lâm kết hợp. Phân tích được các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong NLKH Phân tích thực tế canh tác ở địa phương để thiết kế, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá hệ thống Nông lâm kết hợp.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
17	Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp	Nhận biết được đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh học, sinh thái các sinh vật gây hại chính đối với cây	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		rừng; Đưa ra giải pháp quản lý các sinh vật gây hại có hiệu quả, bền vững, ít ảnh hưởng tới môi trường và đa dạng sinh học.			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
18	Sản lượng rừng	Xây dựng biểu sản lượng rừng Ứng dụng công nghệ thông tin trong dự báo sản lượng rừng	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
19	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp	Trình bày được các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp Đánh giá được hiệu quả kinh tế của các hoạt động lâm nghiệp Ứng dụng các công cụ phân tích kinh tế để phân tích kinh tế đầu tư các hoạt động lâm nghiệp.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20	Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ	Trình bày phân loại thành 6 nhóm lâm sản ngoài gỗ theo mục đích sử dụng Sử dụng một số công cụ đánh giá và điều tra lâm sản ngoài gỗ phục vụ quản lý và quản lý dựa vào cộng đồng Sử dụng được phương pháp lựa chọn ưu tiên phát triển và quản lý lâm sản ngoài gỗ tiềm năng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
21	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp	Giới thiệu về phương pháp lập dự án phát triển lâm nghiệp có sự tham gia Lập và tổ chức thực hiện dự án lâm nghiệp Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
22	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	Trình bày được quan điểm, các nguyên tắc và giải pháp phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới. Ứng dụng những kỹ thuật phục hồi các hệ sinh thái rừng ở địa phương	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Quản lý bền vững rừng nhiệt đới	Trình bày khái niệm quản lý rừng bền vững Tổ chức thực hiện quản lý rừng nhiệt đới bền vững, cấp chứng chỉ rừng	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
24	Rừng và sinh kế cộng đồng	Trình bày được vai trò của rừng trong sinh kế của cộng đồng Xác định các nguồn sinh kế cơ bản từ rừng với cộng đồng Phân tích được sự cân đối giữa sinh kế và bảo tồn trong quản lý rừng Vận dụng các nguyên tắc và thực hiện các bước cơ bản trong phân tích sinh kế Trình bày được vai trò của rừng đối với giảm nghèo trong bối cảnh lâm nghiệp và phát triển sinh kế	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
25	Kiến thức sinh thái địa phương trong LN	Trình bày khái niệm LEK Tiếp cận thu thập LEK Sử dụng phần mềm WinAKT quản lý LEK	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
26	Dịch vụ môi trường rừng	Phân loại và giải thích các dịch vụ môi trường rừng Tính toán, dự báo các giá trị dịch vụ môi trường rừng chủ yếu	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
27	Cây xanh đô thị	Trình bày được vai trò chức năng và các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho các loại hình cây xanh đô thị Ứng dụng những kỹ thuật áp dụng cho cây xanh đô thị và lập kế hoạch quản lý và phát triển hệ thống cây xanh đô thị cho 1 thành phố, 1 đô thị.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
28	Phân tích chính sách lâm nghiệp	Trình bày được các nội dung cơ bản về chính sách và	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vai trò của phân tích sách Thực hiện các công cụ chính, các bước cơ bản trong phân tích chính sách Thiết kế một đề cương nghiên cứu (phân tích) chính sách Viết một bản tin chính sách dựa trên kết quả phân tích			học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

13. Lâm sinh (Tiền sử)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Sinh thái rừng nhiệt đới	Học phần này nhằm nâng cao kiến thức về sinh thái rừng tập trung cho rừng nhiệt đới, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, quản lý rừng bền vững. Bao gồm giới thiệu tầm quan trọng của rừng nhiệt đới; đi sâu và các đặc điểm của rừng nhiệt đới như cấu trúc không gian, đa dạng sinh học cao, sinh thái học tái sinh, tương tác giữa các loài cây, dòng năng lượng, chu kỳ dinh dưỡng; phân loại rừng nhiệt đới theo cấu trúc, chức năng; xác định các ảnh hưởng suy thoái và mất rừng nhiệt đới; trên cơ sở đó thảo luận về định hướng quản lý rừng nhiệt đới bao gồm quản lý rừng tự nhiên, khai thác gỗ tác động thấp, phân tích tính khả thi về sinh thái và kinh tế của các phương pháp quản lý rừng tự nhiên; quản lý rừng thứ sinh, lâm sản ngoài gỗ, sử dụng rừng với bảo tồn đa dạng sinh học, thiết lập các ưu tiên trong quản lý rừng nhiệt đới.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2	Kỹ thuật lâm sinh cho rừng nhiệt đới	Học phần này cung cấp những kiến thức và ứng dụng chuyên sâu liên quan đến nguyên lý kỹ thuật lâm sinh, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng rừng, các phương thức	2	Học kỳ I	- Điểm chuyên cần: 15% - Điểm kiểm tra, tiểu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lâm sinh tác động vào rừng và khai thác rừng nhiệt đới nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng và chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường của rừng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội cho các loại rừng khác nhau như: rừng trồng, rừng tự nhiên phục hồi, các hệ sinh thái rừng đặc trưng			luận 15% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
3	Quản lý rừng nhiệt đới bền vững	Học phần này nhằm tổng hợp và nâng cao các nhận thức về vấn đề quản lý bền vững tài nguyên rừng trong các khía cạnh liên quan đến kinh tế xã hội và môi trường, đặt trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. Học phần bao gồm: Tổng quan về các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý rừng bền vững; những chính sách và các chương trình quản lý rừng bền vững ở Việt nam; thực hiện quản lý rừng bền vững.	2	Học kỳ II	- Điểm tiểu luận, seminar: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4	Dịch vụ sinh thái rừng	Học phần này nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức, kỹ năng phân tích chuyên sâu về dịch vụ hệ sinh thái và môi trường rừng nhiệt đới. Bao gồm thị trường dịch vụ môi trường rừng, phương pháp tiếp cận trong định giá dịch vụ hệ sinh thái, môi trường rừng, phương pháp đo tính giám sát để chi trả dịch vụ hấp thụ CO ₂ rừng, dịch vụ quản lý rừng đầu nguồn.	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
5	Ứng dụng GIS và viễn thám trong lâm nghiệp	H Học phần này nhằm nâng cao kiến thức về ứng dụng Viễn thám và GIS để phân tích dữ liệu tài nguyên rừng. Phần đầu của học phần là kỹ thuật xử lý ảnh nâng cao trong phân loại rừng, phần tiếp theo trình bày các kỹ thuật ứng dụng viễn thám và GIS trong mô hình hóa tài nguyên rừng. Các kỹ thuật tích hợp viễn thám, GIS và sử dụng nguồn đa dữ liệu trong điều tra rừng cũng được mô tả trong phần tiếp theo. Cuối cùng là khai thác các	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ thuật phân tích không gian (Spatial Analyst), phân tích địa thống kê (Geostatistical Analyst), các công cụ mô hình hóa để quản lý, giám sát và dự báo tài nguyên rừng.			
6	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	Học phần này nhằm nâng cao kiến thức phân tích thống kê và kỹ năng sử dụng các phần mềm thống kê cho nghiên cứu sinh. Bao gồm ứng dụng các phần mềm R, Statgraphics, SPSS trong rút mẫu, mô tả, ước lượng, so sánh đánh giá, thiết lập các mô hình quan hệ phức tạp với nhiều nhân tố sinh thái, tự nhiên xã hội và nghiên cứu sinh thái rừng như cấu trúc, sinh trưởng, đa dạng sinh học, tương tác loài.	2	Học kỳ II	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
7	Phương pháp viết bài báo khoa học và luận án Tiến sĩ	Học này nhằm hỗ trợ cho nghiên cứu sinh có khả năng viết được bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế và viết luận văn tiến sĩ đúng theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo theo chuyên ngành lâm sinh.	2	Học kỳ II	Điểm seminar: 50% Bài tập: 50%
8	Quản lý mâu thuẫn trong quản lý tài nguyên rừng	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức về hợp tác, mâu thuẫn từ thực tế quản lý, sử dụng tài nguyên rừng; từ đó vận dụng trong quản lý rừng gắn với phát triển bền vững. Bao gồm giới thiệu chung về sự hợp tác và mâu thuẫn trong quản lý tài nguyên rừng; phân tích mâu thuẫn và nguyên nhân của những mâu thuẫn tồn tại trong quản lý tài nguyên rừng; thương thảo và tạo sự đồng thuận để giải quyết mâu thuẫn liên quan đến sử dụng và quản lý tài nguyên rừng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
9	Sản lượng rừng	Học phần này nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng thu thập, xử lý số liệu để dự báo sản lượng tự nhiên hỗn loài khác tuổi. Bao gồm thiết ô mẫu, thu thập, xử lý số liệu,	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân chia năng suất rừng tự nhiên, thiết lập mô hình sinh trắc đa biến ảnh hưởng đến sinh trưởng cây rừng và lập mô hình dự đoán sản lượng rừng tự nhiên.			hình thức vấn đáp: 70 %
10	Quản lý rừng trồng bền vững	Môn học này nhằm cung cấp cho NCS những kiến thức về có tính hệ thống hóa về quản lý rừng trồng bền vững; bao gồm nhận thức về trồng rừng bền vững, phân chia lập địa trong trồng rừng, thiết kế trồng rừng và quản lý rừng trồng mang lại hiệu quả cao nhất; bố trí thí nghiệm, thu thập số liệu và xử lý thống kê của các nghiên cứu về trồng rừng và rừng trồng.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
11	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	Học phần này nhằm giúp NCS tiếp cận đến giải pháp phục hồi rừng nhiệt đới đang bị suy thoái như hiện nay ở Việt Nam. Bao gồm các nội dung chính như đặc điểm rừng nhiệt đới suy thoái, nguyên tắc để phục hồi, kỹ thuật phục hồi rừng nhiệt đới, các kinh nghiệm, kết quả đã có, những vấn đề cần nghiên cứu tiếp theo.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
12	Sinh khối và carbon rừng nhiệt đới	Học phần này nhằm giúp NCS nâng cao kiến thức về ý nghĩa tích lũy carbon tích lũy nhằm giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Giới thiệu và thảo luận những phương pháp, kỹ thuật đo tính, giám sát carbon rừng tự nhiên nhiệt đới.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

14. Quản lý tài nguyên rừng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.			
2	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Thực hành sinh đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, cách thức sử dụng và bảo quản kính hiển vi và các vật dụng khác sử dụng trong các bài học; cách lấy mẫu, cách làm tiêu bản đúng, đẹp và quan sát nhanh, chính xác; phương pháp giải phẫu, quan sát nội quan của các đối tượng đại diện cho Ngành Động vật có xương sống chính xác, an toàn.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
4	Toán B	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quả học tập được nâng cao hơn.			
6	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Nguyên lý cơ bản 2	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này chính là giai cấp công nhân	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Vật lý B	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Thực hành vật lý Đại cương	Tiến hành làm thí nghiệm để khắc sâu và kiểm chứng lại các kiến thức lý thuyết đã học thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện quang. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết cách xử lý sai số và đánh giá các kết quả thực nghiệm.	1	Học kỳ 2	Điểm trung bình của các bài báo cáo thực hành: 100%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Hóa học đại cương 2	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Thực hành hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm hoá học giúp SV không chuyên ngành hóa học hiểu sâu sắc thêm phần lý thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Xác suất - Thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Thực vật học		2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát;	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.			
16	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Dân số học đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dân số học, sự biến động dân số và các quá trình dân số, giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ và tầm quan trọng của phát triển dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
18	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả			Thi kết thúc học phần: 70%
21	Tư tưởng HCM	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
24	Sinh thái môi trường	Trình bày các khái niệm, nguyên lý cơ bản của sinh thái học. Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái Áp dụng các nguyên lý sinh thái cơ bản trong quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Hóa sinh thực vật	Môn học Hóa sinh thực vật nhằm trang bị cho người	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể thực vật và các chu trình chuyển hóa của các chất trong cơ thể thực vật. Đồng thời giúp sinh viên có nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên ngành tiếp theo.			Thi kết thúc học phần: 70%
26	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật. Ứng dụng trong chọn tạo giống cây trồng phục vụ cho lợi ích con người.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Tiếng Anh 3	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Đường lối QS của Đảng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh	3	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.			Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
30	Công tác quốc phòng AN	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
31	Quân sự chung và Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	3	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.			thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
32	Khí tượng thủy văn rừng	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về các yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn và tác động qua lại giữa chúng với rừng, cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý các yếu tố khí tượng trong sản xuất nông nghiệp.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Sinh lý thực vật	Trang bị những kiến thức lý thuyết và cơ sở ứng dụng các kiến thức sinh lý thực vật vào thực tiễn nghiên cứu, sản xuất nhằm tạo sản phẩm năng suất cao, chất lượng cao, nông sản sạch; là môn học cơ sở cho ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Sinh thái rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản về sinh thái rừng, các biến đổi của rừng, ảnh hưởng của các nhân tố môi trường đến rừng và ngược lại,...; trang bị cho sinh viên các kiến thức về bản chất sinh học của rừng, quá trình diễn thế,....	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Địa lý thực vật	Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thực vật, các nhân tố và các quy luật quyết định sự phân bố của thực vật Kiến thức môn học là nền tảng để tiếp cận các môn học liên quan khác	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
36	Đất & VSV rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản, và rất cần thiết cho sinh viên về tính chất, thành phần của đất, quy luật hình thành, phân bố và phát triển của đất và kỹ năng điều tra đất và vi sinh vật đất rừng. Đồng thời giúp sinh viên có	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nền tảng vững chắc phục vụ cho các môn học chuyên môn tiếp theo.			
37	TTGT Đất & VSV rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản, và rất cần thiết cho sinh viên về điều tra đất lâm nghiệp ngoài thực địa. Từ đó có thể phân loại các nhóm đất, nhận xét về độ phì nhiêu đất.	1	Học kỳ 4	Báo cáo thu hoạch: 100%
38	Đường lối CM của ĐCSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
39	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Môi trường và phát triển	Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về môi trường và phát triển kinh tế, xã hội của loài người. Trong đó, môn học sẽ làm rõ mối quan hệ giữa phát triển và nhiệm vụ bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
41	Viễn thám và GIS đại cương	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng ứng dụng kiến thức đại cương trong một số môn chuyên môn liên quan đến dữ liệu không gian và phi không gian.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
42	Quản lý nguồn gen và giống cây rừng	Trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết cơ bản về chọn lọc, nhân giống, bảo tồn nguồn gen cây rừng và kỹ năng thực hành để họ có khả năng vận dụng vào thực tiễn trong việc bảo tồn tài nguyên thực vật	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		rừng.			
43	Cây rừng	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguồn tài nguyên thực vật rừng và các kỹ năng nhận biết chúng từ đó tạo điều kiện tiếp thu tốt một số môn học chuyên ngành khác và vận dụng vào thực tiễn để quản lý nguồn tài nguyên rừng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Công nghệ sinh học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ sinh học: khái niệm, vị trí, vai trò, các phương pháp và kỹ thuật cơ bản, những ứng dụng cụ thể trong nông nghiệp, trong bảo tồn nguồn gen và trong bảo vệ môi trường. Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một vài kỹ thuật trong ngành công nghệ sinh học hiện được ứng dụng phổ biến trong thực tiễn cuộc sống.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Thống kê ứng dụng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý tài nguyên rừng thông qua các tiêu chuẩn thống kê cơ bản và các mô hình hồi quy đa biến.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Côn trùng rừng	Mục tiêu chung của môn học là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về côn trùng nói chung và côn trùng rừng nói riêng. Trên cơ sở đó đề ra phương hướng nghiên cứu và phòng trừ một số các loài côn trùng có hại và lợi dụng các loài côn trùng có ích góp phần nâng cao sản lượng của rừng.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	Bệnh cây rừng	Cung cấp những kiến thức cơ bản và rất cần thiết cho sinh viên về khái niệm về bệnh cây, xác định được vị trí và vai trò của bệnh hại trong hệ sinh thái rừng, xác định được triệu chứng, nguyên nhân và quá trình phát sinh phát triển của các bệnh hại chính trên địa bàn Tây	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nguyên. Có khả năng xây dựng hệ thống các biện pháp phòng trừ bệnh hiệu quả, an toàn với môi trường và cân bằng sinh thái.			
48	Lửa rừng	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về lửa rừng, các nguyên nhân gây ra và các yếu tố ảnh hưởng đến lửa rừng, các biện pháp phòng và chữa cháy rừng và quản lý cháy rừng.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	TTGT Côn trùng, bệnh cây và lửa rừng	Nhằm giúp sinh viên nắm được phương pháp quản lý sâu bệnh hại và lửa rừng cho từng đối tượng kinh doanh trong Lâm nghiệp. Các điều kiện phát sinh sâu bệnh và lửa rừng cũng như quy luật phát sinh phát triển của nó để xây dựng được phương pháp Quản lý dịch hại tổng hợp IPM.	1	Học kỳ 5	Báo cáo thu hoạch: 100%
50	Luật và chính sách trong quản lý tài nguyên rừng	Trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết cơ bản về pháp luật. trong hoạt động quản lý Tài nguyên rừng.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Bảo tồn đa dạng sinh học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học; để họ có khả năng vận dụng vào việc sử dụng và kinh doanh, phát triển bền vững tài nguyên rừng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53	Động vật rừng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về động vật hoang dã; để họ có khả năng vận dụng vào điều tra, giám sát và quản lý bảo tồn động vật hoang dã.	1	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	TTGT Bảo tồn ĐDSH, DVR	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; cung cấp thêm một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể nhận diện động vật hoang dã, điều tra giám sát đa dạng sinh học trên thực địa; cũng như thu thập mẫu trong điều tra, nghiên cứu động vật, đa dạng sinh học để phục vụ quản lý và bảo tồn tài nguyên rừng.	1	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
55	Lâm nghiệp xã hội – Lâm nghiệp cộng đồng	Môn học LNXH-LNCD nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về LNXH để họ có được những phương pháp tiếp cận phù hợp khi thực hiện các hoạt động chuyên môn. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động LNXH. Môn học LNXH còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên vào tiếp cận các hoạt động LNXH ở Việt Nam.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Kỹ thuật lâm sinh	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng để thiết kế, áp dụng phương thức, giải pháp kỹ thuật lâm sinh thích ứng với kiểu và trạng thái rừng của mình đang quản lý để hướng đến kinh doanh, sử dụng rừng hiệu quả và bền vững.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Điều tra rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng vận dụng và tìm ra những quy luật khách quan tồn tại trong các đối tượng điều tra, từ đó xây phương pháp điều tra	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		rừng phù hợp với thực tiễn.			
58	TTGT: Cây rừng, Kỹ thuật lâm sinh	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các kiểu trạng thái rừng tại nơi thực tập với các loài cây chính tạo nên tổ thành rừng cũng như các loài cây có ý nghĩa về mặt lâm sinh, kinh tế hoặc bảo tồn. Học phần cũng rèn luyện kỹ năng phân tích xác định các đặc tính lâm học của các lâm phần để đề ra các giải pháp lâm sinh phù hợp.	2	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
59	Tin học ứng dụng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý tài nguyên rừng thông qua các tiêu chuẩn thông kê cơ bản và các mô hình hồi quy đa biến.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Quản lý lưu vực	Cung cấp các kiến thức cơ bản về lưu vực, vòng tuần hoàn nước, chu trình thủy văn trong lưu vực, các phương pháp nghiên cứu và quản lý lưu vực, lập kế hoạch quản lý lưu vực và mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu đến các quản lý sử dụng tài nguyên trong lưu vực.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Khoa học gỗ	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: cấu tạo gỗ, tính chất cơ lý của gỗ, cách thức bảo quản gỗ, các công nghệ sản xuất gỗ tự nhiên và gỗ nhân tạo hiện có; nhằm giúp cho người học phân biệt được một số loại gỗ thông dụng, giải thích được các hiện tượng thông thường xảy ra trong quá trình sử dụng sản phẩm gỗ.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Trồng trọt đại cương	Nắm được những kiến thức cơ bản về các điều kiện và yêu cầu để cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt nhằm bố trí cây trồng phù hợp trên các loại đất khác nhau.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Trồng rừng	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật gieo ươm tạo cây con, thiết kế, chỉ	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đạo thi công trồng và chăm sóc rừng trồng; các kỹ năng điều tra đánh giá chất lượng gieo ươm, trồng rừng.			70%
64	Lâm sản ngoài gỗ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ về quản lý nguồn LSNG để góp phần vào việc phát triển, sử dụng có hiệu quả nguồn Tài nguyên rừng theo hướng bền vững.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Nông lâm kết hợp	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và phương pháp tiếp cận cần thiết để hỗ trợ, thúc đẩy cộng đồng và các bên liên quan trong việc sử dụng đất theo hướng Nông lâm kết hợp.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Ứng dụng viễn thám & GIS trong quản lý tài nguyên rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng ứng dụng kiến thức tổng hợp giữa một số môn chuyên ngành với kỹ thuật sử dụng ảnh vệ tinh và GIS trong điều tra, giám sát tài nguyên rừng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Quản lý các dự án lâm nghiệp	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về dự án và chu trình quản lý dự án bảo tồn để sinh viên có thể vận dụng tham gia trong xây dựng và quản lý dự án bảo tồn tài nguyên rừng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Truyền thông và thúc đẩy	Môn học Truyền thông thúc đẩy nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác truyền thông và thúc đẩy để từ đó có phương pháp tiếp cận phù hợp, kỹ năng làm việc có hiệu quả khi thực hiện các công việc chuyên môn quản lý tài nguyên rừng, mà vốn dĩ luôn gắn kết với đời sống và canh tác của người dân, cộng đồng vùng sâu vùng xa. Ngoài ra, môn học còn khuyến khích sự quan tâm và tham gia của sinh viên vào quá trình tiếp cận cộng đồng nông thôn để quản lý bền vững nguồn tài nguyên rừng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
69	Phương pháp NC khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Dịch vụ sinh thái môi trường rừng	Sau khi học xong, sinh viên có khả năng hiểu được các giá trị của dịch vụ môi trường rừng và các phương pháp, kỹ thuật định giá giá trị dịch vụ môi trường rừng trên thế giới và ở Việt Nam.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Lập kế hoạch quản lý rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng giải thích về phương pháp luận lập kế hoạch quản lý rừng bền vững.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	Đánh giá tác động môi trường rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng phân tích, dự báo và đề xuất được các biện pháp bảo vệ môi trường đối với các dự án tác động đến tài nguyên và môi trường rừng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Quy hoạch sinh thái cảnh quan rừng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng giải thích về cảnh quan rừng và phân tích các nhân tố sinh thái ảnh hưởng để tổ chức quy hoạch cảnh quan trong các khu vực lâm nghiệp.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	TTGT Nguồn gen và giống cây rừng, LNXH, LNCD	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; thực tập để rèn luyện một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể thiết kế, điều tra đánh giá kết quả trồng rừng, Nông lâm kết hợp, sản xuất vườn ươm cây giống phục vụ cho công tác phát triển lâm nghiệp trên địa bàn.	1	Học kỳ 7	Báo cáo thu hoạch: 100%
75	TTGT Quy hoạch sinh thái cảnh	Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các	1	Học kỳ 7	Báo cáo thu hoạch:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	quan rừng, Quản lý lưu vực, Đánh giá tác động môi trường rừng	môn học cho sinh viên thông qua thực tế; cung cấp thêm một số kỹ năng, thái độ cần thiết để có thể giải đoán ảnh vệ tinh và phân tích không gian GIS để thành lập bản đồ trạng thái và thảm phủ, xác định lưu vực, đánh giá tác động môi trường rừng.			100%
76	Kinh tế môi trường		2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Quản lý môi trường thiên nhiên	Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý môi trường và Các công cụ chủ yếu sử dụng trong công tác quản lý môi trường hiện nay.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Khai thác gỗ tác động thấp	Trang bị cho sinh viên biết các hình thức công nghệ khai thác gỗ hiện nay ở Việt Nam và trên Thế giới, nắm vững lý thuyết cắt gỗ để sử dụng các công cụ cắt sao cho đạt hiệu quả cao nhất, cách thiết kế mạng lưới đường vận xuất, vận chuyển, các phương pháp vận xuất, vận chuyển gỗ...và thiết kế được kỹ thuật khai thác chọn điều chỉnh cấu trúc N-D theo mô hình cấu trúc mẫu chuẩn trong thiên nhiên và dây chuyền công nghệ khai thác gỗ.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Rừng và biến đổi khí hậu	Người học phân tích, giải thích được mối quan hệ giữa sự thay đổi sinh thái, sinh trưởng, phát triển rừng và biến đổi khí hậu và có định hướng trong nghiên cứu giải pháp để giảm nhẹ và thích ứng.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
80	Kiến thức sinh thái địa phương	Trang bị cho sinh viên những nhận thức mới về vai trò quan trọng của kiến thức sinh thái địa phương (LEK); các phương pháp tiếp cận và công cụ thích ứng	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để nghiên cứu, lồng ghép LEK trong thử nghiệm và phát triển kỹ thuật lâm nghiệp, góp phần thúc đẩy tiến trình quản lý rừng cộng đồng có hiệu quả và bền vững.			
81	Sinh khối và carbon rừng	Người học có kiến thức về khả năng tích lũy sinh khối và carbon rừng ở 5 bể chứa theo IPCC(2006); đồng thời có khả năng xây dựng các mô hình để ước tính sinh khối và carbon rừng.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
82	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
83	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

15. Quản lý đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.			
3	Vật lý B	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực Cơ, Nhiệt, Điện, Quang và Vật lý hạt nhân; rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
4	Thực hành vật lý Đại cương	Tiến hành làm thí nghiệm để khắc sâu và kiểm chứng lại các kiến thức lý thuyết đã học thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện quang. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết cách xử lý sai số và đánh giá các kết quả thực nghiệm.	1	Học kỳ 2	Điểm trung bình của các bài báo cáo thực hành: 100%.
5	Toán C1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn,	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp			
7	Nguyên lý cơ bản 2	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này chính là giai cấp công nhân	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
8	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Toán C2	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Xác suất thống kê		2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Cơ sở dữ liệu	Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về cơ sở dữ liệu (CSDL), đặc biệt CSDL quan hệ: mô hình dữ liệu quan hệ, các ngôn ngữ truy vấn, thiết kế CSDL quan hệ. Sinh viên sẽ tích lũy được những hiểu biết cơ bản để có thể sử dụng và khai thác CSDL quan hệ một cách hiệu quả nhằm phục vụ cho các phần mềm chuyên môn liên quan đến CSDL.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Nguyên lý kinh tế		2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
13	Thống kê kinh tế		2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Địa lý kinh tế VN	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp và căn bản để có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế thương mại, dịch vụ, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế,...	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
17	Thủ nhường	Trên cơ sở các nội dung trong học phần, sinh viên có thể áp dụng tốt nhất những kiến thức đó vào các môn học liên quan và vào thực tiễn.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Thủ nhường chuyên ngành	Trên cơ sở các nội dung trong học phần, sinh viên có thể áp dụng tốt nhất những kiến thức đó vào các môn học liên quan và vào thực tiễn.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Quản lý nguồn nước	Nắm được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của các nguồn nước trong tự nhiên; những ảnh hưởng của nguồn nước đến đời sống con người và phát triển kinh tế của xã hội; và các biện pháp khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ các nguồn nước.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Đánh giá tác động MT	Nắm được các kiến thức cơ bản về môi trường, công tác đánh giá tác động môi trường và các phương pháp đánh giá tác động môi trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Pháp luật đất đai	Trang bị cho người học các quy định của của Chính sách và pháp luật về việc điều chỉnh các quan hệ đất đai hiện nay.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Dân số học đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dân số học, sự biến động dân số và các quá trình dân số, giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ và tầm quan trọng của phát triển dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Pháp luật Việt Nam ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật. nói chung và những hiểu biết nhất định về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Tiếng Anh 3	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	HT định vị toàn cầu (GPS)	Học viên sau khi học xong môn học này sẽ nắm vững các nguyên tắc về hệ thống định vị toàn cầu, đặc biệt là GPS. Có khả năng ứng dụng công nghệ GPS trong quản lý đất đai.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Đánh giá đất đai	Thông qua đặc điểm, tính chất của đất đai mà so sánh đối chiếu với yêu cầu sử dụng đất đai cần phải có để xác định mức độ thích hợp đất đai tạo cơ sở dữ liệu để phục	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vụ quy hoạch sử dụng đất			
30	Trắc địa 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trắc địa: phương pháp đo đạc, tính toán sai số.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	QH tổng thể PTKT - XH	Học phần Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH giúp sinh viên ngành Quản lý đất đai lập được quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH các cấp.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	HT thông tin địa lý (GIS)	Giúp cho sinh viên ngành quản lý đất đai hiểu các khái niệm liên quan đến hệ thống quản lý cả dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính (GIS), vai trò và ứng dụng của GIS trong ngành quản lý đất đai, cấu trúc dữ liệu của GIS.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Quản lý HCNN về đất đai	Học phần Quản lý hành chính Nhà nước về đất đai giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai nắm được hoạt động tổng thể bộ máy quản lý hành chính Nhà nước chung, đi sâu nghiên cứu các hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về đất đai của ngành Tài nguyên Môi trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chuyên ngành về hoạt động quản lý và những nguyên tắc thực hiện.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Tư tưởng HCM	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	<i>Đường lối QS của Đảng</i>	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.	3	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
36	<i>Công tác quốc phòng AN</i>	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
37	<i>Quân sự chung và Chiến thuật</i>	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp	3	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần: Trọng số 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</i>	ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.			Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
38	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
39	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Kinh tế đất		2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
41	Trắc địa 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sai số, các phương pháp bình sai, phương pháp xây dựng và sử dụng bản đồ.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
42	TTGT Trắc địa	Vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện kỹ năng đo đạc, thành lập bản đồ của sinh viên ngành quản lý đất đai.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					70%
43	QH và lập DAPTNT	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về phát triển nông thôn, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội nông thôn mới. Trang bị cho sinh viên những phương pháp, kỹ năng tiếp cận nông thôn, các bước tiến hành quy hoạch, lập dự án phát triển kinh tế, xã hội nông thôn Việt Nam.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Bản đồ học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản đồ: ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, các phương pháp thành lập bản đồ chuyên đề.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	HT thông tin đất (LIS)	Học viên sau khi học xong môn học này sẽ nắm vững các nguyên tắc về hệ thống thông tin đất đai ở nước ta. Có khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại để xây dựng LIS.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
47	HT nông nghiệp	Trang bị các kiến thức khái niệm về hệ thống và nghiên cứu hệ thống nông nghiệp. Học xong sinh viên có thể tiến hành thực hiện nghiên cứu phát triển nông thôn.	1	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Phương pháp NCKH	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		văn tốt nghiệp kỹ sư.			
49	Văn bản quản lý đất đai hiện hành	Học phần Văn bản quản lý đất đai hiện hành trang bị kiến thức cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai những quy định hiện đang áp dụng thông qua các văn bản quản lý nhà nước, nhằm giúp cho sinh viên vận dụng để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản lý Nhà nước về đất đai. Cập nhật kịp thời các thông tin về quản lý đất đai hiện hành, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức để tiếp cận tốt lĩnh vực chuyên môn sau khi ra trường.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	Trắc địa ảnh viễn thám	Nắm được các kiến thức cơ bản về ảnh máy bay, ảnh vệ tinh và vận dụng được các phương pháp đo ảnh để thành lập bản đồ phục vụ cho chuyên ngành Quản lý đất đai.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Quy hoạch SD đất	Nhằm giúp sinh viên hiểu được các khái niệm về tài nguyên đất, nắm được quan điểm bền vững trong sử dụng đất đai. Phương pháp quy hoạch sử dụng đất đai trên quan điểm hợp lý và bền vững trong thực tế cụ thể.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Bản đồ địa chính	Giúp cho sinh viên ngành quản lý đất đai hiểu các khái niệm liên quan đến bản đồ địa chính, tính chất, đặc điểm, nội dung của bản đồ địa chính, các phương pháp thành lập bản đồ địa chính.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
53	ĐK thống kê đất đai	Học phần Đăng ký thống kê đất đai giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai nắm được hoạt động đăng ký đất đai và thống kê đất đai, các trình tự thủ tục thực hiện, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các đơn vị hành chính.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	TTGT ĐK thống kê	Học phần Thực tập giáo trình Đăng ký thống kê đất đai giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai nắm được hoạt động đăng ký đất đai và thống kê đất đai, rèn luyện cho sinh viên kiến thức thực tế về hoạt động đăng ký cho đối tượng sử dụng đất, quản lý hồ sơ địa chính, công tác thống kê đất đai đối với các loại đất ở các địa bàn thực tập, giúp sinh viên làm quen với công việc của cán bộ địa chính tại địa phương. Học phần được thực hiện sau học phần Đăng ký thống kê đất đai.	1	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
55	Định giá đất	Học phần Định giá đất giúp sinh viên ngành Quản lý đất đai nhận định được thị trường đất đai và vận dụng thành thạo các phương pháp định giá đất để xác định được giá các loại đất khác nhau.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Sinh thái sinh học đất	Xác định thành phần sinh thái đất ảnh hưởng hoạt động sinh học xảy ra trong đất mà có biện pháp đề xuất sử dụng, cải tạo phục vụ có hiệu quả quỹ tài nguyên đất của cơ sở sản xuất.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Quy hoạch cảnh quan	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch cảnh quan: nguyên tắc quy hoạch, bố trí cảnh quan đường phố, công viên và khu dân cư.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Qua môn học này, sinh viên hiểu rõ hơn về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lâm nghiệp sau khi ra trường. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam.			
59	Trồng trọt đại cương	Nắm được những kiến thức cơ bản về các điều kiện và yêu cầu để cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt nhằm bố trí cây trồng phù hợp trên các loại đất khác nhau.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	Giúp cho sinh viên ngành quản lý đất đai hiểu các khái niệm liên quan đến việc sử dụng các phần mềm để thành lập bản đồ đặc biệt là bản đồ địa chính và bản đồ hiện trạng sử dụng đất.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	QHSD đất đô thị và KDCNT	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn. Góp phần đào tạo kỹ sư quản lý đất đai có khả năng làm việc thực tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Thanh tra đất đai	Giúp cho sinh viên nắm chắc những vấn đề cơ bản của công tác thanh tra đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai, là một trong những nhiệm vụ quan trọng của quản lý Nhà nước về đất đai; vận dụng được ở thực tế địa phương trong lĩnh vực đất đai.	1	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Thị trường bất động sản	Học phần Thị trường bất động sản trang bị kiến thức cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai về quản lý thị trường bất động sản, góp phần nâng cao kiến thức phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về bất động sản.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
64	TTGT Quy hoạch	Vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện kỹ năng lập, xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất, lập dự án phát triển kinh tế - xã hội.	2	Học kỳ 7	Báo cáo thu hoạch: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
65	TTGT Định giá đất và TTBĐS	Học phần Thực tập giáo trình Định giá đất và Thị trường Bất động sản giúp sinh viên ngành Quản lý đất đai đánh giá được thị trường bất động sản và định giá được các loại đất khác nhau.	1	Học kỳ 7	Báo cáo thu hoạch: 100%
66	Quan hệ đất và cây trồng	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản mối quan hệ giữa dinh dưỡng đất và cây trồng, làm cơ sở để tính toán hiệu quả sử dụng đất, bố trí cây trồng hợp lý, phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Đánh giá số liệu phân tích đất	Cung cấp những kiến thức cơ bản, và rất cần thiết cho sinh viên về đánh giá số liệu phân tích các chỉ tiêu lý, hóa tính của đất, qua đó có được những đánh giá, nhận xét về độ phì nhiêu của đất.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Tin học trong QL đất đai	Giúp sinh viên làm quen và sử dụng một số phần mềm mà sinh viên chưa được học trước khi ra trường như: Pronet, ViLIS...	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Xử lý dữ liệu đo đạc	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp xử lý số liệu trong đo đạc.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Đo đạc địa chính	Trang bị cho sinh viên một số vấn đề về phân hạng, độ chính xác, công nghệ đo đạc, kết quả xây dựng lưới khống chế Nhà nước của Việt Nam và khả năng ứng dụng nó trong xây dựng lưới tọa độ địa chính.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Tổ chức và Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Học phần giúp sinh viên ngành Quản lý đất đai xây dựng được sàn giao dịch bất động sản và quản lý hoạt động của các sàn giao dịch bất động sản.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
72	Phương pháp viễn thám trong theo dõi biến động quản lý tài nguyên đất	Nắm được các phương pháp quản lý biến động sử dụng đất cả về thông tin thuộc tính và thể hiện về mặt không gian bằng ảnh viễn thám.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Thuế nhà đất	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản thuế, phương pháp xác định các loại thuế nhà đất.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Phương pháp toán trong quy hoạch	Học viên sau khi học xong môn học này sẽ nắm vững các nguyên tắc, phương pháp áp dụng các bài toán dự báo và quy hoạch liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
75	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
76	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

III. Khoa Kinh tế

16. Kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lê Nin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.			
2	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	2	HK1	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
3	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học . Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	HK1	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
4	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã	2	HK1	Điểm tích lũy <=30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
5	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản tác nghiệp hành chính và văn bản trong quản trị kinh doanh; quản lý kinh tế; soạn thảo hợp đồng... Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu).	2	HK1	Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi kết thúc học phần: 90%
6	Tiếng việt thực hành	Học phần <i>Thực hành văn bản</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
7	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gia nói tiếng Anh.			
8	Toán C1	* Kiến thức: Cung cấp những khái niệm cơ bản ban đầu về giải tích để sinh viên tiếp tục học những học phần khác có sử dụng kiến thức về giải tích * Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những vấn đề lý thuyết trên vào giải các loại bài tập: + Giới hạn hàm số, khử các dạng giới hạn vô định bằng Nguyên lý thay thế VCB, VCL, Quy tắc L'Hospital. + Các bài tập nhận biết hàm liên tục, các tính chất của hàm liên tục, ứng dụng tính chất của hàm liên tục chứng minh phương trình có nghiệm. + Nhận biết hàm khả vi, vận dụng các định lý về hàm khả vi như Định lý Fermat, Rolle, Lagrange, Cauchy vào việc giải bài tập. + Tích phân, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân. * Thái độ: Sinh viên cần có ý thức nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, tham gia lớp học đủ thời gian theo quy định.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
9	Tin học đại cương	* Kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính. Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp. * Thái độ: Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các giờ lên lớp cả lý thuyết và thực hành tại phòng máy theo sự hướng dẫn của giảng viên và quy định tại phòng máy tính.			
10	Nghệp vụ văn phòng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức về nghiệp vụ văn phòng và sử dụng tin học để soạn thảo các loại văn bản, các phương pháp thống kê, tổng hợp... Sinh viên sẽ nắm được cách sử dụng các phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft Excel hay phần mềm văn phòng thông dụng để hoàn thành tốt công việc sau này.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
11	Thể dục cơ bản và Điền kinh	* Kiến thức: - Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy.	1	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng: - Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. - Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ cho người học. - Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.			
12	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
13	Địa lý kinh tế Việt Nam	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp và căn bản để có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản	2	HK2	Điểm chuyên cần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế thương mại, dịch vụ, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế,...			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
14	Kinh tế đối ngoại	Cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về những vấn đề quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại và quan điểm, đường lối, nguyên tắc, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá và toàn cầu hoá kinh tế thế giới hiện nay.	2	HK2	Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, bài kiểm tra giữa kỳ, thảo luận nhóm và chuyên cần: 10 % Điểm thi kết thúc học phần: 90%
15	Toán C2	* Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ n – chiều và dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. * Kỹ năng: Nắm vững và tính toán được các phép toán trên ma trận, định thức, cách giải hệ phương trình tuyến tính, nắm vững các khái niệm về không gian vectơ n – chiều; biết cách đưa dạng toàn phương về chính tắc. * Thái độ: Đây là học phần khó, sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, đến lớp đầy đủ và tập trung nghe giảng, trao đổi và làm bài tập.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
16	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			
17	Công tác quốc phòng- An ninh	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... - <i>Kỹ năng</i>: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. - <i>Thái độ</i>: + Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. + Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. + Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			
18	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	❖ Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. - Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. - Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. - Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. - Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. ❖ Kỹ năng - Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. - Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa - Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định	3	HK2	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. - Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. ❖ Thái độ Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
19	Đường lối QP-AN của Đảng cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. - <i>Kỹ năng</i>: Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. - <i>Thái độ</i>: Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo,	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.			
20	Hiểu biết chung về quân sự, quân chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. - <i>Kỹ năng</i>: Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. - <i>Thái độ</i>: + Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. + Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
21	Bóng chuyền cơ bản	* Kiến thức	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
22	Bơi lội cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bơi lội. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu bơi lội trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bơi lội, kiến thức cơ bản về bơi lội * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Cầu lông cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn cầu lông. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn cầu lông trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn cầu lông, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật cầu lông. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Bóng bàn cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng bàn. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng bàn trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn, kiến thức cơ bản về môn bóng bàn * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Luật kinh tế	Sinh viên nắm được những quy định của Pháp Luật xoay quanh những vấn đề thường thấy của một chủ thể kinh doanh trong suốt thời gian tồn tại của nó như khởi sự: thành lập doanh nghiệp;tiến hành kinh doanh: hợp đồng, cạnh tranh, bồi thường, giải quyết tranh chấp kinh doanh...; cho đến khi chủ thể kinh doanh rút khỏi thị trường:giải thể, phá sản.	3	HK2	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
26	Kỹ năng mềm	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	HK2	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
27	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	HK3	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
28	Thể dục nhịp điệu cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn thể dục nhịp điệu. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn thể dục nhịp điệu trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa >=30%, điểm thi tối đa >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn thể dục nhịp điệu, kiến thức cơ bản về thể dục nhịp điệu * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
29	Teakwondo cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn Teakwondo cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn Teakwondo cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn Teakwondo cơ bản, kiến thức cơ bản về Teakwondo cơ bản. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
30	Bóng đá cơ bản	* Kiến thức: - Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá.	1	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện. * Kỹ năng: - Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. - Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ của nhà sư phạm. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.			
31	Bóng rổ cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng rổ cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng rổ cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ bản, kiến thức cơ bản về bóng rổ cơ bản. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
32	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
33	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp cho sinh viên hiểu được quá trình phát sinh, phát triển và kế thừa nối tiếp nhau của các học thuyết kinh tế cơ bản từ khi CNTB ra đời đến nay. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
34	Kinh tế vi mô 1	- Hiểu các nguyên lý cơ bản của vấn đề kinh tế, các quy luật kinh tế và nguyên tắc hoạt động của một số thành phần kinh tế trong các hoạt động kinh tế. - Phân tích hành vi kinh tế của các thành viên kinh tế, như hoạt động của doanh nghiệp, các cá nhân và hộ gia đình với các mục tiêu riêng nhằm mang lại tối đa hóa lợi ích cho các nhóm đối tượng trên.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể nền kinh tế quốc dân, các chính sách kinh tế vĩ mô điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn và cơ chế tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô này để điều tiết nền kinh tế; Vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải thích được một số vấn đề kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế vĩ mô đang được thực hiện ở Việt Nam hiện nay.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
36	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
37	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về toán học vận dụng trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Môn học toán kinh tế cũng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức để họ có thể vận dụng vào việc ra các quyết định sản xuất.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
38	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.			$\geq 70\%$
39	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
40	Marketing	Môn học marketing là môn cơ sở, cung cấp những kiến thức nền tảng về marketing trong giai đoạn giáo dục đại cương cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, là cơ sở kiến thức cho việc nghiên cứu sâu các môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp những nguyên lý cơ bản về thị trường, môi trường, cạnh tranh và các nguyên tắc marketing cũng như các biện pháp tác động vào thị trường mục tiêu.	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
41	Quản trị học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng căn bản của nhà quản trị	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
42	Nguyên lý kế toán	Mục tiêu của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về kế toán	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành và các môn chuyên ngành khác của các ngành trong khối ngành.			$\geq 70\%$
43	Kinh tế vĩ mô 2	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận căn bản và kiến thức thực tiễn về các công cụ, mô hình và chính sách kinh tế vĩ mô nói chung và vận dụng vào môi trường và điều kiện của Việt Nam ở góc độ toàn ngành kinh tế nói riêng; từ đó giúp sinh viên có thể phân tích, đánh giá tình hình điều hành nền kinh tế vĩ mô của Nhà nước và áp dụng những kiến thức này vào các học phần chuyên ngành kinh tế.	3	HK4	Điểm chuyên cần: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
44	Kinh tế vi mô 2	Mục tiêu chủ yếu của học phần này là trang bị cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh tế học phúc lợi ứng dụng để sinh viên dễ dàng hiểu thấu đáo các học phần chuyên ngành như Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế nguồn nhân lực, Kinh tế tài nguyên môi trường... Khi hoàn tất thành công học phần, cùng với hệ thống kiến thức của các môn chuyên ngành kinh tế, sinh viên sẽ có khả năng ứng dụng để phân tích, tổng hợp và đánh giá các chính sách công trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế thị trường.	3	HK4	Điểm đánh giá mức độ chuyên cần, nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, bài kiểm tra giữa kỳ: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. - Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.			
46	Thống kê kinh tế	Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp tính toán và phân tích các chỉ tiêu thông kê kinh tế trong toàn bộ quá trình sản xuất của toàn bộ nền kinh tế. Vận dụng các phương pháp nguyên lý thống kê trong quản lý, phân tích các phân tử trong nền kinh tế; thống kê dân số và lao động; hệ thống các chỉ tiêu thống kê sản lượng quốc dân và hệ thống tài khoản quốc gia.	2	HK4	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
47	Thống kê doanh nghiệp	Để quản lý doanh nghiệp, các nhà quản lý không thể không biết đến thống kê doanh nghiệp, bởi vì nó cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu kinh tế của doanh nghiệp, bên cạnh đó ứng yêu cầu của công tác quản lý doanh nghiệp nói chung, yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân kinh tế nói riêng cho phù hợp với cơ chế quản lý mới.	2	HK4	- Điểm tích lũy: 30% trong đó: Điểm chuyên cần: 10%; Điểm thảo luận: 10%; Điểm kiểm tra một lần: 10% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
48	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%
49	Kinh tế lượng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thiết về các mối quan hệ kinh tế. Trên cơ sở đó đưa ra mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các quan hệ kinh tế. Mô hình sẽ được dùng trong phân tích, dự báo và hoạch định chính sách.	3	HK5	Điểm chuyên cần: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
50	Quản lý nhà nước về kinh tế	Môn học này nhằm trang bị cho học viên phương pháp tiếp cận, phương thức và kỹ năng quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường.	2	HK5	- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; Điểm chuyên cần; Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%. - Điểm thi kết thúc học phần: 70%.
51	Kinh tế phát triển	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề trong phát triển kinh tế, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức môn học trong các môn học hay khóa học khác cũng như trong công việc.	3	HK5	Dự lớp, thảo luận: 30 % Thi kết thúc học phần: 70%
52	Kinh tế nguồn nhân lực	Mục tiêu của môn Kinh tế nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cần thiết trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực ở tầm vĩ mô.	2	HK5	Điểm chuyên cần, kiểm tra: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
53	Kinh tế nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức về phát triển nông nghiệp, các mô hình chiến lược phát triển nông nghiệp; Xác định chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; các phương thức tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp.	3	HK5	Điểm tích lũy: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
54	Xây dựng dự án đầu tư	Sinh viên có thể nắm được và biết cách xây dựng, hình thành một dự án đầu tư	2	HK5	Điểm tích lũy: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
55	Kinh tế thương mại	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về	2	HK6	Điểm tích lũy: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạt động thương mại của các doanh nghiệp thương mại dịch vụ trong nền kinh tế thị trường. Nghiên cứu các vấn đề có liên quan nhằm giúp cho việc nhìn nhận vấn đề và ra quyết định hợp lý.			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
56	Kinh tế du lịch	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về kinh tế du lịch; từ đó có thể vận dụng vào thực tế phát triển du lịch ở Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
57	Kinh tế công nghiệp	Hiểu biết được những vấn đề lý luận chung về công nghiệp, marketing công nghiệp, đầu tư công nghiệp, và quản lý nhà nước về công nghiệp; hiểu rõ vai trò của công nghiệp và phát triển công nghiệp đối với nền kinh tế; nắm được các nguồn lực trong sản xuất công nghiệp và hiệu quả sử dụng các nguồn lực đó.	3	HK6	- Điểm chuyên cần, kiểm tra, thảo luận: 10% - Điểm thi kết thúc học phần: 90%
58	Kinh tế tài nguyên	- Hiểu về nguyên lý các mối quan hệ giữa kinh tế và vấn đề sử dụng tài nguyên theo hướng phát triển bền vững; - Thực hành phân tích định tính và định lượng về sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên.	3	HK6	Điểm tích lũy: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
59	Phân tích lợi ích và chi phí	- Nhận thức một cách có hệ thống các khái niệm cơ bản về phân tích lợi ích chi phí trong nền kinh tế thị trường. Tiếp cận với các phương pháp phân tích lợi ích chi phí từ đó có thể ra các quyết định trong các điều kiện khác nhau - Có phương pháp luận cơ bản để nghiên cứu, đánh giá lợi ích chi phí của các chương trình, dự án đặc biệt là các chương trình dự án của Chính phủ dưới nhiều góc độ như kinh tế, xã hội, môi trường	3	HK6	- Điểm kiểm tra, chuyên cần: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
60	Phân tích dữ liệu kinh tế	Học viên sẽ được trang bị kiến thức liên quan đến phân tích các vấn đề kinh tế, phân tích các vấn đề quản trị	3	HK6	- Điểm kiểm tra, chuyên cần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kinh doanh bằng các kỹ thuật phân tích định lượng. Kiến thức về các kỹ thuật phân tích định lượng này sẽ giúp cho học viên hiểu được số liệu để đánh giá, phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; hiểu và rút ra được các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Khi hoàn tất học phần, học viên có khả năng: - Hiểu được công việc thu thập thông tin, thiết kế một cuộc điều tra. - Hiểu được các nền tảng về các mô hình hồi quy cổ điển, hiện đại và Phương pháp phân tích bao dữ liệu (DEA). - Sử dụng tốt phần mềm Excel và Stata. - Đánh giá, nhận xét những bảng báo cáo cũng như các mô hình phân tích.			- Điểm thi kết thúc học phần: 70%
61	Thẩm định dự án đầu tư	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức về thẩm định dự án đầu tư, từ đó làm cơ sở trong việc lựa chọn, ra quyết định đối với các dự án	2	HK6	- Điểm tích lũy: 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
62	PP nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.	2	HK6	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
63	Kinh tế công cộng	Trang bị cho sinh viên kiến thức về hiệu quả kinh tế, lợi ích của các tác nhân trong nền kinh tế trong trường hợp nền kinh tế có sự tham gia của chính phủ và so sánh với trường hợp không có sự tham gia của chính phủ. Đồng	3	HK7	Điểm chuyên cần, tiểu luận, kiểm tra: 30%; Điểm thi cuối học kỳ: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thời giúp sinh viên nhận định được các tác động của chính sách của chính phủ, lợi ích và hạn chế của lựa chọn công cộng trong thực tế.			
64	Kinh tế quốc tế	Trang bị kiến thức cơ bản và cơ sở cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường trong điều kiện nền kinh tế mở. Kinh tế học quốc tế nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các nền kinh tế riêng biệt trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khan hiếm để thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của con người.	3	HK7	Điểm kiểm tra, tiểu luận, chuyên cần: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
65	Kinh tế môi trường	Giúp người học hiểu được mối quan hệ tác động qua lại giữa hoạt động kinh tế và môi trường cũng như các công cụ có thể được sử dụng để hiểu và đo lường các mối quan hệ trên nhằm đưa ra các quyết định phù hợp để bảo vệ và quản lý tốt nhất môi trường.	2	HK7	Điểm tích lũy: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
66	Nguyên lý cơ bản về chính sách KT-XH	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức nguyên lý cơ bản về chính sách kinh tế xã hội; từ đó có thể phân tích được một số chính sách phát triển kinh tế xã hội đang được triển khai thực hiện ở Việt Nam	3	HK7	Điểm tích lũy: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
67	Thực tập nghề nghiệp	+ Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tế. + Sinh viên thực hành các nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập + Trang bị cho sinh viên đạo đức, tác phong, nghề nghiệp khi tốt nghiệp	4	HK7	Làm báo cáo thực tập nghề nghiệp để đánh giá kết thúc học phần: + Điểm chuyên cần (tác phong, thái độ, ý thức,..): 30% + Điểm làm báo cáo khi kết thúc đợt thực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tập nghề nghiệp: 70%
68	Khóa luận tốt nghiệp	- Về ý thức: Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập. - Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tế của công tác nghiệp vụ tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, nghiệp vụ tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn. - Qua việc viết báo cáo khóa luận sinh viên có điều kiện đối chiếu, kiểm tra, áp dụng và liên hệ những kiến thức đã học ở trường với thực tiễn. Qua đó, củng cố vững chắc kiến thức và nghề nghiệp của mình để khi ra trường có thể làm việc mà không bị ngỡ ngàng hoặc phải tốn thêm thời gian để tiếp xúc công việc. - Rèn luyện cho học sinh tác phong làm việc, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, là dịp để phát huy hết khả năng của sinh viên. - Báo cáo khóa luận tốt nghiệp là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở để đánh giá quá trình tu dưỡng, học tập và rèn luyện của học sinh trong suốt thời gian học tập tại trường.	10	HK8	- Điểm khóa luận tốt nghiệp: 100 % được đánh giá bởi Hội đồng chấm Khóa luận tốt nghiệp hoặc được đánh giá bằng 2 Giáo viên chấm độc lập 02 vòng có sự đồng ý cho chấm của Giáo viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
69	Chuyên đề tốt nghiệp	+ Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức	4	HK8	Báo cáo chuyên đề tốt

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên đã học trong chương trình đại học. + Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc. + Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu.			nghiệp để đánh giá kết thúc học phần: 100% trong đó + Điểm Vòng 1: 50% do giáo viên hướng dẫn chấm + Điểm Vòng 2: 50% do giáo viên được phân công chấm theo Quyết định của Nhà trường
70	Phát triển cộng đồng	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, khái niệm căn bản về phát triển cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong phát triển nông thôn bao gồm: vai trò của lãnh đạo cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch và thực thi kế hoạch phát triển nông thôn, đề xuất phương pháp xây dựng và phát triển cộng đồng thích hợp.	2	HK8	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
71	Quản lý công	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các kiến thức cơ bản về các vấn đề trong quản lý công và có khả năng áp dụng các kiến thức đã học trong công việc.	2	HK8	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
72	Chương trình phát triển KT - XH	Trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản và kiến thức thực tiễn về chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phương pháp xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; từ đó có khả năng phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.	2	HK8	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%

17. Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán C1	- Kiến thức: Cung cấp những khái niệm cơ bản ban đầu về giải tích để sinh viên tiếp tục học những học phần khác có sử dụng kiến thức về giải tích - Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những vấn đề lý thuyết trên vào giải các loại bài tập: + Giới hạn hàm số, khử các dạng giới hạn vô định bằng Nguyên lý thay thế VCB, VCL, Quy tắc L'Hospital. + Các bài tập nhận biết hàm liên tục, các tính chất của hàm liên tục, ứng dụng tính chất của hàm liên tục chứng minh phương trình có nghiệm. + Nhận biết hàm khả vi, vận dụng các định lý về hàm khả vi như Định lý Fermat, Rolle, Lagrange, Cauchy vào việc giải bài tập. + Tích phân, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân. - Thái độ: Sinh viên cần có ý thức nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, tham gia lớp học đủ thời gian theo quy định.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
2	Tâm lý học đại cương	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác.			đạt $\geq 70\%$
3	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Tiếng Việt thực hành	Kiến thức Học phần <i>Thực hành văn bản</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận. • Thái độ Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
5	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	❖ Kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản tác nghiệp hành chính và văn bản trong quản trị kinh doanh; quản lý kinh tế; soạn thảo hợp đồng... Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu).	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		❖ Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể soạn thảo đúng thể thức, nội dung, yêu cầu của các loại văn bản trong hoạt động quản lý hành chính và kinh doanh như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, các loại hợp đồng, đơn từ.... Thái độ: Sinh viên có ý thức về môn học như là một môn học cần thiết và quan trọng, vì môn học cung cấp những kỹ năng làm việc rất cần thiết và hữu ích trên con đường lập nghiệp sau này. Cần cập nhật những kiến thức mới.			
6	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phân pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
7	Nguyên lý cơ bản 1	❖ Kiến thức - Làm rõ sự ra đời của chủ nghĩa Mác – Lênin là một tất yếu lịch sử.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Làm rõ những nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin. - Làm rõ kết quả vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. ❖ Kỹ năng: Sinh viên có cơ sở vận dụng kiến thức của môn học vào phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị - xã hội bằng phương pháp biện chứng duy vật. Phát hiện ra những quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy con người. ❖ Thái độ: - Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào chủ nghĩa Mác – Lênin, vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng. - Có ý thức công dân trước vận mệnh của Tổ quốc.			
8	Nguyên lý cơ bản 2	❖ Kiến thức: Nắm được nội dung cơ bản học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và về chủ nghĩa xã hội. ❖ Kỹ năng: Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng Việt Nam; có khả năng giải thích một số vấn đề kinh tế - xã hội trong nước và	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quốc tế; có khả năng phản bác những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch... ❖ Thái độ: Giúp cho sinh viên có ý thức tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần nhỏ của mình cùng với Tổ quốc xây dựng và đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.			
9	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	❖ Kiến thức Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm: tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. ❖ Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng tư duy, kỹ năng phân tích,	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lập luận và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. ❖ Thái độ Bồi dưỡng, củng cố cho người học lập trường, quan điểm cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào về Tổ quốc Việt Nam, về Đảng vinh quang, Bác Hồ vĩ đại. Tự giác tu dưỡng, rèn luyện bản thân, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.			
11	Lịch sử học thuyết kinh tế	Giúp cho sinh viên hiểu được quá trình phát sinh, phát triển và kế thừa nối tiếp nhau của các học thuyết kinh tế cơ bản từ khi CNTB ra đời đến nay. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.	2	Học kỳ 2	$\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Toán C2	- Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ n – chiều và dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. - Kỹ năng: Nắm vững và tính toán được các phép toán trên ma trận, định thức, cách giải hệ phương trình tuyến tính, nắm vững các khái niệm về không gian vectơ n – chiều; biết cách đưa dạng toàn phương về chính tắc. - Thái độ: Đây là học phần khó, sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, đến lớp đầy đủ và tập trung nghe giảng, trao đổi và làm bài tập.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
14	Giáo dục thể chất 1	❖ Kiến thức - Học kỹ thuật chạy trên đường thẳng. - Học kỹ thuật chạy đường vòng. - Học kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao. - Học kỹ thuật chạy về đích. ❖ Kỹ năng Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn điền kinh: Kỹ thuật chạy trên đường thẳng, kỹ thuật chạy đường vòng, kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao, kỹ thuật chạy về đích. Vận dụng các kiến thức về môn điền kinh để rèn luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân ❖ Thái độ - Hiểu đúng đắn môn điền kinh.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phát triển tính tập thể, đoàn kết trong học tập môn điền kinh.			
15	Công tác Quốc phòng – An ninh	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... - <i>Kĩ năng</i>: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. - <i>Thái độ</i>: + Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. + Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			
16	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	❖ Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. - Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. - Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. - Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. - Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. ❖ Kỹ năng - Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. - Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. - Hiểu được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. ❖ Thái độ Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
17	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. - <i>Kỹ năng</i>: Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. - <i>Thái độ</i>: Có thái độ nghiêm túc trong học tập,	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.			
18	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. - <i>Kỹ năng</i>: Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. - <i>Thái độ</i>: + Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. + Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Kỹ năng mềm	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
20	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
21	Giáo dục thể chất 2	<u>a) Kiến thức:</u> - Nắm vững kiến thức cơ bản về kỹ chiến thuật bóng chuyền - Bồi dưỡng phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền. <u>b) Kỹ năng:</u> - Kỹ năng thực những kỹ thuật cơ bản bóng chuyền: Di chuyển, Chuyển - Đệm – Phát bóng.. . giúp cho sinh viên rèn luyện và thi đấu môn bóng chuyền ở cơ sở - Có kỹ năng tổ chức thi đấu và làm trọng tài môn bóng chuyền <u>c) Thái độ:</u> Nghiêm túc, tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Kinh tế Vi mô 1	- Học phần kinh tế vi mô có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản và cơ sở cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. - Học phần này đề cập đến hành vi của các thành viên của một nền kinh tế đó là người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Đồng thời học phần này cũng sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
23	Kinh tế Vĩ mô 1	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể nền kinh tế quốc dân, các chính sách kinh tế vĩ mô điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn và cơ chế tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô này để điều tiết nền kinh tế; Vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải thích được một số vấn đề kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế vĩ mô đang được thực hiện ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác	3		Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên môn, nghiệp vụ của mình.			
25	Quản trị học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng căn bản của nhà quản trị bao gồm: - Khái quát lịch sử phát triển các tư tưởng quản trị, tính khoa học và nghệ thuật trong quản trị, khái quát lên được lý thuyết cơ bản của quản trị kinh doanh - Nguyên tắc, phương pháp và cơ sở khoa học của các quyết định trong quản trị - Nguyên tắc và các chức năng quản trị - Các quyết định được thực hiện bởi các nhà quản trị - Giải quyết các vấn đề quản trị thông qua việc sử dụng các tình huống - Phác họa lên được chân dung của nhà quản trị thế kỷ 21	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Nghệ vụ văn phòng	Giúp người học có được những kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát công tác hành chính văn phòng của doanh nghiệp. Học phần này trang	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bị cho người học một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản trong doanh nghiệp.			
28	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. - Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.	3	Học kỳ 4	
29	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2		Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
30	Giáo dục thể chất 3	<u>a) Kiến thức:</u> - Có kiến thức lý luận cơ bản về môn bóng đá. - Nắm vững ý nghĩa tác dụng của việc học tập và rèn	1		Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện môn bóng đá. - Bồi dưỡng phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng đá. <u>b) Kỹ năng:</u> - Người học hình thành được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Dẫn - Chuyển – Ném bóng biên – Sút bóng... bài tập phối hợp cơ bản, giúp cho sinh viên tham gia rèn luyện và thi đấu bóng đá ở cơ sở. - Có kỹ năng tổ chức thi đấu và làm trọng tài môn bóng đá. <u>c) Thái độ:</u> Nghiêm túc, tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện.			
31	Luật kinh tế	Sinh viên nắm được những quy định của Pháp Luật xoay quanh những vấn đề thường thấy của một chủ thể kinh doanh trong suốt thời gian tồn tại của nó như khởi sự: thành lập doanh nghiệp; tiến hành kinh doanh: hợp đồng, cạnh tranh, bồi thường, giải quyết tranh chấp kinh doanh...; cho đến khi chủ thể kinh doanh rút khỏi thị trường: giải thể, phá sản.	3		Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
32	Marketing	Marketing là hoạt động không thể thiếu được trong kinh doanh hiện đại. Môn học này góp phần xây dựng nhận thức, tư duy kinh tế, cách ứng xử trong môi trường kinh doanh hiện đại theo quan điểm marketing. Môn học marketing cung cấp kiến thức căn bản có tính hệ thống về marketing, giúp người học hiểu được bản chất của marketing trong kinh doanh hiện đại, nội dung và quá trình thực hiện marketing trong tổ chức. Giúp người học có khả năng tiếp cận và phân tích	3		Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các hoạt động marketing đang diễn ra trên thị trường và qua đó vận dụng kiến thức vào thực tiễn kinh doanh.			
33	Nguyên lý kế toán	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về kế toán. Sau khi học xong học phần này nó sẽ làm cơ sở cho việc tiếp tục học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán tài chính và kế toán quản trị ở trình độ cao hơn. Đồng thời định hướng được quan hệ giữa kế toán với công tác quản lý thuộc chuyên ngành đào tạo. Giúp người học hiểu một cách khái quát về Chế độ kế toán Việt Nam, bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý kinh tế của Việt Nam	3		Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
34	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về toán học vận dụng trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Môn học toán kinh tế cũng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức để họ có thể vận dụng vào việc ra các quyết định sản xuất.	2		Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
35	Quản trị doanh nghiệp	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại cương về quản trị doanh nghiệp; hình thức tổ chức, cơ cấu tổ chức và môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; Giám đốc điều hành doanh nghiệp, phân	3		Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biệt nhà lãnh đạo và nhà quản trị; phân cấp, phân quyền và ủy quyền trong quản trị doanh nghiệp; các vấn đề về hành vi tổ chức; đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp; công tác kiểm soát doanh nghiệp và kinh doanh quốc tế...và các vấn đề liên quan khác theo xu hướng hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.			
36	Quản trị hành vi tổ chức	Mục tiêu của học phần là phát triển khả năng của người học trong việc sử dụng kiến thức của hành vi tổ chức để giải thích, dự đoán và kiểm soát các hành vi của người lao động trong tổ chức nhằm mục đích tối đa hóa sự phù hợp giữa cá nhân và tổ chức.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
37	Thuế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại thuế hiện đang áp dụng ở các doanh nghiệp trong thực tiễn. Giúp sinh viên khả năng giải quyết những vấn đề thông thường trong việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với Nhà nước.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
38	Quản trị tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về quản trị tài chính, giá trị theo thời gian của tiền, thị trường tài chính và định giá cổ phiếu, trái phiếu, cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, quản trị tài sản dài hạn của doanh nghiệp, quản trị tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp, chi phí - doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, nguồn tài trợ của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
39	Thị trường chứng khoán	Giới thiệu cho sinh viên một cách có hệ thống cơ sở lý luận về thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường. Qua đó, sinh viên có thể nghiên cứu những mô	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình lý thuyết và lý giải các sự kiện trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán trong mối tương tác với các vấn đề của thế giới hiện thực.			đạt $\geq 70\%$
40	Tiền tệ ngân hàng	Trang bị cho người học có những nhận thức cơ bản về nội hàm của hoạt động tiền tệ, ngân hàng. Giúp cho người học có những năng lực và kỹ năng nhất định trong tổ chức, điều hành, quản lý các hoạt động tiền tệ - ngân hàng.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
41	Tài chính Tiền tệ	Các nội dung chính được giới thiệu trong môn học, đó là Những vấn đề căn bản về tiền tệ; Tài chính và hệ thống tài chính trong nền kinh tế quốc dân; Tài chính công; tài chính doanh nghiệp; các định chế tài chính trung gian; thị trường tài chính và tài chính quốc tế.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
42	Quản trị nhân sự	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng, chọn lựa, sắp xếp bố trí công việc, đào tạo và phát triển nhân viên, trả lương, các biện pháp khuyến khích động viên nhân viên. Những vấn đề này được trình bày thông qua các khái niệm cơ bản, quy trình thực hiện, các yếu tố ảnh hưởng, các tiêu chuẩn, các phương pháp, kỹ thuật thực hiện.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
43	Quản trị chiến lược	Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị chiến lược. Thông qua các nội dung đó học viên có khả năng phân tích được sự biến động của môi trường kinh doanh, hoạch định chiến lược dài hạn cho doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
44	Quản trị dự án đầu tư	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản có hệ thống về	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đầu tư và dự án đầu tư; nội dung và trình tự lập dự án đầu tư; cơ sở tính toán kinh tế-tài chính trong lập và chọn dự án đầu tư; nghiên cứu, phân tích dự án đầu tư; nghiên cứu công nghệ và kỹ thuật của dự án đầu tư; phân tích tài chính, kinh tế xã hội và môi trường của dự án; nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, nền kinh tế nhiều thành phần, nền kinh tế mở theo xu hướng hội nhập với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.			$\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
45	Tiếng Anh kinh doanh	Cung cấp cho người học thuật ngữ về kinh doanh, các định nghĩa và khái niệm cơ bản liên quan đến lĩnh vực quản trị, sản xuất, marketing, tổ chức quản lý doanh nghiệp, nhân sự, đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp,... Môn học sẽ giúp người học (i) có kiến thức tổng quan trong lĩnh vực kinh tế, (ii) nâng cao kỹ năng đọc hiểu các sách báo và tài liệu chuyên ngành và nghe hiểu các đoạn hội thoại hay phỏng vấn, (iii) trang bị vốn từ vựng trong lĩnh vực kinh tế và khả năng diễn đạt quan điểm và ý kiến của mình thông qua những bài viết ngắn và thuyết trình, thảo luận bằng tiếng anh trong lĩnh vực kinh doanh.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
46	Tư duy hệ thống	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống và phương pháp luận tư duy hệ thống, cung cấp cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo, hình thành ở người học khả năng lập luận và giải quyết vấn đề một cách hệ thống, logic và sáng tạo.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
47	Phương pháp nghiên cứu khoa	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	học	trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.			$\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
48	Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành	Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để giải thích được quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành và các nhà cung ứng, cách quản lý chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành và cách tổ chức xúc tiến chương trình du lịch từ đó có khả năng vận dụng trong doanh nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
49	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên <i>những kiến thức cơ bản về tổ chức và quản trị quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nông nghiệp nói riêng</i> . Hiểu đầy đủ vai trò, chức năng của công tác quản trị KDNN, nhằm đảm bảo hiệu quả quản trị trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp từ khâu lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và giám sát. Nắm được tác động và ràng buộc của các loại môi trường pháp luật, công nghệ, cạnh tranh...đối với công tác quản trị KDNN và những nội dung cơ bản của quản trị KDNN doanh nghiệp	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
50	Quản trị rủi ro	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro ở các doanh nghiệp trong thực tiễn.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
51	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	“Quản trị sản xuất và tác nghiệp” trang bị sinh viên bậc đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh những cơ sở lý luận cơ bản và hiện đại về quản trị sản xuất và dịch vụ. Cơ sở lý luận được minh họa bằng những thí dụ cụ thể và kinh nghiệm thực tiễn được đúc kết trong quản trị sản xuất và tác nghiệp ở các doanh nghiệp nước ngoài	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và khả năng vận dụng chúng trong điều kiện các doanh nghiệp Việt nam hiện nay. Những kiến thức của môn học còn là cơ sở khoa học quan trọng hướng dẫn sinh viên trong thực tập, tiếp xúc, nghiên cứu các đề tài quản trị sản xuất và tác nghiệp đặt ra trong thực tế hoạt động của các doanh nghiệp.			
52	Bảo hiểm doanh nghiệp	Cung cấp những hiểu biết về các nguyên lý cơ bản về bảo hiểm. Giúp sinh viên ngành Quản trị kinh doanh thương mại hiểu được một số biện pháp phòng tránh rủi ro trong doanh nghiệp. Giúp sinh viên có thể hiểu được quyền lợi và trách nhiệm của những cá nhân, tổ chức tham gia bảo hiểm cho con người, cho trách nhiệm hay cho tài sản của cá nhân hoặc của tổ chức mình.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
53	Quản trị marketing	Môn học Quản trị marketing sẽ tập trung trả lời câu hỏi: làm thế nào để xây dựng kế hoạch và chương trình marketing? Tổ chức và thực hiện các hoạt động marketing đó như thế nào? Thực hiện công việc marketing theo quy trình các bước công việc ra sao? Nội dung của quyết định marketing cụ thể trong thực tế?	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
54	Quản trị chất lượng	Hiểu biết sâu sắc các khái niệm cơ bản của hệ thống quản trị chất lượng cũng như tác động của nó đối với sự thành công của doanh nghiệp. Nắm được một số kỹ thuật để kiểm soát chất lượng sản phẩm/hệ thống. Nắm được các phương pháp đánh giá chất lượng.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
55	Quản trị kinh doanh quốc tế	Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao về vấn đề toàn cầu hóa và các hoạt động thương mại quốc tế của các công ty đa quốc gia. Việc nhận diện những nguy cơ	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		do sự khác biệt về văn hóa quốc tế, môi trường đầu tư sẽ giúp cho họ có nhận thức đúng đắn khi xây dựng các chiến lược kinh doanh ra nước ngoài hoặc tư vấn cho các nhà quản lý ra quyết định đầu tư đúng đắn, hạn chế các rủi ro trong kinh doanh.			đạt $\geq 70\%$
56	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
57	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Kiến thức: - Có kiến thức cơ bản về bản chất tâm lý người, sự phát triển của tâm lý người, sự hình thành ý thức. - Có kiến thức về quá trình nhận thức: Đặc điểm, qui luật, vai trò các quá trình nhận thức. - Hiểu biết về nhân cách, sự thể hiện và sự hình thành nhân cách con người. Kỹ năng: - Biết vận dụng kiến thức tâm lý học để hình thành kỹ năng đánh giá bản thân, tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của chính mình để học tập tốt hơn và ra trường thích ứng nghề nghiệp nhanh hơn. - Có kỹ năng đánh giá người khác để giúp họ hoàn thiện bản thân - Có khả năng tự hoàn thiện bản thân theo yêu cầu của xã hội. - Hình thành kỹ năng giao tiếp ở người học.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Quản trị logistic	Môn học Logistics cung cấp cho sinh viên về nội dung của Logistics, xác định nhà cung cấp, phương pháp đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, phương pháp AHP trong việc đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, kho hàng và bài toán phân bổ hệ thống kho...	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
59	Thương mại điện tử	Kiến thức: Môn học TMĐT cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về việc thực hiện các hoạt động kinh doanh qua mạng internet. Những cơ sở công nghệ, bảo mật và pháp lý để phát triển TMĐT. Ứng dụng website vào các mô hình kinh doanh TMĐT. Các cách marketing điện tử và một số cách thức thanh toán TMĐT. Giới thiệu tổng quan, tính pháp lý và hiệu lực pháp lý của hợp đồng điện tử. Kỹ năng: Lựa chọn mô hình ứng dụng online phù hợp. Sử dụng các hình thức bảo mật thông tin trong thanh toán và trao đổi thông tin trên mạng, Tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh qua mạng, marketing, thanh toán,...	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
60	Quản trị bán hàng	Người học nắm bắt được những kiến thức cơ bản về quản trị bán hàng trong doanh nghiệp như : Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Tổ chức bán hàng; Kiểm soát bán hàng ; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng và một số kỹ năng quản trị bán hàng cơ bản như : Kỹ năng lập kế hoạch bán hàng ; Kỹ năng tổ chức mạng lưới bán hàng ; Kỹ năng tổ chức và phát triển lực lượng bán hàng ; Kỹ năng	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiểm soát bán hàng ; Kỹ năng tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng			
61	Quản trị quan hệ khách hàng	Kiến thức: - Nhận diện các loại khách hàng, hiểu khái niệm về khách hàng, quản trị quan hệ khách hàng, chăm sóc khách hàng cũng như cách thức giải quyết mâu thuẫn với khách hàng (nếu có). Vận dụng tốt vào thực tế. - Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng. - Thực hiện các nguyên tắc ứng xử trong các tình huống tiếp xúc với khách hàng - Nắm vững cách thức và phương pháp để xác định nhu cầu, mong muốn và phản hồi từ khách hàng. - Hiểu và vận dụng tốt quy trình quản trị quan hệ khách hàng - Hiểu được những khiếm khuyết trong việc chăm sóc khách hàng để cải thiện công tác chăm sóc khách hàng Kỹ năng: - Sử dụng thành thạo các chiến lược quản trị quan hệ khách hàng, phương thức chăm sóc khách hàng. - Sinh viên có thể thiết lập được chương trình chăm sóc khách hàng cho tất cả các doanh nghiệp.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
62	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại cương về quản trị doanh nghiệp; hình thức tổ chức, cơ cấu tổ chức và môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; Giám đốc điều hành doanh nghiệp, phân biệt nhà lãnh đạo và nhà quản trị; phân cấp, phân quyền	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và ủy quyền trong quản trị doanh nghiệp; các vấn đề về hành vi tổ chức; đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp; công tác kiểm soát doanh nghiệp và kinh doanh quốc tế...và các vấn đề liên quan khác theo xu hướng hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.			
63	Khoa học lãnh đạo	Người học nắm vững những vấn đề lý luận chung về lãnh đạo và khoa học lãnh đạo; các phương pháp lãnh đạo, tổ chức bộ máy lãnh đạo, quy trình và các nội dung cơ bản của các hoạt động lãnh đạo; quyết định quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo; lập kế hoạch quản lý; kiểm tra trong quản lý.			
64	Thực tập nghề nghiệp	+ Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tế. + Sinh viên thực hành các nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập + Trang bị cho sinh viên đạo đức, tác phong, nghề nghiệp khi tốt nghiệp	4	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
65	Khóa luận tốt nghiệp	<i>8.1 Phần thực tập tại cơ sở</i> - Về ý thức: Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập. - Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tế của công tác nghiệp vụ tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, nghiệp vụ tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng	10	Học kỳ 8	+ Điểm Vòng 1: 50% do giáo viên hướng dẫn chấm + Điểm Vòng 2: 50% do tổ Bộ môn phụ trách chấm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cao trình độ chuyên môn. 8.2 Phần viết khóa luận tốt nghiệp - Qua việc viết khóa luận sinh viên có điều kiện đối chiếu, kiểm tra, áp dụng và liên hệ những kiến thức đã học ở trường với thực tiễn. Qua đó, củng cố vững chắc kiến thức và nghề nghiệp của mình để khi ra trường có thể bắt tay ngay vào công việc mà không bị ngỡ ngàng hoặc phải tốn thêm thời gian để tiếp xúc công việc. - Rèn luyện cho học sinh tác phong làm việc, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, là dịp để phát huy hết khả năng của sinh viên. - Báo cáo khóa luận tốt nghiệp là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở để đánh giá quá trình tu dưỡng, học tập và rèn luyện của học sinh trong suốt thời gian học tập tại trường.			
66	<i>Chuyên đề TN</i>	+ Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học. + Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc. + Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu.	4	Học kỳ 8	+ Điểm Vòng 1: 50% do giáo viên hướng dẫn chấm + Điểm Vòng 2: 50% do tổ Bộ môn phụ trách chấm
67	<i>Quản trị kinh doanh ngân hàng</i>	- Trang bị về lý thuyết: Cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị ngân hàng, giúp người học có điều kiện công tác tốt tại các NHTM và TCTD khác - Trang bị về kỹ năng: Hình thành và phát triển các kỹ năng vận dụng lý thuyết để ra quyết định quản trị.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trang bị về vấn đề nghiên cứu/ kỹ năng nghiên cứu: Có khả năng nghiên cứu những vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh của các trung gian tài chính, cung cấp cho học viên phương pháp phân tích, đánh giá và ra quyết định quản trị.			
68	Lập kế hoạch kinh doanh	Môn học này giới thiệu cho sinh viên đại học thuộc ngành quản trị kinh doanh nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phải biết được kế hoạch kinh doanh là gì? Tầm quan trọng của kế hoạch kinh doanh trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Sinh viên phải nắm vững mối quan hệ giữa kế hoạch kinh doanh và chiến lược kinh doanh, mối quan hệ giữa các bộ phận kế hoạch trong kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, khi hoàn thành môn học sinh viên phải biết cách lập kế hoạch kinh doanh cho một doanh nghiệp mới hình thành hoạt động. Yêu cầu này giúp cho sinh viên khi ra trường có thể đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

18. Kinh doanh thương mại

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán C1	Kiến thức: Cung cấp những khái niệm cơ bản ban đầu về giải tích để sinh viên tiếp tục học những học phần khác có sử dụng kiến thức về	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải tích - Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những vấn đề lý thuyết trên vào giải các loại bài tập: + Giới hạn hàm số, khử các dạng giới hạn vô định bằng Nguyên lý thay thế VCB, VCL, Quy tắc L'Hospital. + Các bài tập nhận biết hàm liên tục, các tính chất của hàm liên tục, ứng dụng tính chất của hàm liên tục chứng minh phương trình có nghiệm. + Nhận biết hàm khả vi, vận dụng các định lý về hàm khả vi như Định lý Fermat, Rolle, Lagrange, Cauchy vào việc giải bài tập. + Tích phân, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân. - Thái độ: Sinh viên cần có ý thức nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, tham gia lớp học đủ thời gian theo quy định.			
2	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học . Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.			
3	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	❖ Kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản tác nghiệp hành chính và văn bản trong quản trị kinh doanh; quản lý kinh tế; soạn thảo hợp đồng... Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu). ❖ Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể soạn thảo đúng thể thức, nội dung, yêu cầu của các loại văn bản trong hoạt động quản lý hành chính và kinh doanh như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, các loại hợp đồng, đơn từ.... Thái độ: Sinh viên có ý thức về môn học như là một môn học cần thiết và quan trọng, vì môn học cung cấp những kỹ năng làm việc rất cần thiết và hữu ích trên con	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đường lập nghiệp sau này. Cần cập nhật những kiến thức mới.			
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phân pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
6	Nguyên lý cơ bản 1	❖ Kiến thức - Làm rõ sự ra đời của chủ nghĩa Mác – Lênin là một tất yếu lịch sử. - Làm rõ những nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin. - Làm rõ kết quả vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. ❖ Kỹ năng: Sinh viên có cơ sở vận dụng kiến thức của môn học vào phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị - xã hội bằng phương pháp biện chứng duy vật. Phát hiện ra những quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		con người. ❖ Thái độ: - Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào chủ nghĩa Mác – Lênin, vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng. - Có ý thức công dân trước vận mệnh của Tổ quốc.			
7	Tin học đại cương	❖ Kiến thức: sinh viên đạt trình độ tin học gần tương đương chứng chỉ A theo chuẩn của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo qui định. ❖ Kỹ năng: Làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Có kiến thức cơ bản về việc sử dụng máy tính dựa trên các phần học từ Windows, Winword, Excel. Hiểu rõ cách thức hoạt động của máy tính. Nắm chắc qui trình làm việc và sử dụng máy đúng cách. Biết ứng dụng kiến thức đã học một cách tổng hợp để giải quyết tốt các bài tập và bài toán được giao. Tổng hợp sử dụng tin học như là công cụ phục vụ cho việc học tập trong chuyên ngành. Thái độ: yêu cầu tham gia đủ số giờ thực hành. Tích cực tự học và rèn luyện kỹ năng làm việc trên máy tính.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
8	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			
9	Nghệp vụ văn phòng	Học phần cung cấp những kiến thức thực tế cho sinh viên về công tác quản trị hành chính văn phòng trong một tổ chức/doanh nghiệp, cụ thể: quản lý hồ sơ, sắp xếp cuộc họp, viết văn bản, biểu mẫu, làm thư ký cuộc họp... Qua môn học này, sinh viên có thể ứng dụng vào thực tế công việc tại doanh nghiệp.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
10	Nguyên lý cơ bản 2	❖ Kiến thức: Nắm được nội dung cơ bản học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và về chủ nghĩa xã hội. ❖ Kỹ năng: Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng Việt Nam; có khả năng giải thích một số vấn đề kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế; có khả năng phản bác những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch... ❖ Thái độ: Giúp cho sinh viên có ý thức tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần nhỏ của mình cùng với Tổ quốc xây dựng và đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	❖ Kiến thức	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm: tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. ❖ Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng tư duy, kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. ❖ Thái độ Bồi dưỡng, củng cố cho người học lập trường, quan điểm cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào về Tổ quốc Việt Nam, về Đảng vinh quang, Bác Hồ vĩ đại. Tự giác tu dưỡng, rèn luyện bản thân, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.			<=30%, điểm thi tối đa >=70%
12	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			đạt $\geq 70\%$
13	Toán C2	• Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ n – chiều và dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. • Kỹ năng: Nắm vững và tính toán được các phép toán trên ma trận, định thức, cách giải hệ phương trình tuyến tính, nắm vững các khái niệm về không gian vectơ n – chiều; biết cách đưa dạng toàn phương về chính tắc. • Thái độ: Đây là học phần khó, sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, đến lớp đầy đủ và tập trung nghe giảng, trao đổi và làm bài tập.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
14	Giáo dục thể chất 1	❖ Kiến thức - Học kỹ thuật chạy trên đường thẳng. - Học kỹ thuật chạy đường vòng. - Học kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao. - Học kỹ thuật chạy về đích. ❖ Kỹ năng Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn điền kinh: Kỹ thuật chạy trên đường thẳng, kỹ thuật chạy đường vòng, kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao, kỹ	1		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật chạy về đích. Vận dụng các kiến thức về môn điền kinh để rèn luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân ❖ Thái độ - Hiểu đúng đắn môn điền kinh. - Phát triển tính tập thể, đoàn kết trong học tập môn điền kinh.			
15	Công tác Quốc phòng – An ninh	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i> : Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... - <i>Kỹ năng</i> : Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. - <i>Thái độ</i> : + Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp nghiên cứu, học tập khoa học. + Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. + Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			
16	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	❖ Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. - Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. - Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. - Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. - Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		❖ Kỹ năng - Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. - Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa - Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. - Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. ❖ Thái độ Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
17	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. - <i>Kỹ năng</i>: Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. - <i>Thái độ</i>: Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.			
18	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. - <i>Kỹ năng</i>: Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. - <i>Thái độ</i>: + Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa ≤30%, điểm thi tối đa ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. + Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc.			
19	Kỹ năng mềm	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
20	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. - Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
21	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			
22	Xác suất thống kê	Học phần này gồm hai phần chính: Phần xác suất giới thiệu những nội dung cơ bản về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các phân bố thông dụng, và các đặc trưng của nó; Phần thống kê đề cập đến lý thuyết, các bài toán ước lượng, kiểm định, hồi qui và tương quan.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
23	Giáo dục thể chất 2	<u>a) Kiến thức:</u> - Nắm vững kiến thức cơ bản về kỹ chiến thuật bóng chuyền - Bồi dưỡng phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền. <u>b) Kỹ năng:</u> - Kỹ năng thực những kỹ thuật cơ bản bóng chuyền: Di chuyển, Chuyển - Đệm – Phát bóng.. . giúp cho sinh viên rèn luyện và thi đấu môn bóng chuyền ở cơ sở - Có kỹ năng tổ chức thi đấu và làm trọng tài môn bóng chuyền <u>c) Thái độ:</u> Nghiêm túc, tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Kinh tế Vi mô 1	- Học phần kinh tế vi mô có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản và cơ sở cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Học phần này đề cập đến hành vi của các thành viên của một nền kinh tế đó là người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Đồng thời học phần này cũng sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này.			
25	Kinh tế Vĩ mô 1	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể nền kinh tế quốc dân, các chính sách kinh tế vĩ mô điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn và cơ chế tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô này để điều tiết nền kinh tế; Vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải thích được một số vấn đề kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế vĩ mô đang được thực hiện ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.			
28	Quản trị học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng căn bản của nhà quản trị bao gồm: - Khái quát lịch sử phát triển các tư tưởng quản trị, tính khoa học và nghệ thuật trong quản trị, khái quát lên được lý thuyết cơ bản của quản trị kinh doanh - Nguyên tắc, phương pháp và cơ sở khoa học của các quyết định trong quản trị - Nguyên tắc và các chức năng quản trị - Các quyết định được thực hiện bởi các nhà quản trị - Giải quyết các vấn đề quản trị thông qua việc sử dụng các tình huống - Phác họa lên được chân dung của nhà quản trị thế kỷ 21	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
29	Giáo dục thể chất 3	<u>a) Kiến thức:</u> - Có kiến thức lý luận cơ bản về môn bóng đá. - Nắm vững ý nghĩa tác dụng của việc học tập và rèn luyện môn bóng đá. - Bồi dưỡng phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng đá. <u>b) Kỹ năng:</u> - Người học hình thành được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Dẫn - Chuyển – Ném bóng biên – Sút	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bóng... bài tập phối hợp cơ bản, giúp cho sinh viên tham gia rèn luyện và thi đấu bóng đá ở cơ sở. - Có kỹ năng tổ chức thi đấu và làm trọng tài môn bóng đá. c) Thái độ: Nghiêm túc, tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện.			
30	Marketing	Marketing là hoạt động không thể thiếu được trong kinh doanh hiện đại. Môn học này góp phần xây dựng nhận thức, tư duy kinh tế, cách ứng xử trong môi trường kinh doanh hiện đại theo quan điểm marketing. Môn học marketing cung cấp kiến thức căn bản có tính hệ thống về marketing, giúp người học hiểu được bản chất của marketing trong kinh doanh hiện đại, nội dung và quá trình thực hiện marketing trong tổ chức. Giúp người học có khả năng tiếp cận và phân tích các hoạt động marketing đang diễn ra trên thị trường và qua đó vận dụng kiến thức vào thực tiễn kinh doanh.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
31	Kinh tế quốc tế	- Trang bị cho sinh viên kiến thức để hiểu biết về một nền kinh tế thế giới hiện đại - Dựa trên kiến thức của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô để phân tích lợi ích của mậu dịch tự do và các chính sách hạn chế mậu dịch - Phân tích các hình thức, lợi ích của việc liên kết kinh tế trên bình diện quốc tế. - Phân tích chính sách thương mại - Khả năng vận dụng: nghiên cứu chính sách, phúc lợi	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xã hội			
32	Hành vi khách hàng	Giúp người học đạt được những mục tiêu chính sau: • Hiểu biết sâu sắc và khoa học về hành vi NTD nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả, hay nói cách khác là giúp cho những nhà quản trị có được những quyết định Marketing tốt hơn. • Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người. • Những nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của NTD. • Những ảnh hưởng của hành vi NTD đối với chiến lược marketing. • Mô hình hoạt động của hành vi NTD.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
33	Nguyên lý kế toán	Mục tiêu của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về kế toán làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành và các môn chuyên ngành khác của các ngành trong khối ngành.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
34	Tài chính – tiền tệ	Bản chất, chức năng của tài chính và tiền tệ; Tài chính và hệ thống tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Các định chế tài chính trung gian; Thị trường tài chính; Tín dụng và tài chính quốc tế.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
35	Kinh tế thương mại và dịch vụ	Là môn học kinh tế ngành, nghiên cứu các mối quan hệ kinh tế, những biểu hiện đặc thù của những qui	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luật kinh tế phổ biến, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực thương mại dịch vụ			đạt $\geq 70\%$
36	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
37	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
38	Quản trị chiến lược	Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản một cách có hệ thống về quản trị chiến lược. Thông qua các nội dung đó học viên có khả năng phân tích được sự biến động của môi trường kinh doanh, hoạch định chiến lược dài hạn cho doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
39	Quản trị nhân sự	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng, chọn lựa, sắp xếp bố trí công việc, đào tạo và phát triển nhân viên, trả lương, các biện pháp khuyến khích động viên nhân viên. Những vấn đề này được trình bày thông qua các khái niệm cơ bản, quy trình thực hiện, các yếu tố ảnh hưởng, các tiêu chuẩn, các phương pháp,	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ thuật thực hiện.			
40	Quản trị tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về quản trị tài chính, giá trị theo thời gian của tiền, thị trường tài chính và định giá cổ phiếu, trái phiếu, cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, quản trị tài sản dài hạn của doanh nghiệp, quản trị tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp, chi phí - doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, nguồn tài trợ của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
41	Quản trị doanh nghiệp TM DV	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị doanh nghiệp thương mại – dịch vụ, vai trò và chức năng của quản trị doanh nghiệp thương mại – dịch vụ trong sản xuất kinh doanh, các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản của doanh nghiệp thương mại – dịch vụ.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
42	Quản trị dịch vụ	Môn học Quản trị dịch vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về dịch vụ và quản trị hoạt động dịch vụ	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
43	Quản trị chất lượng	Hiểu biết sâu sắc các khái niệm cơ bản của hệ thống quản trị chất lượng cũng như tác động của nó đối với sự thành công của doanh nghiệp. Nắm được một số kỹ thuật để kiểm soát chất lượng sản phẩm/hệ thống. Nắm được các phương pháp đánh giá chất lượng.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
44	Quản trị dự án đầu tư	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản có hệ thống về đầu tư và dự án đầu tư; nội dung và trình tự lập dự án đầu tư; cơ sở tính toán kinh tế-tài chính trong lập và	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chọn dự án đầu tư; nghiên cứu, phân tích dự án đầu tư; nghiên cứu công nghệ và kỹ thuật của dự án đầu tư; phân tích tài chính, kinh tế xã hội và môi trường của dự án; nội dung và phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, nền kinh tế nhiều thành phần, nền kinh tế mở theo xu hướng hội nhập với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.			
45	Tiếng Anh thương mại	Cung cấp cho người học thuật ngữ về kinh doanh, các định nghĩa và khái niệm cơ bản liên quan đến lĩnh vực quản trị, sản xuất, marketing, tổ chức quản lý doanh nghiệp, nhân sự, đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp,... Môn học sẽ giúp người học (i) có kiến thức tổng quan trong lĩnh vực kinh tế, (ii) nâng cao kỹ năng đọc hiểu các sách báo và tài liệu chuyên ngành và nghe hiểu các đoạn hội thoại hay phỏng vấn, (iii) trang bị vốn từ vựng trong lĩnh vực kinh tế và khả năng diễn đạt quan điểm và ý kiến của mình thông qua những bài viết ngắn và thuyết trình, thảo luận bằng tiếng anh trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
46	Luật thương mại	Sinh viên sẽ nắm được một cách tổng quan lý luận về hoạt động thương mại cũng như những quy định pháp luật về hoạt động thương mại. cụ thể hóa những kiến thức cơ bản đó để áp dụng vào thực tế trong quá trình đàm phán, thương lượng và ký kết, giải quyết tranh chấp trong hợp đồng kinh doanh thương mại.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối đa >=70%
47	Marketing thương mại	Giúp sinh viên nắm vững và tiếp cận thực tế được các hoạt động marketing. Có khả năng phân tích được sự	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa <=30%, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biến động của môi trường kinh doanh, hoạch định và đề ra một số chiến lược: giá, sản phẩm, phân phối, đào tạo lực lượng bán hàng chuyên nghiệp.			đạt $\geq 70\%$
48	Thanh toán và tín dụng quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thanh toán và tín dụng quốc tế trong điều kiện hội nhập là xu thế tất yếu của nền kinh tế nước ta để khi ra trường sinh viên làm việc những nơi có buôn bán xuất nhập khẩu có hiệu quả.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
49	Giao tiếp kinh doanh	Môn học Giao tiếp kinh doanh được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. Từ đó sinh viên, trên tư cách là một nhà quản trị, có thể phát triển và ứng dụng các lý thuyết và các kỹ năng đã học để tăng cường hiệu quả của việc xử lý và truyền đạt thông tin đến nhân viên cũng như khách hàng của doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
50	Đàm phán kinh doanh	Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và một số kỹ năng cơ bản như sau: Khoa học về giao dịch kinh doanh thương mại, Khoa học về đàm phán kinh doanh thương mại, Kỹ năng và nghệ thuật thương lượng, ra quyết định.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
51	Tâm lý học kinh doanh	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quát về tâm lý căn bản: nhu cầu và động cơ cá nhân; tâm lý nhóm; tâm lý tập thể. Ứng dụng của tâm lý trong kinh doanh: nghiên cứu hành vi tiêu dùng; hành vi khách hàng; hành vi nhân sự; hành vi tổ chức và ứng dụng của tâm lý học trong nghiên cứu Marketing.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
52	Quản trị bán hàng	Đây là môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng, nhận thức về người quản lý bán hàng và nhân viên bán hàng trong Công ty; hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng, nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng.			$\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
53	Quản trị kinh doanh quốc tế	Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao về vấn đề toàn cầu hóa và các hoạt động thương mại quốc tế của các công ty đa quốc gia. Việc nhận diện những nguy cơ do sự khác biệt về văn hóa quốc tế, môi trường đầu tư sẽ giúp cho họ có nhận thức đúng đắn khi xây dựng các chiến lược kinh doanh ra nước ngoài hoặc tư vấn cho các nhà quản lý ra quyết định đầu tư đúng đắn, hạn chế các rủi ro trong kinh doanh.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\leq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
54	Quản trị quan hệ khách hàng	Kiến thức: - Nhận diện các loại khách hàng, hiểu khái niệm về khách hàng, quản trị quan hệ khách hàng, chăm sóc khách hàng cũng như cách thức giải quyết mâu thuẫn với khách hàng (nếu có). Vận dụng tốt vào thực tế. - Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng. - Thực hiện các nguyên tắc ứng xử trong các tình huống tiếp xúc với khách hàng - Nắm vững cách thức và phương pháp để xác định nhu cầu, mong muốn và phản hồi từ khách hàng. - Hiểu và vận dụng tốt quy trình quản trị quan hệ khách hàng - Hiểu được những khiếm khuyết trong việc chăm sóc khách hàng để cải thiện công tác chăm sóc khách hàng	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng: Sử dụng thành thạo các chiến lược quản trị quan hệ khách hàng, phương thức chăm sóc khách hàng. Sinh viên có thể thiết lập được chương trình chăm sóc khách hàng cho tất cả các doanh nghiệp.			
55	Kinh doanh xuất nhập khẩu	Kiến thức: Sau khi học xong môn này, sinh viên: - Hiểu về các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), các hạn chế của doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam khi sử dụng chúng. - Có kiến thức để chuẩn bị tốt hơn khi đàm phán ngoại thương, các hình thức đàm phán khác nhau và ưu, nhược điểm của chúng; biết cách soạn các thư tín thương mại. - Hiểu được hợp đồng ngoại thương là gì, cách soạn thảo các điều kiện, điều khoản một hợp đồng mua bán hàng hóa XNK đúng chuẩn, nhận dạng được các rủi ro có thể có của chúng. - Biết cách tổ chức thực hiện một hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng nhập khẩu; biết vận dụng hợp lý các phương thức thanh toán quốc tế trong giao dịch ngoại thương, cách lập các chứng từ ngoại thương. - Hiểu được thủ tục hải quan, cách lập tờ khai hải quan, các vấn đề về thuế XNK có liên quan. Kỹ năng: - Kỹ năng soạn thảo các điều kiện, điều khoản một hợp đồng mua bán hàng hóa XNK đúng chuẩn, nhận dạng được các rủi ro có thể có của chúng. - Kỹ năng tổ chức thực hiện một hợp đồng xuất	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khẩu, hợp đồng nhập khẩu; kỹ năng vận dụng hợp lý các phương thức thanh toán quốc tế trong giao dịch ngoại thương, cách lập các chứng từ ngoại thương. - Kỹ năng phân tích các rủi ro, tranh chấp, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động kinh doanh XNK			
56	Quản trị chuỗi cung ứng	Kiến thức: -Hiểu rõ khái niệm, mục tiêu, nội dung cơ bản của chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp thương mại. -Hiểu rõ tầm quan trọng của quản lý các hoạt động trong chuỗi, các quyết định trong quản trị dự trữ, quản trị vận chuyển trong doanh nghiệp thương mại. -Biết được các hoạt động thiết kế mạng lưới chuỗi cung ứng, kế hoạch mạng lưới và tác nghiệp của doanh nghiệp thương mại. Kỹ năng: Kỹ năng phân tích, cân đối chi phí giữa các hoạt động trong chuỗi cung ứng; Kỹ năng phối hợp, tổ chức làm việc nhóm; Kỹ năng phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng trong thực tiễn.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
57	Kế toán quản trị	Kiến thức: + Xử lý được các dữ kiện kế toán để đạt được các mục tiêu thiết lập các thông tin cho việc lập dự toán ngân sách về chi phí, doanh thu và kết quả trong một thời kỳ hoạt động, kiểm soát một cách có hiệu quả tình hình kinh doanh của các bộ phận trong doanh nghiệp. + Có kiến thức về chi phí, giá thành, nội dung,	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp, kỹ thuật thu thập và ghi nhận xử lý thông tin các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Chuẩn bị thông tin cho nhà quản trị ra quyết định. Kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán, kế toán quản trị của doanh nghiệp. Có kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hành Kế toán quản trị trong doanh nghiệp.. Kỹ năng: Kỹ năng cứng: Có khả năng thực hiện các công việc cơ bản về thu thập, xử lý thông tin. Phân tích tốt mối quan hệ chi phí khối lượng và lợi nhuận trong doanh nghiệp Có khả năng lập được Dự toán ngân sách cho doanh nghiệp Phân bổ tốt chi phí và xác định được kết quả kinh doanh của từng bộ phận. Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn và dài hạn. Kỹ năng mềm Có khả năng diễn đạt, thuyết trình, viết báo cáo... các vấn đề liên quan; Biết cách giải quyết các vấn đề có cơ sở khoa học và nghệ thuật; Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong xã hội nói chung và môi trường kinh doanh nói riêng; Có khả năng tổ chức, tập hợp con người; Có kỹ năng làm việc theo nhóm; Có khả năng làm việc độc lập;			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Marketing quốc tế	Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và một số kỹ năng cơ bản như sau: Kiến thức: Đánh giá các cơ hội marketing từ các thị trường toàn cầu. Có kiến thức marketing thiết yếu nhằm thông hiểu và ứng dụng hiệu quả trong môi trường toàn cầu. Có được các kiến thức về môi trường marketing quốc tế, biết cách phân khúc thị trường, chọn thị trường mục tiêu và có khả năng hoạch định và xây dựng chiến lược, chương trình marketing (chính sách sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) cho doanh nghiệp trong bối cảnh của các quốc gia khác nhau. Kỹ năng: - Có khả năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp nói chung và chuyên sâu trong lĩnh vực marketing quốc tế nói riêng. Cụ thể là: thiết lập cơ cấu tổ chức, lựa chọn chiến lược phát triển, lựa chọn kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động marketing quốc tế. - Có khả năng ra quyết định quản trị, kỹ năng thu thập thông tin, phân tích xử lý thông tin. Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian và phân tích tình huống để hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và năng lực quản trị.	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
59	Thương mại điện tử	Kiến thức: Môn học TMĐT cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về việc thực hiện các hoạt động kinh doanh qua mạng internet. Những cơ sở công nghệ, bảo	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mật và pháp lý để phát triển TMĐT. Ứng dụng website vào các mô hình kinh doanh TMĐT. Các cách marketing điện tử và một số cách thức thanh toán TMĐT. Giới thiệu tổng quan, tính pháp lý và hiệu lực pháp lý của hợp đồng điện tử. Kỹ năng: - Lựa chọn mô hình ứng dụng online phù hợp. - Sử dụng các hình thức bảo mật thông tin trong thanh toán và trao đổi thông tin trên mạng, - Tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh qua mạng, marketing, thanh toán,...			
60	Nghiên cứu Marketing	Kiến thức: - Hiểu được các khái niệm cơ bản nhất về nghiên cứu marketing. - Nhận biết được nghiên cứu marketing bao gồm những vấn đề gì và cách thức tiến hành một nghiên cứu. - Hiểu được các phương pháp thu thập và các phương pháp xử lý, phân tích thông tin đã thu thập được; - Nắm được cách trình bày kết quả nghiên cứu. Kỹ năng: - Kỹ năng thực hành nghiên cứu marketing - Biết xác định vấn đề nghiên cứu, soạn thảo bảng câu hỏi, thu thập dữ liệu, xử lý và viết báo cáo. - Biết soạn thảo và thiết kế công cụ thu thập dữ liệu - Biết lựa chọn các phương pháp thu thập thông tin và xử lý dữ liệu phù hợp - Giải thích được ý nghĩa của kết quả nghiên cứu.	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
61	Thực tập nghề nghiệp	+ Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tế. + Sinh viên thực hành các nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập + Trang bị cho sinh viên đạo đức, tác phong, nghề nghiệp khi tốt nghiệp	4	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
62	Khóa luận tốt nghiệp	<i>8.1 Phần thực tập tại cơ sở</i> - Về ý thức: Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập. - Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tế của công tác nghiệp vụ tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, nghiệp vụ tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn. <i>8.2 Phần viết khóa luận tốt nghiệp</i> - Qua việc viết khóa luận sinh viên có điều kiện đối chiếu, kiểm tra, áp dụng và liên hệ những kiến thức đã học ở trường với thực tiễn. Qua đó, củng cố vững chắc kiến thức và nghề nghiệp của mình để khi ra trường có thể bắt tay ngay vào công việc mà không bị ngỡ ngàng hoặc phải tốn thêm thời gian để tiếp xúc công việc. - Rèn luyện cho học sinh tác phong làm việc, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, là dịp để phát huy hết khả năng của sinh viên. - Báo cáo khóa luận tốt nghiệp là căn cứ để đánh	10	Học kỳ 8	+ Điểm Vòng 1: 50% do giáo viên hướng dẫn chấm + Điểm Vòng 2: 50% do tổ Bộ môn phụ trách chấm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở để đánh giá quá trình tu dưỡng, học tập và rèn luyện của học sinh trong suốt thời gian học tập tại trường.			
63	Chuyên đề TN	+ Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học. + Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc. + Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu.	4	Học kỳ 8	+ Điểm Vòng 1: 50% do giáo viên hướng dẫn chấm + Điểm Vòng 2: 50% do tổ Bộ môn phụ trách chấm
64	Quan hệ công chúng	Kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản trong PR: định nghĩa, phân biệt PR với các hình thức tương tự khác Mô tả được quy trình truyền thông và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình truyền thông Áp dụng mô hình hình tháp ngược, công thức 5W+H để viết Thông cáo báo chí Áp dụng quy trình ba bước để tổ chức họp báo Đạt được kỹ năng biết các bước để tiếp cận và thiết lập mối quan hệ với giới truyền thông Kỹ năng : Được rèn luyện kỹ năng và thói quen tự nghiên cứu Được rèn luyện kỹ năng thuyết trình, tranh luận, phản biện Được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
65	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại cương về quản trị doanh nghiệp; hình thức tổ chức, cơ cấu tổ chức và môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; Giám đốc điều hành doanh nghiệp, phân biệt nhà lãnh đạo và nhà quản trị; phân cấp, phân quyền và ủy quyền trong quản trị doanh nghiệp; các vấn đề về hành vi tổ chức; đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp; công tác kiểm soát doanh nghiệp và kinh doanh quốc tế...và các vấn đề liên quan khác theo xu hướng hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
66	Quản trị kênh phân phối	Kiến thức: - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về hoạt động phân phối và cách thức quản trị hệ thống kênh phân phối của một doanh nghiệp. - Giúp cho sinh viên có thể thiết kế được một hệ thống kênh phân phối và các giải pháp giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong kênh. - Giúp cho sinh viên hoạch định được một số chiến lược kênh phân phối phù hợp với đặc điểm mặt hàng kinh doanh và điều kiện thực tế của doanh nghiệp. Kỹ năng : - Có thể giải quyết một số tình huống trong quản trị kênh phân phối bằng lý thuyết và làm việc nhóm.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

19. Tài chính – Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac - Lênin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
2	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
3	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
5	Tiếng việt thực hành	*Kiến thức Học phần <i>Thực hành văn bản t</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. *Kỹ năng Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận. *Thái độ Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
6	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	* Kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản tác nghiệp hành chính và văn bản trong quản trị kinh doanh; quản lý kinh tế; soạn thảo hợp đồng... Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu). * Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể soạn thảo đúng thể thức, nội dung, yêu cầu của các loại văn bản trong hoạt động quản lý hành chính và kinh doanh như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, các loại hợp đồng, đơn từ.... * Thái độ: Sinh viên có ý thức về môn học như là một	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn học cần thiết và quan trọng, vì môn học cung cấp những kỹ năng làm việc rất cần thiết và hữu ích trên con đường lập nghiệp sau này. Cần cập nhật những kiến thức mới.			
7	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
8	Toán C1	*Kiến thức: Cung cấp những khái niệm cơ bản ban đầu về giải tích để sinh viên tiếp tục học những học phần khác có sử dụng kiến thức về giải tích *Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những vấn đề lý thuyết trên vào giải các loại bài tập: + Giới hạn hàm số, khử các dạng giới hạn vô định bằng Nguyên lý thay thế VCB, VCL, Quy tắc L'Hospital. + Các bài tập nhận biết hàm liên tục, các tính chất của hàm liên tục, ứng dụng tính chất của hàm liên tục chứng minh phương trình có nghiệm. + Nhận biết hàm khả vi, vận dụng các định lý về hàm khả vi như Định lý Fermat, Rolle, Lagrange, Cauchy vào việc giải bài tập. + Tích phân, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân. *Thái độ: Sinh viên cần có ý thức nghiêm túc, đúng	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đẫn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, tham gia lớp học đủ thời gian theo quy định.			
9	Tin học đại cương	*Kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên phải: - Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. - Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word - Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. *Kỹ năng: - Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính. - Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. - Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp. *Thái độ: Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các giờ lên lớp cả lý thuyết và thực hành tại phòng máy theo sự hướng dẫn của giảng viên và quy định tại phòng máy tính.	2	Học kỳ 1	
10	Nghệp vụ văn phòng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức về nghiệp vụ văn phòng và sử dụng tin học để soạn thảo các loại văn bản, các phương pháp thống kê, tổng hợp... Sinh viên sẽ	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nắm được cách sử dụng các phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft Excel hay phần mềm văn phòng thông dụng để hoàn thành tốt công việc sau này.			
11	Thế dục cơ bản và Điền kinh	* Kiến thức: - Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. * Kỹ năng: - Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. - Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ cho người học. - Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.			
13	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
14	Toán C2	*Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ n – chiều và dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. *Kỹ năng: Nắm vững và tính toán được các phép toán trên ma trận, định thức, cách giải hệ phương trình tuyến tính, nắm vững các khái niệm về không gian vectơ n – chiều; biết cách đưa dạng toàn phương về chính tắc. *Thái độ: Đây là học phần khó, sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, đến lớp đầy đủ và tập trung nghe giảng, trao đổi và làm bài tập.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
15	Bóng chuyền cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
16	Bơi lội cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bơi lội. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu bơi lội trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bơi lội, kiến thức cơ bản về bơi lội * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
17	Cầu lông cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn cầu lông.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn cầu lông trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn cầu lông, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật cầu lông. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
18	Bóng bàn cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng bàn. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng bàn trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn, kiến thức cơ bản về môn bóng bàn * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
19	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	- <i>Kiến thức:</i> Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- <i>Kỹ năng</i>: Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. - <i>Thái độ</i>: Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.			
20	Công tác quốc phòng – An ninh	- <i>Kiến thức</i>: Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... - <i>Kỹ năng</i>: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. - <i>Thái độ</i>: + Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. + Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. + Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			
21	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	* Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. - Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. - Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. - Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. - Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. * Kỹ năng	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. - Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa - Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. - Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. *Thái độ Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
22	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	- <i>Kiến thức:</i> Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. - <i>Kỹ năng:</i> Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. - <i>Thái độ:</i>	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. + Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc.			
23	Kinh tế Vi mô 1	- Học phần kinh tế vi mô có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản và cơ sở cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. - Học phần này đề cập đến hành vi của các thành viên của một nền kinh tế đó là người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Đồng thời học phần này cũng sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Kinh tế Vĩ mô 1	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể nền kinh tế quốc dân, các chính sách kinh tế vĩ mô điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn và cơ chế tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô này để điều tiết nền kinh tế; Vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải thích được một số vấn đề kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế vĩ mô đang được thực hiện ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
25	Kỹ năng mềm	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tướng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.			đạt $\geq 70\%$
26	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
28	Thủ tục nhập tịch cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn thủ tục nhập tịch. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn thủ tục nhập tịch trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn thể dục nhịp điệu, kiến thức cơ bản về thể dục nhịp điệu * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
29	Teakwwondo cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn Teakwondo cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn Teakwondo cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn Teakwondo cơ bản, kiến thức cơ bản về Teakwondo cơ bản. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
30	Tài chính - Tiền tệ	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính, tiền tệ, hoạt động của các định chế tài chính trung gian trong nền kinh tế.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
32	Luật kinh tế	Sinh viên nắm được những quy định của Pháp Luật xoay quanh những vấn đề thường thấy của một chủ thể kinh doanh trong suốt thời gian tồn tại của nó như khởi sự: thành lập doanh nghiệp; tiến hành kinh doanh: hợp đồng, cạnh tranh, bồi thường, giải quyết tranh chấp kinh doanh...; cho đến khi chủ thể kinh doanh rút khỏi thị trường: giải thể, phá sản.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
33	Quản trị học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng căn bản của nhà quản trị	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
34	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. - Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
36	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
37	Nguyên lý kế toán	Mục tiêu của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về kế toán làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành và các môn chuyên ngành khác của các ngành trong khối ngành.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
38	Tài chính doanh nghiệp 1	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định để thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
39	Tiền tệ - Ngân hàng	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong nền kinh tế.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
40	Phương pháp nghiên cứu khoa	Học phần cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	học	bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu, phương pháp tích lũy tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê và phương pháp toán kinh tế. Về mặt cụ thể, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhằm áp dụng các phương pháp nghiên cứu kinh tế nêu trên trong việc viết luận văn tốt nghiệp.			$\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
41	Toán tài chính	Học phần Toán tài chính thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh các công cụ tính toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán, tài chính ngân hàng, thẩm định dự án và chiến lược kinh doanh.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
42	Kinh tế lượng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thiết về các mối quan hệ kinh tế. Trên cơ sở đó đưa ra mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các quan hệ kinh tế. Mô hình sẽ được dùng trong phân tích, dự báo và hoạch định chính sách.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
43	Tin học ngân hàng	Kết thúc học phần này sinh viên có khả năng ứng dụng kỹ năng tin học để phục vụ cho một số nội dung công việc cụ thể trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
44	Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng nắm bắt những kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng cho ngành tài chính ngân hàng.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
45	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Mục tiêu chung của học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh, triết lý kinh doanh cũng như văn hóa của doanh nghiệp.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và một số kỹ năng cơ bản như sau: - Khoa học về giao dịch kinh doanh - Khoa học về đàm phán kinh doanh - Kỹ năng và nghệ thuật thương lượng, ra quyết định.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
47	Tài chính doanh nghiệp 2	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định để thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
48	Tài chính quốc tế	Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể hiểu được các lý thuyết nền tảng của tài chính quốc tế, vận dụng các lý thuyết này để phân tích việc hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô cụ thể là chính sách tỷ giá hối đoái; phân tích và đánh giá tác động của việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái lên nền kinh tế; phân tích sự biến động của tỷ giá và sử dụng các mô hình, công cụ để dự báo được sự biến động của tỷ giá.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
49	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	Giới thiệu về các nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại, cụ thể là các nghiệp vụ về nguồn vốn, sử dụng vốn, huy động vốn, các nghiệp vụ cấp tín dụng và các nghiệp vụ cung cấp các dịch vụ tài chính hiện đại của ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
50	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Giúp sinh viên nắm bắt được những hoạt động chủ yếu của ngân hàng Trung ương, cơ quan Trung ương của hệ thống ngân hàng quốc gia.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
51	Thuế	Học phần Thuế trang bị cho sinh viên những lý luận nói chung về thuế và pháp luật thuế Việt Nam hiện hành nói riêng để có thể nắm bắt kịp thời những chính sách thuế.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Từ đó, người học hiểu rõ được quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế, xác định, thực hiện đúng và đủ các quy định của mỗi luật thuế.			
52	Tài chính công	Cung cấp cho sinh viên ngành tài chính một cách nhìn tổng quát về thực trạng thu chi ngân sách của một quốc gia, tác động của ngân sách nhà nước đến nền kinh tế.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
53	Phân tích tài chính	Học phần giúp cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phân tích tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho việc đánh giá tình hình tài chính trong quá trình xét duyệt cho vay cũng như thực hiện hoạt động đầu tư tài chính, trên cơ sở đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, những cơ hội và nguy cơ đối với doanh nghiệp. Bên cạnh đó giúp người học hình thành tư duy phân tích tài chính để có thể tiến hành hoạt động phân tích một cách độc lập.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
54	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về nghiệp vụ của ngân hàng thương mại, cụ thể là các nghiệp vụ về nguồn vốn, sử dụng vốn, các nghiệp vụ cấp tín dụng và các dịch vụ tài chính hiện đại của ngân hàng thương mại. Qua đó tạo điều kiện để sinh viên vận dụng những kiến thức học được vào công tác thực tiễn tại ngân hàng cơ sở.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
55	Bảo hiểm	Giúp sinh viên có thể hiểu được quyền lợi và trách nhiệm của những cá nhân, tổ chức tham gia bảo hiểm cho con người, cho trách nhiệm hay cho tài sản của cá nhân hoặc của tổ chức mình.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
56	Thanh toán và tín dụng quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức về thị trường ngoại hối, nghiệp vụ thanh toán và tín dụng quốc tế, đề	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khí ra trường sinh viên làm việc những nơi có buôn bán xuất nhập khẩu có hiệu quả. Giúp học viên làm quen và hiểu rõ về nội dung bộ chứng từ thanh toán và các loại phương tiện thanh toán trong giao dịch quốc tế. Hướng dẫn học viên thực hiện quy trình nghiệp vụ của các phương thức thanh quốc tế.			đạt $\geq 70\%$
57	Kế toán ngân hàng	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán trong hệ thống ngân hàng, đặc biệt về hệ thống các ngân hàng thương mại. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hình dung được cách hạch toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào báo cáo của kế toán ngân hàng. Đồng thời qua đó, sinh viên có những hiểu biết sâu sắc hơn về các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, kinh doanh vàng bạc của các ngân hàng thương mại, từ đó có khả năng vận dụng tốt vào công việc sau này.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
58	Luật ngân hàng	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản của Luật Ngân hàng; các quy định về nghiệp vụ ngân hàng.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
59	Marketing ngân hàng	Môn học marketing ngân hàng là môn cơ sở ngành, cung cấp những kiến thức nền tảng về marketing ngân hàng trong giai đoạn giáo dục chuyên ngành cho sinh viên chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng, là kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực ngân hàng. Môn học cung cấp những nguyên lý cơ bản về hành vi khách hàng, môi trường, cạnh tranh và các nhân tố tác động việc lựa chọn thị trường mục tiêu của ngân hàng cùng với các chính sách marketing hỗn hợp.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
60	Kế toán doanh nghiệp	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức về lĩnh vực kế toán tài chính, từ đó có khả năng hiểu, lập, và đánh giá phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp để ra quyết định kinh doanh.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
61	Kế toán hành chính sự nghiệp	Trang bị một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về: Kế toán Nguồn kinh phí, Kế toán Tiền-Vật tư-Sản phẩm-Hàng hóa, Kế toán tài sản cố định, Kế toán thanh toán, Kế toán các khoản thu-chi. Đồng thời, Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cách lập và đọc các loại báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
62	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
63	Quản trị ngân hàng thương mại	Kết thúc học phần này sinh viên hiểu được một số nội dung cơ bản về công tác quản trị ngân hàng thương mại trong quá trình hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
64	Tiếng anh chuyên ngành ngân hàng	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết và kiến thức cơ bản về tài chính ngân hàng cũng như có vốn kiến thức từ vựng chuyên ngành ngân hàng. Qua đó tạo điều kiện và nền tảng để sinh viên vận dụng những kiến thức, kỹ năng và thuật ngữ chuyên ngành tài chính ngân hàng vào công tác thực tiễn tại ngân hàng cơ sở.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
65	Thẩm định tín dụng	Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để phân tích và thẩm định hồ sơ vay vốn của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng, từ đó đưa ra quyết định cấp tín dụng	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đúng đắn, giảm thiểu rủi ro cho hoạt động tín dụng ngân hàng.			
66	Định giá tài sản	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về định giá tài sản.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
67	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Giúp sinh viên nắm được các chiến lược cạnh tranh, chiến lược kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp thương mại. Có khả năng phân tích được sự biến động của môi trường kinh doanh, phân tích nội bộ, từ đó hoạch định chiến lược dài hạn cho doanh nghiệp thương mại.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
68	Thị trường chứng khoán	Giúp người học có những kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán như: các loại chứng khoán, các hình thức của thị trường chứng khoán, thông tin trên thị trường chứng khoán, cách thức phân tích và định giá chứng khoán. Bên cạnh đó, giúp người học nhận dạng được những rủi ro khi đầu tư trên thị trường chứng khoán. Từ đó giúp người học có thể tiến hành phân tích và đầu tư chứng khoán với vai trò là một nhà đầu tư cá nhân.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
69	Thị trường tài chính	Nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối và thị trường chứng khoán: khái niệm, chức năng, cơ chế vận hành, nguyên tắc hoạt động, hàng hóa giao dịch trên từng loại thị trường... Đây là những tri thức ban đầu hết sức cần thiết và bổ ích để người học có thể hiểu và tham gia vào thị trường tài chính, thị trường chứng khoán - một trong những thị trường cao cấp nhất và cũng phức tạp nhất.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
70	Quản trị rủi ro tài chính	Hiểu được các công cụ quản trị rủi ro tài chính và ứng dụng trong thực tế.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
71	Đầu tư tài chính	Học phần giúp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư tài chính trên cơ sở định giá các tài sản tài chính và quản lý danh mục đầu tư một cách hiệu quả. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học có được những kiến thức về các quan điểm đầu tư, các lý thuyết liên quan đến hoạt động đầu tư, các mô hình định giá chứng khoán, phân tích và dự đoán giá cả, xây dựng và quản lý danh mục hiệu quả. Với những kiến thức trên sẽ giúp người học có những kiến thức để thực hiện hoạt động đầu tư một cách độc lập.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
72	Thực tập nghề nghiệp	- Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tế. - Sinh viên thực hành các nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập. - Trang bị cho sinh viên đạo đức, tác phong, nghề nghiệp khi tốt nghiệp.	4	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
73	Khoá luận tốt nghiệp	<i>*Phần thực tập tại cơ sở</i> - Về ý thức: Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập. - Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tế của công tác nghiệp vụ tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường	10	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, nghiệp vụ tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn. <i>* Phần viết khóa luận tốt nghiệp</i> - Qua việc viết khóa luận sinh viên có điều kiện đối chiếu, kiểm tra, áp dụng và liên hệ những kiến thức đã học ở trường với thực tiễn. Qua đó, củng cố vững chắc kiến thức và nghề nghiệp của mình để khi ra trường có thể làm việc mà không bị ngỡ ngàng hoặc phải tốn thêm thời gian để tiếp xúc công việc. - Rèn luyện cho học sinh tác phong làm việc, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, là dịp để phát huy hết khả năng của sinh viên. - Báo cáo khóa luận tốt nghiệp là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở để đánh giá quá trình tu dưỡng, học tập và rèn luyện của học sinh trong suốt thời gian học tập tại trường.			
74	Chuyên đề tốt nghiệp	- Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học. - Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc. - Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu.	4	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
75	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc quản lý tài chính của doanh nghiệp.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
76	Kinh doanh ngoại hối	Học phần Kinh doanh ngoại hối trang bị cho sinh viên	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối phổ biến trên thị trường hiện nay. Từ đó, thông qua các tình huống và ví dụ cụ thể, sinh viên có thể thực hành các nghiệp vụ một cách có hệ thống.			$\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
77	Tín dụng ngân hàng	Giới thiệu cho sinh viên một cách có hệ thống cơ sở lý luận về tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Từ đó, sinh viên có thể hiểu được các quy trình trong nghiệp vụ tín dụng nhằm áp dụng trong thực tế.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
78	Tài trợ thương mại quốc tế	Môn học này được thiết kế nhằm giúp học viên nắm bắt được các kỹ thuật tài trợ cho thương mại quốc tế. Do vậy, học viên sẽ được nghiên cứu các phương thức giao dịch thương mại khác nhau, các cơ chế, thể chế, các công cụ và kỹ thuật tài chính được sử dụng để hỗ trợ cho thương mại quốc tế. Môn học này còn có mục tiêu trang bị cho học viên khả năng nhận biết những yếu tố quyết định việc lựa chọn các phương thức giao dịch thương mại cụ thể và những công cụ tài chính đi kèm.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
79	Quản trị rủi ro tín dụng	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và toàn diện phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định quản trị rủi ro tín dụng của NHTM.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

20. Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán C1	Kiến thức: Cung cấp những khái niệm cơ bản ban đầu về giải tích để sinh viên tiếp tục học những học phần khác có sử dụng kiến thức về	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải tích - Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những vấn đề lý thuyết trên vào giải các loại bài tập: + Giới hạn hàm số, khử các dạng giới hạn vô định bằng Nguyên lý thay thế VCB, VCL, Quy tắc L'Hospital. + Các bài tập nhận biết hàm liên tục, các tính chất của hàm liên tục, ứng dụng tính chất của hàm liên tục chứng minh phương trình có nghiệm. + Nhận biết hàm khả vi, vận dụng các định lý về hàm khả vi như Định lý Fermat, Rolle, Lagrange, Cauchy vào việc giải bài tập. + Tích phân, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân. - Thái độ: Sinh viên cần có ý thức nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, tham gia lớp học đủ thời gian theo quy định.			
2	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học . Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.			
3	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Tiếng Việt thực hành	Kiến thức Học phần <i>Thực hành văn bản</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận. • Thái độ Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
5	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	* Kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản tác nghiệp hành chính và văn bản trong quản trị kinh doanh; quản lý kinh tế; soạn thảo hợp đồng... Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu). * Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể soạn thảo đúng thể thức, nội dung, yêu cầu của các loại văn bản trong hoạt động quản lý hành	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính và kinh doanh như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, các loại hợp đồng, đơn từ.... * Thái độ: Sinh viên có ý thức về môn học như là một môn học cần thiết và quan trọng, vì môn học cung cấp những kỹ năng làm việc rất cần thiết và hữu ích trên con đường lập nghiệp sau này. Cần cập nhật những kiến thức mới.			
6	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phân pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
7	Triết học Mac – Lênin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
9	Thể dục cơ bản và Điền kinh	* Kiến thức: - Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. * Kỹ năng: - Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. - Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ cho người học. - Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động.	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động dạy học.			
10	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
11	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Toán C2	- Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ n – chiều và dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. - Kỹ năng: Nắm vững và tính toán được các phép toán trên ma trận, định thức, cách giải hệ phương trình tuyến tính, nắm vững các khái niệm về không gian vectơ n – chiều; biết cách đưa dạng toàn phương về chính tắc. - Thái độ: Đây là học phần khó, sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, đến lớp đầy đủ và tập trung nghe giảng, trao đổi và làm bài tập.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp cho sinh viên hiểu được quá trình phát sinh, phát triển và kế thừa nối tiếp nhau của các học thuyết kinh tế cơ bản từ khi CNTB ra đời đến nay. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
14	Kỹ năng mềm	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
15	Bóng chuyền cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
16	Bơi lội cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bơi lội. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu bơi lội trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bơi lội, kiến thức cơ bản về bơi lội * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
17	Cầu lông cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn cầu lông. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn cầu lông trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn cầu lông,	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật cầu lông. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
18	Bóng bàn cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng bàn. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng bàn trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn, kiến thức cơ bản về môn bóng bàn * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
19	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức:</i> Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. - <i>Kỹ năng:</i> Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. - <i>Thái độ</i>: Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.			
20	Công tác quốc phòng – An ninh	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... - <i>Kỹ năng</i>: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. - <i>Thái độ</i>: + Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đoạn của các thế lực thù địch. + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. + Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. + Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			
21	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	❖ Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. - Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. - Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. - Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. - Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. ❖ Kỹ năng - Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. - Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa - Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. - Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. ❖ Thái độ Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
22	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức:</i> Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. - <i>Kĩ năng</i>: Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. - <i>Thái độ</i>: + Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. + Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc.			
23	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Kinh tế Vĩ mô 1	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể nền kinh tế quốc dân, các chính sách kinh	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tế vĩ mô điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn và cơ chế tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô này để điều tiết nền kinh tế; Vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải thích được một số vấn đề kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế vĩ mô đang được thực hiện ở Việt Nam hiện nay.			
25	Tài chính - Tiền tệ	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính, tiền tệ, hoạt động của các định chế tài chính trung gian trong nền kinh tế.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Thủ tục nghiệp vụ cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn thủ tục nghiệp vụ. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn thủ tục nghiệp vụ trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn thể dục nhịp điệu, kiến thức cơ bản về thể dục nhịp điệu * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
28	Teakwondo cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn Teakwondo cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn Teakwondo cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn Teakwondo cơ bản, kiến thức cơ bản về Teakwondo cơ bản. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
29	Bóng đá cơ bản	* Kiến thức: - Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng: - Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. - Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ của nhà sư phạm. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.			
30	Bóng rổ cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng rổ cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng rổ cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ cơ bản, kiến thức cơ bản về bóng rổ cơ bản.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
31	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
32	Tin học đại cương	❖ Kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. ❖ Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính. Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp. ❖ Thái độ: Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các giờ lên lớp cả lý thuyết và thực hành tại phòng máy theo sự hướng dẫn của giảng viên và quy định tại phòng máy tính.			
33	Nghịệp vụ văn phòng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức về nghiệp vụ văn phòng và sử dụng tin học để soạn thảo các loại văn bản, các phương pháp thống kê, tổng hợp... Sinh viên sẽ nắm được cách sử dụng các phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft Excel hay phần mềm văn phòng thông dụng để hoàn thành tốt công việc sau này.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
34	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
35	Kinh tế Vi mô 1	- Hiểu các nguyên lý cơ bản của vấn đề kinh tế, các quy luật kinh tế và nguyên tắc hoạt động của một số thành phần kinh tế trong các hoạt động kinh tế.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phân tích hành vi kinh tế của các thành viên kinh tế, như hoạt động của doanh nghiệp, các cá nhân và hộ gia đình với các mục tiêu riêng nhằm mang lại tối đa hóa lợi ích cho các nhóm đối tượng trên.			
36	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. - Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
37	Nguyên lý kế toán	Mục tiêu của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về kế toán làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành và các môn chuyên ngành khác của các ngành trong khối ngành.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
38	Quản trị học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng căn bản của nhà quản trị	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
39	Luật kinh tế	Sinh viên nắm được những quy định của Pháp Luật xoay quanh những vấn đề thường thấy của một chủ thể kinh doanh trong suốt thời gian tồn tại của nó như khởi sự: thành lập doanh nghiệp; tiến hành kinh doanh: hợp đồng, cạnh tranh, bồi thường, giải quyết tranh chấp kinh	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh...; cho đến khi chủ thể kinh doanh rút khỏi thị trường:giải thể, phá sản.			
40	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
41	Marketing	Môn học marketing là môn cơ sở, cung cấp những kiến thức nền tảng về marketing trong giai đoạn giáo dục đại cương cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, là cơ sở kiến thức cho việc nghiên cứu sâu các môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp những nguyên lý cơ bản về thị trường, môi trường, cạnh tranh và các nguyên tắc marketing cũng như các biện pháp tác động vào thị trường mục tiêu.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
42	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về toán học vận dụng trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Môn học toán kinh tế cũng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức để họ có thể vận dụng vào việc ra các quyết định sản xuất.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
43	Tài chính công	Cung cấp cho sinh viên ngành tài chính một cách nhìn tổng quát về thực trạng thu chi ngân sách của một quốc gia, tác động của ngân sách nhà nước đến nền kinh tế.	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
44	Kế toán hành chính sự nghiệp	Trang bị một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về: Kế toán Nguồn kinh phí, Kế toán Tiền-Vật tư-Sản phẩm-Hàng hóa, Kế toán tài sản cố định, Kế toán thanh toán, Kế toán các khoản thu-chi. Đồng thời, Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cách lập và đọc các loại báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
45	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
46	Lý thuyết kiểm toán	- Sinh viên hiểu được các nội dung cơ bản trong kiểm toán - Sinh viên biết và hiểu được các công việc trong quy trình kiểm toán	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
47	Kế toán tài chính 1	Trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
48	Pháp luật kế toán	Mục tiêu của học phần này nhằm giúp cho người học nắm bắt được những quy định pháp luật về kế toán, từ đó người học có thể vận dụng linh hoạt những qui định của pháp luật trong khi áp dụng làm công việc thực tế liên quan đến hoạt động kế toán.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Kế toán kho bạc	Trang bị một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản cần thiết để xử lý các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong thông qua việc vận dụng các nguyên tắc và phương pháp kế toán trên cơ sở các căn cứ như: Luật kế toán, Hệ thống chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam, Luật Ngân sách nhà nước.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
50	Tài chính doanh nghiệp	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định để thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
51	Thuế	Học phần Thuế trang bị cho sinh viên những lý luận nói chung về thuế và pháp luật thuế Việt Nam hiện hành nói riêng để có thể nắm bắt kịp thời những chính sách thuế. Từ đó, người học hiểu rõ được quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế, xác định, thực hiện đúng và đủ các quy định của mỗi luật thuế.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
52	Kế toán tài chính 2	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
53	Phương pháp nghiên cứu KH	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
54	Kiểm toán	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kiểm toán, đặc biệt về kiểm toán báo cáo tài chính. Sau khi học xong học phần này, các sinh viên chuyên ngành kế toán hiểu rõ hơn về công việc trong thực tế doanh nghiệp hoặc giúp các sinh viên kiểm toán	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình thành tư duy và kỹ năng thao tác khi tiến hành kiểm toán các phần hành kế toán sau này.			
55	Kế toán quốc tế	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của Mỹ đồng thời giúp cho sinh viên tiếp xúc, nghiên cứu thêm thuật ngữ kế toán chuyên ngành, qua đó tiếp cận một mô hình kế toán có cách tổ chức tương đối khác với kế toán Việt Nam.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
56	Kế toán thực hành trên Excel	Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành về kế toán doanh nghiệp, nhận biết được vấn đề và cách xử lý các vấn đề liên quan đến lập chứng từ, sổ sách trong doanh nghiệp, phù hợp với các yêu cầu do chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán yêu cầu.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
57	Thực hành sổ sách kế toán	Giúp sinh viên biết, thực hành thuần thục kỹ năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
58	Kế toán quản trị	Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Kế toán quản trị. Qua đó giúp cho sinh viên có khả năng tổ chức thông tin về Kế toán quản trị, nhằm cung cấp thông tin đáp ứng cho việc hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
59	Kế toán thương mại dịch vụ	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán thương mại và dịch vụ.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
60	Kế toán NL nghiệp và xây dựng	Mục tiêu của học phần này nhằm giúp cho người học nắm bắt được các kiến thức cơ bản về kế toán trong DN sản xuất nông lâm nghiệp, DN xây dựng. Cách hạch	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		toán chi phí và tính giá thành trong 2 loại hình DN này.			
61	Kế toán ngân hàng	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán trong hệ thống ngân hàng, đặc biệt về hệ thống các ngân hàng thương mại. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hình dung được cách hạch toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào báo cáo của kế toán ngân hàng. Đồng thời qua đó, sinh viên có những hiểu biết sâu sắc hơn về các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, kinh doanh vàng bạc của các ngân hàng thương mại, từ đó có khả năng vận dụng tốt vào công việc sau này.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
62	Kế toán quản trị môi trường	Kế toán quản trị môi trường (Environmental Management Accounting gọi tắt là EMA) giúp các nhà quản trị kiểm soát chi phí, lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu và đầu tư hiệu quả đáp ứng được cả tiêu chuẩn kinh tế và môi trường	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
63	Thực tập nghề nghiệp	+ Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tế. + Sinh viên thực hành các nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập. + Trang bị cho sinh viên đạo đức, tác phong, nghề nghiệp khi tốt nghiệp.	4	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
64	Kế toán tài chính hợp nhất	Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, nhận biết được vấn đề và cách xử lý các vấn đề liên quan đến lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, phù hợp với các yêu cầu do chế độ kế	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		toán và chuẩn mực kế toán yêu cầu.			
65	Kế toán máy	Trang bị cho người học những kiến thức về cách thực hiện công việc kế toán thông qua các phần mềm trên máy vi tính, đặc biệt chú trọng vào cách thao tác trên phần mềm kế toán MISA.SME. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nắm được cách hạch toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào máy tính thông qua thao tác trên máy tính. Tự động hóa một số các công việc kế toán như mở sổ kế toán để theo dõi, kết chuyển sổ dư, in báo cáo quản trị và báo cáo tài chính khi doanh nghiệp có nhu cầu.	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
66	Khóa luận tốt nghiệp	<i>Phần thực tập tại cơ sở</i> - Về ý thức: Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập. - Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tế của công tác nghiệp vụ tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, nghiệp vụ tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn. <i>Phần viết khóa luận tốt nghiệp</i> - Qua việc viết khóa luận sinh viên có điều kiện đối chiếu, kiểm tra, áp dụng và liên hệ những kiến thức đã học ở trường với thực tiễn. Qua đó, củng cố vững chắc kiến thức và nghề nghiệp của mình để khi ra	10	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường có thể làm việc mà không bị bờ ngỡ hoặc phải tốn thêm thời gian để tiếp xúc công việc. - Rèn luyện cho học sinh tác phong làm việc, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, là dịp để phát huy hết khả năng của sinh viên. - Báo cáo khóa luận tốt nghiệp là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở để đánh giá quá trình tu dưỡng, học tập và rèn luyện của học sinh trong suốt thời gian học tập tại trường.			
67	<i>Chuyên đề TN</i>	+ Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học. + Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc. + Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu.	4	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
68	<i>Tổ chức công tác kế toán</i>	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong công tác tổ chức, quản lý, xây dựng và vận hành công tác kế toán của đơn vị.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
69	<i>Kế toán thuế</i>	Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các loại thuế và hạch toán các loại thuế của doanh nghiệp từ đó thực hiện công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp tốt hơn.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
70	Kiểm toán báo cáo tài chính	Mục tiêu của học phần này nhằm giúp cho người học nắm bắt những kiến thức cơ bản về kiểm toán Báo cáo tài chính nói chung, về qui trình, phương pháp kiểm toán từng chu kỳ trong hoạt động kinh doanh của doanh	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp, đồng thời cũng qua đó giúp cho sinh viên nắm được qui trình tổng hợp kết quả kiểm toán để lập Báo cáo kiểm toán			
71	<i>Thị trường chứng khoán</i>	Giúp người học có những kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán như: các loại chứng khoán, các hình thức của thị trường chứng khoán, thông tin trên thị trường chứng khoán, cách thức phân tích và định giá chứng khoán. Bên cạnh đó, giúp người học nhận dạng được những rủi ro khi đầu tư trên thị trường chứng khoán. Từ đó giúp người học có thể tiến hành phân tích và đầu tư chứng khoán với vai trò là một nhà đầu tư cá nhân.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

21. Kế toán - kiểm toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán C1	*Kiến thức: Cung cấp những khái niệm cơ bản ban đầu về giải tích để sinh viên tiếp tục học những học phần khác có sử dụng kiến thức về giải tích *Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những vấn đề lý thuyết trên vào giải các loại bài tập: + Giới hạn hàm số, khử các dạng giới hạn vô định bằng Nguyên lý thay thế VCB, VCL, Quy tắc L'Hospital. + Các bài tập nhận biết hàm liên tục, các tính chất của hàm liên tục, ứng dụng tính chất của hàm liên tục chứng minh phương trình có nghiệm. + Nhận biết hàm khả vi, vận dụng các định lý về hàm	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khả vi như Định lý Fermat, Rolle, Lagrange, Cauchy vào việc giải bài tập. + Tích phân, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân. *Thái độ: Sinh viên cần có ý thức nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, tham gia lớp học đủ thời gian theo quy định.			
2	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
3	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kĩ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	* Kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản tác nghiệp hành chính và văn bản trong quản trị kinh doanh; quản lý	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kinh tế; soạn thảo hợp đồng... Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu). * Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể soạn thảo đúng thể thức, nội dung, yêu cầu của các loại văn bản trong hoạt động quản lý hành chính và kinh doanh như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, các loại hợp đồng, đơn từ.... * Thái độ: Sinh viên có ý thức về môn học như là một môn học cần thiết và quan trọng, vì môn học cung cấp những kỹ năng làm việc rất cần thiết và hữu ích trên con đường lập nghiệp sau này. Cần cập nhật những kiến thức mới.			
5	Tiếng việt thực hành	*Kiến thức Học phần <i>Thực hành văn bản t</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. *Kỹ năng	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận. *Thái độ Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
6	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phân pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
7	Triết học Mac - Lênin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
8	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
9	Thể dục cơ bản và Điền kinh	* Kiến thức: - Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. * Kỹ năng: - Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn	1	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chạy. - Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ cho người học. - Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.			
10	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
11	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gia nói tiếng Anh.			
12	Toán C2	*Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ n – chiều và dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. *Kỹ năng: Nắm vững và tính toán được các phép toán trên ma trận, định thức, cách giải hệ phương trình tuyến tính, nắm vững các khái niệm về không gian vectơ n – chiều; biết cách đưa dạng toàn phương về chính tắc. *Thái độ: Đây là học phần khó, sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, đến lớp đầy đủ và tập trung nghe giảng, trao đổi và làm bài tập.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
13	Bóng chuyền cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức.			
14	Bơi lội cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bơi lội. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu bơi lội trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bơi lội, kiến thức cơ bản về bơi lội * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
15	Cầu lông cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn cầu lông. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn cầu lông trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn cầu lông, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật cầu lông. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Bóng bàn cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng bàn. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng bàn trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn, kiến thức cơ bản về môn bóng bàn * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
17	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	- <i>Kiến thức:</i> Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. - <i>Kỹ năng:</i> Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. - <i>Thái độ:</i> Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của công dân đối với Tổ quốc.			
18	Công tác quốc phòng – An ninh	- <i>Kiến thức</i>: Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... - <i>Kỹ năng</i>: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. - <i>Thái độ</i>: + Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. + Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. + Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	* Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. - Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. - Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. - Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. - Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. * Kỹ năng - Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. - Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa - Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. - Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. * Thái độ	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
20	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	- <i>Kiến thức</i>: Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. - <i>Kỹ năng</i>: Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. - <i>Thái độ</i>: + Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. + Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
21	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp cho sinh viên hiểu được quá trình phát sinh, phát triển và kế thừa nối tiếp nhau của các học thuyết kinh tế cơ bản từ khi CNTB ra đời đến nay. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.			
22	Kỹ năng mềm	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
23	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Kinh tế Vĩ mô 1	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể nền kinh tế quốc dân, các chính sách kinh tế vĩ mô điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn và cơ chế tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô này để điều tiết nền kinh tế; Vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải thích được một số vấn đề kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế vĩ mô đang được thực hiện ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
25	Kinh tế Vi mô 1	- Học phần kinh tế vi mô có nhiệm vụ chủ yếu là trang	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bị các kiến thức cơ bản và cơ sở cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. - Học phần này đề cập đến hành vi của các thành viên của một nền kinh tế đó là người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Đồng thời học phần này cũng sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này.			$\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.	3	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Thủ tục nghiệp vụ cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn thể dục nhịp điệu. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn thể dục nhịp điệu trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn thể dục nhịp điệu, kiến thức cơ bản về thể dục nhịp điệu	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
28	Teakwondo cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn Teakwondo cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn Teakwondo cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn Teakwondo cơ bản, kiến thức cơ bản về Teakwondo cơ bản. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
29	Bóng đá cơ bản	* Kiến thức: - Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện. * Kỹ năng: - Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. - Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ của nhà sư phạm. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.			
30	Bóng rổ cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng rổ cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng rổ cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ cơ bản, kiến thức cơ bản về bóng rổ cơ bản. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức.			
31	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
32	Tin học đại cương	*Kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên phải: - Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. - Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word - Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. *Kỹ năng: - Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính. - Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. - Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.	2	Học kỳ 3	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		*Thái độ: Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các giờ lên lớp cả lý thuyết và thực hành tại phòng máy theo sự hướng dẫn của giảng viên và quy định tại phòng máy tính.			
33	Nghệp vụ văn phòng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức về nghiệp vụ văn phòng và sử dụng tin học để soạn thảo các loại văn bản, các phương pháp thống kê, tổng hợp... Sinh viên sẽ nắm được cách sử dụng các phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft Excel hay phần mềm văn phòng thông dụng để hoàn thành tốt công việc sau này.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
34	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
35	Nguyên lý kế toán	Mục tiêu của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về kế toán làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành và các môn chuyên ngành khác của các ngành trong khối ngành.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
36	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. - Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.			
37	Marketing	Môn học marketing là môn cơ sở, cung cấp những kiến thức nền tảng về marketing trong giai đoạn giáo dục đại cương cho sinh viên chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, là cơ sở kiến thức cho việc nghiên cứu sâu các môn học chuyên ngành. Môn học cung cấp những nguyên lý cơ bản về thị trường, môi trường, cạnh tranh và các nguyên tắc marketing cũng như các biện pháp tác động vào thị trường mục tiêu.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
38	Tài chính - Tiền tệ	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính, tiền tệ, hoạt động của các định chế tài chính trung gian trong nền kinh tế.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
39	Quản trị học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng căn bản của nhà quản trị	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
40	Luật kinh tế	Sinh viên nắm được những quy định của Pháp Luật xoay quanh những vấn đề thường thấy của một chủ thể kinh doanh trong suốt thời gian tồn tại của nó như khởi sự: thành lập doanh nghiệp; tiến hành kinh doanh: hợp đồng, cạnh tranh, bồi thường, giải quyết tranh chấp kinh doanh...; cho đến khi chủ thể kinh doanh rút khỏi thị trường: giải thể, phá sản.	3	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
41	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông	2	Học kỳ 4	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			
42	Kế toán tài chính 1	Trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
43	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
44	Tài chính doanh nghiệp	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định để thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
45	Kế toán kho bạc	Trang bị một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản cần thiết để xử lý các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh thông qua việc vận dụng các nguyên tắc và phương pháp kế toán trên cơ sở các căn cứ như: Luật kế toán, Hệ thống chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam, Luật Ngân sách nhà nước.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
46	Kế toán chi phí	Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí trong doanh nghiệp sản xuất. Qua đó, giúp sinh viên có khả năng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Lý thuyết kiểm toán	- Sinh viên hiểu được các nội dung cơ bản trong kiểm toán - Sinh viên biết và hiểu được các công việc trong quy trình kiểm toán	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
48	Thống kê doanh nghiệp	Để quản lý doanh nghiệp, các nhà quản lý không thể không biết đến thống kê doanh nghiệp, bởi vì nói chung cấp kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu kinh tế của doanh nghiệp, bên cạnh đó ứng yêu cầu của công tác quản lý doanh nghiệp nói chung, yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân kinh tế nói riêng cho phù hợp với cơ chế quản lý mới.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
49	Tài chính công	Cung cấp cho sinh viên ngành tài chính một cách nhìn tổng quát về thực trạng thu chi ngân sách của một quốc gia, tác động của ngân sách nhà nước đến nền kinh tế.	2	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
50	Kế toán quản trị	Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Kế toán quản trị. Qua đó giúp cho sinh viên có khả năng tổ chức thông tin về Kế toán quản trị, nhằm cung cấp thông tin đáp ứng cho việc hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
51	Kiểm toán 1	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kiểm toán, đặc biệt về kiểm toán báo cáo tài chính. Sau khi học xong học phần này, các sinh viên chuyên ngành kế toán hiểu rõ hơn về công việc trong thực tế doanh nghiệp hoặc giúp các sinh viên kiểm toán hình thành tư duy và kỹ năng thao tác khi tiến hành kiểm toán các phân hành kế toán sau này.	3	Học kỳ 5	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52	Kế toán hành chính sự nghiệp	Trang bị một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về: Kế toán Nguồn kinh phí, Kế toán Tiền-Vật tư-Sản phẩm-Hàng hóa, Kế toán tài sản cố định, Kế toán thanh toán, Kế toán các khoản thu-chi. Đồng thời, Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cách lập và đọc các loại báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
53	Thuế	Học phần Thuế trang bị cho sinh viên những lý luận nói chung về thuế và pháp luật thuế Việt Nam hiện hành nói riêng để có thể nắm bắt kịp thời những chính sách thuế. Từ đó, người học hiểu rõ được quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế, xác định, thực hiện đúng và đủ các quy định của mỗi luật thuế.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
54	Kế toán tài chính 2	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
55	Phương pháp nghiên cứu KH	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
56	Kiểm toán 2	Trang bị cho sinh viên kế toán – kiểm toán có kỹ năng nghề nghiệp, nắm vững kiến thức cơ bản về kiểm toán báo cáo tài chính, có khả năng thực hiện các cuộc kiểm toán trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.	3	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
57	Kế toán ngân hàng	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán trong hệ thống ngân hàng, đặc biệt về hệ thống các ngân hàng thương mại. Sau khi học xong học phần này,	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên sẽ hình dung được cách hạch toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào báo cáo của kế toán ngân hàng. Đồng thời qua đó, sinh viên có những hiểu biết sâu sắc hơn về các nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, kinh doanh vàng bạc của các ngân hàng thương mại, từ đó có khả năng vận dụng tốt vào công việc sau này.			
58	Kế toán thực hành Excel	Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành về kế toán doanh nghiệp, nhận biết được vấn đề và cách xử lý các vấn đề liên quan đến lập chứng từ, sổ sách trong doanh nghiệp, phù hợp với các yêu cầu do chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán yêu cầu.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
59	Thực hành sổ sách kế toán	Giúp sinh viên biết, thực hành thuần thục kỹ năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.	2	Học kỳ 6	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
60	Hệ thống thông tin kế toán	Sinh viên biết, hiểu được những nội dung của hệ thống thông tin kế toán, biết được cách thức tổ chức xây dựng hệ thống thông tin kế toán.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
61	Kế toán quốc tế	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của Mỹ đồng thời giúp cho sinh viên tiếp xúc, nghiên cứu thêm thuật ngữ kế toán chuyên ngành, qua đó tiếp cận một mô hình kế toán có cách tổ chức tương đối khác với kế toán Việt Nam.	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
62	Kế toán thương mại dịch vụ	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán thương mại và dịch vụ.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
63	Kế toán NL nghiệp và xây dựng	Mục tiêu của học phần này nhằm giúp cho người học nắm bắt được các kiến thức cơ bản về kế toán trong DN	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sản xuất nông lâm nghiệp, DN xây dựng. Cách hạch toán chi phí và tính giá thành trong 2 loại hình DN này.			đạt $\geq 70\%$
64	Kế toán máy	Trang bị cho người học những kiến thức về cách thực hiện công việc kế toán thông qua các phần mềm trên máy vi tính, đặc biệt chú trọng vào cách thao tác trên phần mềm kế toán MISA.SME. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nắm được cách hạch toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào máy tính thông qua thao tác trên máy tính. Tự động hóa một số các công việc kế toán như mở sổ kế toán để theo dõi, kết chuyển sổ dư, in báo cáo quản trị và báo cáo tài chính khi doanh nghiệp có nhu cầu.	3	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
65	Kiểm soát nội bộ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức nhằm bảo đảm tính hữu hiệu và hiệu quả của các hoạt động, độ tin cậy của Báo cáo tài chính cũng như việc tuân thủ pháp luật và các quy định.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
66	Kiểm toán hoạt động	Kết thúc học phần này sinh viên có những kỹ năng và kiến thức sâu về kiểm toán hoạt động. Sinh viên có thể vận dụng cho triển khai kiểm toán hoạt động trong thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước.	2	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
67	Thực tập nghề nghiệp	- Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tế. - Sinh viên thực hành các nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập. - Trang bị cho sinh viên đạo đức, tác phong, nghề	4	Học kỳ 7	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp khi tốt nghiệp.			
68	Khóa luận tốt nghiệp	<i>*Phần thực tập tại cơ sở</i> - Về ý thức: Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập. - Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tế của công tác nghiệp vụ tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, nghiệp vụ tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn. <i>* Phần viết khóa luận tốt nghiệp</i> - Qua việc viết khóa luận sinh viên có điều kiện đối chiếu, kiểm tra, áp dụng và liên hệ những kiến thức đã học ở trường với thực tiễn. Qua đó, củng cố vững chắc kiến thức và nghề nghiệp của mình để khi ra trường có thể làm việc mà không bị ngỡ ngàng hoặc phải tốn thêm thời gian để tiếp xúc công việc. - Rèn luyện cho học sinh tác phong làm việc, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, là dịp để phát huy hết khả năng của sinh viên. - Báo cáo khóa luận tốt nghiệp là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở để đánh giá quá trình tu dưỡng, học tập và rèn luyện của học sinh trong suốt thời gian học tập tại trường.	10	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
69	Chuyên đề TN	- Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học. - Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc. - Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu.	4	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
70	Tổ chức công tác kiểm toán	Sinh viên biết, hiểu được các công việc cần tổ chức trong một cuộc kiểm toán đối với từng loại hình kiểm toán khác nhau: kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
71	Kế toán thuế	Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các loại thuế và hạch toán các loại thuế của doanh nghiệp từ đó thực hiện công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp tốt hơn.	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
72	Kiểm toán báo cáo tài chính	Mục tiêu của học phần này nhằm giúp cho người học nắm bắt những kiến thức cơ bản về kiểm toán Báo cáo tài chính nói chung, về qui trình, phương pháp kiểm toán từng chu kỳ trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời cũng qua đó giúp cho sinh viên nắm được qui trình tổng hợp kết quả kiểm toán để lập Báo cáo kiểm toán	2	Học kỳ 8	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

22. Kinh tế nông nghiệp (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lê Nin	Chưa có đề cương mới	3	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
3	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học . Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
4	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.			$\geq 70\%$
5	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về các loại văn bản tác nghiệp hành chính và văn bản trong quản trị kinh doanh; quản lý kinh tế; soạn thảo hợp đồng... Hiểu rõ về thể thức, thẩm quyền cũng như quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản này. Đồng thời cũng trang bị cho sinh viên một số nghiệp vụ cơ bản khác trong công tác văn phòng (như quy định về quản lý và sử dụng con dấu).	2	HK1	Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thi kết thúc học phần: 90%
6	Tiếng việt thực hành	Học phần <i>Thực hành văn bản</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
7	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Toán C1	* Kiến thức: Cung cấp những khái niệm cơ bản ban đầu về giải tích để sinh viên tiếp tục học những học phần khác có sử dụng kiến thức về giải tích * Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những vấn đề lý thuyết trên vào giải các loại bài tập: + Giới hạn hàm số, khử các dạng giới hạn vô định bằng Nguyên lý thay thế VCB, VCL, Quy tắc L'Hospital. + Các bài tập nhận biết hàm liên tục, các tính chất của hàm liên tục, ứng dụng tính chất của hàm liên tục chứng minh phương trình có nghiệm. + Nhận biết hàm khả vi, vận dụng các định lý về hàm khả vi như Định lý Fermat, Rolle, Lagrange, Cauchy vào việc giải bài tập. + Tích phân, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân. * Thái độ: Sinh viên cần có ý thức nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, tham gia lớp học đủ thời gian theo quy định.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
9	Tin học đại cương	* Kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. * Kỹ năng:	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính. Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp. * Thái độ: Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các giờ lên lớp cả lý thuyết và thực hành tại phòng máy theo sự hướng dẫn của giảng viên và quy định tại phòng máy tính.			
10	Nghệp vụ văn phòng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức về nghiệp vụ văn phòng và sử dụng tin học để soạn thảo các loại văn bản, các phương pháp thống kê, tổng hợp... Sinh viên sẽ nắm được cách sử dụng các phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft Excel hay phần mềm văn phòng thông dụng để hoàn thành tốt công việc sau này.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
11	Thẻ đục cơ bản và Điền kinh	* Kiến thức: - Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. * Kỹ năng: - Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong	1	11	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn chạy vào tập luyện. - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. - Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ cho người học. - Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.			
12	Sinh thái môi trường	Nắm được khái niệm cơ bản của sinh thái học, các quy luật sinh thái, nhân tố sinh thái và các môi trường sống của sinh vật. Nắm được những đặc điểm cơ bản của quần thể, quần xã, hệ sinh thái.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
13	Môi trường và phát triển	Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về môi trường và phát triển kinh tế, xã hội của loài người. Trong đó, môn học sẽ làm rõ mối quan hệ giữa phát triển và nhiệm vụ bảo vệ môi trường.	2	HK1	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
14	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.			đạt $\geq 70\%$
15	Địa lý kinh tế Việt Nam	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp và căn bản để có thể tiếp thu tốt các môn học chuyên ngành về quản trị kinh doanh, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế thương mại, dịch vụ, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế,...	2	HK2	Điểm chuyên cần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
16	Kinh tế đối ngoại	Cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về những vấn đề quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại và quan điểm, đường lối, nguyên tắc, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá và toàn cầu hoá kinh tế thế giới hiện nay.	2	HK2	Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, bài kiểm tra giữa kỳ, thảo luận nhóm và chuyên cần: 10 % Điểm thi kết thúc học phần: 90%
17	Toán C2	* Kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ n – chiều và dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. * Kỹ năng: Nắm vững và tính toán được các phép toán trên ma trận, định thức, cách giải hệ phương trình tuyến tính, nắm vững các khái niệm về không gian vectơ n – chiều; biết cách đưa dạng toàn phương về chính tắc. * Thái độ: Đây là học phần khó, sinh viên cần có thái	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		độ học tập nghiêm túc, đến lớp đầy đủ và tập trung nghe giảng, trao đổi và làm bài tập.			
18	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
19	Công tác quốc phòng- An ninh	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “điễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... - <i>Kỹ năng</i>: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. - <i>Thái độ</i>: + Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn	2	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của các thế lực thù địch. + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. + Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. + Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			
20	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	❖ Kiến thức - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. - Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. - Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. - Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. - Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến	3	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công, phòng ngự. ❖ Kỹ năng - Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. - Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa - Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. - Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. ❖ Thái độ Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
21	Đường lối QP-AN của Đảng cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. - <i>Kỹ năng</i>: Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính	2	HK2	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. - <i>Thái độ</i>: Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.			
22	Hiểu biết chung về quân sự, quân chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: - <i>Kiến thức</i>: Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. - <i>Kỹ năng</i>: Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. - <i>Thái độ</i>: + Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. + Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc.			
23	Bóng chuyền cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	HK2	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
24	Bơi lội cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
25	Cầu lông cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bơi lội. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu bơi lội trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bơi lội, kiến thức cơ bản về bơi lội * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Bóng bàn cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn cầu lông.	1	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn cầu lông trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn cầu lông, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật cầu lông. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
27	Luật kinh tế	Sinh viên nắm được những quy định của Pháp Luật xoay quanh những vấn đề thường thấy của một chủ thể kinh doanh trong suốt thời gian tồn tại của nó như khởi sự: thành lập doanh nghiệp;tiến hành kinh doanh: hợp đồng, cạnh tranh, bồi thường, giải quyết tranh chấp kinh doanh...; cho đến khi chủ thể kinh doanh rút khỏi thị trường:giải thể, phá sản.	3	HK2	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
28	Kỹ năng mềm	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	HK2	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
29	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ:	2	HK3	Điểm tích lũy <=30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
30	Thể dục nhịp điệu cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn thể dục nhịp điệu. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn thể dục nhịp điệu trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn thể dục nhịp điệu, kiến thức cơ bản về thể dục nhịp điệu * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
31	Teakwondo cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn Teakwondo cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn Teakwondo cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn Teakwondo cơ bản, kiến thức cơ bản về Teakwondo cơ bản. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.			
32	Bóng đá cơ bản	* Kiến thức: - Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện. * Kỹ năng: - Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. - Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân - Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá. * Thái độ: - Hình thành ở người học tác phong, thái độ của nhà sư phạm. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.			
33	Bóng rổ cơ bản	* Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng rổ cơ bản. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng rổ cơ bản trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. * Kỹ năng - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ cơ bản, kiến thức cơ bản về bóng rổ cơ bản. * Thái độ: - Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.	1	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
34	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
35	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp cho sinh viên hiểu được quá trình phát sinh, phát	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển và kế thừa nối tiếp nhau của các học thuyết kinh tế cơ bản từ khi CNTB ra đời đến nay. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.			điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
36	Kinh tế vi mô 1	- Hiểu các nguyên lý cơ bản của vấn đề kinh tế, các quy luật kinh tế và nguyên tắc hoạt động của một số thành phần kinh tế trong các hoạt động kinh tế. - Phân tích hành vi kinh tế của các thành viên kinh tế, như hoạt động của doanh nghiệp, các cá nhân và hộ gia đình với các mục tiêu riêng nhằm mang lại tối đa hóa lợi ích cho các nhóm đối tượng trên.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
37	Kinh tế vĩ mô 1	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế có được kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể nền kinh tế quốc dân, các chính sách kinh tế vĩ mô điều chỉnh nền kinh tế trong ngắn hạn và cơ chế tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô này để điều tiết nền kinh tế; Vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải thích được một số vấn đề kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế vĩ mô đang được thực hiện ở Việt Nam hiện nay.	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
38	Nguyên lý thống kê	Học phần Nguyên lý thống kê thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho học sinh phương pháp luận về thống kê và những phương pháp nghiên cứu cụ thể để có thể phân tích và dự đoán xu hướng vận động và phát triển của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Những kiến thức cơ bản trên là nền tảng, giúp cho sinh viên có	3	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể học tốt các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và vận dụng chúng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ của mình.			
39	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về toán học vận dụng trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Môn học toán kinh tế cũng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức để họ có thể vận dụng vào việc ra các quyết định sản xuất.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
40	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	HK3	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
41	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
42	Kinh tế vi mô 2	Mục tiêu chủ yếu của học phần này là trang bị cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh tế học	3	HK4	Điểm đánh giá mức độ chuyên cần, nhận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phúc lợi ứng dụng để sinh viên dễ dàng hiểu thấu đáo các học phần chuyên ngành như Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế nguồn nhân lực, Kinh tế tài nguyên môi trường... Khi hoàn tất thành công học phần, cùng với hệ thống kiến thức của các môn chuyên ngành kinh tế, sinh viên sẽ có khả năng ứng dụng để phân tích, tổng hợp và đánh giá các chính sách công trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế thị trường.			thức và thái độ tham gia thảo luận, bài kiểm tra giữa kỳ: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
43	Kinh tế vĩ mô 2	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận căn bản và kiến thức thực tiễn về các công cụ, mô hình và chính sách kinh tế vĩ mô nói chung và vận dụng vào môi trường và điều kiện của Việt Nam ở góc độ toàn ngành kinh tế nói riêng; từ đó giúp sinh viên có thể phân tích, đánh giá tình hình điều hành nền kinh tế vĩ mô của Nhà nước và áp dụng những kiến thức này vào các học phần chuyên ngành kinh tế.	3	HK4	Điểm chuyên cần: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
44	Quản trị học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng căn bản của nhà quản trị	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
45	Nguyên lý kế toán	Mục tiêu của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về kế toán làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành và các môn chuyên ngành khác của các ngành trong khối ngành.	3	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
46	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. - Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ</i>	2	HK4	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<i>nghĩa Mác-Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.			
47	Marketing nông nghiệp	Marketing nông nghiệp nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng về marketing và marketing nông nghiệp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế nông lâm nghiệp.	3	HK4	- Điểm chuyên cần, tiểu luận, kiểm tra: 30% - Điểm thi cuối học kỳ: 70%
48	Thống kê kinh tế	Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp tính toán và phân tích các chỉ tiêu thống kê kinh tế trong toàn bộ quá trình sản xuất của toàn bộ nền kinh tế. Vận dụng các phương pháp nguyên lý thống kê trong quản lý, phân tích các phân tổ trong nền kinh tế; thống kê dân số và lao động; hệ thống các chỉ tiêu thống kê sản lượng quốc dân và hệ thống tài khoản quốc gia.	2	HK4	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
49	Thống kê nông nghiệp	Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp tính toán và phân tích các chỉ tiêu thống kê nông nghiệp trong toàn bộ quá trình sản xuất của toàn bộ ngành nông nghiệp. Vận dụng các phương pháp nguyên lý thống kê trong quản lý, phân tích các phân tổ trong thống kê nông nghiệp.	2	HK4	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
50	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	HK5	Điểm tích lũy ≤30%, điểm thi cuối kì ≥70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Kinh tế lượng	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thiết về các mối quan hệ kinh tế. Trên cơ sở đó đưa ra mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các quan hệ kinh tế. Mô hình sẽ được dùng trong phân tích, dự báo và hoạch định chính sách.	3	HK5	Điểm chuyên cần: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
52	Kinh tế nông nghiệp	Trang bị cho sinh viên kiến thức về phát triển nông nghiệp, các mô hình chiến lược phát triển nông nghiệp; Xác định chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; các phương thức tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp.	3	HK5	Điểm tích lũy: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
53	Kinh tế phát triển	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề trong phát triển kinh tế, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức môn học trong các môn học hay khóa học khác cũng như trong công việc.	3	HK5	Dự lớp, thảo luận: 30 % Thi kết thúc học phần: 70%
54	Kinh tế nguồn nhân lực	Mục tiêu của môn Kinh tế nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cần thiết trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực ở tầm vĩ mô.	2	HK5	Điểm chuyên cần, kiểm tra: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
55	Tín dụng nông thôn	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tín dụng, kỹ năng về các hoạt động tín dụng trong khu vực nông thôn.	2	HK5	Thảo luận, thuyết trình và kiểm tra trong quá trình học tập: 10%; Điểm thi kết thúc học phần: 90%
56	Quản trị doanh nghiệp NLN	Quản lý doanh nghiệp lâm nghiệp nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và một số	2	HK5	Có mặt đến lớp, bài kiểm tra hoặc thuyết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp vụ của lĩnh vực quản lý doanh nghiệp lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Học phần này nhằm phục vụ quá trình học tập và giảng dạy cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế nông lâm, quản trị kinh doanh và một số chuyên ngành khác của Trường Đại học Tây Nguyên.			trình nhóm: 30%; Thi cuối kì: 70%
57	Phát triển nông thôn	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế nông nghiệp có được kiến thức cơ bản về phát triển nông thôn; từ đó có thể vận dụng vào thực tế phát triển nông thôn Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
58	Thị trường nông sản	Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên Kiến thức cơ bản về tổ chức thị trường trong nông nghiệp; Phân tích các khái niệm đặc thù của thị trường nông sản, dịch vụ nông nghiệp và vật tư nông nghiệp, thị trường nông thôn; cung cấp cho sinh viên phương pháp cần thiết trong nghiên cứu – phân tích và quản trị Marketing trong lĩnh vực nông nghiệp và trên địa bàn nông thôn.	2	HK6	Điểm kiểm tra, chuyên cần: 10%; Điểm thi kết thúc học phần : 90%
59	Kinh tế tài nguyên	Giúp người học hiểu được mối quan hệ tác động qua lại giữa hoạt động kinh tế tài nguyên, các vấn đề cơ bản trong khai thác nguồn tài nguyên cũng như các công cụ phân tích được sử dụng để hiểu và phân tích các mối quan hệ trên nhằm đưa ra các quyết định phù hợp để bảo vệ và quản lý tốt nhất nguồn tài nguyên.	3	HK6	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
60	PP nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận	2	HK6	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		văn tốt nghiệp.			
61	Xây dựng dự án PTNT	Đối với các nước đang phát triển có nền tảng kinh tế quốc dân dựa chủ yếu vào nông nghiệp thì phát triển nông thôn lại càng trở nên hết sức quan trọng, có ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội và chính trị của quốc gia. Chính vì vậy môn học này giúp sinh viên nắm được khoa học về dự án phát triển nông thôn như: Khoa học về kế hoạch hóa dự án, viết đề án dự án, quản lý dự án và đánh giá dự án.	2	HK6	Điểm chuyên cần, kiểm tra 10%; Điểm thi kết thúc học phần 90%
62	Quy hoạch và lập dự án PTNT	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về phát triển nông thôn, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội nông thôn mới. Trang bị cho sinh viên những phương pháp, kỹ năng tiếp cận nông thôn, các bước tiến hành quy hoạch, lập dự án phát triển kinh tế, xã hội nông thôn Việt Nam	2	HK6	Điểm thi kết thúc học phần: 100%; Thực hiện theo quy chế số 36/2007/BGD-ĐT và các văn bản quy định của trường Đại học Tây Nguyên
63	Trồng trọt đại cương	Môn học giúp cho sinh viên có những khái niệm cơ bản về nông nghiệp, lịch sử hình thành và phát triển của các nền nông nghiệp trên thế giới từ đó liên hệ với thực trạng nền nông nghiệp ở nước ta. Biết tổ chức sản xuất một số cây trồng chủ yếu trong nông nghiệp.	2	HK6	Điểm thi kết thúc học phần: trọng số là 100%; Thực hiện theo quy chế số 36/2007/BGD-ĐT và các văn bản quy định của trường Đại học Tây Nguyên
64	Chăn nuôi đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về cơ sở khoa học và kỹ thuật nuôi dưỡng các loại gia súc gia cầm.	2	HK6	Điểm đánh giá phần thực hành: 10%; Điểm chuyên cần: 10%; Điểm kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					giữa học phần: 10%; Điểm tiểu luận: 10%; Điểm thi kết thúc học phần: 60 %.
65	Lâm nghiệp đại cương	Môn học LNĐC nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp, là một học phần kiến thức bổ trợ cho sinh viên không chuyên. Qua môn học này, sinh viên hiểu rõ hơn về các đặc trưng và tính đặc thù của sản xuất Lâm nghiệp. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động sản xuất có gắn với Lâm nghiệp sau khi ra trường. Môn học còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên tiếp cận các hoạt động Lâm nghiệp ở Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy 30%: gồm 02 bài kiểm tra, bài tập thảo luận nhóm, điểm chuyên cần; Điểm thi hết học phần 70%: có thể thi vấn đáp hoặc thi tự luận đề mở theo ngân hàng câu hỏi đã xây dựng, tùy theo điều kiện cụ thể của từng lớp.
66	Lâm nghiệp xã hội	Môn học LNXH nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về LNXH để họ có được những phương pháp tiếp cận phù hợp khi thực hiện các hoạt động chuyên môn. Môn học còn giúp cho người học có cơ sở để áp dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, công việc và thực hiện linh hoạt các hoạt động LNXH. Môn học LNXH còn khuyến khích sự quan tâm và sự tham gia của sinh viên vào tiếp cận các hoạt động LNXH ở Việt Nam.	2	HK6	Điểm tích lũy 30%: gồm 02 bài kiểm tra, bài tập thảo luận nhóm, điểm chuyên cần; Điểm thi hết học phần 70%: có thể thi vấn đáp hoặc thi tự luận đề mở theo ngân hàng câu hỏi đã xây dựng, tùy theo điều kiện cụ thể của từng lớp.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
67	Khuyến nông	Trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về công tác và hoạt động khuyến nông và sau khi học xong có thể áp dụng vào thực tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo yêu cầu trong tình hình mới hiện nay.	2	HK6	Điểm kiểm tra trong quá trình học tập (1 bài kiểm tra), thực hành (4 bài thực hành), chuyên cần: 10%; Điểm thi kết thúc học phần (1 bài thi hết môn) : 90 %
68	Nông lâm kết hợp	Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng: - Nhận thức được vai trò và sự cần thiết của việc phát triển sản xuất theo hướng nông lâm kết hợp - Phân tích và đánh giá kinh tế - xã hội và môi trường trong Nông lâm kết hợp - Thiết kế tổ chức thực hiện canh tác đất dốc và nông lâm kết hợp với sự tham gia của người dân và các bên liên quan.	2	HK6	Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa học phần: 10%; Điểm thi kết thúc học phần: 90%
69	Kinh tế công cộng	Trang bị cho sinh viên kiến thức về hiệu quả kinh tế, lợi ích của các tác nhân trong nền kinh tế trong trường hợp nền kinh tế có sự tham gia của chính phủ và so sánh với trường hợp không có sự tham gia của chính phủ. Đồng thời giúp sinh viên nhận định được các tác động của chính sách của chính phủ, lợi ích và hạn chế của lựa chọn công cộng trong thực tế.	3	HK7	Điểm chuyên cần, tiểu luận, kiểm tra: 30%; Điểm thi cuối học kỳ: 70%
70	Kinh tế quốc tế	Trang bị kiến thức cơ bản và cơ sở cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường trong điều kiện nền kinh tế mở. Kinh tế học quốc tế nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các nền kinh tế riêng biệt trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khan hiếm để thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của con người.	3	HK7	Điểm kiểm tra, tiểu luận, chuyên cần: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 90%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
71	Thực tập nghề nghiệp	- Tìm hiểu và liên hệ thực tiễn những vấn đề kinh tế - xã hội đã được học tập, nghiên cứu trong nhà trường; những chủ trương, chính sách đổi mới và phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, nhằm củng cố lý luận, bổ sung kiến thức thực tế và rèn luyện năng lực công tác. - Rèn luyện phương pháp học tập, nghiên cứu hoạt động thực tiễn, khả năng tổng hợp kiến thức khoa học và thực tiễn. - Rèn luyện lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, tinh thần thái độ và ý thức, trách nhiệm của người sinh viên.	4	HK7	Làm báo cáo thực tập nghề nghiệp để đánh giá kết thúc học phần: + Điểm chuyên cần (tác phong, thái độ, ý thức,..): 30% + Điểm làm báo cáo khi kết thúc đợt thực tập nghề nghiệp: 70%
72	Kinh tế môi trường	Giúp người học hiểu được mối quan hệ tác động qua lại giữa hoạt động kinh tế và môi trường cũng như các công cụ có thể được sử dụng để hiểu và đo lường các mối quan hệ trên nhằm đưa ra các quyết định phù hợp để bảo vệ và quản lý tốt nhất môi trường.	2	HK7	Điểm tích lũy $\leq 30\%$, điểm thi cuối kì $\geq 70\%$
73	Nguyên lý cơ bản về chính sách NLN	Học phần giúp sinh viên chuyên ngành kinh tế nông nghiệp có được kiến thức nguyên lý cơ bản về hoạch định, tổ chức thực hiện và các chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp nông thôn.	3	HK7	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
74	Khóa luận tốt nghiệp	- Về ý thức: Tăng cường cho sinh viên về tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập. - Về chuyên môn: Giúp cho sinh viên nắm được tình hình thực tế của công tác nghiệp vụ tại đơn vị thực tập.	10	HK8	- Điểm khoá luận tốt nghiệp: 100 % được đánh giá bởi Hội đồng chấm Khóa luận tốt nghiệp hoặc được đánh giá bằng 2 Giáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác, nghiệp vụ tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao trình độ chuyên môn. - Qua việc viết báo cáo khóa luận sinh viên có điều kiện đối chiếu, kiểm tra, áp dụng và liên hệ những kiến thức đã học ở trường với thực tiễn. Qua đó, củng cố vững chắc kiến thức và nghề nghiệp của mình để khi ra trường có thể làm việc mà không bị bỡ ngỡ hoặc phải tốn thêm thời gian để tiếp xúc công việc. - Rèn luyện cho học sinh tác phong làm việc, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, là dịp để phát huy hết khả năng của sinh viên. - Báo cáo khóa luận tốt nghiệp là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở để đánh giá quá trình tu dưỡng, học tập và rèn luyện của học sinh trong suốt thời gian học tập tại trường.			viên chấm độc lập 02 vòng có sự đồng ý cho chấm của Giáo viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
75	Chuyên đề tốt nghiệp	+ Học phần này nhằm hệ thống toàn bộ những kiến thức sinh viên đã học trong chương trình đại học. + Trang bị cho sinh viên kiến thức, tác phong trong công việc. + Viết một đề tài tốt nghiệp theo yêu cầu.	4	HK8	Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp để đánh giá kết thúc học phần: 100% trong đó + Điểm Vòng 1: 50% do giáo viên hướng dẫn chấm + Điểm Vòng 2: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					do giáo viên được phân công chấm theo Quyết định của Nhà trường
76	Phát triển cộng đồng	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, khái niệm căn bản về phát triển cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong phát triển nông thôn bao gồm: vai trò của lãnh đạo cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch và thực thi kế hoạch phát triển nông thôn, đề xuất phương pháp xây dựng và phát triển cộng đồng thích hợp.	2	HK8	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
77	Quản lý công	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các kiến thức cơ bản về các vấn đề trong quản lý công và có khả năng áp dụng các kiến thức đã học trong công việc.	2	HK8	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
78	Chương trình phát triển KT - XH	Trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản và kiến thức thực tiễn về chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phương pháp xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; từ đó có khả năng phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.	2	HK8	Điểm tích lũy: 30%; Điểm thi kết thúc học phần: 70%
79	Quy hoạch tổng thể PT KTXH	Học phần giúp sinh viên nắm được lý luận chung về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, căn cứ, nội dung và trình tự lập quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH các cấp; Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy	2	HK8	- Điều kiện dự thi: Tham gia tối thiểu 2/3 số tiết lý thuyết trên lớp.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạch tổng thể phát triển KT-XH, công tác quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH.			- Điểm thi kết thúc học phần: 100%.
80	Quản lý hành chính NN về đất đai	Học phần Quản lý hành chính Nhà nước về đất đai giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai nắm được hoạt động tổng thể bộ máy quản lý hành chính Nhà nước chung, đi sâu nghiên cứu các hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về đất đai của ngành Tài nguyên Môi trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chuyên ngành về hoạt động quản lý và những nguyên tắc thực hiện.	3	HK8	- Xét điều kiện dự thi: Theo quy định Quy chế số 36/2007/BGD-ĐT và các văn bản của Trường Đại học Tây Nguyên. - Điểm thi kết thúc học phần : 100%.
81	Quy hoạch sử dụng đất	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quy hoạch sử dụng đất. Góp phần đào tạo kỹ sư quản lý đất đai có khả năng làm việc thực tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nói riêng và có thể tham gia các đơn vị tư vấn quy hoạch sử dụng đất nói chung.	3	HK8	- Xét điều kiện dự thi: Theo quy định Quy chế số 36/2007/BGD-ĐT và các văn bản của Trường Đại học Tây Nguyên. - Điểm thi kết thúc học phần : 100%.

23. Kinh tế nông nghiệp (Thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 08/2013/TT-BGDĐT ngày 8 tháng 3 năm 2013).	4	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Tiếng Anh	Học phần cung cấp cho người học cơ hội thực hành làm các bài thi nghe theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên chiến lược và kỹ thuật nghe 5 đoạn hội thoại ngắn và đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng; nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai so với nội dung; nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc. Thực hành các bài thi nói theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng tự trình bày về tiểu sử bản thân, và trình bày 1 chủ đề với bố cục rõ ràng bao gồm giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi đọc hiểu theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng đọc hiểu một câu đơn hoặc câu phức, bảng quảng cáo, bảng báo hiệu, các đoạn mô tả ngắn với các chủ đề liên quan đến đời sống hàng ngày. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi viết theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng viết câu tương đương; viết một bài ngắn khoảng 100 - 120 từ có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày; viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi viết cấp độ B1.	6	-	-
3	Kinh tế vi mô nâng cao	Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về kinh tế vi mô: Khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ; Ứng xử của người tiêu dùng, người sản xuất; Ứng dụng kinh tế vi mô vào phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến sự cân bằng và phản ứng của thị trường; Lý thuyết về thuế.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Môn học Kinh tế vĩ mô nâng cao được thiết kế nhằm	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cung cấp những kiến thức chuyên sâu, kỹ năng đánh giá và khả năng phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô ở trình độ nâng cao, bao gồm: Các chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô; Sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hóa; Lạm phát và các biện pháp chống lạm phát; Tăng trưởng kinh tế; Thực trạng những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam			$\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
5	Kinh tế lượng ứng dụng	Môn học được thiết kế như là một môn khoa học ứng dụng, học viên được trang bị lý thuyết, sau đó sử dụng phần mềm chuyên dùng để phân tích và dự báo. Ngoài kỳ thi cuối học phần, môn học có một số bài kiểm tra trên máy tính, một bài tập nhóm và một bài kiểm tra học trình trên máy tính. Trong quá trình học học phần này, học viên sẽ được nghiên cứu các công cụ định lượng trong các mô hình, dữ liệu và phương pháp phân tích để mô tả thế giới thực và đóng góp cho những thảo luận, gợi ý về chính sách. Các kỹ thuật kinh tế lượng cho phép kiểm định gợi ý của lý thuyết kinh tế. Môn học này giới thiệu những phương pháp chuẩn mực nhằm ước lượng các quan hệ giữa những biến được quan sát và để kiểm định các giả thuyết về các quan hệ đó.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
6	Quản lý nguồn nhân lực	Nội dung của học phần này bao gồm: Tổng quan về quản lý nguồn nhân lực; Hoạt động hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực; Tổ chức và quản lý tiền công, tiền lương; Quan hệ lao động; Thực tiễn quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
7	Phương pháp phân tích định lượng	Cung cấp kiến thức về phân tích định lượng: Phân phối xác suất và thống kê toán, Phân tích hồi quy; Phương	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp dự báo định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định.			đa $\geq 70\%$
8	PP xử lý và phân tích số liệu thống kê	Cung cấp kiến thức về các phương pháp xử lý và phân tích số liệu thống kê, sử dụng các phương pháp và mô hình thống kê để nghiên cứu giải thích và đánh giá các số liệu trong việc đề ra các quyết định trong quản lý kinh tế.	2	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	Học phần cung cấp cho học viên một số khái niệm về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học; Nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu như phương pháp tích lũy tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê và phương pháp toán kinh tế; Phương pháp tiến hành luận văn thạc sĩ.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
10	Kinh tế sản xuất NN	Trang bị cho học viên kiến thức về Kinh tế sản xuất, Kinh tế marketing và kinh tế thương mại trong nông nghiệp; Các nguyên lý phân tích nhu cầu và cân bằng thị trường sản phẩm nông nghiệp.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
11	Quản trị nông trại	Môn học cung cấp những kiến thức quản trị nông trại bao gồm các nguyên lý kinh tế và quá trình ra quyết định trong quản trị nông trại, quản lý các yếu tố sản xuất và hồ sơ sổ sách của nông trại và vận dụng vào phân tích hoạt động sản xuất, kinh doanh của nông trại.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Marketing nông nghiệp	Môn học cung cấp những nội dung như: Bản chất của Marketing theo hai quan điểm truyền thống và hiện đại. Phân tích thị trường nông sản. Đặc điểm và chức năng của một số tổ chức tham gia trên thị trường nông sản. Phân tích và định giá nông sản. Chuỗi giá trị và ngành	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hàng.			
13	Tài chính nông thôn	Môn học cung cấp các lý thuyết về tài chính tín dụng nông thôn; thị trường tài chính ở nông thôn; tài trợ cho nông nghiệp, nông thôn; hoạch định và ra quyết định đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn; thẩm định dự án đầu tư nông nghiệp, nông thôn.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
14	Quản lý đầu tư nông nghiệp nông thôn	Môn học cung cấp lý thuyết về quản lý đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; nội dung và phương pháp quản lý các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; kinh nghiệm về quản lý dự án đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn của một số quốc gia như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc...	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
15	Kinh tế quốc tế NC	Kinh tế quốc tế là một bộ phận quan trọng của Kinh tế học dựa trên nền tảng của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô. Kinh tế quốc tế nghiên cứu các quy luật của các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, sự lưu thông các yếu tố sản xuất và sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia. Vì vậy, học phần kinh tế quốc tế nâng cao sẽ sử dụng các nguyên lý kinh tế và các công cụ của Kinh tế học để phân tích chuyên sâu các lý thuyết thương mại cũng như cơ cấu thị trường thế giới.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
16	Quản lý công NC	Môn học Quản lý công nâng cao phát triển những kiến thức, công cụ, và kinh nghiệm tốt trên thế giới nhằm giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công thông qua (1) Hoạch định chiến lược phát triển của tổ chức (xác định các tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu, các chiến lược phát triển, và các kế hoạch hành động của tổ chức công); (2) Thực hiện chiến lược (quản lý việc thực hiện dựa trên kết	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quả và các quá trình hoàn thiện liên tục...)			
17	Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp	Môn học trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về quản trị sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp nông lâm nghiệp. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề về tổ chức, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nông lâm nghiệp nhằm đạt được mục đích và mục tiêu đề ra của doanh nghiệp. Trên cơ sở các học phần khác như Quản trị học, Quản trị doanh nghiệp,... học phần này đi sâu vận dụng quản trị trong sản xuất kinh doanh nông lâm nghiệp.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
18	Quản lý tài nguyên và môi trường	Học phần sẽ giới thiệu tổng quan lý thuyết về quản lý tài nguyên và môi trường; những kiến thức chuyên sâu về quản lý tài nguyên có thể tái tạo, quản lý tài nguyên không thể tái tạo, quản lý tài nguyên đa dạng sinh học, quản lý ô nhiễm môi trường; các công cụ và chính sách quản lý tài nguyên và môi trường ở Việt Nam và các nước trên thế giới.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
19	Quản lý đất nông nghiệp	Môn học trang bị cho người học lý luận và thực tiễn về quản lý đất nông nghiệp, đánh giá tiềm năng đất nông nghiệp và mức độ thích nghi của đất đai đối với cây trồng, phân tích hệ thống sử dụng đất và các biện pháp sử dụng đất bền vững.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
20	Chính sách nông nghiệp	Cung cấp các cơ sở lý luận và thực tiễn của một số chính sách tác động trực tiếp và gián tiếp đến sản xuất nông lâm nghiệp: Nội dung, mục tiêu, công cụ và đánh giá tác động của các chính sách. Ngoài ra môn học còn đề cập đến phương hướng cơ bản hoàn thiện chính sách	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nông lâm nghiệp.			
21	Dự án phát triển NT	Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về dự án phát triển nông thôn; Xây dựng dự án phát triển nông thôn; Phân tích và thẩm định dự án; Thực hiện dự án phát triển nông thôn; Giám sát và đánh giá dự án phát triển nông thôn.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
22	Kinh tế phát triển NC	Môn học cung cấp những lý thuyết về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển: Các nguồn lực cho phát triển; Các vấn đề xã hội, di cư, dân tộc và phát triển kinh tế. Con đường và giải pháp phát triển nông thôn Việt Nam trong bối cảnh phát triển nông nghiệp thông minh theo xu hướng cách mạng 4.0 và hội nhập	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
23	Phát triển nông thôn	- Tổng quan về các lý thuyết phát triển nông nghiệp, nông thôn chủ yếu và sự tiến triển của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau. - Kinh nghiệm phát triển nông thôn của một số quốc gia có điều kiện hoàn cảnh gần như Việt Nam như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và kinh nghiệm của châu Âu.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Phát triển vùng và địa phương	Môn học được chia thành năm phần: Phần I, học viên sẽ làm quen với các khái niệm cơ bản và khung phân tích của Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh; Phần II, học viên sẽ làm quen với một công cụ phân tích quan trọng - được gọi là “mô hình kim cương,” và một khái niệm then chốt - cụm ngành kinh tế (economic cluster); Phần III trình bày một loạt các nghiên cứu tình huống về chiến lược kinh tế với các phạm vi khác nhau (cộng	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồng kinh tế, quốc gia, và chính quyền địa phương các cấp) và cho các loại nền kinh tế khác nhau ứng với các trình độ phát triển khác nhau (tiên tiến, đang phát triển, và chuyển đổi); Phần IV thảo luận cách thức một quốc gia “nâng cấp” nền kinh tế của mình; Phần V sẽ cung cấp một thảo luận chuyên sâu về các khía cạnh khác nhau của năng lực cạnh tranh của Việt Nam.			
25	Khoa học lãnh đạo	Học phần Khoa học lãnh đạo cung cấp các kiến thức về lãnh đạo như: phong cách, tổ chức lãnh đạo, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động lãnh đạo và các kiến thức đi kèm trong các kỹ năng chính của lãnh đạo như: tạo động lực, giao tiếp, thuyết trình, phân cấp, ủy quyền, và giải quyết xung đột.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
26	Phát triển nông nghiệp bền vững	Môn học cung cấp lý thuyết về phát triển nông nghiệp bền vững, nội dung phát triển nông nghiệp bền vững, phương pháp tiếp cận phát triển nông nghiệp bền vững, thách thức đối với phát triển nông nghiệp bền vững, kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững trên thế giới, thực trạng và phương hướng phát triển bền vững nông nghiệp ở Việt Nam.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Phân tích lợi ích – chi phí	Môn học Phân tích lợi ích chi phí trang bị cho người học lý thuyết về phân tích lợi ích chi phí; Phương pháp phân tích các phương án, các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn; Cách lượng hóa lợi ích chi phí trong các trường hợp có hoặc không có giá thị trường, xuất hiện hàng hóa ngoại thương, trong thị trường bị biến dạng, hay với các loại hàng hóa khác nhau.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Hệ thống nông nghiệp	Các nội dung chính của môn học bao gồm: Lý thuyết hệ thống trong phát triển và hệ thống nông nghiệp; Nông nghiệp và cộng đồng xã hội; Các loại hệ thống nông nghiệp; Nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp; Khuyến nông - Một nội dung quan trọng của công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
29	Xã hội học nông thôn	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về XXH nông thôn, bao gồm bản chất và đặc thù của xã hội nông thôn, tổ chức và quản lý xã hội ở nông thôn, các vấn đề xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Việt Nam, phương pháp nghiên cứu xã hội học nông thôn.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
30	Phát triển cộng đồng	Tầm nhìn về vai trò cộng đồng trong phát triển; Các khái niệm và cách tiếp cận phát triển cộng đồng; Giới và vai trò của giới trong phát triển cộng đồng; Ứng dụng phương pháp phát triển cộng đồng để phát triển các đề án liên quan đến đến sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch và thực thi kế hoạch phát triển nông thôn, đề xuất phương pháp xây dựng và phát triển cộng đồng thích hợp.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

24. Kinh tế nông nghiệp (Tiền sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá HV
I. HỌC PHẦN CHUYỂN ĐỔI VÀ BỔ SUNG					
1	Kinh tế vi mô nâng cao	Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về kinh tế vi mô: Khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ; Ứng xử của người tiêu dùng, người sản xuất; Ứng dụng kinh tế vi mô vào phân tích ảnh hưởng	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

		của các nhân tố đến sự cân bằng và phản ứng của thị trường; Lý thuyết về thuế.			
2	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Môn học Kinh tế vĩ mô nâng cao được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu, kỹ năng đánh giá và khả năng phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô ở trình độ nâng cao, bao gồm: Các chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô; Sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hóa; Lạm phát và các biện pháp chống lạm phát; Tăng trưởng kinh tế; Thực trạng những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
3	Kinh tế lượng ứng dụng	Môn học được thiết kế như là một môn khoa học ứng dụng, học viên được trang bị lý thuyết, sau đó sử dụng phần mềm chuyên dùng để phân tích và dự báo. Ngoài kỳ thi cuối học phần, môn học có một số bài kiểm tra trên máy tính, một bài tập nhóm và một bài kiểm tra học trình trên máy tính. Trong quá trình học học phần này, học viên sẽ được nghiên cứu các công cụ định lượng trong các mô hình, dữ liệu và phương pháp phân tích để mô tả thế giới thực và đóng góp cho những thảo luận, gợi ý về chính sách. Các kỹ thuật kinh tế lượng cho phép kiểm định gợi ý của lý thuyết kinh tế. Môn học này giới thiệu những phương pháp chuẩn mực nhằm ước lượng các quan hệ giữa những biến được quan sát và để kiểm định các giả thuyết về các quan hệ đó.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Phương pháp phân tích định lượng	Cung cấp kiến thức về phân tích định lượng: Phân phối xác suất và thống kê toán, Phân tích hồi quy; Phương pháp dự báo định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
5	Kinh tế sản xuất NN	Trang bị cho học viên kiến thức về Kinh tế sản xuất, Kinh tế marketing và kinh tế thương mại trong nông nghiệp; Các nguyên lý phân tích nhu cầu và cân bằng thị trường sản phẩm nông nghiệp.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

6	Chính sách nông nghiệp	Cung cấp các cơ sở lý luận và thực tiễn của một số chính sách tác động trực tiếp và gián tiếp đến sản xuất nông lâm nghiệp: Nội dung, mục tiêu, công cụ và đánh giá tác động của các chính sách. Ngoài ra môn học còn đề cập đến phương hướng cơ bản hoàn thiện chính sách nông lâm nghiệp.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
7	Kinh tế phát triển NC	Môn học cung cấp những lý thuyết về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển: Các nguồn lực cho phát triển; Các vấn đề xã hội, di cư, dân tộc và phát triển kinh tế. Con đường và giải pháp phát triển nông thôn Việt Nam trong bối cảnh phát triển nông nghiệp thông minh theo xu hướng cách mạng 4.0 và hội nhập	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
8	Phát triển nông thôn	- Tổng quan về các lý thuyết phát triển nông nghiệp, nông thôn chủ yếu và sự tiến triển của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau. - Kinh nghiệm phát triển nông thôn của một số quốc gia có điều kiện hoàn cảnh gần như Việt Nam như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và kinh nghiệm của châu Âu.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
9	Marketing nông nghiệp	Môn học cung cấp những nội dung như: Bản chất của Marketing theo hai quan điểm truyền thống và hiện đại. Phân tích thị trường nông sản. Đặc điểm và chức năng của một số tổ chức tham gia trên thị trường nông sản. Phân tích và định giá nông sản. Chuỗi giá trị và ngành hàng.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
10	Dự án phát triển NT	Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về dự án phát triển nông thôn; Xây dựng dự án phát triển nông thôn; Phân tích và thẩm định dự án; Thực hiện dự án phát triển nông thôn; Giám sát và đánh giá dự án phát triển nông thôn.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

11	Kinh tế quốc tế NC	Kinh tế quốc tế là một bộ phận quan trọng của Kinh tế học dựa trên nền tảng của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô. Kinh tế quốc tế nghiên cứu các quy luật của các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, sự lưu thông các yếu tố sản xuất và sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia. Vì vậy, học phần kinh tế quốc tế nâng cao sẽ sử dụng các nguyên lý kinh tế và các công cụ của Kinh tế học để phân tích chuyên sâu các lý thuyết thương mại cũng như cơ cấu thị trường thế giới.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Quản lý nguồn nhân lực	Nội dung của học phần này bao gồm: Tổng quan về quản lý nguồn nhân lực; Hoạt động hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực; Tổ chức và quản lý tiền công, tiền lương; Quan hệ lao động; Thực tiễn quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
13	Quản trị nông trại	Môn học cung cấp những kiến thức quản trị nông trại bao gồm các nguyên lý kinh tế và quá trình ra quyết định trong quản trị nông trại, quản lý các yếu tố sản xuất và hồ sơ sổ sách của nông trại và vận dụng vào phân tích hoạt động sản xuất, kinh doanh của nông trại.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
14	Tài chính nông thôn	Môn học cung cấp các lý thuyết về tài chính tín dụng nông thôn; thị trường tài chính ở nông thôn; tài trợ cho nông nghiệp, nông thôn; hoạch định và ra quyết định đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn; thẩm định dự án đầu tư nông nghiệp, nông thôn.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
15	Hệ thống nông nghiệp	Các nội dung chính của môn học bao gồm: Lý thuyết hệ thống trong phát triển và hệ thống nông nghiệp; Nông nghiệp và cộng đồng xã hội; Các loại hệ thống nông nghiệp; Nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp; Khuyến nông - Một nội dung quan trọng của công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.	2	Năm thứ nhất	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

II. HỌC PHẦN TIỀN SĨ					
16	Kinh tế học ứng dụng	Học phần này cung cấp những lý thuyết kinh tế phổ biến được ứng dụng để phân tích các vấn đề kinh tế vi mô và vĩ mô trong thực tiễn. Những kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, vĩ mô và toán kinh tế là nền tảng cho các phân tích ứng dụng. Nội dung chính của học phần này bao gồm các vấn đề về ứng dụng lý thuyết hành vi, lý thuyết lợi ích, lý thuyết sản xuất, phân tích năng suất và hiệu quả, chính sách kinh tế vĩ mô và số liệu kinh tế vĩ mô.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
17	Phát triển nông nghiệp và hội nhập	Môn học giúp nâng cao kiến thức về bối cảnh phát triển nông nghiệp; An toàn và an ninh LTP, Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, sử dụng tài nguyên và vấn đề bền vững; hội nhập kinh tế quốc tế và vấn đề phát triển nông nghiệp; Những bài học kinh nghiệm và xu hướng phát triển nông nghiệp.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
16	Ứng dụng phân tích định tính và định lượng trong nghiên cứu kinh tế	Tổng quan về các phương pháp phân tích định tính kế hợp định lượng, Các mô hình sử dụng biến định lượng kết hợp biến định tính và ứng dụng trong nghiên cứu kinh tế; Các mô hình xác suất và ra quyết định lựa chọn; Phương pháp phân tích nhân tố khám phá và ứng dụng trong nghiên cứu đánh giá mức độ hài lòng.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
17	Phân tích năng lực cạnh tranh	Các khái niệm cơ bản về lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh, về cạnh tranh và năng lực cạnh tranh; Xác định các chỉ tiêu, các phương pháp đánh giá năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của ngành và vùng lãnh thổ; Đánh giá năng lực cạnh tranh của một số nông sản chính của Việt Nam; Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh; Các chính sách/giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh; Phân tích ảnh hưởng của năng lực cạnh tranh đến sự phát triển của sản phẩm, của ngành và vùng lãnh thổ.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
18	Kinh tế và phát triển bền vững	Phần I: Tổng quan về kinh tế phát triển và phát triển	2	Năm thứ nhất	Tiểu luận

		bền vững; Các mô hình phát triển kinh tế xã hội; Các vấn đề kinh tế xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập; Quan hệ quốc tế và sự phát triển. Phần II: Phát triển nông thôn bền vững - Tiếp cận bền vững trong phát triển nông thôn; Phương pháp và công cụ trong phát triển nông thôn; Các vấn đề trong phát triển nông thôn. Phần III: Chiến lược và kế hoạch phát triển - Phương pháp hoạch định chiến lược và kế hoạch phát triển; Các công cụ trong xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển.		(NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	(100%)
19	Đánh giá tác động	Lý thuyết đánh giá tác động; Tác động và ảnh hưởng; Tác động trong nghiên cứu và nghiên cứu tác động; Các loại tác động; Các phương pháp đánh giá tác động (định tính và định lượng); Ứng dụng một số phương pháp đánh giá tác động vào các trường hợp nghiên cứu thực tiễn.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
20	Tổ chức và hoạt động của thị trường	Thị trường; cấu trúc thị trường; Cung cầu sản phẩm nông nghiệp, Nghiên cứu thị trường, Vai trò của Marketing nông sản trong phát triển kinh tế; Phương pháp đánh giá nhanh thị trường nông sản; Giá nông sản, giá các đầu vào và các chính sách giá.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
21	Phân tích lợi ích - chi phí nâng cao	Môn học Phân tích lợi ích chi phí nâng cao, trang bị cho người học các kiến thức ở tầm vi mô và vĩ mô để khắc phục các thất bại của thị trường, thất bại của chính phủ, nhằm đạt được lợi ích xã hội tối đa khi đánh giá một chương trình, một dự án dưới góc độ kinh tế - xã hội - môi trường.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Tiểu luận (100%)
22	Chuyên đề kinh tế nông nghiệp	Giới thiệu chung về chuyên đề kinh tế nông nghiệp; Phân tích tổ chức và hoạt động của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp; Ứng dụng nguyên tắc kinh tế trong ra quyết định sản xuất - kinh doanh nông nghiệp;	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai	Bảo vệ (100%)

		Phương pháp phân tích thị trường nông sản; Kinh tế nông nghiệp trong quá trình hội nhập; An ninh lương thực và an toàn thực phẩm.		(NCS chưa có Bằng ThS)	
III. TIỂU LUẬN TỔNG QUAN					
1	Tiểu luận tổng quan	Tiểu luận trình bày về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Mục đích nhằm thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề liên quan mật thiết đến đề tài luận án, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại, mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.	2	Năm thứ nhất (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ hai (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
IV. CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ					
1	Phương pháp luận nghiên cứu kinh tế phát triển nông nghiệp, nông thôn	Các vấn đề về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu; cách tiếp cận; phương pháp thu thập thông tin; khung phân tích; chỉ tiêu liên quan tới các vấn đề về kinh tế, quản lý phát triển nông nghiệp, nông thôn.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
2	Nghiên cứu tăng trưởng, phát triển và phát triển nông nghiệp bền vững	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về tăng trưởng, phát triển nông nghiệp và nông thôn; Phát triển bền vững, các vấn đề liên quan tới quản lý nguồn lực, quản lý môi trường nông nghiệp nông thôn; Định hướng và giải pháp phát triển nền nông nghiệp bền vững.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
3	Nông nghiệp và hội nhập kinh tế	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về quan hệ và sự tương hỗ của phát triển nông nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập, trao đổi thương mại quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa; Các thách thức và vấn đề đặt ra của nông nghiệp khi hội nhập; Kinh nghiệm của các quốc gia, các tổ chức kinh tế, các địa phương khi hội	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

		nhập.			
4	Kinh tế nông hộ, hộ nông dân, các vấn đề kinh tế chính trị của hộ nông dân	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nông hộ, hộ nông dân, vấn đề kinh tế chính trị của hộ nông dân trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nông hộ, các đặc trưng cơ bản của hộ nông dân qua các giai đoạn phát triển xã hội, ra quyết định và tham gia thị trường, các vấn đề đặt ra và các chính sách đối với nông dân trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
5	Kinh tế nông trại	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nông trại trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nông trại, các đặc trưng cơ bản của kinh tế nông trại, ra quyết định, tham gia thị trường đầu vào và đầu ra, hiệu quả kinh tế của nông trại và các chính sách đối với nông trại	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
6	Kinh tế của các doanh nghiệp trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế của các doanh nghiệp trong nông nghiệp - Các đặc trưng cơ bản của kinh tế doanh nghiệp, hình thức tổ chức, loại hình sở hữu, tổ chức nguồn lực, ra quyết định, tham gia thị trường đầu vào và đầu ra, quản lý doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp và các chính sách đối với doanh nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
7	Kinh tế hợp tác và phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế hợp tác trong nông nghiệp - Quan niệm, đặc điểm, phương thức, cách tiếp cận, kinh nghiệm phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

8	Kinh tế và quản lý sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế nguồn lực trong nông nghiệp; đánh giá các nguồn lực, lợi thế so sánh, thị trường đất đai, lao động, vốn, khoa học công nghệ; chính sách quản lý và sử dụng nguồn lực trong nông nghiệp; hiệu quả kinh tế quản lý sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
9	Quản lý và phát triển tài nguyên thiên nhiên trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về kinh tế quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, sinh vật, không khí, rừng, biển..) trên các phương diện đánh giá tài nguyên, lợi thế so sánh, thị trường, đa dạng sinh học, năng lực tái sinh, lợi ích kinh tế, quản lý dựa vào cộng đồng, thách thức và chính sách quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong quá trình phát triển kinh tế.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS đã có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
10	Hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp; đánh giá hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả phân bổ của áp dụng công nghệ hay kỹ thuật tiến bộ; đánh giá hiệu quả của một sản phẩm, một nông trại, một vùng và quốc gia; phân biệt hiệu quả kinh tế của các loại hình tổ chức kinh tế (hộ nông dân, trang trại, doanh nghiệp).	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
11	Chuyển giao công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về phương thức, nhân tố ảnh hưởng, cách tiếp cận, mô hình, phương pháp, hiệu quả kinh tế của chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; các phương pháp, mô hình, tổ chức và hình thức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chính sách chuyển giao công nghệ và khuyến nông.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
12	Thương mại trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về đặc điểm, phương thức, nhân tố ảnh hưởng, cách tiếp cận, các cam kết khi tham gia thương mại quốc tế trong nông nghiệp; thương mại	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba	Bảo vệ (100%)

		trong nước của nông nghiệp, sự tham gia của các tổ chức kinh tế vào thương mại; tác động của hội nhập đến thương mại trong nông nghiệp; chính sách thương mại trong nông nghiệp.		(NCS chưa có Bằng ThS)	
13	Hỗ trợ trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về bản chất, đặc điểm, phương thức, nhân tố ảnh hưởng, cách tiếp cận, các cam kết hỗ trợ của chính phủ khi hội nhập quốc tế về nông nghiệp; tác động của các chính sách hỗ trợ qua cơ chế giá, không thông qua cơ chế giá đối với nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
14	Marketing trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về đặc điểm, phương thức, nhân tố ảnh hưởng, cách tiếp cận, sự tiến hóa, các chiến lược và hiệu quả, tổ chức marketing trong nông nghiệp; chuỗi giá trị và nghiên cứu ngành hàng trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
15	Các thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về các thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế, quan điểm kinh tế - chính trị về các thành phần và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp, sự tồn tại và phát triển của các tổ chức này ở các phương thức sản xuất và xã hội khác nhau, các chiến lược và chính sách phát triển các thành phần và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
16	Hội nhập và phát triển nông nghiệp	Toàn cầu hóa/khu vực hóa và phát triển nông nghiệp, quan hệ quốc tế và phát triển nông nghiệp, thương mại quốc tế và phát triển nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
17	An toàn lương thực thực phẩm	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về an toàn LTTP, nông nghiệp theo hướng GAP, GMP, COD, HACCP; những vấn đề	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)

		kinh tế - xã hội của quản lý và sản xuất thực phẩm an toàn, rủi ro do thực phẩm không an toàn; chính sách, tổ chức và quản lý an toàn thực phẩm; hiệu quả kinh tế xã hội của an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm trong hội nhập.		Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	
18	An ninh lương thực-thực phẩm	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về an toàn an ninh lương thực thực phẩm ở cấp hộ, cộng đồng, vùng, quốc gia; thực trạng, các tiếp cận, các chiến lược an ninh lương thực thực phẩm.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
19	Công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về công nghiệp hóa, hiện đại hóa NN và NT; bản chất, nội dung, đặc điểm, nhân tố, cách tiếp cận, kinh nghiệm, tác động của CNH - HĐH đến nông nghiệp, nông dân và sự phát triển kinh tế; chiến lược CNH-HĐH.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
20	Quản lý rủi ro trong nông nghiệp	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về rủi ro và quản lý rủi ro trong nông nghiệp, đặc điểm và phương pháp tiếp cận, các chính sách quản lý rủi ro trong nông nghiệp (rủi ro về thiên tai, rủi ro về dịch bệnh, sức khỏe, tổ chức, xã hội và thị trường).	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
21	Bảo hiểm nông nghiệp	Thực trạng vấn đề bảo hiểm trong nông nghiệp; các hình thức bảo hiểm; cơ chế, chính sách bảo hiểm; lợi ích và rủi ro trong bảo hiểm nông nghiệp.	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba (NCS chưa có Bằng ThS)	Bảo vệ (100%)
22	Chính sách/chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn	Chuyên đề tập trung nghiên cứu sâu về lý luận, phương pháp luận và thực tiễn về tác động của chính sách phát triển nông nghiệp (chính sách giá, chính sách đầu vào, chính sách phát triển các thành phần kinh tế và tổ chức	2	Năm thứ hai (NCS đã có Bằng ThS) Năm thứ ba	Bảo vệ (100%)

		kinh tế, chính sách marketing, chính sách phát triển hạ tầng cơ sở, chính sách chuyên giao, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chính sách thương mại, chính sách hội nhập, chính sách công nghiệp hóa, đô thị hóa).		(NCS chưa có Bằng ThS)	

25. Quản lý kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 08/2013/TT-BGDĐT ngày 8 tháng 3 năm 2013).	4	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
2	Tiếng Anh	Học phần cung cấp cho người học cơ hội thực hành làm các bài thi nghe theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên chiến lược và kỹ thuật nghe 5 đoạn hội thoại ngắn và đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng; nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai so với nội dung; nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc. Thực hành các bài thi nói theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng tự trình bày về tiểu sử bản thân, và trình bày 1 chủ đề với bố cục rõ ràng bao gồm giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi đọc hiểu theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng đọc hiểu một câu đơn hoặc câu phức, bảng quảng cáo, bảng báo hiệu, các đoạn mô tả ngắn với các chủ đề liên quan đến đời sống hàng ngày. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi viết theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng viết câu tương đương; viết một bài ngắn khoảng 100 -	6	-	-

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		120 từ có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày; viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi viết cấp độ B1.			
3	Kinh tế vi mô nâng cao	Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về kinh tế vi mô: Khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ; Ứng xử của người tiêu dùng, người sản xuất; Ứng dụng kinh tế vi mô vào phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến sự cân bằng và phản ứng của thị trường; Lý thuyết về thuế.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Môn học Kinh tế vĩ mô nâng cao được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu, kỹ năng đánh giá và khả năng phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô ở trình độ nâng cao, bao gồm: Các chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô; Sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hóa; Lạm phát và các biện pháp chống lạm phát; Tăng trưởng kinh tế; Thực trạng những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
5	Phương pháp phân tích định lượng	Cung cấp kiến thức về phân tích định lượng: Phân phối xác suất và thống kê toán, Phân tích hồi quy; Phương pháp dự báo định lượng; Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu; Phân tích ra quyết định.	3	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
6	Kinh tế học quản lý	Môn học cung cấp cho người học những nội dung gồm: Phân tích câu; Lý thuyết sản xuất; Lý thuyết chi phí; Hành vi của hãng trong các cấu trúc thị trường; Định giá sản phẩm; Lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh; Đầu tư, yếu tố thời gian và các thị trường vốn	3		
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần cung cấp cho học viên một số khái niệm về	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	kinh tế	khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học; Nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu như phương pháp tích lũy tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê và phương pháp toán kinh tế; Phương pháp tiến hành luận văn thạc sĩ.			$\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
8	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	Nền kinh tế thị trường và vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế; Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; Chức năng và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Công cụ, phương thức và ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý quỹ và chi ngân sách Nhà nước.	3	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
9	Chính sách công	Môn học được chia thành bốn phần: Phần I, học viên sẽ làm quen với các khái niệm về chính sách, chính sách công, các công cụ chính sách trong quản lý. Phần II, học viên sẽ tìm hiểu về thị trường cạnh tranh và phúc lợi xã hội, vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, cơ sở kinh tế để nhà nước can thiệp vào nền kinh tế, nhà nước phải lựa chọn giữa hiệu quả và công bằng. Phần III trình bày hoạch định chính sách công. Phần IV trình bày quy trình thực thi chính sách công.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
10	Quản lý kinh tế nông nghiệp	Môn học sẽ giới thiệu những kiến thức về nông nghiệp và những vấn đề đặt ra cho quản lý kinh tế nông nghiệp; Quản lý thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp; Quản lý các nguồn lực trong nông nghiệp; Quản lý thị trường trong nông nghiệp; Quản lý nông nghiệp và hội nhập quốc tế; Phát triển nông nghiệp bền vững.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Quản lý chương trình và dự án	Môn học sẽ giới thiệu những kiến thức về quy trình xây dựng và quản lý chương trình, dự án. Giúp cho người ra quyết định có cái nhìn tổng quan của một chương trình dự án và xem xét tính khả thi của một dự án. Từ đó lựa chọn được dự án đầu tư, ra quyết định chính xác đồng thời giảm thiểu rủi ro có thể gặp phải trong việc thực hiện	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
12	Kinh tế phát triển NC	Môn học sẽ cung cấp cho học viên lý thuyết nâng cao về phát triển kinh tế: Các vấn đề của các nước đang phát triển, tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển phúc lợi cho con người; Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế lao động, vốn tài nguyên và công nghệ, các chính sách phát triển kinh tế.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
13	Kinh tế quốc tế nâng cao	Kinh tế quốc tế là một bộ phận quan trọng của Kinh tế học dựa trên nền tảng của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô. Kinh tế quốc tế nghiên cứu các quy luật của các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, sự lưu thông các yếu tố sản xuất và sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia. Vì vậy, môn học này sẽ sử dụng các nguyên lý kinh tế vi mô và các công cụ của Kinh tế học để phân tích các lý thuyết thương mại cũng như cơ cấu thị trường thế giới.	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
14	Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	Những cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới trong suốt nhiều năm qua đã đòi hỏi phải có sự điều tiết của chính phủ để bổ sung cho thị trường nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn. Môn học trình bày các kiến thức về bản chất và phương pháp tiếp cận của kế hoạch và chiến lược phát triển, nội dung của chiến lược và kế hoạch	2	Học kỳ 2	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phát triển, trình tự xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá chiến lược và kế hoạch phát triển.			
15	Quản lý và lãnh đạo	Môn học sẽ phát triển các lý thuyết, thực tiễn và năng lực của lãnh đạo hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa, bùng nổ tri thức, phát triển tầm nhìn chiến lược, những chiến lược và các năng lực lãnh đạo, thực hiện và quản lý sự thay đổi. Thông qua việc thảo luận về lý luận và thực tiễn lãnh đạo cho phép xem xét và đánh giá các lý thuyết lãnh đạo khác nhau, từ đó chiêm nghiệm và phản ánh những thực tiễn của người học để có thể áp dụng vào trong thực tiễn và nâng cao hiệu quả của lãnh đạo.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
16	Phát triển nông thôn	Môn học sẽ giới thiệu các lý thuyết phát triển nông nghiệp, nông thôn chủ yếu và sự tiến triển của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau. Kinh nghiệm phát triển nông thôn của một số quốc gia có điều kiện hoàn cảnh gần như Việt Nam như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và kinh nghiệm của châu Âu. Con đường và giải pháp phát triển nông thôn của nước ta hiện nay và các vấn đề tồn tại ở khu vực nông nghiệp, nông thôn cần phải được giải quyết trong thời kỳ hội nhập.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
17	Tài chính phát triển	Môn học này trình bày một cách tổng quan về hệ thống tài chính và mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế. Sau đó, sử dụng các công cụ phân tích kinh tế vi mô và vĩ mô để chỉ ra những thất bại của thị trường tài chính trong phân bổ nguồn vốn cho phát triển và vai trò của chính phủ trong việc sửa chữa những thất bại của thị trường tài chính. Vai trò chính phủ trong việc phát triển hệ thống tài chính, những thất bại mà	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính phủ có thể gặp phải cũng được đề cập và cuối cùng xem xét những yêu cầu và thách thức trong việc tạo dựng một hệ thống tài chính vận hành hữu hiệu.			
18	Lý thuyết ra quyết định trong quản lý	Môn học sẽ giới thiệu các lý thuyết ra quyết định trong quản lý; Tối ưu hóa trong nền kinh tế thị trường; Sử dụng các mô hình để tối ưu hóa; Tối ưu hóa sử dụng các mô hình kinh tế lượng; Sử dụng phương pháp phân tích phương sai để lựa chọn quyết định; Ứng dụng các chỉ tiêu tài chính trong việc lựa chọn ra quyết định; Các yếu tố định tính ảnh hưởng đến việc ra quyết định và hướng lựa chọn; Rủi ro có thể xảy ra khi ra quyết định trong quản lý kinh tế.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
19	Kinh tế công cộng NC	Môn học giúp cho các học viên phân biệt các đặc điểm đặc thù kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường và cơ chế thị trường không cạnh tranh. Các thất bại của thị trường, các chính sách can thiệp của chính phủ để nâng cao phúc lợi xã hội. Lý thuyết về chi tiêu công, đánh giá các chương trình chi tiêu, cơ chế tư nhân trong phân phối nguồn lực và cơ chế công cộng trong phân phối nguồn lực. Thuế và ảnh hưởng của thuế tới hãng cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, ngắn hạn, dài hạn, cung lao động, xuất nhập khẩu.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
20	Quản lý khoa học công nghệ	Môn học sẽ giới thiệu các nội dung bao gồm: Khái niệm, đặc điểm và các vấn đề chủ yếu của quản lý khoa học công nghệ; Chiến lược phát triển khoa học công nghệ; Quy hoạch và kế hoạch phát triển khoa học công nghệ; Chính sách khoa học công nghệ; Quản lý đề tài nghiên cứu triển khai; Cải cách hành chính trong quản lý Nhà nước về Khoa học Công nghệ.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Kinh tế và quản lý đầu tư	Môn học cung lý thuyết về đầu tư, quản lý và kế hoạch đầu tư; Kết quả, hiệu quả và mối quan hệ giữa chúng trong đầu tư phát triển; Các dự án đầu tư phát triển cũng như quan hệ quốc tế trong đầu tư.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
22	Kinh tế và quản lý tài nguyên	Môn học sẽ giới thiệu các lý thuyết kinh tế học phúc lợi và tài nguyên thiên nhiên; Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng; Quản lý, khai thác tài nguyên thủy sản; Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên có thể tái tạo; Kinh tế học các loài động thực vật hoang dã.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
23	Kinh tế và quản lý môi trường	Cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về kinh tế và quản lý môi trường để học viên có thể vận dụng vào thực tiễn công tác quản lý môi trường ở cấp vĩ mô và vĩ mô nhằm giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
24	Quản lý nguồn nhân lực	Nội dung của học phần này bao gồm: Tổng quan về quản lý nguồn nhân lực; Hoạt động hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực; Tổ chức và quản lý tiền công, tiền lương; Quan hệ lao động; Thực tiễn quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
25	Phát triển vùng và địa phương	Môn học được chia thành ba phần: Phần I, học viên sẽ làm quen với các khái niệm cơ bản và khung phân tích của Kinh tế học vĩ mô về năng lực cạnh tranh. Phần II, học viên sẽ làm quen với một công cụ phân tích quan trọng - được gọi là “mô hình kim cương,” và một khái niệm then chốt - cụm ngành kinh tế (economic cluster). Phần III thảo luận về chiến lược kinh tế với các phạm vi khác nhau (quốc gia, vùng và địa phương) và tiếp thị địa	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương với các nghiên cứu tình huống về phát triển kinh tế địa phương.			
26	Marketing địa phương	Môn học nghiên cứu cách thức các địa phương thu hút các nguồn lực để phát triển kinh tế. Từ đó, góp phần vào mục tiêu thúc đẩy sự thịnh vượng và nâng cao mức sống, phúc lợi xã hội cho cư dân địa phương mình. Giới thiệu những điểm cơ bản của Marketing, quy trình chuẩn của Marketing và thế nào là tiếp thị địa phương. Giới thiệu các bước xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế ở cấp độ địa phương. Xem xét chiến lược phát triển địa phương và thực trạng Việt Nam ảnh hưởng đến công tác tiếp thị địa phương.	2	Học kỳ 3	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
27	Triết học	Theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 08/2013/TT-BGDĐT ngày 8 tháng 3 năm 2013).	4	Học kỳ 1	Điểm tích lũy tối đa $\geq 30\%$, điểm thi tối đa $\geq 70\%$
28	Tiếng Anh	Học phần cung cấp cho người học cơ hội thực hành làm các bài thi nghe theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên chiến lược và kỹ thuật nghe 5 đoạn hội thoại ngắn và đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng; nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai so với nội dung; nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc. Thực hành các bài thi nói theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng tự trình bày về tiểu sử bản thân, và trình bày 1 chủ đề với bố cục rõ ràng bao gồm giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi đọc hiểu theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng đọc hiểu một câu đơn hoặc câu	6	-	-

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phức, bảng quảng cáo, bảng báo hiệu, các đoạn mô tả ngắn với các chủ đề liên quan đến đời sống hàng ngày. Cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi viết theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng viết câu tương đương; viết một bài ngắn khoảng 100 - 120 từ có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày; viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi viết cấp độ B1.			

IV. Khoa Sư phạm

26. Giáo dục Mầm non

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu hơn, có hệ thống hơn và nắm vững hơn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Tiền đề ra đời, các giai đoạn hình thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở lý luận thế giới quan khoa học. Phép biện chứng duy vật – cơ sở phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ rõ quy luật vận động phát triển của xã hội – là cơ sở lý luận để nhận thức và định hướng xây dựng xã hội tiến bộ. phân tích và nhận thức mối quan hệ giữa giai cấp, đấu tranh giai cấp trong thời đại hiện nay, nhận thức và vận dụng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam và hội nhập quốc tế hiện nay.	2	Học kì I Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Nguyên lý cơ bản 2	trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu hơn, có hệ thống hơn và nắm vững hơn những nội dung cơ bản của học thuyết giá trị thặng dư và học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin. Trình bày được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội mang tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trình bày được sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực, thành tựu, hạn chế và nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng. Trên cơ sở đó trình bày	3	Học kì II Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	luận chính trị (Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam). Cùng với Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và dân tộc Việt Nam. Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	2/0	Năm thứ 2 Học kì III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
4	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về quá trình lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3/0	Năm thứ 2 Học kì III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
5	Quản lý HCNN& Quản lý GD - ĐT	Theo Thông tư liên tịch số 24/2002/TTLT-BGDĐT-	2/1	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		BTCCBCP ngày 29/4/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay Bộ Nội vụ) hướng dẫn việc xét tuyển dụng công chức, viên chức, giáo viên phổ thông, mầm non. Do đó Bộ GD&ĐT đã đưa ban hành qui định đưa nội dung kiến thức Quản lí hành chính Nhà nước (QL HCNN) và những nội dung liên quan đến viên chức ngành GD&ĐT thành học phần của chương trình đào tạo giáo viên, là điều kiện để các trường làm căn cứ xét duyệt cấp bằng tốt nghiệp sư phạm			trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
6	Xã hội học đại cương	Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: khái quát về khoa học xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội.	2	Học kì I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
7	Địa lí Việt Nam đại cương	Địa lí Việt Nam đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức địa lí học, bao gồm: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta; Đặc điểm chung tự nhiên Việt Nam; Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ; Các hợp phần tự nhiên Việt Nam như khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật; Dân cư và nguồn lao động; Việt Nam trong hội nhập và	2	Học kì I Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đổi mới.			
8	Tâm lí học giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lí học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.	3	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Giáo dục học mầm non	HP cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục, các phạm trù cơ bản của giáo dục học, giáo dục học mầm non. Giáo dục học mầm non còn là sự khái quát những lí luận về công tác giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ em lứa tuổi MN Bên cạnh đó, giáo dục học mầm non còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kĩ năng nghề ở trường mầm non. Vì vậy, giáo dục học mầm non được xem là học phần tiên quyết của một số học phần, trong đó có học phần Tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non	3	Học kì II Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
10	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, - Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. - Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc - Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	2	Học kỳ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ	2	Học kỳ II	10%: Chuyên cần; 10%: Báo cáo nhóm trước lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
12	Tiếng Anh 3	tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam: có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình; có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề. Học phần này gồm 4 đơn vị bài của giáo trình Solutions– Pre-Intermediate, từ bài 7 đến bài 10. Các bài trong học phần xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như Văn hóa và phong tục, Các vấn đề toàn cầu, Tội ác và tội phạm; Sách và các ấn bản phẩm. Nội dung của mỗi đơn vị bài được chia thành bảy phần được sắp xếp từ A đến G. Phần A tập trung vào từ vựng và nghe. Phần B và D cung cấp kiến thức Ngữ pháp; phần C là về Văn hóa; phần E là Đọc hiểu; phần F Hội thoại và phần G Viết	2	Học kì III	10%: Chuyên cần; 10%: Báo cáo nhóm trước lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
13	Tiếng Anh 4	Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL	2	Học kì IV	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm			trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
14	Sinh học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các đặc trưng của cơ thể sống; vai trò của các hoạt động: trao đổi chất - năng lượng, sinh trưởng, phát triển, sinh sản và cảm ứng – vận động đối với sự tồn tại của sinh vật, mối liên hệ thống nhất và phụ thuộc lẫn nhau của các hoạt động này trong cơ thể sinh vật; đặc điểm về cấu trúc và chức năng của các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; đặc điểm của các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong tế bào, trong cơ thể thực vật, cơ thể động vật; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền, biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; đặc điểm, cơ chế của các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và đặc điểm của di truyền quần thể; các loại biến dị, vai trò của các biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái đến đời sống của sinh vật; các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái; các loại diễn thế sinh thái.	2	Học kỳ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
15	Tin học đại cương	Học phần Tin học Đại cương là học phần độc lập không nhất thiết phải có các học phần song hành hay tiên quyết Học phần Tin học Đại cương thường được giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, trang bị cho sinh viên kiến thức	2	Học kỳ II	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ bản về máy tính, lý thuyết thông tin, hệ điều hành, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử			
16	Logic toán	Trang bị cho sinh viên nội dung cơ bản của lý thuyết tập hợp và logic Toán. Phát triển khả năng suy luận logic và lập luận chứng minh Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ban đầu về lý thuyết tập hợp và logic Toán. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng suy luận logic, lập luận chứng minh, biết vận dụng vào những tình huống cụ thể	2	Học kỳ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
17	PP nghiên cứu khoa học giáo dục	Người học có hiểu biết cơ bản về các khái niệm, các quan điểm trong nghiên cứu khoa học; nhận thức rõ được logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; vận dụng được một số phương pháp và kỹ thuật thông dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục; biết các quy định về viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục.	2	Học kỳ IV	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
18	Sinh lý học trẻ em	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non. Học phần có kết cấu 11 chương gồm: Cấu tạo chung của cơ thể em, Máu và bạch huyết, Hệ tuần hoàn, Hệ hô hấp, Hệ tiêu hóa, Hệ bài tiết, Trao đổi chất và năng lượng, Hệ sinh dục, Các tuyến nội tiết, Hệ vận động và Hệ thần kinh và các giác quan.	2	Học kỳ II	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
19	Vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ	Cung cấp cho học viên kiến thức về dinh dưỡng, chăm sóc vệ sinh Tuân thủ các quy trình trongchăm sóc vệ	2	Học kỳ III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	em	sinh và dinh dưỡng cân đối, hợp lý nhằm đảm bảo và nâng cao sức khỏe cho trẻ được phát triển toàn diện			trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
20	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	Học phần này sẽ bổ sung cho sinh viên kiến thức về sự phát triển chung của lứa tuổi mầm non, về các vấn đề thường gặp và cách sơ cứu một số tai nạn thường gặp ở lứa tuổi mầm non trên cơ sở góp phần chăm sóc trẻ và bảo vệ trẻ một cách toàn diện hơn. Sinh viên phải chủ động tham khảo tài liệu trên thư viện, internet và các tài liệu do bộ môn cung cấp trước khi lên lớp, học tập đầy đủ và tham gia thảo luận tích cực	2	Học kỳ IV	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
21	Văn học trẻ em	Khái quát những kiến thức cơ bản về Văn học thiếu nhi, bao gồm hệ thống văn học dân gian thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học thiếu nhi. Cung cấp những kiến thức cơ bản về một số sáng tác của các tác giả được đưa vào giảng dạy ở mầm non và tiểu học như Trần Đăng Khoa, Tô Hoài, Phạm Hồ	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
22	Toán học cơ sở	và số học, hình học và đại lượng đo lường. Đặc biệt, chú trọng làm rõ các định nghĩa về số tự nhiên trong toán học, bốn phép toán cơ bản trên tập hợp số tự nhiên (bao gồm: cộng, trừ, nhân, chia), ôn lại đặc điểm, tính chất của các loại hình trong mặt phẳng, các khối trong không gian, tìm hiểu về cơ sở xây dựng môn hình học và những loại đại lượng thường dùng trong cuộc sống hàng ngày. Qua học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những nền tảng cơ sở về toán học, đồng thời	2	Học kỳII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiều rõ hơn về những biểu tượng toán có liên quan đến nội dung giảng dạy cho trẻ mầm non trong quá trình trẻ làm quen với toán.			
23	Thủ công kỹ thuật và đồ chơi trẻ em	Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng phục vụ giảng dạy ở trường mầm non gấp hình, cắt dán, đan nan, làm đồ chơi. Nắm được quy trình Xé dán, gấp hình, cắt dán, đan nan Nắm được cách làm các đồ chơi phục vụ giảng dạy Kỹ năng: Các kỹ năng xé, dán giấy bìa, gấp hình, cắt dán, đan nan, làm đồ chơi, Có kỹ năng đánh giá sản phẩm của học sinh.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
24	Tạo hình cơ bản	Tạo hình cơ bản là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong nội dung kiến thức giáo dục Mầm non. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nghệ thuật nói chung và nghệ thuật tạo hình nói riêng bao gồm: các khái niệm cơ bản về nghệ thuật nói chung và nghệ thuật tạo hình nói riêng, các kiến thức, các kỹ năng về: Vẽ; Nặn; Xé - Cắt dán cũng như các nguyên tắc, phương pháp để người học có thể vận dụng giải quyết các bài tập thực hành tạo ra sản phẩm từ đó biết yêu quý, trân trọng, gìn giữ và bảo vệ cái đẹp trong nghệ thuật cũng như trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận thức được vai trò của nghệ thuật nói chung và của mỹ thuật nói riêng đối với con người. - Nắm được các quy luật về màu sắc, các sử dụng màu sắc.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm ngược các nguyên tắc cũng như phương pháp tiến hành thực hiện các loại bài cụ thể trong chương trình. - Có thói quen chú ý, quan sát, ghi nhận các sự kiện, hiện tượng diễn ra trong cuộc sống. - Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để làm các loại bài tập trong chương trình. - Có khả năng vận dụng, sử dụng các sản phẩm mình tạo ra để làm đẹp cho cuộc sống của mình và những người xung quanh			
25	Âm nhạc cơ bản	Trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản về âm nhạc, lý thuyết âm nhạc cơ bản; Phương pháp đọc xướng âm ở những giọng đơn giản, có một dấu hoá. • Kỹ năng: SV có kỹ năng, nhận biết các giọng quen thuộc, xác định được nhịp điệu của bài hát. Kỹ năng vận dụng phần lý thuyết âm nhạc cơ bản vào phần đọc xướng âm ở những giọng đơn giản, có một dấu hoá, ứng dụng vào xướng âm và ghép lời cho các bài hát thiếu nhi, đặc biệt là các bài hát Mầm non.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
26	Múa cơ bản	Nắm được các động tác múa dân gian của một số dân tộc đặc trưng nhất, Cách thức xây dựng và ứng dụng động tác múa cho trẻ mầm non. Nắm được chất liệu múa dân gian của các dân tộc đặc trưng nhất - Nắm được cách thức xây dựng động tác múa đơn giản cho trẻ	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm được các quy luật, luật động, nhịp phách của từng động tác của các dân tộc			
27	Giao tiếp sư phạm ở trường mầm non	Cung cấp kiến thức cơ bản về giao tiếp ứng xử trong đời sống và trong hoạt động sư phạm ở trường mầm non. Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, gia đình phụ huynh học sinh	2	Học kì V	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
28	Giáo dục kỹ năng sống	Học phần Giáo dục kỹ năng sống thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình Giáo dục Mầm non. Nội dung của học phần: Khái quát chung về giáo dục kỹ năng sống; Mục tiêu và nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Những hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Lập kế hoạch và đánh giá giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. phần sinh viên biết được các đặc điểm chung của kỹ năng sống, sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Nội dung, phương pháp và các hình thức thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ	2	Học kỳ V	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%; 80%
29	Tổ chức hoạt động vui chơi ở trường Mầm non	Học phần giới thiệu những VĐ cơ bản về trò chơi trẻ em; khai niệm trò chơi, ý nghĩa của hoạt động vui chơi; sự hình thành phát triển các loại trò chơi ở trẻ em; Ý nghĩa , nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức trò chơi; Lập kế hoạch tổ chức trò chơi; Đánh giá mức độ phát triển của trẻ trong hoạt động vui chơi Có những kiến thức cơ bản về trò chơi trẻ em; Khái niệm hoạt động vui chơi; Sự hình thành phát triển các loại trò chơi ở trẻ em; Ý nghĩa , nội dung, phương pháp,	2	Học kì V	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình thức tổ chức trò chơi. Có kỹ năng kết nối kiến thức lý luận vào thực tế cuộc sống giáo dục mầm non; Có kỹ năng tổ chức và hướng dẫn các hoạt động vui chơi.			
30	Hát và đàn Organ	- Phần Hát: Trang bị cho sinh viên một số vấn đề về ca hát, các kỹ thuật hát, ứng dụng thể hiện bài hát Mầm non, ứng dụng thể hiện ca khúc quần chúng... - Phần Đàn Organ: Sinh viên tìm hiểu về đàn phím điện tử, bước đầu tiếp cận với phương pháp luyện kỹ thuật ngón và kỹ năng hoà thanh trên đàn. Thực hành đàn các bài hát Mầm non, làm cơ sở tự học bồi dưỡng nâng cao. Nội dung kiến thức bao gồm các kỹ thuật cơ bản cần thiết của đàn phím điện tử. Cần có những kiến thức cơ bản về hoà thanh để có thể soạn đệm và đệm bài hát trong chương trình Mầm non, phục vụ cho công tác giảng dạy sau này đạt kết quả cao	2	Học kì V	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi thực hành kết thúc học phần: 80%
31	Ứng dụng tin học trong GD mầm non	Học phần làm rõ vai trò của việc UDCNTT trong dạy học ngày nay. Giới thiệu một số phần mềm chuyên dụng trong dạy học và ứng dụng các phần mềm này trong xây dựng các hoạt động dạy học cho trẻ ở trường Mầm non. - Giải thích được cơ sở lý luận của việc ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) trong giáo dục Mầm non. - Xác định được các chức năng cơ bản của một số phần mềm công cụ và phần mềm dạy học để xây dựng các trò chơi, hoạt động dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ ở tất cả các môn học ở Mầm non. Kỹ năng:	2	Học kì VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Xây dựng được các kịch bản dạy học có sử dụng CNTT trong giáo dục Mầm non nhằm đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của trẻ. - Khai thác, sử dụng một số phần mềm trong giáo dục mầm non			
32	Tâm lí học gia đình	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về gia đình ở trên thế giới và ở Việt nam; những những đặc điểm tâm lý quan trọng của các thành viên trong gia đình, những chức năng cơ bản của gia đình cũng như những kiến thức về giá trị văn hóa truyền thống, nếp sống, thói quen trong gia đình ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của trẻ em. Sự yêu thương, uy quyền, sự đoàn kết và ganh đua trong gia đình; người học cũng được cung cấp những kiến thức biểu hiện về sự rối loạn tâm lý ở trẻ em do cha mẹ sử dụng thái quá uy quyền và tình thương yêu đối với con cái và những vấn đề về xung đột và ly tán gia đình.	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
33	Phương pháp đọc diễn cảm	Sinh viên có những hiểu biết chắc chắn về phương pháp đọc diễn cảm: cơ sở lí luận, các biện pháp đọc diễn cảm, phương pháp đọc diễn cảm các thể loại tác phẩm văn học khác nhau. Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng như: kĩ năng đọc diễn cảm các văn bản nghệ thuật; kĩ năng tổ chức và hướng dẫn cho trẻ mầm non đọc diễn cảm văn bản thơ, truyện, kịch; kĩ năng tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học; kĩ năng phân tích chương trình hoạt động Giúp trẻ làm quen với tác phẩm văn học ở Mầm non, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các	2	Học kì IV	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạt động học tập cho trẻ,...			
34	Lí luận và phương pháp dạy múa ở trường mầm non	- Nắm bắt được cách thị phạm và phân tích các luật động trong từng động tác, tổ hợp, bài tập và tác phẩm. - Nắm được cách thức giảng dạy luật động, động tác múa cho trẻ - Nắm được chất liệu múa dân gian của các dân tộc đặc trưng nhất - Nắm được cách thức xây dựng động tác múa đơn giản cho trẻ - Nắm được cách vận động múa theo nhạc, thực hành múa, hình thành kỹ năng múa, thái độ ý thức nghiêm túc trong quá trình dạy học múa cho trẻ.	3	Học kỳ V	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
35	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em	- Trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non trên cơ sở nắm được đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của trẻ có liên quan đến các hoạt động âm nhạc. - Sinh viên có kỹ năng, nghiệp vụ dạy trẻ, biết tổ chức cho trẻ hoạt động âm nhạc một cách khoa học, góp phần giáo dục thẩm mỹ, phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
36	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về phương pháp, cách vận dụng các phương pháp trong các tình huống có thể của hoạt động làm quen văn học ở trường mầm non. - Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các đặc trưng cơ bản của văn học dành cho trẻ mầm non, vai trò của	2	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		văn học với trẻ mầm non, các tiêu chí để lựa chọn tác phẩm đưa vào hoạt động làm quen văn học ở trường mầm non. - Sinh viên tiến hành được những hoạt động làm quen văn học ở trường mầm non. - Có ý thức tìm tòi, nghiên cứu các tài liệu về phương pháp cho trẻ làm quen văn học ở trường mầm non. - Thiết kế được các hoạt động cho trẻ làm quen với văn học ở trường mầm non - Tiến hành được các hoạt động cho trẻ làm quen với văn học ở trường mầm non. Trong đó có yêu cầu về vận dụng linh hoạt các phương pháp, đồ dùng dạy học cũng như xử lí các tình huống sư phạm có thể gặp.			
37	Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về lí luận và phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non, bao gồm: ý nghĩa, đặc điểm, các nguyên tắc, mục đích, nhiệm vụ của việc hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng, những đặc điểm nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi, nội dung, cách thức và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với 5 loại biểu tượng toán sơ đẳng: tập hợp, số lượng, con số, phép đếm; hình dạng; kích thước; định hướng trong không gian; thời gian. Trên cơ sở đó hình thành và rèn luyện những kĩ năng tổ chức để tiến hành cho trẻ làm quen với toán ở trường mầm non.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
38	Lí luận và phương pháp hướng	Qua học phần này sinh viên hiểu được đặc điểm, cấu trúc của nội dung hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về	2	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh	môi trường xung quanh. Biết cách vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học để lập kế hoạch tổ chức cho trẻ làm quen với MTXQ. Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức hướng dẫn cho trẻ ở các độ tuổi làm quen với môi trường xung quanh.			kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
39	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về phương pháp dạy học nói chung và phương pháp tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ ở bậc mầm non nói riêng bao gồm: các khái niệm cơ bản về nghệ thuật nói chung và tạo hình nói riêng, các kiến thức, các kỹ năng về: phương pháp tổ chức các hoạt động tạo hình trong trường mầm non cũng như các nguyên tắc phương pháp để người học có thể vận dụng các kiến thức mang tính lí luận cũng như thực tiễn để có thể lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non trong quá trình thực tập sư phạm cũng như sau khi ra trường đi làm việc ở các trường mầm non	3	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
40	Lí luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và tiếng Việt; rèn luyện một số kỹ năng nghe, nói, đọc và viết văn; nội dung và hình thức soạn giáo án và phương pháp dạy học phát triển ngôn ngữ cho trẻ em thông qua các bài giảng cụ thể, góp phần tạo điều kiện cho sinh viên học tốt các môn học khác trong chương trình đào tạo.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
41	Lí luận và Phương pháp giáo	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa	2	Học kỳ V	Chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	dục thể chất cho trẻ em	học về lý luận và phương pháp dạy học GDTC, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường mầm non. Ngoài ra môn học góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...			Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
42	Chương trình và quản lý Chương trình mầm non	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình (chương trình đào tạo giáo viên giáo dục mầm non có trình độ đại học, chương trình mầm non ở trường mầm non) và quản lý chương trình mầm non (<i>chương trình đào tạo giáo viên giáo dục mầm non có trình độ đại học, chương trình đào tạo trẻ mầm non ở trường mầm non: các tiêu chuẩn, điều lệ, ..., hướng dẫn thực hiện chương trình</i>).	2/0	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
43	Tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non	- Trên cơ sở các kiến thức lý luận cơ bản, sinh viên phát triển tư duy khoa học, có khả năng liên hệ với thực tiễn giáo dục mầm non, làm sáng tỏ các vấn đề trong giáo dục mầm non hiện nay. - Bước đầu hình thành ở sinh viên kỹ năng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong thực tiễn. Sinh viên nắm được hệ thống tri thức cơ bản về tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non, mục tiêu, nội dung và các nguyên tắc tổ chức hoạt động giáo dục ở nhà trường mầm non. Sinh viên nắm được các hoạt động cơ bản cần được tổ chức ở mầm non đồng thời có các phương pháp tổ chức thành công các hoạt động giáo dục đó.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
44	Giáo dục hòa nhập	Học phần bao gồm những nội dung: khái niệm,	2	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bản chất và tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, các quan điểm trong giáo dục hòa nhập, những yêu cầu cơ bản khi thực hiện giáo dục hòa nhập, thực tiễn giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trên thế giới và ở Việt Nam, quy trình thực hiện giáo dục hòa nhập cấp độ nhà trường và thiết kế, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục hiệu quả trong lớp học mầm non theo phương thức giáo dục hòa nhập. Có hiểu biết về trẻ có nhu cầu đặc biệt ở mầm non, giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt ở mầm non; Thực hiện giáo dục hòa nhập trong trường mầm non; Thiết kế và tổ chức các hoạt động trong lớp học mầm non theo phương thức giáo dục hòa nhập. Bước đầu có kỹ năng sử dụng một số công cụ để đánh giá và lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt, thiết kế các hoạt động trong lớp học mầm non theo phương thức giáo dục hòa nhập.			Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
45	Thực tế chuyên môn	Cung cấp kiến thức thực tiễn về chuyên ngành giáo dục mầm non	1	Học kì III	Điểm danh, , viết bài tập
46	Kể chuyện cho trẻ	Cung cấp kiến thức về kỹ năng đọc diễn cảm và kể chuyện cho trẻ mầm non. Kiến thức về phương pháp kể chuyện cho trẻ ở trường mầm non, các câu truyện cổ tích, truyện dân gian.	2	Học kì VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
47	Tổ chức và quản lí trường mầm non	Học phần Giáo dục môi trường ở trường mầm non là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình GD Mầm non. Học phần gồm các nội dung: Nhận thức chung về môi trường, ô nhiễm môi	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường và giáo dục bảo vệ môi trường; Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non; Hướng dẫn tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non; Giáo dục bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.			học phần: 80%
48	Giáo dục môi trường ở trường MN	Học phần Giáo dục môi trường ở trường mầm non là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình GD Mầm non. Học phần gồm các nội dung: Nhận thức chung về môi trường, ô nhiễm môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường; Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non; Hướng dẫn tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non; Giáo dục bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
49	Quản lý trong giáo dục mầm non	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý nói chung và quản lý GDMN nói riêng. Giới thiệu tổ chức bộ máy trường mầm non và công tác quản lý các nội dung hoạt động ở trường mầm non	2	Học kì VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
50	Trò chơi với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về trò chơi học tập, vai trò và ứng dụng của trò chơi đối với sự hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng ở trẻ mẫu giáo, bao gồm: những kiến thức cơ sở về sự hình thành biểu tượng toán ở trẻ mầm non; bản chất, đặc thù, đặc trưng, cấu trúc và phân loại trò chơi học tập, vai trò của trò chơi học tập trong dạy học, giáo dục trẻ và trong quá trình hình thành các biểu tượng toán học	2	Học kì VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo; những nguyên tắc, cách thức, điều kiện để sử dụng trò chơi học tập nhằm giúp trẻ mẫu giáo làm quen với các biểu tượng toán sơ đẳng và giới thiệu một số trò chơi học tập biểu tượng toán điển hình.			
51	Ứng dụng kí họa và cách điệu trong giáo dục mầm non	Ứng dụng và cách điệu trong giáo dục mầm non là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nghệ thuật nói chung nghệ thuật ký họa- cách điệu nói riêng và những ứng dụng của nó trong dạy học tạo hình ở trường mầm non bao gồm: các khái niệm cơ bản, các kiến thức, các kĩ năng về: ký họa- cách điệu cũng như các nguyên tắc phương pháp để người học có thể vận dụng giải quyết các bài tập thực hành tạo ra sản phẩm từ đó biết yêu quý, trân trọng, gìn giữ và bảo vệ cái đẹp trong nghệ thuật cũng như trong cuộc sống hàng ngày. Cùng với việc cung cấp kiến thức kỹ năng để hoàn thành những bài tập trong chương trình học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp ký họa, cách điệu hoa quả, đồ vật, con vật... làm tài liệu trong dạy học tạo hình ở trường mầm non. 3. Mục tiêu của học phần	2	Học kì VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
52	Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi MTXQ	Học phần Trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với MTXQ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình GD Mầm non. Học phần gồm các nội dung: Những vấn đề chung về trò chơi dân gian; Nguyên tắc, yêu cầu và nội dung trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non; Tổ chức trò chơi dân gian	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh.			
53	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các thí nghiệm và xây dựng quy trình kiểm nghiệm hoá thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO, HACCP để đạt chuẩn an toàn thực phẩm	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
54	Nghề giáo viên mầm non	Sinh viên có những hiểu biết đúng đắn về giáo dục mầm non và nghề giáo viên mầm non; có phẩm chất, kiến thức, kỹ năng về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; hiểu biết đúng và đầy đủ về chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo qui định của BGD&ĐT; Qui định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của GVMN; các yêu cầu về phẩm chất và năng lực sư phạm của GVMN; có ý thức và định hướng rèn luyện nhân cách đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
55	PP dạy trẻ làm quen với chữ viết	- Những vấn đề chung về đánh giá giáo dục: khái niệm, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, quy trình đánh giá. - Đánh giá giáo dục mầm non: mục đích, ý nghĩa, nội dung, nguyên tắc và quy trình đánh giá giáo dục mầm non Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về khoa học quản lý và quản lý giáo dục đào tạo. Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng phân tích tổng hợp, đánh giá quản lý giáo dục mầm non. Môn học cung cấp những kiến thức giúp phát triển thái độ khách quan và có trách nhiệm trong việc quản lý giáo dục mầm non. Hình thành yêu nghề yêu trẻ từ đó ý thức	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự giác học tập, rèn luyện kỹ năng tổ chức quản lý trường mầm non .			
56	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chương trình giáo dục mầm non, hướng dẫn cách thức tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
57	PT tình cảm và kỹ năng XH cho trẻ mầm non	Cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ ở trường mầm non. Tình cảm xã hội, đặc điểm, quy luật, KNXH, GDKNXH...	2	Học kì VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
58	Rèn luyện NVSPTX 1	Cung cấp kiến thức về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Tổ chức Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên	1	Học kì IV	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
59	Rèn luyện NVSPTX 2	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người, sự truyền thụ các gene ở cấp độ quần thể.	2	Học kì V	Chuyên cần; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
60	Kiến tập sư phạm	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người; các phương pháp nghiên cứu, chẩn đoán và hướng điều trị bệnh di truyền ở người.	2	Học kì V	Chuyên cần; Thực hành
61	Thực tập sư phạm	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về phương pháp nghiên cứu; cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người.	5	Học kì V III	Chuyên cần; Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
62	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	Làm đề tài tốt nghiệp	7	Học kì V III	Viết báo cáo đề tài
63	Tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non	Cung cấp kiến thức về âm nhạc, cách thức tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non	2	Học kì V III	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
64	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động tạo hình	Cung cấp kiến thức cơ bản về mỹ thuật, tạo hình, phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình, cắt xé, dán cho trẻ ở mầm non	2	Học kì V III	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
65	Phương pháp dạy múa cho trẻ	Cung cấp kiến thức về kỹ thuật múa, tổ chức hoạt động múa cho trẻ ở mầm non	2	Học kì VIII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
66	Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới GDMN	- Những vấn đề chung về đánh giá giáo dục: khái niệm, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, quy trình đánh giá. - Đánh giá giáo dục mầm non: mục đích, ý nghĩa, nội dung, nguyên tắc và quy trình đánh giá giáo dục mầm	2	Học kì VIII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
67	Tư duy Toán học ở MN	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về tư duy, đặc điểm tư duy toán học ở mầm non và vận dụng các phương pháp dạy học để phát triển tư duy cho trẻ, bao gồm: tư duy, tư duy toán học, các loại hình tư duy toán học; đặc điểm tư duy của trẻ mầm non, đặc điểm phát triển những biểu tượng về tập hợp,	2	Học kì VIII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		số lượng, con số và phép đếm, hình dạng, kích thước, định hướng không gian của trẻ mầm non và định hướng thời gian của trẻ mầm non; các phương pháp phát triển tư duy toán học cho trẻ và cách vận dụng các phương pháp hình thành biểu tượng toán để phát triển tư duy cho trẻ mầm non.			
68	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Qua học phần này sinh viên hiểu được sự cần thiết phải thực hiện giáo dục tích hợp, đặc trưng của giáo dục tích hợp; Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non, so sánh điểm giống và khác nhau giữa chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục phổ thông; Thiết kế được chương trình giáo dục tích hợp theo các chủ đề ở trường mầm non; Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp.	2	Học kì VIII	Chuyên cần(5%); Tham gia thảo luận trên lớp(5%); Kiểm tra giữa học phần (10%).

27. Giáo dục Tiểu học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lí cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thức học phần.
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới.	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách mạng Việt Nam.			trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
6	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lí hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
7	Tâm lí học tiểu học	Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lí học, tâm lí học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm: Thuật ngữ chuyên ngành, bản chất tâm lí người, sự phát triển của	03	Năm thứ I	10%: Chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tâm lí người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên. Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lí học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.			cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
8	Giáo dục học	Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông.			
9	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	Người học cần nắm được khát quái về điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và phân vùng cư trú của các dân tộc Tây Nguyên; Kiến thức về tổ chức xã hội truyền thống, đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Tây Nguyên; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên – xã hội, đồng thời nhận diện được đặc điểm văn hóa vật thể, phi vật thể, nghi lễ - phong tục cũng như vai trò, vị trí của văn hóa Tây Nguyên đối với phát triển.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
11	Nhân học đại cương	Sinh viên hiểu được những vấn đề: vấn đề tộc người, nhân chủng, kinh tế, văn hóa, ngôn	02	Năm	10%:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngữ, tôn giáo của các tộc người trên thế giới và ở Việt Nam; tính đa dạng văn hóa tộc người, các vấn đề về xã hội nguyên thủy..., kiến thức cơ bản về những đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam.		thứ I	Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
12	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
13	Lịch sử địa lí và PPDH	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm <i>văn hoá</i> , <i>văn minh</i> , nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời đại.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thức học phần.
14	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
15	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp đề gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
16	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ấn bản phẩm.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn giản...			kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
17	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
18	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Người học có hiểu biết cơ bản về các khái niệm, các quan điểm trong nghiên cứu khoa học; nhận thức rõ được logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; vận dụng được một số phương pháp và kỹ thuật thông dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục; biết các quy định về viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục.	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
19	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải:	02	Năm	10%:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.		thứ I	Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
20	Giáo dục thể chất 1	Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống.	01	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
21	Giáo dục thể chất 2	Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần.
22	Giáo dục thể chất 3	Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện. Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá.	1	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
23	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. <i>Kỹ năng:</i> Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. <i>Thái độ:</i> Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.	03	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
24	Công tác quốc phòng và an ninh	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... <i>Kĩ năng:</i> Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. <i>Thái độ</i> Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
25	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	<i>Kiến thức</i> Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. <i>Kỹ năng</i> Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. <i>Thái độ</i> Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
26	Hiểu biết chung về quân binh chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. <i>Kỹ năng:</i> Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. <i>Thái độ</i> Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc	01	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
27	Dẫn luận ngôn ngữ học	<i>Kiến thức:</i> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các loại hình ngôn ngữ...) <i>Kỹ năng:</i> Hiểu các thuật ngữ, các khái niệm ngôn ngữ, nắm được bản chất, qui luật hình thành và phát triển của ngôn ngữ để vận dụng vào học tập, nghiên cứu, giảng dạy. <i>Thái độ:</i> Chăm chỉ, học tập nghiêm túc nắm chắc kiến thức lý thuyết vận dụng vào thực	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tế.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
28	Sinh lí học trẻ em	Kiến thức: Nắm vững các kiến thức cơ bản về quá trình phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non Kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức của môn học trong việc nuôi, dạy trẻ một cách khoa học để các em có thể phát triển toàn diện về các mặt đức, trí, thể, mỹ. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho bài giảng, tăng cường năng lực hoạt động nhóm.	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
29	Toán học 1	Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ban đầu về lí thuyết tập hợp và logic Toán. Kĩ năng: Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng suy luận logic, lập luận chứng minh, biết vận dụng vào những tình huống cụ thể. Thái độ: Rèn cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu, ...	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
30	Toán học 2	Kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản của đại số và lý thuyết số như: phép toán hai ngôi, nhóm, vành, trường; tập hợp số tự nhiên, số hữu tỷ không âm, số hữu tỷ; quan hệ chia hết trên tập hợp các số nguyên, định lý về phép chi có dư, ước chung lớn nhất và	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bồi chung nhỏ nhất. Kỹ năng: Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực sử dụng ngôn ngữ Toán học: Người học được trang bị các thuật ngữ, kí hiệu toán học thông qua các khái niệm toán học như phép toán hai ngôi, nhóm, vành, chia hết, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất,...; Phát triển kỹ năng lập luận logic, chặt chẽ thông qua việc chứng minh các định lý và giải bài tập; Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và cụ thể hóa vấn đề. Thái độ: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, có khả năng tự nghiên cứu. Yêu thích nghề dạy học và có định hướng phát triển nghề nghiệp.			20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
31	Toán học 3	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ban đầu của cơ sở Hình học và hình học sơ cấp; Những kiến thức cơ bản, ban đầu của đại lượng và phép đo đại lượng. Kĩ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: Vẽ hình (dựng hình), nhận dạng hình, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán hình học ở trường tiểu học; Những kĩ năng cơ bản như: Đong, đo, đếm, nhận dạng hình, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán đại lượng ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các yếu tố hình học và yếu tố đại lượng đo lường ở bậc tiểu học; ...	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
32	Cơ sở tự nhiên và xã hội 1	Kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các đặc điểm của các nền văn học như Ấn Độ, Nhật Bản cùng những thể loại, tác phẩm, tác giả văn học tiêu biểu của các dân tộc này. Kĩ năng: Kĩ năng đọc, ghi chép, hiểu văn bản thuộc về các tác phẩm văn học châu Á tiêu biểu (chủ yếu thuộc văn học Ấn Độ và Nhật Bản) ; kĩ năng phân tích các tác phẩm, trích đoạn văn học châu Á trong chương trình sách giáo khoa Trung học phổ thông và Trung học cơ sở.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Sinh viên yêu thích môn học, tích cực, tự giác tìm đọc tài liệu và kết hợp chặt chẽ với sự trình bày hướng dẫn của giảng viên trên lớp, hướng đến việc tích lũy kiến thức phục vụ cho nghề nghiệp sau này.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
33	Cơ sở Tự nhiên và xã hội 2	Kiến thức: SV biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, học sinh tiểu học, sức khỏe vị thành niên. Chế độ dinh dưỡng, các bệnh và cách phòng tránh các bệnh thường gặp ở học sinh tiểu học; SV nắm được khái niệm, phân loại, bản chất và các bài tập để rèn luyện một số kỹ năng sống cần thiết cho học sinh tiểu học; Phân tích được các kiến thức về giáo dục sức khỏe và giáo dục kỹ năng sống được tích hợp trong môn Tự nhiên và xã hội và vận dụng các phương pháp dạy học để thực hiện các nội dung đó. Kỹ năng : Biết lập kế hoạch và thực hiện dạy học các nội dung giáo dục sống khỏe mạnh và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. SV biết thực hiện các bài tập để rèn luyện kỹ năng sống. Thái độ: SV xây dựng được lối sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng. Hình thành lòng yêu thích môn học.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
34	PPDH tiếng Việt 1	Kiến thức: Trang bị cho người học một số nguyên tắc và phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ, trên cơ sở đó có khả năng vận dụng những kiến thức lí thuyết này vào việc dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học. Kỹ năng: Từ kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giảng dạy các tiết học về tiếng Việt trong chương trình tiếng Việt ở trường tiểu học. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao kỹ năng đứng lớp cho người học gắn với hoạt động nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Thái độ: giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	PPDH tiếng Việt 2	Kiến thức: Sinh viên có những hiểu biết chắc chắn về Phương pháp dạy học các phân môn Học vần, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu. Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý tiếng Việt và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
36	PPDH tiếng Việt 3	Kiến thức: Sinh viên trình bày, phân tích và vận dụng được những nội dung về Phương pháp dạy học các phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Tập làm văn. Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu tài liệu.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
37	Đạo đức và PPDH	Kiến thức: Những nội dung cơ bản của một số phạm trù đạo đức học Mác-Lênin; Tầm quan trọng của giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học; Các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học; Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức trong dạy học môn Đạo đức. Kỹ năng: Xác định được những con đường cơ bản của giáo dục đạo đức nói chung và theo từng chuẩn mực hành vi nói riêng cho học sinh Tiểu học; Xác định, lựa chọn được	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức theo từng bài đạo đức một cách thích hợp; Tiến hành giờ lên lớp môn Đạo đức một cách chủ động, có chất lượng. Thái độ: Coi trọng công tác giáo dục đạo đức nói chung và dạy học môn đạo đức nói riêng cho học sinhTiểu học; Phê phán những hiện tượng coi nhẹ việc giáo dục đạo đức nói chung, dạy học môn Đạo đức nói riêng.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
38	Âm nhạc và PPDH	Kiến thức:Phần Âm nhạc cơ bản :Xác định được đặc trưng của nghệ thuật âm nhạc, vai trò và tác dụng của nghệ thuật âm nhạc với đời sống nói chung và học đường nói riêng, giải thích các đặc tính âm thanh, phân tích ý nghĩa thực hành của các ký hiệu thường dùng trong các bài hát. So sánh được các giọng, điệu trưởng, thứ. Nắm chắc kiến thức phương pháp xác định giọng, dịch giọng. Có kiến thức lý thuyết âm nhạc căn bản làm cơ sở tự học bồi dưỡng nâng cao; Phần PPDH: Xác định vai trò giáo dục của âm nhạc, nêu được những đặc điểm về khả năng cảm thụ và hoạt động âm nhạc của học sinh tiểu học. Phân tích và đánh giá được những phương pháp dạy học âm nhạc. Hiểu biết về nội dung chương trình và cấu trúc của sách giáo khoa bộ môn ở trường tiểu học. Kỹ năng:Phần Âm nhạc cơ bản: Sinh viên sử dụng kiến thức trong lý thuyết âm nhạc cơ bản để đọc- ghi nhạc. Ứng dụng tốt vào các phần tập đọc nhạc, hát một số bài hát trong chương trình tiểu học. Xác định đúng giọng- điệu bài hát trong chương trình tiểu học. Phân biệt thể loại và hình thức các bài hát trong chương trình. Sử dụng kiến thức môn học để ứng dụng vào các vấn đề về nhạc lý căn bản trong giảng dạy âm nhạc ở trường tiểu học; Phần PPDH: Sử dụng phương pháp dạy học âm nhạc để tổ chức các giờ học và các hoạt động âm nhạc ngoài giờ học cho học sinh tiểu học.	03	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
39	Thủ công, kĩ thuật và phương pháp dạy học	Kiến thức: Nắm được quy trình Xé dán, gấp hình, cắt dán, đan nan, làm đồ chơi, lắp ghép mô hình kĩ thuật, kĩ thuật tự phục vụ, kĩ thuật trồng trọt, chăn nuôi; Nắm được các phương pháp dạy học đặc trưng và lựa chọn được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra – đánh giá. Kỹ năng: Các kĩ năng xé, dán giấy bìa, gấp hình, cắt dán, đan nan, làm đồ chơi, lắp ghép	03	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mô hình kĩ thuật, kĩ thuật tự phục vụ, kĩ thuật trồng trọt, chăn nuôi; Có kĩ năng lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học; Có kĩ năng đánh giá sản phẩm của học sinh. Thái độ: Có thói quen làm việc theo quy trình, kiên trì, cẩn thận và có ý thức vượt qua khó khăn để hoàn thành sản phẩm. Có ý thức tự học và học lên các bậc học cao hơn			trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
40	Thể dục và PPDH	* Kiến thức: - Nắm vững phương pháp giáo dục thể chất. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng môn học thể dục và phương pháp DHHS tiểu học. - Hiểu các vấn đề về phương pháp lí luận trong thực tế giảng dạy thể dục, phương tiện giáo dục thể chất, phương pháp giáo dục thể chất, các nguyên tắc giáo dục thể chất... * Kỹ năng: - Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp GDTC. - Sinh viên biết vận dụng các kiến thức học phần lí luận và phương pháp GDTC vào thực tiễn trong lĩnh vực dạy học sinh tiểu học. - Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với đối tượng. * Thái độ: - Hiểu đúng ý nghĩa, tác dụng môn học Thể dục và phương pháp dạy học học sinh tiểu học. - Phát triển tính tập thể, đoàn kết trong học tập. - Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá học sinh trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng học sinh và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.	03	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
41	Phân tích và phát triển	Kiến thức: Nêu được một số khái niệm liên quan đến chương trình và phát triển chương trình; Phân biệt được các khái niệm về chương trình giáo dục, chương trình môn học,	02	Năm	10%: Chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	chương trình	sách giáo khoa... Mô tả và so sánh được về bản chất, ưu và nhược điểm của các cách tiếp cận, phát triển chương trình giáo dục; các mô hình nhà trường ở Việt Nam hiện nay. Kỹ năng: Phân tích, đánh giá được chương trình tiểu học hiện hành; chương trình một môn học bất kì; Xây dựng được kế hoạch giảng dạy; Nâng cao kỹ năng làm việc cá nhân (thuyết trình), làm việc nhóm. Thái độ: Ý thức được những thuận lợi, khó khăn của bản thân trong học tập và có biện pháp để đạt được mục tiêu của chuyên đề; Tự giác hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập theo yêu cầu của giảng viên; Ý thức vận dụng các kiến thức về chương trình và phát triển chương trình giáo dục vào việc tìm hiểu chương trình tiểu học hiện hành và nhận thức được đường lối đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục ở nước ta hiện nay.		thứ 4	cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
42	PPHD toán 1	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những nội dung đại cương và cụ thể trong chương trình môn Toán ở tiểu học (PP, PPDH, dạy học khái niệm, dạy học giải bài tập, ...) Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Phân tích, so sánh, nhận dạng, tính toán, ..., đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung môn Toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
43	PPDH toán 2	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những nội dung đại cương và cụ thể trong chương trình môn Toán ở tiểu học (số học, hình học, đại lượng, thống kê, ...). Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Đo, đếm, nhận dạng, tính toán, ..., đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung môn Toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
44	PPDH Toán 3	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về các PP giải toán thông dụng và PP giải một số loại toán đặc thù ở tiểu học. Kỹ năng:Rèn luyện cho sinh viên các PP giải và thực hành giải toán ở tiểu học. Thái độ:Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung môn Toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
45	PPDH Tự nhiên xã hội	Kiến thức: Biết được vị trí, mục tiêu và nhiệm vụ của môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học.SV phân tích được nội dung chương trình sách giáo khoa, cách trình bày sách giáo khoa môn Tự nhiên và xã hội ở Tiểu học.Vai trò của thiết bị dạy học môn Tự nhiên và xã hội. Nắm được bản chất và cách vận dụng các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học các chủ đề trong môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Biết vận dụng Thông tư 22 để đánh giá học sinh tiểu học. Kỹ năng: Biết lập kế hoạch và thực hiện dạy học các chủ đề trong môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học; Biết tự làm các đồ dùng dạy học đơn giản. Thái độ: SV yêu thích môn học và hình thành lòng yêu nghề, yêu học sinh tiểu học.	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
46	Khoa học và PPDH	Kiến thức: Có kiến thức cơ bản, cập nhật về nội dung chương trình, cấu trúc SGK, SGV môn Khoa học ở tiểu học . Trang bị một số phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá đặc trưng của môn Khoa học ở tiểu học. Nắm được cách tiến hành	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		một giờ dạy môn Khoa học ở tiểu học. Kỹ năng: Vận dụng kiến thức về chương trình, SGK, các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức kiểm tra đánh giá đặc trưng của các môn về môn khoa học vào soạn giáo án và giảng dạy hiệu quả môn học này ở tiểu học. Thái độ: Sinh viên hình thành thái độ tích cực tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới và thường xuyên rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.			20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
47	Thực hành tổ chức hoạt động NGLL	Kiến thức: Qua học phần sinh viên có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của công tác giáo dục ở trường tiểu học, trang bị một hệ thống các kiến thức cần thiết về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động. Kỹ năng: Hình thành cho học sinh những kỹ năng cơ bản để tiến hành tổ chức tiết chào cờ, tiết hoạt động tập thể và tổ chức các hoạt động theo chủ điểm, có kỹ năng kế hoạch phối hợp với gia đình và xã hội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Thái độ: Góp phần cho sinh viên có thái độ đúng đắn đối với công tác giáo dục ở trường tiểu học. Tích cực, tự giác và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh ở các trường tiểu học.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
48	Giáo dục tích hợp ở Trường tiểu học	Kiến thức: Qua học phần này sinh viên hiểu được sự cần thiết phải thực hiện giáo dục tích hợp, đặc trưng của giáo dục tích hợp; Giáo dục tích hợp ở bậc tiểu học, so sánh điểm giống và khác nhau giữa chương trình giáo dục tiểu học và chương trình giáo dục phổ thông; Thiết kế được chương trình giáo dục tích hợp theo các môn học; Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp. Kỹ năng: Có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác với các bạn khác; Có kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện giáo dục tích hợp theo các môn học. Thái độ: Giáo dục cho sinh viên lòng yêu thích bộ môn, yêu nghề và từ đó có ý thức nâng cao tay nghề sư phạm cho mình.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Dạy học TV theo quan điểm giao tiếp	Kiến thức: Sinh viên trình bày, phân tích và vận dụng được những nội dung về chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp, những lưu ý về phương pháp dạy học môn Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, dạy sản sinh văn bản nói và viết cho học sinh tiểu học, kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt theo chương trình mới. . Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý tiếng Việt và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
50	Dạy học hội thoại ở tiểu học	Kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng vào việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng dùng từ, câu, giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
51	Tiếng Việt 3	Kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề khái niệm phong cách, các loại phong cách khác nhau, về các biện pháp tu từ. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng vào việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng các phong cách chức	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong ứng xử với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng sử dụng các biện pháp tu từ giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao. Thái độ: Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
52	Bồi dưỡng HS giỏi Tiếng Việt ở TH	Kiến thức: Sinh viên xác định chắc chắn được những nội dung về hoạt động dạy học, bồi dưỡng học sinh giỏi môn Tiếng Việt ở tiểu học: Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,...; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn các nội dung về kiến thức và kỹ năng phù hợp để vận dụng trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý tiếng Việt và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
53	Thực tế chuyên ngành	Kiến thức: Thông qua việc đi thực tế, sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng những kiến thức lý thuyết đã được học trên giảng đường vào thực tiễn; được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để trau dồi kỹ năng nghề nghiệp và để bồi dưỡng thái độ yêu nghề, hiểu biết về kiến thức liên quan đến di sản văn học, ngôn ngữ, di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể... và hiểu biết về giá trị và vai trò và việc phát huy giá trị của văn học, ngôn ngữ và di sản văn hóa Việt Nam thông qua các điểm thực tế. Kỹ năng: Hình thành những kỹ năng quan sát, nghiên cứu, tổng hợp liên quan đến văn	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học, ngôn ngữ, văn hóa để phục vụ quá trình hoàn thiện kiến thức trong dạy học và nghiên cứu ở trường PT và kỹ năng nghề nghiệp trong thực tiễn. Thái độ: Yêu quê hương, đất nước, hiểu và yêu quý những giá trị văn học, ngôn ngữ, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam			tự luận kết thúc học phần.
54	Bồi dưỡng học sinh giỏi toán TH	Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về các dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi ở Tiểu học (Các bài toán về số và chữ số, các bài toán về chia hết, ...) Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng giải các dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở bậc Tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên lòng yêu thích bộ môn, yêu nghề, mến trẻ từ đó có ý thức nâng cao tay nghề sư phạm., ...	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
55	Những sai lầm khi giải toán ở tiểu học	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những lỗi mà HSTH hay mắc phải, từ đó đưa ra các giải pháp để khắc phục. Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Tính toán, đo đạc, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các lỗi khi dạy học môn toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
56	Rèn luyện tư duy khi giải toán ở Tiểu học	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cơ bản về các loại hình tư duy toán học, các thao tác tư duy toán học, ... Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Tính toán, phân tích, tổng	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hợp, so sánh, .. , đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại khi toán ở bậc tiểu học; ...			20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
57	Giải toán cho HSTH	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những dạng toán tiểu học cho bằng các thẻ thơ, từ đó đưa ra các giải. Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Tính toán, đo đạc, ... , đặc biệt vận dụng vào đời sống và giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các bài toán cho bằng thơ khi dạy học môn toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
58	Lịch sử địa phương	Kiến thức: Sinh viên khái quát được tiến trình lịch sử địa phương qua các thời kì lịch sử (thời nguyên thủy, cổ - trung đại, cận – hiện đại) và những nét khái quát về địa lí địa phương (vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, kinh tế...) Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng tư duy lý luận, so sánh, đối chiếu, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử, địa lí; Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức lịch sử, địa lí cho học các học phần khác, cũng như trong nhìn nhận, đánh giá, giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội – kinh tế hiện nay.Có kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan và sử dụng tài liệu, tư liệu lịch sử, địa lí; Bước đầu hình thành một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tóm tắt tài liệu học tập, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng trình bày, thuyết trình một vấn đề... Thái độ: Có lòng yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về những truyền thống tốt đẹp	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của các dân tộc Tây Nguyên.			
59	Sử dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại ở tiểu học	Kiến thức: Biết được khái niệm, bản chất đặc thù, tiêu chí phân loại và nguyên tắc lựa chọn PPDH, kỹ thuật dạy học; Trình bày và phân tích được khái niệm, các bước tiến hành, ưu – nhược điểm của một số kỹ thuật dạy học cụ thể; Vận dụng được kiến thức về các kỹ thuật dạy học hiện đại thiết kế giáo án cho các bài học ở tiểu học. Kỹ năng:- Kỹ năng tư duy phê phán, giải quyết vấn đề (lựa chọn, vận dụng phù hợp, sáng tạo các kỹ thuật dạy học trong việc triển khai quá trình dạy học); Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; -Kỹ năng lập kế hoạch dạy học, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu,...; Kỹ năng đánh giá và tự đánh giá; Kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ (lời nói và phi lời nói), thuyết trình trước công chúng. Thái độ: Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong giai đoạn mới; Nhạy bén với cái mới, có tinh thần chủ động thích ứng với sự thay đổi; Say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới PPDH; kỹ thuật dạy học; Hình thành ý thức thường xuyên trau dồi, phát triển nghề nghiệp.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
60	Rèn luyện NVSPTX 1	Kiến thức: Sinh viên xác định được những nội dung về đặc điểm của chữ viết Tiếng Việt, quy định và kỹ thuật viết chữ trên giấy, quy định và kỹ thuật viết và trình bày bảng. Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết chữ trên giấy, kỹ năng viết và trình bày bảng đúng, đẹp và khoa học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính kiên trì, tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
61	Rèn luyện NVSPTX 2	Kiến thức: Trình bày được những yêu cầu khi chuẩn bị cho việc nói, những điều kiện để	02	Năm	10%:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nói có hiệu quả; Mô tả được những yêu cầu về kỹ năng: kể chuyện, điều khiển giờ kể chuyện; Vận dụng được kiến thức đã học để thực hành nói, kể chuyện. Kỹ năng: Sinh viên rèn luyện được các kỹ năng nói, kể chuyện cá nhân, trước nhóm, trước lớp; Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kỹ năng đã học cho học các môn học khác, cũng như tiếp tục tự rèn luyện, nâng cao các kỹ năng này; Bước đầu hình thành thêm được một số kỹ năng cơ bản khác: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng trình bày, thuyết trình một vấn đề... Thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện; lòng yêu nghề; Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.		thứ I	Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
62	Giao tiếp sư phạm	Kiến thức: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: Khái niệm giao tiếp, phương tiện giao tiếp, giao tiếp sư phạm, chức năng giao tiếp sư phạm, phong cách giao tiếp sư phạm, nguyên tắc giao tiếp sư phạm...; Học phần còn giúp sinh viên tiếp cận nền tảng kiến thức giao tiếp qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy. Kỹ năng:Sinh viên thực hiện được các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản như: Kỹ năng định hướng, kỹ năng định vị, kỹ năng điều khiển, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp, kỹ năng điều khiển bản thân, kỹ năng ứng xử sư phạm. Thái độ:Sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống sư phạm thực tiễn; Sinh viên hình thành được thái độ giao tiếp đúng mực, luôn chủ động và tích cực rèn luyện để có kỹ năng giao tiếp tốt, biết vận dụng linh hoạt các kỹ năng vào quá trình giao tiếp trong nghề nghiệp sau này	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
63	PPCT Đội TNTPHCM	Kiến thức: Qua học phần sinh viên có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học, trang bị một hệ thống các kiến thức cần thiết về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động Kỹ năng: Hình thành cho học sinh những kỹ năng cơ bản để tiến hành tổ chức tiết chào cờ, tiết hoạt động tập thể và tổ chức các hoạt động theo chủ điểm, có kỹ năng kế hoạch phối hợp với gia đình và xã hội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lớp. Thái độ: Góp phần cho sinh viên có thái độ đúng đắn đối với công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học. Tích cực, tự giác và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh ở các trường tiểu học.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
64	Kiến tập sư phạm	Kiến thức: Tạo điều kiện để giáo sinh tiếp xúc với thực tiễn giáo dục ở trường nơi KTSP. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc tìm hiểu học sinh, các hoạt động cơ bản của trường KTSP, công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp, sự kết hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong giáo dục học sinh. Kỹ năng: Tạo điều kiện để giáo sinh làm quen với công tác giảng dạy ở trường KTSP theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học: Lấy người học làm trung tâm. Thái độ: Bước đầu hình thành ở giáo sinh tình cảm yêu nghề và một số kỹ năng sư phạm cần thiết: Giao tiếp, tổ chức các hoạt động giáo dục, chỉ đạo tập thể học sinh, nghiên cứu khoa học giáo dục...	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
65	Thực tập sư phạm	Kiến thức: Lập kế hoạch giảng dạy, kế hoạch công tác chủ nhiệm, kế hoạch công tác Đoàn - Đội và công tác phong trào thể dục thể thao ngoại khóa; Năng lực thực hiện kế hoạch công tác đã đề ra về: biên soạn chương trình, giáo án chuyên môn, giáo án chủ nhiệm, thực hiện giảng dạy trên lớp, tổ chức sinh hoạt chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động Đoàn - Đội, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa. Kỹ năng: Kỹ năng cứng mong muốn sinh viên tích lũy được kỹ năng soạn giáo án và giảng dạy trên lớp, thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức được các phong trào thể dục thể thao ngoại khóa. Kỹ năng mềm phát triển kỹ năng sống và giao tiếp xã hội, có khả năng tự đánh giá được ưu, khuyết điểm của bản thân, rút ra được bài học kinh nghiệm cho công tác nghề nghiệp trong tương lai, có năng lực hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống. Thái độ: Sinh viên sau khi hoàn thành học phần thực tập sư phạm có ý thức, trách nhiệm	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cao trong việc học tập để nắm vững kiến thức về phương pháp biên soạn giáo án môn học giáo dục thể chất, phương pháp tổ chức người học, hoạt động của học sinh, hoạt động của giáo viên trong quá trình lên lớp, đây là môn học mà người học xử dụng nó rất nhiều trong quá trình công tác, giảng dạy, huấn luyện sau này.			
66	CD PPDH môn Toán ở tiểu học	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những nội dung đại cương và cụ thể trong chương trình môn Toán ở tiểu học (số học, hình học, đại lượng, thống kê, ...). Kỹ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Đo, đếm, nhận dạng, tính toán, ..., đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ:Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung môn Toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
67	Cơ sở môn toán ở tiểu học	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng về toán ở tiểu học. Kĩ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Đo, đếm, nhận dạng hình, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung toán học có liên quan ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
68	CD toán tính tuổi ở tiểu học	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản giải toán tính tuổi ở tiểu học Kĩ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Tính toán, ước lượng, vẽ sơ đồ, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán tính tuổi ở trường tiểu học.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các dạng toán tính tuổi khi dạy học môn toán ở bậc tiểu học; ...			20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
69	CD toán CDD	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán chuyển động đều và các phương pháp giải từng dạng. Kĩ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: Đo, đếm, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán chuyển động đều ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu nội dung toán chuyển động đều ở bậc tiểu học;	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
70	CD PPDH Tiếng Việt ở tiểu học	Kiến thức:Sinh viên có những hiểu biết chắc chắn về Phương pháp dạy học các phân môn Học vần, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu. Kỹ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý tiếng Việt và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
71	Dẫn luận ngôn ngữ	<i>Kiến thức:</i> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các loại hình ngôn ngữ...) <i>Kỹ năng:</i> Hiểu các thuật ngữ, các khái niệm ngôn ngữ, nắm được bản chất, qui luật hình thành và phát triển của ngôn ngữ để vận dụng vào học tập, nghiên cứu, giảng dạy. <i>Thái độ:</i> Chăm chỉ, học tập nghiêm túc nắm chắc kiến thức lý thuyết vận dụng vào thực tế.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
72	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<i>Kiến thức:</i> Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội. <i>Kỹ năng:</i> Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa Việt Nam trong nghiên cứu, học tập một cách phù hợp với từng vùng văn hóa, với 54 cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hình thành và phát triển kỹ năng ứng xử, giao tiếp phù hợp với những nguyên tắc, quy định trên cơ sở văn hóa Việt Nam. <i>Kỹ năng cảm thụ, truyền và kích thích xúc cảm nghệ thuật người học:</i> Người học có khả năng cảm thụ giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể Việt Nam. Hình thành và phát triển nhận thức thẩm mỹ qua di sản văn hóa, qua hoạt động thực tiễn. <i>Kỹ năng tích hợp kiến thức để hoạt động trải nghiệm sáng tạo:</i> Tạo sự năng động cho người học qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của văn hóa Việt nam. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá... văn hóa Việt Nam. <i>Thái độ:</i> Có thái độ đúng đắn, khoa học đối với di sản văn hóa Việt Nam; Trân trọng, tự	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hào về giá trị văn hóa Việt Nam; Có ý thức phát huy, bảo tồn giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn.			
73	Cơ sở Tiếng Việt ở Tiểu học	Kiến thức: Phần 1 cung cấp cho người học một số vấn đề về ngôn ngữ khái niệm, bản chất, chức năng của ngôn ngữ giúp cho người học nắm được đặc điểm các loại hình ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có tiếng Việt. Phần 2, trang bị kiến thức về tiếng Việt như: sự hình thành ngôn ngữ và chữ viết tiếng Việt, đặc điểm về âm tiết, từ vựng, ngữ pháp, phong cách tiếng Việt... giúp người học nắm được cấu tạo và quy luật hành chức của tiếng Việt để vận dụng vào quá trình học tập và giao tiếp. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận. Thái độ: Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.	02	HK VII	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
74	Nhân học đại cương	Kiến thức: Cung cấp kiến thức cơ bản cho người học về các vấn đề: tộc người, nhân chủng, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo của các tộc người trên thế giới và ở Việt Nam; tính đa dạng văn hóa tộc người, các vấn đề về xã hội nguyên thủy...; Cung cấp kiến thức cơ bản về những đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam; Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp định tính, định lượng và các phương pháp khác trong nghiên cứu nhân học. Kỹ năng: Hiểu biết, phân biệt, vận dụng về các vấn đề: vấn đề tộc người, nhân chủng,	2	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo,... trong công tác; Nhận diện tộc người và văn hóa tộc người; Kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp định tính, định lượng và các phương pháp khác trong nghiên cứu nhân học. Thái độ: Tôn trọng và bảo vệ bản sắc văn hóa tộc người; Vận dụng và phát huy các giá trị văn hóa tộc người.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
75	Thống kê trong KHGD	Kiến thức: Có kiến thức cơ bản về thống kê: lý thuyết mẫu, ước lượng điểm, ước lượng khoảng, kiểm định giả thiết và lý thuyết tương quan hồi quy. Kỹ năng: Làm được các dạng bài tập thống kê và vận dụng được các kiến thức thống kê vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thái độ: Tham dự lớp học, có tinh thần tự học, làm bài tập, tham gia kiểm tra 10% và thi kết thúc học phần.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
76	Sinh lý học trẻ em	Kiến thức: Nắm vững các kiến thức cơ bản về quá trình phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non Kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức của môn học trong việc nuôi, dạy trẻ một cách khoa học để các em có thể phát triển toàn diện về các mặt đức, trí, thể, mỹ. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho bài giảng, tăng cường năng lực hoạt động nhóm.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
77	Văn học thiếu nhi	Kiến thức: Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Những đặc điểm về loại hình văn học cho thiếu nhi, bao gồm hệ thống	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		văn học dân gian thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học thiếu nhi. Kỹ năng: Các kỹ năng mà sinh viên hình thành thông qua học phần: Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm Văn học thiếu nhi. Thái độ: Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học thiếu nhi; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học thiếu nhi.			cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
78	Khoa học môi trường	Kiến thức: Trình bày được: các chức năng cơ bản của môi trường, những thách thức môi trường hiện nay; đặc điểm của các thành phần cơ bản cấu trúc môi trường; đặc điểm, cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái, cân bằng sinh thái; đặc điểm, vai trò và các biện pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên; các tác động của con người đến môi trường; các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường; khái niệm, nội dung, mục tiêu, nguyên tắc của phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Kỹ năng: Nhận biết được các chức năng cơ bản của môi trường, vận dụng các nguyên lý của Sinh thái học vào giải thích các vấn đề về môi trường; phân biệt các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm môi trường; nhận biết các loại ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường và xung đột môi trường; sử dụng được các kiến thức được học trong học phần vào giảng dạy các nội dung có liên quan ở trường Phổ thông. Thái độ: Yêu quý thiên nhiên, sinh vật; sống sạch sẽ, tiết kiệm và thân thiện với môi trường; có ý thức tự giác trong việc bảo vệ môi trường và vận động, tuyên truyền mọi người trong cộng đồng bảo vệ môi trường.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
79	Ngữ âm tiếng Việt	Kiến thức: Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ngữ âm tiếng Việt, cung cấp kiến thức chuyên sâu ở trình độ nhất định để có thể học tiếp các học phần tiếng Việt khác; Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản	2	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về từ vựng ngữ nghĩa như: từ và yếu tố cấu tạo từ; các đơn vị tương đương từ; các phương thức cấu tạo từ. Nghĩa và các thành phần, các loại nghĩa của từ; các phương thức chuyển nghĩa của từ. Trường từ vựng ngữ nghĩa. Các lớp từ tiếng Việt chia theo phạm vi sử dụng và theo nguồn gốc. Kỹ năng: Có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế đời sống: nghiên cứu các vấn đề ngữ âm tiếng Việt: phiên âm, miêu tả âm vị tiếng Việt, thực hành phát âm tiếng Việt chuẩn mực,...; Sinh viên có thể nhận thức được tính đặc thù của đơn vị từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt; xác định và phân loại được các từ trong các văn bản cụ thể; biết phân tích nghĩa; định dạng được các phương thức chuyển nghĩa; xác lập được các trường từ vựng ngữ nghĩa; xác định được các lớp từ theo các tiêu chí đã học; vận dụng được các kiến thức của môn học vào giảng dạy từ ngữ và tập làm văn ở bậc tiểu học. Thái độ: Có phẩm chất cơ bản của một người nghiên cứu ngôn ngữ, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người làm công tác nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ và văn học vào thực tiễn; Sinh viên có thái độ trân trọng vốn từ ngữ và các quy tắc từ vựng của tiếng Việt. Có cách ứng xử đúng đắn trong việc xây dựng vốn từ tiếng Việt vừa phong phú, hiện đại, vừa mang bản sắc dân tộc.			20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
80	Ngữ pháp tiếng Việt	Kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng dùng từ, câu, giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn gia đình, xã hội. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực gia đình và xã hội.			
81	Phong cách học tiếng Việt	Kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề khái niệm phong cách, các loại phong cách khác nhau, về các biện pháp tu từ. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng các phong cách chức năng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dùng tiếng Việt và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng sử dụng các biện pháp tu từ giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao. Thái độ: Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn gia đình, xã hội. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực gia đình và xã hội.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
82	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.			trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
83	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
84	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lí cơ bản 1	Trình bày được thể giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
2	Nguyên lí cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong tiến trình cách mạng Việt Nam.			học phần.
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
6	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lí hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
7	Tâm lí học tiểu học	Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lí học, tâm lí học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm: Thuật ngữ chuyên ngành, bản chất tâm lí người, sự phát triển của tâm lí người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên. Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lí học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
8	Giáo dục học	Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay;	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông.			luận kết thúc học phần.
9	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	Người học cần nắm được khát quái về điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và phân vùng cư trú của các dân tộc Tây Nguyên; Kiến thức về tổ chức xã hội truyền thống, đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Tây Nguyên; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên – xã hội, đồng thời nhận diện được đặc điểm văn hóa vật thể, phi vật thể, nghi lễ - phong tục cũng như vai trò, vị trí của văn hóa Tây Nguyên đối với phát triển.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
11	Nhân học đại cương	Sinh viên hiểu được những vấn đề: vấn đề tộc người, nhân chủng, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo của các tộc người trên thế giới và ở Việt Nam; tính đa dạng văn hóa tộc người, các vấn đề về xã hội nguyên thủy..., kiến thức cơ bản về những đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
12	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
13	Lịch sử địa lí và PPDH	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm <i>văn hoá</i> , <i>văn minh</i> , nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đại.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
14	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
15	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
16	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các loại hình ấn bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn giản...			tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
17	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
18	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Người học có hiểu biết cơ bản về các khái niệm, các quan điểm trong nghiên cứu khoa học; nhận thức rõ được logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; vận dụng được một số phương pháp và kỹ thuật thông dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục; biết các quy định về viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục.	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
19	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.			học phần.
20	Giáo dục thể chất 1	Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống.	01	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
21	Giáo dục thể chất 2	Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
22	Giáo dục thể chất 3	Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện. Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân	1	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá.			
23	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. <i>Kỹ năng:</i> Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. <i>Thái độ:</i> Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.	03	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
24	Công tác quốc phòng và an ninh	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... <i>Kỹ năng:</i> Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. <i>Thái độ</i> Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			
25	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	<i>Kiến thức</i> Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. <i>Kỹ năng</i> Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. <i>Thái độ</i> Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
26	Hiểu biết chung về quân binh chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát	01	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. <i>Kĩ năng:</i> Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. <i>Thái độ</i> Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc			tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
27	Dẫn luận ngôn ngữ học	<i>Kiến thức:</i> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các loại hình ngôn ngữ...) <i>Kỹ năng:</i> Hiểu các thuật ngữ, các khái niệm ngôn ngữ, nắm được bản chất, qui luật hình thành và phát triển của ngôn ngữ để vận dụng vào học tập, nghiên cứu, giảng dạy. <i>Thái độ:</i> Chăm chỉ, học tập nghiêm túc nắm chắc kiến thức lý thuyết vận dụng vào thực tế.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
28	Sinh lí học trẻ em	Kiến thức: Nắm vững các kiến thức cơ bản về quá trình phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non Kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức của môn học trong việc nuôi, dạy trẻ một cách khoa học để các em có thể phát triển toàn diện về các mặt đức, trí, thể, mỹ. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho bài giảng, tăng cường năng lực hoạt động nhóm.	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
29	Toán học 1	Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ban đầu về lí thuyết tập hợp và logic Toán.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kĩ năng: Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng suy luận logic, lập luận chứng minh, biết vận dụng vào những tình huống cụ thể. Thái độ: Rèn cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu, ...			20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
30	Toán học 2	Kiến thức:Hiểu được những kiến thức cơ bản của đại số và lý thuyết số như: phép toán hai ngôi, nhóm, vành, trường; tập hợp số tự nhiên, số hữu tỷ không âm, số hữu tỷ; quan hệ chia hết trên tập hợp các số nguyên, định lý về phép chi có dư, ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất. Kỹ năng:Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực sử dụng ngôn ngữ Toán học: Người học được trang bị các thuật ngữ, kí hiệu toán học thông qua các khái niệm toán học như phép toán hai ngôi, nhóm, vành, chia hết, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất,...; Phát triển kỹ năng lập luận lôgic, chặt chẽ thông qua việc chứng minh các định lý và giải bài tập; Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và cụ thể hóa vấn đề. Thái độ:Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, có khả năng tự nghiên cứu. Yêu thích nghề dạy học và có định hướng phát triển nghề nghiệp.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
31	Toán học 3	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, ban đầu của cơ sở Hình học và hình học sơ cấp; Những kiến thức cơ bản, ban đầu của đại lượng và phép đo đại lượng. Kĩ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: Vẽ hình (dựng hình), nhận dạng hình, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán hình học ở trường tiểu học; Những kĩ năng cơ bản như: Đo, đo, đếm, nhận dạng hình, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán đại lượng ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các yếu	03	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tổ hình học và yếu tố đại lượng đo lường ở bậc tiểu học; ...			
32	Cơ sở tự nhiên và xã hội 1	Kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các đặc điểm của các nền văn học như Ấn Độ, Nhật Bản cùng những thể loại, tác phẩm, tác giả văn học tiêu biểu của các dân tộc này. Kĩ năng: Kĩ năng đọc, ghi chép, hiểu văn bản thuộc về các tác phẩm văn học châu Á tiêu biểu (chủ yếu thuộc văn học Ấn Độ và Nhật Bản) ; kĩ năng phân tích các tác phẩm, trích đoạn văn học châu Á trong chương trình sách giáo khoa Trung học phổ thông và Trung học cơ sở. Thái độ: Sinh viên yêu thích môn học, tích cực, tự giác tìm đọc tài liệu và kết hợp chặt chẽ với sự trình bày hướng dẫn của giảng viên trên lớp, hướng đến việc tích lũy kiến thức phục vụ cho nghề nghiệp sau này.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
33	Cơ sở Tự nhiên và xã hội 2	Kiến thức: SV biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, học sinh tiểu học, sức khỏe vị thành niên. Chế độ dinh dưỡng, các bệnh và cách phòng tránh các bệnh thường gặp ở học sinh tiểu học; SV nắm được khái niệm, phân loại, bản chất và các bài tập để rèn luyện một số kĩ năng sống cần thiết cho học sinh tiểu học; Phân tích được các kiến thức về giáo dục sức khỏe và giáo dục kĩ năng sống được tích hợp trong môn Tự nhiên và xã hội và vận dụng các phương pháp dạy học để thực hiện các nội dung đó. Kỹ năng : Biết lập kế hoạch và thực hiện dạy học các nội dung giáo dục sống khỏe mạnh và giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học. SV biết thực hiện các bài tập để rèn luyện kĩ năng sống. Thái độ: SV xây dựng được lối sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng. Hình thành lòng yêu thích môn học.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
34	PPDH tiếng Việt 1	Kiến thức: Trang bị cho người học một số nguyên tắc và phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ, trên cơ sở đó có khả năng vận dụng những kiến thức lí thuyết này vào việc dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học. Kỹ năng: Từ kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giảng dạy các tiết học về tiếng Việt trong chương trình tiếng Việt ở trường tiểu học. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao kỹ năng đứng lớp cho người học gắn với hoạt động nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Thái độ: giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn gia đình. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
35	PPDH tiếng Việt 2	Kiến thức: Sinh viên có những hiểu biết chắc chắn về Phương pháp dạy học các phân môn Học vần, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu. Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, ... Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý tiếng Việt và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
36	PPDH tiếng Việt 3	Kiến thức: Sinh viên trình bày, phân tích và vận dụng được những nội dung về Phương pháp dạy học các phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Tập làm văn. Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, ... Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu tài liệu.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
37	Đạo đức và PPDH	Kiến thức: Những nội dung cơ bản của một số phạm trù đạo đức học Mác-Lênin; Tầm quan trọng của giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học; Các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học; Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp, phương	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiện, hình thức tổ chức trong dạy học môn Đạo đức. Kỹ năng: Xác định được những con đường cơ bản của giáo dục đạo đức nói chung và theo từng chuẩn mực hành vi nói riêng cho học sinhTiểu học; Xác định, lựa chọn được mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức theo từng bài đạo đức một cách thích hợp; Tiến hành giờ lên lớp môn Đạo đức một cách chủ động, có chất lượng. Thái độ: Coi trọng công tác giáo dục đạo đức nói chung và dạy học môn đạo đức nói riêng cho học sinhTiểu học; Phê phán những hiện tượng coi nhẹ việc giáo dục đạo đức nói chung, dạy học môn Đạo đức nói riêng.			tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
38	Âm nhạc và PPDH	Kiến thức:Phần Âm nhạc cơ bản :Xác định được đặc trưng của nghệ thuật âm nhạc, vai trò và tác dụng của nghệ thuật âm nhạc với đời sống nói chung và học đường nói riêng, giải thích các đặc tính âm thanh, phân tích ý nghĩa thực hành của các ký hiệu thường dùng trong các bài hát. So sánh được các giọng, điệu trưởng, thứ. Nắm chắc kiến thức phương pháp xác định giọng, dịch giọng. Có kiến thức lý thuyết âm nhạc căn bản làm cơ sở tự học bồi dưỡng nâng cao; Phần PPDH: Xác định vai trò giáo dục của âm nhạc, nêu được những đặc điểm về khả năng cảm thụ và hoạt động âm nhạc của học sinh tiểu học. Phân tích và đánh giá được những phương pháp dạy học âm nhạc. Hiểu biết về nội dung chương trình và cấu trúc của sách giáo khoa bộ môn ở trường tiểu học. Kỹ năng:Phần Âm nhạc cơ bản: Sinh viên sử dụng kiến thức trong lý thuyết âm nhạc cơ bản để đọc- ghi nhạc. Ứng dụng tốt vào các phần tập đọc nhạc, hát một số bài hát trong chương trình tiểu học. Xác định đúng giọng- điệu bài hát trong chương trình tiểu học. Phân biệt thể loại và hình thức các bài hát trong chương trình. Sử dụng kiến thức môn học để ứng dụng vào các vấn đề về nhạc lý căn bản trong giảng dạy âm nhạc ở trường tiểu học; Phần PPDH: Sử dụng phương pháp dạy học âm nhạc để tổ chức các giờ học và các hoạt động âm nhạc ngoài giờ học cho học sinh tiểu học.	03	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
39	Thủ công, kĩ thuật và phương pháp	Kiến thức: Nắm được quy trình Xé dán, gấp hình, cắt dán, đan nan, làm đồ chơi, lắp ghép mô hình kĩ thuật, kĩ thuật tự phục vụ, kĩ thuật trồng trọt, chăn nuôi; Nắm được các	03	Năm	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	dạy học	phương pháp dạy học đặc trưng và lựa chọn được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra – đánh giá. Kỹ năng: Các kỹ năng xé, dán giấy bìa, gấp hình, cắt dán, đan nan, làm đồ chơi, lắp ghép mô hình kỹ thuật, kỹ thuật tự phục vụ, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; Có kỹ năng lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học; Có kỹ năng đánh giá sản phẩm của học sinh. Thái độ: Có thói quen làm việc theo quy trình, kiên trì, cẩn thận và có ý thức vượt qua khó khăn để hoàn thành sản phẩm. Có ý thức tự học và học lên các bậc học cao hơn		thứ 4	20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
40	Thể dục và PPDH	* Kiến thức: - Nắm vững phương pháp giáo dục thể chất. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng môn học thể dục và phương pháp DHHS tiểu học. - Hiểu các vấn đề về phương pháp lý luận trong thực tế giảng dạy thể dục, phương tiện giáo dục thể chất, phương pháp giáo dục thể chất, các nguyên tắc giáo dục thể chất... * Kỹ năng: - Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp GDTC. - Sinh viên biết vận dụng các kiến thức học phần lý luận và phương pháp GDTC vào thực tiễn trong lĩnh vực dạy học sinh tiểu học. - Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với đối tượng. * Thái độ: - Hiểu đúng ý nghĩa, tác dụng môn học Thể dục và phương pháp dạy học học sinh tiểu học. - Phát triển tính tập thể, đoàn kết trong học tập. - Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc. - Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá học sinh trong các hoạt động. - Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng học sinh và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.	03	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Phân tích và phát triển chương trình	Kiến thức: Nêu được một số khái niệm liên quan đến chương trình và phát triển chương trình; Phân biệt được các khái niệm về chương trình giáo dục, chương trình môn học, sách giáo khoa... Mô tả và so sánh được về bản chất, ưu và nhược điểm của các cách tiếp cận, phát triển chương trình giáo dục; các mô hình nhà trường ở Việt Nam hiện nay. Kỹ năng: Phân tích, đánh giá được chương trình tiểu học hiện hành; chương trình một môn học bất kì; Xây dựng được kế hoạch giảng dạy; Nâng cao kỹ năng làm việc cá nhân (thuyết trình), làm việc nhóm. Thái độ: Ý thức được những thuận lợi, khó khăn của bản thân trong học tập và có biện pháp để đạt được mục tiêu của chuyên đề; Tự giác hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập theo yêu cầu của giảng viên; Ý thức vận dụng các kiến thức về chương trình và phát triển chương trình giáo dục vào việc tìm hiểu chương trình tiểu học hiện hành và nhận thức được đường lối đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục ở nước ta hiện nay.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
42	PPHD toán 1	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những nội dung đại cương và cụ thể trong chương trình môn Toán ở tiểu học (PP, PPDH, dạy học khái niệm, dạy học giải bài tập, ...) Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Phân tích, so sánh, nhận dạng, tính toán, ..., đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung môn Toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
43	PPDH toán 2	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những nội dung đại cương và cụ thể trong chương trình môn Toán ở tiểu học (số học, hình học, đại lượng, thống kê, ...). Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Đo lường, đếm, nhận dạng, tính toán, ..., đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dung môn Toán ở bậc tiểu học; ...			luận kết thúc học phần.
44	PPDH Toán 3	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về các PP giải toán thông dụng và PP giải một số loại toán đặc thù ở tiểu học. Kỹ năng:Rèn luyện cho sinh viên các PP giải và thực hành giải toán ở tiểu học. Thái độ:Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung môn Toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
45	PPDH Tự nhiên xã hội	Kiến thức: Biết được vị trí, mục tiêu và nhiệm vụ của môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học.SV phân tích được nội dung chương trình sách giáo khoa, cách trình bày sách giáo khoa môn Tự nhiên và xã hội ở Tiểu học.Vai trò của thiết bị dạy học môn Tự nhiên và xã hội. Nắm được bản chất và cách vận dụng các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học các chủ đề trong môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Biết vận dụng Thông tư 22 để đánh giá học sinh tiểu học. Kỹ năng: Biết lập kế hoạch và thực hiện dạy học các chủ đề trong môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học; Biết tự làm các đồ dùng dạy học đơn giản. Thái độ: SV yêu thích môn học và hình thành lòng yêu nghề, yêu học sinh tiểu học.	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
46	Khoa học và PPDH	Kiến thức: Có kiến thức cơ bản, cập nhật về nội dung chương trình, cấu trúc SGK, SGV môn Khoa học ở tiểu học . Trang bị một số phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá đặc trưng của môn Khoa học ở tiểu học. Nắm được cách tiến hành một giờ dạy môn Khoa học ở tiểu học. Kỹ năng: Vận dụng kiến thức về chương trình, SGK, các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức kiểm tra đánh giá đặc trưng của các môn về môn khoa học vào soạn giáo án và giảng dạy hiệu quả môn học này ở tiểu học. Thái độ: Sinh viên hình thành thái độ tích cực tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới và	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thường xuyên rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.			
47	Thực hành tổ chức hoạt động NGLL	Kiến thức: Qua học phần sinh viên có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của công tác giáo dục ở trường tiểu học, trang bị một hệ thống các kiến thức cần thiết về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động. Kỹ năng: Hình thành cho học sinh những kỹ năng cơ bản để tiến hành tổ chức tiết chào cờ, tiết hoạt động tập thể và tổ chức các hoạt động theo chủ đề, có kỹ năng kế hoạch phối hợp với gia đình và xã hội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Thái độ: Góp phần cho sinh viên có thái độ đúng đắn đối với công tác giáo dục ở trường tiểu học. Tích cực, tự giác và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh ở các trường tiểu học.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
48	Giáo dục tích hợp ở Trường tiểu học	Kiến thức: Qua học phần này sinh viên hiểu được sự cần thiết phải thực hiện giáo dục tích hợp, đặc trưng của giáo dục tích hợp; Giáo dục tích hợp ở bậc tiểu học, so sánh điểm giống và khác nhau giữa chương trình giáo dục tiểu học và chương trình giáo dục phổ thông; Thiết kế được chương trình giáo dục tích hợp theo các môn học; Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp. Kỹ năng: Có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác với các bạn khác; Có kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện giáo dục tích hợp theo các môn học. Thái độ: Giáo dục cho sinh viên lòng yêu thích bộ môn, yêu nghề và từ đó có ý thức nâng cao tay nghề sư phạm cho mình.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
49	Dạy học TV theo quan điểm giao tiếp	Kiến thức: Sinh viên trình bày, phân tích và vận dụng được những nội dung về chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp, những lưu ý về phương pháp dạy học môn Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, dạy sản sinh văn bản nói và viết cho học sinh tiểu học, kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt theo chương trình mới. . Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý tiếng	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Viết và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.			
50	Dạy học hội thoại ở tiểu học	Kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng dùng từ, câu, giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
51	Tiếng Việt 3	Kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề khái niệm phong cách, các loại phong cách khác nhau, về các biện pháp tu từ. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng các phong cách chức năng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng sử dụng các biện pháp tu từ giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao. Thái độ: Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếng giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
52	Bồi dưỡng HS giỏi Tiếng Việt ở TH	Kiến thức: Sinh viên xác định chắc chắn được những nội dung về hoạt động dạy học, bồi dưỡng học sinh giỏi môn Tiếng Việt ở tiểu học; Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,...; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn các nội dung về kiến thức và kỹ năng phù hợp để vận dụng trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý tiếng Việt và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
53	Thực tế chuyên ngành	Kiến thức: Thông qua việc đi thực tế, sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng những kiến thức lý thuyết đã được học trên giảng đường vào thực tiễn; được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để trau dồi kỹ năng nghề nghiệp và để bồi dưỡng thái độ yêu nghề, hiểu biết về kiến thức liên quan đến di sản văn học, ngôn ngữ, di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể... và hiểu biết về giá trị và vai trò và việc phát huy giá trị của văn học, ngôn ngữ và di sản văn hóa Việt Nam thông qua các điểm thực tế. Kỹ năng: Hình thành những kỹ năng quan sát, nghiên cứu, tổng hợp liên quan đến văn học, ngôn ngữ, văn hóa để phục vụ quá trình hoàn thiện kiến thức trong dạy học và nghiên cứu ở trường PT và kỹ năng nghề nghiệp trong thực tiễn. Thái độ: Yêu quê hương, đất nước, hiểu và yêu quý những giá trị văn học, ngôn ngữ, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam	01	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
54	Bồi dưỡng học sinh giỏi toán TH	Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về các dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi ở Tiểu học (Các bài toán về số và chữ số, các bài toán về chia hết, ...) Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng giải các dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở bậc Tiểu học.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên lòng yêu thích bộ môn, yêu nghề, mến trẻ từ đó có ý thức nâng cao tay nghề sư phạm., ...			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
55	Những sai lầm khi giải toán ở tiểu học	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những lỗi mà HSTH hay mắc phải, từ đó đưa ra các giải pháp để khắc phục. Kĩ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: Tính toán, đo đạc, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các lỗi khi dạy học môn toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
56	Rèn luyện tư duy khi giải toán ở Tiểu học	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cơ bản về các loại hình tư duy toán học, các thao tác tư duy toán học, ... Kĩ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: Tính toán, phân tích, tổng hợp, so sánh, .. , đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại khi toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
57	Giải toán cho HSTH	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những dạng toán tiểu học cho bằng các thẻ thơ, từ đó đưa ra các giải. Kĩ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: Tính toán, đo đạc, ... , đặc biệt vận dụng vào đời sống và giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các bài toán cho bằng thơ khi dạy học môn toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
58	Lịch sử địa phương	Kiến thức: Sinh viên khái quát được tiến trình lịch sử địa phương qua các thời kì lịch sử (thời nguyên thủy, cổ - trung đại, cận – hiện đại) và những nét khái quát về địa lí địa phương (vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, kinh tế...)	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng tư duy lý luận, so sánh, đối chiếu, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử, địa lí; Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức lịch sử, địa lí cho học các học phần khác, cũng như trong nhìn nhận, đánh giá, giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội – kinh tế hiện nay. Có kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan và sử dụng tài liệu, tư liệu lịch sử, địa lí; Bước đầu hình thành một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tóm tắt tài liệu học tập, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng trình bày, thuyết trình một vấn đề... Thái độ: Có lòng yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về những truyền thống tốt đẹp trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của các dân tộc Tây Nguyên.			tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
59	Sử dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại ở tiểu học	Kiến thức: Biết được khái niệm, bản chất đặc thù, tiêu chí phân loại và nguyên tắc lựa chọn PPDH, kỹ thuật dạy học; Trình bày và phân tích được khái niệm, các bước tiến hành, ưu – nhược điểm của một số kỹ thuật dạy học cụ thể; Vận dụng được kiến thức về các kỹ thuật dạy học hiện đại thiết kế giáo án cho các bài học ở tiểu học. Kỹ năng: - Kỹ năng tư duy phê phán, giải quyết vấn đề (lựa chọn, vận dụng phù hợp, sáng tạo các kỹ thuật dạy học trong việc triển khai quá trình dạy học); Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; - Kỹ năng lập kế hoạch dạy học, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu;...; Kỹ năng đánh giá và tự đánh giá; Kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ (lời nói và phi lời nói), thuyết trình trước công chúng. Thái độ: Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong giai đoạn mới; Nhạy bén với cái mới, có tinh thần chủ động thích ứng với sự thay đổi; Say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới PPDH; kỹ thuật dạy học; Hình thành ý thức thường xuyên trau dồi, phát triển nghề nghiệp.	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
60	Rèn luyện NVSPTX 1	Kiến thức: Sinh viên xác định được những nội dung về đặc điểm của chữ viết Tiếng Việt, quy định và kỹ thuật viết chữ trên giấy, quy định và kỹ thuật viết và trình bày bảng. Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết chữ trên giấy, kỹ năng viết và trình bày bảng đúng, đẹp và khoa học.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính kiên trì, tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
61	Rèn NVSPTX 2 luyện	Kiến thức: Trình bày được những yêu cầu khi chuẩn bị cho việc nói, những điều kiện để nói có hiệu quả; Mô tả được những yêu cầu về kỹ năng: kể chuyện, điều khiển giờ kể chuyện; Vận dụng được kiến thức đã học để thực hành nói, kể chuyện. Kỹ năng: Sinh viên rèn luyện được các kỹ năng nói, kể chuyện cá nhân, trước nhóm, trước lớp; Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kỹ năng đã học cho học các môn học khác, cũng như tiếp tục tự rèn luyện, nâng cao các kỹ năng này; Bước đầu hình thành thêm được một số kỹ năng cơ bản khác: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng trình bày, thuyết trình một vấn đề... Thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện; lòng yêu nghề; Có tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
62	Giao tiếp sư phạm	Kiến thức: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: Khái niệm giao tiếp, phương tiện giao tiếp, giao tiếp sư phạm, chức năng giao tiếp sư phạm, phong cách giao tiếp sư phạm, nguyên tắc giao tiếp sư phạm...; Học phần còn giúp sinh viên tiếp cận nền tảng kiến thức giao tiếp qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy. Kỹ năng: Sinh viên thực hiện được các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản như: Kỹ năng định hướng, kỹ năng định vị, kỹ năng điều khiển, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp, kỹ năng điều khiển bản thân, kỹ năng ứng xử sư phạm. Thái độ: Sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống sư phạm thực tiễn; Sinh viên hình thành được thái độ giao tiếp đúng mực, luôn chủ động và tích cực rèn luyện để có kỹ năng giao tiếp tốt, biết vận dụng linh hoạt các kỹ năng vào quá trình giao tiếp trong nghề nghiệp sau này	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
63	PPCT Đội	Kiến thức: Qua học phần sinh viên có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của công tác	02	Năm	10%: Chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	TNTPHCM	giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học, trang bị một hệ thống các kiến thức cần thiết về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động Kỹ năng: Hình thành cho học sinh những kỹ năng cơ bản để tiến hành tổ chức tiết chào cờ, tiết hoạt động tập thể và tổ chức các hoạt động theo chủ điểm, có kỹ năng kế hoạch phối hợp với gia đình và xã hội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Thái độ: Góp phần cho sinh viên có thái độ đúng đắn đối với công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học. Tích cực, tự giác và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh ở các trường tiểu học.		thứ 3	cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
64	Kiến tập sư phạm	Kiến thức: Tạo điều kiện để giáo sinh tiếp xúc với thực tiễn giáo dục ở trường nơi KTSP. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc tìm hiểu học sinh, các hoạt động cơ bản của trường KTSP, công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp, sự kết hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong giáo dục học sinh. Kỹ năng: Tạo điều kiện để giáo sinh làm quen với công tác giảng dạy ở trường KTSP theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học: Lấy người học làm trung tâm. Thái độ: Bước đầu hình thành ở giáo sinh tình cảm yêu nghề và một số kỹ năng sư phạm cần thiết: Giao tiếp, tổ chức các hoạt động giáo dục, chỉ đạo tập thể học sinh, nghiên cứu khoa học giáo dục...	02	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
65	Thực tập sư phạm	Kiến thức: Lập kế hoạch giảng dạy, kế hoạch công tác chủ nhiệm, kế hoạch công tác Đoàn - Đội và công tác phong trào thể dục thể thao ngoại khóa; Năng lực thực hiện kế hoạch công tác đã đề ra về: biên soạn chương trình, giáo án chuyên môn, giáo án chủ nhiệm, thực hiện giảng dạy trên lớp, tổ chức sinh hoạt chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động Đoàn - Đội, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa. Kỹ năng: Kỹ năng cứng mong muốn sinh viên tích lũy được kỹ năng soạn giáo án và giảng dạy trên lớp, thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức được các phong trào thể dục thể thao ngoại khóa. Kỹ năng mềm phát triển kỹ năng sống và giao tiếp xã hội, có khả năng tự đánh giá được ưu, khuyết điểm của bản thân, rút ra được bài học kinh nghiệm cho công tác	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghề nghiệp trong tương lai, có năng lực hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống. Thái độ: Sinh viên sau khi hoàn thành học phần thực tập sư phạm có ý thức, trách nhiệm cao trong việc học tập để nắm vững kiến thức về phương pháp biên soạn giáo án môn học giáo dục thể chất, phương pháp tổ chức người học, hoạt động của học sinh, hoạt động của giáo viên trong quá trình lên lớp, đây là môn học mà người học sử dụng nó rất nhiều trong quá trình công tác, giảng dạy, huấn luyện sau này.			
66	CD PPDH môn Toán ở tiểu học	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những nội dung đại cương và cụ thể trong chương trình môn Toán ở tiểu học (số học, hình học, đại lượng, thống kê, ...). Kỹ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Đo, đo, đếm, nhận dạng, tính toán, ..., đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ:Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung môn Toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
67	Cơ sở môn toán ở tiểu học	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng về toán ở tiểu học. Kỹ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Đo, đo, đếm, nhận dạng hình, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các nội dung toán học có liên quan ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
68	CD toán tính tuổi ở tiểu học	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản giải toán tính tuổi ở tiểu học Kỹ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như: Tính toán, ước lượng, vẽ sơ đồ, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán tính tuổi ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu các dạng toán tính tuổi khi dạy học môn toán ở bậc tiểu học; ...	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					học phần.
69	CĐ toán CDD	Kiến thức:Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán chuyển động đều và các phương pháp giải từng dạng. Kĩ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: Đo, đếm, tính toán, ... , đặc biệt vận dụng vào giải toán chuyển động đều ở trường tiểu học. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có ý thức tìm hiểu nội dung toán chuyển động đều ở bậc tiểu học;	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
70	CĐ PPDH Tiếng Việt ở tiểu học	Kiến thức:Sinh viên có những hiểu biết chắc chắn về Phương pháp dạy học các phân môn Học vần, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu. Kỹ năng:Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: tổ chức lớp học, sử dụng phương pháp dạy học, phân tích chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh,... Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu; có thái độ yêu quý tiếng Việt và luôn cố gắng để dạy tốt môn Tiếng Việt trong tương lai.	02	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
71	Dẫn luận ngôn ngữ	<i>Kiến thức:</i> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các loại hình ngôn ngữ...) <i>Kỹ năng:</i>Hiểu các thuật ngữ, các khái niệm ngôn ngữ, nắm được bản chất, qui luật hình thành và phát triển của ngôn ngữ để vận dụng vào học tập, nghiên cứu, giảng dạy. <i>Thái độ:</i>Chăm chỉ, học tập nghiêm túc nắm chắc kiến thức lý thuyết vận dụng vào thực tế.	02	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
72	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Kiến thức:Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa Việt Nam trong nghiên cứu, học tập một cách phù hợp với từng vùng văn hóa, với 54 cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hình thành và phát triển kỹ năng ứng xử, giao tiếp phù hợp với những nguyên tắc, quy định trên cơ sở văn hóa Việt Nam. Kỹ năng cảm thụ, truyền và kích thích xúc cảm nghệ thuật người học: Người học có khả năng cảm thụ giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể Việt Nam. Hình thành và phát triển nhận thức thẩm mỹ qua di sản văn hóa, qua hoạt động thực tiễn. Kỹ năng tích hợp kiến thức để hoạt động trải nghiệm sáng tạo: Tạo sự năng động cho người học qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của văn hóa Việt Nam. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá... văn hóa Việt Nam. Thái độ: Có thái độ đúng đắn, khoa học đối với di sản văn hóa Việt Nam; Trân trọng, tự hào về giá trị văn hóa Việt Nam; Có ý thức phát huy, bảo tồn giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn.			luận kết thúc học phần.
73	Cơ sở Tiếng Việt ở Tiểu học	Kiến thức: Phần 1 cung cấp cho người học một số vấn đề về ngôn ngữ khái niệm, bản chất, chức năng của ngôn ngữ giúp cho người học nắm được đặc điểm các loại hình ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có tiếng Việt. Phần 2, trang bị kiến thức về tiếng Việt như: sự hình thành ngôn ngữ và chữ viết tiếng Việt, đặc điểm về âm tiết, từ vựng, ngữ pháp, phong cách tiếng Việt... giúp người học nắm được cấu tạo và quy luật hành chức của tiếng Việt để vận dụng vào quá trình học tập và giao tiếp. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng	02	HK VII	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận. Thái độ: Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn gia đình, xã hội. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực gia đình và xã hội.			
74	Nhân học đại cương	Kiến thức: Cung cấp kiến thức cơ bản cho người học về các vấn đề: tộc người, nhân chủng, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo của các tộc người trên thế giới và ở Việt Nam; tính đa dạng văn hóa tộc người, các vấn đề về xã hội nguyên thủy...; Cung cấp kiến thức cơ bản về những đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam; Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp định tính, định lượng và các phương pháp khác trong nghiên cứu nhân học. Kỹ năng: Hiểu biết, phân biệt, vận dụng về các vấn đề: vấn đề tộc người, nhân chủng, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo,... trong công tác; Nhận diện tộc người và văn hóa tộc người; Kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp định tính, định lượng và các phương pháp khác trong nghiên cứu nhân học. Thái độ: Tôn trọng và bảo vệ bản sắc văn hóa tộc người; Vận dụng và phát huy các giá trị văn hóa tộc người.	2	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
75	Thống kê trong KHGD	Kiến thức: Có kiến thức cơ bản về thống kê: lý thuyết mẫu, ước lượng điểm, ước lượng khoảng, kiểm định giả thiết và lý thuyết tương quan hồi quy. Kỹ năng: Làm được các dạng bài tập thống kê và vận dụng được các kiến thức thống kê vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thái độ: Tham dự lớp học, có tinh thần tự học, làm bài tập, tham gia kiểm tra 10% và thi kết thúc học phần.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
76	Sinh lý học trẻ em	Kiến thức: Nắm vững các kiến thức cơ bản về quá trình phát triển thể chất của trẻ em	2	Năm	10%: Chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lứa tuổi mầm non Kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức của môn học trong việc nuôi, dạy trẻ một cách khoa học để các em có thể phát triển toàn diện về các mặt đức, trí, thể, mỹ. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho bài giảng, tăng cường năng lực hoạt động nhóm.		thứ 2	cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
77	Văn học thiếu nhi	Kiến thức:Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Những đặc điểm về loại hình văn học cho thiếu nhi, bao gồm hệ thống văn học dân gian thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học thiếu nhi. Kỹ năng:Các kỹ năng mà sinh viên hình thành thông qua học phần: Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt các tác phẩm Văn học thiếu nhi. Thái độ:Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học thiếu nhi; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm văn học thiếu nhi.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
78	Khoa học môi trường	Kiến thức:Trình bày được: các chức năng cơ bản của môi trường, những thách thức môi trường hiện nay; đặc điểm của các thành phần cơ bản cấu trúc môi trường; đặc điểm, cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái, cân bằng sinh thái; đặc điểm, vai trò và các biện pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên; các tác động của con người đến môi trường; các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường; khái niệm, nội dung, mục tiêu, nguyên tắc của phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Kỹ năng:Nhận biết được các chức năng cơ bản của môi trường, vận dụng các nguyên lý của Sinh thái học vào giải thích các vấn đề về môi trường; phân biệt các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm môi trường; nhận biết các loại ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường và xung đột môi trường; sử dụng được các kiến thức được học trong học phần	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vào giảng dạy các nội dung có liên quan ở trường Phổ thông. Thái độ: Yêu quý thiên nhiên, sinh vật; sống sạch sẽ, tiết kiệm và thân thiện với môi trường; có ý thức tự giác trong việc bảo vệ môi trường và vận động, tuyên truyền mọi người trong cộng đồng bảo vệ môi trường.			
79	Ngữ âm tiếng Việt	Kiến thức: Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ngữ âm tiếng Việt, cung cấp kiến thức chuyên sâu ở trình độ nhất định để có thể học tiếp các học phần tiếng Việt khác; Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về từ vựng ngữ nghĩa như: từ và yếu tố cấu tạo từ; các đơn vị tương đương từ; các phương thức cấu tạo từ. Nghĩa và các thành phần, các loại nghĩa của từ; các phương thức chuyển nghĩa của từ. Trường từ vựng ngữ nghĩa. Các lớp từ tiếng Việt chia theo phạm vi sử dụng và theo nguồn gốc. Kỹ năng: Có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế đời sống: nghiên cứu các vấn đề ngữ âm tiếng Việt: phiên âm, miêu tả âm vị tiếng Việt, thực hành phát âm tiếng Việt chuẩn mực,...; Sinh viên có thể nhận thức được tính đặc thù của đơn vị từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt; xác định và phân loại được các từ trong các văn bản cụ thể; biết phân tích nghĩa; định dạng được các phương thức chuyển nghĩa; xác lập được các trường từ vựng ngữ nghĩa; xác định được các lớp từ theo các tiêu chí đã học; vận dụng được các kiến thức của môn học vào giảng dạy từ ngữ và tập làm văn ở bậc tiểu học. Thái độ: Có phẩm chất cơ bản của một người nghiên cứu ngôn ngữ, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người làm công tác nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ và văn học vào thực tiễn; Sinh viên có thái độ trân trọng vốn từ ngữ và các quy tắc từ vựng của tiếng Việt. Có cách ứng xử đúng đắn trong việc xây dựng vốn từ tiếng Việt vừa phong phú, hiện đại, vừa mang bản sắc dân tộc.	2	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
80	Ngữ pháp tiếng Việt	Kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng vào việc thực hành giải bài tập trên luyện các kỹ năng sử	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng dùng từ, câu, giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao. Thái độ: Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
81	Phong cách học tiếng Việt	Kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề khái niệm phong cách, các loại phong cách khác nhau, về các biện pháp tu từ. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng: Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng các phong cách chức năng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng sử dụng các biện pháp tu từ giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao. Thái độ: Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu,	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
82	Nghe tiếng Jrai	Nghe hiểu lời đối thoại, ý kiến trao đổi về những vấn đề thiết thực, gần gũi trong đời sống; - Nghe hiểu và thuật lại được nội dung chính những đoạn hội thoại, mẩu chuyện, bản tin, những câu tục ngữ, bài ca dân gian, những bài văn vắn, những bài phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được biên soạn trong tài liệu dạy tiếng. Người học có thể nghe, hiểu các thông tin trao đổi bằng tiếng Jrai và vận dụng trong giao tiếp. Người học có thái độ tích cực học tập, tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Jrai.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
83	Nói tiếng Jrai	- Nói được tiếng Jrai rõ ràng, mạch lạc, đúng ngữ điệu, đúng ngữ pháp - Trao đổi, trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề thuộc các lĩnh vực đời sống xã hội của đồng bào dân tộc Jrai. Người học có thể trò chuyện, trao đổi thông tin giao tiếp bằng tiếng Jrai. Người học có thái độ tích cực học tập, tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Jrai.	2	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
84	Đọc tiếng Jrai	Kiến thức: Người học có thể:- Đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy các văn bản thông dụng (đơn, thư, các tin ngắn, thông báo), các bài hội thoại, các bài văn kể chuyện, miêu tả, các văn bản truyện, thơ, tục ngữ, thành ngữ, dân ca, văn vắn của đồng bào Jrai.- Hiểu biết về văn hóa, đời sống, luật tục của đồng bào Jrai thông qua các bài đọc. Kỹ năng: Người học có thể đọc hiểu tiếng Jrai dùng trong các loại hình văn bản, vận dụng vào giao tiếp hàng ngày, dịch được văn bản từ tiếng Jrai sang tiếng Việt và ngược	2	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lại. Thái độ: Người học có thái độ tích cực học tập, tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Jrai.			học phần
85	Viết tiếng Jrai	Kiến thức: Người học có thể:- Viết đúng chính tả tiếng Jrai. - Viết được các đoạn hội thoại, các đoạn văn, bài văn, thông báo ngắn, thư từ, các văn bản hành chính, phổ biến, tuyên truyền. Kỹ năng: Người học có thể viết được những văn bản, thư từ giao dịch thông thường, thuyết minh đơn giản bằng tiếng Jrai. Thái độ: Người học có thái độ tích cực học tập, tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Jrai.	2	Năm thứ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
86	Ngữ âm – Chữ viết tiếng Jrai	Kiến thức: Sinh viên có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và ngữ âm-âm vị học; hiểu được quá trình sản sinh lời nói, hoạt động của cơ quan cấu âm; nắm vững đặc thù ngữ âm – chữ viết tiếng Jrai, âm vị học tiếng Jrai, thực hiện đúng giọng điệu và ngữ điệu tiếng Jrai. Kỹ năng: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm – chữ viết tiếng Jrai trong giao tiếp, thể hiện được những đặc trưng về ngôn ngữ tiếng Jrai một cách tự nhiên, đúng bản sắc. Thái độ: Sinh viên có tinh thần ham học hỏi, nghiên cứu để hiểu biết sâu rộng hơn, để có thể sử dụng thành thạo tiếng Jrai.	2	Năm thứ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
87	Từ ngữ, ngữ pháp tiếng Jrai	Kiến thức Người học có kiến thức cơ bản về từ ngữ và ngữ pháp tiếng Jrai để phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe - Nói – Đọc - Viết. Cụ thể: Nhận diện được đặc điểm cấu tạo từ tiếng Jrai, sự tương đồng và khác biệt giữa cấu tạo từ tiếng Jrai và tiếng Việt; - Hiểu biết và phân tích đặc điểm cấu tạo ngữ pháp tiếng Jrai ở mức độ cơ bản; Kỹ năng: Biết sử dụng từ, ngữ để đặt câu, viết đoạn văn và dịch ngữ liệu bằng tiếng Jrai trong ngữ cảnh giao tiếp một cách phù hợp; - Người học có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Jrai ở mức độ cơ bản về những chủ đề thường gặp trong học tập và trong cuộc	2	Năm thứ nhất	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sống. Thái độ: Tạo cho người học thái độ hứng thú và có động cơ học tập và nghiên cứu tiếng Jrai và văn hóa Jrai.			
88	Nguyên lí cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
89	Nguyên lí cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
90	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

29. Giáo dục Thể chất

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	GDTC 1	Nắm vững động tác kỹ thuật trong môn chạy 100m, hiểu các điều luật thi đấu.	2	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
2	GDTC 2	Nắm vững động tác kỹ thuật trong môn bóng chuyền, hiểu các điều luật thi đấu.	2	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
3	GDTC 3	Nắm vững động tác kỹ thuật trong môn bóng đá, hiểu các điều luật thi đấu.	1	Học kì III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
4	Giáo dục học TDDT	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về môn giáo dục học TDDT. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực TDDT nói chung vào giảng dạy và huấn luyện	1	Học kì I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
5	Phương pháp NCKH giáo dục	Người học có hiểu biết cơ bản về các khái niệm, các quan điểm trong nghiên cứu khoa học; nhận thức rõ được logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục;	1	Học kì VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thức học phần.
6	Sinh lý học TDDT	Vận dụng vào thực tiễn trong quá trình biên soạn giáo án giảng dạy, tập luyện nâng cao trình độ thể lực, thành tích thể thao phù hợp với chức năng sinh lý lứa tuổi và giới tính.	2	Học kì II	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
7	Y học TDDT	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về môn y học TDDT. - Sinh viên biết vận dụng các kiến thức học phần y học TDDT vào thực tiễn trong lĩnh vực TDDT nói chung và công tác huấn luyện thể thao nói riêng.	3	Học kì VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
8	Sinh hoá học TDDT	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về môn sinh hóa TDDT - Sinh viên biết vận dụng các kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực TDDT nói chung và công tác huấn luyện thể thao nói riêng.	2	Học kì VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Sinh cơ học TDDT	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về môn sinh cơ TDDT - Sinh viên biết vận dụng các kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực TDDT nói chung và công tác huấn luyện thể thao nói riêng.	2	Học kì VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thức học phần.
10	Tâm lí học TDDT	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về môn Tâm lí TDDT. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực TDDT nói chung và công tác huấn luyện thể thao nói riêng.	1	Học kỳ II	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
11	Lịch sử TDDT	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về môn lịch sử TDDT. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực TDDT nói chung và công tác huấn luyện thể thao nói riêng.	1	Học kỳ V	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
12	Vệ sinh học TDDT	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về môn Vệ sinh học TDDT. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực TDDT nói chung và công tác huấn luyện thể thao nói riêng.	1	Học kỳ VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
13	Đo lường TDDT	- Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về môn Đo lường TDDT. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực TDDT nói chung và công tác huấn luyện thể thao nói riêng.	2	Học kỳ VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
14	Điền kinh 1 (môn chạy)	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn chạy, hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn chạy.	2	Học kỳ I	10%: Chuyên cần; 10%: Báo cáo nhóm trước lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
15	Điền kinh 2 (môn nhảy)	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn nhảy, hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn nhảy.	2	Học kì II	10%: Chuyên cần; 10%: Báo cáo nhóm trước lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
16	Điền kinh 3 (ném đẩy)	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn ném đẩy, hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn ném đẩy.	2	Học kì V	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
17	Thể dục cơ bản + Thực dụng	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn thể dục thực dụng, hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn thể dục thực dụng.	2	Học kỳ VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
18	Thể dục dụng cụ và Nhào lộn	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn thể dục dụng cụ và nhào lộn, hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn thể dục dụng cụ và nhào lộn.	3	Học kỳ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
19	Thể dục nhịp điệu	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn thể dục nhịp điệu, hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn thể dục nhịp điệu.	2	Học kỳ III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thức học phần.
20	Thể dục đồng diễn	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn thể dục đồng diễn, hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn thể dục đồng diễn.	1	Học kỳ III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
21	Bóng đá	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn bóng đá. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức bóng đá.	2	Học kỳ V	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
22	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn kỹ chiến thuật (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng, kỹ thuật đập bóng; kỹ thuật phát bóng) môn bóng chuyền.	2	Học kì I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
23	Bóng ném	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn bóng ném. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức ném.	2	Học kì V	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
24	Bóng rổ	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn bóng rổ. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức rổ.	2	Học kỳ III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Cầu lông	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn cầu lông. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn cầu lông.	2	Học kỳ VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
26	Đá cầu	Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn đá cầu. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn đá cầu .	2	Học kỳ III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
27	Trò chơi vận động	Nắm vững phương pháp giảng dạy trong môn trò chơi vận động. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn trò chơi vận động.	2	Học kỳ II	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
28	Cờ vua	Nắm vững phương pháp giảng dạy trong môn cờ vua - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức môn cờ vua	2	Học kỳ V	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
29	Bơi lội	- Nắm vững phương pháp giảng dạy động tác kỹ thuật trong môn bơi lội. - Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi	3	Học kỳ VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đấu. - Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn bơi lội vào biên soạn và hướng dẫn tập luyện.			80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
30	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn Taekwondo	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
31	Bóng bàn	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
32	Lí luận và PP GDTC	- Nắm vững lí luận và phương pháp giáo dục thể chất. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng môn học lí luận và phương pháp GDTC. - Hiểu các vấn đề về phương pháp lí luận trong thực tế giảng dạy	3	Học kỳ V	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
33	Thực tế chuyên ngành	- Hiểu ý nghĩa, tác dụng môn học. Hiểu các vấn đề về phương pháp trong thực tế giảng dạy thể dục, phương tiện giáo dục thể chất, ở các trường Đại học phát triển.	1	Học kỳ VII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
34	Bóng đá nâng cao 1	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC	5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng đá			Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
35	Bóng chuyền nâng cao 1	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền	5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
36	Điền kinh nâng cao 1	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn điền kinh	5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
37	Thể dục nhào lộn nâng cao 1	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn TD nhào lộn	5	Học kỳ VI	Trọng số ĐBP: 20% (điểm chuyên cần và bài kiểm tra) Trọng số thi kết thúc học phần: 80%
38	Bơi lội nâng cao 1	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bơi lội	5	Học kỳ VI	70% thực hành, 20% kiểm tra hoặc seminar, 10% chuyên cần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Bóng bàn nâng cao 1	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng bàn	5	Học kỳ VI	70% thực hành, 20% kiểm tra hoặc seminar, 10% chuyên cần
40	Bóng đá nâng cao 2	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng đá	4	Học kỳ VII	Điểm chuyên cần 5%, thực hành 10%, bài kiểm tra 5%
41	Bóng chuyền nâng cao 2	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền	4	Học kỳ VII	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành
42	Điền kinh nâng cao 2	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn điền kinh	4	Học kỳ VII	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
43	Thể dục nhào lộn nâng cao 2	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và	4	Học kỳ VII	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trọng tài môn TD nhào lộn			
44	Bơi lội nâng cao 2	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bơi lội	4	Học kỳ VII	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
45	Bóng bàn nâng cao 2	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn (kỹ thuật và chiến thuật) để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh. Nắm vững các bước khi Tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng bàn	4	Học kỳ VII	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Thực hành
46	Thực hành giảng dạy môn GDTC	Nắm vững phương pháp thực hành giảng dạy giáo dục thể chất. Hiểu ý nghĩa, tác dụng môn học phương pháp thực hành giảng dạy giáo dục thể chất.	2	Học kỳ VII	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Bài tập
47	Rèn luyện nghiệp vụ Sư phạm	Nắm vững phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất. Hiểu ý nghĩa, tác dụng môn học rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong giảng dạy giáo dục thể chất.	2	Học kỳ IV	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Bài tập
48	Kiến tập sư phạm	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành sư phạm GDTC có đủ năng lực sư phạm và chuyên môn	2	Học kỳ V	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành
49	Thực tập sư phạm	Nắm vững phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất. Hiểu ý nghĩa, tác dụng thực tập sư phạm trong giảng dạy giáo dục thể chất.	5	Học kỳ VIII	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
50	Chuyên đề lý luận TDTT	- Nắm vững lý luận và phương pháp TDTT. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng môn học lý luận và phương			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp TDDT. - Hiểu các vấn đề về phương pháp lý luận trong thực tế giảng dạy thể dục, phương tiện giáo dục thể chất,			
51	Chuyên đề sinh lý TDDT	- Nắm vững môn học sinh lý TDDT. - Hiểu ý nghĩa, tác dụng môn học sinh lý TDDT. - Hiểu các vấn đề về môn học sinh lý TDDT trong thực tế giảng dạy thể dục			

30. Sư phạm Ngữ văn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam			
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách mạng Việt Nam.	03	HK VII	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	02	HK I	Thi tự luận
6	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	HK VIII	Thi tự luận
7	Tâm lí học giáo dục	Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về	02	HKI	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tâm lí học, tâm lí học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm: Thuật ngữ chuyên ngành, bản chất tâm lí người, sự phát triển của tâm lí người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên. Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lí học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.			
8	Giáo dục học phổ thông	Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng	02	HK III	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		con đường giáo dục cụ thể. Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông.			
9	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	Người học cần nắm được khát quai về điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và phân vùng cư trú của các dân tộc Tây Nguyên; Kiến thức về tổ chức xã hội truyền thống, đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Tây Nguyên; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên – xã hội, đồng thời nhận diện được đặc điểm văn hóa vật thể, phi vật thể, nghi lễ - phong tục cũng như vai trò, vị trí của văn hóa Tây Nguyên đối với phát triển.	02	HK II	Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã	02	HK II	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.			
11	Nhân học đại cương	Sinh viên hiểu được những vấn đề: vấn đề tộc người, nhân chủng, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo của các tộc người trên thế giới và ở Việt Nam; tính đa dạng văn hóa tộc người, các vấn đề về xã hội nguyên thủy..., kiến thức cơ bản về những đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam.	02	HK II	Thi tự luận
12	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	HK II	Thi tự luận
13	Lịch sử văn minh thế giới	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị	02	HK II	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm <i>văn hoá, văn minh</i> , nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời đại.			
14	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lòng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp
15	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lòng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường.	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại			
16	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bẩn phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn giản...	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp
17	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy và và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Người học có hiểu biết cơ bản về các khái niệm, các quan điểm trong nghiên cứu khoa học; nhận thức rõ được logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; vận dụng được một số phương pháp và kỹ thuật thông dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục; biết các quy định về viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục.	02	HK VI	Thi tự luận
19	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.	02	HK I	Thi thực hành trên máy
20	Giáo dục thể chất 1	Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn	01	HK I	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chạy. Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống.			
21	Giáo dục thể chất 2	Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01	HK II	Thi thực hành
22	Giáo dục thể chất 3	Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện. Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá.	01	HK V	Thi thực hành
23	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	03	HK III	Thi tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<i>Kỹ năng:</i> Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh. <i>Thái độ:</i> Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.			
24	Công tác quốc phòng và an ninh	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo... <i>Kỹ năng:</i> Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống. <i>Thái độ</i> Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái	02	HK III	Thi trắc nghiệm, tự luận hoặc vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học. Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.			
25	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	<i>Kiến thức</i> Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. <i>Kỹ năng</i> Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định	03	HK III	Thi tự luận, trắc nghiệm hoặc thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. <i>Thái độ</i> Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
26	Hiểu biết chung về quân binh chủng	Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: <i>Kiến thức:</i> Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. <i>Kĩ năng:</i> Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng. <i>Thái độ</i> Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng	01	HK III	Viết tiểu luận hoặc thi tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc			
27	Dẫn luận ngôn ngữ học	<i>Kiến thức:</i> Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các loại hình ngôn ngữ...) <i>Kỹ năng:</i> Hiểu các thuật ngữ, các khái niệm ngôn ngữ, nắm được bản chất, qui luật hình thành và phát triển của ngôn ngữ để vận dụng vào học tập, nghiên cứu, giảng dạy. <i>Thái độ:</i> Chăm chỉ, học tập nghiêm túc nắm chắc kiến thức lý thuyết vận dụng vào thực tế.	02	HK I	Thi tự luận
28	Mĩ học và nguyên lí lí luận văn học	Kiến thức Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức về các loại hình nghệ thuật, các phạm trù thẩm mĩ, chủ thể và khách thể thẩm mĩ. Sinh viên hiểu được bản chất, chức năng, đặc trưng của nghệ thuật và nghệ thuật ngôn từ cũng như các qui luật vận động của văn học và sự tác động qua lại giữa văn học và đời sống, giữa văn học với các loại hình nghệ thuật và các hình thái ý thức xã hội. Kỹ năng Có thể áp dụng linh hoạt và sáng tạo những khái niệm đã học vào các công việc cụ thể như: phân tích đánh giá một tác phẩm văn học, bình luận một ý kiến về văn học, lý giải một vấn đề thực tiễn văn học, định ra tiêu chí cho một nền văn học tiến bộ, phân biệt những giá trị thẩm mĩ trong đời sống... Thái độ Sinh viên cần có cách nhìn khoa học, có tình cảm yêu thích đối với văn học.; biết nhận thức các giá trị thẩm	03	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mĩ và có ý thức tự giáo dục về thị hiếu thẩm mĩ.			
29	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	Kiến thức Giảng dạy cho sinh viên hiểu được tác phẩm, chỉnh thể then chốt nhất của văn học với những cơ cấu và loại hình cơ bản của nó. Đồng thời, định hướng cho sinh viên bước đầu có kỹ năng phân tích các loại hình tác phẩm. Kỹ năng Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên vận dụng những lý thuyết đó vào nghiên cứu và phân tích các tác phẩm văn học từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. Thái độ Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và vận dụng kiến thức đã được học vào nghiên cứu, giảng dạy.	02	HK VI	Thi tự luận
30	Tiến trình văn học	Kiến thức Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản như phong cách nhà văn, trào lưu văn học, phương pháp nghệ thuật; nắm được tiến trình xuất hiện của các trào lưu, những đặc trưng cơ bản của các trào lưu văn học lớn từng xuất hiện trong văn học thế giới. Kĩ năng Kĩ năng đọc, nghe giảng, trả lời câu hỏi; kĩ năng phân tích các tác phẩm văn học thuộc các trào lưu; kĩ năng tìm hiểu về phong cách nhà văn, trào lưu văn học để vận dụng trong học tập ở trường Đại học và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông (PT) sau này. Thái độ	02	HK VII	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tích cực, tự giác, cầu thị và chăm chỉ.			
31	Văn học dân gian Việt Nam	Kiến thức Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về văn học dân gian Việt Nam: nhận diện những trí thức khoa học về VHDG nói chung và VHDG Việt Nam, thuật ngữ chuyên ngành, đặc trưng, thể loại, nội dung của VHDG Việt Nam. Giúp người học có kiến thức nền tảng chuyên ngành sâu và rộng qua việc tìm hiểu những trí thức liên ngành và mối quan hệ biện chứng giữa VHDG với văn hóa dân gian. Kỹ năng Kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy VHDG: Có khả năng làm sáng tỏ một số vấn đề về lý luận của khoa học chuyên ngành, những vấn đề cốt lõi về các thể loại VHDG trong tiến trình lịch sử. Người học biết vận dụng kiến thức để nhận diện đặc trưng, thể loại, nội dung của VHDG Việt Nam vào giảng dạy và nghiên cứu. Kỹ năng cảm thụ, truyền và kích thích xúc cảm nghệ thuật người học: Người học có khả năng cảm thụ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Hình thành và phát triển nhận thức thẩm mỹ qua tác phẩm VHDG, qua hoạt động thực tiễn. Kỹ năng tích hợp kiến thức để hoạt động trải nghiệm sáng tạo: Tạo sự năng động cho người học qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của VHDG. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá... VHDG.	03	HK I	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ Học phần hình thành thái độ yêu mến về văn học dân gian, các đặc trưng cơ bản của các thể loại tự sự và các thể loại văn vần của văn học dân gian Việt Nam. Giáo dục ý thức trân trọng, tự hào về di sản VHDG, nâng cao vai trò trong bảo tồn, phát huy giá trị VHDG Việt Nam.			
32	Thực tế văn học dân gian	Kiến thức Học phần hướng dẫn sinh viên làm quen với phương pháp sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian tại địa phương vùng Tây Nguyên và các vùng miền trong nước; tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng văn học dân gian Việt Nam tại một số địa phương cũng như mối quan hệ của chúng đối với di sản văn hóa dân tộc. Kỹ năng Bước đầu có kỹ năng quan sát, nhận diện đặc điểm các thể loại văn học dân gian tại địa phương đi thực tập; Ghi chép, tổng hợp, phân loại, đánh giá thực trạng của chúng trong thực tiễn. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa văn học dân gian các dân tộc Việt nam tại địa phương đi thực tập; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá... Văn học Việt Nam. Thái độ Học phần hình thành thái độ trân trọng, yêu mến về văn học dân gian. Giáo dục ý thức trân trọng, tự hào về di sản VHDG, nâng cao vai trò trong bảo tồn, phát huy giá trị VHDG Việt Nam.	01	HK II	Kết quả sưu tầm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Văn học châu Á	Kiến thức Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các đặc điểm của các nền văn học như Ấn Độ, Nhật Bản cùng những thể loại, tác phẩm, tác giả văn học tiêu biểu của các dân tộc này. Kĩ năng Kĩ năng đọc, ghi chép, hiểu văn bản thuộc về các tác phẩm văn học châu Á tiêu biểu (chủ yếu thuộc văn học Ấn Độ và Nhật Bản) ; kĩ năng phân tích các tác phẩm, trích đoạn văn học châu Á trong chương trình sách giáo khoa Trung học phổ thông và Trung học cơ sở. Thái độ Sinh viên yêu thích môn học, tích cực, tự giác tìm đọc tài liệu và kết hợp chặt chẽ với sự trình bày hướng dẫn của giảng viên trên lớp, hướng đến việc tích lũy kiến thức phục vụ cho nghề nghiệp sau này.	02	HK II	Thi tự luận
34	Văn học Việt Nam trung đại 1	Kiến thức Có được những kiến thức về những vấn đề chung của văn học trung đại Việt Nam; biết được bối cảnh lịch sử xã hội, tình hình văn học, cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác gia tiêu biểu, nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII. Kỹ năng Có được các kỹ năng cần thiết như: trình bày, ghi nhớ, nhận diện, hiểu, phân tích, lí giải, so sánh, đánh giá, vận dụng các nội dung của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII một cách cơ bản	02	HK III	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ Biết trân trọng và yêu quý các giá trị của văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII. Nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu tài liệu.			
35	Văn học Tây Nguyên	Kiến thức: Nắm được một cách khái quát những vấn đề cơ bản về thành phần tộc người, đời sống văn hoá tinh thần, đời sống văn hoá vật chất, kho tàng văn học dân gian của các dân tộc Tây Nguyên. Kỹ năng: Biết thuyết trình, tranh biện về những nội dung mà giảng viên định hướng, tập soạn giáo án và tập giảng một số tiết dạy có trong chương trình THPT. 3.1.3. Thái độ: Tích cực, chủ động chuẩn bị bài và thảo luận, trao đổi với giảng viên, sinh viên.	02	HK IV	Thi tự luận
36	Văn học Việt Nam trung đại 2	Kiến thức Nắm vững tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam; hoàn cảnh lịch sử giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX; những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. Kỹ năng Biết thuyết trình, tranh biện về những nội dung mà giảng viên định hướng, tập soạn giáo án và tập giảng một số tiết dạy có trong chương trình THPT (thuộc giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX). Thái độ Tích cực, chủ động chuẩn bị bài và thảo luận, trao đổi với giảng viên, sinh viên.	02	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Văn học Việt Nam trung đại 3	Kiến thức Có được những kiến thức về những vấn đề chung của văn học trung đại Việt Nam; biết được bối cảnh lịch sử xã hội, tình hình văn học, cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác gia tiêu biểu, nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX. Kỹ năng Có được các kỹ năng cần thiết như: trình bày, ghi nhớ, nhận diện, hiểu, phân tích, lí giải, so sánh, đánh giá, vận dụng các nội dung của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX một cách cơ bản. Thái độ Biết trân trọng và yêu quý các giá trị của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX. Nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu tài liệu.	02	HK V	Thi tự luận
38	Tổng quan Văn học Việt Nam hiện đại	Kiến thức Có được những kiến thức về những vấn đề chung của văn học trung đại Việt Nam; biết được bối cảnh lịch sử xã hội, tình hình văn học trong văn học Việt Nam từ năm 1900 đến hết thế kỷ XX. Kỹ năng Có được các kỹ năng cần thiết như: trình bày, ghi nhớ, nhận diện, hiểu, phân tích, lí giải, so sánh, đánh giá, vận dụng các nội dung của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX một cách cơ bản. Thái độ Biết trân trọng và yêu quý các giá trị của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX. Nghiêm	02	HK V	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		túc trong học tập và nghiên cứu tài liệu.			
39	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1	Kiến thức Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945, những bộ phận, khuynh hướng văn học chính, các tác giả tiêu biểu. Kỹ năng Rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Việt Nam từ 1900 đến năm 1945 ở Trường Trung học Phổ thông. Thái độ Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.	03	HK V	Thi tự luận
40	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2	Kiến thức Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945, những bộ phận, khuynh hướng văn học chính, các tác giả tiêu biểu. Kỹ năng Rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay ở Trường Trung học Phổ thông.	03	HK VI	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam kháng chiến từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.			
41	Văn học Trung Quốc	Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại. Phân tích, phát hiện những đặc điểm cơ bản của Văn học Trung Quốc và tìm hiểu nguyên nhân của các đặc điểm ấy. Từ đó tìm hiểu sâu một số tác gia, tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ cổ - trung đại và hiện đại. Kỹ năng - Rèn luyện kỹ năng cảm thụ tác phẩm văn học nước ngoài nói chung, Văn học Trung Quốc nói riêng. Rèn luyện năng lực nghiên cứu tác giả, tác phẩm, năng lực phân tích phán đoán, phân tích, giải quyết vấn đề văn học. Rèn luyện kỹ năng trình bày, thuyết trình của sinh viên về một quan điểm nào đó. - Hình thành, củng cố kỹ năng giảng dạy các tác phẩm, đoạn trích tác phẩm văn học Trung Quốc ở trường THPT. Thái độ - Thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần tiếp thu sáng tạo, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; - Có ý thức tự học và nghiên cứu.	03	HK II	Thi tự luận
42	Văn học phương Tây 1	Kiến thức Cung cấp tri thức về văn học phương Tây từ cổ	02	HK III	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đại và thời kỳ Phục hưng, cụ thể là tiến trình phát triển của các giai đoạn văn học; đặc trưng về lịch sử xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển văn học; Đặc trưng của nền văn học qua các thời đại; giới thiệu các thể loại trong văn học cổ đại, các trào lưu văn học - tư tưởng lớn cùng các tác giả và các tác phẩm lớn của các thời kỳ văn học. Từ những tri thức đó, sinh viên có thể nhận diện được những đặc trưng của văn học phương Tây thời kỳ này. Kỹ năng Trên cơ sở nắm vững hệ thống kiến thức về văn học phương Tây cổ đại và văn học thời đại Phục hưng, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để giải mã các tác phẩm văn học phương Tây từ cổ đại và thời kỳ Phục hưng, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. Thái độ Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như quý trọng và say mê nền văn học các nước phương Tây thời cổ đại và Phục hưng.			
43	Văn học phương Tây 2	Kiến thức Cung cấp tri thức về văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX. Cụ thể là tiến trình phát triển của các giai đoạn văn học; đặc trưng về lịch sử xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển văn học; Đặc trưng của nền văn học qua các thời đại; giới thiệu các trào lưu văn học – tư tưởng lớn cùng các tác giả và các tác phẩm lớn của các thời kỳ văn học. Kỹ năng Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng nhận	02	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		diện, phân tích các tác phẩm văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. Thái độ Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như quý trọng và say mê nền văn học các nước phương Tây ba thế kỷ XVII, XVIII, XIX.			
44	Văn học phương Tây 3	Kiến thức Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Những đặc điểm chính trị xã hội nổi bật của phương Tây thế kỉ XX; những đặc điểm văn học, tác gia, tác phẩm tiêu biểu của văn học phương Tây thế kỉ XX. Kỹ năng Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kĩ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kĩ năng cho sinh viên giảng dạy tốt môn Văn học nước ngoài ở trường Trung học Phổ thông. Thái độ Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học nước ngoài; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm mang tính cách tân đổi mới của Văn học phương Tây hiện đại.	02	HK VI	Thi tự luận
45	Văn học Nga	Kiến thức Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Những kiến thức cơ bản về đặc điểm tiến trình Văn học Nga từ thế kỉ X đến thế kỉ XX, những kiến thức cơ bản về tác gia, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kì văn học.	02	HK VI	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng Các kỹ năng mà sinh viên hình thành thông qua học phần: rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cảm thụ các tác phẩm lớn của Văn học Nga qua bản dịch, tạo điều kiện cho việc giảng dạy tốt các tác phẩm, các đoạn trích trong chương trình Ngữ văn ở bậc Trung học Phổ thông. Thái độ Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học nước ngoài; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm của Văn học Nga và Văn học Xô viết.			
46	Lý luận dạy học Ngữ văn	Kiến thức Cung cấp tri thức lý luận dạy học Văn. Cụ thể là các kiến thức để xác định nhiệm vụ của khoa học phương pháp dạy học Văn, về đặc trưng của môn Văn và nhiệm vụ của môn văn trong trường Phổ thông, về cơ chế dạy học Văn và những nguyên tắc dạy học Văn trong trường phổ thông. Kỹ năng Nắm bắt được những kỹ năng đọc văn bản văn học, các kỹ năng để xác định vai trò của giáo viên và nắm vững cách vận dụng nguyên tắc dạy học Văn trong trường phổ thông Thái độ Sinh viên có ý thức được tầm quan trọng của học phần, có ý thức nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như có ý thức rèn luyện kỹ năng dạy học ở trường phổ thông.	01	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Phương pháp dạy học Văn	Kiến thức Người học nắm bắt được những vấn đề cơ bản trong phương pháp dạy học Văn ở trường phổ thông là phương pháp đọc diễn cảm, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp so sánh, đồng thời người học được rèn luyện những kỹ năng sư phạm cơ bản như kỹ năng ghi bảng, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng dẫn nhập, kỹ năng soạn giáo án từ đó có thể tiến hành một giờ dạy học thực tế trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông. Kỹ năng Sau khi kết thúc HP, có được những kỹ năng tổ chức giờ dạy học đọc hiểu văn bản, Văn học sử trong trường phổ thông Thái độ Sinh viên có ý thức được tầm quan trọng của học phần, có ý thức nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như có ý thức rèn luyện kỹ năng dạy học ở trường phổ thông.	02	HK IV	Thi tự luận
48	Hán Nôm cơ sở và văn bản Hán Nôm Việt Nam	Kiến thức Học phần dành cho sinh viên năm 1 hoặc năm 2. - Nắm vững các nét bút và biết cách viết chữ Hán, chữ Nôm theo thứ tự nét bút. - Nắm rõ hình – âm – nghĩa và vai trò, vị trí của 214 bộ chữ Hán. - Nắm được nguồn gốc và quá trình hình thành chữ Hán và chữ Nôm. - Nắm vững các phương thức cấu tạo và ngữ nghĩa chữ Hán và chữ Nôm. - Nâng cao hiểu biết về giá trị của các văn bản	02	HK I	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hán Nôm đối với lịch sử và văn hóa Việt Nam. Kỹ năng - Viết chữ Hán và chữ Nôm đúng nét và phân bố nét hợp lí. - Thuần thục trong việc giải mã văn bản chữ Hán và chữ Nôm. - Vận dụng vào việc tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển chữ viết của tiếng Việt. Thái độ - Sinh viên lên lớp đầy đủ 02 tín chỉ. - Luyện viết chữ Hán và chữ Nôm để hiểu hơn về cấu tạo và nhớ mặt chữ viết; thực hành tra từ điển và tự điển. Có thái độ nghiêm túc trong học tập.			
49	Ngữ âm tiếng Việt	Kiến thức Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ngữ âm tiếng Việt, cung cấp kiến thức chuyên sâu ở trình độ nhất định để có thể học tiếp các học phần tiếng Việt khác. Kỹ năng Có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế đời sống: nghiên cứu các vấn đề ngữ âm tiếng Việt: phiên âm, miêu tả âm vị tiếng Việt, thực hành phát âm tiếng Việt chuẩn mực,.. Thái độ Có phẩm chất cơ bản của một người nghiên cứu ngôn ngữ, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người làm công tác nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ và văn học vào thực tiễn.	02	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
50	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Kiến thức Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về từ vựng ngữ nghĩa như: từ và yếu tố cấu tạo từ; các đơn vị tương đương từ; các phương thức cấu tạo từ. Nghĩa và các thành phần, các loại nghĩa của từ; các phương thức chuyển nghĩa của từ, đặc biệt là các phương thức được dùng trong các tác phẩm văn chương. Trường từ vựng và ứng dụng của trường từ vựng trong văn học. Các lớp từ tiếng Việt chia theo phạm vi sử dụng và theo nguồn gốc. Giảng dạy từ vựng trong trường phổ thông. Kỹ năng Sinh viên có thể nhận thức được tính đặc thù của đơn vị từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt; xác định và phân loại được các từ trong các văn bản cụ thể; biết phân tích nghĩa; định dạng được các phương thức chuyển nghĩa; xác lập được các trường từ vựng ngữ nghĩa; xác định được các lớp từ theo các tiêu chí đã học; vận dụng được các kiến thức của môn học vào giảng dạy từ ngữ ở trường phổ thông. Thái độ Sinh viên có thái độ trân trọng vốn từ ngữ và các quy tắc từ vựng của tiếng Việt. Có cách ứng xử đúng đắn trong việc xây dựng vốn từ tiếng Việt vừa phong phú, hiện đại, vừa mang bản sắc dân tộc.	02	HK IV	Thi tự luận
51	Ngữ pháp tiếng Việt	Kiến thức Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải	02	HK VI	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. . Kỹ năng Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng dùng từ, câu, giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao. Thái độ Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
52	Phong cách học tiếng Việt	Kiến thức Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề khái niệm phong cách, các loại phong cách khác nhau, về các biện pháp tu từ. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng	02	HK VI	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Kỹ năng Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng các phong cách chức năng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng sử dụng các biện pháp tu từ giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả cao. Thái độ Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
53	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	Kiến thức Trang bị cho người học một số nguyên tắc và phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ, trên cơ sở đó có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết này vào việc dạy học tiếng Việt ở trường THPT. Kỹ năng Từ kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giảng dạy các tiết học về tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn ở THPT. Việc	02	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực hành này có tác dụng nâng cao kỹ năng đứng lớp cho người học gắn với hoạt động nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác. Thái độ Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
54	Thực tế chuyên ngành	Kiến thức Thông qua việc đi thực tế, sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng những kiến thức lý thuyết đã được học trên giảng đường vào thực tiễn; được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để trau dồi kỹ năng nghề nghiệp và để bồi dưỡng thái độ yêu nghề, hiểu biết về kiến thức liên quan đến di sản văn học, ngôn ngữ, di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể... và hiểu biết về giá trị và vai trò và việc phát huy giá trị của văn học, ngôn ngữ và di sản văn hóa Việt Nam thông qua các điểm thực tế. Kỹ năng Hình thành những kỹ năng quan sát, nghiên cứu, tổng hợp liên quan đến văn học, ngôn ngữ, văn hóa để phục vụ quá trình hoàn thiện kiến thức trong dạy học và nghiên cứu ở trường PT và kỹ năng nghề nghiệp trong thực tiễn. Thái độ	01	HK VI	Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Yêu quê hương, đất nước, hiểu và yêu quý những giá trị văn học, ngôn ngữ, văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam; Đồng thời qua đó thấy được việc ứng dụng di sản văn học, ngôn ngữ, văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội			
55	Chuyên đề Thi pháp học VHDG	Kiến thức Có được những kiến thức về những vấn đề chung của những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian như: Thần thoại, Truyền thuyết, Truyện cổ tích, Truyện ngụ ngôn, Truyện cười, Tục ngữ, Câu đố và Ca dao. Phân tích những đặc điểm thi pháp đặc trưng của một vài tác phẩm ở mỗi thể loại. Kỹ năng Có được các kỹ năng cần thiết như: trình bày, ghi nhớ, nhận diện, hiểu, phân tích, lí giải, so sánh, đánh giá, vận dụng các nội dung của những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian như: Thần thoại, Truyền thuyết, Truyện cổ tích, Truyện ngụ ngôn, Truyện cười, Tục ngữ, Câu đố và Ca dao. Phân tích những đặc điểm thi pháp đặc trưng của một vài tác phẩm ở mỗi thể loại một cách cơ bản. Thái độ Biết trân trọng và yêu quý các giá trị những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian như: Thần thoại, Truyền thuyết, Truyện cổ tích, Truyện ngụ ngôn, Truyện cười, Tục ngữ, Câu đố và Ca dao. Phân tích những đặc điểm thi pháp đặc trưng của một vài tác phẩm ở mỗi thể loại. Nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu tài liệu.	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
56	Tác giả và phong cách nhà văn trong VHVN trung đại	Kiến thức Nắm vững tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam; hoàn cảnh lịch sử từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX; những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu (những tác giả tạo được dấu ấn, phong cách đặc trưng) của văn học Việt Nam thời kỳ trung đại. Kỹ năng Biết thuyết trình, tranh biện về những nội dung mà giảng viên định hướng, tập soạn giáo án và tập giảng một số tiết dạy có trong chương trình THPT (thuộc nền văn học viết Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX). Thái độ Tích cực, chủ động chuẩn bị bài và thảo luận, trao đổi với giảng viên, sinh viên.	02	HK VII	
57	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	Kiến thức Có được những kiến thức về những vấn đề chung về thi pháp văn học trung đại Việt Nam, phân tích sâu một số vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam như thi pháp thể loại, thi pháp ngôn ngữ, thi pháp hình tượng nghệ thuật, thi pháp nhân vật ở một số tác phẩm tiêu biểu. Kỹ năng Có được các kỹ năng cần thiết như: trình bày, ghi nhớ, nhận diện, hiểu, phân tích, lí giải, so sánh, đánh giá, vận dụng các nội dung về thi pháp văn học trung đại Việt Nam, phân tích sâu một số vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam như thi pháp thể loại, thi pháp ngôn ngữ, thi pháp hình tượng nghệ thuật, thi	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp nhân vật ở một số tác phẩm tiêu biểu một cách cơ bản. Thái độ Biết trân trọng và yêu quý các giá trị những đặc điểm thi pháp về thi pháp văn học trung đại Việt Nam, phân tích sâu một số vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam như thi pháp thể loại, thi pháp ngôn ngữ, thi pháp hình tượng nghệ thuật, thi pháp nhân vật ở một số tác phẩm tiêu biểu. Nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu tài liệu.			
58	Thơ trẻ Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước	Kiến thức Trang bị cho sinh viên những tri thức khái quát chung về sự xuất hiện và quá trình trưởng thành của thể hệ các nhà thơ trẻ thời kỳ chống Mỹ cứu nước và tìm hiểu một số tác giả tiêu biểu. Kỹ năng Rèn luyện cho sinh viên một số phương pháp phân tích và tìm hiểu phong cách riêng của Thế hệ các nhà thơ trẻ Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước, để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay ở Trường Trung học Phổ thông. Thái độ Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
59	Thi pháp học	Kiến thức - Nắm được các khái niệm cơ bản của Thi pháp học, những biểu hiện cụ thể trong các tác phẩm văn học - Hiểu và biết cách vận dụng các kiến thức của chuyên đề trong từng trường hợp tìm hiểu tác phẩm, tác giả văn học cụ thể. Kỹ năng - Có ý thức tìm hiểu những biểu hiện cụ thể của các phạm trù thi pháp trong các tác phẩm được học, được đọc. - Có thói quen tìm tòi, cập nhật các bài viết, các công trình nghiên cứu về thi pháp của các tác giả mình quan tâm. - Biết vận dụng tổng hợp các kiến thức thi pháp để có thể thực hành trong phân tích tác phẩm, phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu Thái độ - Biểu hiện sự ham thích trong việc tìm hiểu về các khái niệm, các phạm trù của Thi pháp học - Biểu hiện sự cầu thị trong sự tìm tòi, học hỏi cách vận dụng những kiến thức về thi pháp để tiến hành công tác nghiên cứu văn học phục vụ cho công việc học tập và giảng dạy, nghiên cứu sau này.	02	HK VII	Thi tự luận
60	Thuyết trình chuyên ngành	Kiến thức Người học được trang bị một số vấn đề lí luận cơ bản về kỹ năng giao tiếp, thuyết trình chuyên ngành. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, kỹ năng trình bày trước đám đông... Có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng thuyết trình chuyên ngành. Kỹ năng	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, kỹ năng trình bày trước đám đông... Có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng thuyết trình chuyên ngành. Thái độ Biết tự đánh giá được điểm mạnh, hạn chế trong diễn đạt của bản thân và đề ra những biện pháp để hoàn thiện. Có thái độ tự tin, tích cực đổi mới giao tiếp, trong thuyết trình nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.			
61	Tiểu thuyết Minh Thanh	Kiến thức - Trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống về khái niệm, quá trình phát triển, thành tựu và đặc điểm thi pháp của tiểu thuyết Minh – Thanh. - Tìm hiểu sâu một số tác gia, tác phẩm tiêu biểu của tiểu thuyết Minh – Thanh, thấy được thành tựu và hạn chế của từng tác phẩm. Kỹ năng - Rèn luyện kỹ năng cảm thụ tác phẩm văn học nước ngoài nói chung, Văn học Trung Quốc nói riêng. Rèn luyện năng lực nghiên cứu tác giả, tác phẩm, năng lực phân tích phán đoán, phân tích, giải quyết vấn đề văn học. Rèn luyện kỹ năng trình bày, thuyết trình của sinh viên về một quan điểm nào đó. - Hình thành, củng cố kỹ năng giảng dạy các đoạn trích của tiểu thuyết Minh – Thanh ở trường THPT. Thái độ - Thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần tiếp thu sáng tạo, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; - Có ý thức tự học và nghiên cứu.	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
62	Thơ Đường	Vận dụng lý thuyết thi pháp học vào việc khảo sát, lý giải một hiện tượng thơ ca đặc sắc: Thơ Đường- một đỉnh cao thể loại của lịch sử văn học Trung Quốc. Từ đó, nghiên cứu cách tiếp cận có hiệu quả một bài thơ Đường trong dạy học ở Trường Phổ thông.	02	HK VII	Thi tự luận
63	Ảnh hưởng phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại	Kiến thức Cung cấp tri thức về văn học so sánh, về sự ảnh hưởng của văn học phương Tây đối với văn học Việt Nam hiện đại. Cụ thể là giới thiệu các khái niệm liên quan trong nghiên cứu văn học so sánh, các khuynh hướng nghiên cứu chính và những nội dung của các khuynh hướng nghiên cứu văn học so sánh. Từ lý thuyết, chuyên đề vận dụng khuynh hướng so sánh ảnh hưởng để lý giải sự ảnh hưởng của văn học phương Tây trong văn học Việt Nam qua các giai đoạn cùng các phương diện cũng như các tác giả, tác phẩm trong văn học Việt Nam hiện đại ảnh hưởng của văn học phương Tây. Kỹ năng Sau khi kết thúc HP, SV có kỹ năng nhận diện, lý giải được những tác phẩm văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường PT về sau. Thái độ Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng đánh giá được tầm quan trọng của mối quan hệ giao lưu văn hóa, văn học trong bối cảnh văn hóa toàn cầu ở Việt Nam.	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
64	Phương pháp dạy học Làm văn ở trường Phổ thông	.Kiến thức Người học nắm bắt được những vấn đề cơ bản dạy học Làm văn ở trường phổ thông như các kiểu bài làm văn, các nguyên tắc và các phương pháp dạy học lí thuyết cũng như thực hành làm văn ở trường phổ thông. Từ đó sinh viên có thể vận dụng để tiến hành một giờ dạy học thực tế trong chương trình Làm văn ở trường phổ thông. Kỹ năng Sau khi kết thúc HP, có được những kỹ năng tổ chức giờ dạy học Làm văn trong trường phổ thông Thái độ Sinh viên có ý thức được tầm quan trọng của học phần, có ý thức nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như có ý thức rèn luyện kỹ năng dạy học ở trường phổ thông.	02	HK VII	Thi tự luận
65	Chủ nghĩa hiện đại trong văn học phương Tây	Kiến thức Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Những đặc điểm chính trị xã hội nổi bật của phương Tây thế kỉ XX; những đặc điểm của các trào lưu văn học hiện đại, tác gia, tác phẩm tiêu biểu của chủ nghĩa hiện đại trong văn học phương Tây. Kỹ năng Các kỹ năng mà sinh viên hình thành thông qua học phần: Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt môn Văn học nước ngoài ở trường Trung học Phổ thông. Thái độ	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học nước ngoài; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những tác phẩm mang tính cách tân đổi mới của chủ nghĩa hiện đại trong Văn học phương Tây.			
66	Văn học Việt Nam sau 1975	Kiến thức Trang bị cho sinh viên những tri thức khái quát về đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam sau 1975. Tìm hiểu sự nghiệp sáng tác, quan niệm nghệ thuật, những giá trị về nội dung, nghệ thuật và những điểm nổi bật trong phong cách của một số tác giả tiêu biểu trong văn học Việt Nam đương đại sau 1975. . Kỹ năng Rèn luyện cho sinh viên một số phương pháp phân tích và tìm hiểu phong cách riêng của một số cây bút trẻ trong văn học Việt Nam đương đại, đồng thời rèn luyện kỹ năng lựa chọn và tiếp nhận văn chương đương đại. Thái độ Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Namn đương đại; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam đương đại từ đó khơi niềm đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.	02	HK VII	Thi tự luận
67	Văn học nước ngoài trong chương trình phổ thông	Kiến thức Cung cấp tri thức về chương trình văn học nước ngoài ở trường phổ thông, cụ thể là các tác phẩm văn học phương Đông, Nga, Pháp và các nước phương Tây	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khác trong chương trình phổ thông. Bên cạnh đó, chuyên đề cung cấp những tri thức về phương pháp thực hiện giảng dạy tác phẩm văn học nước ngoài ở trường phổ thông. Kỹ năng Sau khi kết thúc HP, SV có kỹ năng nhận diện, phân tích các tác phẩm văn học nước ngoài ở trường phổ thông, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy ở trường phổ thông về sau. Thái độ Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu cũng như quý trọng và say mê nền văn học nước ngoài ở trường phổ thông.			
68	Văn học Việt Nam hiện đại trong trường PT	Kiến thức Trang bị cho sinh viên những tri thức khái quát chung về lí thuyết truyện ngắn và vận dụng lí thuyết truyện ngắn vào giảng dạy một số truyện ngắn trong nhà trường THPT. Kỹ năng Rèn luyện cho sinh viên một số phương pháp phân tích và tìm hiểu các tác phẩm tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại, để tạo kỹ năng cho sinh viên giảng dạy tốt một số tác phẩm Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay ở Trường Trung học Phổ thông. Thái độ Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm văn học Việt Nam; giúp sinh viên có thái độ yêu thích và trân trọng những thành tựu của nền văn học Việt Nam hiện đại từ đó khơi niềm	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đam mê nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.			
69	Cơ sở tiếng Việt	Kiến thức Bổ sung cho sinh viên những kiến thức nâng cao về tiếng Việt, trang bị hệ thống kiến thức cần thiết để sinh viên có thể vận dụng vào quá trình dạy học những bài học về tiếng Việt ở bậc phổ thông. Chuyên đề nhằm hệ thống hóa và bổ sung những kiến thức chuyên sâu về tiếng Việt như vấn đề trường từ vựng, vấn đề từ đồng nghĩa, vấn đề từ láy, ... Người học biết cách vận dụng lí thuyết để phân tích biểu hiện của nó trong tác phẩm văn học cụ thể. Kỹ năng Có kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế: người học biết cách vận dụng kiến thức đã học vào giảng dạy và nghiên cứu những nội dung có liên quan trong chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông. Thái độ Có phẩm chất cơ bản của một người nghiên cứu ngôn ngữ, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người làm công tác nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ và văn học vào thực tiễn.	02	HK VII	Thi tự luận
70	Ngôn ngữ nghệ thuật	.Kiến thức Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ nghệ thuật mà cụ thể là tín hiệu thẩm mĩ trong văn chương như: đặc điểm, cấu tạo, cách kết hợp và giá trị của chúng trong tác phẩm văn học. Đồng thời, giúp sinh viên biết cách khai thác giá trị của tác	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm văn học từ mô hình nghệ thuật. .Kỹ năng Giúp sinh viên biết nhận diện tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn học; biết cách phân tích tín hiệu thẩm mỹ và thấy được cách tổ chức các tín hiệu thẩm mỹ trong mô hình nghệ thuật. Từ đó, chỉ ra được giá trị cũng như những thông điệp được mã hóa trong tác phẩm văn học. Thái độ Yêu thích tiếng Việt, đặc biệt là các từ ngữ đầy dụng ý nghệ thuật trong văn chương và thêm yêu các tác phẩm văn học.			
71	Thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt	Kiến thức - Nắm vững kiến thức về thành ngữ, tục ngữ: khái niệm, nội dung, đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa. - Phân biệt được thành ngữ và tục ngữ. - Giải thích được ý nghĩa và nguồn gốc những thành ngữ thông dụng. - Hiểu nghĩa các thành ngữ và tục ngữ trong các tác phẩm văn học. .Kỹ năng - Tìm hiểu và phân tích ngữ nghĩa của thành ngữ, tục ngữ. - Rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày. Thái độ - Sinh viên lên lớp đầy đủ 02 tín chỉ. Có thái độ nghiêm túc trong học tập.	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
72	Ngữ dụng học	Kiến thức Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về việc sử dụng tiếng Việt để vận dụng vào quá trình dạy học những bài học về tiếng Việt ở bậc phổ thông. Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và sử dụng tiếng Việt vào thực tế giao tiếp và giảng dạy chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông.. Thái độ Tôn trọng cái hay và đẹp trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; đam mê tìm hiểu nghiên cứu tiếng Việt.	02	HK VII	Thi tự luận
73	Từ Hán Việt	Kiến thức - Củng cố kiến thức về từ Hán Việt, biết nhận diện từ Hán Việt và từ không có nguồn gốc từ tiếng Hán. - Biết giải nghĩa chính xác những từ Hán Việt thông dụng, các thành ngữ, điển tích, điển cố Hán Việt trong các tác phẩm văn học. - Vận dụng vào quá trình giảng dạy các bài học xuất hiện nhiều từ Hán Việt và biết giải mã các từ Hán Việt trong các văn bản khác. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp; kỹ năng giải mã từ Hán Việt; kỹ năng trình bày vấn đề. Thái độ: nghiêm túc học và tự học, thường xuyên trau dồi thêm vốn từ Hán Việt.	02	HK VII	Thi tự luận
74	Tiếng Ê đê	Kiến thức Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các mẫu câu đơn giản của tiếng Êđê trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày. Kỹ năng	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Cung cấp một số kiến thức về con người, xã hội và văn hóa Êđê. Thái độ Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ cơ bản.			
75	Lôgic và tiếng Việt	Kiến thức Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về Lôgic học, mối quan hệ của nó với ngôn ngữ cũng như những hiện tượng tiếng Việt được khảo sát và giải thích dưới góc độ Lôgic. Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và sử dụng Lôgic tiếng Việt vào thực tế giao tiếp và giảng dạy chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông. Thái độ Tôn trọng tính Lôgic trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; đam mê tìm hiểu nghiên cứu Lôgic tiếng Việt.	02	HK VII	Thi tự luận
76	Ngữ pháp chức năng	Kiến thức Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về một hướng nghiên cứu mới về ngôn ngữ, tức là ngữ pháp chức năng để vận dụng vào quá trình dạy học những bài học về tiếng Việt ở bậc phổ thông. Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và sử dụng tiếng Việt vào thực tế giao tiếp và giảng dạy chương trình tiếng Việt ở bậc phổ thông. Thái độ Tôn trọng cái hay và đẹp trong sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; đam mê tìm hiểu nghiên cứu tiếng Việt theo	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hướng ngữ pháp chức năng.			
77	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Kiến thức Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Kiến thức xử lý những tình huống sư phạm, kiến thức về công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức dạy học ở trường phổ thông; cách soạn giáo án chuyên môn, giáo án chủ nhiệm, soạn thảo các kế hoạch giảng dạy, kế hoạch dự giờ, làm phiếu dự giờ và báo cáo kiến tập, thực tập sư phạm. Kỹ năng Các kỹ năng mà sinh viên hình thành thông qua học phần là kỹ năng xử lý những tình huống sư phạm, kỹ năng viết bảng, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng lập kế hoạch trong giảng dạy và trong công tác chủ nhiệm, kỹ năng viết báo cáo các văn bản hành chính trong nhà trường. Thái độ Hình thành cho sinh viên sự hứng thú tìm hiểu về môi trường giáo dục, nghiên cứu về khoa học giáo dục, rèn luyện thái độ tích cực, hợp tác, hình thành lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong giáo dục.	01	HK V	Thực hành
78	Kiến tập sư phạm	Kiến thức Học phần tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thực tế dạy học, giáo dục và rèn luyện tay nghề ở trường phổ thông; Có những hiểu biết về thực tế giảng dạy ở trường THPT và chuẩn bị thực tập SP. Kỹ năng: Hình thành kỹ năng đứng lớp ở THPT cho sinh viên trước khi thực tập SP. Thái độ: Bồi dưỡng lòng yêu nghề, yêu trẻ, hăng say	02	HK V	Kết quả kiến tập do Trường THPT đánh giá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạt động nghề nghiệp.			
79	Thực tập sư phạm	Kiến thức Học phần tạo điều kiện cho sinh viên thực tập dạy học, giáo dục và rèn luyện tay nghề ở trường phổ thông; có nhưng hiểu biết về thực tế giảng dạy ở trường THPT, hiểu rõ hơn và có điều kiện vận dụng những kiến thức đã học ở trường sư phạm. Kỹ năng: Hình thành kỹ năng đứng lớp, điều khiển lớp học, các công tác chủ nhiệm lớp ở sinh viên. Thái độ: Phát huy tinh thần Yêu trẻ, yêu nghề, hăng say tìm tòi nghiên cứu và sáng tạo trong giảng dạy ở trường PT	05	HK VIII	Kết quả thực tập do Trường THPT đánh giá
80	Khóa luận tốt nghiệp	Kiến thức Trình bày kiến thức được chọn dưới dạng khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo. Kỹ năng: Có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học, phù hợp với trình độ cử nhân sư phạm. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu theo quy định; Có thể thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan đến khóa luận tốt nghiệp đại học. Thái độ: Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên; có thái độ cầu thị và nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.	05	HK VIII	Khóa luận tốt nghiệp
81	Chuyên đề tốt nghiệp	Kiến thức: Trình bày kiến thức được chọn dưới dạng chuyên đề tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo. Kỹ năng: Có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học, phù hợp với trình độ cử nhân sư phạm. Biết cách tổng hợp tư	03	HK VIII	Chuyên đề tốt nghiệp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu theo quy định; Có thể thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan đến chuyên đề tốt nghiệp đại học. Thái độ: Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên; có thái độ cầu thị và nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.			
82	Lí luận văn học	Kiến thức Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức liên quan đến các học phần lí luận văn học và vận dụng chúng một cách có khoa học và sáng tạo. Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề khi giảng dạy và nghiên cứu các vấn đề của lí luận văn học bậc THPT. Thái độ Biểu hiện sự ham thích tìm hiểu những vấn đề của lí luận văn học và vận dụng chúng một cách có hiệu quả trong học tập và nghiên cứu văn học.	02	HK VIII	Thi tự luận
83	Cơ sở ngôn ngữ và tiếng Việt	Kiến thức Phần 1 cung cấp cho người học một số vấn đề về ngôn ngữ khái niệm, bản chất, chức năng của ngôn ngữ giúp cho người học nắm được đặc điểm các loại hình ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có tiếng Việt. Phần 2, trang bị kiến thức về tiếng Việt như: sự hình thành ngôn ngữ và chữ viết tiếng Việt, đặc điểm về âm tiết, từ vựng, ngữ pháp, phong cách tiếng Việt... giúp người học nắm được cấu tạo và quy luật hành chức của tiếng Việt để vận dụng vào quá trình học tập và giao tiếp. Kỹ năng	02	HK VIII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận. Thái độ Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.			
84	Văn học dân gian	Kiến thức Hệ thống hóa lại kiến thức cho sinh viên: Hệ thống hóa lại kiến thức liên quan đến đặc trưng, phân loại văn học dân gian. Mối quan hệ văn hóa dân gian, mối quan hệ giữa văn học dân gian với văn học viết. Một số vấn đề liên quan đến văn học dân gian, thực trạng nghiên cứu văn học dân gian nói chung. Những phương pháp cần thiết khi nghiên cứu, giảng dạy văn học dân gian. Kỹ năng Kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy VHDG: Có	02	HK VIII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khả năng làm sáng tỏ một số vấn đề về lý luận của khoa học chuyên ngành, những vấn đề cốt lõi về các thể loại VHĐG trong tiến trình lịch sử. Người học biết vận dụng kiến thức để nhận diện đặc trưng, thể loại, nội dung của VHĐG Việt Nam vào giảng dạy và nghiên cứu. Kỹ năng cảm thụ, truyền và kích thích xúc cảm nghệ thuật người học: Người học có khả năng cảm thụ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Hình thành và phát triển nhận thức thẩm mỹ qua tác phẩm VHĐG, qua hoạt động thực tiễn. Kỹ năng tích hợp kiến thức để hoạt động trải nghiệm sáng tạo: Tạo sự năng động cho người học qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của VHĐG. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá...VHĐG. Thái độ Học phần hình thành thái độ trân trọng văn học dân gian, có ý nghĩ tích cực phát huy giá trị văn học dân gian trong giảng dạy và nghiên cứu văn học dân gian. Giáo dục ý thức trân trọng, tự hào về di sản VHĐG, nâng cao vai trò trong bảo tồn, phát huy giá trị VHĐG Việt Nam.			
85	Văn học Việt Nam trung đại	Kiến thức: Nắm vững hoàn cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX; tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam; những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt	02	HK VIII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nam. Kỹ năng: Biết thuyết trình, tranh biện về những nội dung mà giảng viên định hướng; nắm vững kiến thức để soạn giáo án và giảng dạy các tiết dạy có trong chương trình THPT (thuộc phạm vi Văn học trung đại Việt Nam). Thái độ: Tích cực, chủ động chuẩn bị bài và thảo luận, trao đổi với giảng viên, sinh viên.			

31. Văn học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản	02	HKIV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam			
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách mạng Việt Nam.	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp
5	Dẫn luận ngôn ngữ học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các loại hình ngôn ngữ...).Hiểu các thuật ngữ, các khái niệm ngôn ngữ, nắm được bản chất, qui luật hình thành và phát triển của ngôn ngữ để vận dụng vào học tập, nghiên cứu, giảng dạy.	02	HKII	Thi tự luận
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Lịch sử văn minh thế giới	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm <i>văn hoá, văn minh</i> , nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời đại.	02	HK IV	Thi tự luận
8	Hán văn cơ sở	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hai loại chữ viết: chữ Hán ở Trung Quốc và chữ Nôm ở Việt Nam; luyện tập cách thể hiện chữ viết và các thao tác tra cứu từ điển, từ đó hiểu nghĩa từ Hán - Việt chính xác và sâu sắc hơn.	02	HK II	
9	Mỹ học và nguyên lí, lí luận văn học	Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức về các loại hình nghệ thuật, các phạm trù thẩm mĩ, chủ thể và khách thể thẩm mĩ. Sinh viên hiểu được bản chất, chức năng, đặc trưng của nghệ thuật và nghệ thuật ngôn từ cũng như các qui luật vận động của văn học và sự tác động qua lại giữa văn học và đời sống, giữa văn học với các loại hình nghệ thuật và các hình thái ý thức xã hội. Có thể áp dụng linh hoạt và sáng tạo những khái niệm đã học vào các công việc cụ thể như: phân tích đánh giá một tác phẩm văn học, bình luận một ý kiến về văn học, lý giải một vấn đề thực tiễn văn học, định ratiêu chí cho một nền văn học tiến bộ, phân biệt những giá trị thẩm mĩ trong đời sống... Sinh viên cần có cách nhìn khoa học, có tình cảm yêu	02	HK V	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thích đối với văn học.; biết nhận thức các giá trị thẩm mỹ và có ý thức tự giáo dục về thị hiếu thẩm mỹ.			
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	02	HK I	Thi tự luận
11	Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	Làm rõ những vấn đề chung về ngôn ngữ và văn hóa: Các khái niệm ngôn ngữ, văn hóa, các đặc trưng của ngôn ngữ và văn hóa. Phân tích lí giải: Sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ và văn hóa; Quan hệ biện chứng giữa ngôn ngữ và văn hóa. Định hướng nội dung nghiên cứu văn hóa qua ngôn ngữ.	02	HK VII	Thi tự luận
12	Tâm lí học đại cương	Có kiến thức cơ bản về bản chất tâm lí người, sự phát triển của tâm lí người, sự hình thành ý thức. Có kiến thức về các quá trình nhận thức: Đặc điểm, qui luật, vai trò của các quá trình nhận thức. Có sự hiểu biết về nhân cách, sự thể hiện và sự hình thành nhân cách con người.	02	HK I	Thi tự luận
13	Giáo dục học đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất về khoa học giáo dục, trên cơ sở đó có khả năng vận dụng kiến thức vào tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề thực tiễn giáo dục.	2	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	Người học cần nắm được khát quái về điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và phân vùng cư trú của các dân tộc Tây Nguyên; Kiến thức về tổ chức xã hội truyền thống, đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Tây Nguyên; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên – xã hội, đồng thời nhận diện được đặc điểm văn hóa vật thể, phi vật thể, nghi lễ - phong tục cũng như vai trò, vị trí của văn hóa Tây Nguyên đối với phát triển.	2	HK I	
15	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lòng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp
16	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại			
17	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bẩn phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn giản...	02	HK III	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp
19	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.	02	HK II	Thi thực hành trên máy
20	Khoa học môi trường	Trình bày được: các chức năng cơ bản của môi trường, những thách thức môi trường hiện nay; đặc điểm của các thành phần cơ bản cấu trúc môi trường; đặc điểm, cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái, cân bằng sinh thái; đặc điểm, vai trò và các biện pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên; các tác động của con người đến môi	02	HK I	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường; các nguồn, các tác nhân gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường; khái niệm, nội dung, mục tiêu, nguyên tắc của phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.			
21	Kỹ năng mềm	Sinh viên nhận thức có các kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm và các nguyên tắc, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong một số trường hợp thông thường Sinh viên có các kiến thức cơ bản về stress, căng thẳng tâm lý, áp lực học tập, công việc và biết các phương pháp giải tỏa các áp lực trong học tập, cân bằng cảm xúc, tâm lý cá nhân khi gặp vấn đề, tình huống không mong muốn. Sinh viên có các kiến thức cơ bản về chuẩn bị hồ sơ tìm việc, viết CV, hồ sơ năng lực cá nhân, các kiến thức cơ bản về phỏng vấn tuyển dụng, môi trường làm việc, văn hóa công sở. Sinh viên được tăng cường các kiến thức, hiểu biết chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm làm việc thực tế từ những người thành đạt, chuyên gia giàu kinh nghiệm từ nhiều lĩnh vực khác nhau, các công ty, doanh nghiệp, người sử dụng lao động. Sinh viên hiểu, phân biệt và vận dụng được các phong cách, kiểu tư duy trong học tập và làm việc.	02	HK VI	Thi tự luận
22	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành	02	HK VII	Điểm quá trình học và đề án startup thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.			
23	Giáo dục thể chất 1	Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống.	01	HK I	Thi thực hành
24	Giáo dục thể chất 2	Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01	HK II	Thi thực hành
25	Giáo dục thể chất 3	Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện. Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu	01	HK III	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá.			
26	Công tác quốc phòng - an ninh	Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo...	02	HK III	Thi trắc nghiệm, tự luận hoặc vấn đáp
27	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	<i>Kiến thức</i> Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng. Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản. Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả. Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới. Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. <i>Kỹ năng</i>	03	HK III	Thi tự luận, trắc nghiệm hoặc thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp. Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam. Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự. <i>Thái độ</i> Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.			
28	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	2	HK III	Thi tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp
29	Hiểu biết chung về quân binh chủng	Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.	01	HK III	Viết tiểu luận hoặc thi tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương	Thi tự luận	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.			
31	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	Giảng dạy cho sinh viên hiểu được tác phẩm, chỉnh thể then chốt nhất của văn học với những cơ cấu và loại hình cơ bản của nó. Đồng thời, định hướng cho sinh viên bước đầu có kỹ năng phân tích các loại hình tác phẩm.	02	HK V	Thi tự luận
32	Tiến trình văn học	Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản như phong cách nhà văn, trào lưu văn học, phương pháp nghệ thuật; nắm được tiến trình xuất hiện của các trào lưu, những đặc trưng cơ bản của các trào lưu văn học lớn từng xuất hiện trong văn học thế giới.	02	HK VII	
33	Thực hành văn bản tiếng Việt	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự nghiên cứu...	02	HK I	Thi tự luận
34	Lịch sử báo chí và ngôn ngữ báo chí	Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về báo chí Việt Nam qua các giai đoạn; đặc trưng, thể loại và kết cấu văn bản các thể loại của báo chí.	02	HK VI	Thi tự luận
35	Lịch sử tiếng Việt	Trang bị cho người học những kiến thức về lịch sử tiếng Việt, qua đó thấy được vị trí của tiếng Việt trong khu vực Đông Nam Á. Sinh viên xác định rõ được nguồn gốc của tiếng Việt; cơ sở phân định các giai đoạn phát triển và đặc biệt là khái quát được những nội dung chính về 7 giai đoạn phát triển của của	02	HK II	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếng Việt theo trình tự thời gian; trao đổi ban đầu về từ nguyên, từ vựng và một số vấn đề văn hóa gắn liền với lịch sử tiếng Việt.			
36	Văn học dân gian Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về văn học dân gian Việt Nam: nhận diện những trí thức khoa học về VHDG nói chung và VHDG Việt Nam, thuật ngữ chuyên ngành, đặc trưng, thể loại, nội dung của VHDG Việt Nam. Giúp người học có kiến thức nền tảng chuyên ngành sâu và rộng qua việc tìm hiểu những trí thức liên ngành và mối quan hệ biện chứng giữa VHDG với văn hóa dân gian.	03	HK I	Thi tự luận
37	Văn học châu Á	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các đặc điểm của các nền văn học như Ấn Độ, Nhật Bản cùng những thể loại, tác phẩm, tác giả văn học tiêu biểu của các dân tộc này.	02	HK VII	Thi tự luận
38	Văn học Việt Nam trung đại 1	Có được những kiến thức về những vấn đề chung của văn học trung đại Việt Nam; biết được bối cảnh lịch sử xã hội, tình hình văn học, cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác gia tiêu biểu, nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII.	02	HK IV	Thi tự luận
39	Văn học Việt Nam trung đại 2	Nắm vững tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam; hoàn cảnh lịch sử giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX; những thành tựu về nội dung	02	HK V	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX.			
40	Văn học Việt Nam trung đại 3	Có được những kiến thức về những vấn đề chung của văn học trung đại Việt Nam; biết được bối cảnh lịch sử xã hội, tình hình văn học, cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác gia tiêu biểu, nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX.	02	HK VI	Thi tự luận
41	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945, những bộ phận, khuynh hướng văn học chính, các tác giả tiêu biểu.	02	HK VI	Thi tự luận
42	Tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống văn học Việt Nam giai đoạn 1930 -1945, những bộ phận, khuynh hướng văn học chính, các tác giả tiêu biểu.	03	HK VII	Thi tự luận
43	Văn học Trung Quốc	Trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại. Phân tích, phát hiện những đặc điểm cơ bản của Văn học Trung Quốc và tìm hiểu nguyên nhân của các đặc điểm ấy. Từ đó tìm hiểu sâu một số tác gia, tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ cổ - trung đại và hiện đại.	03	HK II	Thi tự luận
44	Văn học phương Tây 1	Cung cấp tri thức về văn học phương Tây từ cổ đại và thời kỳ Phục hưng, cụ thể là tiến trình phát triển của các giai đoạn văn học; đặc trưng về lịch sử xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển văn học; Đặc trưng của nền văn học qua các thời đại; giới thiệu các thể loại	02	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong văn học cổ đại, các trào lưu văn học - tư tưởng lớn cùng các tác giả và các tác phẩm lớn của các thời kỳ văn học. Từ những tri thức đó, sinh viên có thể nhận diện được những đặc trưng của văn học phương Tây thời kỳ này.			
45	Văn học phương Tây 2	Cung cấp tri thức về văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX. Cụ thể là tiến trình phát triển của các giai đoạn văn học; đặc trưng về lịch sử xã hội và văn hóa tác động đến sự phát triển văn học; Đặc trưng của nền văn học qua các thời đại; giới thiệu các trào lưu văn học – tư tưởng lớn cùng các tác giả và các tác phẩm lớn của các thời kỳ văn học.	02	HK V	Thi tự luận
46	Văn học phương Tây 3	Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Những đặc điểm chính trị xã hội nổi bật của phương Tây thế kỉ XX; những đặc điểm văn học, tác gia, tác phẩm tiêu biểu của văn học phương Tây thế kỉ XX.	02	HK V	Thi tự luận
47	Văn học Nga và văn học Xô Viết	Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Những kiến thức cơ bản về đặc điểm tiến trình Văn học Nga từ thế kỉ X đến thế kỉ XX, những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kì văn học.	02	HK V	Thi tự luận
48	Thực tế chuyên ngành	Thông qua việc đi thực tế, sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng những kiến thức lí thuyết đã được học trên giảng đường vào thực tiễn; được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để trau dồi kĩ năng nghề nghiệp và để bồi dưỡng thái độ yêu nghề, hiểu biết về kiến thức liên quan đến di sản văn học, ngôn ngữ, di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể... và hiểu biết về giá trị và	01	HK III	Tham gia 100% tổng thời lượng của học phần tại địa điểm thực tế; Viết báo cáo thu hoạch.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vai trò và việc phát huy giá trị của văn học, ngôn ngữ và di sản văn hóa Việt Nam thông qua các điểm thực tế.			
49	Văn học Tây Nguyên	Nắm được một cách khái quát những vấn đề cơ bản về thành phần tộc người, đời sống văn hoá tinh thần, đời sống văn hoá vật chất, kho tàng văn học dân gian của các dân tộc Tây Nguyên.	02	HK VII	Thi tự luận
50	Văn bản Hán văn Trung Hoa	Học phần giúp sinh viên tìm hiểu và dịch nghĩa chữ Hán các tác phẩm văn học Trung Quốc cổ đại, rút ra các vấn đề về ngữ pháp cũng như cách dịch nghĩa và dịch thơ, bình giá tác phẩm, từ đó hiểu văn bản một cách sâu sắc hơn. Củng cố thêm những vấn đề cơ bản của chữ Hán như cách viết, các bộ thủ..., qua đó sinh viên có thể giải quyết được những vấn đề về ngữ nghĩa của bộ phận từ Hán Việt một cách chính xác. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về những tác phẩm chữ Hán tiêu biểu của Trung Quốc trong chương trình sách giáo khoa phổ thông hiện hành, từ đó, sinh viên sẽ hiểu hơn về sự ảnh hưởng của văn học Trung Quốc tới nền văn học trung đại Việt Nam.	02	HK III	Thi tự luận
51	Văn bản Hán Nôm Việt Nam	Học phần giúp sinh viên củng cố lại kiến thức về thơ văn chữ Hán và biết phân tích cấu tạo các chữ Nôm, qua đó hiểu bình giá tác phẩm một cách sâu sắc hơn.	02	HK IV	Thi tự luận
52	Ngữ âm tiếng Việt	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ngữ âm tiếng Việt, cung cấp kiến thức chuyên sâu ở trình độ nhất định để có	02	HK II	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể học tiếp các học phần tiếng Việt khác. Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế đời sống: nghiên cứu các vấn đề ngữ âm tiếng Việt: phiên âm, miêu tả âm vị tiếng Việt, thực hành phát âm tiếng Việt chuẩn mực,...			
53	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về từ vựng ngữ nghĩa như: từ và yếu tố cấu tạo từ; các đơn vị tương đương từ; các phương thức cấu tạo từ. Nghĩa và các thành phần, các loại nghĩa của từ; các phương thức chuyển nghĩa của từ, đặc biệt là các phương thức được dùng trong các tác phẩm văn chương. Trường từ vựng và ứng dụng của trường từ vựng trong văn học. Các lớp từ tiếng Việt chia theo phạm vi sử dụng và theo nguồn gốc. Giảng dạy từ vựng trong trường phổ thông.	02	HK IV	Thi tự luận
54	Ngữ pháp tiếng Việt	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu và văn bản. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.	02	HK V	Thi tự luận
55	Phong cách học tiếng Việt	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề khái niệm phong cách, các loại phong cách khác nhau, về các biện pháp tu từ. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết, học phần	02	HK VI	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập trên luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			
56	Chuyên đề thi pháp học	Nắm được các khái niệm cơ bản của Thi pháp học, những biểu hiện cụ thể trong các tác phẩm văn học. Hiểu và biết cách vận dụng các kiến thức của chuyên đề trong từng trường hợp tìm hiểu tác phẩm, tác giả văn học cụ thể.	02	HK III	Thi tự luận
57					
58	Chuyên đề thi pháp văn học dân gian	Có được những kiến thức về những vấn đề chung của những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian như: Thần thoại, Truyền thuyết, Truyện cổ tích, Truyện ngụ ngôn, Truyện cười, Tục ngữ, Câu đố và Ca dao. Phân tích những đặc điểm thi pháp đặc trưng của một vài tác phẩm ở mỗi thể loại.	02	HK IV	Thi tự luận
59	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	Có được những kiến thức về những vấn đề chung về thi pháp văn học trung đại Việt Nam, phân tích sâu một số vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam như thi pháp thể loại, thi pháp ngôn ngữ, thi pháp hình tượng nghệ thuật, thi pháp nhân vật ở một số tác phẩm tiêu biểu.	02	HK V	Thi tự luận
60	Tác giả và phong cách nhà văn trong VHVN trung đại	Nắm vững tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam; hoàn cảnh lịch sử từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX; những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu (những tác giả tạo được dấu ấn, phong cách đặc trưng) của văn học Việt	02	HK III	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nam thời kỳ trung đại.			
61	Tiểu thuyết Minh Thanh	- Trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống về khái niệm, quá trình phát triển, thành tựu và đặc điểm thi pháp của tiểu thuyết Minh – Thanh. - Tìm hiểu sâu một số tác gia, tác phẩm tiêu biểu của tiểu thuyết Minh – Thanh, thấy được thành tựu và hạn chế của từng tác phẩm.	02	HK III	Thi tự luận
62	Thơ Đường	Vận dụng lý thuyết thi pháp học vào việc khảo sát, lý giải một hiện tượng thơ ca đặc sắc: Thơ Đường- một đỉnh cao thể loại của lịch sử văn học Trung Quốc. Từ đó, nghiên cứu cách tiếp cận có hiệu quả một bài thơ Đường trong dạy học ở Trường Phổ thông.	02	HK III	Thi tự luận
63	Ảnh hưởng phương Tây trong văn học Việt Nam hiện đại	Cung cấp tri thức về văn học so sánh, về sự ảnh hưởng của văn học phương Tây đối với văn học Việt Nam hiện đại. Cụ thể là giới thiệu các khái niệm liên quan trong nghiên cứu văn học so sánh, các khuynh hướng nghiên cứu chính và những nội dung của các khuynh hướng nghiên cứu văn học so sánh. Từ lý thuyết, chuyên đề vận dụng khuynh hướng so sánh ảnh hưởng để lý giải sự ảnh hưởng của văn học phương Tây trong văn học Việt Nam qua các giai đoạn cùng các phương diện cũng như các tác giả, tác phẩm trong văn học Việt Nam hiện đại ảnh hưởng của văn học phương Tây.	02	HK IV	Thi tự luận
64	Chủ nghĩa hiện đại trong văn học phương Tây	Những kiến thức cơ bản, quan trọng mà sinh viên cần có được sau khi học xong học phần: Những đặc điểm chính trị xã hội nổi bật của phương Tây thế kỉ XX; những đặc điểm của các trào lưu văn học hiện đại, tác gia, tác phẩm tiêu biểu của chủ nghĩa hiện đại trong văn	02	HK IV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học phương Tây.			
65	Văn học Việt Nam sau 1975	Trang bị cho sinh viên những tri thức khái quát về đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam sau 1975. Tìm hiểu sự nghiệp sáng tác, quan niệm nghệ thuật, những giá trị về nội dung, nghệ thuật và những điểm nổi bật trong phong cách của một số tác giả tiêu biểu trong văn học Việt Nam đương đại sau 1975.	02	HK V	Thi tự luận
66	Thuyết trình chuyên ngành	Người học được trang bị một số vấn đề lí luận cơ bản về kỹ năng giao tiếp, thuyết trình chuyên ngành. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, kỹ năng trình bày trước đám đông... Có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng thuyết trình chuyên ngành.	02	HK IV	Thi tự luận
67	Chuyên đề cơ sở tiếng Việt	Bổ sung cho sinh viên những kiến thức nâng cao về tiếng Việt, trang bị hệ thống kiến thức cần thiết để sinh viên có thể vận dụng vào quá trình dạy học những bài học về tiếng Việt ở bậc phổ thông. Chuyên đề nhằm hệ thống hóa và bổ sung những kiến thức chuyên sâu về tiếng Việt như vấn đề trường từ vựng, vấn đề từ đồng nghĩa, vấn đề từ láy, ... Người học biết cách vận dụng lí thuyết để phân tích biểu hiện của nó trong tác phẩm văn học cụ thể.	02	HK VI	Thi tự luận
68	Chuyên đề ngôn ngữ nghệ thuật	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ nghệ thuật mà cụ thể là tín hiệu thẩm mĩ trong văn chương như: đặc điểm, cấu tạo, cách kết hợp và giá trị của chúng trong tác phẩm văn học. Đồng thời, giúp sinh viên biết cách khai thác giá trị của tác phẩm văn học từ mô hình nghệ thuật.	02	HK VI	Thi tự luận
69	Chuyên đề thành ngữ, tục ngữ	Nắm vững kiến thức về thành ngữ, tục ngữ: khái niệm,	02	HK VI	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	tiếng Việt	nội dung, đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa. Phân biệt được thành ngữ và tục ngữ. Giải thích được ý nghĩa và nguồn gốc những thành ngữ thông dụng. Hiểu nghĩa các thành ngữ và tục ngữ trong các tác phẩm văn học.			
70	Chuyên đề ngữ dụng học	Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về việc sử dụng tiếng Việt để vận dụng vào quá trình dạy học những bài học về tiếng Việt ở bậc phổ thông.	02	HK VI	Thi tự luận
71	Chuyên đề từ Hán Việt	Củng cố kiến thức về từ Hán Việt, biết nhận diện từ Hán Việt và từ không có nguồn gốc từ tiếng Hán. Biết giải nghĩa chính xác những từ Hán Việt thông dụng, các thành ngữ, điển tích, điển cố Hán Việt trong các tác phẩm văn học. Vận dụng vào quá trình giảng dạy các bài học xuất hiện nhiều từ Hán Việt và biết giải mã các từ Hán Việt trong các văn bản khác.	02	HK VII	Thi tự luận
72	Chuyên đề Tiếng Êđê	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các mẫu câu đơn giản của tiếng Êđê trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày.	02	HK VI	Thi tự luận
73	Chuyên đề logic và tiếng Việt	Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về Logic học, mối quan hệ của nó với ngôn ngữ cũng như những hiện tượng tiếng Việt được khảo sát và giải thích dưới góc độ Logic.	02	HK VII	Thi tự luận
74	Ngữ pháp chức năng	Cung cấp cho SV những kiến thức cần thiết về một hướng nghiên cứu mới về ngôn ngữ, tức là ngữ pháp chức năng để vận dụng vào quá trình dạy học những bài học về tiếng Việt ở bậc phổ thông.	02	HK VII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
75	Thực tập nghề nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức thực tế về: Làm báo và thư ký văn phòng, sưu tầm, nghiên cứu ngôn ngữ, văn học, văn hóa dân gian... Sinh viên tốt nghiệp khoa học Ngữ văn có thể nghiên cứu, làm báo (báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử), thư ký văn phòng, quản lý và soạn thảo văn bản, hướng dẫn tìm hiểu văn hóa - du lịch...	05	HK VIII	[1]. Thực tập làm báo, thực tập văn phòng: - Kết quả thực tập: 50% - Báo cáo kết quả thực tập: 50% [2]. Thực tập sưu tầm, nghiên cứu ngôn ngữ, văn học, văn hóa: - Báo cáo kết quả thực tập (do CBHD của Trường đánh giá): 90% - Nhận xét của địa phương (về thái độ nghiên cứu): 10%
76	Khóa luận tốt nghiệp	Trình bày kiến thức được chọn dưới dạng khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo. Có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến	10	HK VIII	Khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên ngành một cách khoa học, phù hợp với trình độ cử nhân sư phạm. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu theo quy định; Có thể thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan đến khóa luận tốt nghiệp đại học. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên; có thái độ cầu thị và nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.			
77	Chuyên đề tốt nghiệp	Trình bày kiến thức được chọn dưới dạng chuyên đề tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo. Có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học, phù hợp với trình độ cử nhân sư phạm. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu theo quy định; Có thể thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan đến chuyên đề tốt nghiệp đại học. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên; có thái độ cầu thị và nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.	04	HK VIII	Chuyên đề tốt nghiệp
78	Lí luận văn học	Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức liên quan đến các học phần lí luận văn học và vận dụng chúng một cách có khoa học và sáng tạo.	03	HK VIII	Thi tự luận
79	Cơ sở ngôn ngữ và tiếng Việt	Phần 1 cung cấp cho người học một số vấn đề về ngôn ngữ khái niệm, bản chất, chức năng của ngôn ngữ giúp cho người học nắm được đặc điểm các loại hình ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có tiếng Việt. Phần 2, trang bị kiến thức về tiếng Việt như: sự hình thành ngôn ngữ và chữ viết tiếng Việt, đặc điểm về âm tiết, từ vựng, ngữ pháp, phong cách tiếng Việt... giúp người học nắm	03	HK VIII	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được cấu tạo và quy luật hành chức của tiếng Việt để vận dụng vào quá trình học tập và giao tiếp.			
80	Văn học dân gian	Hệ thống hóa lại kiến thức cho sinh viên: Hệ thống hóa lại kiến thức liên quan đến đặc trưng, phân loại văn học dân gian. Mỗi quan hệ văn hóa dân gian, mối quan hệ giữa văn học dân gian với văn học viết. Một số vấn đề liên quan đến văn học dân gian, thực trạng nghiên cứu văn học dân gian nói chung. Những phương pháp cần thiết khi nghiên cứu, giảng dạy văn học dân gian.	03	HK VIII	Thi tự luận
81	Văn học Việt Nam trung đại	Nắm vững hoàn cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX; tiến trình vận động của nền thơ ca trung đại Việt Nam; những thành tựu về nội dung và hình thức nghệ thuật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam.	03	HK VIII	Thi tự luận

32. Ngôn ngữ học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	- Cung cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. -Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.	04		Điểm quá trình, điểm bài tiểu luận và Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Tiếng Anh 1	Kỹ năng nghe (Listening Skill) Học phần cung cấp cho người học cơ hội thực hành làm các bài thi nghe theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên chiến lược và kỹ thuật nghe 5 đoạn hội thoại ngắn và đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng; nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai so với nội dung; nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc. Ngoài ra, học viên phải có kỹ thuật Nghe một đoạn hội thoại hay độc thoại và điền vào chỗ trống. Chủ đề chính của các bài thi bao gồm: chủ đề hàng ngày quen thuộc liên quan đến bản thân, nơi làm việc, sở thích, trường học, công việc. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi nghe cấp độ B1. Học phần Kỹ năng Nói (Speaking Skill) Học phần cung cấp cho người học môi trường để thực hành các bài thi nói theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng tự trình bày về bản thân, một chủ đề với bố cục rõ ràng bao gồm giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận. Ngoài ra, thí sinh phải biết trả lời các câu hỏi, vấn đề có liên quan đến chủ đề vừa trình bày; phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình. Các chủ đề chính của bài thi bao gồm: thông tin về bản thân và công việc hàng	06		Kiểm tra, tiểu luận và thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngày, sở thích, thể thao, mua sắm, âm nhạc, văn hóa ẩm thực....và các đề tài quen thuộc trong lĩnh vực công việc, nghiên cứu của mình. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi nói cấp độ B1. Học phần Kỹ năng Đọc(Reading Skill) Học phần cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi đọc hiểu theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng đọc hiểu một câu đơn hoặc câu phức, bảng quảng cáo, bảng báo hiệu, các đoạn mô tả ngắn với các chủ đề liên quan đến đời sống hàng ngày. Ngoài ra, học viên còn có kỹ năng đọc báo, tạp chí dạng phổ biến kiến thức thường thấy trong đời sống hàng ngày và trả lời các câu hỏi theo các dạng: trả lời Đúng hoặc Sai; hoặc lựa chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi đọc cấp độ B1. Học phần Kỹ năng Viết (Writing Skill) Học phần cung cấp cho người học cơ hội luyện các bài thi viết theo cấp độ B1; cụ thể là cung cấp cho học viên kỹ năng viết câu tương đương; viết một bài ngắn khoảng 100 -120 từ có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày; viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm; viết một lá thư mời hay thư phản nản về một sản phẩm hoặc dịch vụ sau khi đã mua hàng hoặc dùng dịch vụ theo một quảng cáo; điền vào			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		một mẫu tờ khai, viết email, viết thư trả lời để cảm ơn, xin lỗi, giải thích một sự việc hay dặn dò, cho lời khuyên , và viết một câu chuyện đã có sẵn câu mở đầu và câu kết thúc. Kết thúc khóa học, học viên có kỹ năng làm bài thi viết cấp độ B1.			
3	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	Cung cấp những kiến thức về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ; tạo điều kiện để người học nhận diện được các trường phái, các xu hướng khác nhau trong ngôn ngữ học hiện đại; biết cách vận dụng các lí thuyết và phương pháp thích hợp vào các đề tài nghiên cứu cụ thể.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
4	Logic ngôn ngữ và tiếng Việt	Môn học giúp học viên nắm được những khái niệm về lôgic và lôgic ngôn ngữ, các loại phán đoán và các phương thức lôgic. Môn học nhằm giúp học viên có năng lực tư duy thông qua các cách tiếp cận về các phương pháp tư duy, thực hành và xử lý các yêu cầu đặt ra khi thực hiện một ngôn bản thường gặp.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
5	Loại hình học ngôn ngữ	- Học viên nắm vững những tri thức cơ bản về loại hình học ngôn ngữ, về đặc điểm các loại hình ngôn ngữ thế giới làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập đặc điểm loại hình các ngôn ngữ, trong đó có tiếng Việt. - Nắm vững các khái niệm, thuật ngữ về loại hình học, hệ thống phân loại các loại hình ngôn ngữ thế giới, có cái nhìn tổng quát về tình hình nghiên cứu loại	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình học từ trước đến nay, những thành tựu cơ bản của loại hình học; - Có hiểu biết khái lược về loại hình ngôn ngữ đơn lập - Biết vận dụng để giải thích các hiện tượng ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp của tiếng Việt và một số ngôn ngữ thuộc các loại hình khác nhau. - Có kỹ năng và ý thức vận dụng lý thuyết loại hình học vào phân tích ngôn ngữ và nghiên cứu tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.			
6	Lý thuyết ngôn ngữ học và văn bản	Môn học giúp học viên từ việc nắm được những nắm những kiến thức về lý thuyết ngôn ngữ học văn bản đến vận dụng lý thuyết và thao tác nghiên cứu vào việc phân tích đánh giá kết cấu văn bản cụ thể, hình thành kỹ năng cấu tạo và tiếp nhận văn bản.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
7	Cấu trúc hệ thống ngôn ngữ	Môn học giúp học viên biết phân tích các đơn vị ngôn ngữ theo nguyên lý của cấu trúc hệ thống ngôn ngữ. Môn học giúp học viên biết phân tích cơ chế ngữ nghĩa của các đơn vị từ-câu-văn bản.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
8	Ngôn ngữ và văn hóa	Môn học giúp học viên nắm được bản chất văn hoá của ngôn ngữ và từ đặc trưng văn hoá của ngôn ngữ để tìm	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiểu những vấn đề văn hoá liên quan đến ngôn ngữ, vận dụng nó vào việc nghiên cứu đặc trưng văn hoá Việt Nam biểu hiện trong tác phẩm văn học.			
9	Ngôn ngữ thơ Việt Nam	Môn học giúp học viên một số phương pháp luận nghiên cứu những đặc điểm của ngôn ngữ thơ dưới ánh sáng của ngôn ngữ học hiện đại. Môn học giúp học viên vận dụng đặc trưng ngôn ngữ thơ để phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản thơ, tìm ra cơ chế ngôn ngữ tiếng Việt trong loại hình ngôn ngữ thơ ca.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
10	Tiếng Việt trong nhà trường	Nắm vững cấu trúc chương trình tiếng Việt trong nhà trường, có cái nhìn khách quan và toàn diện về nội dung kiến thức, về lí thuyết và kĩ năng thực hành tiếng Việt hay về ngữ liệu và những nội dung trọng tâm của chương trình, có khả năng tích hợp giữa môn học này với những môn học khác, đặc biệt là sử dụng kiến thức tiếng Việt vào việc phân tích tác phẩm văn học.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
11	Ngữ nghĩa học tiếng Việt	Môn học giúp học viên nắm được những kiến thức về ngữ nghĩa học, có kỹ năng nhận biết và phân tích ngữ nghĩa của các yếu tố ngôn ngữ trong các tình huống phát ngôn và văn bản.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Lý thuyết thành phần câu và thành phần câu tiếng Việt	Môn học giúp học viên nắm được những khái niệm cơ bản của lý thuyết thành phần câu, có kỹ năng phân tích cú pháp câu.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
13	Cấu trúc từ và từ loại tiếng Việt	Trong phần cấu trúc từ tiếng Việt, làm rõ các phương diện về từ tiếng Việt, như: tính đơn tiết, đơn vị cấu tạo, phương thức cấu tạo, nghĩa của từ...; Trong phần từ loại tiếng Việt, làm rõ các quan điểm về từ loại, các tiêu chí phân định từ loại, và lí giải các từ loại tiếng Việt. Giúp học viên vận dụng trong học tập, nghiên cứu, giảng dạy.	2		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
14	Phân tích diễn ngôn	- Hiểu về đối tượng nghiên cứu (diễn ngôn, các bộ phận, các đơn vị, các tổ chức bên trong diễn ngôn), các khái niệm về các đối tượng nghiên cứu này, một số vấn đề lý luận, phương pháp trong nghiên cứu các đối tượng đó. - Làm quen, hiểu và áp dụng được ở mức độ đơn giản một số thao tác phân tích, miêu tả khi nghiên cứu các bộ phận của diễn ngôn. - Rèn luyện tư duy trừu tượng hóa, tính khách quan và minh xác trong học tập, nghiên cứu, phân tích, miêu tả.	2		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
15	Ngôn ngữ học với sáng tạo và tiếp nhận văn học	Môn học giúp học viên thấy được vai trò của ngôn ngữ trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm, vai trò của ngôn	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngữ đối với người cầm bút và đối với năng lực thụ cảm của người đọc. Đồng thời môn học cũng giúp học viên xác định quy trình: đi từ hình thức đến nội dung, từ cơ chế ngôn ngữ đến hình tượng văn học, nhằm tiếp cận tác phẩm một cách khoa học nhất.			
16	Âm vị học	Môn học giúp học viên nắm đặc trưng của bản chất âm thanh ngôn ngữ, đặc điểm của âm vị và hệ thống âm vị, đặc trưng âm vị học của tiếng Việt. Từ việc nắm vững những tri thức về âm vị học và âm vị học tiếng Việt giúp học viên vận dụng nó vào việc nghiên cứu những vấn đề của ngôn ngữ.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
17	Ca dao người Việt dưới góc độ ngôn ngữ	Môn học giúp học viên biết cách vận dụng kiến thức ngôn ngữ học đại cương, cụ thể là quan điểm về cấu trúc hệ thống ngôn ngữ vào nghiên cứu ngôn ngữ văn học. Đặc biệt là giúp học viên biết khai thác các yếu tố ngôn ngữ tác phẩm để làm nổi bật giá trị nghệ thuật của tác phẩm văn học nói chung, ca dao nói riêng. Môn học cũng giúp học viên biết từ phân tích các đặc trưng cấu trúc hình thức đến khám phá cấu trúc nội dung tác phẩm văn học.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
18	Ngữ dụng học hiện đại và tiếng Việt	Học viên cần nắm vững những kiến thức về các lí thuyết của Ngữ dụng học và những lý thuyết ứng dụng nghiên cứu tác phẩm văn học hiện đại để từ đó, có thể vận dụng những kiến thức đã học vào việc phân tích giải mã tác phẩm văn học nói riêng và phân tích diễn ngôn nói chung.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
19	Ngôn ngữ học báo chí và truyền thông	Chuyên đề cung cấp cho sinh viên hệ thống những khái niệm cơ bản nhất, những thuật ngữ chuyên dùng, những vấn đề lí thuyết cần thiết về ngôn ngữ báo chí và truyền	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông.			
20	Ngôn ngữ - văn hóa các DTTS ở Tây Nguyên	Trang bị cho học viên những kiến thức nhận biết được ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên; Giúp học viên hình thành các kỹ năng lựa chọn ngôn ngữ văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên để nghiên cứu.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
21	Phương ngữ học	Học phần này nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức lý thuyết sâu rộng của chuyên ngành Phương ngữ học; Từ đó giúp học viên có khả năng nhận biết và phân tích các loại phương ngữ từ nhiều cấp độ khác nhau: ngữ âm, từ vựng và bình diện sử dụng.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
22	Thi pháp học	-Nắm được một cách hệ thống những kiến thức mới mẻ, hiện đại về thi pháp học. - Nắm được các thao tác, thủ pháp nghiên cứu văn học theo hướng thi pháp. - Biết cách vận dụng các vấn đề của khoa học ngôn ngữ vào các lĩnh vực nghiên cứu văn học nói chung và thi pháp học nói riêng.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
23	Đặc điểm ngôn ngữ văn xuôi hiện đại Việt Nam 1945-1975	Môn học cung cấp cho học viên tri thức chuyên sâu và cụ thể về đặc điểm ngôn ngữ trong một số thể loại văn học ở một giai đoạn văn học hiện đại Việt Nam – giai đoạn 1945-1975.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
24	Ngữ pháp chức năng	Cung cấp cho học viên một trong những lý thuyết ngữ pháp hiện đại có khả năng phân tích, lý giải nhiều vấn đề của ngôn ngữ học đại cương nói chung và Việt ngữ học nói riêng để học viên sau khi học xong có thể vận	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng quan điểm chức năng để nghiên cứu tiếng Việt.			
25	Ngôn ngữ học xã hội	Học phần trang bị những kiến thức để học viên có thể có một cách nhìn bao quát về ngôn ngữ học xã hội, đồng thời có thể vận dụng những kiến thức đã được học để giải quyết những vấn đề cụ thể của tiếng Việt. Bên cạnh đó, học phần còn rèn luyện cho người học kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội có những cách nhìn khoa học về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội, giải quyết những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và quốc gia và những vấn đề cụ thể của hiện tượng đa ngữ xã hội đang phổ biến hiện nay.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
26	Ngôn ngữ học tri nhận	Nhằm giúp cho học viên kiến thức về ngôn ngữ học tri nhận để nắm được quy luật sử dụng ngôn ngữ trong việc diễn đạt các ý nghĩa thời gian của người Việt.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
27	Tiếp xúc ngôn ngữ -văn hóa các dân tộc ở Tây Nguyên	Trang bị cho học viên những kiến thức nhận biết hệ quả tiếp xúc ngôn ngữ - văn hóa của các dân tộc ở Tây Nguyên; Giúp học viên hình thành các kỹ năng lựa chọn tiếp xúc ngôn ngữ - văn hóa của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên để nghiên cứu.	02		Kiểm tra, tiểu luận và thi hết chuyên đề
28	Luận văn tốt nghiệp		10		Chấm luận văn

V. Khoa Lý luận chính trị

33. Giáo dục Chính trị

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin	Người học có thể hiểu được những vấn đề cơ bản và có hệ thống về triết học Mác – Lênin; Xây dựng được thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các môn khoa học khác và giải quyết các vấn đề thực tiễn;	3	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề chung về những vấn đề Kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin cũng như giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản về các vấn đề Kinh tế chính trị trong thời đại ngày nay. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước ta.	2	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu hơn, có hệ thống hơn và nắm vững hơn những vấn đề chính trị - xã hội mang tính quy luật khi thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.	2	Kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết cơ bản về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	2	Kỳ 5	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
7	Lịch sử Việt Nam đại cương	Giúp cho người học nắm vững tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam; từ đó góp phần bồi dưỡng lòng yêu nước và ý thức nhiệm của công dân đối với Tổ quốc, với nhân dân.	2	Kỳ 7	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
8	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	2	Kỳ 1	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
9	Xã hội học đại cương	Người học có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin. Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng chúng vào việc	2	Kỳ 6	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.			thúc học phần
10	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Theo Thông tư liên tịch số 24/2002/TTLT-BGDĐT-BTCCBCP ngày 29/4/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay Bộ Nội vụ) hướng dẫn việc xét tuyển dụng công chức, viên chức, giáo viên phổ thông, mầm non. Do đó Bộ GD&ĐT đã đưa ban hành qui định đưa nội dung kiến thức Quản lí hành chính Nhà nước (QL HCNN) và những nội dung liên quan đến viên chức ngành GD&ĐT thành học phần của chương trình đào tạo giáo viên, là điều kiện để các trường làm căn cứ xét duyệt cấp bằng tốt nghiệp sư phạm	1	Kỳ 6	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
11	Lịch sử văn minh thế giới	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm <i>văn hoá, văn minh</i> , nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời đại.	2		10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
12	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.	2	Kỳ 6	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
13	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	Người học cần nắm được khát quai về điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và phân vùng cư trú của các dân tộc Tây Nguyên; Kiến thức về tổ chức xã hội truyền thống, đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Tây Nguyên; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi	2		Theo quy định và đề xuất của giảng viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường tự nhiên – xã hội, đồng thời nhận diện được đặc điểm văn hóa vật thể, phi vật thể, nghi lễ - phong tục cũng như vai trò, vị trí của văn hóa Tây Nguyên đối với phát triển.			
14	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 1	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
15	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
16	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 3	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
17	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng.	2	Kỳ 4	Theo quy định và đề xuất của giảng viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			
18	Tin học đại cương	Học phần Tin học Đại Cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học, phần mềm soạn thảo văn bản và phương pháp tính toán bằng bảng tính điện tử.	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
19	Khoa học môi trường	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng trình bày được các kiến thức cơ bản về Khoa học môi trường; có khả năng phân biệt, nhận biết và đánh giá các loại môi trường sống; tự giác trong việc vận động và thực hiện các hành động bảo vệ môi trường.	2	Kỳ 6	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.	1	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
21	Thể dục cơ bản và điền kinh	- Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành môn Thể dục cơ bản và Điền kinh (các tư thế cơ bản khi thực hiện bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh và một số bài tập phát triển thể lực)- Biết tự tổ chức tập luyện để hình thành thói quen tập luyện TDTT hàng ngày.	1	Kỳ 1	Thi thực hành
22	Cờ vua 1	Giúp sinh viên nắm được cấu tạo bàn cờ, quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ. Nắm được luật di chuyển quân và ăn quân, thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu.	1	Kỳ 1	Thi thực hành
23	Bóng chuyền cơ bản	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa	1	Kỳ 2	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học cơ bản về môn bóng chuyền.Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn.Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.			
24	Bơi lội cơ bản	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (trên cạn, dưới nước), tập hoàn chỉnh kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
25	Cầu lông cơ bản	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản trong cầu lông. Đồng thời chuẩn bị thể lực cho sinh viên trong quá trình học tập.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
26	Bóng bàn cơ bản	Môn bóng bàn trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.	1	Kỳ 2	Thi thực hành
27	Cờ vua 2	Nắm được các thuật ngữ trong Cờ Vua, cách ghi chép và đọc biên bản Cờ Vua, các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ Vua, giá trị tương đối giữa Thi thực hành các	1	Kỳ 2	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quân trong Cờ Vua, kiến thức khai cuộc, cờ thế.			
28	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Trang bị những kỹ năng thực hành chuyên môn: kỹ năng thực hiện kỹ thuật chính xác: Thực hiện 7 bước cơ bản với mức độ hoàn thiện và định thuộc bài mẫu quy định. Người học trình diễn được những di chuyển sức nhanh, sức mạnh, mềm dẻo, sự phối hợp vận động vào kết hợp âm nhạc.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
29	Taekwondo cơ bản	Nắm được kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật tấn – đỡ – đâm – Bài quyền số 1 và phương pháp tập luyện. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, ý nghĩa và tác dụng, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn võ nói chung và môn Taekwondo nói riêng. Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật căn bản, các thế tấn, đòn đâm, đòn đá, đòn đỡ và bài quyền số 1 của môn võ Taekwondo. Áp dụng làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe và tự vệ.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
30	Bóng đá cơ bản	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
31	Bóng rổ cơ bản	Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về môn bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động	1	Kỳ 3	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai			
32	Cờ vua 3	Nắm được kiến thức giai đoạn trung cuộc, giai đoạn tàn cuộc trong Cờ Vua, nắm được Cờ thế. Người học giải được các bài tập cờ thế chiếu hết sau 01 và 02 nước đi.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
33	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CS Việt Nam	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ Quốc; về kết hợp giữa phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại...	2	Kỳ 3	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
34	Công tác Quốc phòng - An ninh	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước ta trong tình hình mới.	2	Kỳ 3	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
35	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	3	Kỳ 3	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
36	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức biên chế của quân, binh chủng quân đội nhân dân Việt Nam	1	Kỳ 3	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
37	Mỹ học Mác-Lênin	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Mỹ học từ lập trường mácxít. Hình thành cho sinh viên năng lực thụ hưởng, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ theo lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, lành mạnh	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
38	Lịch sử Triết học	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bối	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cảnh lịch sử của Châu Âu vào những năm 30- 40 của thế kỷ XIX, cơ sở xã hội của sự hình thành triết học Mác; quá trình hình thành và phát triển tư tưởng triết học của C. Mác và Ph. Ăngghen; Lênin tiếp tục phát triển triết học Mác vào đầu thế kỷ XX.			Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
39	Chuyên đề kinh tế học		2		
40	Quan hệ quốc tế	Trang bị cho người học những bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ tổ quốc. Từ đó, chọn lọc, vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
41	Logic học	Giúp sinh viên nắm được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học, phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic học với các ngành khoa học khác; Trình bày được mối quan hệ giữa logic học với các ngành khoa học khác, vai trò của logic học đối với sự phát triển tư duy logic của nhân loại và trong đời sống thực tiễn xã hội; Trình bày được các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy. Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic. Trình bày được ví trí, vai trò và bản chất những hình thức cơ bản của tư duy trong quá trình nhận thức. Phân biệt được các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư duy. Sử dụng được sơ đồ Ven, hình vuông logic trong việc suy luận các phép toán logic, vận dụng được các nguyên tắc xây dựng tiền đề, các hình thức tồn tại của tam đoạn luận để xây dựng những lập luận logic, cũng như phát	2	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiện được những lỗi logic của các phán đoán và suy luận. Trình bày được mối quan hệ giữa khái niệm, phán đoán, suy luận và vai trò của những hình thức trên đối với quá trình tư duy logic. Xây dựng được những phán đoán logic từ những mệnh đề cho trước. Phát hiện được những lỗi logic trong các phán đoán và suy luận logic. Dựa vào những quy luật của tư duy logic có thể thiết kế được những mô hình tư duy để áp dụng vào thực tế cuộc sống. Công thức hóa được những hiện tượng trong cuộc sống, xác định trị số của từng phán đoán để có hành động phù hợp. Có thói quen tư duy logic trong nhận thức; Tích cực nâng cao trình độ tư duy logic, áp dụng giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra.			
42	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề chung về các học thuyết kinh tế từ đó sinh viên có nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế và sự vận dụng ở các nước.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
43	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin	Cung cấp cho sinh viên những nội dung tư tưởng triết học trong một số tác phẩm của Mác, Ăngghen, giúp sinh viên hình thành tri thức một cách hệ thống về hoàn cảnh lịch sử, sự hình thành, phát triển: nội dung của những nguyên lý cơ bản xuất phát của triết học Mác- Lênin; nắm được sự chuyển biến về tư tưởng và lập trường triết học của Mác và Ăngghen.	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Cung cấp cho sinh viên những nội dung tư tưởng triết học trong một số tác phẩm của Lênin, giúp sinh viên hình thành tri thức một cách hệ thống về hoàn cảnh lịch sử ra đời của các tác phẩm của Lênin, sự phát triển của Triết học Mác trong bối cảnh mới; hình thành kỹ năng tìm tòi, phát hiện tư tưởng triết học từ trong các tác phẩm kinh điển, khả năng tự phân tích, tổng hợp, phản biện các vấn đề triết học qua nghiên cứu sách báo; hình thành kỹ năng phân tích và khái quát các vấn đề do thực tiễn đặt ra; liên hệ giữa lý luận và thực tiễn...			
44	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	Trang bị những nội dung cơ bản trong các tác phẩm chủ yếu của Hồ Chí Minh, bao gồm 5 tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp; Đường cách mệnh; Tuyên ngôn độc lập; Sửa đổi lỗi lầm việc; Di chúc.	2	Kì 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
45	Xây dựng Đảng	Xây dựng Đảng là môn lý luận về Đảng Cộng sản và công tác xây dựng Đảng, đóng vai trò trực tiếp chỉ đạo thực tiễn, gắn với thực tiễn xây dựng Đảng, góp phần giáo dục sinh viên về vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng hiện nay.	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
46	Triết học về con người	Nắm được các quan điểm cơ bản của triết học trước Mác và ngoài Mác hiện nay. Từ đó sinh viên có thể tiếp cận được nội dung môn học chủ nghĩa duy vật lịch sử, văn hóa, tôn giáo, chủ nghĩa xã hội khoa học.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
47	Những Truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về những truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên hình thành và củng cố niềm tin vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
48	Lịch sử phong trào cộng sản và	Giúp người học có những hiểu biết cơ bản về các phong	1	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	công nhân quốc tế	trào đầu tranh của công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, nhất là phong trào cộng sản và phong trào công nhân từ khi chủ nghĩa Mác – Lênin ra đời và xâm nhập vào thực tiễn. Từ đó giúp người học có những kiến thức cơ sở ngành để nắm bắt, phân tích những vấn đề của các môn học chuyên ngành có liên quan			Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
49	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời đại ngày nay	Môn học Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam trong thời đại ngày nay trình bày một cách hệ thống quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam trong thời đại ngày nay – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Ngoài ra, môn học này còn trang bị cho người học nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.	1	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
50	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	Đảng lãnh đạo, chi phối toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt và trực tiếp nhất là nhà nước và thông qua nhà nước để thực hiện mục tiêu, chiến lược của mình. Môn học làm rõ việc giành, giữ, thực thi quyền lực nhà nước là hoạt động cơ bản của các đảng chính trị cầm quyền.	1	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
51	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	Trang bị những kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu, Liên Xô cũ, Việt Nam, Trung Quốc, sự sụp đổ của các nước XHCN, thực trạng xây dựng XHCN ở một số nước, và tương lai xây dựng CNXH trên thế giới.	1	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
52	Tôn giáo học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về vấn đề tôn giáo. Quan điểm của nghĩa Mác – Lênin	1	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về tôn giáo; chính sách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.			phần: 70 %.
53	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.	2	Kỳ 6	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%
54	Kỹ năng mềm	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong một số trường hợp thông thường, cân bằng cảm xúc, tâm lý cá nhân khi gặp vấn đề, tình huống không mong muốn., sinh viên có các kiến thức cơ bản và kỹ năng về chuẩn bị hồ sơ tìm việc, viết CV, các kiến thức cơ bản về phỏng vấn tuyển dụng, môi trường làm việc, văn hóa công sở. Có suy nghĩ tích cực, lạc quan, chủ động chia sẻ, điều chỉnh cảm xúc, hành vi cá nhân khi gặp các vấn đề căng thẳng, áp lực không mong muốn trong học tập, các quan hệ xã hội và cuộc sống.	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
55	Tâm lý học giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ	3	Kỳ 5	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.			
56	Giáo dục học phổ thông	Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số	3	Kỳ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông.			
57	Phong cách Hồ Chí Minh	Nắm được cơ sở hình thành, nội dung phong cách Hồ Chí Minh: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử, phong cách	2	Kỳ 7	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sống. Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh đối với việc UNESCO tôn vinh Người là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất. Vận dụng phong cách Hồ Chí Minh vào việc xây dựng phong cách của mỗi sinh viên.			70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
58	Những vấn đề của thời đại ngày nay	Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành thái độ khoa học cho sinh viên chuyên ngành về các vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thời đại ngày nay. Từ đó giúp cho người học sẽ giải quyết những vấn đề đó.	2	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
59	Chính trị học	Sinh viên hiểu được chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị, lý luận về quyền lực và cầm quyền đại cương. Sự tác động của chính trị đối với các lĩnh vực cơ bản khác của đời sống xã hội. Chính trị học Việt Nam hiện đại, Quyền lực của nhân dân lao động trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
60	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân	Học phần Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GD&CD cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nội dung, vai trò, chức năng của kiểm tra, đánh giá trong dạy học GD&CD. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp tri thức về các hình thức kiểm tra, xây dựng cấu trúc bài kiểm tra, thiết kế bài kiểm tra và tổ chức kiểm tra. Sinh viên cũng được tiếp cận với quan điểm đổi mới trong kiểm tra, đánh giá môn GD&CD theo hướng phát huy năng lực người học.	2	Kỳ 6	- Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%. - Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận
61	Giáo dục gia đình	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về gia đình và giáo dục gia đình; Thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa gia đình và xã hội, sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội đến sự biến đổi chức năng giáo dục của	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gia đình; Nắm vững những nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục của gia đình để có thể vận dụng giải quyết những tình huống cụ thể.			
62	Đạo đức học Mác-Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của đạo đức học Mác - Lênin hình thành thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn để nhận thức thực trạng sự biến đổi đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường. Hiểu được quy luật hình thành và phát triển của đạo đức qua các hình thái kinh tế- xã hội. Từ đó tự giác điều chỉnh hành vi theo lý tưởng đạo đức nhân đạo.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
63	Giáo dục dân số - Sức khỏe sinh sản	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về dân số, thống kê dân số, cấu trúc dân số và các yếu tố ảnh hưởng công tác dân số, các liên quan đến phát triển dân số và sức khỏe, các chỉ số phân bố, quy mô phân bố, cơ cấu dân số, các yếu tố ảnh hưởng đến dân số. Ngoài ra còn cung cấp khái niệm cơ bản về kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản; Cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương, khái niệm cơ bản về kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản.	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
64	Văn hóa học đường	Văn hóa học đường là học phần cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức lí luận về văn hóa học đường, những tác động của nhà trường đến nhân cách người học, những hình thức cơ bản của văn hóa học đường. giúp người học nắm bắt được những yêu cầu của xã hội đối với con người khi ứng xử, sinh hoạt trong nhà trường . Đồng thời việc tiếp cận với học phần này còn giúp cho sinh viên tự giác thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường, định hướng được mục đích cũng như lựa chọn	1	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho bản thân con đường rèn luyện thái độ, hành vi đúng đắn theo đòi hỏi của xã hội; có mong muốn góp phần làm cho nhà trường ngày càng tiến bộ hơn, góp phần xây dựng nhà trường văn hóa.			
65	Thực tế chuyên môn	Thông qua việc tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa, các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở các địa phương, tiếp xúc với nhân chứng lịch sử giúp người học có những hiểu biết về thực tiễn, bổ sung, điều chỉnh phù hợp giữa tri thức lý luận và đời sống thực tiễn	1	Kỳ 7	Viết thu hoạch
66	Giao tiếp sư phạm	Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: Khái niệm giao tiếp, phương tiện giao tiếp, giao tiếp sư phạm, chức năng giao tiếp sư phạm, phong cách giao tiếp sư phạm, nguyên tắc giao tiếp sư phạm... Học phần còn giúp sinh viên tiếp cận nền tảng kiến thức giao tiếp qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
67	Hiến pháp và định chế chính trị	Giúp sinh viên nắm và hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật Hiến pháp Việt Nam như lịch sử lập hiến Việt Nam, vị trí, vai trò của các bộ phận trong hệ thống chính trị, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
68	Lý luận về hình thái kinh tế-xã hội và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về học thuyết hình thái – kinh tế xã hội nói chung và hình thái kinh tế - xã hội ở Việt Nam nói riêng. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào chế độ xã hội chủ nghĩa; Sinh viên có cơ sở vận dụng kiến thức chuyên ngành vào giải quyết những vấn đề mà cuộc sống đặt ra tuân thủ theo con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
69	Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	Hình thành kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Việt Nam từ năm 1945 đến nay với những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm rút ra. Qua đó giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của mặt trận ngoại giao đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Có những kiến thức cơ bản về thời đại trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay	1	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
70	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở VN	Giúp sinh viên chuyên ngành nắm được những kiến thức cơ bản về quá trình nhận thức và hình thành con đường phát triển của nước ta qua các thời kỳ lịch sử. Từ đó có những hiểu biết đúng đắn xây dựng đất nước Việt Nam XHCN, đồng thời biết vận dụng kiến thức chuyên ngành để tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đối với con đường cách mạng Việt Nam	1	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
71	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	Học phần này giúp người học: - Nắm vững một cách có hệ thống tư tưởng xã hội chủ nghĩa phản ánh những mặt, những nội dung và những mối quan hệ cơ bản hợp thành của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Hệ thống những quan niệm, những tư tưởng lý luận này dần được ra đời, không	1	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngừng củng cố, bổ sung, từng bước hoàn thiện...nhằm trả lời câu hỏi xã hội tương lai mà loài người hướng tới là như thế nào? - Hiểu rõ hệ thống các tư tưởng xã hội chủ nghĩa phản ánh, thể hiện ngày càng đầy đủ hơn, con đường, phương thức và phương pháp đấu tranh của nhân dân lao động nhằm xây dựng, thực hiện chế độ mới – chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa...nhằm trả lời cho câu hỏi xã hội tương lai mà loài người cần đạt tới bằng cách nào? - Hiểu hệ thống các tư tưởng xã hội chủ nghĩa phản ánh, thể hiện động lực xã hội cơ bản và lực lượng lãnh đạo nhân dân lao động, nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh, hiện thực hoá các tư tưởng, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản...Điều này nhằm trả lời câu hỏi động lực xã hội và lực lượng lãnh đạo xã hội để tiến tới xã hội tương lai ấy là gì?			
72	Nền dân chủ XHCN và quá trình xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay	Môn học Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gồm 3 chương, trang bị tương đối cơ bản các kiến thức về quá trình hình thành và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Giúp sinh viên có hiểu biết cơ bản về dân chủ, các nền dân chủ trong lịch sử. Đặc biệt hiểu được bản chất, đặc điểm của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
73	Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học	Giúp sinh viên nhận biết được nội dung cơ bản của thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng. Hiểu được bản chất của thế giới là vật chất, vận động và phát triển theo những quy luật khách quan là thuộc tính	2	Kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vốn có của thế giới vật chất từ đó con người có thể nhận thức và vận dụng được những quy luật ấy. Thấy được mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động của chủ thể với khách thể qua các mối quan hệ.			
74	Công dân với đạo đức	Hướng dẫn sinh viên nội dung và phương pháp giảng dạy các bài học trong môn học giáo dục công dân lớp 10 phần thứ hai “Công dân với đạo đức”. Sinh viên nắm được các kiến thức như: Quan niệm về đạo đức; Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học; Công dân với tình yêu, hôn nhân và gia đình; Công dân với cộng đồng; Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; Công dân với một số vấn đề cấp thiết của nhân loại; Tự hoàn thiện bản thân.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
75	Công dân với kinh tế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về tăng trưởng, phát triển kinh tế, hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, nền kinh tế nhiều thành phần và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần này được xây dựng căn cứ vào nội dung của chương trình Giáo dục công dân 11 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị để sinh viên có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tốt phần Giáo dục công dân lớp 11 nói riêng và đảm nhiệm tốt công việc tương lai nói chung.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
76	Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội	Giúp sinh viên chuyên ngành có những kiến thức cơ bản về đường lối chính trị và cấu trúc, hoạt động và xu hướng phát triển của hệ thống chính trị ở VN. Tìm hiểu về các vấn đề xã hội và các chính sách xã hội như: dân	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		số và chính sách dân số; giáo dục và đào tạo; môi trường sinh thái... Từ đó có những kiến thức nền tảng để vận dụng vào việc giải quyết các nhiệm vụ được giao, trực tiếp ở đây là vận dụng vào việc giảng dạy các môn học giáo dục công dân ở bậc phổ thông và các môn LLCT ở bậc TH chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học...			
77	Công dân với pháp luật	Sau khi học Công dân với pháp luật sinh viên nắm và hiểu được những kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam như nguồn gốc của pháp luật, khái niệm, đặc trưng của pháp luật Việt Nam. Hiểu được vai trò của pháp luật đối với nhà nước, xã hội, công dân, với hòa bình và sự phát triển tiến bộ của nhân loại và với sự phát triển bền vững của đất nước. Nắm được khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật, hiểu được thế nào là vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Hiểu một số quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; một số quyền tự do cơ bản của công dân và cách thực hiện một số quyền dân chủ của công dân. Biết được thế nào là điều ước quốc tế và mối quan hệ giữa điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia. Nắm được các phương pháp dạy học môn học GD CD 12.	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
78	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh	Giúp cho sinh viên tìm hiểu lịch sử văn hóa của đất nước, truyền thống cách mạng của dân tộc qua thực tế.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
79	Kiến tập sư phạm	Giúp sinh viên làm quen với thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường Trung học phổ thông; Bước đầu vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học và thực tiễn trong công tác giáo dục học sinh; Tích lũy kinh nghiệm về công tác dạy học và giáo dục học sinh từ giáo viên	2	Kỳ 6	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hướng dẫn ở cơ sở để chuẩn bị cho đợt thực tập sư phạm.			
80	Thực tập sư phạm	Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức đã học, kỹ năng tâm lý, kỹ năng giáo dục, lý luận dạy học, học hỏi các kiến thức mới nảy sinh từ thực tiễn, hiểu rõ quy luật hoạt động của trường phổ thông. Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý, kỹ năng đánh giá trong công tác dạy học và giáo dục ở trường thực tập sư phạm, sự kết hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong giáo dục học sinh. Lập kế hoạch giảng dạy, kế hoạch công tác chủ nhiệm, kế hoạch công tác Đoàn - Đội và công tác phong trào thể dục thể thao ngoại khóa. Năng lực thực hiện kế hoạch công tác đã đề ra về: biên soạn chương trình, giáo án chuyên môn, giáo án chủ nhiệm, thực hiện giảng dạy trên lớp, tổ chức sinh hoạt chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động Đoàn - Đội, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa.	5	Kỳ 8	Thực hành
81	Lý luận dạy học giáo dục công dân	Học phần Lý luận dạy học môn GDCD xác định cho sinh viên đúng vai trò, vị trí quan trọng của môn GDCD ở nhà trường trung học phổ thông, từ đó có nhận thức và tình cảm đúng đắn đối với việc giảng dạy môn học. Học phần nghiên cứu quy luật và tính quy luật của quá trình dạy và học môn GDCD ở các trường trung học phổ thông, khái quát đặc điểm cơ bản về nội dung môn học để từ đó xây dựng lý luận dạy học cơ bản cho sinh viên như: các nguyên tắc dạy học, các phương pháp, hình thức dạy học. Học phần còn chỉ rõ vai trò, cách thức và nội dung đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học	3	Kỳ 4	- Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%. - Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tập môn GDCD của học sinh.			
82	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân	Học phần Phương pháp dạy học môn GDCD cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về chương trình GDCD ở trường trung học phổ thông và những kiến thức về phương pháp dạy học môn GDCD hiện nay được các giáo viên vận dụng ở các trường trung học phổ thông. Bên cạnh đó, sinh viên còn được định hướng trong việc xác định phương pháp dạy học cho phù hợp với các đơn vị kiến thức ở mỗi bài. Cuối cùng, dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên được thực hành vận dụng kiến thức đã học để soạn bài và tập giảng một tiết môn GDCD lớp 10, 11, 12.	2	Kỳ 5	- Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%. - Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận
83	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Tập trung vào kỹ năng ứng xử sư phạm.	1	Kỳ 4	- Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%. - Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp
84	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Tập trung vào kỹ năng soạn giáo án, thiết kế bài dạy học GDCD.	1	Kỳ 5	- Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%. - Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp
85	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Cùng với các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, 2, học	1	Kỳ 6	- Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp sự phạm và xử lý các tình huống sự phạm.			100%. - Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp
86	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Cùng với các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, 2, 3 học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học GD CD.	1	Kỳ 7	- Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%. - Hình thức thi kết thúc học phần: thi vấn đáp
87	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học dưới dạng khóa luận tốt nghiệp, phù hợp với trình độ cử nhân. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên.	7	Kỳ 8	Theo quy định
88	Chuyên đề tốt nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học dưới dạng chuyên đề tốt nghiệp, phù hợp với trình độ cử nhân. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên	3	Kỳ 8	Theo quy định
89	Tư duy lý luận với việc nhận	Từ việc nghiên cứu các hình thức vận động logic của tư duy, từ đó hình thành những quy tắc, quy luật vận động	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	thức xã hội	và phát triển của tư duy logic. Qua việc tìm hiểu các cấp độ vận động cũng như các đặc trưng cơ bản của tư duy lý luận, học phần cung cấp cơ sở để hình thành phương pháp hợp đối với từng trường hợp trong nhận thức và thực tiễn xã hội. Việc vận dụng tư duy lý luận với tính cách là hình thức phát triển cao nhất của tư duy vào việc nhận thức xã hội là điều cần thiết, cung cấp cho người học những phương pháp khoa học để phân tích, đánh giá sự vận động và phát triển của xã hội qua các thời kỳ lịch sử.			phần: 70 %.
90	Lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	Học phần này giúp cho sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về bản chất của kinh tế thị trường, vai trò của nó trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Kiến thức của học phần này sẽ bổ sung, hỗ trợ thêm kiến thức cho các học phần Nguyên lý cơ bản CNMLN 2, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những kiến thức của môn học giúp cho sinh viên có cái nhìn khái quát về quá trình hình thành nền kinh tế thị trường, bản chất của các quá trình và hiện tượng kinh tế, cũng như nhận thức của Đảng ta về nền kinh tế thị trường qua các giai đoạn lịch sử. Môn học cũng mang tính thực tiễn và tư tưởng sâu sắc, giúp cho sinh viên hình thành tư duy kinh tế, ứng xử phù hợp với các hiện tượng kinh tế một cách tích cực, nhằm hướng đến những hành vi kinh tế làm lợi cho bản thân, cộng đồng và xã hội. Tránh các hiện tượng và hành vi kinh tế tiêu cực gây bất ổn cho cộng đồng.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
91	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	Học phần hệ thống lại cho người học những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bản độc quyền nhà nước (đã được học ở Học phần Nguyên lý cơ bản 2); Trang bị cho người học những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại; Giúp người học nắm được đặc điểm nền kinh tế thế giới hiện nay và vận dụng như thế nào trong quá trình phát triển ở Việt Nam.			phần: 70 %.
92	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	Giúp người học có hiểu biết một cách hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
93	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc, và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
94	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành của các cơ sở, tổ chức Đảng ở khu vực Tây Nguyên và phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng địa phương theo ngọn cờ cách mạng của ĐCSVN. Từ đó có cơ sở vận dụng kiến thức chuyên ngành để tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề về lịch sử, về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở khu vực Tây Nguyên. Đồng thời góp phần bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm trong việc gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
95	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về công tác tổ chức của Đảng qua các giai đoạn lịch sử.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Làm rõ công tác tổ chức của Đảng được hình thành, bổ sung và phát triển theo từng thời kỳ lịch sử. Trong đó, đặc biệt làm rõ công tác tổ chức của Đảng về một số nội dung cơ bản trong thời kỳ đổi mới. Nêu những tấm gương tiêu biểu của các tổ chức trong quá trình hoạt động cách mạng.			phần: 70 %.

34. Triết học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học duy vật biện chứng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của triết học duy vật biện chứng, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận. Tiếp thu và nắm bắt những nội dung cơ bản của các nguyên lý, phạm trù của phép biện chứng duy vật.	3	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
2	Triết học duy vật lịch sử	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản giúp sinh viên hiểu sâu hơn và nắm vững những nguyên lý cơ bản của triết học Mác – Lênin; thế giới quan triết học Mác – Lênin; lý luận hình thái kinh tế - xã hội; xã hội; vấn đề dân tộc, giai cấp, nhân loại; vấn đề con người; vấn đề nhà nước...	3	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
3	Kinh tế chính trị phần TBCN	Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề chung về Kinh tế chính trị phần Tư bản chủ nghĩa từ đó sinh viên có nhận thức khách quan về phương thức sản xuất này cũng như sự phát triển tất yếu của lịch sử loài người	3	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
4	Kinh tế chính trị phần XHCN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết những vấn đề Kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	2	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước ta.			phần: 70 %
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học 1	Giúp cho người học hiểu được chủ nghĩa Mác-Lênin một cách cân đối và hoàn chỉnh; chủ nghĩa xã hội khoa học là cơ sở lý luận trực tiếp giúp cho các Đảng Cộng sản xác định mục tiêu, đường lối chiến lược của cách mạng; là cơ sở lý luận giúp cho mỗi người tự nhận thức và có bản lĩnh chính trị vững vàng, không mơ hồ, dao động trong việc thể hiện hành vi của mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.	2	Kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học 2	Học phần này giúp người học: - Nắm vững những quan điểm khoa học, cách mạng và tính nhân văn của chủ nghĩa Mác – Lênin; - Hiểu rõ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. - Trên cơ sở xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.	2	Kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i>	3	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.			
8	Đường lối cách mạng DTDCND	Học phần khái quát những nội dung cơ bản đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
9	Đường lối cách mạng XHCN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội	2	Kỳ 3	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
11	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.	2	Kỳ 5	Theo quy định và đề xuất của giảng viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Tâm lý học đại cương	Có kiến thức cơ bản về bản chất tâm lí người, sự phát triển của tâm lí người, sự hình thành ý thức. Có kiến thức về các quá trình nhận thức: Đặc điểm, qui luật, vai trò của các quá trình nhận thức. Có sự hiểu biết về nhân cách, sự thể hiện và sự hình thành nhân cách con người.	2	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
13	Đại cương lịch sử thế giới	Giúp người học nắm vững những vấn đề lí luận về văn hóa, văn minh; cơ sở hình thành các nền văn minh; những thành tựu chủ yếu của các nền văn minh trong lịch sử	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
14	Lịch sử Việt Nam đại cương	Giúp cho người học nắm vững tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam; từ đó góp phần bồi dưỡng lòng yêu nước và ý thức nhiệm của công dân đối với Tổ quốc, với nhân dân.	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	2	Kỳ 1	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
16	Nhân học đại cương	Sinh viên hiểu được những vấn đề: vấn đề tộc người, nhân chủng, kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo của các tộc người trên thế giới và ở Việt Nam; tính đa dạng văn hóa tộc người, các vấn đề về xã hội nguyên thủy..., kiến thức cơ bản về những đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam.	2	Kỳ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần
17	Pháp luật Việt Nam đại cương	Học phần pháp luật Việt Nam đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống	2	Kỳ 5	Điểm tích lũy <=30%, điểm thi cuối kì >=70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
18	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 1	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
19	Tiếng Anh 2	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
20	Tiếng Anh 3	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông	2	Kỳ 3	Theo quy định và đề xuất của giảng viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			
21	Tiếng Anh 4	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Kỳ 4	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
22	Tin học đại cương	Học phần Tin học Đại Cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học, phần mềm soạn thảo văn bản và phương pháp tính toán bằng bảng tính điện tử.	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
23	Khoa học môi trường	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng trình bày được các kiến thức cơ bản về Khoa học môi trường; có khả năng phân biệt, nhận biết và đánh giá các loại môi trường sống; tự giác trong việc vận động và thực hiện các hành động bảo vệ môi trường.	2	Kỳ 2	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
24	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp.	2	Kỳ 7	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
25	Logic học	Giúp sinh viên nắm được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học, phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic học với các ngành khoa học khác;	2	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trình bày được mối quan hệ giữa logic học với các ngành khoa học khác, vai trò của logic học đối với sự phát triển tư duy logic của nhân loại và trong đời sống thực tiễn xã hội; Trình bày được các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy. Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic. Trình bày được ví trí, vai trò và bản chất những hình thức cơ bản của tư duy trong quá trình nhận thức. Phân biệt được các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư duy. Sử dụng được sơ đồ Ven, hình vuông logic trong việc suy luận các phép toán logic, vận dụng được các nguyên tắc xây dựng tiền đề, các hình thức tồn tại của tam đoạn luận để xây dựng những lập luận logic, cũng như phát hiện được những lỗi logic của các phán đoán và suy luận. Trình bày được mối quan hệ giữa khái niệm, phán đoán, suy luận và vai trò của những hình thức trên đối với quá trình tư duy logic. Xây dựng được những phán đoán logic từ những mệnh đề cho trước. Phát hiện được những lỗi logic trong các phán đoán và suy luận logic. Dựa vào những quy luật của tư duy logic có thể thiết kế được những mô hình tư duy để áp dụng vào thực tế cuộc sống. Công thức hóa được những hiện tượng trong cuộc sống, xác định trị số của từng phán đoán để có hành động phù hợp.			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có thói quen tư duy logic trong nhận thức; Tích cực nâng cao trình độ tư duy logic, áp dụng giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra.			
26	Toán E	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lôgic toán, tập hợp, tổ hợp, quan hệ hai ngôi, ánh xạ	2	Kỳ 1	ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
27	Vật lý B	Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.	2	Kỳ 1	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.
28	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Kỳ 4	Theo quy định và đề xuất của giảng viên
29	Giáo dục thể chất 1	Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy.	1	Kỳ 1	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy. Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện. Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy. Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống.			
30	Giáo dục thể chất 2	Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	1	Kỳ 2	Thi thực hành
31	Giáo dục thể chất 3	Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện. Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản. Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá.	1	Kỳ 3	Thi thực hành
32	Đường lối quốc phòng và an	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản	2	Học tập trung	Điểm tích lũy 15%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ Quốc; về kết hợp giữa phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại...			thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
33	Công tác quốc phòng - An ninh	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước ta trong tình hình mới.	2	Học tập trung	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
34	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng lựu đạn.	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	3	Học tập trung	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
35	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Sau khi học xong học phần sinh viên có hiểu biết cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và tổ chức biên chế của quân, binh chủng quân đội nhân dân Việt Nam	1	Học tập trung	Điểm tích lũy 15%, thi 85%; kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận
36	Phương pháp điều tra xã hội học	Người học có hiểu biết cơ bản và có khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp điều tra xã hội học trong nghiên cứu xã hội: phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp quan sát, phương pháp điều tra, phương pháp thực nghiệm xã hội, phương pháp nghiên cứu quỹ thời gian và một số phương pháp nghiên cứu tâm – sinh lý. Ngoài ra, học xong học phần này, người học cũng có kỹ năng phân tích thông tin cơ bản trong điều tra xã hội học	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
37	Mỹ học Mác-Lênin	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Mỹ học từ lập trường mácxít. Hình thành cho sinh viên	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng lực thụ hưởng, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ theo lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, lành mạnh			phần: 70 %.
38	Đạo đức học Mác-Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của đạo đức học Mác - Lênin hình thành thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn để nhận thức thực trạng sự biến đổi đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường. Hiểu được quy luật hình thành và phát triển của đạo đức qua các hình thái kinh tế- xã hội. Từ đó tự giác điều chỉnh hành vi theo lý tưởng đạo đức nhân đạo.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
39	Logic biện chứng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy luật, phạm trù, các phương pháp xem xét sự vật, hiện tượng. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được vấn đề trên cơ sở áp dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn cuộc sống.	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
40	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề chung về các học thuyết kinh tế từ đó sinh viên có nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế và sự vận dụng ở các nước.	2	Kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
41	Lịch sử tư tưởng Xã hội chủ nghĩa	Học phần này giúp người học: - Nắm vững một cách có hệ thống tư tưởng xã hội chủ nghĩa, những tư tưởng lý luận này dần được ra đời, không ngừng củng cố, bổ sung, từng bước hoàn thiện...nhằm trả lời câu hỏi xã hội tương lai mà loài người hướng tới là như thế nào? Nó phản ánh, thể hiện ngày càng đầy đủ hơn con đường, phương thức và phương pháp đấu tranh của nhân dân lao động nhằm xây dựng, thực hiện chế độ mới. Nó cũng phản ánh, thể hiện động lực xã hội cơ bản và lực lượng lãnh đạo nhân dân lao động, nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh,	1	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiện thực hoá các tư tưởng, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.			
42	Tôn giáo học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về vấn đề tôn giáo. Quan điểm của nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo; chính sách của Đảng và Nhà nước ta hiện nay trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.	1	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
43	Những vấn đề của thời đại ngày nay	Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành thái độ khoa học cho sinh viên chuyên ngành về các vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thời đại ngày nay. Từ đó giúp cho người học sẽ giải quyết những vấn đề đó.	2	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
44	Chính trị học	Sinh viên hiểu được chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị, lý luận về quyền lực và cầm quyền đại cương. Sự tác động của chính trị đối với các lĩnh vực cơ bản khác của đời sống xã hội. Chính trị học Việt Nam hiện đại, Quyền lực của nhân dân lao động trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
45	Triết học chính trị	Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về chính trị, quyền lực chính trị, triết học chính trị, những yếu tố tác động đến đời sống chính trị trong xã hội hiện nay. Từ đó sinh viên biết vận dụng lý luận triết học chính trị vào việc giải thích và nhận dạng sự giao lưu chính trị với điều kiện của Việt Nam hiện nay	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
46	Triết học về con người	Nắm được các quan điểm cơ bản của triết học trước Mác và ngoài Mác hiện nay. Từ đó sinh viên có thể tiếp cận được nội dung môn học chủ nghĩa duy vật lịch sử, văn hóa, tôn giáo, chủ nghĩa xã hội khoa học.	2	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Triết học văn hóa	Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về văn hóa, triết học văn hóa, những yếu tố tác động đến văn hóa trong xã hội hiện nay. Từ đó sinh viên biết vận dụng lý luận văn hóa, triết học văn hóa vào việc giải thích và nhận dạng sự giao lưu văn hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay.	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
48	Triết học trong khoa học tự nhiên	Trang bị những kiến thức cơ bản về môn học; về mối quan hệ giữa triết học với khoa học tự nhiên; phân tích một số vấn đề mới của khoa học tự nhiên, từ đó thấy được vai trò của triết học duy vật biện chứng đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
49	Lịch sử phong trào CS&CNQT	Giúp người học có những hiểu biết cơ bản về các phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, nhất là phong trào cộng sản và phong trào công nhân từ khi chủ nghĩa Mác – Lênin ra đời và xâm nhập vào thực tiễn. Từ đó giúp người học có những kiến thức cơ sở ngành để nắm bắt, phân tích những vấn đề của các môn học chuyên ngành có liên quan	1	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
50	Xây dựng Đảng	Xây dựng Đảng là môn lý luận về Đảng Cộng sản và công tác xây dựng Đảng, đóng vai trò trực tiếp chỉ đạo thực tiễn, gắn với thực tiễn xây dựng Đảng, góp phần giáo dục sinh viên về vai trò lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng hiện nay.	2	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
51	Giáo dục gia đình	Trang bị cho người học hệ thống tri thức, kỹ năng, thái độ đúng đắn trong chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em nói chung và giáo dục trẻ em trong gia đình nói riêng.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
52	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	Có hiểu biết cơ bản về những quan điểm Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội, sự nghiệp xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu, Liên Xô cũ, Việt Nam, Trung Quốc, sự sụp đổ của các nước XHCN, thực trạng xây dựng XHCN ở các nước còn lại, và tương lai xây dựng CNXH trên thế giới.			phần: 70 %
53	Lịch sử triết học Trung Quốc cổ - trung đại	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nội dung tư tưởng triết học Trung Quốc cổ - trung đại. Trên cơ sở đó có cái nhìn tổng quát về những giá trị và hạn chế của triết học Trung Quốc nhằm đánh giá đúng đắn về vai trò của triết học Trung Quốc đối với sự phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại.	3	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
54	Lịch sử triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại	Gúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại, điều kiện hình thành, đặc điểm và các trường phái triết học cũng như các triết gia tiêu biểu của Hy Lạp – La Mã cổ đại.	3	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
55	Lịch sử triết học Ấn Độ cổ - trung đại	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triết học Ấn Độ thời kỳ cổ trung đại (từ sơ khai đến thế kỷ thứ XV): điều kiện lịch sử hình thành và phát triển; các trường phái; nội dung và đặc điểm tư tưởng triết học của các trường phái triết học chính thống và không chính thống. Học phần cũng giúp sinh viên đánh giá những giá trị và hạn chế của tư tưởng triết học Ấn Độ cổ - trung đại, qua đó nâng cao tư duy biện chứng khoa học trong nghiên cứu triết học.	3	Kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
56	Lịch sử triết học Tây Âu trung – cận đại	Qua nghiên cứu, đánh giá triết học Tây Âu trung cổ, phục hưng và cận đại sinh viên nâng cao được năng lực tư duy khoa học và khả năng phân tích các trường phái triết học theo quan điểm mácxít	3	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Lịch sử triết học cổ điển Đức	Qua nghiên cứu, đánh giá triết học Cổ điển Đức, giúp sinh viên nâng cao được năng lực tư duy khoa học và khả năng phân tích các quan điểm của các triết gia Đức, đồng thời phân tích được vai trò của triết học Cổ điển Đức đối với sự hình thành và phát triển của triết học Mác	3	Kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
58	Lịch sử triết học Mác-Lênin	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bối cảnh lịch sử của Châu Âu vào những năm 30- 40 của thế kỷ XIX, cơ sở xã hội của sự hình thành triết học Mác; quá trình hình thành và phát triển tư tưởng triết học của C. Mác và Ph. Ăngghen; Lênin tiếp tục phát triển triết học Mác vào đầu thế kỷ XX.	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
59	Tác phẩm kinh điển triết học Mác-Ăngghen	Cung cấp cho sinh viên những nội dung tư tưởng triết học trong một số tác phẩm của Mác, Ăngghen, giúp sinh viên hình thành tri thức một cách hệ thống về hoàn cảnh lịch sử, sự hình thành, phát triển: nội dung của những nguyên lý cơ bản xuất phát của triết học Mác- Lênin; nắm được sự chuyển biến về tư tưởng và lập trường triết học của Mác và Ăngghen.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
60	Tác phẩm kinh điển triết học Lênin	Cung cấp cho sinh viên những nội dung tư tưởng triết học trong một số tác phẩm của Lênin, giúp sinh viên hình thành tri thức một cách hệ thống về hoàn cảnh lịch sử ra đời của các tác phẩm của Lênin, sự phát triển của Triết học Mác trong bối cảnh mới; hình thành kỹ năng tìm tòi, phát hiện tư tưởng triết học từ trong các tác phẩm kinh điển, khả năng tự phân tích, tổng hợp, phản biện các vấn đề triết học qua nghiên cứu sách báo; hình thành kỹ năng phân tích và khái quát các vấn đề do thực tiễn đặt ra; liên hệ giữa lý luận và thực tiễn...	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
61	Triết học phương Tây hiện đại	Nghiên cứu, tìm hiểu những quan điểm của các trào lưu triết học phương Tây hiện đại, với các trào lưu chủ yếu như: chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa con người, chủ nghĩa Thomas mới và chủ nghĩa thực dụng	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
62	Thực tế chuyên môn	Giúp cho sinh viên tìm hiểu lịch sử văn hóa của đất nước, truyền thống cách mạng của dân tộc qua thực tế.	1	Kỳ 7	Viết báo cáo
63	Thực tập cuối khóa	Giúp cho sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị, qua đó có điều kiện so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn với trọng tâm là kiến thức chuyên ngành Triết học.	4	Kỳ 8	Điểm cơ sở: 60%, điểm trưởng đoàn chấm: 40%
64	Lịch sử phép biện chứng mác-xít	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành phép biện chứng mác-xít; quá trình Mác và Ăngghen tiếp thu và cải tạo phép biện chứng của Hêghen; quá trình Lênin phát triển phép biện chứng trong giai đoạn mới.	3	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
65	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Trang bị cho sinh viên hiểu biết đầy đủ về nội dung cơ bản của tư tưởng Việt Nam. Trên cơ sở đó có cái nhìn tổng quát về những giá trị của tư tưởng Việt Nam, góp phần phát huy sức mạnh nội lực phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
66	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về tư tưởng triết học của Hồ Chí Minh là kế thừa và phát triển tinh hoa triết học nhân loại và tư tưởng triết học Việt Nam. Từ đó sinh viên thấm nhuần tư tưởng của Người và hiểu việc Đảng ta khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận trong nền tảng tư tưởng của Đảng	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
67	Quan hệ quốc tế	Trang bị cho người học những bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ tổ quốc. Từ đó, chọn lọc, vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.	2	Kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
68	Lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Giúp SV chuyên ngành nhận thức một cách có hệ thống những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là quan điểm nhận thức của Đảng ta về CNXH và con đường đi lên CNXH.	2	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 10% Điểm thi kết thúc học phần: 90 %.
69	Phương pháp giảng dạy triết học	Học phần xác định cho sinh viên nhận thức đúng vai trò, vị trí quan trọng của môn Triết học, từ đó có nhận thức và tình cảm đúng đắn đối với việc giảng dạy môn học. Trên cơ sở khái quát đặc điểm cơ bản về nội dung môn học, từ đó xây dựng lý luận dạy học cơ bản cho sinh viên như: các nguyên tắc dạy học, các phương pháp, hình thức giảng dạy môn triết học	2	Kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
70	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học dưới dạng khóa luận tốt nghiệp, phù hợp với trình độ cử nhân. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội dung liên quan. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên	10	Kỳ 8	Theo quy định
71	Chuyên đề tốt nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng trình bày một vấn đề liên quan đến chuyên ngành một cách khoa học dưới dạng chuyên đề tốt nghiệp, phù hợp với trình độ cử nhân. Biết cách tổng hợp tư liệu, phân tích, đánh giá đối tượng nghiên cứu, thuyết trình hoặc bảo vệ được những nội	4	Kỳ 8	Theo quy định

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dung liên quan. Kích thích sự đam mê học tập và nghiên cứu khoa học cho sinh viên			
72	Lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết và cơ sở lý luận vững chắc trong chiến lược phát triển Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
73	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc, và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
74	Lý luận về hình thái kinh tế xã hội và quá độ lên CNXH ở Việt Nam	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về học thuyết hình thái – kinh tế xã hội nói chung và hình thái kinh tế - xã hội ở Việt Nam nói riêng. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào chế độ xã hội chủ nghĩa; Sinh viên có cơ sở vận dụng kiến thức chuyên ngành vào giải quyết những vấn đề mà cuộc sống đặt ra tuân thủ theo con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
75	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	Giúp sinh viên hiểu được một cách có hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa tư bản hiện đại; nhận thức đầy đủ quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, qua đó thấy được vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản hiện đại trong thời đại ngày nay. Đồng thời, nắm được những vấn đề cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay.	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
76	Giai cấp và nhà nước	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Về nhà nước nói chung và sự ra	1	Kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đời của Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa ở Việt Nam nói riêng.			phần: 70 %
77	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	Giúp sinh viên nắm được khái niệm tư duy; các cấp độ và đặc điểm của tư duy; các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy lý luận. Trình bày được mặt lý luận và mặt phương pháp của chủ nghĩa duy vật lịch sử; Nắm được mặt phương pháp của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong nhận thức xã hội Có kỹ năng vận dụng kiến thức trong nhận thức và hoạt động thực tiễn; Lý giải được những hiện tượng trong cuộc sống trên cơ sở tư duy biện chứng mác-xít.	1	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %.
78					
79					
80	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
81	Triết học duy vật biện chứng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của triết học duy vật biện chứng, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp luận. Tiếp thu và nắm bắt những nội dung cơ bản của các nguyên lý, phạm trù của phép biện chứng duy vật.	3	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
82	Triết học duy vật lịch sử	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản giúp sinh viên hiểu sâu hơn và nắm vững những nguyên lý cơ bản của triết học Mác – Lênin; thế giới quan triết học Mác – Lênin; lý luận hình thái kinh tế - xã hội; xã hội; vấn đề dân tộc, giai cấp, nhân loại; vấn đề con người;	3	Kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vấn đề nhà nước...			
83	Kinh tế chính trị phần TBCN	Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề chung về Kinh tế chính trị phần Tư bản chủ nghĩa từ đó sinh viên có nhận thức khách quan về phương thức sản xuất này cũng như sự phát triển tất yếu của lịch sử loài người	3	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %
84	Kinh tế chính trị phần XHCN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết những vấn đề Kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Trên cơ sở đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước ta.	2	Kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70 %

V. Khoa Ngoại ngữ

35. Sư phạm Tiếng Anh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tâm lý học giáo dục	Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm: Thuật ngữ chuyên ngành, bản chất tâm lý người, sự phát triển của tâm lý người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên.	3	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 15%, cuối kỳ 85 %
2	Giáo dục học phổ thông	Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo	3	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI.			
3	Dẫn luận ngôn ngữ học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức thiết yếu về lí luận ngôn ngữ học và những khái niệm cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp...)	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
4	QL hành chính NN và QL GD đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lí hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	1	học kỳ 8	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
6	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			
7	Xã hội học đại cương	Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
8	Lịch sử Việt Nam đại cương	Mô tả được tiến trình lịch sử dân tộc qua các thời kì lịch sử (Việt Nam thời nguyên thủy, cổ - trung đại, cận – hiện đại) và các nội dung chủ yếu của từng thời kì lịch sử. Hiểu được các quy luật lịch sử và biết vận dụng các quy luật đó trong nhận thức, học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
9	Lịch sử văn minh thế giới	Đạt những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm văn hoá, văn minh, nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời đại.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
10	Tiếng Pháp 1	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Sinh viên có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng pháp và nghe các đoạn	4	học kỳ 4	Trắc nghiệm thi trên máy ba kỹ năng nghe, đọc, viết. Vấn đáp môn nói

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội thoại ngắn bằng tiếng Pháp.			Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
11	Tiếng Pháp 2	Chuẩn bị cho sinh viên những nền tảng kiến thức ngôn ngữ vững chắc nhất để có thể giao tiếp bằng tiếng Pháp trong những tình huống giao tiếp hằng ngày từ đơn giản đến phức tạp. Đặc biệt, học phần có mục tiêu trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp và kiến thức văn hóa văn minh trong giao tiếp và ứng xử. Mục tiêu cơ bản của học phần là phát triển và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp.	3	học kỳ 5	Trắc nghiệm thi trên máy ba kỹ năng nghe, đọc, viết. Vấn đáp môn nói Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
12	Tiếng Pháp 3	Giúp người học đối diện với các tình huống giao tiếp phong phú đa dạng hơn, với các địa điểm diễn ra tình huống, với các nhân vật giao tiếp cũng như các hoạt động giao tiếp và chủ đề giao tiếp. - Người học đạt được những phương tiện ngôn ngữ ở trình độ trung cấp. - Phát triển các kỹ năng hiểu và diễn đạt nói, viết cũng như các kỹ năng học tập ngoại ngữ - Người học lĩnh hội được những kiến thức và hành vi văn hóa văn minh cần thiết trong cuộc sống tại Pháp. Với những mục tiêu kể trên, người học có thể đạt được trình độ tương đương A2 theo khung đánh giá chung Châu Âu.	3	học kỳ 6	Trắc nghiệm thi trên máy ba kỹ năng nghe, đọc, viết. Vấn đáp môn nói Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
13	Tiếng Pháp 4	- Giúp người học đối diện với các tình huống giao tiếp phong phú đa dạng hơn, với các địa điểm diễn ra tình huống, với các nhân vật giao tiếp cũng như các hoạt động giao tiếp và chủ đề giao tiếp. - Người học đạt được những phương tiện ngôn ngữ ở	3	học kỳ 7	Trắc nghiệm thi trên máy ba kỹ năng nghe, đọc, viết. Vấn đáp môn nói Tích lũy 30%, cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình độ cao cấp. - Phát triển các kỹ năng hiểu và diễn đạt nói, viết cũng như các kỹ năng học tập ngoại ngữ - Người học lĩnh hội được những kiến thức và hành vi văn hóa văn minh cần thiết trong cuộc sống tại Pháp. Với những mục tiêu kể trên, người học có thể đạt được trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc Việt Nam.			70 %
14	Tin học đại cương	Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel.	2	học kỳ 1	Thi thực hành trên máy tính Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
15	Phương pháp NCKH giáo dục	Nhận thức được các khái niệm cơ bản: nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, các quan điểm tiếp cận duy vật biện chứng lịch sử trong nghiên cứu khoa học giáo dục, biết một số phương pháp nghiên cứu thông dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, có hiểu biết về cách đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.	1	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
16	Giáo dục thể chất 1	Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy, hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy.	1	học kỳ 1	CC
17	Giáo dục thể chất 2	Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực	1	học kỳ 2	CC

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền, tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống.			
18	Giáo dục thể chất 3	Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện.	1	học kỳ 3	CC
19	Đường lối quốc phòng - an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	2	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
20	Công tác quốc phòng và an ninh	Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo.	2	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
21	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK)và sử dụng lựu đạn	Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng, bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản, vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả.	3	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.	1	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
23	Nghe 1	Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe từ trình độ Bậc 2 lên Bậc 3	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
24	Nói 1	Học phần nói 1 được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng nói theo dạng hội thoại. Người học có thể sử dụng được những chiến thuật nói khác nhau như bắt đầu cuộc nói chuyện (ice-breaking), đặt câu hỏi (questioning), trả lời câu hỏi (answering), chuyển lượt (giving turn), lấy lượt nói (turn-taking) với các chủ đề cơ bản hàng ngày như gia đình, bạn bè, sở thích, du lịch, mua sắm.	2	học kỳ 1	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
25	Đọc 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở trình độ tiền trung cấp. sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung, ý chính của bài đọc và thái độ của tác giả, có khả năng trao đổi thông tin và diễn đạt ý tưởng trong các tình huống giao tiếp.	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
26	Viết 1	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về viết từ cấu trúc câu, thể loại câu và các lỗi sai trong viết câu trong tiếng Anh.	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
27	Nghe 2	Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe ở cấp	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		độ Bậc 3.			cuối kỳ 70 %
28	Nói 2	Học phần Nói Tiếng Anh 2 được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng nói theo dạng trả lời các câu hỏi một cách độc lập trong vòng 30 giây đến 1 phút. Người học có thể sử dụng được những chiến thuật nói khác nhau như mở bài, thân bài, kết luận, cách phát triển ý phụ, cách giữ thời gian để suy nghĩ với những chủ đề như ấn tượng đầu tiên, thời tiết, công việc, sở thích, kỳ nghỉ.	2	học kỳ 2	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
29	Đọc 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở trình độ tiền trung cấp. sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung, ý chính của bài đọc và thái độ của tác giả, có khả năng trao đổi thông tin và diễn đạt ý tưởng trong các tình huống giao tiếp.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
30	Viết 2	Học phần nhằm trang bị cho người học kỹ năng Viết bài luận tiếng Anh tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Học phần bao gồm những khái niệm tổng quan về mẫu câu, loại từ, viết các đoạn văn theo những chủ đề khác nhau như miêu tả, thư, câu chuyện, giới thiệu phim nhằm đảm bảo tính thống nhất và mạch lạc trong diễn đạt các ý của một đoạn văn.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
31	Nghe 3	Phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh và sử dụng thành thạo kỹ năng nghe hiểu ở cấp độ trung cấp (intermediate).	2	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
32	Nói 3	Học phần nhằm cung cấp kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng cần thiết để giúp sinh viên có thể giao tiếp tự	2	học kỳ 3	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tin về các chủ đề đã được giới thiệu.			
33	Đọc 3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trung cấp. Sinh viên đọc hiểu nội dung các bài viết về đời sống học đường, cuộc sống thành thị, về văn hoá tiêu dùng, nghề nghiệp, phong cách sống, nghệ thuật thời trang.	2	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
34	Viết 3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng viết đoạn trong tiếng Anh có nội dung liên quan đến cuộc sống hàng ngày.	2	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
35	Nghe 4	Học phần nghe 4 giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ và cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
36	Nói 4	Học phần nhằm cung cấp kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng cần thiết để giúp sinh viên có thể giao tiếp tự tin về các chủ đề đã được giới thiệu.	2	học kỳ 4	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
37	Đọc 4	Sau khi hoàn thành chương trình học này, sinh viên có kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ cao cấp (Advance = C1, theo khung CEFR). Sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung chính các tài liệu chuyên biệt về ngôn ngữ, tư duy trừu tượng, khoa học tự nhiên và thẩm mỹ; và có khả năng diễn đạt, trao đổi thông tin về các vấn đề này. Từng bước nâng cao khả năng nhận thức để ghi nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Đáp ứng được yêu cầu để tiếp tục học các học phần đọc hiểu tiếp theo nhằm đạt chuẩn đầu ra và	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có kiến thức để tham gia các kỳ thi chứng chỉ quốc tế hoặc các kỳ thi tương đương.			
38	Viết 4	Học phần Viết 4 giúp sinh viên có khả năng: - viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau. - viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
39	Nghe tiếng Anh tăng cường	Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng có liên quan đến các chủ điểm về kỳ nghỉ, du lịch, tuổi trẻ, môi trường, văn hóa và xã hội, khoa học công nghệ, con người v.v... và có được những kiến thức về từ vựng và cách sử dụng các cấu trúc câu tiếng Anh dùng trong những tình huống phức tạp.	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
40	Nói tiếng Anh tăng cường	Nắm được các yêu cầu chính về mặt lý thuyết của bài thi nói của 2 kỳ thi đánh giá năng lực ngôn ngữ IELTS và VSTEP.	2	học kỳ 5	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
41	Đọc tiếng Anh tăng cường	Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ nâng cao. Sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung, ý chính của bài đọc và thái độ, ngụ ý của tác giả, có khả năng trao đổi thông tin và diễn đạt ý tưởng trong các tình huống giao tiếp.	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
42	Viết tiếng Anh tăng cường	Trang bị cho sinh viên kiến thức về viết những lá thư thường ngày và những lá thư trong tình huống trang trọng, viết một bài phát biểu, viết một bài báo cáo, viết	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		một tóm tắt, viết một bài bình luận, viết kết quả của điều tra và các bài tập mở rộng theo định hướng thi viết của các kỳ thi quốc tế.			
43	Ngữ pháp ứng dụng	Người học có những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng ứng dụng về từ loại, cụm từ, mệnh đề và cấu trúc câu trong tiếng Anh; nắm được những thuật ngữ và khái niệm để phân tích và giải thích các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung từ loại, cụm từ, mệnh đề và cấu trúc câu trong tiếng Anh.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
44	Luyện âm	Học phần giúp sinh viên luyện âm tiếng Anh, âm khó, âm không tồn tại trong tiếng Việt, các âm nối, âm biến thể, âm đồng hóa, âm dị hóa, âm nhấn, ngữ điệu.	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
45	Biên dịch	Trang bị cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về biên dịch, những kỹ thuật biên dịch cơ bản và nâng cao.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
46	Phiên dịch	Trang bị cho sinh viên kiến thức về các cấp độ và loại hình Phiên dịch, các tiêu chí, quy tắc đạo đức của người phiên dịch, các yêu cầu về kỹ năng, thái độ đối với người làm nghề phiên dịch, kỹ năng, kỹ thuật phiên dịch cần thiết.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
47	Phát triển kỹ năng giao tiếp-thuyết trình	Trang bị cho sinh viên kiến thức về khái niệm và các yếu tố của một bài thuyết trình trước công chúng cũng như 3 thể loại thuyết trình cơ bản, các bước để vượt qua nỗi sợ hãi cũng như 5 thành tố tạo nên một bài thuyết trình thành công và 3 bước quan trọng (3P) để mỗi sinh viên có thể thực hiện được một bài thuyết trình trước công chúng hiệu quả trong vòng 5-7 phút.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Ngữ âm – Âm vị học	Sinh viên có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và ngữ âm-âm vị học; hiểu được quá trình sản sinh lời nói, hoạt động của cơ quan cấu âm; nắm vững đặc thù ngữ âm, âm vị học tiếng Anh, thực hiện đúng giọng điệu và ngữ điệu tiếng Anh trong chuỗi lời nói.	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
49	Ngữ nghĩa học	Sinh viên có kiến thức cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa, các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, các quan hệ ý quan niệm về mệnh đề và cú pháp lôgích, ý nghĩa của câu và của các phát ngôn.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
50	Cú pháp học	Sinh viên có khái niệm cơ bản về câu và cú, phân biệt được câu đơn, câu ghép và câu phức; những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả câu đơn; những khái niệm cơ bản về các thành tố của câu, quan hệ giữa các loại động từ và các kiểu câu; các loại cú: độc lập và chính phụ ở cấp độ ngữ và cú.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
51	Văn học Anh	Sinh viên có hiểu biết tổng thể về nền văn học Anh, những trào lưu tư tưởng và những xu thế văn học qua các thời kỳ lịch sử- xã hội; có nhận thức và cảm thụ một số tác phẩm văn học Anh nổi tiếng thế giới với giá trị tư tưởng và tính giáo dục cao	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
52	Đất nước học Anh – Mỹ	Sinh viên được cung cấp những hiểu biết về đất nước, con người và đời sống xã hội của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
53	Ngữ dụng học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngữ dụng học như: chỉ tố (Deixis), chỉ xuất (Reference), tiền giả	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		định (Presupposition), hàm ngôn (Implicature), lời rào đón (Hedges), hành vi ngôn ngữ (Speech acts), phép lịch sự trong hội thoại (Politeness).			
54	Phân tích diễn ngôn	Trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm về diễn ngôn, và kỹ thuật phân tích diễn ngôn.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
55	Ngôn ngữ học đối chiếu	Cung cấp cho người học công cụ về mặt lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ. Từ đó hiểu sâu hơn về 2 ngôn ngữ để có thể ứng dụng trong giảng dạy và biên soạn tài liệu phục vụ chuyên môn	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
56	Giao văn hóa	Trang bị cho sinh viên kiến thức về sự khác biệt cơ bản về văn hóa trong giao tiếp giữa văn hóa Hoa Kỳ và một số nền văn hóa khác trong đó có Việt Nam. Đồng thời môn học này cũng nhằm giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng và mối liên hệ giữa kiến thức về văn hóa của các nền văn hóa khác nhau với việc học và sử dụng tiếng Anh.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
57	Ngôn ngữ xã hội học	Trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm về phương ngữ, xã hội ngữ, ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), mối quan hệ giữa ngôn ngữ và truyền thông, mối quan hệ tương hỗ giữa ngôn ngữ và các yếu tố xã hội (như tuổi tác, giới tính, thành phần dân tộc, nghề nghiệp)	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
58	Lý luận giảng dạy Tiếng Anh	Sinh viên nắm được các phương pháp luận dạy tiếng và học tiếng, bản chất của quá trình dạy học; các cơ sở nguyên tắc dạy tiếng và học tiếng; quá trình học tiếng và những yếu tố tác động của quá trình học tiếng; bốn phương pháp giảng dạy cơ bản, những ưu và nhược điểm, và ứng dụng vào tình hình học tiếng trong điều	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiện ở Việt Nam; phương pháp dạy tiếng theo các trình độ và lứa tuổi đồng thời giới thiệu bối cảnh và tình huống lựa chọn tiếng để dạy trong các viện trường và các công sở.			
59	Giảng dạy lồng ghép 4 kỹ năng	Sinh viên nắm được các thuật ngữ phổ biến trong phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, các phần trong một bài dạy tiếng, cách thức luyện tập có ý nghĩa, cách hướng dẫn thực hiện các hoạt động học tập một cách dễ hiểu, các thủ thuật dạy phát âm, từ vựng, ngữ pháp, cách dạy lồng ghép các thành tố và kỹ năng ngôn ngữ.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
60	Quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ	Sinh viên hiểu được trang bị kiến thức về sử dụng giáo cụ trực quan trong giảng dạy tiếng Anh, sử dụng bảng phân, sử dụng các kỹ thuật kích lệ người học phát biểu xây dựng bài, sửa lỗi cho người học, tổ chức hoạt động theo cặp và nhóm.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
61	Thiết kế giáo án dạy học ngoại ngữ	Trang bị cho sinh viên ngành sư phạm kiến thức về phương pháp soạn giáo án và thực hiện giáo án giảng dạy tiếng Anh cấp trung học phổ thông	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
62	Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và cách tiến hành kiểm tra đánh giá kỹ năng và các yếu tố ngôn ngữ trong lĩnh vực ngôn ngữ.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
63	Rèn luyện nghiệp vụ SP thường xuyên	Sinh viên được trang bị các kỹ năng và kỹ thuật đứng lớp thực tế cần thiết cho việc giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ, kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy qua việc thực hành soạn giáo án và tập giảng.	1	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
64	Kiến tập sư phạm	Giúp cho sinh viên tiếp cận thực tế dạy học, giáo dục, và rèn luyện tay nghề ở trường phổ thông.	2	học kỳ 5	Thực hành tại trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					THPT
65	Phát triển nghiệp vụ	Trang bị cho sinh viên các nhận thức về vai trò và mục đích của hoạt động phát triển nghiệp vụ trong dạy học ngoại ngữ, định hướng cho sinh viên tiếp cận các phương pháp phát triển nghiệp vụ, tự học tập nghiên cứu nâng cao trình độ trong quá trình thực hành giảng dạy ngoại ngữ.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
66	Phát triển tài liệu	Trang bị cho sinh viên kiến thức về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu bổ trợ, mục tiêu và các nguyên tắc trong lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu bổ trợ, mục tiêu và các kỹ thuật trong điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu bổ trợ, các nguyên tắc và phương pháp lựa chọn và/ hoặc điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn để đáp ứng việc thực hiện chương trình đào tạo.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
67	Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản, vai trò và mục đích ứng dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ, định hướng cho sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông gắn với phương pháp dạy học trong dạy học ngoại ngữ.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
68	Thực tập sư phạm	Giúp cho sinh viên tiếp cận thực tế thực hành dạy học, làm công tác giáo dục, và rèn luyện tay nghề ở trường phổ thông.	2	học kỳ 8	Thực hành tại trường THPT
69	Khóa luận tốt nghiệp		2	học kỳ 8	Tự luận, cuối kỳ 100%
70	Chuyên đề tốt nghiệp		2	học kỳ 8	Tự luận, cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					100%
71	Hình thái học	Trang bị cho sinh viên kiến thức về hình vị của từ, các loại từ và các phương thức cấu tạo từ ở tiếng Anh.	2	học kỳ 8	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70%
72	Giảng dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	Trang bị cho sinh viên kiến thức về các đặc điểm của những mô hình, biến thể về từ vựng, phát âm, hình thái, cú pháp, chính tả,... của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ, những kỹ năng cần thiết để lựa chọn mô hình, biến thể tiếng Anh phù hợp để làm khuôn mẫu, áp dụng trong việc dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ hoặc một ngôn ngữ thứ hai, các công cụ, các hoạt động, các kỹ thuật giảng dạy mà người học có thể vận dụng trong những môi trường giảng dạy đa dạng, có tính quốc tế trong tương lai.	2	học kỳ 8	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70%
73	Lý luận giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em	Sinh viên hiểu thêm về tính cách của trẻ em khi học Tiếng Anh, được trang bị thêm kiến thức về mặt phương pháp giảng dạy Tiếng Anh phù hợp cho trẻ em.	2	học kỳ 8	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
74	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp.	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
75	Nguyên lý cơ bản 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu, có hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ	3	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghĩa và về chủ nghĩa xã hội.			
76	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i> tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
77	Đường lối CM của Đảng Cộng sản VN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

36. Ngôn ngữ Anh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Dẫn luận ngôn ngữ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức thiết yếu về lí luận ngôn ngữ học và những khái niệm cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp...)	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 15%, cuối kỳ 85 %
2	Kỹ năng mềm	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
3	Khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức và	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 20%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ năng để sau khi học xong có thể biết cách sáng tạo ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ trước khi vận hành một doanh nghiệp mới ở bất kỳ ngành nghề nào mà luật pháp cho phép. Người học cũng biết cách điều hành doanh nghiệp mới tạo lập hoạt động hiệu quả, đánh giá sự phù hợp của phương án khởi nghiệp trước những thay đổi của môi trường cạnh tranh toàn cầu đầy biến động từ đó có phương án điều chỉnh.			cuối kỳ 80 %
4	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Người học cần nắm được khát quai về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
6	Xã hội học đại cương	Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Lịch sử Việt Nam đại cương	Mô tả được tiến trình lịch sử dân tộc qua các thời kì lịch sử (Việt Nam thời nguyên thủy, cổ - trung đại, cận – hiện đại) và các nội dung chủ yếu của từng thời kì lịch sử. Hiểu được các quy luật lịch sử và biết vận dụng các quy luật đó trong nhận thức, học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
8	Lịch sử văn minh thế giới	Đạt những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm văn hoá, văn minh, nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời đại.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 20%, cuối kỳ 80 %
9	Tiếng Pháp 1	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Sinh viên có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng pháp.	4	học kỳ 3	Trắc nghiệm thi trên máy ba kỹ năng nghe, đọc, viết. Vấn đáp môn nói Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
10	Tiếng Pháp 2	Chuẩn bị cho sinh viên những nền tảng kiến thức ngôn ngữ vững chắc nhất để có thể giao tiếp bằng tiếng Pháp trong những tình huống giao tiếp hằng ngày từ đơn giản đến phức tạp. Đặc biệt, học phần có mục tiêu trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp và kiến thức văn hóa văn minh trong giao tiếp và ứng xử. Mục tiêu cơ bản của học phần là phát triển và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp.	3	học kỳ 4	Trắc nghiệm thi trên máy ba kỹ năng nghe, đọc, viết. Vấn đáp môn nói Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
11	Tiếng Pháp 3	Cho phép người học đối diện với các tình huống giao tiếp phong phú đa dạng hơn, với các địa điểm diễn ra	3	học kỳ 5	Trắc nghiệm thi trên máy ba kỹ năng nghe,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tình huống, với các nhân vật giao tiếp cũng như các hoạt động giao tiếp và chủ đề giao tiếp. - Người học đạt được những phương tiện ngôn ngữ ở trình độ trung cấp. - Phát triển các kỹ năng hiểu và diễn đạt nói, viết cũng như các kỹ năng học tập ngoại ngữ - Người học lĩnh hội được những kiến thức và hành vi văn hóa văn minh cần thiết trong cuộc sống tại Pháp. Với những mục tiêu kể trên, người học có thể đạt được trình độ tương đương Bậc 2 theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 Bậc dùng cho Việt Nam.			đọc, viết. Vấn đáp môn nói Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
12	Tiếng Pháp 4	- Cho phép người học đối diện với các tình huống giao tiếp phong phú đa dạng hơn, với các địa điểm diễn ra tình huống, với các nhân vật giao tiếp cũng như các hoạt động giao tiếp và chủ đề giao tiếp. - Người học đạt được những phương tiện ngôn ngữ ở trình độ cao cấp. - Phát triển các kỹ năng hiểu và diễn đạt nói, viết cũng như các kỹ năng học tập ngoại ngữ - Người học lĩnh hội được những kiến thức và hành vi văn hóa văn minh cần thiết trong cuộc sống tại Pháp. Với những mục tiêu kể trên, người học có thể đạt được trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 Bậc dùng cho Việt Nam.	3	học kỳ 6	Trắc nghiệm thi trên máy ba kỹ năng nghe, đọc, viết. Vấn đáp môn nói Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
13	Tin học đại cương	Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word	2	học kỳ 1	Thi thực hành trên máy tính Tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel.			
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên cần nắm được và thực hành tốt các nội dung sau đây: - các thuật ngữ phổ biến trong nghiên cứu khoa học - các giai đoạn trong tiến trình nghiên cứu - cách tổng quan tài liệu - các phương pháp nghiên cứu - cách tiến hành điều tra - cách phân tích dữ liệu cách viết báo cáo	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
15	Giáo dục thể chất 1	Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy, hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy.	1	học kỳ 1	CC
16	Giáo dục thể chất 2	Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền, tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống.	1	học kỳ 2	CC
17	Giáo dục thể chất 3	Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên. Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá. Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện.	1	học kỳ 3	CC
18	Đường lối quốc phòng - an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Công tác quốc phòng và an ninh	Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo.	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
20	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK)và sử dụng lựu đạn	Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng, bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản, vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả.	3	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
21	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.	1	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
22	Nghe 1	Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe từ trình độ Bậc 2 lên Bậc 3	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
23	Nói 1	Học phần nói 1 được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng nói theo dạng hội thoại. Người học có thể sử dụng được những chiến thuật nói khác nhau như bắt đầu cuộc nói chuyện (ice-breaking), đặt câu hỏi (questioning), trả lời câu hỏi	2	học kỳ 1	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(answering), chuyển lượt (giving turn), lấy lượt nói (turn-taking) với các chủ đề cơ bản hàng ngày như gia đình, bạn bè, sở thích, du lịch, mua sắm.			
24	Đọc 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở trình độ tiền trung cấp. sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung, ý chính của bài đọc và thái độ của tác giả, có khả năng trao đổi thông tin và diễn đạt ý tưởng trong các tình huống giao tiếp.	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
25	Viết 1	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về viết từ cấu trúc câu, thể loại câu và các lỗi sai trong viết câu trong tiếng Anh.	2	học kỳ 1	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
26	Nghe 2	Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe ở cấp độ Bậc 3.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
27	Nói 2	Học phần Nói Tiếng Anh 2 được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng nói theo dạng trả lời các câu hỏi một cách độc lập trong vòng 30 giây đến 1 phút. Người học có thể sử dụng được những chiến thuật nói khác nhau như mở bài, thân bài, kết luận, cách phát triển ý phụ, cách giữ thời gian để suy nghĩ với những chủ đề như ấn tượng đầu tiên, thời tiết, công việc, sở thích, kỳ nghỉ.	2	học kỳ 2	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
28	Đọc 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở trình độ tiền trung cấp. sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung, ý chính của bài đọc và thái độ của tác giả, có khả năng trao đổi	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông tin và diễn đạt ý tưởng trong các tình huống giao tiếp.			
29	Viết 2	Học phần nhằm trang bị cho người học kỹ năng Viết bài luận tiếng Anh tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Học phần bao gồm những khái niệm tổng quan về mẫu câu, loại từ, viết các đoạn văn theo những chủ đề khác nhau như miêu tả, thư, câu chuyện, giới thiệu phím nhằm đảm bảo tính thống nhất và mạch lạc trong diễn đạt các ý của một đoạn văn.	2	học kỳ 2	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
30	Nghe 3	Phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh và sử dụng thành thạo kỹ năng nghe hiểu ở cấp độ trung cấp (intermediate).	2	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
31	Nói 3	Học phần nhằm cung cấp kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng cần thiết để giúp sinh viên có thể giao tiếp tự tin về các chủ đề đã được giới thiệu.	2	học kỳ 3	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
32	Đọc 3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trung cấp. Sinh viên đọc hiểu nội dung các bài viết về đời sống học đường, cuộc sống thành thị, về văn hoá tiêu dùng, nghề nghiệp, phong cách sống, nghệ thuật thời trang.	2	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
33	Viết 3	Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng viết đoạn trong tiếng Anh có nội dung liên quan đến cuộc sống hàng ngày.	2	học kỳ 3	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
34	Nghe 4	Học phần nghe 4 giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ và cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Anh.			
35	Nói 4	Học phần nhằm cung cấp kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng cần thiết để giúp sinh viên có thể giao tiếp tự tin về các chủ đề đã được giới thiệu.	2	học kỳ 4	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
36	Đọc 4	Sau khi hoàn thành chương trình học này, sinh viên có kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ cao cấp (Advance = C1, theo khung CEFR). Sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung chính các tài liệu chuyên biệt về ngôn ngữ, tư duy trừu tượng, khoa học tự nhiên và thẩm mỹ; và có khả năng diễn đạt, trao đổi thông tin về các vấn đề này. Từng bước nâng cao khả năng nhận thức để ghi nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Đáp ứng được yêu cầu để tiếp tục học các học phần đọc hiểu tiếp theo nhằm đạt chuẩn đầu ra và có kiến thức để tham gia các kỳ thi chứng chỉ quốc tế hoặc các kỳ thi tương đương.	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
37	Viết 4	Học phần Viết 4 giúp sinh viên có khả năng: - viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau. - viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.	2	học kỳ 4	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
38	Nghe tiếng Anh tăng cường	Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng có liên quan đến các chủ điểm về kỳ nghỉ, du lịch, tuổi trẻ, môi trường, văn hóa và xã hội, khoa học công nghệ, con người v.v... và có được những kiến thức về từ vựng và cách sử dụng các cấu trúc câu tiếng Anh dùng trong những tình huống	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phức tạp.			
39	Nói tiếng Anh tăng cường	Nắm được các yêu cầu chính về mặt lý thuyết của bài thi nói của 2 kỳ thi đánh giá năng lực ngôn ngữ IELTS và VSTEP.	2	học kỳ 5	Vấn đáp, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
40	Đọc tiếng Anh tăng cường	Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ nâng cao. Sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung, ý chính của bài đọc và thái độ, ngụ ý của tác giả, có khả năng trao đổi thông tin và diễn đạt ý tưởng trong các tình huống giao tiếp.	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
41	Viết tiếng Anh tăng cường	Trang bị cho sinh viên kiến thức về viết những lá thư thường ngày và những lá thư trong tình huống trang trọng, viết một bài phát biểu, viết một bài báo cáo, viết một tóm tắt, viết một bài bình luận, viết kết quả của điều tra và các bài tập mở rộng theo định hướng thi viết của các kỳ thi quốc tế.	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
42	Luyện âm	Học phần giúp sinh viên luyện âm tiếng Anh, âm khó, âm không tồn tại trong tiếng Việt, các âm nối, âm biến thể, âm đồng hóa, âm dị hóa, âm nhấn, ngữ điệu.	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
43	Ngữ âm – Âm vị học	Sinh viên có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và ngữ âm-âm vị học; hiểu được quá trình sản sinh lời nói, hoạt động của cơ quan cấu âm; nắm vững đặc thù ngữ âm, âm vị học tiếng Anh, thực hiện đúng giọng điệu và ngữ điệu tiếng Anh trong chuỗi lời nói.	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
44	Ngữ nghĩa học	Sinh viên có kiến thức cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa, các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, các quan hệ ý quan niệm về mệnh đề và cú	2	học kỳ 5	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp lôgích, ý nghĩa của câu và của các phát ngôn.			
45	Cú pháp học	Sinh viên có khái niệm cơ bản về câu và cú, phân biệt được câu đơn, câu ghép và câu phức; những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả câu đơn; những khái niệm cơ bản về các thành tố của câu, quan hệ giữa các loại động từ và các kiểu câu; các loại cú: độc lập và chính phụ ở cấp độ ngữ và cú.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
46	Văn học Anh- Mỹ	Sinh viên có hiểu biết về sự phát triển của nền văn học Anh - Mỹ, hiểu được xã hội và thời đại nước Anh - Mỹ qua các tác phẩm văn học. Đồng thời củng cố vốn từ đã học, tăng cường vốn từ văn học để có thể đọc và hiểu được ngôn ngữ tác phẩm nguyên bản, biết phân tích và đánh giá tác phẩm, tác giả. Qua môn học này, sinh viên rèn luyện khả năng cảm thụ văn học. Từ đó càng hiểu và yêu mến văn học nước nhà và văn học thế giới.	4	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
47	Ngữ dụng học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học tiếng Anh, phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh sau khi ra trường.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
48	Phân tích diễn ngôn	Trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm về diễn ngôn, và kỹ thuật phân tích diễn ngôn.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
49	Ngữ pháp ứng dụng	Người học có những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng ứng dụng về từ loại, cụm từ, mệnh đề và cấu trúc câu trong tiếng Anh; nắm được những thuật ngữ và khái niệm để phân tích và giải thích các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung từ loại, cụm từ, mệnh đề và cấu trúc câu trong tiếng Anh.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
50	Ngôn ngữ học đối chiếu	Cung cấp cho người học công cụ về mặt lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ. Từ đó	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiểu sâu hơn về 2 ngôn ngữ để có thể ứng dụng trong giảng dạy và biên soạn tài liệu phục vụ chuyên môn			cuối kỳ 70 %
51	Giao văn hóa	Trang bị cho sinh viên kiến thức về sự khác biệt cơ bản về văn hóa trong giao tiếp giữa văn hóa Hoa Kỳ và một số nền văn hóa khác trong đó có Việt Nam. Đồng thời môn học này cũng nhằm giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng và mối liên hệ giữa kiến thức về văn hóa của các nền văn hóa khác nhau với việc học và sử dụng tiếng Anh.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
52	Hình thái học	Trang bị cho sinh viên kiến thức về hình vị của từ, các loại từ và các phương thức cấu tạo từ ở tiếng Anh.	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
53	Ngôn ngữ xã hội	Trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm về phương ngữ, xã hội ngữ, ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), mối quan hệ giữa ngôn ngữ và truyền thông, mối quan hệ tương hỗ giữa ngôn ngữ và các yếu tố xã hội (như tuổi tác, giới tính, thành phần dân tộc, nghề nghiệp)	2	học kỳ 7	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %
54	Phiên dịch 1	Người học có những kiến thức cơ bản về các loại hình phiên dịch và các kỹ thuật trong phiên dịch; tăng cường vốn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, thuật ngữ về các chủ đề sức khỏe, giáo dục và môi trường. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	học kỳ 5	Tự luận, cuối kỳ 100 %
55	Biên dịch 1	Sau khi học xong học phần Biên dịch 1, sinh viên có khả năng: - nắm được những kiến thức cơ bản về biên dịch, những kỹ thuật phân tích và biên dịch bước đầu	2	học kỳ 5	Tự luận, cuối kỳ 100 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- biên dịch được các tài liệu dưới dạng văn bản viết đơn giản trong các ngữ cảnh quen thuộc.			
56	Phiên dịch 2	Người học có những kiến thức cơ bản về các loại hình phiên dịch và các kỹ thuật trong phiên dịch; tăng cường vốn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, thuật ngữ về các chủ đề sức khỏe, giáo dục và môi trường. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	học kỳ 6	Tự luận, tích lũy 30%, cuối kỳ 70 %

VI. Khoa Chăn nuôi – Thú y

37. Chăn nuôi (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán B	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.			Thi kết thúc học phần: 70%
4	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Triết học Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này chính là giai cấp công nhân	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			70%
8	Xác suất - Thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Hóa học đại cương 2	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Thực hành hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm hoá học giúp SV không chuyên ngành hóa học hiểu sâu sắc thêm phần lý thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật di chuyển chuyển bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.			
13	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	<i>Đường lối QS của Đảng</i>	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
16	<i>Công tác quốc phòng AN</i>	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.			thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
17	<i>Quân sự chung và Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</i>	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
18	Tiếng Anh 3	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
19	Tư tưởng HCM	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.			Thi kết thúc học phần: 70%
20	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng đá (kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng đá.	1	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Lịch sử ĐCSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
24	Động vật học	Giúp sinh viên nắm được tổng quan về thế giới động vật hiện nay.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu biết những đặc điểm cơ bản về phân loại, giải phẫu, sinh sản, vòng đời,... làm nền tảng cơ bản để tiếp nhận kiến thức về sinh lý, sinh hoá, giải phẫu, ký sinh trùng học.			70%
25	Sinh học phân tử trong CNTY	Cung cấp kiến thức về cấu trúc và chức năng của các đại phân tử, chủ yếu là protein và axit nucleic, nghiên cứu sinh học phân tử một số quá trình sống như tổng hợp và phân giải các chất, phiên mã và dịch mã, các quá trình cơ bản xảy ra ở mức phân tử liên quan đến protein và axit nucleic; đề cập đến một số phản ứng in vitro liên quan đến axit nucleic, làm cơ sở cho các kỹ thuật di truyền ứng dụng trong thực tế, các công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh vật. - Phân tích, giải thích các hiện tượng, cơ chế ở mức độ phân tử của quá trình sinh học cơ bản của tế bào liên quan đến 2 hợp chất quan trọng là acid nucleic và protein; làm cơ sở để vận dụng vào các kỹ thuật chẩn đoán phân tử trong chăn nuôi, thú y	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
26	Động vật hoang dã	Giúp sinh viên nắm được và phân loại được các lớp động vật hoang dã hiện nay. Giúp sinh viên hiểu được vai trò của động vật hoang dã về giá trị bảo tồn, giá trị kinh tế, thức ăn, dược liệu, giáo dục, nghiên cứu khoa học và là mắc xích trong vòng tuần hoàn vật chất tự nhiên. Hiểu được những tác động gây hại cho con người như dịch bệnh, côn trùng gây hại.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
27	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Giải phẫu động vật 1	Nắm vững những kiến thức về vị trí, hình thái, cấu tạo, chức năng, hoạt động của Bộ xương; Hệ cơ; Hệ Tiêu hóa; Hệ Hô hấp; Hệ Niệu sinh dục, Hệ Tim mạch; Hệ Thần kinh; Tuyến nội tiết; Cơ quan cảm giác của gia súc và Gia cầm. Có khả năng vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo khối kiến thức đã học vào thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Tổ chức phôi thai	Nắm được cấu tạo vi thể , hình thái bình thường, cách sắp xếp các loại, bộ máy trong cơ thể gia súc và gia cầm. Nắm được mối liên hệ giữa đặc điểm cấu tạo và chức năng mà nó đảm nhiệm. Hiểu những ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của tổ chức và phôi thai Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học và quan sát được các tổ chức, bộ phận trong cơ thể động vật	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
30	Sinh hoá động vật	Nắm vững cấu tạo và tính chất của các hợp chất cấu tạo nên cơ thể sống; sự chuyển hóa của các hợp chất cũng như mối liên quan giữa quá trình chuyển hóa các hợp chất trong cơ thể động vật. Từ đó, hiểu được cơ chế các bệnh liên quan đến trao đổi chất và đưa ra các hướng giải quyết.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Sinh lý động vật	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp về sinh lý động vật bao gồm: sinh lý học các cơ quan chức năng và hệ thống điều khiển...: - Làm cơ sở cho tất cả các môn học chuyên ngành Cơ sở khoa học để ứng dụng nâng cao hiệu quả chăn nuôi	4	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
32	Di truyền học động vật	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị ở sinh vật: cơ sở vật chất của di truyền,	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		di truyền quần thể, di truyền số lượng, di truyền ngoài NST, biến dị,...để người học có thể ứng dụng các kiến thức cơ bản của di truyền nói chung và di truyền động vật nói riêng trong chọn lọc, lai tạo, cải tiến, nhân giống và chăm sóc sức khỏe vật nuôi.			70%
33	Dinh dưỡng động vật	Cung cấp các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng động vật bao gồm các chất dinh dưỡng trong thức ăn, sự trao đổi các chất dinh dưỡng trong cơ thể, phương pháp đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng động vật và phương pháp đáp ứng nhu cầu của vật nuôi.	2	Học kỳ 6	Điểm đánh giá bài thu hoạch 1 bài: 100 %
34	Sinh lý bệnh thú y	Hiểu và vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để phân tích triệu chứng các bệnh làm cơ sở chẩn đoán bệnh và đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Miễn dịch học thú y	Nắm được những kiến thức cơ bản về miễn dịch học: Khái niệm về miễn dịch, phân loại miễn dịch, miễn dịch không đặc hiệu, miễn dịch đặc hiệu, sai lệch miễn dịch và miễn dịch bệnh lý Giới thiệu đặc tính sinh học của các loài vi sinh vật chủ yếu gây ra các bệnh truyền nhiễm cho vật nuôi, các phương pháp chẩn đoán và phòng trị bệnh	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
36	Chọn lọc và nhân giống vật nuôi	Nắm được các kiến thức về khả năng thích nghi của gia súc, các kiến thức về ngoại hình, thể chất, sức sản xuất của gia súc, chọn lọc gia súc làm giống, nhân giống gia súc và hệ thống quản lý giống gia súc áp dụng trong chăn nuôi. Sử dụng thành thạo các phương pháp đánh giá ngoại hình, thể chất, sức sản xuất, các trang thiết bị đánh giá chất lượng thịt, chất lượng sữa, các phần mềm tính toán	2	Học kỳ 6	Điểm đánh giá phần thực hành: 70% Điểm chuyên cần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giá trị giống			
37	Sản khoa gia súc	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sinh lý sinh sản để ứng dụng trong phân kỹ thuật sinh sản nhằm chủ động điều khiển hoạt động sinh sản theo ý muốn và chủ động phòng cũng như điều trị các bệnh sinh sản ở gia súc	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Truyền tinh, truyền phôi	- Giúp nắm bắt được các kiến thức cơ bản của công tác gieo tinh nhân tạo - Trạng bị những kiến thức và kỹ thuật cơ bản của phẩm chất tinh dịch - Biết cách tính toán phân liều tinh dịch, pha chế và bảo tồn tinh dịch - Sinh viên có thể kiểm tra được các chỉ tiêu cơ bản của phẩm chất tinh dịch	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
39	Vi sinh vật chăn nuôi	Biết rõ nguồn gốc, tác dụng của vi sinh vật trong cơ thể động vật, trong các sản phẩm chăn nuôi để đề ra biện pháp phòng bệnh và bảo quản các sản phẩm chăn nuôi một cách có hiệu quả. Đồng thời lợi dụng tác dụng có lợi của một số nhóm vi sinh vật vào việc tổng hợp, chế biến và bảo quản thức ăn cho gia súc Vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào việc chế biến, bảo quản thức ăn cho gia súc, bảo quản các sản phẩm chăn nuôi...	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Vệ sinh thú y	Biết vai trò, đặc điểm của tiêu khí hậu chuồng nuôi đối với khả năng sinh trưởng, sức khỏe và khả năng sản xuất của vật nuôi. Từ đó, vận dụng các biện pháp vệ sinh thú y nhằm tạo ra tiêu khí hậu tốt, góp phần bảo vệ sức khỏe vật nuôi, nâng cao hiệu quả sản xuất.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Thức ăn và cây thức ăn chăn nuôi	Cung cấp kiến thức cơ bản về thức ăn chăn nuôi và đồng cỏ bao gồm đặc điểm các loại thức ăn, phương pháp chế biến, một số công nghệ chế biến và kỹ thuật trồng, quản lý và sử dụng cây thức ăn xanh chăn nuôi	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
42	Chăn nuôi Trâu bò	Học sinh nắm được các kiến thức chuyên về giống, dinh dưỡng, thức ăn và kỹ thuật nuôi dưỡng các loại trâu bò khác nhau. Sau khi học, sinh viên có thể áp dụng kiến thức nhằm nâng cao năng suất trâu bò và kinh doanh có hiệu quả	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Chăn nuôi Lợn	Nắm vững được kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại lợn Vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào việc chăm sóc nuôi dưỡng các loại lợn	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Chăn nuôi Gia cầm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về đặc điểm sinh học và sản xuất chủ yếu của gia cầm, dinh dưỡng và thức ăn, các phương thức chăn nuôi và vệ sinh phòng bệnh gia cầm. Từ đó người học có thể vận dụng kiến thức chuyên ngành vào sản xuất gia cầm trong cơ chế thị trường hiện nay	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Bảo quản và chế biến sản phẩm động vật	Giúp sinh viên nắm vững những khái niệm cơ bản về môn học. Hiểu bản chất các phản ứng hoá học xảy ra trong quá trình bảo quản và chế biến sản phẩm động vật. Hiểu bản chất của các qui trình sản xuất các sản phẩm chăn nuôi: Trứng, thịt, sữa,...	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Tập tính và quyền lợi động vật	Cung cấp cho sinh viên ngành chăn nuôi thú y các kiến thức cơ bản về tập tính của động vật, kỹ năng nghiên cứu tập tính và khả năng ứng dụng các tập tính vào thực	2	Học kỳ 7	Điểm đánh giá bài thu hoạch 1 bài: 100 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tế chăn nuôi và thú y.			
47	Độc chất học thú y	Biết các loại và cơ chế gây hại của một số chất độc thường gặp trong chăn nuôi, thú y. Từ đó có biện pháp hữu hiệu nhằm hạn chế ảnh hưởng và tác hại của các loại chất độc.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Quản lý chất lượng thức ăn	Cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về ý nghĩa của việc đánh giá chất lượng thức ăn và các hệ thống tổ chức đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi ở nước ta Kỹ năng vận dụng các kiến thức vào việc nghiên cứu các học phần chuyên khoa, nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Bệnh dinh dưỡng	Cung cấp kiến thức cơ bản về bệnh dinh dưỡng bao gồm bệnh do thiếu , thừa chất dinh dưỡng, bệnh do rối loạn trao đổi chất dinh dưỡng,.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
50	Bệnh động vật hoang dã (Tiếng Anh)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về công tác thú y trong phòng và trị một số bệnh thường xảy ra trong chăn nuôi động vật hoang dã có xu thế thuần hóa và chăn nuôi với quy mô trang trạiquản lý, tay nghề về công tác chăm sóc nuôi dưỡng và công tác vệ sinh phòng bệnh động vật hoang dã phù hợp với thị trường hiện nay	2	Học kỳ 7	Điểm viết báo cáo thu hoạch kết thúc học phần: 80 % Điểm chuyên cần : 20 %
51	Chăn nuôi dê, cừu	Học sinh nắm được các kiến thức chuyên về giống, dinh dưỡng, thức ăn và kỹ thuật nuôi dưỡng các loại dê, cừu khác nhau. Sau khi học, sinh viên có thể áp dụng kiến thức nhằm nâng cao năng suất dê, cừu và kinh doanh có hiệu quả	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Chăn nuôi động vật cảnh	Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về chăn nuôi động vật cảnh và kỹ năng vận dụng vào	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu các môn học chuyên khoa và trong thực tiễn.			70%
53	Quản lý trại chăn nuôi	Nắm chắc phần lý thuyết về các bước xây dựng nên một chuồng trại cụ thể (chuồng cho bò thịt, bò sữa, heo, gà) và sau đó biết cách bố trí cơ cấu đàn như thế nào cho phù hợp với diện tích, số lượng đàn, loại hình chăn nuôi trong một trang trại cụ thể nhằm mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	Pháp lệnh về chăn nuôi	Giúp cho sinh viên nắm được những qui định chung, hiểu rõ hiệu lực của quản lý nhà nước về chăn nuôi và vận dụng đúng trong hoạt động chăn nuôi.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
55	Phương pháp NC KH	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khoa học với các cách tiếp cận, phân loại, các sản phẩm đặc trưng của nghiên cứu khoa học, phát hiện vấn đề nghiên cứu, làm được đề cương và thực hiện một đề tài khoa học cụ thể cũng như viết, trình bày báo cáo đề tài khoa học có sự hướng dẫn của giảng viên.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Thiết kế thí nghiệm	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên về cách thức thiết kế một nghiên cứu khoa học và biết vận dụng một số phần mềm tin học để xử lý các thông tin thu thập được trong quá trình tiến hành nghiên cứu để đưa ra kết luận	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Thực tập rèn nghề CN thú y	Thông qua học phần giúp học viên củng cố các kiến thức đã được trang bị, nắm bắt được các yêu cầu thực tế của chăn nuôi tại cơ sở Biết vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào thực tế sản xuất nhằm góp phần phát triển chăn nuôi	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Thực tập giáo trình CN TY	Nâng cao được khả năng giao tiếp, ứng xử của học viên Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế sản xuất nhằm góp phần phát triển chăn nuôi	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Ngoại khoa Thú y 1	- Các nguyên tắc: cố định, tổ chức phẫu thuật, kết nối mô bào, đề phòng nhiễm trùng, gây tê, gây mê, cầm máu, băng bó, hộ lý chăm sóc sau phẫu thuật - Các phương pháp: cố định, tổ chức phẫu thuật, kết nối mô bào, đề phòng nhiễm trùng, gây tê, gây mê, cầm máu, băng bó, hộ lý chăm sóc sau phẫu thuật; các phương pháp phẫu thuật hernia, thiến con đực, cắt ngón, cắt đuôi, cưa sừng. - Thực hành thành thạo các phương pháp kết nối mô bào, các phương pháp cầm máu, gây tê, gây mê và các phẫu thuật chuyên biệt.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
60	Bệnh Nội khoa Thú y 1	Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về đại cương học nội khoa. Hiểu và nhận biết được các bệnh nội khoa xảy ra ở các cơ quan, hệ thống trong cơ thể gia súc.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Bệnh truyền nhiễm ĐV 1	- Giúp sinh viên nắm được những nguyên nhân và cơ chế tác động gây nên bệnh truyền nhiễm trên động vật. - Sinh viên hiểu được quá trình phát sinh dịch và từ đó biết áp dụng các phương pháp trên các đối tượng liên quan nhằm ngăn chặn, xử lý bệnh truyền trên động vật. Sinh viên chẩn đoán được và áp dụng các biện pháp phòng và chống một số bệnh truyền nhiễm trên các loài	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động vật.			
62	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	Người học biết được cơ sở giết mổ tiêu chuẩn, quy trình kiểm tra động vật trước và sau giết mổ, cách xử lý động vật và thân thịt mắc bệnh theo quy định của nhà nước.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
63	Ký sinh trùng thú y 1		2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
64	Khuyến nông	Giúp sinh viên định nghĩa được khuyến nông là gì; nắm được những kiến thức cơ bản của công tác khuyến nông; vai trò, nhiệm vụ của khuyến nông viên cơ sở. Hiểu biết được các tổ chức khuyến nông, nắm được nhiệm vụ của khuyến nông các cấp, các phương pháp khuyến nông.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Cơ khí chăn nuôi	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về: Động cơ đốt trong; các loại máy điện và phụ tải thông dụng; Máy chế biến thức ăn gia súc và trang thiết bị cung cấp nước, dọn phân chuồng trại.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Trồng trọt cơ bản	Nắm được những kiến thức cơ bản về các điều kiện và yêu cầu để cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt nhằm bố trí cây trồng phù hợp trên các loại đất khác nhau	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Xây dựng và quản lý dự án	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xây dựng, lập kế hoạch thực thi, giám sát và đánh giá dự án phát triển.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
68	Khí tượng NN	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về bản chất vật lý, quy luật hình thành, phát triển, diễn biến của các yếu tố khí tượng, khí hậu, thủy văn, mối quan hệ ảnh hưởng của các yếu tố trên đến cây trồng cũng như các giải	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp sử dụng hợp lý chúng trong sản xuất.			
69	Hệ thống nông nghiệp	Giúp cho sinh viên có quan điểm hệ thống trong nghiên cứu và phát triển nông nghiệp; tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu hệ thống nông nghiệp; nắm bắt những nguyên lý chung về phát triển nông nghiệp bền vững trên quan điểm hệ thống. Có kỹ năng trong nghiên cứu và phát triển nông nghiệp; tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu hệ thống nông nghiệp; nắm bắt những nguyên lý chung về phát triển nông nghiệp bền vững trên quan điểm hệ thống.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
70	Kinh tế QTKD chăn nuôi	Nắm được các kiến thức về kinh tế, quản trị kinh doanh nói chung và trong ngành chăn nuôi nói riêng Áp dụng được trong các tình huống thực tiễn	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Quản lý chất thải chăn nuôi	Biết tác hại của các loại chất thải chăn nuôi đối với sức khỏe vật nuôi và môi trường. Vận dụng các biện pháp để xử lý chất thải chăn nuôi	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	Kỹ thuật bảo quản thức ăn chăn nuôi	Cung cấp kiến thức và kỹ năng nghiên cứu trong bảo quản thức ăn chăn nuôi bao gồm nguyên lý bảo quản, biện pháp kỹ thuật và các công nghệ bảo quản thức ăn chăn nuôi hiện đại	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Khoa học ong mật	Cung cấp cho học viên những kiến thức về đặc điểm sinh học ong mật, cây nguồn mật, các kỹ thuật cơ bản trong nuôi ong, phòng trừ bệnh ong, khai thác, sơ chế, bảo quản sản phẩm và tính hiệu quả kinh tế của một cơ sở nuôi ong	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
74	Nuôi trồng thủy sản	Nắm được các vấn đề cơ bản về kỹ thuật nuôi và bệnh ở tôm, cá nước ngọt; + Nắm được cơ bản về cơ sở khoa học và kỹ thuật	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nuôi một số loài tôm, cá nước ngọt hiện đang nuôi phổ biến ở Việt Nam (các đối tượng nuôi truyền thống: Cá chép, cá trắm cỏ, cá mè; các đối tượng nuôi xuất khẩu: Cá tra, tôm càng xanh,...); Nắm được biện pháp phòng bệnh tổng hợp, một số bệnh thường gặp và biện pháp phòng trị ở tôm cá nuôi nước ngọt.			70%
75	Khóa luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
76	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

38. Chăn nuôi (Thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Kiến thức chung					
1.	Triết học	Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học. Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động. Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2.	Tiếng Anh	Hỗ trợ một lượng kiến thức tiếng Anh để người học có thể tham khảo tài liệu chuyên môn phục vụ học tập và trao đổi khoa học	6	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức cơ sở					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3.	Hóa sinh động vật	Hệ thống và nâng cao những hiểu biết về các vấn đề chủ chốt của hóa sinh như protein, nucleic acid, enzyme, các quá trình trao đổi chất và năng lượng. Với sự phát triển nhanh của chóng của sinh học hiện đại, các lĩnh vực kiến thức trên thường xuyên được bổ sung nhiều tư liệu mới. Vì vậy cập nhật những kiến thức hóa sinh đã học ở bậc đại học chính là mục tiêu chính thông qua lựa chọn nội dung giảng dạy linh hoạt thích ứng với các tiến bộ của hóa sinh, từ đó vận dụng kiến thức vào nghiên cứu, hoạt động thực tiễn	2	Học kỳ I	- Chuyên cần: 10% - Điểm tiểu luận, seminar: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4.	Sinh lý động vật	Trang bị cho học viên kiến thức tổng hợp về các chuyên đề sinh lý động vật nâng cao: máu, tiêu hóa, sinh sản... - Làm cơ sở cho tất cả các môn học chuyên ngành - Cơ sở khoa học để ứng dụng nâng cao hiệu quả chăn nuôi	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
5.	Di truyền động vật	Nắm được các kiến thức về vật chất di truyền, các quy luật di truyền của các tính trạng và ứng dụng thực tiễn các kiến thức di truyền. Nắm được phương pháp phân tích di truyền, di truyền phân tử.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6.	Dinh dưỡng động vật	Mục đích của học phần là (i) nâng cao kiến thức khoa học về dinh dưỡng, đặc biệt dinh dưỡng acid amin, các vi chất, năng lượng; mối quan hệ tương tác giữa các chất dinh dưỡng(ii) nâng cao kỹ năng phân tích vấn đề và kỹ năng tiếp cận với khoa học dinh dưỡng hiện đại của thế giới và (iii) ứng dụng kiến thức cho các học phần sau và ứng dụng vào trong SX chăn nuôi.	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
7.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nắm vững kiến thức về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một nghiên cứu khoa học; viết và công bố kết quả nghiên cứu; góp phần tiếp thu tốt các học phần có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
8.	Thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm	Học viên nắm vững được các nguyên lý thống kê sinh học trong chăn nuôi, các khái niệm về các tham số thống kê, các phương pháp bố trí thí nghiệm và phân tích thống kê phù hợp phương pháp bố trí thí nghiệm. Trên cơ sở đó có	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khả năng ứng dụng kết quả về thống kê mô tả và thống kê phân tích cho biện luận các dữ liệu nghiên cứu			
9.	Phương pháp viết tài liệu k.học	Nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng về cách viết một tài liệu khoa học bao gồm đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học, luận văn, luận án và bài báo khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng hình thức vấn đáp: 70 %
10.	Miễn dịch học thú y	Nâng cao kiến thức về cách viết khoa học, viết phân tích và viết hệ thống Cải thiện kỹ năng viết đề cương nghiên cứu, viết bài báo khoa học và viết luận án nghiên cứu	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
11.	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi	Nắm được cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu cơ bản của công nghệ sinh học, những ứng dụng chủ yếu của công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp Nắm vững các thao tác và kỹ năng của nuôi cấy mô tế bào thực vật và động vật. Thành thạo các thao tác tách chiết DNA và kỹ thuật PCR.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
12.	Bệnh dinh dưỡng	Cung cấp cho học viên các kiến thức cập nhật về bệnh do thừa, thiếu hay rối loạn trao đổi các chất dinh dưỡng, rèn luyện kỹ năng chẩn đoán, điều trị và đặc biệt là phương pháp nuôi dưỡng để phòng các bệnh dinh dưỡng	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức chuyên ngành					
13.	Thức ăn chăn nuôi	Cung cấp các kiến thức cập nhật, hiện đại trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học thức ăn cho chăn nuôi, đặc biệt là các loại thức ăn mới và phương pháp chế biến và sử dụng trong nuôi dưỡng mới hiện đại.	3	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
14.	Môi trường chăn nuôi	Biết các yếu tố liên quan đến tiêu khí hậu chuồng nuôi, đặc điểm khu vực chăn nuôi và các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng, sức khỏe vật nuôi. Vận dụng để xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng khu vực chăn nuôi, bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
15.	Hệ thống chăn	Nhằm cung cấp cho học viên hiểu thế nào là một hệ thống, hệ thống sản	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nuôi gia súc nhiệt đới	xuất nông nghiệp, hệ thống chăn nuôi. Từ đó, học viên có thể biết được các thành phần khác nhau trong và ngoài hệ thống, sự vận động và vai trò khác nhau của mỗi một thành phần. Biết phân tích các thành phần khác nhau của hệ thống chăn nuôi để từ đó, bố trí hay tổ chức sản xuất chăn nuôi có hiệu quả tốt nhất, không gây ô nhiễm môi trường và phục vụ cuộc sống vật chất và tinh thần của người lao động. Sử dụng hợp lý tài nguyên nông nghiệp để phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững.			phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
16.	Công nghệ sinh sản vật nuôi	- Trang bị cho học viên kiến thức tổng hợp về sinh sản ở động vật, những tiến bộ KHKT hiện nay trong công nghệ sinh sản. Làm cơ sở khoa học để ứng dụng tiến bộ KHKT nâng cao hiệu quả sinh sản ở động vật.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
17.	Bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi	Trang bị những kiến thức chuyên sâu liên quan đến bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi; trong đó tập trung nhấn mạnh những kiến thức về cơ sở khoa học của những biến đổi của nguyên liệu và chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của thịt, sữa, trứng, cá. Các nguyên lý và cơ chế của các phương pháp bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi Rèn luyện được các kỹ năng về nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi và phương pháp kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
18.	Chăn nuôi động vật hoang dã	Nắm được những kiến thức cơ bản về sinh học, sinh thái học của động vật hoang dã, các qui luật vận động và giá trị của động vật hoang dã. Xác định được các phương pháp, biện pháp kỹ thuật nhằm chăm sóc, nuôi dưỡng một số loài động vật hoang dã có hiệu quả	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
19.	Chăn nuôi dê, cừu, thỏ	Học viên nắm vững các kiến thức về giống, dinh dưỡng, kỹ thuật nuôi dưỡng các loại dê, cừu, thỏ. Trên cơ sở đó học viên có kiến thức vững vàng về nuôi dưỡng, chuyển giao kỹ thuật, kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc từ dê, cừu và thỏ	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20.	Kỹ thuật nuôi cá	Cung cấp cho học viên cao học những kiến thức nâng cao về quản lý môi	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nước ngọt	trường thủy vực và kỹ thuật nuôi cá nước ngọt với các phương thức nuôi khác nhau.			phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
21.	Cây thức ăn gia súc	Cung cấp cho học viên cao học kiến thức về giống, kỹ thuật quản lý và sử dụng cây thức ăn xanh phục vụ chăn nuôi, kỹ năng nghiên cứu và phát triển cây thức ăn xanh.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
22.	Kỹ thuật nuôi ong	Hệ thống, nâng cao những kiến thức đã học ở bậc đại học và cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới về kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác và phòng trừ bệnh ong nhằm thích ứng với thực tiễn sản xuất, từ đó vận dụng kiến thức mới được cập nhật vào nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn sản xuất.	1	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
23.	Chăn nuôi trâu bò	Nắm vững và nâng cao kiến thức để có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành chăn nuôi trâu bò. Thành thạo và nâng cao một số kỹ năng thực hành để giúp họ có khả năng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật của ngành chăn nuôi trâu bò vào thực tiễn sản xuất.	3	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
24.	Chăn nuôi gia cầm	Trang bị các kiến thức về cơ sở, các tiến bộ khoa học kỹ thuật về đối tượng gia cầm ở mức độ hệ thống và nâng cao phục vụ cho nghiên cứu, giảng dạy. Nắm chắc phương pháp nghiên cứu, tổ chức triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất ngành gia cầm.	3	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
25.	Chăn nuôi lợn	Trang bị chuyên sâu các kiến thức, các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về đối tượng con lợn ở mức độ nâng cao và có hệ thống để phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy. Biết vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tế sản xuất một cách thành thạo, tổ chức xây dựng trại chăn nuôi một cách có hiệu quả tốt. Phát hiện những vấn đề tồn tại của cơ sở sản xuất và đề ra được hướng cải tạo có hiệu quả. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật của ngành chăn nuôi lợn vào thực tiễn sản xuất ở nước ta.	3	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26.	Giống vật nuôi	Nắm được lý thuyết chọn lọc và nhân giống vật nuôi Nắm được phương pháp xác định các tham số di truyền, giá trị giống, chỉ số chọn lọc, ưu thế lai, suy hoá cận huyết, xây dựng các chương trình chọn giống và nhân giống ở tại cơ sở Nắm được lý thuyết chọn lọc và nhân giống vật nuôi Nắm được phương pháp xác định các tham số di truyền, giá trị giống, chỉ số chọn lọc, ưu thế lai, suy hoá cận huyết, xây dựng các chương trình chọn giống và nhân giống ở tại cơ sở	2	Học kỳ IV	Điểm thi kết thúc học phần: 100%

39. Chăn nuôi (Tiền sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Môi trường chăn nuôi	Biết các yếu tố liên quan đến tiêu khí hậu chuồng nuôi, đặc điểm khu vực chăn nuôi và các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng, sức khỏe vật nuôi. Vận dụng để xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng khu vực chăn nuôi, bảo vệ môi trường.	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
2	Phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu	Có kiến thức nâng cao về ý tưởng nghiên cứu, những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu chăn nuôi, quy trình nghiên cứu khoa học, đề cương nghiên cứu, phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu chăn nuôi. Biết sử dụng các phần mềm máy tính để xử lý kết quả nghiên cứu, biết phân tích số liệu, đánh giá kết quả nghiên cứu, viết báo cáo, thuyết trình báo cáo khoa học, viết bài báo công bố kết quả nghiên cứu về chăn nuôi. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành năng lực tự xây dựng toàn bộ quy trình nghiên cứu khoa học từ ý tưởng đến nghiên cứu (xác định vấn đề/câu hỏi nghiên cứu, hình thành giả thuyết khoa học, thiết kế thí nghiệm,	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viết đề cương nghiên cứu) và <i>từ nghiên cứu đến công bố</i> (trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, viết bài báo khoa học và luận văn tiến sĩ); thiết lập được năng lực đánh giá phản biện về các đề xuất nghiên cứu và các công bố khoa học về chăn nuôi.			
3	Những tiến bộ gần đây trong dinh dưỡng động vật	Trang bị cho nghiên cứu sinh những kiến thức cập nhật và nâng cao về dinh dưỡng động vật (Gia súc nhai lại, Lợn, Gia cầm)	2	Học kỳ II	- Điểm tiểu luận, seminar: 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
4	Ứng dụng di truyền và chọn giống trong chăn nuôi	Cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các phương pháp đánh giá, chọn lọc, nhân giống và tổ chức công tác giống vật nuôi trong chăn nuôi.	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
5	Tập tính vật nuôi và ứng dụng	Trang bị cho nghiên cứu sinh những kiến thức cơ bản về tập tính động vật, đặc biệt là các ứng dụng của tập tính trong chăn nuôi cho từng đối tượng vật nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi	2	Học kỳ II	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 40% - Điểm thi kết thúc học phần: 60%
6	Chăn nuôi nhiệt đới	Nắm được những đặc trưng của khí hậu nhiệt đới và những tiến bộ mới trong nghiên cứu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới đến chăn nuôi và các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi của khí hậu nhiệt đới, khai thác hết tiềm năng thuận lợi của khí hậu nhiệt đới với chăn nuôi (chất lượng và số lượng thức ăn, sinh sản, trao đổi nhiệt, dịch bệnh). Chiến lược chăn nuôi trong điều kiện nhiệt đới. Biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở vùng nhiệt đới và chăn nuôi trong tương lai.	2	Học kỳ II	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
7	Đa dạng sinh học và bảo tồn nguồn gen vật nuôi	Cung cấp cho người học các kiến thức về đa dạng sinh học, bảo tồn quỹ gen cũng như chiến lược và các quy	2	Học kỳ II	Điểm seminar: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ước bảo tồn quỹ gen động vật ở Việt Nam cũng như thế giới.			Bài tập: 50%
8	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi	Yêu cầu sinh viên nắm được cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu cơ bản của công nghệ sinh học, những ứng dụng chủ yếu của công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp Nắm vững các thao tác và kỹ năng của nuôi cấy mô tế bào thực vật và động vật. Thành thạo các thao tác tách chiết DNA và kỹ thuật PCR.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

40. Thú y (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hóa đại cương 1	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
2	Sinh học đại cương	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các đặc trưng cơ bản của sự sống; cấu trúc và chức năng của tế bào; mô, các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể động – thực vật; các quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống, trong tế bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền – biến dị ở cấp độ tế bào, cấp độ phân tử; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị ở sinh vật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
3	Toán B	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cổ điển, đại số tuyến tính và phương trình vi phân, để từ đó có thể tự đọc thêm các kiến thức về các lĩnh vực mà thực tế nghề nghiệp cần đến.			Thi kết thúc học phần: 70%
4	Tin học đại cương	Qua chương trình học, sinh viên hiểu và có khả năng làm việc cơ bản trên máy tính đúng cách, sử dụng máy tính làm công cụ phục vụ học tập một cách hiệu quả. Kiến thức của môn học là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các môn học khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
5	Nguyên lý cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học và sự vận dụng của Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn. Từ đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có thái độ và động cơ đúng đắn, làm chủ bản thân và góp phần xây đất nước ngày một giàu đẹp	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
6	Nguyên lý cơ bản 2	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng, khoa học tính tất yếu diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và ra đời là tất yếu của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà lực lượng cách mạng thực hiện được nhiệm vụ này chính là giai cấp công nhân	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
7	Tiếng Anh 1	Người học có hiểu biết cơ bản về bình diện ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày và một số văn bản viết thông dụng. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.			
8	Hóa học đại cương 2	Trang bị cho sinh viên những ngành không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
9	Thực hành hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm hoá học; cách tiến hành một bài thí nghiệm hoá học giúp SV không chuyên ngành hóa học hiểu sâu sắc thêm phần lí thuyết hoá học và tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học cơ sở và chuyên ngành.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
10	Xác suất - Thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
11	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn điền kinh (kỹ thuật chạy trên đường thẳng, đường vòng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật chạy về đích) và hiểu được một số luật cơ bản môn điền kinh.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
12	Tiếng Anh 2	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tâm lý học	Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
14	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
15	Hóa phân tích	Hiểu được lý thuyết về phân tích định tính và phân tích định lượng. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
16	Đường lối QS của Đảng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.			
17	Công tác quốc phòng AN	Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao; Kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên; Phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Hiểu biết đầy đủ về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, nắm vững những nội dung và các quan điểm của Đảng trong xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% - Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
18	Quân sự chung và Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: Trọng số 20% Số lần kiểm tra: 01; Điểm kiểm tra: Trọng số 20% Số lần thi: 01; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ thuật băng bó, chuyển thương.			
19	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt, sau đầu; kỹ thuật đệm bóng thấp tay di chuyển bên trái, bên phải; kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật di chuyển chuyền bóng cao tay trước mặt bên trái, bên phải) và hiểu được một số luật cơ bản môn bóng chuyền.	1	Học kỳ 3	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
20	Đường lối CM của ĐCSVN	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết về nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hình thành niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, thực hiện theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
21	Tin học ứng dụng	Sử dụng một số hàm thông dụng, giải được một số dạng bài toán thống kê bằng Excel. Biết sử dụng phần mềm chuyên xử lý thống kê IRRISTAT 4.0. Biết quản lý, lưu trữ dữ liệu bằng các phần mềm tin học.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
22	Động vật học	Giúp sinh viên nắm được tổng quan về thế giới động vật hiện nay. Hiểu biết những đặc điểm cơ bản về phân loại, giải phẫu, sinh sản, vòng đời,... làm nền tảng cơ bản để tiếp nhận kiến thức về sinh lý, sinh hoá, giải phẫu, ký sinh trùng học.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
23	Sinh học phân tử trong CNTY	Cung cấp kiến thức về cấu trúc và chức năng của các đại phân tử, chủ yếu là protein và axit nucleic, nghiên cứu sinh học phân tử một số quá trình sống như tổng hợp và phân giải các chất, phiên mã và dịch mã, các quá	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình cơ bản xảy ra ở mức phân tử liên quan đến protein và axit nucleic; đề cập đến một số phản ứng in vitro liên quan đến axit nucleic, làm cơ sở cho các kỹ thuật di truyền ứng dụng trong thực tế, các công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh vật. - Phân tích, giải thích các hiện tượng, cơ chế ở mức độ phân tử của quá trình sinh học cơ bản của tế bào liên quan đến 2 hợp chất quan trọng là acid nucleic và protein; làm cơ sở để vận dụng vào các kỹ thuật chẩn đoán phân tử trong chăn nuôi, thú y			
24	Động vật hoang dã	Giúp sinh viên nắm được và phân loại được các lớp động vật hoang dã hiện nay. Giúp sinh viên hiểu được vai trò của động vật hoang dã về giá trị bảo tồn, giá trị kinh tế, thức ăn, dược liệu, giáo dục, nghiên cứu khoa học và là mắc xích trong vòng tuần hoàn vật chất tự nhiên. Hiểu được những tác động gây hại cho con người như dịch bệnh, côn trùng gây hại.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
25	Tiếng Anh 4	Người học có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc. Người học có kiến thức khái quát về đất nước, con người, xã hội và văn hóa của nước Anh và một số quốc gia nói tiếng Anh.	2		
26	Phương pháp NC KH	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận khoa học trong việc xác định các vấn đề nghiên cứu. Phương pháp triển khai một đề tài khoa học, viết đề cương nghiên cứu khoa học, viết một báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp kỹ sư.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Giải phẫu động vật 1	Nắm vững những kiến thức về vị trí, hình thái, cấu tạo, chức năng, hoạt động của Bộ xương; Hệ cơ; Hệ Tiêu hóa; Hệ Hô hấp; Hệ Niệu sinh dục, Hệ Tim mạch; Hệ Thần kinh; Tuyến nội tiết; Cơ quan cảm giác của gia súc và Gia cầm. Có khả năng vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo khối kiến thức đã học vào thực tiễn sản xuất và nghiên cứu khoa học.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
28	Giải phẫu động vật 2	Nắm vững lý thuyết: Thông qua giáo trình giải phẫu động vật 1 và 2, bài giảng, tài liệu tham khảo. Nắm vững thực hành: Khi mổ xẻ sinh viên cần quan sát vị trí, cấu tạo từng khu vực của cơ thể động vật và ghi chép đầy đủ để so sánh giữa lý thuyết và thực hành.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
29	Tổ chức phôi thai	Nắm được cấu tạo vi thể , hình thái bình thường, cách sắp xếp các loại, bộ máy trong cơ thể gia súc và gia cầm. Nắm được mối liên hệ giữa đặc điểm cấu tạo và chức năng mà nó đảm nhiệm. Hiểu những ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của tổ chức và phôi thai Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học và quan sát được các tổ chức, bộ phận trong cơ thể động vật	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
30	Sinh hoá động vật	Nắm vững cấu tạo và tính chất của các hợp chất cấu tạo nên cơ thể sống; sự chuyển hóa của các hợp chất cũng như mối liên quan giữa quá trình chuyển hóa các hợp chất trong cơ thể động vật. Từ đó, hiểu được cơ chế các bệnh liên quan đến trao đổi chất và đưa ra các hướng giải quyết.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
31	Sinh lý động vật	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp về sinh lý động vật bao gồm: sinh lý học các cơ quan chức năng và hệ thống điều khiển...: - Làm cơ sở cho tất cả các môn học chuyên ngành	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Cơ sở khoa học để ứng dụng nâng cao hiệu quả chăn nuôi			
32	Di truyền học động vật	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về di truyền và biến dị ở sinh vật: cơ sở vật chất của di truyền, di truyền quần thể, di truyền số lượng, di truyền ngoài NST, biến dị,...để người học có thể ứng dụng các kiến thức cơ bản của di truyền nói chung và di truyền động vật nói riêng trong chọn lọc, lai tạo, cải tiến, nhân giống và chăm sóc sức khỏe vật nuôi.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
33	Dinh dưỡng động vật	Cung cấp các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng động vật bao gồm các chất dinh dưỡng trong thức ăn, sự trao đổi các chất dinh dưỡng trong cơ thể, phương pháp đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng động vật và phương pháp đáp ứng nhu cầu của vật nuôi	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
34	Dược lý thú y	Biết cơ chế tác dụng của các loại thuốc thú y để sử dụng trong điều trị, hỗ trợ điều trị các trường hợp bệnh ở vật nuôi. Vận dụng các loại thuốc thú y trong phòng trị bệnh cho vật nuôi.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
35	Miễn dịch học Thú y	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về miễn dịch học: khái niệm miễn dịch, cơ sở khoa học của miễn dịch, các tế bào tham gia vào quá trình đáp ứng miễn dịch, miễn dịch bệnh lý, các kỹ thuật về miễn dịch học hiện đại để phát hiện sớm, chính xác các vi sinh vật gây bệnh nhằm có kế hoạch phòng bệnh và chữa bệnh đạt hiệu quả cao.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
36	Vi sinh vật Thú y	Học phần giúp cho sinh viên ngành Thú y có kiến thức về căn nguyên bệnh truyền nhiễm gây cho vật nuôi là do vi sinh vật (vi khuẩn; virus, nấm). Vi sinh vật gây	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bệnh có rất nhiều chủng và biến chủng; vì vậy để phòng bệnh phải chọn vaccine phù hợp			
37	Sinh lý bệnh Thú y	Hiểu và vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để phân tích triệu chứng các bệnh làm cơ sở chẩn đoán bệnh và đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
38	Giải phẫu bệnh thú y	Phát hiện các thay đổi về cấu tạo giải phẫu vi thể, đại thể của các cơ quan khi vật nuôi bị bệnh, làm cơ sở để chẩn đoán và đề xuất biện pháp hạn chế tác hại.	2	Học kỳ 5	Báo cáo thực tập: 100%
39	Độc chất học thú y	Biết các loại và cơ chế gây hại của một số chất độc thường gặp trong chăn nuôi, thú y. Từ đó có biện pháp hữu hiệu nhằm hạn chế ảnh hưởng và tác hại của các loại chất độc.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
40	Chẩn đoán bệnh thú y	Học phần chẩn đoán nhằm giúp người học có khả năng: - Hiểu được tầm quan trọng của công tác khám bệnh và chẩn đoán bệnh, đồng thời người học cũng thực hiện được các thao tác khám bệnh trên gia súc. - Lựa chọn được phương pháp khám bệnh thích hợp trên từng hệ cơ quan. - Hiểu được tầm quan trọng của mối quan hệ giữa xét nghiệm và lâm sàng, để từ đó có thể chẩn đoán bệnh một cách hiệu quả nhất - Biết cách thu thập, tổng hợp triệu chứng để đưa ra hướng chẩn đoán thích hợp.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
41	Sản khoa gia súc	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sinh lý sinh sản để ứng dụng trong phần kỹ thuật sinh sản nhằm chủ động điều khiển hoạt động sinh sản theo ý muốn và chủ động phòng cũng như điều trị các bệnh	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh sản ở gia súc			
42	Dịch tễ học Thú y	Cung cấp những kiến thức, những lý luận khoa học mới nhất về dịch tễ học hiện đại, hướng dẫn các phương pháp nghiên cứu, phân tích dịch tễ học, các phương pháp đo lường, các kỹ thuật thu thập, phân tích các dữ liệu dịch tễ một cách cơ bản, có hệ thống và chính xác, đồng thời đề xuất các biện pháp can thiệp hữu hiệu nhất để phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế, ngăn chặn và thanh toán dịch bệnh	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
43	Vệ sinh Thú y	Biết vai trò, đặc điểm của tiêu khí hậu chuồng nuôi đối với khả năng sinh trưởng, sức khỏe và khả năng sản xuất của vật nuôi. Từ đó, vận dụng các biện pháp vệ sinh thú y nhằm tạo ra tiêu khí hậu tốt, góp phần bảo vệ sức khỏe vật nuôi, nâng cao hiệu quả sản xuất.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
44	Bệnh Nội khoa Thú y I	Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về đại cương học nội khoa. Hiểu và nhận biết được các bệnh nội khoa xảy ra ở các cơ quan, hệ thống trong cơ thể gia súc.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
45	Bệnh Nội khoa Thú y II	Người học được trang bị các kỹ năng cơ bản trong điều trị học nội khoa, thành thạo các phương pháp truyền dịch cho gia súc, các phương pháp chẩn đoán, phòng và trị bệnh nội khoa ở gia súc từ thực tiễn sản xuất.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
46	Bệnh truyền nhiễm ĐV I	- Giúp sinh viên nắm được những nguyên nhân và cơ chế tác động gây nên bệnh truyền nhiễm trên động vật. - Sinh viên hiểu được quá trình phát sinh dịch và từ đó biết áp dụng các phương pháp trên các đối tượng liên quan nhằm ngăn chặn, xử lý bệnh truyền trên động vật.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên chẩn đoán được và áp dụng các biện pháp phòng và chống một số bệnh truyền nhiễm trên các loài động vật.			
47	Bệnh truyền nhiễm ĐV II	Sinh viên biết chẩn đoán lâm sàng các bệnh truyền nhiễm, chẩn đoán phòng thí nghiệm về nguyên nhân gây ra bệnh truyền nhiễm, đồng thời nắm được các phương pháp phòng và xử lý từng bệnh xảy ra phổ biến trên từng loài vật khác nhau.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
48	Ký sinh trùng thú y I	- Nắm được hiện tượng ký sinh, khái niệm về ký sinh trùng, cách gọi tên, nguồn gốc ký sinh trùng, các loại ký chủ, đặc điểm sinh học của ký sinh trùng.điều kiện phát sinh, phát triển, các đặc điểm dịch tễ học của bệnh ký sinh trùng, miễn dịch ký sinh trùng, cách chẩn đoán phòng trị bệnh ký sinh trùng. - Nắm được một số bệnh ký sinh trùng phổ biến: bệnh lợn gạo, bệnh cầu trùng lợn, bệnh sán lá ruột lợn, bệnh giun đũa lợn, bệnh giun phổi lợn, bệnh ghẻ lợn, bệnh gạo bò, bệnh sán lá gan trâu bò, bệnh sán lá dạ cỏ, bệnh sán dây trâu bò, bệnh giun phổi trâu bò, bệnh giun đũa bê nghé, bệnh cầu trùng gà, bệnh giun đũa gà, bệnh sán dây gà. - Nắm được các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
49	Ký sinh trùng thú y II	Giúp cho sinh viên nắm được một số đặc điểm chung của các lớp ngành ký và một số bệnh ký sinh trùng thường gặp ở gia súc, gia cầm. Nắm được các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
50	Ngoại khoa Thú y I	- Các nguyên tắc: cố định, tổ chức phẫu thuật, kết nối mô bào, đề phòng nhiễm trùng, gây tê, gây mê, cầm máu, băng bó, hộ lý chăm sóc sau phẫu thuật - Các phương pháp: cố định, tổ chức phẫu thuật, kết nối mô bào, đề phòng nhiễm trùng, gây tê, gây mê, cầm máu, băng bó, hộ lý chăm sóc sau phẫu thuật; các phương pháp phẫu thuật hernia, thiến con đực, cắt ngón, cắt đuôi, cưa sừng. - Thực hành thành thạo các phương pháp kết nối mô bào, các phương pháp cầm máu, gây tê, gây mê và các phẫu thuật chuyên biệt.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
51	Ngoại khoa Thú y II	- Nắm được các phương pháp phẫu thuật: vùng đầu, vùng bụng, niệu sinh dục, chi - đuôi, khối u. - Sự hình thành và điều trị các bệnh ngoại khoa (shock, viêm, chấn thương, vết thương, hernia, ...) - Thực hành thành thạo một số phương pháp phẫu thuật quan trọng ở vùng bụng, đầu, niệu sinh dục, chi-đuôi.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
52	Chăn nuôi trâu bò	Học sinh nắm được các kiến thức chuyên về giống, dinh dưỡng, thức ăn và kỹ thuật nuôi dưỡng các loại trâu bò khác nhau. Sau khi học, sinh viên có thể áp dụng kiến thức nhằm nâng cao năng suất trâu bò và kinh doanh có hiệu quả	2	Học kỳ 6	Báo cáo thu hoạch: 100%
53	Chăn nuôi heo	Trang bị cho học viên các kiến thức về kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng các loại lợn cũng như việc xây dựng chuồng trại trong chăn nuôi lợn nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
54	Chăn nuôi gia cầm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về đặc điểm sinh học và sản xuất chủ yếu của gia cầm,	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đinh dưỡng và thức ăn, các phương thức chăn nuôi và vệ sinh phòng bệnh gia cầm. Từ đó người học có thể vận dụng kiến thức chuyên ngành vào sản xuất gia cầm trong cơ chế thị trường hiện nay.			70%
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khoa học với các cách tiếp cận, phân loại, các sản phẩm đặc trưng của nghiên cứu khoa học, phát hiện vấn đề nghiên cứu, làm được đề cương và thực hiện một đề tài khoa học cụ thể cũng như viết, trình bày báo cáo đề tài khoa học có sự hướng dẫn của giảng viên.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
56	Thiết kế thí nghiệm	Học phần thiết kế thí nghiệm đào tạo cho sinh viên hệ Đại học ngành Thú ý và Chăn nuôi Thú y bao gồm 6 chương với học phần tiên quyết là toán Xác suất thống kê. Học phần giúp sinh viên nắm được những nguyên lý cơ bản thiết kế thí nghiệm và phân tích số liệu nghiên cứu khoa học trong ngành Chăn nuôi và Thú y. Nội dung thực hành của học phần cung cấp các kỹ năng ứng dụng phần mềm MINITAB trong xử lý dữ liệu	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
57	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	Người học biết được cơ sở giết mổ tiêu chuẩn, quy trình kiểm tra động vật trước và sau giết mổ, cách xử lý động vật và thân thịt mắc bệnh theo quy định của nhà nước.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
58	Luật thú y	Người học nắm được các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thú y như: Phòng chống dịch bệnh, Điều điện hành nghề trong Thú y, Kiểm dịch và kiểm soát giết mổ.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
59	Bệnh học thủy sản	Nắm được các khái niệm cơ bản về bệnh học thủy sản; + Phân biệt được bệnh truyền nhiễm, bệnh kí sinh	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trùng và bệnh do các yếu tố vô sinh; Hiểu được tác nhân gây bệnh, đặc điểm, nguồn gốc và con đường lan truyền đặc thù của từng loại bệnh; + Nắm bắt được dấu hiệu chẩn đoán, tác nhân và phương pháp phòng trị có hiệu quả một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi + Phân tích chẩn đoán được một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi dựa vào triệu chứng, dấu hiệu bệnh lý; + Phân tích, xác định nguyên nhân gây một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi; + Đề xuất hướng phòng và trị bệnh ở thủy sản nuôi hiệu quả.			
60	Bệnh ĐV hoang dã	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về công tác thú y trong phòng và trị một số bệnh thường xảy ra trong chăn nuôi động vật hoang dã có xu thế thuần hóa và chăn nuôi với quy mô trang trại.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
61	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, các trường hợp ngộ độc thực phẩm do vi sinh vật và cách đánh giá sự an toàn của thực phẩm có nguồn gốc từ động vật	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
62	Một sức khỏe	Nắm được các kiến thức chuyên môn nhằm cải thiện tối đa sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường. Ý nghĩa quan trọng cho công tác phòng ngừa, giám sát và ứng phó các bệnh có nguồn gốc từ động vật (cúm gia cầm độc lực cao (HPAI), bệnh Đại, bệnh Nhiệt Thán). Tầm quan trọng của sự dự phòng các bệnh lây truyền từ động vật sang người bằng việc kiểm soát sự	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lây nhiễm và bệnh ở các quần thể hệ sinh thái. Có một cách nhìn rộng về mối quan hệ sức khỏe con người, động vật và môi trường và có những kỹ năng hợp tác đa ngành để làm v			
63	Tập tính và quyền lợi động vật	Nắm được các vấn đề có liên quan đến tập tính động vật và hành vi ở con người, vai trò rất quan trọng trong đời sống các loài, cũng như trong đời sống và thực tiễn sản xuất của con người.	2	Học kỳ 7	Báo cáo thu hoạch: 100%
64	Chẩn đoán hình ảnh	Sinh viên có thể hiểu về nguyên lý của việc chẩn đoán hình ảnh và ứng dụng chẩn đoán hình ảnh trong việc chẩn đoán bệnh cho vật nuôi. Môn học sẽ giúp cho các môn học chuyên ngành khác trong việc nâng cao kỹ năng chẩn đoán của sinh viên.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
65	Bảo quản chế biến sản phẩm động vật	Giúp sinh viên nắm vững những khái niệm cơ bản về môn học. Hiểu bản chất các phản ứng hoá học xảy ra trong quá trình bảo quản và chế biến sản phẩm động vật. Hiểu bản chất của các qui trình sản xuất các sản phẩm chăn nuôi: Trứng, thịt, sữa,...	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
66	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	Mối quan hệ giữa môi trường và sức khỏe động vật, qui trình phòng chống bệnh tật đặc biệt là bệnh liên quan giữa người và động vật,	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
67	Thú y cộng đồng	Cung cấp cho học viên các kiến thức về bệnh truyền lây trong môi trường cộng đồng xã hội, cách tiếp cận người dân chăn nuôi để giúp họ hiểu biết về sức khỏe vật nuôi từ đó tự phòng bệnh	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
68	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và nắm được đặc điểm của một số bệnh truyền lây giữa người và động vật, biết cách phòng trị bệnh cho vật nuôi và ngăn chặn bệnh lây sang con người. Nắm được cách chẩn đoán, phát hiện bệnh truyền lây giữa động vật và người và phương pháp phòng trị bệnh hiệu quả	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
69	Thực tập rèn nghề Thú y	Tiếp cận các kỹ năng liên quan đến lĩnh vực thú y như tiêm, chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh thông thường. Tiếp cận tổ chức thú y cơ sở và tổ chức một đợt tiêm phòng cho vật nuôi tại cơ sở	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 0% Thi kết thúc học phần: 100%
70	Thực tập giáo trình TY		3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
71	Khuyến nông	Giúp sinh viên định nghĩa được khuyến nông là gì; nắm được những kiến thức cơ bản của công tác khuyến nông; vai trò, nhiệm vụ của khuyến nông viên cơ sở. Hiểu biết được các tổ chức khuyến nông, nắm được nhiệm vụ của khuyến nông các cấp, các phương pháp khuyến nông.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
72	XD và QL dự án chăn nuôi	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xây dựng, lập kế hoạch thực thi, giám sát và đánh giá dự án phát triển	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
73	Khí tượng NN	Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về bản chất vật lý, quy luật hình thành, phát triển, diễn biến của các yếu tố khí tượng, khí hậu, thủy văn, mối quan hệ ảnh hưởng	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của các yếu tố trên đến cây trồng cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý chúng trong sản xuất.			
74	Hệ thống nông nghiệp	Giúp cho sinh viên có quan điểm hệ thống trong nghiên cứu và phát triển nông nghiệp; tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu hệ thống nông nghiệp; nắm bắt những nguyên lý chung về phát triển nông nghiệp bền vững trên quan điểm hệ thống. Có kỹ năng trong nghiên cứu và phát triển nông nghiệp; tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu hệ thống nông nghiệp; nắm bắt những nguyên lý chung về phát triển nông nghiệp bền vững trên quan điểm hệ thống.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
75	Kinh tế QTKD chăn nuôi	Nắm được các kiến thức về kinh tế, quản trị kinh doanh nói chung và trong ngành chăn nuôi nói riêng Áp dụng được trong các tình huống thực tiễn	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
76	Quản lý chất thải chăn nuôi	Biết tác hại của các loại chất thải chăn nuôi đối với sức khỏe vật nuôi và môi trường. Vận dụng các biện pháp để xử lý chất thải chăn nuôi.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
77	Khoa học ong mật	Cung cấp cho học viên những kiến thức về đặc điểm sinh học ong mật, cây nguồn mật, các kỹ thuật cơ bản trong nuôi ong, phòng trừ bệnh ong, khai thác, sơ chế, bảo quản sản phẩm và tính hiệu quả kinh tế của một cơ sở nuôi ong	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
78	Bệnh dinh dưỡng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, cách chẩn đoán cũng như phòng trị các bệnh thường gặp ở gia súc khi nhu cầu dinh dưỡng không đáp ứng đầy đủ.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần: 70%
79	Bệnh chó mèo	Đặc điểm sinh học chủ yếu của chó, mèo. Một số phẫu thuật thông dụng.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận: 30% Thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên phải nắm được các nguyên nhân, triệu chứng, cách chẩn đoán, phương pháp điều trị những bệnh thường gặp ở chó, mèo. Nắm vững các kỹ năng tiếp cận, cố định, khám và chữa bệnh chó, mèo.			70%
80	Khoá luận tốt nghiệp		10	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%
81	Chuyên đề tốt nghiệp		4	Học kỳ 8	Báo cáo tốt nghiệp: 100%

41. Thú y (Thạc sĩ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Kiến thức chung					
1.	Triết học	Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học. Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động. Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.	3	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2.	Tiếng Anh	Hỗ trợ một lượng kiến thức tiếng Anh để người học có thể tham khảo tài liệu chuyên môn phục vụ học tập và trao đổi khoa học	6	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức cơ sở					
3.	Sinh lý động vật	Trang bị cho học viên kiến thức tổng hợp về các chuyên đề sinh lý động vật nâng cao: máu, tiêu hóa, sinh sản...	3	Học kỳ I	- Chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Làm cơ sở cho tất cả các môn học chuyên ngành - Cơ sở khoa học để ứng dụng nâng cao hiệu quả chăn nuôi			- Điểm tiểu luận, seminar: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4.	Vi sinh vật học thú y	Cung cấp các kiến thức về hoạt động bảo vệ của cơ thể trong việc phòng chống lại các tác nhân gây bệnh và cơ chế miễn dịch. Cung cấp các kiến thức về vi sinh vật gây bệnh cho động vật, phương pháp phân lập, giám định và phương pháp phòng chống các bệnh truyền nhiễm cho vật nuôi.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
5.	Miễn dịch học Thú y	Cung cấp các kiến thức về hoạt động bảo vệ của cơ thể trong việc phòng chống lại các tác nhân gây bệnh và cơ chế miễn dịch.	2	Học kỳ I	- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6.	Bệnh lý học thú y	Hiểu và phân tích được mối quan hệ giữa sức khỏe và bệnh lý vật nuôi. Phân tích một số hiện tượng bệnh lý ở vật nuôi như hiện tượng viêm, rối loạn bệnh lý miễn dịch, rối loạn bệnh lý tế bào...để có biện pháp can thiệp hiệu quả	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
7.	Thú y cộng đồng	Cung cấp cho học viên các kiến thức về bệnh truyền lây trong môi trường cộng đồng xã hội, cách tiếp cận người dân chăn nuôi để giúp họ hiểu biết về sức khỏe vật nuôi từ đó tự phòng bệnh	2	Học kỳ I	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
8.	Bệnh dinh dưỡng	Cung cấp cho học viên các kiến thức cập nhật về bệnh do thừa, thiếu hay rối loạn trao đổi các chất dinh dưỡng, rèn luyện kỹ năng chẩn đoán, điều trị và đặc biệt là phương pháp nuôi dưỡng để phòng các bệnh dinh dưỡng	2	Học kỳ II	Điểm Seminar: 30% Điểm thi kết thúc: 70%
9.	Virut học thú y	Giúp học viên nắm vững lý thuyết, có khả năng sáng tạo và vận dụng những kiến thức về virus học thú y vào thực tiễn sản xuất để giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo. Nhằm cung cấp và nâng cao nhận thức cho học viên những thành tựu mới, những kiến thức cập nhật và tiên tiến về lý luận cũng như về thực hành nghiên cứu trong lĩnh vực virus học thú y.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30% Thi hết môn bằng hình thức vấn đáp: 70 %
10.	Dược lý học thú y	Môn học nhằm nâng cao và cập nhật kiến thức về thuốc thú y, đặc biệt là giải thích các cơ chế tác dụng của thuốc. Giới thiệu một số phương pháp hiện	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đại trong lĩnh vực nghiên cứu thuốc thú y Phân tích các cơ chế tác động, vận chuyển của thuốc Phân tích các yếu tố liên quan đến tác động của thuốc. Ứng dụng các loại thuốc trong thú y. Thảo luận, trình bày chuyên đề			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
11.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nắm vững kiến thức về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một nghiên cứu khoa học; viết và công bố kết quả nghiên cứu; góp phần tiếp thu tốt các học phần có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
12.	Dinh dưỡng động vật	Nâng cao kiến thức khoa học về dinh dưỡng, đặc biệt dinh dưỡng acid amin, các vi chất, năng lượng; mối quan hệ tương tác giữa các chất dinh dưỡng Nâng cao kỹ năng phân tích vấn đề và kỹ năng tiếp cận với khoa học dinh dưỡng hiện đại của thế giới và ứng dụng kiến thức cho các học phần sau và ứng dụng vào trong SX chăn nuôi.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
13.	Di truyền động vật	Nắm được các kiến thức về vật chất di truyền, các quy luật di truyền của các tính trạng và ứng dụng thực tiễn các kiến thức di truyền. Nắm được phương pháp phân tích di truyền, di truyền phân tử.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
Kiến thức ngành					
14.	Bệnh sinh sản gia súc	Để cho học viên cao học có được một kiến thức sâu, rộng về bệnh nội – ngoại khoa gia súc, góp phần hoàn thiện kiến thức chuyên môn cho các học viên cao học chuyên ngành Thú y.	3	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
15.	Bệnh nội khoa gia súc	Để cho học viên cao học có được một kiến thức sâu, rộng về bệnh nội – ngoại khoa gia súc, góp phần hoàn thiện kiến thức chuyên môn cho các học viên cao học chuyên ngành Thú y.	2	Học kỳ II	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16.	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Học viên nắm được một số khái niệm về Zoonosis . Một số đặc điểm dịch tễ học của bệnh ký sinh trùng truyền lây từ động vật sang người. Một số đặc điểm dịch tễ học của bệnh truyền nhiễm lây truyền giữa động vật và người.- Giải pháp phòng bệnh. Chẩn đoán và phân tích cơ chế gây bệnh. Xác định nguyên nhân và các biện pháp can thiệp hợp lý. Thảo luận, trình bày chuyên đề	3	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
17.	Bệnh ký sinh trùng thú y	Học viên nắm được một số khái niệm về ký sinh trùng, bệnh ký sinh trùng và một số bệnh quan trọng ở Gia súc nhai lại, lợn và gia cầm và biện pháp phòng trị hiệu quả. Chẩn đoán và phân tích cơ chế gây bệnh; Xác định nguyên nhân và các biện pháp can thiệp hợp lý.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
18.	Bệnh truyền nhiễm động vật	Những bệnh mới, những kiến thức nâng cao chưa có trong chương trình đại học. Đặc biệt chú trọng những bệnh lây lan trên nhiều loài vật nuôi và ở người. Phân tích chẩn đoán được một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường gặp ở động vật và người dựa vào triệu chứng, dấu hiệu bệnh lý; Phân tích, xác định nguyên nhân gây ra một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật; Đề xuất hướng phòng và trị bệnh truyền nhiễm có hiệu quả.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
19.	Dịch tễ học thú y	Cung cấp những kiến thức, những lý luận khoa học về dịch tễ học hiện đại, hướng dẫn các phương pháp nghiên cứu, phân tích dịch tễ học, các phương pháp đo lường, các kỹ thuật thu thập, phân tích các dữ liệu dịch tễ một cách cơ bản, có hệ thống và chính xác, đồng thời đề xuất các biện pháp can thiệp hữu hiệu nhất để phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế, ngăn chặn và thanh toán dịch bệnh	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20.	Chuyên đề bệnh chó mèo	Trang bị cho học viên các lý luận cơ bản về các bệnh thường gặp ở chó, mèo. Phương pháp chẩn đoán và có các biện pháp can thiệp hợp lý. Phân tích các hiện tượng bệnh lý, giải thích cơ chế sinh bệnh. Phân tích các yếu tố liên quan đến hiện tượng bệnh lý, phán đoán diễn biến và hậu quả của bệnh.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thảo luận, trình bày chuyên đề			
21.	Bệnh của động vật thủy sản	Nắm được các khái niệm cơ bản về bệnh học thủy sản; Phân biệt được bệnh truyền nhiễm, bệnh kí sinh trùng và bệnh do các yếu tố vô sinh; Hiểu được tác nhân gây bệnh, đặc điểm, nguồn gốc và con đường lan truyền đặc thù của từng loại bệnh; Nắm bắt được dấu hiệu chẩn đoán, tác nhân và phương pháp phòng trị có hiệu quả một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi Phân tích chẩn đoán được một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi dựa vào triệu chứng, dấu hiệu bệnh lý; Phân tích, xác định nguyên nhân gây một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở thủy sản nuôi; Đề xuất hướng phòng và trị bệnh ở thủy sản nuôi hiệu quả.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
22.	Bệnh của động vật hoang dã	Kết thúc môn học, học viên có thể áp dụng được các kiến thức cơ bản của thú y vào phòng trị bệnh động vật hoang dã	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
23.	Chuyên đề bệnh gia súc nhai lại.	Học viên nắm được nguyên lý và các tác nhân gây bệnh trên gia súc nhai lại. Chẩn đoán và phân tích cơ chế gây bệnh; Xác định nguyên nhân và các biện pháp can thiệp hợp lý.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
24.	Vệ sinh Thú y	Biết vai trò, đặc điểm của tiêu khí hậu chuồng nuôi đối với khả năng sinh trưởng, sức khỏe và khả năng sản xuất của vật nuôi. Từ đó, vận dụng các biện pháp vệ sinh thú y nhằm tạo ra tiêu khí hậu tốt, góp phần bảo vệ sức khỏe vật nuôi, nâng cao hiệu quả sản xuất.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
25.	Thống kê sinh học và thiết kế thí nghiệm	Học viên nắm vững được các nguyên lý thống kê sinh học trong Thú y, các khái niệm về các tham số thống kê, các phương pháp bố trí thí nghiệm và phân tích thống kê phù hợp phương pháp bố trí thí nghiệm. Trên cơ sở đó có khả năng ứng dụng kết quả về thống kê mô tả và thống kê phân tích cho biện luận các dữ liệu nghiên cứu	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
26.	Ngoại khoa thú y	Nâng cao kiến thức về Ngoại khoa thú y cho học viên cao học, đáp ứng được yêu cầu công việc chuyên môn mà họ đảm nhận.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					phần: 70%
27.	Hệ thống chăn nuôi gia súc nhiệt đới	- Cung cấp cho học viên hiểu thế nào là một hệ thống, hệ thống sản xuất nông nghiệp, hệ thống chăn nuôi. Từ đó, học viên có thể biết được các thành phần khác nhau trong và ngoài hệ thống, sự vận động và vai trò khác nhau của mỗi một thành phần. - Phân tích các thành phần khác nhau của hệ thống chăn nuôi để từ đó, bố trí hay tổ chức sản xuất chăn nuôi có hiệu quả tốt nhất, không gây ô nhiễm môi trường và phục vụ cuộc sống vật chất và tinh thần của người lao động. - Sử dụng hợp lý tài nguyên nông nghiệp để phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững. - Hiểu được các thành phần, bản chất và khả năng hoạt động của chúng trong một điều kiện sinh thái tự nhiên nhất định nào đó - Có khả năng tự thiết kế các mô hình chăn nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của người lao động và tổ chức sản xuất chăn nuôi có hiệu quả, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân - Có khả năng phân tích tình hình và đề ra các chiến lược phát triển chăn nuôi theo mô hình nhỏ nông hộ hay chăn nuôi tập trung công nghiệp. - Biết xử lý các tình huống và cân bằng các yếu tố đầu vào/đầu ra để tổ chức chăn nuôi có hiệu quả.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
28.	Kỹ thuật nuôi ong	Hệ thống, nâng cao những kiến thức đã học ở bậc đại học và cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới về kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác và phòng trừ bệnh ong nhằm thích ứng với thực tiễn sản xuất, từ đó vận dụng kiến thức mới được cập nhật vào nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn sản xuất.	2	Học kỳ III	Điểm kiểm tra giữa học phần: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 70%
29.	Luận văn tốt nghiệp		10	Học kỳ IV	Điểm thi kết thúc học phần: 100%

VII. Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

42. Sư phạm Toán học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	HKIV	Thi tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mạng Việt Nam.			
5	Tâm Lý học Giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.	02		Thi tự luận
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.			
7	Giáo dục học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. - Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. - Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. - Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. - Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. - Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy luật của quá trình dạy học. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. - Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. - Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. - Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. - Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. - Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông. * Kỹ năng - Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như: - Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề. - Soạn được giáo án chuyên môn. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể. - Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.			
8	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	HK II	Thi tự luận
12	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp
14	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giản...			
15	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy và và vấn đáp
16	Kỹ năng giao tiếp	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng . - Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lí luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. - Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.	02		Thi tự luận
17	Tâm lí học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học . - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác.			
18	Giáo dục thể chất 1	Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	01		Thi thực hành
19	Giáo dục thể chất 2	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên			
20	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	01		Thi thực hành
21	Kinh tế học đại cương	Nội dung trọng tâm của học phần là cung cấp những lý thuyết kinh tế cơ bản như lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng, sự vận hành của thị trường và giới thiệu các cấu trúc thị trường cơ bản, cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số vấn đề liên quan đến hạch toán sản lượng trong nền kinh tế, tổng cầu tổng cung cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô thường áp dụng trong nền kinh tế tác động tới sản lượng trong nền kinh tế.	02		Thi tự luận
22	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính	02	HK I	Thi thực hành trên máy

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.			
23	Giải tích 1	Cung cấp những kiến thức nền tảng của giải tích toán học như: lý thuyết giới hạn của dãy số và hàm số, sự liên tục của hàm số, phép tính vi phân và tích phân của hàm số một biến số, và các ứng dụng của Giải tích trong Vật lý và các lĩnh vực khoa học khác.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
24	ĐS và hình học giải tích	Cung cấp cho sinh viên ngành Hóa các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và hình học giải tích : matrận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, dạng song tuyến tính, dạng toàn phương, đường bậc hai và mặt bậc hai.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
25	Giải toán trên máy tính	Cung cấp các kiến thức về phương trình sai phân cấp và ứng dụng. Bổ sung kiến thức về giải gần đúng	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương trình, các kiến thức về niên khoản, lãi kép; các kiến thức sử dụng máy tính điện tử cầm tay để tính toán giải hệ phương trình, giải phương trình, giải các dạng toán trong sách giáo khoa trung học cơ sở và trung học phổ thông			chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
26	Toán rời rạc	Cung cấp các kiến thức một cách hệ thống đầy đủ về, logic Toán; mạch logic; thuật toán và ứng dụng vào hiệu và học tốt môn tin học, giải một số bài toán sơ cấp khó.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
27	Không gian metric-không gian topo	Sinh viên cần nắm được khái niệm metric và không gian metric, sự hội tụ trong không gian metric, tập mở và tập đóng trong không gian metric, tính liên tục và liên tục đều của ánh xạ trong không gian metric, không gian metric đầy đủ, không gian metric khả li và không gian metric compact. Song song với đó, sinh viên cũng phải nắm được khái niệm tô-pô và không gian tô-pô, lưới và lọc, ánh xạ liên tục giữa các không gian tô-pô, các lớp không gian tô-pô quan trọng như không gian tô-pô Hausdorff, không gian tô-pô chính quy, không gian tô-pô chuẩn tắc, không gian tô-pô compact, không gian tô-pô liên thông và không gian tô-pô khả metric.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%.
28	Cơ sở số học	Sinh viên cần nắm được cách xây dựng các tập hợp số	2		ĐBP chiếm 30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		từ tập hợp số tự nhiên cho đến tập hợp các số phức và từ cấu trúc đại số của các tập hợp số này đưa ra các tính chất của chúng; nắm được các đa thức bất khả qui trên các trường số đã xây dựng.			điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
29	Số luận	Sinh viên cần nắm được khái niệm và các tính chất chia hết trên vành số nguyên; khái niệm và các tính chất của các hàm số số học; lý thuyết đồng dư và phương trình, hệ phương trình đồng dư.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
30	Phương pháp giảng dạy đại số và giải tích	Nắm vững mục đích, nhiệm vụ dạy học học phần Đại số và Giải tích ở trường phổ thông về vị trí và tầm quan trọng, các quan điểm trình bày, mục đích và yêu cầu, phương pháp dạy học từng phần của các nội dung: dạy học chủ đề tập hợp số; dạy học chủ đề hàm số; dạy học chủ đề giới hạn và đạo hàm; dạy học chủ đề phương trình, bất phương trình; dạy học chủ đề nguyên hàm, tích phân và dạy học chủ đề đại số tổ hợp.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
31	Rèn luyện nghiệp vụ SP	Hệ thống hoá kiến thức đã học về nghiệp vụ sư phạm như: Tâm lý học, Giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn bằng hành động thực hành thường xuyên. Sinh viên nắm được phân phối chương trình toán ở phổ thông, nắm vững các kiến thức được trình bày trong sách giáo khoa Toán ở trường phổ thông, để soạn bài,	1		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giảng dạy và xử lý các tình huống xư phạm trong thực tiễn.. Sinh viên làm quen một số công việc về giáo dục và giảng dạy của người giáo viên.			điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
32	Toán A1	Hiểu được những kiến thức nền tảng của giải tích toán học như: lý thuyết giới hạn của dãy số và hàm số, sự liên tục của hàm số, phép tính vi phân và tích phân của hàm số một biến số. Hiểu được cơ sở của các kiến thức Giải tích trong chương trình môn Toán ở trường phổ thông; Hiểu được những ứng dụng của Giải tích trong Vật lí và các lĩnh vực khoa học khác.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
33	Toán A2	Nắm vững lý thuyết tích phân hàm một biến, lý thuyết chuỗi số, chuỗi hàm và các ứng dụng.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
34	Toán A3	Sinh viên cần nắm được các cấu trúc cơ bản trên không gian R^n như là cấu trúc tuyến tính, định chuẩn, metric, tô-pô và sự hội tụ trong không gian này. Cần xét được giới hạn của các hàm nhiều biến và hàm véc-tơ, tính liên tục của hàm nhiều biến và hàm véc-tơ, tính khả vi của hàm nhiều biến và hàm véc-tơ, công thức Taylor, định lí hàm ngược và định lí hàm ẩn. Ngoài ra, sinh viên	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cần nắm được một số ứng dụng giải tích cũng như hình học của hàm nhiều biến và hàm véc-tơ vào một số bài toán đơn giản. Lý thuyết về các tích phân xác định mà các thành phần tạo nên tích phân đó phụ thuộc vào một tham số nào đó, chẳng hạn hàm dưới dấu tích phân hoặc các cận của tích phân và do đó giá trị của tích phân là một hàm của tham số đó. Nắm được các tính chất liên tục, khả vi và khả tích của các hàm này.			(50%)
35	Toán A4	Môn học cung cấp cho sinh viên: +Lý thuyết về các tích phân xác định mà các thành phần tạo nên tích phân đó phụ thuộc vào một tham số nào đó, chẳng hạn hàm dưới dấu tích phân hoặc các cận của tích phân và do đó giá trị của tích phân là một hàm của tham số đó. Nắm được các tính chất liên tục, khả vi và khả tích của các hàm này. +Lý thuyết về tích phân bội trên hình hộp trong R^n. Mở rộng khái niệm tích phân trên hình hộp sang miền bị chặn bất kỳ trong R^n, chứng minh các tính chất của tích phân trên miền bị chặn. +Trình bày định lý Fubini, công thức đổi biến trong tích phân bội. +Lý thuyết về tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, công thức Green. +Lý thuyết về tích phân mặt loại 1 và tích phân mặt loại 2, công thức Stokes và công thức Ostrogradski.			ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
36	Toán B	Giúp Sinh viên ôn lại một cách hệ thống về lý thuyết giới hạn; phép tính vi tích phân của hàm một biến số và những ứng dụng của nó, đồng thời bổ sung cho sinh	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên một số khái niệm quan trọng: Các dạng vô định, khái niệm vô cùng bé, vô cùng lớn, một số hàm số thường gặp và tích phân suy rộng. Cung cấp thêm các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính. Các kiến thức cơ bản về chuỗi số: Chuỗi số hội tụ, phân kỳ; xét sự hội tụ của chuỗi số, tìm miền hội tụ của chuỗi hàm. Các khái niệm cơ bản của hàm nhiều biến số và các tính chất của nó, cực trị hàm số nhiều biến số. Cung cấp các kiến thức về phương trình vi phân cấp 1, cấp 2 và ứng dụng.			ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
37	Xác suất thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
38	Toán C1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phép tính vi phân hàm một biến, nhiều biến, tích phân, phương trình vi phân, sai phân và bước đầu biết vận dụng chúng làm một số bài toán kinh tế cơ bản.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
39	Toán C2	Môn học Toán C2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình, ra	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quyết định trong kinh tế và quản lý bao gồm: Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vectơ số học n chiều; Dạng toàn phương.			ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
40	Đại số tuyến tính	Sinh viên được trang bị đầy đủ các kiến thức cơ bản về <i>Đại số tuyến tính</i> như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, dạng song tuyến tính, dạng toàn phương, dạng chính tắc của dạng toàn phương, không gian vectơ Euclid.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
41	Tập hợp – logic toán	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về logic toán: mệnh đề, công thức, suy luận toán học, các phương pháp chứng minh; kiến thức về tập hợp: khái niệm tập hợp, các phép toán trên tập hợp, tập con, sự lượng hóa, lực lượng của tập hợp. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quan hệ hai ngôi với hai loại quan hệ cơ bản là quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự; kiến thức về ánh xạ: định nghĩa ánh xạ, các ánh xạ đặc biệt. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về logic tân từ và các lý thuyết cấp một: các lý thuyết cơ bản về logic tân từ, toán tân từ và các lý thuyết cấp một.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
42	Hàm biến phức	Môn học cung cấp cho sinh viên: - Cách xây dựng trường số phức, các tính chất của số phức, tô pô trên mặt phẳng phức	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Lý thuyết về Hàm biến phức: khái niệm đạo hàm phức, hàm chỉnh hình, Ánh xạ bảo giác. Tính chất chỉnh hình và bảo giác của một số hàm sơ cấp. - Lý thuyết về Tích phân phức (bao gồm Định nghĩa và các tính chất của tích phân phức): Các định lý Cauchy, công thức tích phân Cauchy, Tích phân loại Cauchy. - Lý thuyết Chuỗi hàm phức: Chủ yếu trình bày về hai chuỗi: Taylor và Laurent. Các điểm bất thường cô lập. - Xây dựng khái niệm thặng dư, cách tính và ứng dụng thặng dư vào việc tính tích phân.			ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
43	Độ đo tích phân	Nắm vững lý thuyết về độ đo trên đại số các tập con, thác triển độ đo, hàm đo được, tích phân của hàm đo được và mối quan hệ giữa tích phân Riemann và tích phân Lebesgue.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
44	Giải tích hàm	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản về không gian tuyến tính định chuẩn, sự tương thích giữa cấu trúc tô-pô và cấu trúc véc-tơ trên không gian này, đặc biệt là các nguyên lý cơ bản của giải tích hàm và lý thuyết về toán tử giữa các không gian định chuẩn.	2		
45	Phương trình vi phân	Hiểu được những kiến thức nền tảng của phương trình vi phân như: khái niệm phương trình và hệ phương trình vi phân, nghiệm, sự tồn tại nghiệm, một số loại phương trình và hệ phương trình vi phân giải được. Hiểu được những ứng dụng của Phương trình vi phân	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong Vật lý, Dân số và các lĩnh vực khoa học khác.			tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
46	Phương trình đạo hàm riêng	Có các kiến thức cơ bản về phương trình đạo hàm riêng: định nghĩa phương trình đạo hàm riêng và một số định nghĩa liên quan (phương trình đạo hàm riêng tuyến tính, phi tuyến tính, tựa tuyến tính, nghiệm, tích phân tổng quát, ...), phân loại phương trình đạo hàm riêng, bài toán biên, bài toán Cauchy. Phương pháp giải phương trình đạo hàm riêng tuyến tính cấp 1, cấp 2 (Phương trình loại ellip, parabol, hyperbol).	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
47	Lý thuyết module	Hiểu được những kiến thức nền tảng của đại số hiện đại như: cấu trúc module, đồng cấu module, tích và tổng trực tiếp, module tự do, tích ten xơ, dãy khớp,... Hiểu được mối liên hệ giữa cấu trúc module với các cấu trúc khác như nhóm, vành và không gian vec tơ.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
48	Hình học xạ ảnh	Có các kiến thức cơ bản về hình học xạ ảnh: Không gian xạ ảnh, ánh xạ xạ ảnh và biến đổi xạ ảnh, siêu mặt bậc hai. Cụ thể: Nắm vững các khái niệm, các mô hình của không gian xạ ảnh (đặc biệt là không gian xạ ảnh 2 chiều); định nghĩa, tính chất của mục tiêu và tọa độ xạ ảnh; phương trình của phẳng xạ ảnh; định nghĩa, tính chất của tỉ số kép của bốn điểm thẳng hàng và chùm siêu phẳng (đặc	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biệt là trong mặt phẳng xạ ảnh); định nghĩa, tính chất của ánh xạ xạ ảnh, phép biến đổi xạ ảnh; tọa độ thuần nhất, tọa độ không thuần nhất của một điểm xạ ảnh; mô hình xạ ảnh của không gian afin và thể hiện các khái niệm liên quan, phân biệt được mô hình xạ ảnh và mô hình afin; nguyên tắc đối ngẫu; siêu mặt bậc hai và phân loại của chúng; siêu phẳng đối cực; định lý Pascal, Brianson; sự xác định của các đường conic.			
49	Phương pháp tính	Sinh viên cần hiểu rõ, nắm bắt được tính hệ thống, ý tưởng, các vấn đề sau: + Số xấp xỉ và sai số. + Tính gần đúng nghiệm thực của phương trình đại số và siêu việt. + Giải gần đúng hệ phương trình đại số tuyến tính. + Nội suy. + Giải gần đúng phương trình vi phân thường.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
50	Ứng dụng tin học trong giảng dạy toán	Sinh viên cần hiểu rõ, nắm bắt được tính hệ thống, ý tưởng, các vấn đề sau: + Nêu được cơ sở lý luận của việc ứng dụng CNTT trong dạy học + Biết được các mô hình lý thuyết làm nền tảng cho việc sử dụng phương tiện và công nghệ + Trình bày được các đặc trưng cơ bản, cấu trúc, tiêu chí đánh giá một bài giảng điện tử	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
51	Chuyên đề Đại số	Hiểu được những kiến thức nền tảng của đại số như: phạm trù, hàm tử, đồng điều và đối đồng điều, giải thức	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội xạ và giải thức xạ ảnh, hàm tử xoắn và hàm tử mở rộng,...			chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
52	Chuyên đề Hình học	Sinh viên nắm được một số kiến thức mở đầu về hình học không đối xứng symplectic, bao gồm các kiến thức về không gian symplectic và các đa tạp con của phân thớ đối tiếp xú	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%.
53	Chuyên đề Giải tích	Hiểu được những kiến thức về các phương pháp giải phương trình vi phân và đánh giá sai số. Hiểu và lập được các mô hình Phương trình vi phân trong đời sống như trong Vật lý, Dân số, Sinh học, Xã hội học, Kinh tế, Y học...	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
54	Giải tích 2	Sinh viên cần hiểu rõ, nắm bắt được tính hệ thống, ý tưởng, các vấn đề sau: Tích phân bội, Tích phân đường, Tích phân mặt, Phương trình vi phân	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
55	Toán cao cấp	Hiểu được những kiến thức nền tảng của giải tích toán học như: lý thuyết giới hạn của hàm số, sự liên tục của hàm số, phép tính vi tích phân của hàm một biến số,	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuỗi số, chuỗi hàm; phép tính vi phân và cực trị hàm nhiều biến và phương trình vi phân. Hiểu được cơ sở của các kiến thức Giải tích trong chương trình môn Toán ở trường phổ thông; Hiểu được những ứng dụng của Giải tích trong một số lĩnh vực khoa học khác.			ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
56	Tiếng Anh chuyên ngành Toán	Sinh viên thành thạo trong việc dịch thuật các tài liệu toán học bằng tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại, trong việc trình bày các tài liệu toán học như bài giải, bài báo hay báo cáo bằng tiếng Anh, nghe hiểu các bài giảng bằng tiếng Anh.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
57	Hình học afin và Euclide	Sinh viên cần hiểu rõ, nắm bắt được tính hệ thống, ý tưởng của các vấn đề sau: + Hiểu rõ mối quan hệ giữa hình học affine, các mặt phẳng, mặt bậc hai, biến đổi afin... + Hiểu rõ mối quan hệ giữa hình học Euclid, khoảng cách, sự trục giao của các phẳng, biến đổi đẳng cự, biến đổi đồng dạng, mặt bậc hai trong không gian Euclid, hình học của nhóm đẳng cự.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
58	Đại số sơ cấp	Nắm vững các khái niệm, tính chất và những ứng dụng của đa thức, Hiểu được các khái niệm về phương trình, bất phương trình, hệ phương trình và hệ bất phương trình cùng các khái niệm có liên quan. Nắm vững các phép biến đổi	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tương đương về phương trình, bất phương trình, hệ phương trình và bất phương trình; phép biến đổi hệ quả của phương trình. Hiểu được khái niệm bất đẳng thức và các tính chất của chúng. Nắm vững một số phương pháp để chứng minh bất đẳng thức.			tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
59	Hình học sơ cấp	Có các kiến thức cơ bản về cơ sở hình học và hình học sơ cấp ở trường trung học phổ thông. Cụ thể: Sinh viên nắm được sơ lược về lịch sử hình thành hình học và hệ tiên đề xây dựng hình học ở trường phổ thông. Nắm vững các khái niệm về quỹ tích và giải bài toán quỹ tích; các khái niệm về bài toán dựng hình và giải bài toán dựng hình; các khái niệm về góc nhị diện và góc tam diện, góc đa diện, hình đa diện, ...; các phép biến hình trong mặt phẳng, trong không gian và ứng dụng chúng để giải toán.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
60	Chuyên đề đại số-giải tích cho học sinh giỏi	Cung cấp kỹ thuật giải một số dạng toán về đại số và giải tích trong các chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi bậc THPT và THCS	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
61	Chuyên đề hình học cho học sinh giỏi	Trang bị các phương pháp giải một số dạng toán thường có trong các đề thi vào các lớp chuyên, chọn và đề thi học sinh giỏi. Bổ sung các kiến thức mới.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
62	Lý thuyết xác suất trên không gian Lebesgue	Cung cấp các khái niệm cơ bản, một số tính chất định tính về xác suất trên các không gian đo được và có thể giải được các loại bài tập về xác suất dựa trên độ đo Lebesgue	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
63	Đại số Banach và đại số đều	Cung cấp các kiến thức đại cương về đại số Banach và đại số đều, cung cấp khái niệm về phổ của đại số Banach và không gian các ideal của đại số đều	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
64	Hình học hiện đại	Cung cấp các kiến thức về giải tích véc tơ; dạng vi phân trên đa tạp; đa tạp khả vi; Hình học Riemann; Liên thông tuyến tính	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
65	Đại số Lie và nhóm Lie	Sinh viên cần nắm được các khái niệm chính về nhóm Lie và đại số Lie.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
66	Lý luận dạy học môn Toán	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy và học môn Toán ở trường phổ thông nói chung, môn toán ở trường THPT nói riêng.			ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
67	Phương Pháp giảng dạy hình học	Học phần là cung cấp cho SV những nội dung cụ thể về dạy học vector, biến hình, tọa độ, ...và PPDH các nội dung này ở trường THPT.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
68	Toán E	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về logic toán, tập hợp, tổ hợp, quan hệ hai ngôi, ánh xạ	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
69	Đại số đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phép toán hai ngôi; các phần tử đặc biệt của phép toán; nửa nhóm, vị nhóm; định nghĩa nhóm, các qui tắc tính trong nhóm, cấp của nhóm, điều kiện để một nửa nhóm, một vị nhóm trở thành một nhóm, cách chứng minh một tập hợp là một nhóm, các ví dụ tiêu biểu về nhóm; Phép toán cảm sinh, nhóm con, tiêu chuẩn nhận biết nhóm con; nhóm sinh bởi một bộ phận, nhóm cyclic; lớp ghép theo một nhóm con, định lý Lagrăng; nhóm con chuẩn tắc và nhóm thương; đồng cấu nhóm, ảnh và hạt nhân, định lý cơ bản về đồng cấu nhóm; nhóm đối xứng và nhóm thay phiên; đối xứng hóa. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vành, miền nguyên, thể, trường, vành con, trường con, idêan, vành thương, idêan nguyên tố, idêan cực đại; đồng cấu vành, ảnh và hạt nhân của đồng cấu vành, định lý cơ bản về đồng cấu vành; trường các thương của miền nguyên; vành chính, vành Euclide, vành Gauss. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vành đa thức một ẩn, bậc của đa thức, nghiệm của đa thức, phép chia với dư trên vành đa thức một ẩn; vành đa thức nhiều ẩn, bậc, sự sắp xếp các hạng tử của một đa thức, đa thức đối xứng, định lý cơ bản về đa thức đối xứng, biểu thị một đa thức đối xứng qua các đa thức đối xứng cơ bản.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
70	Lý thuyết Galois	Hiểu được những kiến thức nền tảng của lý thuyết mở rộng trường như: Mở rộng trường và bậc của mở rộng trường, mở rộng đại số, mở rộng chuẩn tắc, mở rộng	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tách được. Ứng dụng mở rộng trường vào ba bài toán dựng hình cổ điển. Hiểu được mở rộng Galois, Định lý cơ bản của Lý thuyết Galois, Định lý Galois về đa thức giải được.			ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
71	Hình học vi phân	Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản về hình học vi phân: trường vector, hàm vector, đường cong, mặt, độ cong, độ xoắn, các dạng vi phân và các phép toán trên chúng.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
72	Quy hoạch tuyến tính	Sinh viên cần hiểu rõ, nắm bắt được tính hệ thống, ý tưởng, các vấn đề sau: + Lập được bài toán qui hoạch tuyến tính. + Giải được bài toán quy hoạch tuyến tính và vận dụng chúng để giải các bài toán ở phổ thông. + Lập được bài toán đối ngẫu và giải nó. + Giải được bài toán vận tải.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
73	Phương pháp nghiên cứu khoa học toán học	Cung cấp kiến thức lý thuyết và cơ sở thực tiễn, phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, cách trình bày một báo cáo, bài báo khoa học và khóa luận tốt nghiệp đại học thuộc lĩnh vực nghiên cứu.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)

43. Sư phạm Vật lý

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thể giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	HKIV	Thi tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đăng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách mạng Việt Nam.			
5	Tâm Lý học Giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.	02		Thi tự luận
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học.	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.			
7	Giáo dục học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. - Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. - Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. - Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. - Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể.	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. - Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. - Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. - Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. - Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. - Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông. * Kỹ năng - Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như: - Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề. - Soạn được giáo án chuyên môn. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể. - Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp.			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.			
8	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội.			
11	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	HK II	Thi tự luận
12	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lòng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.			
13	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp
14	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn giản...			
15	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy và và vấn đáp
16	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.	02	HK I	Thi thực hành trên máy
17	Kỹ năng giao tiếp	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng . - Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. - Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.			
18	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học . - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	02		Thi tự luận
19	Giáo dục thể chất 1	Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
20	Giáo dục thể chất 2	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01		Thi thực hành
21	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
22	Kinh tế học đại cương	Nội dung trọng tâm của học phần là cung cấp những lý thuyết kinh tế cơ bản như lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng, sự vận hành của thị trường và giới thiệu các cấu trúc thị trường cơ bản, cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số vấn đề liên quan đến hạch toán sản lượng trong nền kinh tế, tổng cầu tổng cung cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô thường áp dụng trong nền kinh tế tác động tới sản lượng trong nền kinh tế.	02		Thi tự luận
23	Cơ học	Giúp sinh viên nắm vững quy luật, định lý và phương pháp nghiên cứu các chuyển động của vật rắn và chất lưu. Từ đó, giải thích được các hiện tượng cơ học trong tự nhiên, đời sống và các ứng dụng của cơ học trong khoa học kỹ thuật. Ngoài ra, phần cơ học tương đối tính giúp sinh viên có hiểu biết đúng đắn, khoa học về không gian, thời gian và khối lượng của vật chất. Học phần này cơ sở để nghiên cứu các học phần chuyên ngành khác của chương trình Sư phạm Vật lý.	4	HK 1	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.
24	Dao động và sóng	Giúp sinh viên hiểu được bản chất, quy luật và giải thích được các hiện tượng dao động và sóng trong tự nhiên và đời sống, các ứng dụng của dao động và sóng âm, siêu âm trong khoa học kỹ thuật. Ngoài ra, học phần với các bài thí nghiệm về dao động và sóng, giúp sinh viên củng cố và nghiệm lại các kiến thức lý thuyết đã học và rèn luyện kỹ năng thực hành. Từ đó, cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng để có thể giảng dạy	2	HK 1	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, Kiểm tra TH.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tốt các nội dung liên quan trong chương trình Vật lý phổ thông.			
25	Nhiệt học	Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm về các đại lượng nhiệt động của chất khí như nhiệt độ, áp suất, nội năng, entropy,...; thuyết động học phân tử của chất khí; các quá trình chuyển động của phân tử trong chất khí lí tưởng, khí thực, trong chất lỏng và chất rắn và sự chuyển pha giữa các trạng thái; những kiến thức cơ bản về các hiện tượng nhiệt như các nguyên lý nhiệt động lực học, các định luật thực nghiệm của chất khí,...Từ đó sinh viên có thể vận dụng để giải thích được các hiện tượng nhiệt của vật chất và liên hệ kiến thức trong các chuyên ngành khác và chương trình vật lý ở trường phổ thông	3	HK 2	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.
26	Điện từ học	Trang bị cho SV các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về điện trường và từ trường trong chân không và trong môi trường vật chất, cảm ứng điện từ, sóng điện từ và các ứng dụng của kiến thức trong cuộc sống làm cơ sở để SV học tập các môn chuyên ngành, để giảng dạy tốt hơn các kiến thức phần điện, từ trong chương trình vật lý phổ thông. Ngoài ra SV có khả năng: Giải thích các hiện tượng, các nguyên lý hoạt động của các thiết bị máy móc liên quan đến điện trường, từ trường và cảm ứng điện từ, giải được các bài tập, làm việc nhóm, làm việc độc lập và có ý thức vận dụng các kiến thức về điện từ để cải thiện đời sống của bản thân và mọi người xung quanh.	4	HK 3	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.
27	Lý luận dạy học Vật lí	Học phần trang bị cho người học kiến thức về mục tiêu, nhiệm vụ dạy học Vật lý ở trường phổ thông, con đường	3	HK 4	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình thành hệ thống kiến thức Vật lý cơ bản và phương pháp dạy học các kiến thức đó; phát triển tư duy và năng lực sáng tạo của học sinh trong dạy học Vật lý; giáo dục kỹ thuật tổng hợp và giáo dục tư tưởng trong dạy học Vật lý; sử dụng các phương tiện dạy học trong dạy học Vật lý phổ thông; trang bị các phương pháp dạy học cơ bản và cách thức lập một kế hoạch dạy học cụ thể. Từ đó sinh viên có thể vận dụng để học các học phần thuộc khối nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt là học phần kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm tại trường phổ thông.			seminar.
28	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về nguyên tử và hạt nhân để có thể giảng dạy tốt nội dung chương Nguyên tử và hạt nhân trong chương trình lớp 12 Vật lý phổ thông.	2	HK 5	Chuyên cần, kiểm tra.
29	Phương pháp toán lí	Trang bị các kiến thức toán cần thiết và kỹ năng sử dụng toán như là một công cụ để nghiên cứu vật lý, rèn luyện kỹ năng trình bày, kỹ năng kiểm tra, đánh giá và kỹ năng so sánh, liên hệ với phần kiến thức phổ thông đã được học.	3	HK 5	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.
30	Cơ học lượng tử 1	- Hiểu được tính chất lưỡng tính sóng - hạt của vật chất; khái niệm toán tử và các phép tính về toán tử; các tiên đề của cơ học lượng tử; bài toán chuyển động một chiều của hạt vi mô; chuyển động hạt vi mô trong trường xuyên tâm, bài toán nguyên tử Hydro. - Tính toán thành thạo các biểu thức giao hoán; tìm được hàm riêng, trị riêng của toán tử. - Áp dụng việc giải phương trình Schrödinger để mô tả trạng thái của hệ lượng tử.	3	HK 5	Kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu được khái niệm spin, hàm số spin, ma trận Pauli và các tính chất của chúng và có thể vận dụng để giải được các bài tập liên quan đến các ma trận spin và ma trận Pauli. - Rèn luyện ý thức tự học, kỹ năng làm việc nhóm và nhận thức được vai trò quan trọng của môn học trong sự phát triển của vật lý học.			
31	Cơ học lý thuyết	Giúp cho sinh viên chuyên ngành hiểu được bản chất của cơ học cổ điển và cơ học tương đối tính, nghiên cứu sâu sắc hơn bản chất toán học của cơ học. Từ đó, vận dụng để giải quyết các bài toán cơ học, giải thích các hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng vào khoa học kỹ thuật. Trình bày sâu sắc hơn về lý thuyết tương đối hẹp Einstein, một lý thuyết đã làm nên cuộc cách mạng trong nhận thức của con người về phạm trù thời gian, vật chất và vận động.	3	HK 6	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.
32	Nhiệt động lực học và Vật lý thống kê	Trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản của nhiệt động lực học, các kiến thức hiện đại của vật lý lý thuyết liên quan đến hệ nhiều hạt, trong đó tập trung vào nghiên cứu các hệ vật lý nằm trong trạng thái cân bằng nhiệt động, các hệ thức nhiệt động, các phân bố thống kê cổ điển và áp dụng của chúng; Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết một số bài toán của vật lý thống kê và giải thích các hiện tượng trong tự nhiên liên quan đến môn học.	3	HK 6	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.
33	Vật lý chất rắn	Môn học giới thiệu với người học về cấu trúc tinh thể của chất rắn, dao động mạng tinh thể, tính chất nhiệt, điện, từ của chất rắn. Môn học là cơ sở để người học có thể nghiên cứu tiếp và chuyên sâu về vật lý bán dẫn, vật	2	HK 6	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý kim loại, vật lý các chất sắt điện, sắt từ.... Đồng thời giúp các sinh viên Sư phạm Vật lý giảng dạy tốt hơn các phần có liên quan trong chương trình vật lý phổ thông.			
34	Kỹ thuật điện	Học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức về dòng điện xoay chiều ba pha, nguyên tắc và cấu tạo hoạt động của máy biến áp, động cơ, điều khiển động cơ. Hiểu sâu về cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của máy biến áp 3 pha, động cơ không đồng bộ 3 pha, điều khiển động cơ trong thực tế. Rèn luyện kỹ năng lắp ráp mạch thí nghiệm thực tế, vận dụng kiến thức môn học cho thực tế cuộc sống	2	HK 6	Chuyên cần, BC seminar, Kiểm tra TH
35	Thiên văn học	Trang bị kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu thiên văn nhằm góp phần mở rộng tầm nhìn về vũ trụ, vai trò của con người trong quá trình tìm hiểu tự nhiên, có những hiểu biết cơ bản về lịch và thời gian, sự thay đổi thời tiết trên Trái đất, về vũ trụ học... Vận dụng lý thuyết để giải thích các hiện tượng của vũ trụ, sự hình thành các sao, hình thành thiên hà. Sử dụng được kính thiên văn quan sát được một số hành tinh trong hệ Mặt trời và các sao trời sao	2	HK 6	Chuyên cần, kiểm tra, tiểu luận, BC seminar.
36	Điện động lực học	Giúp SV nắm vững các kiến thức về trường điện từ; Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy logic, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học, vận dụng giải bài tập điện động lực học; Rèn luyện phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp.	3	HK 6	Chuyên cần, kiểm tra.
37	Vô tuyến điện tử	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành vật lý những kiến thức cơ bản chung nhất của vật lý vô tuyến và vận dụng để giải thích được nguyên lý của một số mạch điện tử	2	HK 7	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ứng dụng cơ bản (mạch khuếch đại, mạch dao động, mạch tạo xung, mạch điều chế và giải điều chế tín hiệu...), cơ sở của kỹ thuật số. Sinh viên vận dụng kiến thức đã học làm được bài tập, biết giải thích nguyên lý của các mạch thực tế cơ bản. Sinh viên có thể tự thiết kế được cho mình một số mạch điện tử ứng dụng thông thường			seminar.
38	Chuyên đề dạy học tích hợp	Chuyên đề Dạy học tích hợp được dạy cho sinh viên năm thứ tư nhằm hình thành cho sinh viên ngành vật lý năng lực thiết kế một chủ đề dạy học tích hợp liên môn lĩnh vực khoa học tự nhiên ở bậc THPT, đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông sau 2018. Chuyên đề gồm 3 chương trình bày về: Lý luận chung về dạy học tích hợp ở trường phổ thông, các phương pháp và kỹ thuật dạy học thường sử dụng trong dạy học tích hợp và hướng dẫn thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp liên môn lĩnh vực KHTN	2	HK 7	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.
39	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Vật lí	Học phần Kiểm tra, đánh giá trong dạy học vật lý cung cấp cơ sở lý luận về kiểm tra, đánh giá trong dạy học nói chung, dạy học vật lý nói riêng, giúp sinh viên có một cái nhìn tổng quát về tầm quan trọng cũng như các công cụ của kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học (đặc biệt là công cụ trắc nghiệm khách quan). Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về xác suất thống kê, kiểm định một giả thuyết thống kê trong giáo dục, đây là những kiến thức không chỉ phục vụ cho kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học vật lý mà còn phục vụ cho công tác nghiên cứu giáo dục nói chung. Trong phần thực hành: các nhóm sinh viên xây dựng bộ	2	HK 7	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		câu hỏi (tự luận và trắc nghiệm khách quan) với từng đề tài cụ thể, sau đó tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng bộ câu hỏi đã xây dựng			
40	Thiết kế hoạt động dạy học Vật lí	Học phần Thiết kế hoạt động dạy học vật lý là học phần với tinh thần tiếp nối, phát huy các kiến thức và kỹ năng đã được đề cập trong các học phần trước đó thuộc nhóm học phần phương pháp giảng dạy, nhằm mục đích giúp sinh viên sư phạm vật lý hoàn thiện các kỹ năng dạy học, tạo sự thành thạo, tự tin cho sinh viên khi bước vào môi trường nghề nghiệp sau này. Để phát triển năng lực của người giáo viên, các sinh viên sư phạm được cung cấp những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong các học phần về cơ sở, chuyên ngành và phương pháp dạy học. Các học phần trước cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc và nội dung chương trình vật lý phổ thông, cơ sở lý luận về phương pháp dạy học các kiến thức vật lý, kỹ năng giải và hướng dẫn giải bài tập vật lý, kỹ năng sử dụng thí nghiệm trong dạy học vật lý, kỹ năng kiểm tra đánh giá... Riêng học phần Thiết kế hoạt động dạy học là học phần vận dụng tất cả những kiến thức, kỹ năng đã học được từ các học phần trước đó để đi vào giải quyết nhiệm vụ cụ thể: soạn giáo án vật lý THPT theo hướng đổi mới dạy học và thực hiện các tiết dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh.	2	HK 7	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.
41	Cơ học lượng tử 2	- Hiểu được cơ sở của lý thuyết biểu diễn. - Thiết lập được hàm sóng của hệ hạt đồng nhất không tương tác. - Biết được các phương pháp gần đúng trong cơ học lượng tử như lý thuyết nhiễu loạn, phương pháp biến	2	HK 7	Kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân. - Hiểu được các khái niệm: tán xạ, tiết diện tán xạ, hàm sóng tiệm cận và phương pháp gần đúng Born và biết giải một số bài tập đơn giản liên quan. - Vận dụng lý thuyết biểu diễn để xác định các biểu thức toán tử và hàm sóng trong các không gian biểu diễn khác nhau. - Vận dụng các phương pháp gần đúng trong cơ học lượng tử để giải thích trạng thái lượng tử của nguyên tử Hydro đặt trong điện trường, từ trường. - Rèn luyện ý thức chuyên cần, tự học, làm việc nhóm, và nhận thức được vai trò quan trọng của môn học trong sự phát triển của vật lý học.			
42	Hạt cơ bản	- Hiểu được các đặc trưng, phân loại và tương tác giữa các hạt cơ bản. - Hiểu được các nhóm đối xứng cơ bản và các đa tuyến đồng vị. - Hiểu được nội dung mẫu quark. - Hiểu được một số nội dung sơ lược của mô hình chuẩn. - Xác định được các đại lượng đặc trưng của các hạt cơ bản. - Xác định được một số quá trình rất thường gặp. - Vận dụng các đặc trưng của hạt cơ bản để phân loại chúng. - Rèn luyện ý thức tự học, kỹ năng làm việc nhóm và nhận thức được vai trò quan trọng của môn học trong sự phát triển của vật lý học.	2	HK 7	Kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Phương pháp giảng dạy Vật lý	Giúp SV trình bày được bản chất của hoạt động học tập vật lý ở trường phổ thông; Vận dụng được các cách sử dụng các phương tiện, các kỹ thuật dạy học tích cực; Trình bày được các khái niệm, các bước vận dụng, phạm vi áp dụng của các phương pháp dạy học vật lý cơ bản cũng như các phương pháp dạy học hiện đại như dạy học theo góc, dạy học dự án, ... Đồng thời có kỹ năng thiết kế được giáo án theo mẫu quy định; Soạn được các giáo án vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; Thực hiện dạy được các loại giờ học phổ biến trong môn vật lý.	3	HK 7	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.
44	Ứng dụng tin học trong giảng dạy Vật lý	Cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy vật lý, trang bị cho sinh viên các kỹ năng sử dụng những phần mềm tin học chuyên hỗ trợ cho việc thực hiện minh họa, mô phỏng, thiết kế bài giảng cho chuyên ngành Vật lý hiện nay. Bên cạnh tạo ra các thí nghiệm mô phỏng cho Vật lý trên máy tính sinh viên còn được giới thiệu một số kinh nghiệm thực tiễn để thiết kế giáo án điện tử giúp các em khi ra trường tiếp cận ngay với môi trường dạy học trực tuyến theo xu hướng dạy học hiện đại.	2	HK 7	Chuyên cần, tiểu luận, BT nhóm.
45	Vật lý khí quyển	Học phần giúp người học có kiến thức tổng quan về khí quyển tầng thấp: giải thích cơ chế của gió, bão, giông sét... và biết cách phòng chống những rủi ro tự nhiên. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khí quyển tầng cao và các kỹ thuật quan trắc tầng điện ly. Sinh viên vận dụng kiến thức môn học giải thích được sự cân bằng bức xạ và cân bằng nhiệt ở mặt đất, cơ chế	2	HK 8	Chuyên cần, kiểm tra, tiểu luận, BC seminar.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình thành gió mưa, các front nóng lạnh, kỹ năng phòng tránh sét, tính toán chống sét cho công trình, kỹ năng xử lý số liệu để tìm các thông số vật lý của tầng điện ly			
46	Cơ sở vật liệu học	Cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản chung nhất của môn vật liệu, nhằm rèn luyện cho sinh viên phương pháp học tập và kỹ năng vận dụng kiến thức để giải thích được mối liên hệ giữa cấu trúc và tính chất của vật liệu tồn tại trong cuộc sống hằng ngày để sinh viên có khả năng vận dụng tốt trong quá trình giảng dạy trong chương trình trung học phổ thông. Sau khi hoàn thành xong học phần này SV nắm được kiến thức cơ bản chung nhất của vật liệu học và vận dụng để giải thích được mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của mỗi một vật liệu.	2	HK 8	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.
47	Kỹ thuật hạt nhân	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng các ứng dụng của kỹ thuật hạt nhân để có thể giảng dạy tốt nội dung chương Nguyên tử và hạt nhân cũng như chuyên đề ứng dụng của phóng xạ trong y học trong chương trình Vật lý giáo dục phổ thông mới	2	HK 8	Chuyên cần, kiểm tra.
48	CD Cơ - Nhiệt BD HS giỏi Vật lí	Nội dung học phần được trình bày dưới dạng các chủ đề về một số kiến thức Cơ nhiệt nâng cao, các bài tập khó về cơ học và nhiệt học trong bồi dưỡng học sinh giỏi ở trường phổ thông. Mỗi chuyên đề, sinh viên được nghiên cứu các vấn đề lý thuyết trọng tâm, giải các bài tập minh họa và xây dựng được hệ thống các bài tập bồi dưỡng học sinh giỏi tương ứng. - Nội dung học phần cũng đề cập đến và giải thích các hiện tượng cơ và nhiệt trong tự nhiên và đời sống, các ứng dụng của cơ và nhiệt trong khoa học kỹ thuật.	2	HK 8	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Môn Chuyên đề Cơ Nhiệt bồi dưỡng HS giỏi Vật lý cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng để có thể giảng dạy tốt các kiến thức Cơ nhiệt nâng cao trong chương trình Vật lý phổ thông, có khả năng bồi dưỡng kiến thức lý thuyết cũng như kỹ năng giải bài tập khó cho các HS giỏi, HS tham gia các đội tuyển ở trường THPT.			
49	CD Điện - Quang BD HS giỏi Vật lý	Trang bị cho sinh viên sự phạm vật lý các kiến thức vật lý đại cương thường được khai thác trong ôn tập và thi học sinh giỏi vật lý ở trường THPT, để có thể đảm nhiệm được công tác bồi dưỡng học sinh giỏi thuộc chuyên đề điện, quang trong môn Vật lý	2	HK 8	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.
50	Vật lý B	Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kỹ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.	2	HK 1, 2, 3	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.
51	Vật lý A1	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về Vật lý nói chung và về Cơ học và Nhiệt học nói riêng. Học phần giúp sinh viên có thể giải thích được các hiện tượng cơ học và nhiệt học trong tự nhiên và trong đời sống, biết được các ứng dụng của cơ học và nhiệt học trong khoa học kỹ thuật. Những kiến thức này giúp sinh viên có cái nhìn đúng đắn về sự vật, hiện tượng của thế giới tự nhiên theo quan điểm khoa học	2	HK 1	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		làm cơ sở để tiếp thu tốt các môn học khác trong chuyên ngành và đồng thời có thể vận dụng được các phương pháp nghiên cứu của Vật lý vào việc nghiên cứu các lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành.			
52	Vật lí A2	- Hiểu được các định luật của điện từ học, quang học sóng. - Biết vận dụng lý thuyết giải thích một số hiện tượng điện từ và quang học thường gặp trong tự nhiên và trong đời sống. - Giải được các bài tập cơ bản thuộc phần điện từ và quang học sóng. - Rèn luyện ý thức tự học, kỹ năng làm việc nhóm và nhận thức được vai trò quan trọng của môn học.	2	HK 2	Kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.
53	Vật lí đại cương - Lý sinh	Giúp sinh viên có các kiến thức cơ bản về các quy luật, hiện tượng, quá trình vật lý cơ bản và cơ chế, tác động, ứng dụng của chúng đối với cơ thể sinh vật, trình bày được các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Rèn luyện kỹ năng đo đạc, phân tích, kiểm chứng và đánh giá được các định luật cơ bản của Vật lý; Thực hiện được các thao tác cơ bản của một số kỹ thuật Lý sinh ứng dụng trong Y học. Mô tả được được nguyên lý cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của một số kỹ thuật Lý sinh y học.	3	HK 2	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, Kiểm tra TH
54	Quang học	Cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản chung nhất của quang học, nhằm rèn luyện cho sinh viên phương pháp học tập và kĩ năng vận dụng kiến thức để giải thích được một số hiện tượng tự nhiên trong cuộc sống hằng ngày để sinh viên có khả năng	4	HK 4	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, BC seminar.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vận dụng tốt trong quá trình giảng dạy cho chương trình trung học phổ thông. Sau khi hoàn thành xong học phần này SV nắm được bản chất của ánh sáng là sóng hạt thông qua các kiến thức cơ bản như quang hình học, giao thoa, nhiễu xạ, phân cực và lượng tử ánh sáng. SV biết được sự khác biệt giữa quang tuyến tính và quang phi tuyến.			
55	Phương pháp dạy giải bài tập Vật lý PT	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giải bài tập vật lý và hướng dẫn giải bài tập vật lý. Trong đó, chương 1 trình bày vai trò và phân loại các bài tập vật lý, giúp sinh viên có khả năng xác định, lựa chọn bài tập vật lý phù hợp với mục đích dạy học; cung cấp phương pháp chung để giải các bài tập vật lý và trình tự các bước trong quá trình hướng dẫn giải bài tập cho học sinh THPT. Bài tập vật lý có thể được phân loại theo nội dung (bài tập cơ, nhiệt, điện – từ, quang), theo hình thức (bài tập tự luận, bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn, bài tập điền khuyết...), theo mức độ phát triển tư duy (bài tập tập dượt, bài tập luyện tập, bài tập cơ bản, bài tập sáng tạo...), theo phương thức giải (bài tập định tính, bài tập định lượng). Chương 2 chỉ rõ những điểm cần lưu ý khi tiến hành giải và dạy giải các bài tập vật lý cho các phân cụ thể: cơ học, nhiệt học, điện và từ, quang học. Đồng thời trong chương 2 sinh viên sẽ thực hành dạy giải các bài tập vật lý phổ thông trước toàn lớp, tham gia nhận xét, góp ý đánh giá lẫn nhau để rèn luyện kỹ năng dạy giải bài tập vật lý THPT.	2	HK 5	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	HKIV	Thi tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mạng Việt Nam.			
5	Tâm Lý học Giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.	02		Thi tự luận
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.			
7	Giáo dục học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. - Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. - Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. - Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. - Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. - Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy luật của quá trình dạy học. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. - Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. - Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. - Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. - Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. - Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông. * Kỹ năng - Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như: - Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề. - Soạn được giáo án chuyên môn. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể. - Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.			
8	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	HK II	Thi tự luận
12	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp
14	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giản...			
15	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy và và vấn đáp
16	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.	02	HK I	Thi thực hành trên máy
17	Kỹ năng giao tiếp	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng . - Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. - Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.			
18	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học . - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	02		Thi tự luận
19	Giáo dục thể chất 1	Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
20	Giáo dục thể chất 2	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01		Thi thực hành
21	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
22	Kinh tế học đại cương	Nội dung trọng tâm của học phần là cung cấp những lý thuyết kinh tế cơ bản như lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng, sự vận hành của thị trường và giới thiệu các cấu trúc thị trường cơ bản, cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số vấn đề liên quan đến hạch toán sản lượng trong nền kinh tế, tổng cầu tổng cung cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô thường áp dụng trong nền kinh tế tác động tới sản lượng trong nền kinh tế.	02		Thi tự luận
23	Hóa học ĐC 1	– Trang bị cho sinh viên không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. – Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. – Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
24	Hóa học ĐC 2	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên các nhóm nguyên tố và tính chất cơ bản của mỗi loại, hợp chất hydrua, oxit, và hydroxit, các vấn đề kiến thức cơ bản trong hóa hữu cơ (liên kết cộng hóa trị trong hợp chất hữu cơ, hiệu ứng chuyển dịch electron, cơ chế các loại phản ứng trong hợp chất hữu cơ, tính chất và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ (hydrocarbon, dẫn xuất halogen, ancol, phenol, ether, hợp chất carbonyl, carboxyl, hợp chất chứa nitrogen)	2	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
25	Hóa phân tích	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích định tính và phân tích định lượng để có thể xử lý mẫu phân tích một cách chính xác và tối ưu nhất	1/1	Học kì III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		góp phần phục vụ cho những môn học chuyên ngành sau này. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo thao tác thực hành trong khi phân tích mẫu.			10%: Thực hành; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
26	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ bản về hóa học, từ đó vận dụng được những kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu những học phần tiếp theo trong chuyên ngành của mình.	2/0	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
27	Hóa học ĐC	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ bản về hóa học, từ đó vận dụng được những kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu những học phần tiếp theo trong chuyên ngành của mình.	2/1	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
28	PPNCKH Hóa học	• Kiến thức: Có khả năng nắm vững kiến thức lý thuyết và cơ sở thực tiễn về phương pháp để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học, các phương pháp thu thập và xử lý thông tin và khoá luận, chuyên đề tốt nghiệp đại học thuộc lĩnh vực hoá học. • Kỹ năng: Vận dụng kiến thức của hoá học để trình bày logic đề cương nghiên cứu, tổ chức quá trình thu thập thông tin và viết báo cáo khoa học. • Thái độ: Sinh viên yêu ngành nghề, chủ động nâng cao trình độ để có thể thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ở mức cao hơn.	2	Học kì II	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
29	Hóa lý	Hóa lý nghiên cứu cơ sở lý thuyết các quá trình Hóa học, ảnh hưởng của các thông số Vật lý, Hóa học tới	2	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quá trình Hóa học và các hệ Hóa học. Nội dung của Hóa lý bao gồm: Các nguyên lý của nhiệt động lực hóa học, cân bằng hóa học, lý thuyết cơ bản cân bằng pha, khái niệm về dung dịch, cân bằng dung dịch – hơi, hấp phụ, hóa keo và điện hóa học			80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
30	Hóa hữu cơ	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức trong hóa hữu cơ (liên kết cộng hóa trị trong hợp chất hữu cơ, hiệu ứng chuyển dịch electron, cơ chế các loại phản ứng trong hợp chất hữu cơ, tính chất và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ,... Các kiến thức đại cương này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức được học để học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan đến hóa học	2	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
31	Hóa lý	Hóa lý nghiên cứu cơ sở lý thuyết các quá trình Hóa học, ảnh hưởng của các thông số Vật lý, Hóa học tới quá trình Hóa học và các hệ Hóa học. Nội dung của Hóa lý bao gồm: Các nguyên lý của nhiệt động lực hóa học, cân bằng hóa học, lý thuyết cơ bản cân bằng pha, khái niệm về dung dịch, cân bằng dung dịch – hơi, hấp phụ, hóa keo và điện hóa học	2/1	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
32	Đối xứng phân tử	Mục đích của môn học ĐXPT & LTN là:Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về nhóm, những yếu tố đối xứng và phép đối xứng của nhóm. Các nội dung cơ bản về đối xứng phân tử (Khái niệm, yếu tố và phép đối xứng, nhóm điểm đối xứng và sự phân loại phân tử Hoá học) cùng với sự áp dụng lý thuyết nhóm vào đối xứng phân tử được đề cập một cách thích hợp tạo thành một thể hoàn chỉnh về khối kiến thức quan trọng của học phần.	1	Học kỳ V	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Các phương pháp phổ	-Cung cấp những kiến thức cơ bản về phổ (^1H -NMR, ^{13}C -NMR, IR, DEPT, MS, UV, IR, phổ hai chiều) -Từ các thông tin phổ đề nghị cấu trúc chính xác của một hợp chất hữu cơ	2	Học kỳ VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
34	Các QT hóa học	Hóa lý nghiên cứu cơ sở lý thuyết các quá trình Hóa học, ảnh hưởng của các thông số Vật lý, Hóa học tới quá trình Hóa học và các hệ Hóa học. Nội dung của Hóa lý bao gồm: Các nguyên lý của nhiệt động lực hóa học, cân bằng hóa học, lý thuyết cơ bản cân bằng pha, khái niệm về dung dịch, cân bằng dung dịch – hơi, hấp phụ, hóa keo và điện hóa học	2	Học kỳ II	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
35	Cơ sở lý thuyết hóa	Cung cấp kiến thức cơ bản về hoá học hữu cơ, về cơ chế phản ứng hữu cơ, về cấu trúc các hợp chất hữu cơ, quan hệ giữa tính chất, cấu trúc và ứng dụng của các hợp chất hữu cơ, các kiến thức căn bản về phổ hồng ngoại, tử ngoại, phổ cộng hưởng từ hạt nhân	2	Học kỳ III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
36	Hydrocarbon	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoá học hữu cơ, về cơ chế phản ứng, về cấu trúc các hợp chất hữu cơ, về danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất và ứng dụng của các hydrocarbon nhằm chuẩn bị tốt cho việc học kỹ thuật các quá trình tổng hợp hữu cơ cũng như các chuyên đề sâu trong lĩnh vực hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa sinh, hóa dược, hóa môi trường	2	Học kỳ IV	10%: Chuyên cần; 10%: Báo cáo nhóm trước lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
37	Hóa PT định tính	Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ sở, những nguyên lý chung của Hoá học phân tích để khảo sát các cân bằng ion trong dung dịch như: cân bằng axit – bazơ, cân bằng oxi hoá – khử, cân bằng của các hợp chất ít tan, cân bằng phức	2		10%: Chuyên cần; 10%: Báo cáo nhóm trước lớp; 80%: Thi tự luận kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chất, tính toán nồng độ cân bằng và các đại lượng có liên quan của các cấu tử trong các dung dịch điện li. Học phần này còn cung cấp cho sinh viên các phương pháp phân tích định tính, các giai đoạn của quá trình phân tích, các phản ứng đặc trưng cũng như những ứng dụng chủ yếu của chúng, giúp họ sử dụng tốt các phương pháp phân tích hoá học khi nghiên cứu trong các lĩnh vực khác như: Vô cơ, Hoá lý, Môi trường.		Học kì II	thức học phần.
38	Hóa PT định lượng	Học phần này trang bị cho sinh viên chuyên ngành hoá học những kiến thức cơ bản về phân tích định lượng, về các phương pháp phân tích hoá học cũng như những ứng dụng chủ yếu của chúng, giúp họ sử dụng tốt các phương pháp phân tích hoá học khi nghiên cứu trong các lĩnh vực khác như Vô cơ, Hoá lý, Môi trường. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xử lý thông kê để đánh giá, xử lý kết quả thực nghiệm và biểu diễn kết quả thực nghiệm.	3	Học kì III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
39	Các PP PT Lý-Hóa	Hiểu được các phương pháp phân tích trắc quang Hiểu được các phương pháp phân tích quang học: các phương pháp đo phổ hấp thụ phân tử và các phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử. Hiểu được các phương pháp phân tích điện hóa (phương pháp đo thế, phương pháp chuẩn độ điện thế) và các phương pháp phân tích điện lượng. Hiểu được các phương pháp tách và phân chia các chất bằng chiết và sắc kí. Sinh viên có kỹ năng sử dụng các phương pháp phân tích hiện đại dùng trong hoá học phân tích và các môn học khác.	2	Học kỳ VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Say mê nghiên cứu và vận dụng các phương pháp phân tích hiện đại vào thực tế			
40	Nhiệt động lực học học	- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản của nhiệt động học để xét chiều hướng, giới hạn và hiệu ứng nhiệt của quá trình hóa học; qui tắc pha và áp dụng qui tắc pha cho giản đồ trạng thái của hệ hai, ba cấu tử.	2	Học kỳ IV	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
41	Động học xúc tác	Môn học động học xúc tác nhằm mục đích cung cấp cho người học các kiến thức về: Động học hình thức: phản ứng bậc 0, 1, 2, 3, n. Phản ứng thuận nghịch, song song, nối tiếp. Sự phụ thuộc tốc độ phản ứng vào nhiệt độ. Phương trình Arrhenius. Các phương pháp xác định tốc độ phản ứng, bậc phản ứng, năng lượng hoạt hoá. Các thuyết về phản ứng cơ bản: thuyết va chạm lưỡng phân tử, thuyết phức chất hoạt động. Phản ứng dây chuyền, các giới hạn nổ; phản ứng trong dung dịch; Phản ứng quang hoá; Xúc tác đồng thể: xúc tác axit bazơ, xúc tác phức, xúc tác enzym, hấp phụ và xúc tác dị thể. Động học hình thức: phản ứng bậc 0, 1, 2, 3, n. Phản ứng thuận nghịch, song song, nối tiếp. Sự phụ thuộc tốc độ phản ứng vào nhiệt độ. Phương trình Arrhenius. Các phương pháp xác định tốc độ phản ứng, bậc phản ứng, năng lượng hoạt hoá. Các thuyết về phản ứng cơ bản: thuyết va chạm lưỡng phân tử, thuyết phức chất hoạt động. Phản ứng dây chuyền, các giới hạn nổ; phản ứng trong dung dịch; Phản ứng quang hoá; Xúc tác đồng thể: xúc tác axit bazơ, xúc tác phức, xúc tác enzym, hấp phụ và xúc tác dị thể.	2	Học kỳ V	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
42	Điện hóa học	- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về	2	Học kỳ VII	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điện hoá học và các ứng dụng của điện hoá học trong lĩnh vực ăn mòn kim loại và chế tạo các nguồn điện hoá học. Hiểu được nguyên nhân phát sinh thế điện cực, cách tính thế điện cực, phân biệt được các loại điện cực và vận dụng được kiến thức nhiệt động học để tính các đại lượng nhiệt động trong hệ điện hóa; vận dụng kiến thức động hóa học để nghiên cứu tốc độ phản ứng điện hóa.			10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
43	Hóa môi trường	- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các quá trình hóa học cơ bản xảy ra trong môi trường không khí, nước, đất và ảnh hưởng của các hoạt động của con người đến các quá trình này. Đồng thời học phần này còn trang bị cho sinh viên về khái niệm, nguồn gốc, nguyên tắc xác định và ý nghĩa của một số thông số hóa học cơ bản. – Giúp SV vận dụng các kiến thức hóa học để tiếp thu được các kiến thức chuyên ngành và giải quyết được các vấn đề thực tế có liên quan đến môi trường.	2	Học kỳ V	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
44	Hóa kỹ thuật	- Giúp sinh viên hiểu được cơ sở lý thuyết và quy trình sản xuất các hóa chất cơ bản và có nhiều ứng dụng trong các ngành kinh tế quốc dân như axit sunfuric, natri hidroxit, amoniac, axit nitric, phân bón hóa học, thủy tinh, xi măng, vật liệu polime, kỹ thuật nhiên liệu. - Dựa trên cơ sở lý thuyết của nhiệt động học và động học xúc tác, SV có thể giải thích được nguyên lý, nguyên tắc tổng hợp các hóa chất trong công nghiệp cho hiệu suất tối ưu. - SV có thể vận dụng thành thạo các kiến thức này trong thực tế sản xuất hóa chất và trong giảng dạy hóa học phổ thông.	2	Học kì VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Bài tập Hóa học phổ	Kiến thức - Hiểu được kiến thức cơ bản về cách phân loại - Hiểu được các phương pháp giải bài tập hóa học phổ thông * Kỹ năng - Vận dụng các phương pháp giải bài tập hóa học phổ thông để giải các bài tập hóa học trong chương trình hóa học phổ thông. * Thái độ - Hình thành thái độ nghiêm túc trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp phục vụ cho công tác giảng dạy ở nhà trường phổ thông sau này. - Đánh giá đúng tầm quan trọng của bài tập hóa học trong việc cung cấp tri thức, phát triển tư duy, hình thành nhân cách của học sinh.	2	Học kì VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
46	Tổng hợp hữu cơ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về tổng hợp hữu cơ và vận dụng các kiến thức đó vào lĩnh vực tổng hợp các chất hữu cơ cơ bản, đồng thời chuẩn bị cơ sở cho sinh viên làm công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Hoá học hữu cơ	1	Học kỳ VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
47	Hợp chất thiên nhiên	Cung cấp những kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất tự nhiên và ứng dụng (glucide, ankaloid, phenolic, steroid, terpen, terpenoid cùng với các phương pháp nghiên cứu hợp chất thiên nhiên như (lôi cuốn hơi nước, chưng cất, các phương pháp sắc ký (sắc ký cột, sắc ký bản mỏng, v/v)	1	Học kỳ VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
48	Hợp chất cao phân tử	Trình bày khái niệm chung về các hợp chất cao phân tử. Cơ chế và động học phản ứng trùng hợp gốc, phản ứng đồng trùng hợp gốc. Ảnh hưởng của cấu tạo monome	1	Học kỳ VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đến quá trình trùng hợp gốc và đồng trùng hợp; Phản ứng trùng hợp dưới tác dụng các hệ xúc tác; Các quá trình trùng ngưng cân bằng và không cân bằng; Các phản ứng hoá học xảy ra trong phân tử polime; Dung dịch polime, tính chất cơ lý của polime			80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
49	Hóa học phi kim	- Giúp SV hiểu được các tính chất lí học, hóa học, trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế các nguyên tố phi kim cũng như hợp chất của chúng. - Thông qua việc phân tích cấu tạo phân tử của các chất, SV có thể giải thích được các tính chất lí, hóa học của các nguyên tố phi kim cũng như hợp chất của chúng. - Sử dụng nhuần nhuyễn các kiến thức về hóa học phi kim để phục vụ công tác giảng dạy hóa học vô cơ ở bậc phổ thông.	2	Học kì III	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
50	Hóa học kim loại	- Giúp sinh viên hiểu và giải thích được các tính chất lí, hóa học của các nguyên tố kim loại cũng như hợp chất của chúng. Nắm được trạng thái thiên nhiên, ứng dụng và phương pháp điều chế các nguyên tố và hợp chất của kim loại. - Giúp SV giải thích được mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất lí, hóa học của các nguyên tố kim loại và hợp chất của chúng. Áp dụng các kiến thức này để học các học phần tiếp theo có liên quan như hóa học phân tích định tính, hóa học phân tích định lượng, hóa kỹ thuật. Sử dụng nhuần nhuyễn các kiến thức này để phục vụ công tác giảng dạy hóa học vô cơ ở bậc phổ thông sau khi tốt nghiệp.	3	Học kỳ VI	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
51	Các PP dạy học HĐ	– Phân tích sự khác biệt giữa dạy học truyền thống và dạy học tích cực	1	Học kỳ VII	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		– Hiểu được cơ sở lý luận của các phương pháp dạy học hiện đại – Vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại trong giảng dạy hoá học ở trường THPT. – Nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dạy học tích cực.			trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
52	HC có nhóm chức	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hiện đại về các chất hữu cơ đơn chức và đa chức; về tính chất, ứng dụng và điều chế các hợp chất hữu cơ; Dẫn xuất Halogen của các hydrocarbon, Hợp chất cơ nguyên tố, Alcohol- phenol- ether; Aldehyde- ketone; Acid carbonxylic; Dẫn xuất của acid; amine-amino acid.	3	Học kỳ V	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
53	UD tin học trongGDHH	Học phần cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học hoá học; trang bị cho sinh viên những kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ và khả năng khai thác các công cụ để thiết kế bài giảng đa phương tiện và phục vụ tốt cho công tác giảng dạy hóa học ở trường THPT nhằm phát triển cho SV các năng lực ứng dụng tin học trong giảng dạy hoá học như kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ, kỹ năng thiết kế bài giảng điện tử và khai thác internet trong dạy học	0.5/1.5	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
54	KT,ĐG trong DH HH	Học phần Kiểm tra, đánh giá trong dạy học hóa học giúp sinh viên khái quát về kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh, khái niệm, mục tiêu kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực; Các yêu cầu sư phạm đối với kiểm tra, đánh giá; Các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định	1	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hướng năng lực. Trên cơ sở đó hướng dẫn biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực của các chủ đề trong chương trình GDTHPT hiện hành theo các mức độ nhận thức (biết, hiểu, vận dụng), từ đó có khả năng xây dựng đề kiểm tra, đánh giá.			
55	Lý luận dạy học Hóa học	Học phần Lý luận dạy học Hóa học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về: Đối tượng và nhiệm vụ của lý luận dạy học Hóa học; Vị trí, vai trò của dạy học Hóa học trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo ở trường THPT; Nội dung và trình tự sắp xếp các kiến thức Hóa học trong chương trình SGK Hóa học phổ thông; Hệ thống các phương pháp dạy học cụ thể; Đổi mới phương pháp dạy học và các hình thức tổ chức dạy học ở trường trung học phổ thông. Bên cạnh đó, có ý thức học hỏi và thường xuyên trau dồi về chuyên môn và nghiệp vụ để trở thành giáo viên hóa học có năng lực trong tương lai.	2/1	Học kỳ V	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%
56	PPDH Hóa học	Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung về: Nghiên cứu cấu trúc của chương trình SGK Hoá học phổ thông; các nguyên tắc cơ bản và phương pháp dạy học sử dụng trong các dạng bài dạy về các học thuyết và định luật hóa học, các nguyên tố và các chất hóa học, các hợp chất hữu cơ, các bài luyện tập, ôn tập và thực hành hóa học....Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về lý luận dạy học hoá học đại cương vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học một số chương mục quan trọng của giáo trình hoá học phổ thông . Giúp sinh viên nghiên cứu nắm vững chương trình hoá học phổ thông, phân tích nội dung và hiểu được sự hình thành, phát triển của một số khái niệm hoá học cơ bản: chất, nguyên tố hoá học, phản ứng hoá học. Từ đó mà hiểu được các nguyên tắc	2/1	Học kỳ VI	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Thực hành: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và lựa chọn được các phương pháp dạy học có hiệu quả cho bài dạy cụ thể . Tổ chức thực hành dạy học một số nội dung kiến thức cụ thể trong chương trình hoá học THCS và THPT			
57	Hóa học lập thể	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở lý thuyết hoá học hữu cơ nâng cao, về hoá học lập thể như đồng phân hình học, đồng phân quang học, cấu dạng của các hợp chất mạch hở và mạch vòng nhằm chuẩn bị tốt cho việc học kỹ thuật các quá trình tổng hợp hữu cơ cũng như các chuyên đề sâu trong lĩnh vực hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa sinh, hóa dược, hóa môi trường.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
58	LTVùng&n.tổ đất hiếm	- Trang bị cho sinh viên các kiến thức về thành phần cấu tạo của hạt nhân, lực liên kết trong hạt nhân, hiện tượng phóng xạ, năng lượng hạt nhân. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về lý thuyết vùng để giải thích các tính chất vật lý của các chất theo quan điểm hiện đại, các trạng thái tập hợp đặc biệt của vật chất như plasma, tinh thể lỏng. - Trang bị cho sinh viên kiến thức về các nguyên tố đất hiếm cũng như việc tách chúng ra khỏi nhau từ các loại quặng đất hiếm. - Giúp SV vận dụng được các kiến thức về hạt nhân, lý thuyết vùng, các nguyên tố đất hiếm trong việc giảng dạy sau này ở bậc phổ thông, các kiến thức có liên quan đến hạt nhân nguyên tử, tính chất vật lý của kim loại và phi kim. Mở rộng được tầm hiểu biết về các nguyên tố đất hiếm là những nguyên tố có nhiều ứng dụng trong việc tạo nên những sản phẩm công nghệ cao.	2	Học kì VIII	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi tự luận kết thúc học phần: 80%
59	Động học đ.hóa&UD	- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về	2	Học kỳ VIII	Trọng số ĐBP: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động học điện hóa và các ứng dụng của chúng trong lĩnh vực ăn mòn kim loại; tổng hợp điện hóa và xúc tác; các phương pháp phân tích; hiểu được nguyên nhân gây ra sự phân cực của hệ điện hóa không cân bằng và quá thế; hiểu được cơ chế, tốc độ của phản ứng điện hóa, động học quá trình chuyển điện tích, quá trình khuếch tán và vận dụng động học điện hóa vào trong lĩnh vực bảo vệ kim loại, tổng hợp và phân tích.			(điểm chuyên cần và bài kiểm tra) Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

45. Sư phạm Sinh học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Tư tưởng hồ chí minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	HKIV	Thi tự luận
4	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản việt nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách mạng Việt Nam.	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp
5	Tâm lý học giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp.	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.			
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	HKV	Thi tự luận
7	Giáo dục học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. - Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. - Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. - Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dục giáo dục phổ thông. - Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. - Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. - Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. - Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. - Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. - Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. - Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông. * Kỹ năng - Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như: - Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề. - Soạn được giáo án chuyên môn. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể. - Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh.			
8	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lí hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Tiếng việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
11	Pháp luật việt nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính,	02	HK II	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
12	Tiếng anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp
13	Tiếng anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó,	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại			
14	Tiếng anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình án bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lòng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn giản...	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp
15	Tiếng anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy và và vấn đáp
16	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào	02	HK I	Thi thực hành trên máy

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.			
17	Kỹ năng giao tiếp	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng . - Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lí luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. - Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.	02		Thi tự luận
18	Tâm lí học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học . - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tâm lí học cũng như các khoa học khác.			
19	Giáo dục thể chất 1	Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	01		Thi thực hành
20	Giáo dục thể chất 2	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01		Thi thực hành
21	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	01		Thi thực hành
22	Kinh tế học đại cương	Nội dung trọng tâm của học phần là cung cấp những lý thuyết kinh tế cơ bản như lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng, sự vận hành của thị trường và giới thiệu các cấu trúc thị trường cơ bản, cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số vấn đề liên quan đến hạch toán sản lượng trong nền kinh tế, tổng cầu tổng cung cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô thường áp dụng trong nền kinh tế tác động tới sản lượng trong nền kinh tế.			
23	Toán b	Giúp Sinh viên ôn lại một cách hệ thống về lý thuyết giới hạn; phép tính vi tích phân của hàm một biến số và những ứng dụng của nó, đồng thời bổ sung cho sinh viên một số khái niệm quan trọng: Các dạng vô định, khái niệm vô cùng bé, vô cùng lớn, một số hàm số thường gặp và tích phân suy rộng. Cung cấp thêm các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính. Các kiến thức cơ bản về chuỗi số: Chuỗi số hội tụ, phân kỳ; xét sự hội tụ của chuỗi số, tìm miền hội tụ của chuỗi hàm. Các khái niệm cơ bản của hàm nhiều biến số và các tính chất của nó, cực trị hàm số nhiều biến số. Cung cấp các kiến thức về phương trình vi phân cấp 1, cấp 2 và ứng dụng.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
24	Xác suất thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.	2		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
25	Vật lí b	Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kĩ thuật.	2		Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thể giới quan duy vật biện chứng.			
26	Hóa học đc 1	– Trang bị cho sinh viên không chuyên về hóa học những kiến thức cơ bản về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. – Nêu các vấn đề liên quan giữa hóa học và các ngành khoa học khác. – Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để tiếp thu tốt các môn học có liên quan đến hóa học.	2		10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
27	Hóa học đc 2	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên các nhóm nguyên tố và tính chất cơ bản của mỗi loại, hợp chất hydrua, oxit, và hydroxit, các vấn đề kiến thức cơ bản trong hóa hữu cơ (liên kết cộng hóa trị trong hợp chất hữu cơ, hiệu ứng chuyển dịch electron, cơ chế các loại phản ứng trong hợp chất hữu cơ, tính chất và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ (hydrocarbon, dẫn xuất halogen, ancol, phenol, ether, hợp chất carbonyl, carboxyl, hợp chất chứa nitrogen)	2		10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
28	Sinh học đại cương	Cung cấp cho người học các kiến thức đại cương về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống đặc trưng, cơ bản của các cơ thể sống	2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
29	Khoa học môi trường	Cung cấp cho người học các kiến thức về môi trường sống, hệ sinh thái, mối quan hệ tác động qua lại giữa Môi trường – Tài nguyên – Con người; mục tiêu, nội dung và cách thức thực hiện phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, giáo dục môi trường. Rèn luyện thái độ, ý thức yêu quý thiên nhiên, bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.	2/0	Học kỳ 3, học kỳ 6	Chuyên cần(5%); Tham gia thảo luận trên lớp; Kiểm tra giữa học phần (10%).
30	Thực hành sinh học đại cương	Mô tả được cấu tạo và cách sử dụng, bảo quản kính hiển vi. Trình bày được các bước để làm một số tiêu bản tạm thời: tiêu bản	0/1		Kết quả kiểm tra thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tế bào biểu bì hành, tiêu bản lục lạp ở lá,... Mô tả được đặc điểm các tế bào, bào quan, các hiện tượng, quá trình quan sát được. Nêu được cách giải phẫu một số đối tượng đại diện cho Ngành động vật có xương sống. Mô tả được đặc điểm hình thái bên ngoài, nội quan bên trong của các đối tượng đã giải phẫu. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng, đặc điểm tiến hóa của các lớp động vật đã giải phẫu.			
31	Phương pháp nghiên cứu khoa học sinh học	Có khả năng nắm vững kiến thức lý thuyết và cơ sở thực tiễn về phương pháp để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học, các phương pháp thu thập và xử lý thông tin và luận văn tốt nghiệp đại học thuộc lĩnh vực nghiên cứu. Vận dụng kiến thức của môn học để trình bày logic đề cương nghiên cứu, tổ chức quá trình thu thập thông tin và viết báo cáo khoa học. Sinh viên yêu ngành nghề, chủ động nâng cao trình độ để có thể thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ở mức cao hơn.	1.5/0.5		Thi tự luận
32	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu	Kiến thức: Trang bị kiến thức về thống kê mô tả, thống kê suy luận và các bước thực hiện một nghiên cứu trong sinh học. Kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm thống kê trong phân tích và xử lý số liệu nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành Sinh học và chuyên ngành gần. Thái độ: Có thái độ tự giác trong học tập	1.5/0.5		Thi thực hành trên máy tính
33	Lý sinh	Trình bày được các khái niệm cơ bản của Lý sinh học; Giải thích cơ chế vật lý của các quá trình diễn ra trong cơ thể sống; Nhận diện các tác nhân vật lý và hiểu bản chất của tương tác của chúng với cơ thể sống; Phân tích được mối liên hệ giữa các tác nhân vật lý, tính tương tác và sự thay đổi tương ứng diễn ra trên cơ thể sống;	2/0		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đánh giá vai trò của các cơ chế điều chỉnh và tự điều chỉnh của cơ thể sống; Vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn; Ý thức và nhìn nhận khách quan về tính hệ thống của cơ thể sống đặt trong mối tương tác liên tục với môi trường lý hóa xung quanh.			
34	Sinh học phân tử	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức lý thuyết cơ bản về sinh học phân tử quanh vấn đề cấu trúc vật chất di truyền và các cơ chế hoạt động, điều hòa hoạt động của gen ở Prokaryote và Eukaryote giúp sinh viên nắm vững nguyên tắc của một số kỹ thuật sinh học phân tử đơn giản. Kỹ năng - Nhận biết cấu trúc phân tử của các đại phân tử sinh học, genome, gen prokaryote, gen Eukaryote. - Phân tích các cơ chế phân tử của sao chép, phiên mã, dịch mã, điều hòa biểu hiện gen. - Phân biệt PCR, RT-PCR, Real Time – PCR, trên cơ sở đó biết ứng dụng các kỹ thuật này. Thái độ - Tích cực, đam mê trong tìm hiểu kiến thức về các cơ chế phân tử của vật chất di truyền trong cơ thể sinh vật.	2/0		Thi tự luận
35	Kỹ thuật di truyền	Kiến thức: các công cụ và kỹ thuật cơ bản sử dụng trong KTDY; các bước cơ bản của KTDY, ứng dụng thực tế. Kỹ năng: làm việc nhóm, viết và trình bày bài tập cá nhân và nhóm. Thái độ: làm việc nghiêm túc, tinh thần hợp tác.	1.5/0.5		Thi tự luận
36	Sinh học tế bào	* Kiến thức Qua học phần sinh viên phải trình bày được: kiến thức cơ bản về thành phần hoá học cấu tạo nên tế bào, tính chất vật lý, vai trò và mối quan hệ giữa chúng với nhau; cấu tạo của tế bào sinh vật nhân sơ, tế bào sinh vật nhân chuẩn; cấu trúc, chức năng, nguồn gốc các bào quan; rút ra điểm giống và khác về cấu trúc giữa tế bào nhân sơ	1.5/0.5		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và tế bào nhân chuẩn; bước đầu nắm được một số quá trình sinh học xảy ra trong tế bào; quá trình phân bào có tơ (phân bào gián phân), không tơ (phân bào trực phân). * Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng thí nghiệm môn học trên cơ sở đó rèn luyện sinh viên tác phong làm việc khoa học trong phòng thí nghiệm đồng thời tập viết các bản tường trình, báo cáo kết quả thực nghiệm. * Thái độ Nhận thức đúng vai trò của môn học Sinh học tế bào trong chương trình đào tạo và ứng dụng vào thực tiễn đề có thái độ nghiêm túc khi học tập và nghiên cứu học phần này			
37	Động vật không xương sống	* Kiến thức: Nắm vững kiến thức về các đặc điểm hình thái giải phẫu, sinh lý, sinh thái, sinh sản, phát triển của các đại diện thuộc nhóm động vật không xương sống trong các lớp, các ngành cũng như nguồn gốc phát sinh các nhóm động vật không xương sống. * Kỹ năng: Rèn luyện được kỹ năng thực hành trên kính hiển vi, kỹ năng thực hành giải phẫu các đối tượng động vật không xương sống, quan sát và vẽ hình, biết cách làm tiêu bản động vật đơn giản... * Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho bài giảng, tăng cường năng lực hoạt động nhóm.	1.5/0.5		Thi tự luận
38	Động vật có xương sống	* Kiến thức Người học phải nắm một cách cơ bản và hệ thống các đặc điểm chung, đặc điểm hình dạng, cấu tạo, hoạt động sống, vị trí phân loại, nguồn gốc tiến hoá, đặc điểm sinh thái và vai trò trong đời sống con người các nhóm động vật của hai Ngành Nửa dây sống và Dây sống. * Kỹ năng Biết so sánh, phân tích, tổng hợp từ các nguồn tài liệu có liên quan đến động vật có xương sống đồng thời biết làm các bài thực hành thí	1.5/0.5		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệm trên các đối tượng là động vật có xương sống và một số kỹ năng và phương pháp nghiên cứu về động vật. * Thái độ Qua môn học, sinh viên nhận thức được vai trò của môn học động vật có xương sống đối với chương trình đào tạo và ứng dụng thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập, nghiên cứu môn học này. Có lối sống lành mạnh, biết quý trọng và bảo vệ các loài động vật			
39	Thực tập thiên nhiên	• Kiến thức: - Xác định được các qui luật sinh thái trong tự nhiên - Nắm được những đặc trưng cơ bản về quần thể, quần xã và hệ sinh thái.. • Kỹ năng: - Phân biệt được các hệ sinh thái khác nhau trong tự nhiên. - Rèn luyện tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tác phong nhanh nhẹn, dẻo dai, tinh thần hợp tác và kỷ luật trong công việc. • Thái độ: - Củng cố niềm tin vào khả năng của khoa học hiện đại trong việc nhận thức bản chất và tính quy luật của các hiện tượng trong sinh thái học. - Có ý thức vận dụng các tri thức, kỹ năng học được vào cuộc sống, lao động - Xây dựng ý thức tự giác và thói quen bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống	0/1		
40	Hóa sinh	Sau khi học xong học phần sinh viên phải có khả năng: - Kiến thức: Trình bày được: những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của hệ thống sống và quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể sống. Giải thích được cơ sở sinh hóa của một số quá trình ứng sản xuất trong thực tế.	2/0		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng: Có khả năng định tính và định lượng một số hợp chất quan trọng (Protein, Glucid, lipid,...) của hệ thống sống. Thái độ: Học xong học phần này, sinh viên tiếp cận được với những kỹ năng thực nghiệm hóa sinh. Đồng thời, giảng viên có lòng ghép những kỹ năng này trong một tổng thể nhằm giải quyết một số yêu cầu cụ thể trong nghiên cứu khoa học từ đó góp phần giúp sinh viên làm quen và yêu thích khoa học ứng dụng			
41	Vi sinh vật	Sau khi học xong học phần, sinh viên phải có khả năng: - Kiến thức: đặc điểm chung của VSV; đa dạng sinh học VSV, các quá trình sinh học xảy ra trong cơ thể, quần thể VSV. - Kỹ năng: đọc tài liệu, nắm vững ý chính của bài, phân tích, so sánh, nhận diện các nhóm VSV chính, làm việc nhóm, thể hiện năng lực cá nhân. - Thái độ: tích cực, năng động, đoàn kết	2.5/0.5		Thi tự luận
42	Hình thái giải phẫu thực vật	- Kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về hình thái bên ngoài và cấu tạo giải phẫu bên trong cơ thể thực vật, đặc biệt tập trung vào nhóm thực vật có hoa hạt kín. Trên cơ sở lý thuyết, sinh viên sẽ rèn luyện các kỹ năng thực hành thực vật, làm nền tảng cho việc học tập học phần “Phân loại thực vật” sau này cũng như những môn học khác về thực vật. - Kỹ năng: Sinh viên có được kỹ năng trong nghiên cứu thực vật như mô tả thực vật bằng các thuật ngữ chính xác, làm tiêu bản giải phẫu cấu tạo các cơ quan của thực vật, kỹ năng phân tích tổng hợp qua việc trả lời các câu hỏi cuối mỗi chương. - Thái độ: Qua các bài thực hành, sinh viên được rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ trong các thao tác, củng cố thêm tình yêu thiên nhiên, yêu thích	2.5/0.5		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cây cỏ xung quanh ta và có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.			
43	Phân loại thực vật	Về kiến thức: + Trình bày được các nguyên tắc và tiêu chuẩn trong phân loại; cách đặt tên, gọi tên các bậc phân loại trong hệ thống sinh giới; + Phân biệt được thực vật bậc thấp và bậc cao; tảo, nấm và thực vật bậc cao; + Xác định được một số thực vật hiện hoa bí tử thường gặp; + Mô tả được các đặc tính cơ bản để phân loại các ngành thực vật từ thực vật bậc thấp đến thực vật bậc cao; sự tiến hóa và sự đa dạng của giới thực vật. Về kỹ năng: + Thực hiện thu mẫu, làm tiêu bản mẫu thực vật; + Quan sát và phân biệt được thực vật bậc thấp, thực vật bậc cao; + Phân loại sơ bộ thực vật cấp ngành, bộ, họ thông qua đặc điểm hình thái bên ngoài và cấu trúc sắp xếp của tế bào bên trong mô thực vật. Về thái độ: + Nhận thức được mối liên hệ và tầm quan trọng của môn Phân loại thực vật với các ngành học và môn học khác; + Sinh viên có thói quen nghiên cứu khoa học, tìm và đọc tài liệu, thái độ học tập tích cực, biết trân trọng và vận dụng những thành tựu khoa học của các nhà khoa học	2/0		Thi tự luận
44	Di truyền	Kiến thức – Liệt kê được các giai đoạn phát triển của di truyền và ý nghĩa của di truyền đối với cuộc sống con người; các tiêu chuẩn của vật liệu di truyền – Mô tả được các thí nghiệm chứng minh acid nucleic là vật chất mang thông tin di truyền ở cấp độ phân tử; đặc điểm của quá			Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình truyền đạt thông tin di truyền ở cấp độ phân tử (sao chép, phiên mã, dịch mã) và cấp độ tế bào (nguyên phân, giảm phân, thụ tinh); đặc điểm, cơ chế phát sinh của thường biến, các dạng đột biến nhiễm sắc thể, đột biến gen; các loại, cơ chế hoạt động của các nhân tố chuyển vị và ảnh hưởng của chúng đối với sự biểu hiện kiểu hình ở sinh vật. – Trình bày được đặc điểm cấu trúc, vai trò của DNA, RNA và nhiễm sắc thể; bản chất của các quy luật di truyền Mendel, quy luật di truyền không Mendel (tương tác gen, liên kết gen, hoán vị gen, di truyền liên kết với giới tính), di truyền bào chất, di truyền người và di truyền quần thể. Kỹ năng – Vận dụng vào giảng dạy các phần liên quan trong chương trình sinh học phổ thông và giải thích được các hiện tượng liên quan. – Làm được một số loại tiêu bản tạm thời phục vụ cho công tác giảng dạy. – Sử dụng phương pháp kiểm định Chi bình phương để kiểm tra sự phân ly của giao tử, tính trạng thu được. – Nhận diện được một số bệnh di truyền cơ bản ở người; tuyên truyền, giải thích về cơ chế sinh bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn; loại bỏ các quan niệm sai lầm về bệnh di truyền và thái độ kỳ thị đối với người mang bệnh. – Có ý thức ứng dụng kiến thức di truyền vào chăn nuôi, trồng trọt phục vụ đời sống của con người. – Xây dựng thói quen bảo vệ môi trường sống, bảo vệ vốn gen của sinh vật nói chung và của con người nói riêng, góp phần bảo vệ đa dạng di truyền. Thái độ – Cần có thái độ nghiêm túc, tinh thần học hỏi cao trong các			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		buổi học lý thuyết và thực hành. Có cái nhìn đúng đắn, khoa học trong nhận biết, phân tích các quy luật di truyền.			
45	Sinh lý thực vật	Kiến thức Hiểu và nắm được các kiến thức hoạt động sống của thực vật. Học phần Sinh lý thực vật có chức năng: trang bị những hiểu biết, cập nhật về các hoạt động sinh lý trong cơ thể thực vật, mối quan hệ giữa các hoạt động sinh lý với sự biến đổi của điều kiện môi trường, khả năng và xu hướng nâng cao năng suất và chất lượng nông sản. Trên cơ sở hiểu biết này, sinh viên có thể rút ra các nguyên tắc và các ứng dụng thực tiễn trong nghiên cứu và sản xuất. * Thái độ Sau khi học xong môn này sinh viên có sự nhìn nhận về sự thích thú và nắm bắt được vai trò của thực vật, các hoạt động sinh lý trong cơ thể thực vật, mối quan hệ giữa các hoạt động sinh lý với sự biến đổi của điều kiện môi trường từ đó yêu thiên nhiên và biết bảo vệ môi trường sống cũng như ứng dụng vào thực tiễn trong nghiên cứu và sản xuất	2/0		Thi tự luận
46	Sinh lý người và động vật	* Kiến thức - Trình bày và giải thích cơ chế sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người và động vật. * Kỹ năng Rèn luyện kỹ năng thí nghiệm môn học trên cơ sở đó rèn luyện sinh viên tác phong làm việc khoa học trong phòng thí nghiệm đồng thời tập viết các bản tường trình, báo cáo kết quả thực nghiệm. * Thái độ Nhận thức đúng vai trò của môn học Sinh lý người và động vật trong chương trình đào tạo và ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập và nghiên cứu học phần này	2/0		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Giải phẫu người	• Kiến thức:Cung cấp các kiến thức về đặc điểm cấu tạo chung, cấu tạo và chức năng của từng hệ cơ quan trong cơ thể. Mỗi quan hệ thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của từng hệ cơ quan trong cơ thể. • Kỹ năng:Biết so sánh, phân tích, tổng hợp từ các nguồn tài liệu có liên quan đến giải phẫu so sánh ở người nói riêng và động vật nói chung, so sánh và phân biệt được các loại mô, các cơ quan trong cơ thể người Thái độ:Qua môn học, sinh viên nhận thức được vai trò của môn học giải phẫu người đối với chương trình đào tạo và ứng dụng thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập, nghiên cứu môn học này. Có lối sống lành mạnh, có lòng kiên trì và thể hiện sự khéo léo khi thực hành	20/		Thi tự luận
48	Sinh thái	• Kiến thức: - Xác định được các qui luật sinh thái trong tự nhiên - Trình bày được vai trò của các nhân tố sinh thái - Nắm được những đặc trưng cơ bản về quần thể, quần xã và hệ sinh thái. • Kỹ năng: - Phân biệt được các hệ sinh thái khác nhau (tự nhiên và nhân tạo) trong tự nhiên • Thái độ: - củng cố niềm tin vào khả năng của khoa học hiện đại trong việc nhận thức bản chất và tính quy luật của các hiện tượng trong sinh thái học. - Có ý thức vận dụng các tri thức, kĩ năng học được vào cuộc sống, lao động - Xây dựng ý thức tự giác và thói quen bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống	2/0		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Sinh học phát triển	Sau khi học xong học phần, sinh viên phải có khả năng: • Kiến thức: Trình bày được cơ sở phân tử và cơ sở tế bào của sự phát triển cá thể, các hình thức sinh sản của sinh vật, đặc điểm của sự phát triển cá thể ở sinh vật đơn bào, đặc điểm của sự phát triển cá thể ở động vật đa bào và thực vật đa bào, cơ chế của sự phát triển cá thể. • Kỹ năng: - Phân tích, giải thích được các yếu tố chi phối và ảnh hưởng đến sự phát triển cá thể của sinh vật. - Giải thích được cơ sở khoa học của các qui trình kỹ thuật trong chăn nuôi – trồng trọt. - Sử dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để giảng dạy các kiến thức có liên quan trong chương trình Sinh học ở trường Trung học phổ thông. • Thái độ: Tự giác, tích cực tuyên truyền vận dụng các kiến thức của môn học vào chăn nuôi - trồng trọt, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng; vận dụng kiến thức của học phần vào giảng dạy các nội dung có liên quan trong chương trình Sinh học phổ thông: Phân bào, sinh trưởng, phát triển và sinh sản của vi sinh vật, thực vật, động vật; Di truyền chọn giống, Sinh thái	3/0		Thi tự luận
50	Tiến hóa và đa dạng sinh học	* Kiến thức - Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp của tiến hóa và đa dạng sinh học; - Trình bày được các học thuyết tiến hóa cổ điển và hiện đại. - Trình bày được các nhân tố tiến hóa cơ bản. - Trình bày, giải thích được các con đường hình thành loài, sự hình thành đặc điểm thích nghi. - Trình bày được các khái niệm về đa dạng sinh học, đa dạng sinh	3/0		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học trên thế giới và Việt Nam, các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học và các phương pháp bảo tồn đa dạng sinh học. * Kỹ năng Phân tích và tổng hợp các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để hiểu cơ chế và quy luật tiến hóa của sinh vật. Biết so sánh các học thuyết tiến hóa cổ điển và hiện đại. Vận dụng kiến thức và thực tế để bảo vệ các loài sinh vật ở địa phương, đặc biệt là những loài có nguy cơ tuyệt chủng. * Thái độ Qua môn học, sinh viên nhận thức được vai trò của môn học đối với chương trình đào tạo và ứng dụng thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập, nghiên cứu môn học này. Có lối sống lành mạnh, yêu quý thiên nhiên			
51	Công nghệ sinh học	Sau khi học xong học phần sinh viên phải có khả năng: • Kiến thức: Về nguyên tắc và ứng dụng CNSH trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, y dược học và môi trường. • Kỹ năng: sử dụng tài liệu tham khảo để học và làm bài tập, seminar; thiết kế và trình bày báo cáo trước tập thể; kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập. • Thái độ: tích cực và biết cộng tác với nhóm, nhận thức tính ứng dụng cao của ngành để định hướng trong nghiên cứu, học tập của bản thân.	2/0		Thi tự luận
52	Di truyền người và quần thể	Kiến thức – Trình bày được đặc điểm, ứng dụng của các phương pháp nghiên cứu di truyền ở người; cách tính toán tần số allele, tần số kiểu gen trong quần thể. – Mô tả được đặc điểm của bộ nhiễm sắc thể và bộ gen của	2/0		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người. – Liệt kê được đặc điểm di truyền, đặc điểm kiểu hình, nguyên nhân hình thành, phát sinh của các tính trạng (bệnh) liên quan tới các gen trên nhiễm sắc thể thường, nhiễm sắc thể giới tính. Kỹ năng – Nhận diện, phân biệt được đặc điểm kiểu hình của một số bệnh di truyền cơ bản ở người. – Phân tích được đặc điểm di truyền của một số tính trạng gặp trong quần thể; vai trò của các tác nhân ảnh hưởng đến sự thay đổi tần số allele trong quần thể. – Tính toán được khả năng mắc bệnh của con cái trong một gia hệ nào đó; từ đó đưa ra những lời khuyên hợp lý cho đương sự. – Tuyên truyền, giải thích về cơ chế sinh bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn; loại bỏ các quan niệm sai lầm về bệnh di truyền và thái độ kỳ thị đối với người mang bệnh. – Xây dựng thói quen bảo vệ môi trường sống, bảo vệ vốn gen của con người, phòng tránh và làm giảm nguy cơ xuất hiện các bệnh tật di truyền. Thái độ – Cần có thái độ nghiêm túc, tinh thần học hỏi cao trong các buổi học lý thuyết. Có cái nhìn đúng đắn, khoa học trong nhận biết, phân tích các tính trạng ở người.			
53	Nấm học và ứng dụng	Sau khi học xong môn học này sinh viên hiểu biết các vấn đề về giới nấm trong sinh giới và giá trị dinh dưỡng, dược liệu cũng như vai trò của nấm trong tự nhiên và con người Nắm được kỹ thuật nuôi trồng của một số loài nấm thông dụng Kỹ năng: Nắm được vị trí của nấm trong sinh giới và cơ chế phát sinh	2		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của nấm, kỹ thuật nuôi trồng một số loài nấm trong thực tế và giá trị của nấm đối với con người. Thái độ: Sau khi học xong môn này sinh viên có sự nhìn nhận về sự thích thú và vai trò của nấm trong tự nhiên cũng như phục vụ cho con người từ đó yêu thiên nhiên và biết bảo vệ sự đa dạng sinh học			
54	Cơ sở chọn giống thực vật	Kiến thức: Trình bày được các phương pháp cơ bản bảo tồn và sử dụng nguồn gen thực vật; các phương pháp tạo biến dị: lai, gây đột biến, đa bội thể, đơn bội thể, tạo biến dị bằng công nghệ tế bào và công nghệ sinh học đối với giống cây trồng. Mô tả được các giai đoạn trong chọn giống cây trồng. Nắm được các phương pháp chọn giống đối với cây sinh sản vô tính, cây tự thụ phấn, cây giao phấn và chọn giống ưu thế lai. Nêu được đặc điểm của quá trình đánh giá, công nhận giống mới. Kỹ năng: Phân biệt được các phương pháp tạo giống khác nhau đối với đặc điểm sinh sản của cây trồng. Các thủ thuật trong lai tạo, đánh giá và chọn lọc giống cây trồng. Vận dụng các kiến thức của học phần để giải thích cơ sở, cơ chế của các kiến thức trong những học phần có liên quan. Thái độ: Yêu nghề; có ý thức tự giác trong việc vận dụng các kiến thức của môn học ứng dụng trong chuyên môn công tác và đời sống	2		Thi tự luận
55	Bảo tồn thiên nhiên	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản về thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; để họ có khả năng vận dụng vào nghiên cứu, truyền thông, giảng dạy sinh học gắn với quản lý và phát triển bền	2		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng • Kiến thức: – Trình bày được các khái niệm về thiên nhiên (TN), tài nguyên thiên nhiên (TNTN), đa dạng sinh học (ĐDSH) và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với đa dạng sinh học – Phân tích được giá trị và thực trạng suy thoái của tài nguyên thiên nhiên – Trình bày được các phương thức bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Mô tả được các tổ chức, cơ quan trong nước và quốc tế và các nguồn tài trợ tiềm năng liên quan đến bảo tồn thiên nhiên.			
56	Tập tính học động vật	* Kiến thức: Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học tập tính học động vật bao gồm các khái niệm, sự hình thành và phân loại tập tính, một số biểu hiện tập tính của động vật, cơ chế tập tính, sự tiến hóa của tập tính và những ứng dụng tập tính động vật vào sản xuất và đời sống con người. * Kỹ năng: Rèn luyện cho người học năng lực tự học, tự nghiên cứu, chủ động khám phá, nghiên cứu, tìm hiểu thế giới thiên nhiên đa dạng. * Thái độ: Qua việc tìm hiểu các tập tính của động vật, sinh viên sẽ hiểu về đời sống của động vật và yêu quý chúng hơn. Từ đó có ý thức bảo vệ các loài động vật có ích	2		Thi tự luận
57	Sinh lý thực vật ứng dụng	* Kiến thức Hiểu, nắm được các kiến thức và vận dụng những kiến thức hiểu biết về Sinh lý thực vật vào các lĩnh vực thực tiễn trong nghiên cứu	1/1		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và sản xuất trồng trọt, bảo quản nông sản, chọn tạo giống cây trồng theo hướng có lợi nhằm nâng cao năng suất và chất lượng nông sản. * Thái độ Sau khi học xong môn này sinh viên có sự nhìn nhận về sự thích thú và nắm bắt được vai trò của sinh lý thực vật ứng dụng từ đó từ đó biết bảo vệ môi trường sống cũng như ứng dụng vào thực tiễn trong nghiên cứu và sản xuất			
58	Nguyên tắc phân loại sinh vật	Học phần trang bị cho người học những khái niệm, nguyên lý, phương pháp cơ bản mang tính nguyên tắc về phân loại sinh vật, các đặc điểm của sinh vật được sử dụng trong phân loại học, các quan niệm về loài, các thứ bậc, cách đặt tên khoa học của các taxon sinh vật và luật danh pháp quốc tế dùng trong phân loại sinh vật; nhằm giúp người học nhận biết và lý giải vị trí phân loại và mối quan hệ tiến hóa của các sinh vật phục vụ cho lĩnh vực chuyên môn. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lý luận và phương pháp phân loại động vật, thực vật và những điều luật cơ bản về tên khoa học của động vật và thực vật. Đây là những kiến thức cơ bản nhất liên quan đến tất cả các công trình nghiên cứu sinh học. Vì phân loại học là khoa học nghiên cứu tính đa dạng của thế giới sinh vật. Kết quả nghiên cứu phân loại cung cấp những thông tin cơ bản nhất về các loài hoặc nhóm loài là đối tượng của các công trình nghiên cứu sinh học như sinh thái học, di truyền học, đa dạng sinh học, sinh học phân tử.			Thi tự luận
59	Lý luận dạy học sinh học	* Kiến thức - Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp của Lý luận dạy học sinh học; - Hệ thống được nội dung chương trình Sinh học ở THCS và THPT, có khả năng cập nhập kiến thức chuyên đề Sinh học đầy đủ , sâu sắc, chính xác, hiện đại đáp ứng cho việc dạy học học ở trường phổ thông.	2		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nêu được đặc điểm, vai trò, yêu cầu và cách sử dụng các phương pháp dạy học Sinh học ở trường phổ thông. - Trình bày và phân biệt được các hình thức tổ chức dạy học sinh ở phổ thông. * Kỹ năng - Có kỹ năng tích hợp kiến thức các chuyên ngành và các ngành khoa học khác trong dạy học sinh học. - Xác định được mục tiêu của một bài học, chương cụ thể trong chương trình sinh học trung học cơ sở và phổ thông. - Phân tích được nội dung cơ bản của một bài, chương cụ thể trong chương trình sinh học trung học cơ sở và phổ thông. - Lựa chọn được phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung kiến thức sinh học. - Vận dụng được kiến thức lí luận và phương pháp dạy học để thiết kế bài giảng cũng như giảng dạy môn sinh học ở bậc phổ thông theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. - Sử dụng được các phương pháp kiểm tra - đánh giá trong dạy học sinh học. - Lựa chọn và sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học sinh học.			
60	Phương pháp dạy học sinh học	• Kiến thức: - Trình bày được cấu trúc và nội dung chính của Sinh học 10, Sinh học 11, Sinh học 12 - Nêu được các thành phần kiến thức cơ bản và phương pháp giảng dạy các thành phần kiến thức trong chương trình sinh học. - Phân tích được nội dung cơ bản trong từng bài từng chương trong chương trình Sinh học 10, Sinh học 11, Sinh học 12. • Kỹ năng: - Soạn được các bài giảng dạy cho các chương, các bài của Sinh học 10, Sinh học 11,12	2		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng kiến thức Sinh học giúp người học phân tích các kiến thức trong chương trình - Lựa chọn và sử dụng được các phương dạy học thích hợp với nội dung dạy học Sinh học, đối tượng dạy học, điều kiện cơ sở vật chất nơi dạy học. • Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong việc xây dựng mục tiêu và lựa chọn nội dung dạy học đúng đắn, sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học. - Có ý thức trau dồi thường xuyên về chuyên môn và nghiệp vụ để đáp ứng được yêu cầu sự phát triển của xã hội nói chung và sự phát triển của giáo dục nói riêng.			
61	Thực hành phương pháp dạy học sinh học	• Kiến thức: - Trình bày được nguyên tắc, yêu cầu của các kỹ năng soạn giảng, kỹ năng giảng dạy. - Trình bày được các bước giảng dạy: một khái niệm sinh học, một quá trình sinh học, một qui luật sinh học và một thí nghiệm sinh học. • Kỹ năng: - Đi, đứng, nói, viết và trình bày bảng theo yêu cầu của nghề sư phạm. - Soạn được giáo án bài lên lớp trong dạy học Sinh học. - Làm được một số phương tiện trực quan thông thường dùng trong dạy học Sinh học. - Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp dạy học Sinh học đạt hiệu quả. - Giảng dạy được các thành phần kiến thức của Sinh học • Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong việc thực hiện một bài dạy lên lớp	0/1		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm nâng cao hiệu quả dạy học. - Có ý thức trau dồi thường xuyên về chuyên môn và nghiệp vụ để đáp ứng được yêu cầu sự phát triển của xã hội nói chung và sự phát triển của giáo dục nói riêng. - Có tác phong sư phạm tốt, yêu nghề sư phạm			
62	Thí nghiệm sinh học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các nguyên tắc, yêu cầu, phương pháp triển khai một bài thí nghiệm sinh học phổ thông. - Sử dụng được các kiến thức sinh học để giải thích các hiện tượng và kết quả trong các thí nghiệm ở phổ thông. - Phân tích được mục đích trí dục của từng thí nghiệm, mối liên hệ của thí nghiệm với nội dung bài giảng, phương pháp biểu diễn và cách thức tổ chức cho học sinh phổ thông tiến hành thí nghiệm, phương pháp sử dụng của thí nghiệm đổ vào các bài dạy sinh học cụ thể ... - Vận dụng được các phương pháp dạy học và các phương tiện dạy học khác nhau trong quá trình dạy thí nghiệm nhằm giúp học sinh có thể thực hiện thành công các thí nghiệm. * Kỹ năng - Rèn luyện kỹ năng sử dụng và bảo quản một số dụng cụ, thiết bị và hóa chất dùng trong thí nghiệm sinh học. - Thực hiện được thành thạo các thao tác, thủ thuật để làm thành công những bài thí nghiệm sinh học phổ thông nhằm phát huy tính tích cực, phát triển tư duy và rèn luyện khả năng tự học của học sinh - Rèn luyện cho sinh viên tính khéo léo, sáng tạo trong khi tiến hành thí nghiệm, đề ra những phương án cải tiến cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của trường phổ thông và của các đối tượng học sinh. - Tổ chức, quản lý và hướng dẫn được các hoạt động của bài thí	0/1		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệm sinh học phổ thông cho học sinh một cách hiệu quả. * Thái độ - Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn xác khi tiến hành thí nghiệm cũng như biểu diễn thí nghiệm trong lớp học. - Nhận thức được tầm quan trọng của thí nghiệm sinh học phổ thông trong việc nâng cao chất lượng dạy học trong sinh học. Qua đó hình thành lòng yêu nghề, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực vận dụng các kỹ năng thí nghiệm vào việc dạy học sinh học ở nhà trường phổ thông			
63	Giải bài tập sinh học	* Kiến thức - Trình bày vai trò của bài tập trong dạy học sinh học. - Nêu được cơ sở lý luận của phương pháp sử dụng bài tập trong dạy học sinh học. * Kỹ năng - Phân loại được bài tập sinh học dựa trên các cơ sở phân loại khác nhau. - Giải được bài tập sinh học bằng nhiều cách, nhận xét được ưu, nhược điểm của mỗi cách. - Xây dựng được bài tập mới và sử dụng có hiệu quả bài tập trong quá trình dạy học sinh học ở trường phổ thông. * Thái độ - Hình thành thái độ nghiêm túc trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp phục vụ cho công tác giảng dạy ở nhà trường phổ thông sau này. - Đánh giá đúng tầm quan trọng của bài tập hóa học trong việc cung cấp tri thức, phát triển tư duy, hình thành nhân cách của học sinh	2		Thi tự luận
64	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	* Kiến thức - Hệ thống hoá kiến thức đã học về nghiệp vụ sư phạm như: Tâm lý học, Giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn bằng hành động thực hành thường xuyên.	0/1		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Trình bày được các cơ sở để lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học; các bước giảng dạy bài ôn tập – củng cố; các dạng kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn Sinh học ở trường Trung học phổ thông. * Kỹ năng - Rèn luyện hệ thống kỹ năng nghề nghiệp bao gồm các kỹ năng sư phạm cơ bản, các kỹ năng tiếp cận, tìm hiểu giáo dục, các kỹ năng dạy học và giáo dục như: Kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, viết bảng, đặt câu hỏi, soạn giáo.... - Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp dạy học thích hợp với nội dung và mục tiêu dạy học. Thực hiện dạy học được các bài nghiên cứu tài liệu mới, ôn tập - củng cố và thiết kế các bài kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn Sinh học ở trường Trung học phổ thông. * Thái độ - Sinh viên vận dụng kiến thức về lí luận dạy học và lí luận giáo dục tìm hiểu thực tiễn giáo dục phổ thông, qua đó bồi dưỡng thêm tình cảm yêu ngành, yêu nghề, xác định đúng đắn động cơ nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự nghiên cứu, rèn luyện tay nghề, để chuẩn bị một cách toàn diện cho đợt thực tập sư phạm. - Tích cực tham gia RLNVSP, hội thi NVSP giỏi và phấn đấu để trở thành người GV có phẩm chất và năng lực sư phạm tốt			
65					
66					

46. Sinh học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	HKIV	Thi tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mạng Việt Nam.			
5	Tâm Lý học Giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.	02		Thi tự luận
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.			
7	Giáo dục học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. - Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. - Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. - Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. - Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. - Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy luật của quá trình dạy học. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. - Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. - Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. - Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. - Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. - Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông. * Kỹ năng - Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như: - Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề. - Soạn được giáo án chuyên môn. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể. - Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.			
8	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	HK II	Thi tự luận
12	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp
14	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giản...			
15	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy và và vấn đáp
16	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.	02	HK I	Thi thực hành trên máy
17	Kỹ năng giao tiếp	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng . - Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. - Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.			
18	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học . - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	02		Thi tự luận
19	Giáo dục thể chất 1	Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
20	Giáo dục thể chất 2	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01		Thi thực hành
21	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
22	Kinh tế học đại cương	Nội dung trọng tâm của học phần là cung cấp những lý thuyết kinh tế cơ bản như lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng, sự vận hành của thị trường và giới thiệu các cấu trúc thị trường cơ bản, cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số vấn đề liên quan đến hạch toán sản lượng trong nền kinh tế, tổng cầu tổng cung cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô thường áp dụng trong nền kinh tế tác động tới sản lượng trong nền kinh tế.	02		Thi tự luận
23	Sinh lý thực vật		2,5/0,5		70% thực hành, 20% kiểm tra hoặc seminar, 10% chuyên cần
24	Sinh lý thực vật ứng dụng		1/1		70% thực hành, 20% kiểm tra hoặc seminar, 10% chuyên cần
25	Công nghệ nuôi cấy mô thực vật		2/0		Điểm chuyên cần 5%, thực hành 10%, bài kiểm tra 5%
26	Sinh học thực vật	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng trình bày các kiến thức cơ bản về tế bào thực vật, các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của cơ thể thực vật; nhận biết và phân biệt được các nhóm thực vật chính trong tự nhiên.	2/1	học kỳ 1 của năm	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Phương Pháp dạy học sinh học		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
28	Sinh học đại cương	Cung cấp cho người học các kiến thức đại cương về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống đặc trưng, cơ bản của các cơ thể sống	2/0	Học kỳ 1	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
29	Lý luận dạy học sinh học		3/1		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
30	Ứng dụng tin học trong DSHH		0,5/1,5		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Thực hành
31	Giải bài tập sinh học		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Bài tập
32	Chuyên đề bồi dưỡng HSG Sinh học		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Bài tập
33	Động vật không xương sống		1,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành
34	Sinh lý học trẻ em		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
35	Sinh học động vật		2/1		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Động vật học		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành
37	Lý sinh		2/0		Chuyên cần, kiểm tra giữa học phần, bài tập;
38	Lý sinh		2,5/0,5		Chuyên cần, kiểm tra lý thuyết, kiểm tra thực hành, thuyết trình
39	Hình thái giải phẫu thực vật		2,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra, thuyết trình
40	Phân loại thực vật		1,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra
41	Nguyên tắc phân loại sinh vật		1,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra
42	Cây thuốc		0,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra, tiểu luận
43	Sinh học tế bào và phân tử 1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sinh học tế bào và các kỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực sinh học tế bào ứng dụng trong đời sống, nghiên cứu khoa học.	2/0	học kỳ 1	Điểm danh, kiểm tra, bài tập
44	Sinh học tế bào và phân tử 2	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sinh học phân tử và các kỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực sinh học phân tử ứng dụng trong đời sống, nghiên cứu khoa học.	2/0	học kỳ 3	Điểm danh, kiểm tra, bài tập
45	Sinh học phân tử	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sinh học phân tử và các kỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực sinh học phân tử ứng dụng trong đời sống, nghiên cứu khoa học.	2/0	học kỳ 4	Điểm danh, kiểm tra, bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Thực tập sinh học tế bào và phân tử	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các thí nghiệm sinh học tế bào và phân tử	0/1	học kỳ 3	Điểm danh, kiểm tra thực hành, báo cáo bài tập nhóm
47	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sự phân bố, các tính chất vật lý, hoá học, hoạt tính sinh học và ứng dụng trong các lĩnh vực đời sống của các nhóm hợp chất tự nhiên	2/0	Giảng dạy trong học kỳ 1 của năm thứ 3	Điểm danh, kiểm tra, bài tập
48	Thực tập hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các thí nghiệm nhằm tách chiết, nhận biết, phân lập và các hoạt tính của hợp chất tự nhiên.	0/1	học kỳ 1 của năm thứ 3	Điểm danh, kiểm tra thực hành, báo cáo bài tập nhóm nhằm tăng cường kỹ năng xác định nhóm hợp chất tự nhiên và một số hoạt tính sinh học của các đối tượng cụ thể trong thực tế.
49	Kiểm nghiệm hóa thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các thí nghiệm và xây dựng quy trình kiểm nghiệm hoá thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO, HACCP để đạt chuẩn an toàn thực phẩm	1/1	học kỳ 1	Điểm danh, kiểm tra thực hành, báo cáo bài tập nhóm nhằm tăng cường kỹ năng xây dựng quy trình kiểm nghiệm hóa thực phẩm theo từng yêu cầu cụ thể trong thực tế.
50	Thực tập chuyên đề công nghệ thực vật		0/2		Điểm danh, kiểm tra thực hành, báo cáo kết quả thực hành của

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					từng sinh viên nhằm tăng cường kỹ năng thuyết trình kết quả thực hành theo chủ đề của sinh viên
51	Y sinh học phân tử	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Sinh học phân tử và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật trong lĩnh vực sinh học phân tử ứng dụng trong xét nghiệm y học.	1/ 1	Học kỳ 4	Điểm danh, Kiểm tra, Báo cáo tổng hợp bài tập thực hành của mỗi sinh viên nhằm tăng cường kỹ năng xây dựng quy trình xét nghiệm bệnh phẩm hoàn chỉnh bằng kỹ thuật PCR
52	Đề kháng kháng sinh – Các kỹ thuật kháng sinh đồ chuyên biệt	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các cơ chế đề kháng kháng sinh và thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm kháng kháng sinh ở vi khuẩn.	1/1	học kỳ 2	Điểm danh, kiểm tra, báo cáo tổng hợp bài tập thực hành của mỗi sinh viên nhằm tăng cường kỹ năng xét nghiệm bệnh phẩm hoàn chỉnh bằng các kỹ thuật kháng sinh đồ chuyên biệt.
53	Di truyền	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở của tính di truyền và biến dị, các quy luật di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở sinh vật.	2,5/0,5	năm 2	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
54	Di truyền	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở của tính di truyền và biến dị, các quy luật di truyền chi phối sự	3/1	năm 2	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình thành và phát triển tính trạng ở sinh vật.			học phần; Thuyết trình
55	Di truyền người và quần thể	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người, sự truyền thụ các gene ở cấp độ quần thể.	2/0	năm 3	Chuyên cần; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
56	Di truyền y học	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người; các phương pháp nghiên cứu, chẩn đoán và hướng điều trị bệnh di truyền ở người.	2/1	năm 1	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
57	Di truyền đại cương	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về phương pháp nghiên cứu; cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người.	1,5/0,5	năm 1	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần
58	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt		1/1		Kiểm tra (10%); Chuyên cần (10%); Thực hành (10%)
59	Sinh học phân tử trong CNTY		2/0		Chuyên cần, kiểm tra giữa học phần
60	Kỹ thuật di truyền		1,5/0,5		Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
61	An toàn Sinh học		1/0		Chuyên cần; Kiểm tra giữa học phần; Tiểu luận
62	Nuôi cấy tế bào động vật		2/0		Chuyên cần; Kiểm tra giữa học phần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thuyết trình
63	Khoa học môi trường	Cung cấp cho người học các kiến thức về môi trường sống, hệ sinh thái, mối quan hệ tác động qua lại giữa Môi trường – Tài nguyên – Con người; mục tiêu, nội dung và cách thức thực hiện phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, giáo dục môi trường. Rèn luyện thái độ, ý thức yêu quý thiên nhiên, bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.	2/0	Học kỳ 3, học kỳ 6	Chuyên cần(5%); Tham gia thảo luận trên lớp; Kiểm tra giữa học phần (10%).
64	Sinh học phát triển	Cung cấp cho người học các kiến thức về cơ sở, cơ chế và đặc điểm của sự phát triển cá thể sinh vật	2/0	Học kỳ 6, học kỳ 7	Chuyên cần (5%); Tham gia thảo luận trên lớp(5%); Kiểm tra giữa học phần (10%).
65	Giáo dục giới tính và định hướng sức khỏe sinh sản vị thành niên	Cung cấp cho người học các kiến thức, các phương pháp trong giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên	2/0	Học kỳ 8	Chuyên cần(5%); Tham gia thảo luận trên lớp(5%); Kiểm tra giữa học phần (10%).
66	Thực vật học	Cung cấp cho người học các kiến thức về Hình thái, Giải phẫu, Phân loại thực vật; Rèn luyện kỹ năng nhận biết, phân loại thực vật và các nhóm thực vật	2/0	Học kỳ 2	Chuyên cần(5%); Tham gia thảo luận trên lớp(5%); Kiểm tra giữa học phần (10%).

47. Công nghệ sinh học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	HKIV	Thi tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mạng Việt Nam.			
5	Tâm Lý học Giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.	02		Thi tự luận
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.			
7	Giáo dục học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. - Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. - Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. - Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. - Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. - Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy luật của quá trình dạy học. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. - Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. - Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. - Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. - Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. - Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông. * Kỹ năng - Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như: - Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề. - Soạn được giáo án chuyên môn. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể. - Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.			
8	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	HK II	Thi tự luận
12	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp
14	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giản...			
15	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy và và vấn đáp
16	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.	02	HK I	Thi thực hành trên máy
17	Kỹ năng giao tiếp	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng . - Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. - Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.			
18	Tâm lý học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học . - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.	02		Thi tự luận
19	Giáo dục thể chất 1	Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
20	Giáo dục thể chất 2	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01		Thi thực hành
21	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
22	Kinh tế học đại cương	Nội dung trọng tâm của học phần là cung cấp những lý thuyết kinh tế cơ bản như lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng, sự vận hành của thị trường và giới thiệu các cấu trúc thị trường cơ bản, cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số vấn đề liên quan đến hạch toán sản lượng trong nền kinh tế, tổng cầu tổng cung cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô thường áp dụng trong nền kinh tế tác động tới sản lượng trong nền kinh tế.	02		Thi tự luận
23	Sinh lý thực vật		2,5/0,5		70% thực hành, 20% kiểm tra hoặc seminar, 10% chuyên cần
24	Sinh lý thực vật ứng dụng		1/1		70% thực hành, 20% kiểm tra hoặc seminar, 10% chuyên cần
25	Công nghệ nuôi cấy mô thực vật		2/0		Điểm chuyên cần 5%, thực hành 10%, bài kiểm tra 5%
26	Sinh học thực vật	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng trình bày các kiến thức cơ bản về tế bào thực vật, các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của cơ thể thực vật; nhận biết và phân biệt được các nhóm thực vật chính trong tự nhiên.	2/1	học kỳ 1 của năm	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Phương Pháp dạy học sinh học		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
28	Sinh học đại cương	Cung cấp cho người học các kiến thức đại cương về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống đặc trưng, cơ bản của các cơ thể sống	2/0	Học kỳ 1	Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
29	Lý luận dạy học sinh học		3/1		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
30	Ứng dụng tin học trong DSHH		0,5/1,5		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Thực hành
31	Giải bài tập sinh học		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Bài tập
32	Chuyên đề bồi dưỡng HSG Sinh học		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, Bài tập
33	Động vật không xương sống		1,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành
34	Sinh lý học trẻ em		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thuyết trình
35	Sinh học động vật		2/1		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Động vật học		2/0		Điểm danh, kiểm tra giữa học phần, thực hành
37	Lý sinh		2/0		Chuyên cần, kiểm tra giữa học phần, bài tập;
38	Lý sinh		2,5/0,5		Chuyên cần, kiểm tra lý thuyết, kiểm tra thực hành, thuyết trình
39	Hình thái giải phẫu thực vật		2,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra, thuyết trình
40	Phân loại thực vật		1,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra
41	Nguyên tắc phân loại sinh vật		1,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra
42	Cây thuốc		0,5/0,5		Điểm danh, kiểm tra, tiểu luận
43	Sinh học tế bào và phân tử 1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sinh học tế bào và các kỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực sinh học tế bào ứng dụng trong đời sống, nghiên cứu khoa học.	2/0	học kỳ 1	Điểm danh, kiểm tra, bài tập
44	Sinh học tế bào và phân tử 2	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sinh học phân tử và các kỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực sinh học phân tử ứng dụng trong đời sống, nghiên cứu khoa học.	2/0	học kỳ 3	Điểm danh, kiểm tra, bài tập
45	Sinh học phân tử	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sinh học phân tử và các kỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực sinh học phân tử ứng dụng trong đời sống, nghiên cứu khoa học.	2/0	học kỳ 4	Điểm danh, kiểm tra, bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Thực tập sinh học tế bào và phân tử	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các thí nghiệm sinh học tế bào và phân tử	0/1	học kỳ 3	Điểm danh, kiểm tra thực hành, báo cáo bài tập nhóm
47	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sự phân bố, các tính chất vật lý, hoá học, hoạt tính sinh học và ứng dụng trong các lĩnh vực đời sống của các nhóm hợp chất tự nhiên	2/0	Giảng dạy trong học kỳ 1 của năm thứ 3	Điểm danh, kiểm tra, bài tập
48	Thực tập hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các thí nghiệm nhằm tách chiết, nhận biết, phân lập và các hoạt tính của hợp chất tự nhiên.	0/1	học kỳ 1 của năm thứ 3	Điểm danh, kiểm tra thực hành, báo cáo bài tập nhóm nhằm tăng cường kỹ năng xác định nhóm hợp chất tự nhiên và một số hoạt tính sinh học của các đối tượng cụ thể trong thực tế.
49	Kiểm nghiệm hóa thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các thí nghiệm và xây dựng quy trình kiểm nghiệm hoá thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO, HACCP để đạt chuẩn an toàn thực phẩm	1/1	học kỳ 1	Điểm danh, kiểm tra thực hành, báo cáo bài tập nhóm nhằm tăng cường kỹ năng xây dựng quy trình kiểm nghiệm hóa thực phẩm theo từng yêu cầu cụ thể trong thực tế.
50	Thực tập chuyên đề công nghệ thực vật		0/2		Điểm danh, kiểm tra thực hành, báo cáo kết quả thực hành của

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					từng sinh viên nhằm tăng cường kỹ năng thuyết trình kết quả thực hành theo chủ đề của sinh viên
51	Y sinh học phân tử	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Sinh học phân tử và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật trong lĩnh vực sinh học phân tử ứng dụng trong xét nghiệm y học.	1/ 1	Học kỳ 4	Điểm danh, Kiểm tra, Báo cáo tổng hợp bài tập thực hành của mỗi sinh viên nhằm tăng cường kỹ năng xây dựng quy trình xét nghiệm bệnh phẩm hoàn chỉnh bằng kỹ thuật PCR
52	Đề kháng kháng sinh – Các kỹ thuật kháng sinh đồ chuyên biệt	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các cơ chế đề kháng kháng sinh và thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm kháng kháng sinh ở vi khuẩn.	1/1	học kỳ 2	Điểm danh, kiểm tra, báo cáo tổng hợp bài tập thực hành của mỗi sinh viên nhằm tăng cường kỹ năng xét nghiệm bệnh phẩm hoàn chỉnh bằng các kỹ thuật kháng sinh đồ chuyên biệt.
53	Di truyền	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở của tính di truyền và biến dị, các quy luật di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở sinh vật.	2,5/0,5	năm 2	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
54	Di truyền	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở của tính di truyền và biến dị, các quy luật di truyền chi phối sự	3/1	năm 2	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình thành và phát triển tính trạng ở sinh vật.			học phần; Thuyết trình
55	Di truyền người và quần thể	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người, sự truyền thụ các gene ở cấp độ quần thể.	2/0	năm 3	Chuyên cần; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
56	Di truyền y học	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người; các phương pháp nghiên cứu, chẩn đoán và hướng điều trị bệnh di truyền ở người.	2/1	năm 1	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
57	Di truyền đại cương	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về phương pháp nghiên cứu; cơ sở di truyền chi phối sự hình thành và phát triển tính trạng ở người.	1,5/0,5	năm 1	Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần
58	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt		1/1		Kiểm tra (10%); Chuyên cần (10%); Thực hành (10%)
59	Sinh học phân tử trong CNTY		2/0		Chuyên cần, kiểm tra giữa học phần
60	Kỹ thuật di truyền		1,5/0,5		Chuyên cần; Thực hành; Kiểm tra giữa học phần; Thuyết trình
61	An toàn Sinh học		1/0		Chuyên cần; Kiểm tra giữa học phần; Tiểu luận
62	Nuôi cấy tế bào động vật		2/0		Chuyên cần; Kiểm tra giữa học phần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thuyết trình
63	Khoa học môi trường	Cung cấp cho người học các kiến thức về môi trường sống, hệ sinh thái, mối quan hệ tác động qua lại giữa Môi trường – Tài nguyên – Con người; mục tiêu, nội dung và cách thức thực hiện phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, giáo dục môi trường. Rèn luyện thái độ, ý thức yêu quý thiên nhiên, bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.	2/0	Học kỳ 3, học kỳ 6	Chuyên cần(5%); Tham gia thảo luận trên lớp; Kiểm tra giữa học phần (10%).
64	Sinh học phát triển	Cung cấp cho người học các kiến thức về cơ sở, cơ chế và đặc điểm của sự phát triển cá thể sinh vật	2/0	Học kỳ 6, học kỳ 7	Chuyên cần (5%); Tham gia thảo luận trên lớp(5%); Kiểm tra giữa học phần (10%).
65	Giáo dục giới tính và định hướng sức khỏe sinh sản vị thành niên	Cung cấp cho người học các kiến thức, các phương pháp trong giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên	2/0	Học kỳ 8	Chuyên cần(5%); Tham gia thảo luận trên lớp(5%); Kiểm tra giữa học phần (10%).
66	Thực vật học	Cung cấp cho người học các kiến thức về Hình thái, Giải phẫu, Phân loại thực vật; Rèn luyện kỹ năng nhận biết, phân loại thực vật và các nhóm thực vật	2/0	Học kỳ 2	Chuyên cần(5%); Tham gia thảo luận trên lớp(5%); Kiểm tra giữa học phần (10%).

48. Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	02	HK II	Thi tự luận
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	HKIV	Thi tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mạng Việt Nam.			
5	Tâm Lý học Giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học. - Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.	02		Thi tự luận
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.			
7	Giáo dục học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. - Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. - Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. - Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. - Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. - Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy luật của quá trình dạy học. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học. - Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. - Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. - Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. - Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. - Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông. * Kỹ năng - Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như: - Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề. - Soạn được giáo án chuyên môn. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể. - Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.			
8	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục đào tạo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lí hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.	02	HK II	Thi tự luận
12	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp
14	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giản...			
15	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy và và vấn đáp
16	Kỹ năng giao tiếp	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng . - Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lí luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. - Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.	02		Thi tự luận
17	Tâm lí học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học . - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác.			
18	Giáo dục thể chất 1	Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	01		Thi thực hành
19	Giáo dục thể chất 2	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên			
20	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	01		Thi thực hành
21	Kinh tế học đại cương	Nội dung trọng tâm của học phần là cung cấp những lý thuyết kinh tế cơ bản như lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng, sự vận hành của thị trường và giới thiệu các cấu trúc thị trường cơ bản, cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số vấn đề liên quan đến hạch toán sản lượng trong nền kinh tế, tổng cầu tổng cung cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô thường áp dụng trong nền kinh tế tác động tới sản lượng trong nền kinh tế.	02		Thi tự luận
22	Phân tích thiết kế thuật toán	Hướng dẫn sinh viên hiểu và vận dụng các giải thuật tham lam, qui hoạch động, vét cạn... để cho lời giải tối ưu.	2/0	HK 5	
23	Cấu trúc DL&GT	Cung cấp kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường windows sử dụng ngôn ngữ lập trình C++	3/1	HK 3	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Cung cấp giải thuật đệ lập trình với các loại dữ liệu cơ bản của C++ . Cung cấp các kiến thức về tổ chức các loại dữ liệu mới và giải thuật đệ lập trình trên C++.			bài Thực hành theo yêu cầu các bài thực hành Thi kết thúc học phần
24	Các mô hình máy tính thế hệ mới	Hướng dẫn sinh viên tích lũy những kiến thức về công nghệ mới của máy tính; Phân tích và đánh giá các loại máy tính; Thiết kế hệ thống máy tính cho cơ quan và cá nhân sử dụng máy tính	2/0	HK 6	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Thi kết thúc học phần
25	Lý thuyết thông tin	Hướng dẫn sinh viên tích lũy những kiến thức và sử dụng được các kiểu dữ liệu mới của C++ như: danh sách liên kết tĩnh, động, cây, cây BST, cây AVL. Biết cách phân tích bài toán để xây dựng cơ sở dữ liệu và giải thuật thích hợp. Thiết kế và cài đặt được một cấu trúc dữ liệu và thuật toán cơ bản; có khả năng lựa chọn thuật toán và cấu trúc dữ liệu phù hợp để giải các bài toán cụ thể.	2/0	HK 3	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Thi kết thúc học phần
26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Hướng dẫn sinh viên tích lũy những kiến thức về các khái niệm, qui trình và cấu trúc... để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.	1/0	HK 4	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Thi kết thúc học phần
27	Tin học đại cương	Hướng dẫn sinh viên tích lũy những kiến thức về một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành.	1/1	HK 1	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel.			bài Thực hành theo yêu cầu các bài thực hành Thi kết thúc học phần
28	TK&LT Web Cơ bản	Hướng dẫn sinh viên cách thiết kế, phát triển và nâng cao khả năng thiết kế, lập trình, vận hành và quản trị một website web tĩnh: đạt yêu cầu kỹ thuật, đẹp, dễ sử dụng, tin cậy ...đáp ứng các yêu cầu của một hệ thống website. thiết lập. Nâng cao năng lực thiết kế và vận hành web chuyên nghiệp với các ngôn ngữ và công cụ hỗ trợ hiện đại	3/1	HK 3	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Thực hành theo yêu cầu thiết kế các trang web Bài tập nhóm: thực hiện một dự án web và báo cáo kết quả Thi kết thúc học phần
29	TK&LT Web Nâng cao	Hướng dẫn sinh viên tích lũy những kiến thức chung về lập trình web động, sau đó cung cấp kỹ năng lập trình web với ngôn ngữ PHP và cơ sở dữ liệu MySQL. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cho thể hệ web mới, thiết lập, vận hành và quản trị một website nâng cao năng lực thiết kế và lập trình web chuyên nghiệp với các ngôn ngữ và công cụ hiện đại	3/1	HK 6	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Thực hành theo yêu cầu thiết kế các trang web Bài tập nhóm: thực hiện một dự án web và báo cáo kết quả Thi kết thúc học phần
30	Công nghệ web	Hướng dẫn sinh viên tích lũy những kiến thức chung về XML và lập trình web động. Nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng các công nghệ mới trong quá trình xây dựng, vận hành website	2/0	HK 7	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Viết chương trình theo yêu cầu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Bài tập nhóm: thực hiện một dự án về công nghệ web và báo cáo kết quả Thi kết thúc học phần
31	Thiết kế Cơ sở dữ liệu	- Hướng dẫn sinh viên tích lũy kiến thức lý thuyết để thiết kế một cơ sở dữ liệu quan hệ. - Thảo luận các vấn đề đặt ra trong các giai đoạn thiết kế ở mức logic: cách tiếp cận phân rã và tổng hợp được sử dụng trong giai đoạn thiết kế ở mức logic, phân tích và so sánh kết quả của hai hướng tiếp cận đó. - Các khía cạnh cần quan tâm trong giai đoạn thiết kế vật lý để lựa chọn một lược đồ CSDL vật lý phù hợp. Các nhóm sinh viên sẽ thực hiện một đề án, dựa trên một trong các bài toán thực tế, theo đầy đủ các giai đoạn trong quá trình thiết kế và được cài đặt với một hệ quản trị CSDL quan hệ..	2/0	HK 7	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Bài tập nhóm: Thiết kế và cài đặt một CSDL trên các hệ quản trị CSDL mới Thi kết thúc học phần
32	Tiếng anh trong tin học	Hướng dẫn sinh viên nắm được cơ bản về các vấn đề phổ biến trong ngành CNTT, có khả năng đọc hiểu và thao tác theo hướng dẫn của tài liệu, viết các ghi chú, giải thích, mô tả chương trình đã tạo bằng tiếng anh	2/0	HK 5	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Bài tập tham gia một khóa học tin học ngắn miễn phí bằng tiếng anh trên mạng Thi kết thúc học phần
33	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Hướng dẫn cho người học thành thạo các kỹ thuật lập trình, tiếp cận các ngôn ngữ lập trình mới C#, Java, đa dạng để tăng khả năng thích ứng và xoay xở trên nhiều	2/1	HK 3	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môi trường khác nhau, từ đó có thể tự học và nghiên cứu. Bắt đầu làm quen với xây dựng ứng dụng thực tế để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận các môn học trong lĩnh vực Công Nghệ Phần Mềm tốt hơn.			Bài tập thực hành: kết hợp bài tập cá nhân và bài tập nhóm Thi kết thúc học phần
34	Lập trình hướng đối tượng	Hướng dẫn người học hiểu và vận dụng phương pháp lập trình hướng đối tượng. Áp dụng trong ngôn ngữ C++ để xây dựng các ứng dụng cơ bản khai thác các đặc điểm của lập trình hướng đối tượng, từ đó có thể phân tích và giải quyết bài toán cụ thể.	2/1	HK 5	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài. Bài tập thực hành: kết hợp bài tập cá nhân và bài tập nhóm Thi kết thúc học phần
35	Nhập môn kỹ nghệ phần mềm	Hướng dẫn người học nắm được các kiến thức về quy trình xây dựng phần mềm, chi tiết từng giai đoạn, cách thức tổ chức các tài liệu liên quan đến quá trình xây dựng phần mềm. Trước khi tham gia học phần, học viên phải có kiến thức về ngôn ngữ lập trình, có kỹ năng xây dựng các phần mềm đơn giản. Sau khi kết thúc học phần, học viên biết cách thức tổ chức để xây dựng một phần mềm từ lúc ban đầu cho đến lúc chuyên giao phần mềm. Có kỹ năng xây dựng các tài liệu phân tích và thiết kế phần mềm.	2/1	HK 6	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài. Bài tập thực hành: kết hợp bài tập cá nhân và bài tập nhóm Thi kết thúc học phần
36	Công cụ lập trình hiện đại	Hướng dẫn người học tiếp cận các công cụ lập trình mới mà thị trường công nghệ phần mềm đang sử dụng. Người học có khả năng tìm tòi tiếp cận, luyện tập các kỹ năng mà các đơn vị tuyển dụng yêu cầu, hướng đến mục tiêu có thể đáp ứng thị trường lao động sau khi tốt nghiệp	2/1	HK 8	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài. Bài tập thực hành: kết hợp bài tập cá nhân và bài tập nhóm Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Lập trình ứng dụng mã nguồn mở	Hướng dẫn người học tiếp cận kiến thức về lập trình cho một số phần mềm mã nguồn mở phổ biến.	2/0	HK 7	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài. Bài tập thực hành: kết hợp bài tập cá nhân và bài tập nhóm Thi kết thúc học phần
38	Lập trình di động	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và kỹ năng để phân tích, thiết kế và xây dựng các ứng dụng di động trên nền tảng Android.	3/1	HK 8	Chuyên cần: Tham gia các buổi học lý thuyết và thực hành, tham gia xây dựng bài. Thực hành: Nộp ứng dụng di động đã hoàn thiện. Thi cuối kì
39	Tổ chức máy tính	Hướng dẫn cho người học nắm được các kiến thức về kiến trúc máy tính, hệ thống máy tính, biểu diễn dữ liệu trong máy tính, kiến trúc CPU, các thành phần CPU, tổ chức tập lệnh, bộ nhớ máy tính, phân cấp bộ nhớ và chế độ địa chỉ, các thiết bị nhập xuất, kiến trúc và tổ chức thông tin trên đĩa. Hình thành các kỹ năng: Nhận biết được các thành phần, thiết bị của máy tính. Sự tương thích của các thiết bị phần cứng; Lắp ráp, cấu hình máy tính, xử lý được các sự cố về hỏng hóc phần cứng và cả phần mềm.	2/1	HK 2	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Thực hành theo yêu cầu các bài thực hành Thi kết thúc học phần
40	Mạng máy tính	Hướng dẫn cho người học nắm được những kiến thức về mạng máy tính, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý nền tảng về mạng máy tính thông qua những mô hình	2/1	HK 4	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tham chiếu và bộ giao thức nổi tiếng OSI và TCP/IP. Các đặc tính của tầng Vật lý, tầng Liên kết dữ liệu, tầng Mạng, tầng Vận chuyển và tầng Ứng dụng sẽ được đề cập chi tiết qua mỗi chương. Trình bày hoạt động và đặc điểm của các thiết bị mạng thông dụng. Kỹ thuật và các chuẩn phổ biến cho mạng cục bộ (LAN) sẽ được nhấn mạnh. Sau khi hoàn tất học phần sinh viên sẽ có khả năng cài đặt, vận hành các hệ thống mạng vừa và nhỏ.			Thực hành theo yêu cầu các bài thực hành Thi kết thúc học phần
41	Lập trình mạng	Hướng dẫn cho người học nắm được các kiến thức về hoạt động của các ứng dụng giao tiếp mạng: mô hình TCP/IP, các giao thức ở các tầng và mối quan hệ giữa các tầng. Đồng thời cung cấp kiến thức về môi trường .NET, ngôn ngữ C# và kỹ năng lập trình các ứng dụng giao tiếp mạng để thiết kế và cài đặt các ứng dụng mạng và các chuẩn ở mức ứng dụng dựa trên mô hình Client/Server, có sử dụng các giao tiếp chương trình dựa trên Socket.	2/0	HK 7	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Viết các chương trình theo yêu cầu Thi kết thúc học phần
42	Thiết kế mạng intranet	Hướng dẫn cho người học nắm được một khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh về phân tích, thiết kế và cài đặt một hệ thống mạng LAN, Intranet. Các nội dung chủ yếu bao gồm: Kỹ thuật xác định các nhu cầu và mục tiêu của hệ thống mạng cho khách hàng; Kỹ thuật thiết kế hệ thống mạng ở mức luận lý; Kỹ thuật thiết kế hệ thống mạng ở mức vật lý; Kiểm thử, tối ưu và lập tài liệu cho hệ thống mạng, ..	2/0	HK 7	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Bài tập nhóm: thực hiện thiết kế cài đặt một hệ thống mạng Thi kết thúc học phần
43	Kỹ thuật lập trình cơ bản	Hướng dẫn người học nắm được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình C++ bao gồm các thành phần của ngôn ngữ C++, cấu trúc của chương trình, biến và kiểu dữ liệu đơn giản của C++, biểu thức, câu lệnh và	2/1	HK 1	Chuyên cần: Lên lớp và xây dựng bài Kiểm tra trên máy lấy ĐBP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các phép toán, hàm, đệ quy và cách truyền tham số, các kiểu dữ liệu có cấu trúc. Ứng dụng lý thuyết để viết chương trình giải các bài toán.			Thi kết thúc học phần
44	Cấu trúc rời rạc	Hướng dẫn người học nắm được những kiến thức cơ bản về tập hợp, đại số Boole, đồ thị, cây và thuật toán. Ứng dụng các thuật toán giải các bài tập đặc trưng và cài đặt các thuật toán	2/0	HK 2	Chuyên cần: Lên lớp và tham gia xây dựng bài Kiểm tra trên giấy lấy ĐBP Thi kết thúc học phần
45	Quản lý dự án CNTT		2/0		Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Bài tập nhóm: thực hiện thiết kế, cài đặt và quản trị 1 hệ thống mạng Thi kết thúc học phần
46	Quản trị mạng	Học phần Quản trị mạng là học phần độc lập không có các học phần tiên quyết, học trước hay song hành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về thiết kế, cài đặt và quản trị hệ thống mạng trên hệ điều hành Windows Server. Giúp cho người học có thể phân tích, thiết kế, xây dựng và quản trị hệ thống mạng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2/0	HK 7	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Bài tập nhóm: thực hiện thiết kế, cài đặt và quản trị 1 hệ thống mạng Thi kết thúc học phần
47	Mạng truyền thông di động	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về những công nghệ thông tin di động đang phổ biến hiện nay như: GSM, CDMA và các hệ thống mạng cục bộ	2/0	HK 7	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		không dây WLAN, WiFi, WiMAX.			Thi kết thúc học phần
48	Extensible Markup Language và Ứng dụng	cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ XML (Extensible Markup Language), giúp sinh viên có khả năng đặc tả nội dung và cấu trúc, xử lý và biến đổi tài liệu XML, từ đó ứng dụng tốt XML với các phần mềm theo mô hình kiến trúc đa tầng. Sinh viên được trang bị kiến thức về mô hình đối tượng DOM và ngôn ngữ truy vấn Xpath để áp dụng vào việc xử lý tài liệu XML. Việc biến đổi tài liệu XML được thực hiện dựa trên XSLT – một ngôn ngữ chuyển đổi tài liệu XML thông dụng nhất hiện nay..	2/0	HK 8	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Thi kết thúc học phần
49	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	Hướng dẫn người học thu thập các khái niệm và điều luật Mã nguồn mở. Hướng dẫn sử dụng khai thác các mã nguồn mở, từ đó có khả năng áp dụng và xây dựng ứng dụng theo yêu cầu	2/0	HK 7	Chuyên cần: tham gia tích cực các buổi học và chuẩn bị nội dung trước khi đến lớp. Thực hành: Làm bài tập lớn Thi cuối kì
50	Xử lý tín hiệu số	Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về lịch sử phát triển của xử lý tín hiệu số; các khái niệm cơ bản được sử dụng trong thu thập, mã hóa, lưu trữ và xử lý tín hiệu số. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được cung cấp các thuật toán để mã hóa, lưu trữ, xử lý tín hiệu từ tín hiệu liên tục sang tín hiệu số trong máy vi tính ở trong các không gian (miền) khác nhau.	2/0	HK 2	Chuyên cần: Tham gia các buổi học lý thuyết và thực hành, tham gia xây dựng bài. Kiểm tra giấy Thi cuối kì
51	Xử lý ảnh	Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về lịch sử phát triển của ảnh số; các khái niệm cơ bản được sử dụng trong xử lý ảnh số. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được	2/1	HK 5	Chuyên cần: Tham gia các buổi học lý thuyết và thực hành,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cung cấp các thuật toán để mã hóa, lưu trữ, xử lý ảnh số trong máy vi tính, từ cấp độ điểm ảnh đến vùng ảnh đối với ảnh đa cấp xám và ảnh màu. Thông qua các tiết thực hành, sinh viên có thể áp dụng các thuật toán xử lý ảnh đã học để xây dựng một ứng dụng xử lý ảnh cơ bản, từ đó có khả năng áp dụng và xây dựng các ứng dụng xử lý ảnh theo yêu cầu.			tham gia xây dựng bài. Thực hành: Nộp ứng dụng xử lý ảnh đã hoàn thiện. Thi cuối kì
52	Công nghệ .Net	Cung cấp kiến thức và phương pháp lập trình trên môi trường Windows sử dụng Visual Studio, ngôn ngữ lập trình C#; kiến thức nền tảng công nghệ ADO.NET để làm việc với các loại cơ sở dữ liệu; kiến thức cơ bản để có thể tự nghiên cứu và phát triển các loại ứng dụng khác sử dụng công nghệ .NET; khả năng tự xây dựng một ứng dụng Winform hoàn chỉnh ở mức độ vừa phải sử dụng công nghệ .NET và bộ công cụ Visual Studio	2/1	HK 7	Chuyên cần: Tham gia các buổi học lý thuyết và thực hành, tham gia xây dựng bài. Thực hành: Nộp ứng dụng Winform đã hoàn thiện. Thi cuối kì
53	Phân tích thiết kế hệ thống	Cung cấp cho sinh viên các hiểu biết về các phương pháp luận và kỹ thuật để phân tích, thiết kế và xây dựng một hệ thống thông tin. Môn học sẽ giới thiệu về phân tích và thiết kế hệ thống, chu kỳ phát triển hệ thống, nghiên cứu sơ bộ, mô hình hóa yêu cầu, dữ liệu và quá trình, mô hình hóa đối tượng, thiết kế nhập xuất và giao diện người sử dụng, thiết kế dữ liệu, kiến trúc ứng dụng, thực hiện, cài đặt, vận hành và hỗ trợ hệ thống.	2/1	HK 5	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
54	Big Data	Hướng dẫn người học khám phá một số ứng dụng liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp lớn từ bán hàng, tiếp thị và các chuỗi sản xuất và cung ứng bằng cách dùng các kỹ thuật xử lý song song dựa trên Map-Reduce và nền tảng liên quan. Sinh viên sẽ được cung	2/0	HK 8	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cấp kiến thức tổng quan về các khái niệm, các kỹ thuật, các công cụ và công nghệ liên quan đến Big Data. Học viên sẽ tìm hiểu các mô hình lưu trữ khác nhau, các phương pháp xử lý và các công cụ report có sẵn để làm việc với Big Data. Quan trọng hơn là học viên sẽ được tìm hiểu các chức năng cốt lõi của mỗi thành phần trong Big data và biết cách tích hợp nó để tạo thành giải pháp thống nhất mang lại lợi ích kinh doanh.			và bài thi cuối kỳ.
55	Kho DL& PP khai phá DL	Đại cương về phát hiện tri thức và khai phá dữ liệu, dữ liệu mờ và xác suất xuất hiện, mô hình dữ liệu cấu trúc hoá, cấu trúc mẫu. Các luật về kết hợp và phân tích dữ liệu. Các vấn đề về xử lý dữ liệu, đánh giá trị, phân lớp và đoán nhận tri thức, khai phá dữ liệu text, dữ liệu web.	2/0	HK 7	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
56	An toàn thông tin	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về mã hoá gồm các khái niệm, định nghĩa và các thuật toán kinh điển trong lĩnh vực mật mã.	2/0	HK 6	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
57	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	Trang bị cho sinh viên kiến thức về các bước và các kỹ thuật trong phát triển một phần mềm hướng đối tượng.	2/0	HK 7	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
58	Phân tích thiết kế theo UML	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích, thiết kế theo hướng đối tượng dựa trên ngôn ngữ UML	2/0	HK 8	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và công cụ Rational Rose			giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
59	Cơ sở dữ liệu	Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về cơ sở dữ liệu (CSDL), đặc biệt CSDL quan hệ: mô hình dữ liệu quan hệ, các ngôn ngữ truy vấn, thiết kế CSDL quan hệ. Sinh viên sẽ tích lũy được những hiểu biết cơ bản để có thể sử dụng và khai thác CSDL quan hệ một cách hiệu quả nhằm phục vụ cho nhiều môn học liên quan đến CSDL.	2/1	HK 4	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
60	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (HQT CSDL), vai trò và chức năng của HQT CSDL, Phân loại HQT CSDL, các thành phần của một HQT CSDL. Sử dụng được một HQT CSDL cụ thể (MS SQL Server, My SQL, ...) để quản trị một hệ CSDL như cài đặt hệ CSDL trên máy chủ, tạo kết nối từ các máy người dùng, quản lý giao dịch, quản lý tài khoản người dùng, phân quyền, sao lưu và phục hồi hệ thống.	3/1	HK 6	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
61	Ngôn ngữ lập trình bậc cao	Hướng dẫn sinh viên tích lũy kiến thức tổng quan về các ngôn ngữ lập trình và đánh giá ưu khuyết điểm. Cung cấp cho sinh viên một ngôn ngữ cấp cao để có thể giải quyết bài toán ứng dụng thường gặp trong thực tiễn.	3/1	HK 7	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
62	Đồ họa máy tính	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật đồ họa máy tính; các giải thuật đồ họa cơ bản; các không gian màu; các phép biến đổi trong không gian 2 chiều và không gian 3 chiều; các phép chiếu.	2/1	HK 4	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Học phần đồ họa máy tính sử dụng một số kiến thức cơ bản của đại số tuyến tính, hình học giải tích trong việc xây dựng các giải thuật vẽ các đường, các phép biến đổi, các mô hình và sử dụng ngôn ngữ lập trình C để thể hiện các giải thuật đồ họa nói trên.			Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.
63	Hệ điều hành	Hướng dẫn sinh viên tích lũy kiến thức chung nhất về hệ điều hành: Các chức năng cơ bản, các thành phần chủ yếu cùng một số giải pháp nguyên lý khi thiết kế các thành phần cơ bản của hệ điều hành. Thông qua việc nghiên cứu các trường hợp riêng (MS-DOS và UNIX), môn học cũng cung cấp một số kiến thức cơ bản để khảo sát một hệ điều hành cụ thể. Nâng cao năng lực thiết kế các chương trình ứng dụng cho sinh viên	3/0	HK 5	Chuyên cần: lên lớp và tham gia xây dựng bài Viết chương trình theo yêu cầu Bài tập nhóm: thực hiện nghiên cứu, cài đặt và vận hành hệ điều hành Thi kết thúc học phần
64	Trí tuệ nhân tạo	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản để tạo ra chương trình máy tính có khả năng học, suy luận và giải quyết vấn đề	2/0	HK 6	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Có các bài tập định kỳ và bài thi cuối kỳ.

49. Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý cơ bản 1	Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy	02	HK II	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.			
2	Nguyên lý cơ bản 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	03	HK III	Thi tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	02	HKIV	Thi tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới. Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách mạng Việt Nam.	03	HK V	Thi tự luận hoặc thi vấn đáp
5	Tâm Lý học Giáo dục	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học.	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác. - Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm. - Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. - Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.			
6	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động	02	HKV	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.			
7	Giáo dục học phổ thông	* Kiến thức - Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác. - Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI. - Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam. - Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông. - Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể. - Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học.	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông. - Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông. - Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại. - Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục. - Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông. - Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông. * Kỹ năng - Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như: - Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề. - Soạn được giáo án chuyên môn. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể. - Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp. - Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.			
8	Quản lí hành chính nhà nước và	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước,	01	Năm thứ 4	10%: Chuyên cần;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	quản lí giáo dục đào tạo	quản lí hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.			20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
9	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.			Thi tự luận
10	Xã hội học đại cương	Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học. Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm. Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.	02	Năm thứ 2	10%: Chuyên cần; 20%: Bài kiểm tra trên lớp; 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
11	Pháp luật Việt Nam đại cương	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những nội dung cơ bản của	02	HK II	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta. Tìm hiểu về hợp đồng dân sự, tội phạm hình sự, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, vi phạm hành chính, quyền thừa kế, phòng chống tham nhũng...; nâng cao văn hoá pháp lý cho sinh viên; giúp sinh viên lựa chọn đúng cách thức xử sự theo quy định của pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
12	Tiếng Anh 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: tính cách con người, sự kiện thể thao, và nông thôn và thành thị Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lòng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, Đối thoại về sở thích, về hoạt động trong thời gian rảnh, về hướng dẫn chỉ đường. Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài giới thiệu về bản thân, hoặc một người bạn, 1 mẫu tin đăng tên tạp chí về một vận động viên thể thao nổi tiếng, 1 giới thiệu ngắn về danh lam thắng cảnh.	02	HK I	Thi trực tiếp trên máy tính và vấn đáp
13	Tiếng Anh 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội	02	HK II	Thi trực tiếp trên máy và vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quen thuộc: phim ảnh, quà tặng và công nghệ. Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: - Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường. Đối thoại về việc mua vé xem phim hoặc hòa nhạc, sử dụng tiếng Anh khi đi mua sắm và sắp xếp để gặp gỡ 1 ai đó, Đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc Viết 1 bài phê bình phim, 1 lá thư cảm ơn người thân hoặc bạn bè cũng như là rèn luyện kỹ năng viết thư khiếu nại			
14	Tiếng Anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề văn hóa xã hội quen thuộc: văn hóa và phong tục các nước trên thế giới, một số thảm họa thiên nhiên, tội phạm và tội ác, và các loại hình ăn bản phẩm. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ lồng ghép, phát triển khả năng ngôn ngữ: Nghe hiểu những thông tin đơn giản trong đời sống xã hội thông thường, bày tỏ ý kiến một cách đơn giản về các vấn đề văn hóa, xã hội quen thuộc, đọc hiểu nội dung chính những tài liệu phổ thông liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội quen thuộc và viết thư đơn giản liên quan đến tường thuật, kể chuyện, hoặc đưa ra lời khuyên một cách đơn giản...	02	HK III	Thi trên máy và vấn đáp
15	Tiếng Anh 4	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp Tiếng Anh cần thiết về bản thân, các công việc thường	02	HK IV	Thi trực tiếp trên máy

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngày, lối sống, các thể loại sách, công việc, các hoạt động giải trí có tính chất mạo hiểm... Phát triển kỹ năng Nghe - Nói - Đọc -Viết tiếng Anh, kỹ năng làm bài thi PET của Cambridge ESOL.			và và vấn đáp
16	Tin học đại cương	Sau khi học xong, sinh viên phải: Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel. Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản. Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.	02	HK I	Thi thực hành trên máy
17	Kỹ năng giao tiếp	- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng . - Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. - Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.			
18	Tâm lí học đại cương	- Giúp cho sinh viên hiểu được những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học . - Xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất. - Giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác.	02		Thi tự luận
19	Giáo dục thể chất 1	Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... Tạo điều kiện	01		Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.			
20	Giáo dục thể chất 2	Kiến thức - Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền. - Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sở làm việc và nơi cộng đồng sinh sống. Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuật bóng chuyền	01		Thi thực hành
21	Giáo dục thể chất 3	Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.	01		Thi thực hành
22	Kinh tế học đại cương	Nội dung trọng tâm của học phần là cung cấp những lý	02		Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuyết kinh tế cơ bản như lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết hành vi người sản xuất và tiêu dùng, sự vận hành của thị trường và giới thiệu các cấu trúc thị trường cơ bản, cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số vấn đề liên quan đến hạch toán sản lượng trong nền kinh tế, tổng cầu tổng cung cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô thường áp dụng trong nền kinh tế tác động tới sản lượng trong nền kinh tế.			
23	Hóa học ĐC	Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ bản về hóa học, từ đó vận dụng được những kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu những học phần tiếp theo trong chuyên ngành của mình.	2/1	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra trên lớp; 10%: Thực hành tại PTN 70%: Thi tự luận kết thúc học phần.
24	Toán B	Giúp Sinh viên ôn lại một cách hệ thống về lý thuyết giới hạn; phép tính vi tích phân của hàm một biến số và những ứng dụng của nó, đồng thời bổ sung cho sinh viên một số khái niệm quan trọng: Các dạng vô định, khái niệm vô cùng bé, vô cùng lớn, một số hàm số thường gặp và tích phân suy rộng. Cung cấp thêm các kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính. Các kiến thức cơ bản về chuỗi số: Chuỗi số hội tụ, phân kỳ; xét sự hội tụ của chuỗi số, tìm miền hội tụ của chuỗi hàm. Các khái niệm cơ bản của hàm nhiều biến số và các tính chất của nó, cực trị hàm số nhiều biến số. Cung cấp các kiến thức về phương trình vi phân cấp 1, cấp 2 và ứng dụng.	3		ĐBP chiếm 30%, điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
25	Xác suất thống kê	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác	2		ĐBP chiếm 30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		suất - thống kê và vận dụng vào công tác thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của sinh viên.			điểm kiểm tra cuối kỳ chiếm 70%. ĐBP bao gồm: điểm chuyên cần (30%), bài tập cá nhân (20%) và điểm kiểm tra giữa kỳ (50%)
26	Vật lí đại cương - Lý sinh	Giúp sinh viên có các kiến thức cơ bản về các quy luật, hiện tượng, quá trình vật lý cơ bản và cơ chế, tác động, ứng dụng của chúng đối với cơ thể sinh vật, trình bày được các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Rèn luyện kỹ năng đo đạc, phân tích, kiểm chứng và đánh giá được các định luật cơ bản của Vật lý; Thực hiện được các thao tác cơ bản của một số kỹ thuật Lý sinh ứng dụng trong Y học. Mô tả được được nguyên lý cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của một số kỹ thuật Lý sinh y học.	3	HK 2	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm, Kiểm tra TH
27	Vật lí B	Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng giải bài tập, giải thích được một số hiện tượng vật lý, các nguyên tắc hoạt động của các thiết bị máy móc thường gặp trong đời sống và trong kĩ thuật. Những kiến thức này không chỉ giúp sinh viên học và nghiên cứu các môn học khác, mà còn góp phần rèn luyện phương pháp suy luận khoa học, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng.	2	HK 1, 2, 3	Chuyên cần, kiểm tra, BT nhóm.
28	Hóa lý	Hóa lý nghiên cứu cơ sở lý thuyết các quá trình Hóa học, ảnh hưởng của các thông số Vật lý, Hóa học tới quá trình Hóa học và các hệ Hóa học. Nội dung của Hóa	2	Năm thứ I	10%: Chuyên cần; 10%: Bài kiểm tra giữa kỳ;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý bao gồm: Các nguyên lý của nhiệt động lực hóa học, cân bằng hóa học, lý thuyết cơ bản cân bằng pha, khái niệm về dung dịch, cân bằng dung dịch – hơi, hấp phụ, hóa keo và điện hóa học			80%: Thi tự luận kết thúc học phần.
29	Công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn, trang bị kỹ năng tính toán, thiết kế hoặc thi công, giám sát thi công, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, tiếng ồn, kỹ thuật giảm thiểu và phát tán khí thải để bảo vệ không khí xung quanh.	3(3/0)	HK 1 năm 4	Tiểu luận
30	Quản lý chất lượng môi trường	Môn học cung cấp sinh viên các kiến thức quản lý môi trường, phương pháp xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng môi trường, các công cụ quản lý giám sát chất lượng môi trường cũng như các tiêu chuẩn môi trường quốc tế (ISO 14000).	2(2/0)	HK 1 năm 4	Kiểm tra giữa kỳ
31	Sinh hóa môi trường	Cung cấp kiến thức sinh hóa cơ bản nhất Cung cấp những kiến thức cơ bản của quá trình chuyển hóa các hợp chất sinh học môi trường	3(2/1)	Học kì I năm thứ 2	Kiểm tra (thực hành)
32	Năng lượng tái tạo	Cung cấp kiến thức tổng quan về các dạng nhiên liệu và năng lượng tái tạo mà con người sử dụng. Đánh giá tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng năng lượng và tiềm năng phát triển của chúng trong tương lai.	2(2/0)	Học kì II năm thứ 3 (môn tự chọn)	Tiểu luận
33	Sản xuất sạch hơn	Cung cấp các kiến thức và kỹ năng thực hiện giảm chất thải tại nguồn và sử dụng năng lượng hiệu quả trong sản xuất, dịch vụ và sản phẩm.	2(2/0)	Học kì II năm thứ tư (môn chuyên đề)	Tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Quy hoạch môi trường	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân vùng tài nguyên môi trường, giúp cho sinh viên xây dựng phương pháp luận khoa học về quy hoạch và quản lý tổng hợp khai thác tài nguyên môi trường, ở quy mô vùng, lãnh thổ theo mục tiêu phát triển bền vững.	2(2/0)	HK II năm thứ 3	Kiểm tra cuối môn học + điểm thành phần.
35	Phương pháp NCKH trong môi trường	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Khoa học môi trường và cách phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu để phục vụ cho việc học các môn học khác, thực hiện đề tài nghiên cứu, viết và bảo vệ báo cáo tốt nghiệp...	2(1,5/0,5)	HK II năm thứ 2	Kiểm tra cuối môn học + tiểu luận.
36	Phân tích môi trường	Giới thiệu cho sinh viên các phương pháp phân tích thường được sử dụng trong đánh giá ô nhiễm vô cơ và hữu cơ trong môi trường nước, môi trường không khí và môi trường đất, các phương pháp thu mẫu, tách ly và làm giàu vết các hợp chất cần phân tích. Giới thiệu các kỹ thuật phân tích phân huỷ và không phân huỷ mẫu phù hợp với các đối tượng lựa chọn cho mục đích phân tích. Học phần giúp sinh viên có cơ sở để học tiếp học phần chuyên ngành khác có liên quan như kỹ thuật xử lý nước thải, nước cấp	2(2/0)	HK 2 năm 2	Tiểu luận + chuyên cần
37	Xử lý ô nhiễm và thoái hóa đất	Giới thiệu về bản chất suy thoái và ô nhiễm môi trường đất, những nguyên nhân, hậu quả của nó. Từ đó, đưa ra các giải pháp kỹ thuật, công nghệ và quản lý hữu hiệu, chọn phương pháp xử lý mang tính đặc thù cho từng loại tài nguyên đất.	2(2/0)	KH2 Năm 3	Tiểu luận + chuyên cần
38	Môi trường học cơ bản	Cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường như	2(2/0)	Học kỳ 1	Kiểm tra + chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khái niệm môi trường, ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững,...cũng như mối quan hệ giữa sinh thái và môi trường, giữa tài nguyên thiên nhiên với môi trường,...			cần
39	Quản lý môi trường	Trình bày tổng quan về quản lý môi trường như khái niệm; các nguyên tắc quản lý môi trường; các công cụ được sử dụng trong quản lý môi trường như: công cụ luật pháp và chính sách, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật; quản lý các thành phần môi trường và các môi trường đặc thù.	3(3/0)	Học kỳ 1	Tiểu luận + chuyên cần
40	Xử lý và quản lý chất thải rắn và CTNH	Giúp sinh viên nắm vững kiến thức quản lý hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại và giảm thiểu tác hại của chúng đối với môi trường. Vận dụng các kiến thức quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại trong thực tế.	3(3/0)	Học kỳ 2	Tiểu luận + chuyên cần

50. Sinh học thực nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	-Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
2	Tiếng Anh	- Đào tạo trình độ: Tiếng Anh 3/6 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam - Giảng dạy cho học viên Cao học khối ngành Nông-	6		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lâm- Ngư, Sư phạm.			70%
3	Phương pháp luận trong NC sinh học	Giúp học viên nắm được phương pháp xây dựng ý tưởng, đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực sinh học. Giúp học viên nắm được các kỹ năng khai thác, tham khảo tài liệu, xử lý số liệu, viết báo cáo, bài báo khoa học.	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, simian: 30% Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
4	Sinh học phân tử tế bào	Đáp ứng kiến thức cơ bản về sinh học mức độ phân tử của tế bào, trên cơ sở đó hiểu được chức năng và cơ chế hoạt động của các đại phân tử sinh học, đặc biệt là phân tử chứa thông tin di truyền. Luyện tập các kỹ năng thao tác trên phân tử qua quá trình thực tập; kỹ năng học và tự học, viết và trình bày báo cáo chuyên đề.	3		Điểm đánh giá phần thực hành: 20 % Điểm kiểm tra, thảo luận: 10 % Thi hết môn hoặc viết báo cáo chuyên đề: 70%
5	Sinh thái tài nguyên	- Củng cố các khái niệm, nguyên lý cơ bản của sinh thái học - Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái - Áp dụng các nguyên lý sinh thái cơ bản trong quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
6	Các phương pháp hóa sinh hiện đại	Giúp học viên nắm được các phương pháp, kỹ năng của các phương pháp phân tích hóa sinh chủ yếu trong lĩnh vực hóa sinh.	2		Điểm đánh giá phần thực hành: 30% Thi hết môn bằng hình thức (tự luận hay trắc nghiệm): 70%
7	Di truyền vi sinh vật	Giúp học viên cao học hiểu được vi sinh vật là đối tượng chủ yếu có mặt trong các nghiên cứu về nhân tố di truyền, do đó di truyền của vi sinh vật là nền tảng cho việc nghiên cứu đặc điểm di truyền của các đối tượng	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, simina: 30 % Báo cáo chuyên đề: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh vật khác cũng như những thành tựu nổi bật của chuyên ngành đã đóng góp lớn cho các lãnh vực khoa học sinh học và ứng dụng hiện nay.			
8	Sinh lý động vật nâng cao	- Kiến thức: Cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về liên quan đến tiêu hóa và trao đổi chất và sinh lý máu. - Kỹ năng: Cung cấp cho học viên có các kỹ năng cơ bản và phương pháp luận về nghiên cứu. - Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện cho học viên có thái độ học tập nghiêm túc, tính kiên trì trong học tập và nghiên cứu và tinh thần say mê với nghề nghiệp.	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
9	Sinh lý chống chịu thực vật	Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức căn bản, bổ sung thông tin mới, cập nhật, về các quá trình sinh lý - sinh hoá cũng như cơ chế đáp ứng của cây trồng dưới ảnh hưởng của các nguyên nhân “stress” vô sinh và hữu sinh, và các biện pháp khắc phục.	2		- Thực hành: 30% - Thi hết môn hoặc báo chuyên đề: 70%
10	Sinh lý vi sinh vật	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về sinh lý vi sinh vật, làm cơ sở cho các môn học khác thuộc lãnh vực công nghệ sinh học như công nghệ lên men, công nghệ nấm, công nghệ enzyme, công nghệ vắc xin.	2		- Thực hành: 30% - Thi hết môn hoặc báo chuyên đề: 70%
11	Polysaccharide	Giúp học viên nắm được vai trò của polysaccharide trong cơ thể sống, hoạt tính sinh học của nó và các ứng dụng trong sinh y học và nông nghiệp.	2		- Điểm kiểm tra, thảo luận, simiar: 20% - Thi hết môn bằng hình thức tự luận hay báo cáo chuyên đề: 80%
12	Protein	Học phần “Protein: cấu trúc và chức năng” cung cấp cho học viên các kiến thức về cấu trúc protein, sự sinh	2		- Bài seminar: 30% - Thi cuối học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tổng hợp protein và các quá trình kiểm soát chất lượng protein trong tế bào bao gồm quá trình gấp cuộn, glycosyl hóa... Bên cạnh đó, học viên cũng được trang bị kiến thức về biểu hiện, tinh chế protein, tinh thể hóa protein và nghiên cứu chức năng protein. Với các kiến thức được trang bị trong học phần, học viên có thể vận dụng trong các nghiên cứu và sản xuất liên quan đến protein; thu nhận protein, tinh chế và sản xuất các chế phẩm protein có chức năng sinh học; sản xuất protein tái tổ hợp và ứng dụng trong sản xuất vaccine, dược phẩm.			hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
13	Sinh học tế bào gốc	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, hiện đại, cập nhật về tế bào gốc và kỹ thuật nuôi cấy, bảo quản tế bào động vật. Trên cơ sở đó, tế bào gốc được ứng dụng trong nhân giống vô tính động vật; đặc biệt là ứng dụng trong điều trị bệnh cho người.	2		- Điểm kiểm tra, thảo luận, simina: 30% - Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
14	Công nghệ tế bào thực vật	Giới thiệu các công nghệ nuôi cấy tế bào thực vật nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và lợi ích cho con người.	3		- Điểm đánh giá phần thực hành: 30% - Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
15	Sinh học và công nghệ nấm	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết cho việc nghiên cứu và phát triển công nghệ nuôi trồng nấm ăn, nấm làm thuốc - Nắm được các đặc điểm chính của các loài nấm đang được nuôi trồng phổ biến trên thế giới và trong nước; Vòng đời tiêu biểu của một số loài nấm cũng như các đặc điểm dinh dưỡng, sinh sản của nấm; Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đối với sự sinh trưởng và phát	2		- Điểm đánh giá phần thực hành: 30 % - Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển của nấm - Nắm vững các thao tác kỹ thuật, có khả năng sản xuất giống nấm các loại - Nắm vững các nguyên tắc, các yêu cầu kỹ thuật của từng giai đoạn nuôi trồng nấm và có thể trồng được một số loài nấm ăn thông dụng			
16	Công nghệ lên men	Giới thiệu nguyên lý của các công nghệ sản xuất các sinh phẩm được thu nhận từ lên men vi sinh vật và vai trò của chúng.	2		- Điểm đánh giá phần thực hành: 30 % - Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
17	Enzyme và ứng dụng	Giúp học viên nắm được nắm được công nghệ sản xuất enzyme và ứng dụng của enzyme. Nắm được kỹ năng sản xuất, tách chiết và tinh sạch enzyme.	3		Điểm đánh giá phần thực hành: 20% Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 10% Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
18	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	Học phần này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học từ thực vật nhằm hiểu tiềm năng của thực vật của nước nhà từ đó có ý thức bảo tồn và khai thác	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
19	Di truyền phân tử trong chọn giống cây trồng	Sau khi học xong học phần, học viên nắm được các kiến thức chuyên sâu về sinh học phân tử, sử dụng các marker ứng dụng trong di truyền chọn giống cây trồng.	2		- Điểm kiểm tra, tiểu luận 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
20	Sinh học phân tử trong Y Dược học	Cung cấp cho học viên kiến thức hiện đại và cập nhật về nguyên lý và ứng dụng của sinh học phân tử trong chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho con người.	3		- Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar, thực hành: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Thi hết môn: 70%
21	Kiểm soát sinh học	Giúp học viên nâng cao kiến thức và kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng các khoa học tiên tiến trong lĩnh vực phòng trừ sinh học để quản lý dịch hại trên cây trồng theo hướng an toàn, bền vững và có hiệu quả kinh tế cao.	2		- Điểm đánh giá phần thực hành: 10% - Thuyết trình seminar 20% - Thi hết môn hoặc báo cáo chuyên đề: 70%
22	Điều khiển giới tính ở động vật	Giúp học viên nắm được cơ chế kiểm soát giới tính gồm định đoạt giới tính, biệt hoá giới tính, vai trò của NST và gen trong định đoạt giới tính, khả năng can thiệp của con người trong hình thành giới tính	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 20 % Thi hết môn: 80 %
23	Sinh Tin	Học phần “Tin Sinh học đại cương” nhằm giúp sinh viên ngành Công nghệ Sinh học nắm bắt được khái niệm về tin sinh học, các phương pháp và các công cụ nền tảng của tin sinh học. Môn học cung cấp kiến thức về các cơ sở dữ liệu sinh học (NCBI, EMBL, DDBJ), ý nghĩa và phương pháp so sánh hai hay nhiều trình tự sinh học (DNA, protein), các phương pháp phân tích trình tự DNA và protein, và các khái niệm cơ bản về thiết kế môi cho các phản ứng khuếch đại in vitro.	2		- Điểm thực tập: 30% - Thi cuối học phần: 70%
24	Công nghệ vắc xin	Giúp học viên hiểu được hoạt động và cơ chế đáp ứng miễn dịch của người. Đây là cơ sở khoa học để phát triển và sản xuất vắc xin theo qui mô công nghệ.	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30 % Thi hết môn: 70 %
25	Phytohormon và ứng dụng	Học viên sẽ tìm hiểu được cấu trúc căn bản của chất điều hòa sinh trưởng thực vật, tác dụng sinh lý của nó đối với đời sống thực vật và có thể ứng dụng những kiến thức về chất điều hòa sinh trưởng thực vật vào thực	2		- Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30 % - Thi hết môn: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiền.			
26	Chẩn đoán phân tử	Sau khi học, học viên sẽ hiểu được nguyên lý cơ bản của các phương pháp phân tử chẩn đoán bệnh, có khả năng hiểu được và thực hành được các phương pháp chẩn đoán.	2		Điểm kiểm tra, thảo luận, seminar: 30 % Thi hết môn: 70 %
27	Triết học	-Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%

51. Toán giải tích

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	-Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
2	Tiếng Anh	- Đào tạo trình độ: Tiếng Anh 3/6 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam - Giảng dạy cho học viên Cao học khối ngành Nông-	6		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lâm- Ngư, Sư phạm.			70%
3	Giải tích trên đa tạp	- Kiến thức: Cung cấp các kiến thức về đa tạp khả vi; Hình học Riemann - Kỹ năng: Nắm chắc có hệ thống các kiến thức về giải tích vectơ, không gian tiếp xúc và dạng vi phân trên đa tạp. Liên thông Levi-sivita; chuyển dịch song song trên đa tạp Riemann; các độ cong cơ bản trên đa tạp Riemann; k-dạng vi phân trên đa tạp Riemann; - Thái độ, chuyên cần: Tham gia nghe giảng ở lớp đầy đủ, tự đọc tài liệu tham khảo và làm các bài tập mà giáo viên yêu cầu. Dự kiểm tra một lần giữa học kì, và làm tiểu luận cuối học kỳ thay cho thi.	3		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
4	Đại số hiện đại	Đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển toán học lý thuyết. Môn học thuộc phần cơ sở của toán học. Cung cấp cho học viên một số kiến thức cơ sở về lý thuyết tập hợp, lý thuyết nhóm, nhóm hữu hạn, nhóm Abel hữu hạn, lý thuyết vành, lý thuyết môđun, lý thuyết phạm trù và hàm tử.	3		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
5	Giải tích hàm	Học phần trình bày phép tính vi phân, điều kiện cực trị trên không gian định chuẩn, ánh xạ mở, định lý tách, định lý ánh xạ ngược và các ứng dụng, không gian Hilbert và phương trình tích phân, Lý thuyết điểm bất động cho ánh xạ đơn trị, đa trị.	3		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
6	Lý thuyết tối ưu	Cung cấp các kiến thức ban đầu về lý thuyết tối ưu: tối ưu tuyến tính và tối ưu phi tuyến, làm cơ sở để học viên có thể tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
7	Cơ sở giải tích lồi	Học viên nắm bắt được nội dung cơ bản, hiện đại của môn cơ sở giải tích lồi và ứng dụng.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					70%
8	Không gian véc tơ tô pô	Nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản nhất của Lý thuyết không gian vectơ tô pô. Từ đó giúp học viên có một cách nhìn tổng quát về các kết quả đã biết trong Giải tích cổ điển và Giải tích hàm.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
9	Phương trình vi phân nâng cao	Trang bị cho học viên kiến thức hiện đại về phương trình vi phân và mô hình ứng dụng.	3		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
10	Giải tích ngẫu nhiên	Học viên nắm bắt được nội dung cơ bản, hiện đại của môn Giải tích ngẫu nhiên.	3		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
11	Giải tích phức	Trang bị cho người học các khái niệm và tính chất cơ bản của hàm chỉnh hình một và nhiều biến phức; các định lý cơ bản của hàm chỉnh hình, biết vận dụng chúng để giải quyết các bài tập và tiếp cận hướng chuyên sâu về giải tích phức một biến và giải tích phức nhiều biến.	3		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
12	Những vấn đề hiện đại trong Toán học phổ thông	- Kiến thức: Cung cấp các kiến thức về toán học hiện đại soi rọi vào toán phổ thông và ngược lại nhìn thấy được tính hiện đại chứa đựng trong mỗi khái niệm toán học sơ cấp đang được dạy cho học sinh phổ thông. - Kỹ năng: Nắm chắc có hệ thống các kiến thức về lịch sử phát triển các quan điểm hiện đại về hình học; đại số, giải tích, nắm chắc các cấu trúc: Không gian tô pô, không gian Metric; không gian vectơ Euclid; không gian xạ ảnh, không gian afin, tác động của một nhóm và sơ lược về hình học của nhóm biến đổi, phân loại hình học theo quan điểm nhóm. - Thái độ, chuyên cần: Tham gia nghe giảng ở lớp đầy	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đủ, tự đọc tài liệu tham khảo và làm các bài tập, tiểu luận mà giáo viên yêu cầu. Dự kiểm tra một lần giữa học kì, và làm tiểu luận cuối học kỳ thay cho thi.			
13	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học	Trang bị cho học viên kiến thức hiện đại về Thống kê và ứng dụng vào nghiên cứu khoa học.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
14	Lịch sử toán Giải tích	Học viên sẽ biết được các giai đoạn phát triển trong lịch sử của Toán học, biết sử dụng lịch sử toán học để giảng dạy môn toán ở trường phổ thông.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
15	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên nắm được phương pháp nghiên cứu khoa học và trình bày các công trình khoa học.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
16	Toán rời rạc và ứng dụng	- Kiến thức: Cung cấp một số kiến thức cơ sở toán học để hiểu được quá trình hoạt động của máy tính điện tử. - Kỹ năng: Nắm vững các kiến thức về các hệ thống đại số, logic Toán và các mạch logic, lý thuyết đồ thị, thuật toán và ứng dụng lý thuyết tô màu để giải toán sơ cấp. - Thái độ, chuyên cần: Tham gia nghe giảng ở lớp đầy đủ, tự đọc tài liệu tham khảo và làm các bài tập mà giáo viên yêu cầu. Dự kiểm tra một lần giữa học kì, và tham dự kỳ thi hết học phần.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
17	Phương trình hàm	-Mục tiêu chung: Nhằm giới thiệu cho học viên một số hàm đặc biệt có nhiều ứng dụng trong lý thuyết phương trình vi phân, phương trình đạo hàm riêng và nhiều vấn đề khác. -Về nhận thức: Học viên cần nắm vững khái niệm và các tính chất của từng hàm đặc biệt. - <i>Về thực hành:</i> Học viên cần vận dụng thành thạo các	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tính chất của hàm đặc biệt và ứng dụng chúng trong việc tìm nghiệm của phương trình vi phân và phương trình đạo hàm riêng.			
18	Ứng dụng của tin học trong giảng dạy toán	Sinh viên sử dụng thành thạo tin học và các phương tiện dạy học khác vào công tác dạy và học môn toán	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
19	Lý thuyết điều khiển toán học	Học viên nắm chắc các kiến thức cơ bản về lý thuyết điều khiển.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
20	Giải tích đa trị	Học viên nắm chắc các kiến thức cơ bản về giải tích đa trị.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
21	Bất đẳng thức và ứng dụng	Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bất đẳng thức.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
22	Đại số tuyến tính nâng cao	Học viên nắm chắc các kiến thức nâng cao, cần thiết về <i>Đại số tuyến tính</i> như: Ma trận chuẩn Jordan của tự đồng cấu, đại số đa tuyến tính, giới hạn trong không gian tuyến tính, các tính chất metric của toán tử tuyến tính.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
23	Số học nâng cao	Nâng cao hiểu biết về số học.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
24	Lý thuyết sai phân và ứng dụng	Kiến thức: Trang bị cho học viên một số khái niệm và tính chất cơ bản của sai phân đồng thời vận dụng nó trong việc giải quyết bài toán tính tổng và bài toán xác định số hạng tổng quát của dãy số.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng: Sử dụng được phương pháp sai phân trong việc giải quyết bài toán tính tổng và bài toán xác định số hạng tổng quát của dãy số. Thái độ, chuyên cần: Học viên cần lên lớp đầy đủ.			
25	Giải tích phức p-adic	Người học phải nắm được cách xây dựng trường các số phức p-adic, cách xây dựng lý thuyết Nevanlinna p-adic và một số ứng dụng của nó.	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%
26	Một số xu hướng đổi mới dạy học hiện nay	- Kiến thức: Cung cấp các kiến thức về triển khai giáo dục phổ thông mới theo tinh thần Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phải chuyển đổi căn bản toàn bộ nền giáo dục từ chủ yếu nhằm trang bị kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, biết vận dụng tri thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; chuyển nền giáo dục nặng về chữ nghĩa, ứng thí sang một nền giáo dục thực học, thực nghiệp . - Kỹ năng: Học xong học phần học viên có kỹ năng sử dụng một số phương pháp dạy học hiệu quả vào môn học của mình; biết tổ chức dạy học kết hợp học tập trên lớp và hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tập dượt nghiên cứu khoa học xã hội của học sinh; Học viên có kỹ năng dạy học trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, biết và sử dụng tốt các phương tiện dạy học hiện có như bảng tương tác thông minh... để hỗ trợ đổi mới việc lựa chọn, thiết kế nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học . - Thái độ, chuyên cần: Tham gia nghe giảng ở lớp đầy đủ, tự đọc tài liệu tham khảo và làm các bài tập, tiểu luận mà giáo viên yêu cầu. Dự kiểm tra một lần giữa học kì, và làm tiểu luận cuối học kỳ thay cho thi	2		- Kiểm tra: 30% - Thi kết thúc HP: 70%

52. Vật lý Lý thuyết và Vật lý toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	-Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
2	Tiếng Anh	- Đào tạo trình độ: Tiếng Anh 3/6 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam - Giảng dạy cho học viên Cao học khối ngành Nông-Lâm- Ngư, Sư phạm.	6		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
3	Toán cho vật lý lý thuyết	- Về tri thức: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản trong việc sử dụng toán học trong các lĩnh vực khác nhau của vật lý: Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Vật lý chất rắn, ... - Về kỹ năng : Sử dụng các công thức toán học để xử lý số liệu điều tra cũng như số liệu thực nghiệm - Về thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
4	Cơ học lượng tử	- Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản cần thiết làm nền móng để tiếp tục nghiên cứu các hướng khác của vật lý hiện đại như chất rắn lượng tử, vật lý hạt nhân nguyên tử, vũ trụ học, quang học lượng tử, thông tin lượng tử... - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn			
5	Lý thuyết chất rắn	- Kiến thức Sau khi học xong học phần Lý thuyết chất rắn, người học nắm được các vấn đề cơ bản của học phần: + Cấu trúc và tính chất đối xứng của vật rắn. + Dao động mạng và phonon. + Các trạng thái của điện tử và cấu trúc vùng năng lượng. + Khí Fermi trong vật rắn. + Siêu dẫn. + Vật rắn trong trường ngoài tĩnh, từ tính. + Tương tác của photon với vật rắn. + Một số phương pháp xác định cấu trúc của vật rắn. + Các cơ sở vật lý của hệ cấu trúc nano. - Kỹ năng Sau khi học xong học phần Lý thuyết chất rắn, người học có được các kỹ năng sau: + Có khả năng tự đọc các giáo trình vật lý lý thuyết, áp dụng các kiến thức vào các ngành khác như: Vật lý chất rắn, Khoa học vật liệu và một số ngành khác. + Vận dụng kiến thức học phần để giải bài tập và giải thích các vấn đề trong cuộc sống liên quan đến học phần. + Có kỹ năng tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm. + Bước đầu hình thành kỹ năng khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin trong báo cáo tiểu luận + Có kỹ năng trình bày: kỹ năng thuyết trình (báo cáo thảo luận, trình bày cách giải bài tập) + Có kỹ năng kiểm tra, đánh giá: đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá.	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Lý thuyết trường tự do	- Kiến thức: Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản cần thiết để nghiên cứu về các hạt cơ bản và sự tương tác giữa chúng, làm nền móng để tiếp tục nghiên cứu các hướng khác của vật lý hiện đại như chất rắn lượng tử, vật lý hạt nhân nguyên tử, vũ trụ học, quang học lượng tử, thông tin lượng tử... - Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, phương pháp tư duy của Vật lý lý thuyết và Vật lý toán. - Thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn - Các mục tiêu khác: Giúp cho học viên có cái nhìn tổng quát về bức tranh vật lý của tự nhiên.	3		- Điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên: 10 % - Điểm kiểm tra giữa học phần: 20 % - Thi kết thúc học phần: 70 %
7	Phương pháp NCKH chuyên ngành	Môn học sẽ đem đến cho học viên những khái niệm khái quát nhất về khoa học và NCKH cũng như những kỹ năng cơ bản trong việc thực hiện các phương pháp NCKH định tính để họ có thể tự tìm vấn đề nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu, và trước hết là thực hiện tốt bản luận văn của mình. Học phần này thuộc khối kiến thức chung; sẽ giảng dạy cho học viên những khái niệm cơ bản nhất về khoa học và nghiên cứu khoa học, một số phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các hình thức nghiên cứu khoa học	2		- Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 70%
8	Quang học ứng dụng	+ Tìm hiểu về các hiện tượng căn bản trong vật lý về tương tác ánh sáng: khúc xạ (phi tuyến và không phi tuyến), phản xạ, hấp thụ, bức xạ và tán xạ ánh sáng. Tìm hiểu các vật liệu quang học hiện đang được sử dụng trong các thiết bị và hệ thống quang: kính quang, kính gốm (ceramic glass), tinh thể quang và quang plastic....	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Các loại màng quang học, ứng dụng của chúng và các cách thiết kế màng và chế tạo màng. + Các loại nguồn sáng thông dụng được sử dụng trong các hệ thống quang học. + Quang học sợi: những nguyên lý cơ bản về sự dẫn sóng trong ống dẫn sóng, sợi quang; tính chất của sợi quang và các ứng dụng của chúng. + Hiệu ứng quang xúc tác và ứng dụng của chúng. + Hiệu ứng quang điện và ứng dụng của chúng.			
9	Cơ học lý thuyết	Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về cơ học: Các phương trình Lagrange, chuyển động của vật rắn, chuyển động trong trường lực xuyên tâm, chuyển động vệ tinh, các bài toán dao động.	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
10	Các phương pháp phân tích vật liệu	Học viên nắm được kiến thức cơ bản về các phương pháp đặc trưng vật liệu bao gồm zeolite, vật liệu mao quản trung bình, các khoáng vô cơ, các loại gốm, vật liệu nano.	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
11	Các phương pháp quan sát thiên văn	- Về tri thức: Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về toán để họ áp dụng nghiên cứu vật lý, đi sâu vào ngành vật lý lý thuyết và nghiên cứu các hệ vật lý gần với thực tế. Nội dung của lý thuyết nhóm giới thiệu các kiến thức và khái niệm nhóm, các nhóm thường dùng trong vật lý, lý thuyết biểu diễn nhóm. - Về kỹ năng: Sử dụng được các kiến thức về nhóm để nghiên cứu vật lý lý thuyết, vật lý chất rắn. - Về thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
12	Lý thuyết nhóm và ứng dụng	- Về tri thức: Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về toán để họ áp dụng nghiên cứu vật lý, đi sâu vào	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trong vật lý	ngành vật lý lý thuyết và nghiên cứu các hệ vật lý gần với thực tế. Nội dung của lý thuyết nhóm giới thiệu các kiến thức và khái niệm nhóm, các nhóm thường dùng trong vật lý, lý thuyết biểu diễn nhóm. - Về kỹ năng : Sử dụng được các kiến thức về nhóm để nghiên cứu vật lý lý thuyết, vật lý chất rắn. - Về thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn			- Thi kết thúc HP: 70%
13	Mô hình chuẩn	- Về kiến thức: Học phần Mô hình chuẩn nhằm trang bị cho học viên kiến thức sâu cao về Vật lý lý thuyết để mô tả sự thống nhất của các tương tác điện-yếu và tương tác mạnh. Đồng thời, còn chỉ ra sự sắp xếp các hạt và cơ chế sinh khối lượng cho các hạt. Đặc biệt, học phần này còn cho thấy sự phù hợp cao giữa mô hình lý thuyết và các dữ liệu thực nghiệm thu được từ các máy gia tốc. - Về kỹ năng: Học viên có khả năng tiếp cận các vấn đề khoa học thời sự thuộc lĩnh vực chuyên ngành của bản thân và các hướng phát triển của vật lý hạt cơ bản, vật lý hạt nhân, vật lý chất rắn lượng tử... - Về thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
14	Vật lý hạt cơ bản	- Kiến thức: Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về vật lý hạt, đặt nền móng cho việc nghiên cứu vật lý hiện đại. - Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, phương pháp tư duy vật lý lý thuyết. - Các mục tiêu khác: Giúp học viên có cái nhìn tổng quát về bức tranh vật lý.	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Vật lý thiên văn hiện đại	- Về tri thức: Học phần nhằm mục đích trang bị kiến thức cho sinh viên về vật lý học hiện đại. Về lý thuyết, Sinh viên khi học xong sẽ nắm được các khái niệm và quá trình tiến hoá của hành tinh, hệ hành tinh, sao, thiên hà, cụm thiên hà, và vũ trụ. - Về kỹ năng : Học viên có kỹ năng thực hành các phương pháp đo đạc hiện đại - Về thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
16	Vật lý năng lượng cao	Cung cấp những kiến thức hiện đại, những thành tựu mới nhất của vật lý trong nghiên cứu thế giới vi mô và trong vũ trụ học, cấu tạo vật chất, cấu trúc vật chất. Cung cấp những kiến thức về khả năng ứng dụng của vật lý hiện đại trong các lĩnh vực năng lượng, nông, sinh, y,... Học phần sẽ không đi sâu vào các tính toán chi tiết mà chủ yếu giới thiệu để sinh viên cao học nắm được văn hóa của vật lý học và khoa học hiện đại.	3		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
17	Lập trình mô phỏng cho các hệ vật lý	Người học xác định được phương pháp số, áp dụng tính toán được cho các hệ vật lý. Trên cơ sở đó lập trình mô phỏng được các hệ này bằng Mathematica.	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
18	Cơ sở của Vật lý học hiện đại	Kiến thức: Trang bị cho học viên cao học tổng quan về vật lý hiện đại Kỹ năng: Giúp cho học viên có cái nhìn tổng quát về bức tranh vật lý của tự nhiên. Thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
19	Vật lý khí quyển tầng cao	- Về tri thức: Học phần này cung cấp những phương pháp cơ bản về quan sát thiên văn, chụp ảnh thiên văn	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và mô tả nguyên lý hoạt động của các thiết bị trong quan sát thiên văn. - Về kỹ năng : Học viên được học tập kỹ năng sử dụng kính thiên văn quang học, xử lý số liệu thiên văn. - Về thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.			- Thi kết thúc HP: 70%
20	Dạy học vật lý bằng Tiếng Anh	- Về kiến thức: - Những kiến thức chung trong dạy học bằng Tiếng Anh: quản lý lớp, phản hồi học sinh, tóm tắt bài học,... - Kiến thức Tiếng Anh trong những lĩnh vực cơ bản của môn Vật lý hiện đang được giảng dạy ở trường phổ thông. - Về kỹ năng: Rèn luyện ngôn ngữ tiếng anh trong vật lý - Các mục tiêu khác: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
21	Laser và ứng dụng	- Kiến thức: Học viên hiểu được nguyên tắc làm việc của các loại laser cơ bản: khí, rắn, lỏng, bán dẫn và hiểu được ứng dụng của nó trong đời sống, công nghệ kỹ thuật, trong y học... - Kỹ năng: học viên vận dụng được các kiến thức vật lý để giải thích cơ chế làm việc của các loại laser, các thiết bị laser sử dụng trong kỹ thuật, y học. - Thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%
22	Trí tuệ nhân tạo Vật lý	- Về tri thức: Học phần nhằm mục đích trang bị kiến thức cho học viên về trí tuệ nhân tạo và hệ trí tuệ nhân tạo vật lý. Về lý thuyết, học viên khi học xong sẽ nắm được các khái niệm về hệ trí tuệ nhân tạo vật lý bao	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gồm hệ internet vạn vật, sensor, thuật toán học máy và học sâu. - Về kỹ năng : học viên có kỹ năng thiết kế hệ sensor, hệ trí tuệ nhân tạo vật lý. - Về thái độ: Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn.			
23	Phương pháp tính toán lượng tử và mô phỏng trong quang phổ	Sau khi học xong học phần Phương pháp tính toán lượng tử và mô phỏng trong quang phổ, người học nắm được các vấn đề cơ bản của học phần: + Phương pháp tính toán hóa học lượng tử + Các nội dung liên quan đến năng lượng điểm đơn + Các nội dung liên quan đến quá trình tối ưu hóa cấu trúc + Các nội dung liên quan đến tần số tính toán được. + Mô hình hóa của hệ phân tử trong dung dịch ở trạng thái cơ bản và trạng thái kích thích	2		- Kiểm tra: 10% - Tiểu luận: 20% - Thi kết thúc HP: 70%

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Lâm sản ngoài gỗ	2011	
2	Cây chè	2011	
3	Công trình nông thôn	2010	
4	Cơ khí chăn nuôi	2010	
5	Máy trong bảo vệ thực vật	2011	
6	Kỹ thuật điện	2011	
7	Gỗ và công nghệ gia công gỗ	2011	
8	Học phần Nội cơ sở		
9	Giống cây rừng	2011	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
10	cây chè		
11	Ngữ âm - Âm vị Tiếng anh		
12	Nuôi ong mật	2013	
13	Tiếng Việt thực hành		
14	Giải phẫu động vật		
15	Trồng trọt đại cương		
16	Chọn giống cây trồng		
17	Di truyền thực vật		
18	Bệnh ký sinh trùng thú y I		
19	Dinh dưỡng vật nuôi		
20	Chuyên đề tiếng Ê Đê		
21	Bài tập kinh tế vĩ mô		
22	Khuyến nông		
23	Khuyến nông lâm		
24	Đại số hiện đại		
25	bài tập và lời giải nguyên lý kế toán	2019	
26	xã hội học đại cương	2019	
27	vật lý khí quyển	2019	
28	Toán Học 2	2019	
29	Hóa học lập thể	2019	
30	Sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học phổ thông	2019	
31	Hướng dẫn thực hành giải phẫu bệnh	2019	
32	Song ngữ Luật tục Bahnar - Việt	2019	
33	Sử thi Ê đê Aghan Mdroing dam và Aghan Ykhing Jui - Bhia Yáo	2019	
34	Luật tục Bahnar trong đời sống đương đại	2019	
35	Cây Cao su	2019	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

1. Khoa Y Dược

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1					
2					
3					

2. Khoa Nông lâm nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chủng vi khuẩn nội sinh chọn lọc đến sinh trưởng, phát triển cây cà phê vối (<i>Coffea canephora</i> Pierre var. <i>robusta</i>)	Đỗ Thị Kiều An	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng	
2	Tiến sĩ	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác hiệu quả trên đất lúa nước tại huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.	Nguyễn Văn Bắc	TS. Trần Văn Thủy TS. Nguyễn Văn Thường	
3	Tiến sĩ	Nghiên cứu hiệu lực tồn dư của phân lân và kali đối với cà phê vối giai đoạn kinh doanh tại Đắk Lắk	Nguyễn Hữu Luận	TS. Trương Hồng PGS.TS. Trình Công Tư	
4	Tiến sĩ	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật rải vụn sắn tại tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Bạch Mai	TS. Hoàng Kim PGS.TS. Trình Công Tư	
5	Tiến sĩ	Nghiên cứu chế độ bón phân cho cây hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.) giai đoạn kinh doanh trên đất nâu đỏ bazan tại tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Tiến Nam	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng TS. Tôn Nữ Tuấn Nam	
6	Tiến sĩ	Nghiên cứu liều lượng phân N:P2O5:K2O cho giống bơ Booth 7 trồng trên đất nâu đỏ bazan (Rhodic ferralsols) tại tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn An Ninh	TS. Trịnh Đức Minh PGS.TS. Phan Văn Tân	
7	Tiến sĩ	Nghiên cứu chế độ phân bón thích hợp cho giống điều ghép cao sản AB-29 trên đất nâu đỏ và đất xám ở vùng Đông Nam Bộ	Tôn Thất Trí	PGS.TS. Phan Văn Tân TS. Tôn Nữ Tuấn Nam	
8	Tiến sĩ	Thiết lập và thẩm định mô hình ước tính sinh khối trên mặt đất cây rừng khộp ở Việt Nam	Nguyễn Thị Tình	GS.TS. Bảo Huy	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
9	Tiến sĩ	Nghiên cứu xác định công thức phân bón phù hợp cho cây hồ tiêu trên đất nâu đỏ tỉnh Đắk Lắk qua tính toán cân bằng dinh dưỡng	Nguyễn Văn Bình	PGS.TS. Trình Công Tư PGS.TS. Trần Trung Dũng	
10	Tiến sĩ	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhằm tái canh ngay cây cà phê vối (<i>Coffea canephora</i> Pierre var. <i>robusta</i>) tại tỉnh Đắk Lắk	Hoàng Quốc Trung	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam TS. Trương Hồng	
11	Tiến sĩ	Nghiên cứu bón phân N, P, K cho cây Mắc ca giai đoạn kinh doanh trên đất nâu đỏ tỉnh Đắk Nông	Hồ Công Trục	PGS.TS. Trình Công Tư PGS.TS. Trần Trung Dũng	
12	Tiến sĩ	Nghiên cứu bón phân N, P, K cho cây Mắc ca giai đoạn kinh doanh trên đất nâu đỏ tỉnh Đắk Nông	Đinh Văn Phê	PGS.TS. Lê Hùng Lĩnh PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
13	Tiến sĩ	Nghiên cứu một số yếu tố sinh lý, sinh thái và biện pháp tác động đến sự ra hoa, đậu quả trên cây bơ BOOTH7 và TA1 tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đặng Đình Đức Phong	PGS.TS. Phan Văn Tân TS. Trịnh Đức Minh	
14	Thạc sĩ	Nghiên cứu một số biện pháp phòng trừ nấm <i>Ceratocystis manginecans</i> gây chết héo rừng trồng Keo lai tại tỉnh Gia Lai	Nguyễn Hải Đăng	GS.TS. Phạm Quang Thu	
15	Thạc sĩ	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho hai loài lan quý hiếm: Hoàng thảo Giả hạc và Hoàng thảo kèn trong điều kiện nhà màng	Lê Trọng Hà	TS. Nguyễn Đình Sỹ	
16	Thạc sĩ	Sinh kế của cộng đồng người dân tộc Bana gắn với rừng giao khoán ở thôn... xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định	Mang Văn Ráng	TS. Cao Thị Lý	
17	Thạc sĩ	Vai trò của nhóm Lâm sản ngoài gỗ chính ở rừng là rừng thường xanh trong đời sống kinh tế của cộng đồng dân tộc Bana ở xã Đăk Rong, huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Tấn Thắng	PGS.TS. Nguyễn Danh	
18	Thạc sĩ	Đặc điểm cấu trúc và khả năng phục hồi rừng tự nhiên sau canh tác nương rẫy tại VQG Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	Hoàng Văn Thê	TS. Nguyễn Thanh Tân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
19	Thạc sĩ	Áp lực sử dụng đất rừng của cộng đồng dân cư và giải pháp hài hòa với chức năng rừng phòng hộ Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Lê Minh Tiến	GS.TS. Bảo Huy	
20	Thạc sĩ	Đặc điểm tái sinh tự nhiên rừng phục hồi sau canh tác nương rẫy tại VQG Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	Đào Phi Tiến	TS. Nguyễn Thanh Tân	
21	Thạc sĩ	Thử nghiệm phương pháp ghép nêm và ghép mắt trên rễ thớ cây Thủy Tùng (<i>Glyptostrobus pensilis</i>) tại Khu Bảo tồn loài – sinh cảnh Thủy Tùng	Trần Đức Trọng	GS.TS. Bảo Huy	
22	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng một số loài thực vật thân gỗ quý hiếm và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển loài tại Vườn quốc gia Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	Hà Công Tụng	PGS.TS. Trần Trung Dũng	
23	Thạc sĩ	Đánh giá và chọn lựa cây ngăn ngày thay thế trong mô hình trồng xen nhằm giảm nhẹ xung đột Voi – người tại vùng đệm Vườn Quốc gia Yok Đôn	Nguyễn Thị Xuân	TS. Cao Thị Lý	
24	Thạc sĩ	Đánh giá ảnh hưởng của Chitosan oligomer phối hợp Nano Đồng Chitosan đến sinh trưởng phát triển, khả năng kháng bệnh ở rễ cây Hồ tiêu tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Vũ Đình Cường	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng	
25	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đa lượng hòa tan sử dụng qua hệ thống tưới tiết kiệm đến cây cà phê với thời kỳ kinh doanh tại Đắk Lắk	Hoàng Hải Long	TS. Phan Việt Hà	
26	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng sản xuất bơ và nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật canh tác bơ tại Đắk Lắk	Trần Thị Thương	TS. Lâm Thị Bích Lệ	
27	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng sản xuất sắn và so sánh một số giống sắn có triển vọng tại huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên	Trần Thị Thu Hà	TS. Lâm Thị Bích Lệ	
28	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng sản xuất rau và so sánh một số giống rau theo hướng công nghệ cao tại huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum	Nguyễn Thanh Xuân	TS. Lâm Thị Bích Lệ	
29	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng phát triển cà phê chè tại huyện Kon PLong, tỉnh Kon Tum	Hoàng Nam Thao	TS. Nguyễn Văn Sanh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
30	Thạc sĩ	Đánh giá các mô hình trồng xen trong cao su tái canh tại Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk	Trần Đoàn Vũ Bảo	TS. Nguyễn Văn Sanh	
31	Thạc sĩ	Nghiên cứu sản xuất giá thể hữu cơ từ vỏ cà phê chế biến ướt cho sản xuất rau theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thanh Tâm	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng	
32	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng của các giống dưa lưới trong nhà màng trường Đại học Tây Nguyên	Đào Thị Hoài Nhi	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
33	Thạc sĩ	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật trồng dưa lưới Earl's Red trong nhà màng tại trường Đại học Tây Nguyên	Phạm Văn Tám	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
34	Thạc sĩ	Xây dựng công thức dinh dưỡng thủy canh động cho cây rau bằng phân Garsoni tại thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Viết Bình	PGS.TS. Phan Văn Tân	
35	Thạc sĩ	Nghiên cứu xây dựng quy trình huấn luyện cây con Sâm đá (<i>Curcuma sp.</i>) từ nuôi cấy mô bằng phương pháp khí canh tại Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Lê Quang Hiên	PGS.TS. Phan Văn Tân	
36	Thạc sĩ	Nghiên cứu sử dụng chế phẩm sinh học Cafe HTD 01 cho cà phê vối tái canh và cà phê vối lâu năm tại Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Văn Khánh	PGS.TS. Phan Văn Tân	
37	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ đến sinh trưởng và năng suất một số giống sắn trên đất xám tại huyện Ea Kar và Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hoài	TS. Trần Văn Thủy	
38	Thạc sĩ	So sánh một số giống ngô lai trong vụ hè thu tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	Nguyễn Tấn Lực	TS. Trần Văn Thủy	
39	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế độ che bóng và nồng độ Ca, Bo thích hợp trên nền NPK (15-15-15) cho giống hoa phong lan nhập nội <i>Cattleya labiata</i> tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Thị Xuân	PGS.TS. Trình Công Tư TS. Trần Ngọc Duyên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
40	Thạc sĩ	Nghiên cứu lượng phân bón NPK chậm tan cho cây cà phê vối và cà phê chè giai đoạn kinh doanh trên đất nâu đỏ Bazan tại Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS. Phan Việt Hà TS. Trần Ngọc Duyên	
41	Thạc sĩ	Nghiên cứu mật độ và phân bón cho giống sắn HL-S11 trên đất xám tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Cao Thị Thiên Lý	TS. Nguyễn Văn Minh	
42	Thạc sĩ	Nghiên cứu mật độ trồng một số giống cây diêm mạch nhập nội trên đất nâu đỏ tại Buôn Ma Thuột	Hoàng Thị Thanh Huyền	TS. Nguyễn Văn Minh	
43	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống sắn nhập nội tại Thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Đức Thành	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
44	Thạc sĩ	Nghiên cứu sử dụng phân đạm và kali cho cây cam sành giai đoạn kinh doanh trên đất xám huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Minh Hữu	PGS.TS. Trình Công Tư	
45	Đại học	Xác định thành phần cây trồng nhằm giảm nhẹ xung đột Voi – Người dựa vào kiến thức sinh thái địa phương của cộng đồng tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Thắm Thị Nga	TS. Cao Thị Lý	
46	Đại học	Ảnh hưởng của một số chủng vi khuẩn nội sinh đến sinh trưởng, phát triển của cà phê vối giai đoạn kinh doanh tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Duyên	ThS. Đỗ Thị Kiều An	
47	Đại học	Hiệu lực của một số loại thuốc hóa học đến nấm Phytophthora spp gây bệnh chết nhanh trên cây tiêu tại thôn 3 xã Eakao - Tp. Buôn Ma Thuột	Hà Thị Đào	ThS. Trần Thị Phụng	
48	Đại học	Nghiên cứu thành phần sâu bệnh hại trên một số giống dưa lưới tại Trường Đại học Tây Nguyên	Liều Thị Hiền	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
49	Đại học	Diễn biến bệnh khô cành khô quả hại cây cà phê vối và đánh giá hiệu quả kiểm soát bệnh bằng một số loại thuốc hóa học.	Nguyễn Tiến Hiệp	ThS. Đỗ Thị Kiều An	
50	Đại học	Ảnh hưởng của một số chủng vi khuẩn nội sinh đến sinh trưởng của cà phê vối giai đoạn kiến thiết cơ bản tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Lê Thị Ngọc	ThS. Đỗ Thị Kiều An	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
51	Đại học	Nghiên cứu bệnh vàng lá chết chậm do tuyến trùng gây hại cây hồ tiêu tại Đắk Lắk	Trương Thị Thanh Thanh	ThS. Trần Thị Huế	
52	Đại học	Nghiên cứu bệnh vàng lá chết chậm do vi nấm gây hại cây hồ tiêu tại Đắk Lắk	Đinh Hữu Thành	ThS. Trần Thị Huế	
53	Đại học	Nghiên cứu bệnh chết nhanh gây hại cây hồ tiêu tại Đắk Song - Đắk Nông	Triệu Thị Tuyết	ThS. Trần Thị Huế	
54	Đại học	Nghiên cứu một số phương pháp sản xuất tinh dầu từ hạt tiêu.	Nguyễn Thị Giang	TS. Hoàng Văn Chuyển	
55	Đại học	Nghiên cứu biện pháp phòng trừ rệp sáp trên cây hồ tiêu tại xã EaKao, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Văn Công	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
56	Đại học	So sánh một số giống sắn có triển vọng trên đất nâu đỏ bazan tại xã Hòa Phong huyện Krông Bông	Nguyễn Thành Đạt	TS. Nguyễn Văn Minh	
57	Đại học	Nghiên cứu mô hình trồng xen một số loại đậu với sắn HLS11 trên đất xám tại Huyện Krông Bông.	Lê Thị Hằng	TS. Nguyễn Văn Minh	
58	Đại học	Nghiên cứu mật độ trồng sắn HLS11 trên nền đất xám tại xã Chư kty huyện Krông Bông.	Lý Thị Ngọc Hồng	TS. Nguyễn Văn Minh	
59	Đại học	Nghiên cứu mô hình trồng xen một số loại đậu với sắn KM 419 trên đất xám tại Huyện Krông Bông.	Lưu Thị Hương	TS. Nguyễn Văn Minh	
60	Đại học	Nghiên cứu lượng phân bón và mật độ trồng phù hợp cho giống sắn HLS11 tại huyện Krông Bông.	Đinh Thị Ngoãn	TS. Nguyễn Văn Minh	
61	Đại học	Đánh giá tình hình giải quyết tranh chấp đất đai tại huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015-2019.	H' Yôi Bkrông	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
62	Đại học	Đánh giá kết quả công tác kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	Trương Thị Giang	ThS. Vũ Hải Nam	
63	Đại học	Đánh giá tình hình đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thành phố Buôn Ma Thuột.	Lê Minh Hằng	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
64	Đại học	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện	Y Lân	ThS. Vũ Hải Nam	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
65	Đại học	Đánh giá biến động không gian đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Béc Linh	ThS. Nguyễn Thúy Cường	
66	Đại học	Đánh giá tình hình chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.	Nguyễn Thùy Linh	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
67	Đại học	Đánh giá tình hình thực hiện và phương án quy hoạch sử dụng đất tại huyện IaPa, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2019.	Siu H' Salen	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
68	Đại học	Đánh giá tình hình giải quyết tranh chấp đất đai tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015-2019	Nguyễn Đình Thuý	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
69	Đại học	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa chính cấp xã trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Đỗ Thị Tú Trinh	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
70	Đại học	Đánh giá tình hình đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2019.	Trương Lực Vân	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
71	Đại học	Đánh giá kết quả công tác kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	Kơ Giông Nai Sang	ThS. Vũ Hải Nam	
72	Đại học	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai .	Kpă - H' Men	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
73	Đại học	Hệ thống hóa kiến thức sinh thái địa phương về một số loài lâm sản ngoài gỗ của dân tộc thiểu số tại Buôn Trí B – xã Krông Na – huyện Buôn Đôn.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	ThS. Cao Thị Hoài	
74	Đại học	Phân tích đặc điểm cấu trúc lâm phần và các nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến loài Giỏi tại khu bảo tồn Kon Chư Răng, Gia Lai.	Vũ Thị Nguyên Nguyên	ThS. Phan Thị Hằng	
75	Đại học	Đánh giá khả năng phù hợp của cây ngắn ngày trong các mô hình trồng xen, nhằm giảm thiểu xung đột Voi – Người tại vùng đệm vườn quốc gia Yok Don.	Nguyễn Thị Thương	TS. Cao Thị Lý	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
76	Đại học	Thực trạng của hoạt động xử lý vi phạm pháp luật hành chính trong quản lý bảo vệ rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Chư Mố, tỉnh Gia Lai.	Nguyễn Thị Như Tính	ThS. Trần Đình Thế	
77	Đại học	Đánh giá tình hình chuyển nhượng quyền sử dụng trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Tố Nga	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
78	Đại học	Điều tra tình hình canh tác cây cà phê tại xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.	Hồ Sỹ Nghệ	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
79	Đại học	So sánh các giống Diêm mạch nhập nội triển vọng trong điều kiện chịu nước qua các thời vụ.	Nguyễn Ngọc Pháp	TS. Nguyễn Văn Minh	
80	Đại học	Đánh giá tình hình sản xuất Cà phê của các nông hộ tại xã Eatu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Thu Thảo	TS. Nguyễn Văn Minh	
81	Đại học	Điều tra thành phần sâu bệnh hại trên cây Keo lai tại công ty TNHH MTV lâm nghiệp M'Đrăk, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.	Võ Phước Hậu	ThS. Chung Như Anh	
82	Đại học	Xây dựng một số biện pháp quản lý cháy rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Núi Vọng Phu, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Văn Long	ThS. Ngô Đăng Duyên	
83	Đại học	Tìm hiểu việc xử phạt vi phạm pháp luật hành chính trong quá trình bảo vệ rừng tại hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2014 – 2018	Dur Tấn Nhật	ThS. Trần Đình Thế	
84	Đại học	Xây dựng một số biện pháp quản lý cháy rừng tại Ban quản lý rừng đặc dụng - cảnh quan Đray Sap, tỉnh Đắk Nông.	Hoàng Văn Thái	ThS. Ngô Đăng Duyên	
85	Đại học	Phân tích các loại lâm sản ngoài gỗ chủ yếu tại khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, tỉnh Gia Lai.	H Nuin Ênuôl	ThS. Phan Thị Hằng	
86	Đại học	Tình hình xuất hiện của voi rừng ở các khu vực rẫy của người dân vùng đệm VQG Yok Don, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Văn Bằng	TS. Cao Thị Lý	
87	Đại học	Xây dựng biểu sản lượng tại rừng trồng Keo Lai tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.	Vĩnh Bảo Long	ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc	
88	Đại học	Đánh giá công tác quản lý bảo vệ rừng tại trạm 6 VQG Chư Yang Sin, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Thị Thùy	ThS. Trần Đình Thế	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
89	Đại học	Thực trạng các khu vực đất canh tác có xung đột Voi – Người ở vùng đệm VQG Yok Don, tỉnh Đắk Lắk.	Mai Công Tín	TS. Cao Thị Lý	
90	Đại học	Đánh giá sinh trưởng và hiệu quả mô hình nông lâm kết hợp có triển vọng tại xã Phú Lộc, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.	Trần Thị Bích Trâm	TS. Võ Hùng	
91	Đại học	Đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo vệ rừng tại trạm 6 VQG Chư Yang Sin, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	Bùi Văn Tuấn	ThS. Cao Thị Hoài	
92	Đại học	Xác định phân bón vô cơ cho giống sắn KM 419 trên đất đỏ tại xã Hòa Phong, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Hữu Hiếu	TS. Nguyễn Văn Minh	
93	Đại học	Điều tra tình hình canh tác cây cà phê tại xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.	Huỳnh Công Đức	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
94	Đại học	Điều tra sâu bệnh hại trên cây cà phê tại xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông năm 2018.	Hoàng Thị Hồng Nhung	TS. Trần Ngọc Duyên	
95	Đại học	Theo dõi sự sinh trưởng, phát triển của một số loài hoa trong nhà lưới tại trại thực hành trường Đại học Tây Nguyên năm 2018.	Đặng Phúc Quang	TS. Trần Ngọc Duyên	
96	Đại học	Điều tra hệ thống cây trồng tại xã Hòa Thuận, thành phố Buôn ma Thuột.	Phan Thị Kim Quyên	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
97	Đại học	Xác định lượng phân bón vô cơ cho giống sắn KM 419 trên đất xám tại xã Easar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.	Hồ Văn Thắng	TS. Nguyễn Văn Minh	
98	Đại học	Nghiên cứu đất bị nhiễm bệnh gây ra chết nhanh và chất chậm trên cây hồ tiêu tại Ia Grai, tỉnh Gia Lai.	Võ Công	ThS. Ngô Đăng Duyên	
99	Đại học	Điều tra tình hình bệnh hại Hồ tiêu tại xã Đắk Wil, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.	Nông Thị Kim Cúc	ThS. Trần Thị Huế	
100	Đại học	Điều tra tình hình bệnh hại trên cây Hồ tiêu tại xã Nam Dong, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.	Lê Thị Hiên	ThS. Trần Thị Huế	
101	Đại học	Đánh giá hiệu quả của một số thuốc hóa học trong việc quản lý bệnh vàng lá cây hồ tiêu do tuyến trùng gây hại tại xã DraySap, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thành Tâm	ThS. Đỗ Thị Kiều An	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
102	Đại học	Điều tra tình hình bệnh cà phê tái canh tại phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS. Ngô Đăng Duyên	
103	Đại học	Đánh giá hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp tại Xã Xuân Quang 1, Huyện Đồng Xuân, Tỉnh Phú Yên giai đoạn 2014-2018.	Trần Minh Quý	ThS. Nguyễn Thúy Cường	
104	Đại học	Đánh giá công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã EaTu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 – 6/2018.	Trần Thị Thương	TS. Nguyễn Văn Sanh	
105	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại xã Ea Knuêc, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk.	H Racel Ênuôl	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
106	Đại học	Nghiên cứu chế biến nước uống giải khát trà Kombucha.	Lê Thị Kim Anh	ThS. Nguyễn Thị Thảo	
107	Đại học	Ứng dụng chế phẩm sinh học từ cây thuốc kết hợp với chất tạo màng Gum Arabic trong bảo quản chanh dây	H' Phia Niê	PGS.TS. Nguyễn Quang Vinh	
108	Đại học	Khảo sát quy trình sản xuất cà phê bột tại xưởng Km7, công ty TNHH simexco Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Thu Thảo	ThS. Mai Thị Hải Anh	
109	Đại học	Khảo sát quy trình lên men và hoàn thiện sản phẩm Bia tại công ty CP Bia Sài Gòn - Đắk Lắk	Tô Hồng Vũ	ThS. Hồ Thị Hảo	
110	Đại học	Điều tra thành phần sâu bệnh hại và tình hình canh tác trên cây cà phê tại xã Ea Siên và phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Tuấn Vũ	ThS. Trang Thị Nguyệt Quế	
111	Đại học	Điều tra tình hình sâu bệnh hại trên cây cà phê tái canh tại địa bàn huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.	Châu Ngọc Phước	ThS. Ngô Đăng Duyên	
112	Đại học	Nghiên cứu một số sâu bệnh hại trên cây cà phê tái canh tại huyện Ea Hleo	Vũ Thị Huyền Trang	ThS. Ngô Đăng Duyên	
113	Đại học	Điều tra thành phần các loại sâu hại chính trên cây cà phê vối tại địa bàn huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.	Nông Thị Mã Lệ	KS. Trần Thị Lệ Trà	
114	Đại học	Nghiên cứu một số sâu bệnh hại trên cây hồ tiêu tại huyện Ea Kar.	Nguyễn Thị Dung	ThS. Ngô Đăng Duyên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
115	Đại học	Điều tra tình hình bệnh hại hồ tiêu tại Krông Năng – Đắk Lắk	Lăng Thị Hằng	ThS. Trần Thị Huế	
116	Đại học	Đánh giá tình hình sinh trưởng và sâu bệnh của 2 giống xà lách trồng trên hệ thống thủy canh tại trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Văn Huy	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
117	Đại học	Nghiên cứu một số sâu bệnh hại trên cây cà phê tái canh tại huyện Cư Mgar	Phạm Thị Huyền	ThS. Ngô Đăng Duyên	
118	Đại học	Đánh giá hiệu lực phòng trừ một số loại thuốc phòng trừ rệp sáp hại rễ cây Hồ tiêu tại xã Ea Kao	Nguyễn Thị Hương Lan	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
119	Đại học	Nghiên cứu bệnh vàng lá chết chậm do tuyến trùng gây hại cây hồ tiêu tại Đắk Nông	Nguyễn Thị Nhàn	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
120	Đại học	Đánh giá tình hình sâu hại trên giống dưa lưới F1 Earl's Red tại Trường Đại học Tây Nguyên	Hoàng Xuân Sơn	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
121	Đại học	Đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất của giống ớt sừng vàng Africa (TN 223) trong điều kiện nhà lưới và tưới nhỏ giọt.	Nguyễn Thị Thanh	KS. Nguyễn Tuấn	
122	Đại học	Ảnh hưởng của yếu tố dinh dưỡng đến sự sinh trưởng và phát triển của nấm Phytophthora spp gây bệnh chết nhanh trên cây tiêu trong điều kiện phòng thí nghiệm.	Nguyễn Đức Thông	ThS. Trần Thị Phụng	
123	Đại học	Điều tra thành phần sâu hại chính trên cây Hồ tiêu tại xã Ea Kao.	Triệu Thị Thu	ThS. Trần Thị Lệ Trà	
124	Đại học	Đánh giá hiệu quả phòng trừ tuyến trùng và nấm gây bệnh chết chậm hại cây Hồ Tiêu tại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Thị Ngọc Trâm	ThS. Chung Như Anh	
125	Đại học	Điều tra thành phần bệnh hại trên cây cà phê và biện pháp phòng trừ tại khu vực Tp. BMT.	Trần Thị Quỳnh Trâm	ThS. Trần Thị Phụng	
126	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của một số thông số trong quá trình chế biến đến chất lượng mứt đu đủ từ quả đu đủ chín.	Hồ Thị Thúy	ThS. Nguyễn Thị Vân	
127	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của một số thông số trong quy trình chế biến đến chất lượng bột đu đủ sấy từ quả đu đủ chín.	Lý Thị Thu Huyền	ThS. Nguyễn Thị Vân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
128	Đại học	Đánh giá hệ thống cây công nghiệp dài ngày tại xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Võ Tuấn Anh	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
129	Đại học	Điều tra tình hình sản xuất lúa tại xã Ea Trul, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	Y Sanh Kuan	TS. Nguyễn Xuân An	
130	Đại học	Điều tra tình hình sản xuất Hồ tiêu tại xã Trúc Sơn, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông từ năm 2014 đến năm 2018.	Nguyễn Tài Vương	TS. Trần Ngọc Duyên	
131	Đại học	Nghiên cứu mật độ trồng cho giống cây Diêm Mạch Atlas tại trại thực nghiệm trường ĐHTN.	Huỳnh Tiến Anh	TS. Nguyễn Văn Minh	
132	Đại học	Nghiên cứu mật độ trồng cho giống Diêm Mạch Haiwan tại trại thực nghiệm trường ĐHTN.	Trương Đình Chủy	TS. Nguyễn Văn Minh	
133	Đại học	Xác định mật độ trồng và lượng phân bón cho giống sắn HLS11 tại xã Chư Kty.	Trần Bá Cường	TS. Nguyễn Văn Minh	
134	Đại học	Theo dõi khả năng sinh trưởng phát triển của một số loại hoa tại Trường Đại học Tây Nguyên.	Lưu Thị Mộng Diệu	TS. Trần Ngọc Duyên	
135	Đại học	Nghiên cứu mật độ trồng cho giống Diêm Mạch Cahui tại trại thực nghiệm trường ĐHTN.	Nguyễn Trung Giang	TS. Nguyễn Văn Minh	
136	Đại học	Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của giống ớt hiểm lai F1 HMT97 tại xã KrôngNa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Siu Thị Thu Hằng	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
137	Đại học	Đánh giá khả năng nảy mầm, tỷ lệ cây đực, cây cái và sinh trưởng của một số dòng gác (<i>Mormodica Cochinchinensis</i>) thu thập tại Việt nam trồng trong mùa khô tại trại thực nghiệm khoa Nông Lâm Nghiệp, trường Đại học Tây Nguyên	Vũ Trọng Hiệp	ThS. Nguyễn Thị Đào	
138	Đại học	Điều tra tình hình sâu bệnh hại trên cây cà phê tại xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	Trần Thị Mỹ Lan	TS. Nguyễn Xuân An	
139	Đại học	Nghiên cứu lượng phân bón và mật độ cho giống sắn KM419 trên đất xám tại xã Hòa Phong.	Phạm Thị Thanh Nhân	TS. Nguyễn Văn Minh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
140	Đại học	Nghiên cứu nhân giống lan hạc vĩ thiên cung (<i>Dendrobium aphyllum</i>) bằng phương pháp In-vitro.	Trịnh Ngọc Sơn	PGS.TS. Phan Văn Tân	
141	Đại học	Xác định công thức phân bón cho giống sắn HLS11 trên nền phân bón vô cơ tại xã Chư Kty.	Phan Thị Minh Thư	TS. Nguyễn Văn Minh	
142	Đại học	Nghiên cứu mật độ trồng cho giống Diêm Mạch Moradas tại trại thực nghiệm trường ĐHTN	Bùi Hoàng Ánh	TS. Nguyễn Văn Minh	
143	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết dứa đến khả năng tăng sinh chồi và tạo cây hoàn chỉnh của hoa lan Hoàng thảo kèn (<i>Dendrobium lituiflorum</i>).	Lục Thị Nguyệt	ThS. Nguyễn Thị Đào	
144	Đại học	Nghiên cứu lượng phân bón và mật độ cho giống sắn KM419 trên đất nâu đỏ tại xã Hòa Phong.	Trần Quốc Thảo	TS. Nguyễn Văn Minh	
145	Đại học	Đánh giá công tác quản lý rừng bền vững tại huyện Kon Chư, tỉnh Gia Lai trong 5 năm gần đây.	Ra Lan Phương Thảo	ThS. Phan Thị Hằng	
146	Đại học	Xây dựng một số biện pháp quản lý cháy rừng tại ban quản lý rừng phòng hộ Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Lê Hoảng Bảo	ThS. Ngô Đăng Duyên	
147	Đại học	Phân tích đặc điểm phân bố và cấu trúc lâm phần loài Xoay tại khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, tỉnh Gia Lai.	Nguyễn Thị Thảo	ThS. Phan Thị Hằng	
148	Đại học	Phân tích đánh giá công tác quản lý rừng bền vững tại khu bảo tồn Kon Chư Răng, Gia Lai.	Y Luih Ayũn	ThS. Phan Thị Hằng	
149	Đại học	Đánh giá hoạt động khoán bảo vệ rừng tại Ban quản lý rừng đặc dụng Nam Ka, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.	Tou Prong Thu Mi	ThS. Trần Đình Thế	
150	Đại học	Phân tích lựa chọn các loài LSNG chủ yếu tại xã Sơn Lang, huyện K' Bang, tỉnh Gia Lai.	Nguyễn Tấn Vũ	ThS. Phan Thị Hằng	
151	Đại học	Điều tra tình hình bệnh hại trên cây xanh đường phố tại thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.	Phan Thị Thu Hà	ThS. Chung Như Anh	
152	Đại học	Điều tra thành phần loài Kiến (<i>formici dae</i>) có trên cây rừng khộp ở Vườn Quốc Gia Yok Đôn.	Võ Đình Tân	KS. Trần Thị Lệ Trà	
153	Đại học	Điều tra nguồn gốc và thực trạng sử dụng các loài bò sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Phạm Anh Tú	TS. Cao Thị Lý	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
154	Đại học	Xác định mật độ tối ưu và lập biểu cấp năng suất rừng trồng Thông ba lá ở công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.	K ơ Jong Prong Nai Binh	ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc	
155	Đại học	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại xã Cư Né, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.	H'Lim Mlô	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
156	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất tại xã Ia Broãi, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.	Nay Vương	ThS. Vũ Hải Nam	
157	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai tại xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2019.	Lê Thị Hồng Ngát	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
158	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất tại xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma thuật, tỉnh Đắk Lắk.	Y Đỗ Êban	ThS. Vũ Hải Nam	
159	Đại học	Đánh giá sinh trưởng phát triển của một số giống dưa lưới nhập nội trong nhà màng tại trường Đại học Tây Nguyên.	Võ Quốc Hoàng	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
160	Đại học	Thực trạng xâm canh, lấn chiếm đất lâm nghiệp tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hòa, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Việt Bảo	TS. Cao Thị Lý	
161	Đại học	Tình hình sản xuất cà phê tại xã Quảng Phú, huyện Cư M'Nga, tỉnh Đắk Lắk	Đỗ Tuyết Trinh	TS. Nguyễn Văn Minh	
162	Đại học	Điều tra tình hình sản xuất cà phê tại xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Tuyết	TS. Nguyễn Văn Minh	
163	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất trên địa bàn xã Cư M'Gar, huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk.	H Đuên Niê	ThS. Nguyễn Thúy Cường	
164	Đại học	Đánh giá công tác quản lý bảo vệ rừng của Vườn Quốc Gia Chư Yang Sin giai đoạn từ 2016-2018.	Bơ Nah Ria Nai Soàn	ThS. Trần Đình Thế	
165	Đại học	Nghiên cứu các biện pháp sử lý đất bệnh để ươm cây tiêu trong nhà lưới tại tỉnh Gia Lai.	Phùng Ngọc Thủy Sơn	ThS. Ngô Đăng Duyên	
166	Đại học	Điều tra tình hình bệnh hại trên giống dưa lưới F1 TL3, trong nhà màng tại Trường Đại học Tây Nguyên	Giàng Seo Thắng	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
167	Đại học	Điều tra thành phần sâu hại trên cây hồ tiêu và biện pháp phòng trừ rệp sáp tại thị trấn Ea H' Ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.	Nguyễn Quốc Trình	ThS. Trang Thị Nguyệt Quế	
168	Đại học	Tìm hiểu quy trình kiểm soát nguyên liệu và rang xay Cà phê tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu 2/9 Đắk Lắk.	Trần Hoàng Vũ	PGS.TS. Nguyễn Quang Vinh	
169	Đại học	Tổng quan các phương pháp bảo quản nông sản bằng màng	Phùng Trung Điệp	ThS. Lê Cao Linh Chi	
170	Đại học	Phân lập và định danh một số chủng vi khuẩn vùng rễ cây ớt tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Văn Hiệp	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
171	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân bón NPK đến sinh trưởng và năng suất giống dưa lưới Earl's Red tại nhà màng khoa Nông Lâm nghiệp, Trường Đại học Tây Nguyên	Hoàng Thị Linh Chi	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
172	Đại học	Đánh giá hệ thống cây trồng và đề xuất giải pháp cải tiến tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Văn Đại	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
173	Đại học	Điều tra thành phần và diễn biến của Rệp sáp gây hại trên cây hồ tiêu tại xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Trương Đình Tuấn	ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	
174	Đại học	Kiến thức của người dân tộc Êđê trong sử dụng các bài thuốc dân gian tại xã Ea Tul, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	A Puôm	ThS. Ngô Thế Sơn	
175	Đại học	Xây dựng một số biện pháp quản lý cháy rừng tại rừng phòng hộ Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.	Đinh Hữu Phước	ThS. Ngô Đăng Duyên	
176	Đại học	Đánh giá sinh trưởng của rừng trồng Keo lai tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Hồ Đại Dương	ThS. Ngô Thế Sơn	
177	Đại học	Xây dựng mô hình bảo tồn lan rừng tại khu du lịch cộng đồng Buôn Ko Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Hữu Phước	ThS. Nguyễn Đức Định	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
178	Đại học	Xây dựng bản đồ thảm phủ dựa trên ảnh viễn thám kết hợp chỉ số thực vật NDVI tại huyện Ea Suop, tỉnh Đắk Lắk.	Đặng Ngọc Trí	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương	
179	Đại học	Đặc điểm, phân bố sinh thái của một số loài lâm sản ngoài gỗ có giá trị tại khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô.	Y Thih HĐok	ThS. Phan Thị Hằng	
180	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất trên địa bàn xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Đức Anh	ThS. Vũ Hải Nam	
181	Đại học	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn xã Đắk Rtih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.	Lê Quyền Linh	ThS. Vũ Hải Nam	
182	Đại học	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Hữu Thuật	ThS. Nguyễn Thúy Cường	
183	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Quang Vũ	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
184	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất tại phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	H' Ana Niê Siêng	ThS. Đỗ Tiến Thuận	
185	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất trên địa bàn xã Ea Tar, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015-2018.	Nguyễn Thị Kim Liên	ThS. Vũ Hải Nam	
186	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-6/2019.	Đặng Thị Kim Thoa	ThS. Nguyễn Xuân Vững	
187	Đại học	Đánh giá hiện trạng quản lý và sử dụng đất nông nghiệp tại xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông năm 2019.	Hòa Thị Ánh Tuyết	ThS. Nguyễn Xuân Vững	
188	Đại học	Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Đàm Thị Thu Hồng	ThS. Nguyễn Xuân Vững	
189	Đại học	Tranh chấp quyền sử dụng đất huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.	Cao Xuân Lộc	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
190	Đại học	Đánh giá tình hình giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai tại phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Đậu Đình Sáng	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
191	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai tại thị trấn Eatling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2018.	Nguyễn Thị Thùy	ThS. Vũ Hải Nam	
192	Đại học	Đánh giá sinh trưởng và sâu bệnh của một số giống rau cải trồng trên hệ thống thủy canh tại trường Đại học Tây Nguyên	Trần Thị Vy Thảo	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	
193	Đại học	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của củ cải đồ tròn (Raphanus sativus) trên hệ thống thủy canh đứng trong điều kiện nhà màng trường Đại học Tây Nguyên.	Huỳnh Thị Nhật Bình	KS. Nguyễn Tuấn	
194	Đại học	Phân lập và đánh giá tính đa dạng nấm sợi thuộc chi Penicillium và Aspergillus trong đất rừng tại Vườn quốc gia Chư Yang Sin, tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thái Thiên Long	ThS. Chung Như Anh	
195	Đại học	Khảo sát quy trình sơ chế và bảo quản cà phê nhân tại xưởng gia công Km7, công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2/9 Đắk Lắk.	Y Djhang Êban	ThS. Nguyễn Thị Thảo	
196	Đại học	Nghiên cứu thành phần dinh dưỡng của một số giống Diêm mạch được trồng tại Đắk Lắk	Trần Thị Loan	TS. Hoàng Văn Chuyển	
197	Đại học	Ảnh hưởng của phân polysulphate đến năng suất và chất lượng của cây hồ tiêu trên đất đỏ tại huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.	Nguyễn Xuân Anh Tuấn	PGS. TS. Phan Văn Tân	
198	Đại học	Đánh giá sinh trưởng, phát triển của một số loài hoa trong nhà lưới tại trại thực nghiệm khoa Nông Lâm nghiệp	Hoàng Thị Hải Yến	TS. Trần Ngọc Duyên	
199	Đại học	Nghiên cứu lượng đạm bón cho cây Diêm mạch giống (Cahui) tại trường Đại học Tây Nguyên.	Y Nhênh	TS. Nguyễn Văn Minh	
200	Đại học	Điều tra tình hình sản xuất hồ tiêu tại xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Bùi Thị Sang	TS. Nguyễn Xuân An	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
201	Đại học	Điều tra tình hình sản xuất lúa nước tại xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Thị Hoàng Yến	TS. Nguyễn Xuân An	
202	Đại học	Sâu bệnh hại trên cây tiêu tại xã Ea Drong.	H Răng Niê Kđăm	TS. Nguyễn Xuân An	
203	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết chuối đến sự sinh trưởng và phát triển của lan Hoàng Thảo Kèn (<i>Dendrobium lituiflorum</i>) trong môi trường in vitro.	Nguyễn Ngọc Tú Duyên	ThS. Nguyễn Thị Đào	
204	Đại học	Nghiên cứu lượng phân đạm cho giống Diêm mạch (Atlas) trồng trên đất nâu đỏ.	Phan Thị Thu Thảo	TS. Nguyễn Văn Minh	
205	Đại học	Đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng phong hộ Bắc Anh Khê, tỉnh Gia Lai	Lê Hoàng Phú	ThS. Cao Thị Hoài	
206	Đại học	Xây dựng mô hình ước tính sinh khối và Carbon rừng khộp theo loài	Nguyễn Đăng Tú	ThS. Nguyễn Thị Tình	
207	Đại học	Xây dựng một số biện pháp quản lý cháy rừng tại ban quản lý rừng phòng hộ Núi Vọng Phu, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk.	Mai Hồng Vũ	ThS. Ngô Đăng Duyên	
208	Đại học	Điều tra nguồn gốc và thực trạng sử dụng các loài động vật hoang dã tại xã Ea Nam, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.	Quách Thị Bằng	TS. Cao Thị Lý	
209	Đại học	Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với cây dài ngày trong các mô hình trồng xen nhằm giảm thiểu xung đột Voi – Người tại vùng đệm Vườn quốc gia Yok Don.	Đoàn Thị Hà	TS. Cao Thị Lý	
210	Đại học	Đánh giá công tác quản lý bảo vệ rừng ở Vườn Quốc Gia Chư Yang Sin giai đoạn 2008 – 2018.	Trần Đăng Việt	ThS. Hồ Đình Bảo	
211	Đại học	Sự thay đổi tập quán liên quan đến rừng của dân tộc Jrai làng Bôn Hiao, xã Chư Bawh, thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai.	Nay H'Mer	TS. Cao Thị Lý	
212	Đại học	Ứng dụng Microstation và Famis trong thành lập bản đồ địa chính.	Y Thanh Arul	ThS. Nguyễn Thúy Cường	
213	Đại học	Đánh giá công tác quản lý Nhà nước về đất đai cấp Phường/Xã	Nguyễn Ngọc Phát	ThS. Nguyễn Thúy Cường	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
214	Đại học	Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.	Vũ Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
215	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Phạm Thị Thùy Dung	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
216	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất đai tại xã Ea Bung, huyện Ea Suop, tỉnh Đắk Lắk..	Thái Bá Hải	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
217	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	Lê Duy Kiên	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
218	Đại học	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.	Ma Kiểm	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
219	Đại học	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại xã Đắk Nang, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.	Trà Thị Thu Sang	TS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên	
220	Đại học	Đánh giá công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.	Trần Thị Thương	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
221	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất trên địa bàn xã Ea Rôk, huyện Ea Suop, tỉnh Đắk Lắk.	Hoàng Thị Trang	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
222	Đại học	Đánh giá tình hình giải quyết tranh chấp đất đai tại huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.	Lê Trọng Tấn	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	
223	Đại học	Đánh giá tình hình đăng ký, cấp giấy quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.	Nguyễn Văn Hùng	TS. Đặng Thị Thúy Kiều	

3. Khoa Kinh tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Liên kết sản xuất và tiêu thụ của các HTX NN trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	H Na Sơ Rơ Niê	GVC.TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
2	Đại học	Giảm nghèo trên địa bàn Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Dương Xuân An	GV.ThS. Bùi Ngọc Tân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Đại học	Sản xuất nông nghiệp của hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	H Niêm Bing	GV.TS. Dương Thị Ái Nhi	
4	Đại học	Giảm nghèo ở huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	H' Chin Buôn Đáp	GV.TS. Dương Thị Ái Nhi	
5	Đại học	Lao động và việc làm ở xã Cư Êbur - thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thị Thu Hà	GVC.TS. Đỗ Thị Nga	
6	Đại học	Hiệu quả kinh tế sản xuất cà phê của nông hộ trên địa bàn xã Đắk B'Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Huỳnh Thị Quỳnh Hoa	GV.ThS. Bùi Ngọc Tân	
7	Đại học	Lao động và việc làm của lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đỗ Thị Mỹ Hòa	GV.ThS. Vũ Trinh Vương	
8	Đại học	Thu nhập của nông hộ tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Nay H' Nga	GVC.TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
9	Đại học	Đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình trồng xen phổ biến tại xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	Hồ Thị Thanh Nhân	GV.CN. Trịnh Hoài Thương	
10	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất rau tại địa bàn ven Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Quỳnh Thảo	GVCC.PGS.TS Lê Đức Niêm	
11	Đại học	Đa dạng hoá cây trồng tại huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Vũ Thị Trang	GV.TS. Hồ Quốc Thông	
12	Đại học	Hiệu quả kỹ thuật của các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Nông Quốc Hoan	GV.TS. Hồ Quốc Thông	
13	Đại học	Sản xuất và tiêu thụ lúa tại huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	R Com H' Loanh	GVC.TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
14	Đại học	Đánh giá tình hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	Đặng Thị Thu Huyền	ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	
15	Đại học	Những yếu tố tác động tới quyết định tham gia sản xuất theo chứng chỉ tại huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	H Trâm Kpă	TS. Hồ Quốc Thông	
16	Đại học	Phát triển sản xuất xoài tại xã Đắk Gản, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thị Hồng Ly	TS. Đỗ Thị Nga	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
17	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Huyền Trang	PGS.TS Lê Đức Niêm	
18	Đại học	Thực trạng nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Lắk	Ngô Hoài Thương	GVC.TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
19	Đại học	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở huyện Cát Tiên - tỉnh Lâm Đồng	Nông Thị Thu	GVC.TS. Đỗ Thị Nga	
20	Đại học	Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện Krông Ana - tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Loan	GVC.TS. Đỗ Thị Nga	
21	Đại học	Hoạt động du lịch trên địa bàn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.	Triệu Thị Chi	GV.ThS. Vũ Trinh Vương	
22	Đại học	Yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng của hộ nông dân tại Ngân hàng Quân đội thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Cúc	GV.ThS. Bùi Ngọc Tân	
23	Đại học	Giảm nghèo trên địa bàn huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk	H Nen Si Êban	GV.ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	
24	Đại học	Phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Vân Kiều	GV.TS. Dương Thị Ái Nhi	
25	Đại học	Hiệu quả tín dụng ngắn hạn đối với hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Nguyễn Thị Ngọc Mai	GV.ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	
26	Đại học	Lao động việc làm trên địa bàn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	H Yi Niê	GV.ThS. Nguyễn Đức Quyền	
27	Đại học	Tình hình chế biến nông sản trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Y Khoa Niêkdăm	GVC.TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
28	Đại học	Phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Trần Lê Như Quỳnh	GV.ThS. Vũ Trinh Vương	
29	Đại học	Phát triển kinh tế nông hộ trên địa bàn huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Văn Thanh	GV.ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	
30	Đại học	Chuyển dịch cơ cấu lao động ở Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Hoàng Thiện Thanh	GV.TS. Dương Thị Ái Nhi	
31	Đại học	Nghèo đa chiều trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Võ Thanh Thu	GV.TS. Dương Thị Ái Nhi	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
32	Đại học	Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại công ty TNHH MTV nệm sofa Minh Hạo, tỉnh Bình Dương	Lê Thị Thùy Trang	GV.ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	
33	Đại học	Phát triển thương mại dịch vụ ở huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thị Ánh Tuyết	GV.ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	
34	Đại học	Tình hình chế biến nông sản trên địa bàn huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	H' Rom Ayun	GVC.TS. Đỗ Thị Nga	
35	Đại học	Xuất khẩu lao động tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Hoàng Anh	CN. Trịnh Hoài Thương	
36	Đại học	Phát triển Kinh tế - Xã hội phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thùy Ân	TS. Nguyễn Văn Hoá	
37	Đại học	Phát triển du lịch Thành phố Buôn Ma Thuột	Lê Nguyễn Thị Bích Mai	ThS. Nguyễn Đức Quyền	
38	Đại học	Nghiên cứu mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế ở Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Tô Thị Ánh Tuyết	TS. Nguyễn Văn Hoá	
39	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cà phê Thăng Lợi, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Đinh Thị Ngọc Ánh	CN. Nguyễn Thị Thanh Tý	
40	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Casablanca Việt Nam, Tp Phủ Lý, Hà Nam	Lê Thị Minh Ánh	ThS. Trần Văn Trúc	
41	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV và tư vấn Minh Đức, Quận Gò Vấp, TP HCM	Trần Bảo Châu	ThS. Nguyễn Hà Hồng Anh	
42	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH MTV cà phê - ca cao Thăng 10, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Huỳnh Thị Kim Diệu	ThS. Nguyễn An Thạch	
43	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cà phê 52, Krông Pắc, Đắk Lắk	Ka Diệu	ThS. Trần Văn Trúc	
44	Đại học	Tổ chức hạch toán tài sản cố định và phân tích tình trạng sử dụng tài sản cố định tại Công ty TNHH TMDV Nữ Vương, Krông Pắc, Đắk Lắk	Phạm Thị Duyên	ThS. Hà Thị Kim Duyên	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
45	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xe máy Gia Hòa Hưng, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	Trần Cao Duyên	ThS. Nguyễn An Thạch	
46	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Thanh Phương, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thùy Dương	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	
47	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Toyota Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Ngô Thị Kim Giao	ThS. Hà Thị Kim Duyên	
48	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại Công ty CP thiết kế và sản xuất đồ gỗ trang trí nội thất T.D, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Vũ Thị Thúy Hằng	ThS. Vũ Nhật Phương	
49	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Nữ Vương, Krông Păk, Đắk Lắk	Đoàn Thị Hiền	ThS. Vũ Nhật Phương	
50	Đại học	Kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại ngân hàng NN&PTNT huyện EaH'Leo, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Dịu Hương	ThS. Nguyễn Hà Hồng Anh	
51	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cà phê Trường Giang, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Võ Thị Liệu	ThS. Nguyễn An Thạch	
52	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng Hạnh Đức, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Trần Lê Thảo Loan	ThS. Vũ Nhật Phương	
53	Đại học	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Điện lực Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thị Mai	ThS. Trương Ngọc Hằng	
54	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại Công ty xây dựng Hải Tiến, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đoàn Thị Minh Mến	ThS. Nguyễn Đức Tình	
55	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV cà phê - ca cao Tháng 10, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	ThS. Nguyễn An Thạch	
56	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại Công ty Cổ phần Gỗ Lạng, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Phan Thị Hồng Ngọc	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
57	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tư vấn xây dựng 4, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Vũ Thị Ninh	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	
58	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Châu Phát, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Hoàng Thị Thoa	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo B	
59	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Hồng Hà, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Trần Thị Kim Thoa	ThS. Trần Văn Trúc	
60	Đại học	Kế toán thuế Giá trị gia tăng và Thuế Thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Đầu tư Tín Nhân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Vương Thị Tươi	ThS. Nguyễn Hà Hồng Anh	
61	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Thị Thu Uyên	ThS. Bùi Thị Hiền	
62	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty TNHH Phương Hoàng, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Lê Thị Vân	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	
63	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV TMDV Hoàng Quyên, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thị Lệ Xuân	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo B	
64	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Thuận Hiếu, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Quỳnh Liên	ThS. Bùi Thị Thu Hằng	
65	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP kỹ thuật cao su Dakrutech, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Thị Hồng Loan	ThS. Nguyễn Đức Tình	
66	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Ngọc Thịnh, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	Cao Thị Xuân Phương	TS. Nguyễn Thanh Trúc	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
67	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Quyết Thắng, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk	La Thị Trang	TS. Nguyễn Thanh Trúc	
68	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hiếu Nguyễn, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Huyền	ThS. Bùi Thị Hiền	
69	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nhật Trường Phát, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thị Thu Đông	ThS. Nguyễn Thị Đức Hiếu	
70	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần du lịch Công Đoàn Ban Mê, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Ngọc	TS. Nguyễn Thị Hải Yên	
71	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CODUPHA Tây Nguyên , TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	H' Duyên Ayũn	ThS. Nguyễn Thị Đức Hiếu	
72	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty TNHH sự kiện và du lịch Phượng Hoàng Á Châu, P. Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM	Hồ Thị Cúc	TS. Nguyễn Thanh Trúc	
73	Đại học	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần dược vật tư y tế Đắk Lắk, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Phan Thị Thanh Diên	TS. Nguyễn Thanh Trúc	
74	Đại học	Phân tích BCTC tại Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk, huyện Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Mỹ Dung	ThS. Bùi Thị Thanh Thùy	
75	Đại học	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần gỗ lạng, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Phương Dung	ThS. Bùi Thị Hiền	
76	Đại học	Hệ thống Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng tại Công ty Cổ phần MISA - Chi nhánh Đắk Lắk, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo A	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
77	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Cao Su Krông Buk- Huyện Krông Năng - Tỉnh Đắk Lắk	Vi Thị Hà	ThS. Bùi Thị Thanh Thùy	
78	Đại học	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền Công ty Cổ phần kinh doanh khí hoá lỏng miền Nam Chi nhánh Nam Trung Bộ, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thu Hải	ThS. Bùi Thị Thu Hằng	
79	Đại học	Kiểm soát nội bộ chu trình thu thuế GTGT tại chi cục thuế huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Huỳnh Thị Thu Hiếu	CN. Nguyễn Thị Trà Giang	
80	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại Công ty Cổ phần INTIMEX Đắk Nông, huyện Cư Jút, Đắk Nông	Lê Thị Bích Hiền	ThS. Võ Xuân Hội	
81	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành cả phê nhân thành phẩm xuất khẩu tại công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hiền	ThS. Nguyễn Đức Tình	
82	Đại học	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CODUPHA Tây Nguyên, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Quỳnh Hoa	CN. Nguyễn Thị Trà Giang	
83	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	ThS. Võ Xuân Hội	
84	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Văn Thị Huyền	ThS. Trương Ngọc Hằng	
85	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Khoa Ký, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Nhật Lệ	ThS. Nguyễn Thị Đức Hiếu	
86	Đại học	Kế toán tiêu thụ và Xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH CT - Tây Nguyên, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Võ Thị Thảo Ly	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo B	
87	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cà phê Đức Lập, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thị Phương Nga	TS. Nguyễn Thanh Trúc	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
88	Đại học	Kế toán Tài sản cố định tại Công ty TNHH MTV Đô Thị Môi Trường, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Công Thành	ThS. Bùi Thị Hiền	
89	Đại học	Thực trạng kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Vận tải ô tô An Phước, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Phạm Thị Hồng Thơm	ThS. Nguyễn Đức Tình	
90	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu, huyện Cưkuin, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thu Thùy	CN. Nguyễn Thị Thanh Tý	
91	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vận tải ô tô An Phước, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Lương Thị Bích Toàn	ThS. Trần Văn Trúc	
92	Đại học	Kế toán tiêu thụ và kết quả xác định kết quả kinh doanh tại Khách sạn Liberty Saigon Parkview, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trịnh Thanh Trúc	ThS. Bùi Thị Thanh Thùy	
93	Đại học	Phân tích báo cáo tài chính tại Công ty TNHH xây dựng Long Tây Nguyên, Thị xã Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk	Đinh Thị Thu Công	GVC, ThS. Trương Ngọc Hằng	
94	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân Hàng NN&PTNT (Agribank) chi nhánh huyện Đắk Song, Tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thị Minh Hương	GVC. ThS. Võ Xuân Hội	
95	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Bản Việt - chi nhánh Đắk Lắk	H'trâm Kbuôr	PGS.TS. Lê Đức Niêm	
96	Đại học	Phân tích hoạt động thanh toán quốc tế bằng phương thức tín dụng chứng từ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh	Lê Thị Ngọc Linh	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
97	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - chi nhánh Đắk Lắk.	Nguyễn Tân Phát	ThS. Trần Thị Ngọc Hạnh	
98	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Quyên	PGS.TS. Lê Đức Niêm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
99	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động cho vay Tại ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) Địa điểm thực tập: OCB Đắk Lắk	Lê Thị Thương	ThS. Phạm Thanh Hùng	
100	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Đắk Lắk- Chi nhánh Lê Hồng Phong	Phùng Thị Trang	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo A	
101	Đại học	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đắk Lắk	Hoàng Thị Vân	ThS. Bùi Thị Thu Hằng	
102	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân Hàng TMCP Đông Á Chi nhánh Đắk Lắk - PGD Krông Pắc	Trần Nguyễn Hà Vy	GVC. ThS. Võ Xuân Hội	
103	Đại học	Thực trạng huy động vốn tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Á Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Linh Chi	ThS. Trương Hồng Hà	
104	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thị Dung	GVC, ThS. Trương Ngọc Hằng	
105	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lê Hồng Phong, tỉnh Đắk Lắk	Võ Thị Dung	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
106	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) Địa điểm thực tập: Sacombank PGD Nguyễn Tất Thành	Phạm Thị Phương Thảo	ThS. Phạm Thanh Hùng	
107	Đại học	Giải pháp tăng cường hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Đắk Lắk - PGD huyện Cưkuin	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo A	
108	Đại học	Thực trạng cho vay sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện EaH'leo - tỉnh Đắk Lắk	Ksor- H' Binh	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo A	
109	Đại học	Thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt chi nhánh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Bảo Thiện	PGS.TS. Lê Đức Niêm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
110	Đại học	Phân tích tình hình cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk	Trần Nhật Anh Thư	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
111	Đại học	Thực trạng huy động vốn tại ngân hàng TMCP Đông Á - chi nhánh Đắk Lắk.	Hà Thị Thương	ThS. Trần Thị Ngọc Hạnh	
112	Đại học	Thực trạng hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Đắk Lắk, PGD Buôn Hồ	Vũ Mạnh Hùng	ThS. Bùi Thị Thu Hằng	
113	Đại học	Thực trạng hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk - Chi nhánh Ea Tam	Phan Thị Thu Thủy	ThS. GVC. Trương Ngọc Hằng	
114	Đại học	Thực trạng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk - Chi nhánh Ea Tam	Nguyễn Thị Thúy Anh	ThS. GVC. Trương Ngọc Hằng	
115	Đại học	Thực trạng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk- PGD Đại Lộc	Phạm Ngọc Huyền	ThS. Bùi Thị Thu Hằng	
116	Đại học	Thực trạng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Sĩ Tiến	ThS. GVC. Võ Xuân Hội	
117	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn BắcĐắk Lắk - Chi nhánh Buôn Hồ	Trương Huỳnh Ngô Mạnh	ThS. Trần Thị Ngọc Hạnh	
118	Đại học	Thực trạng hoạt động cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông, CN Đắk Lắk, PGD Eatam.	Cao Bình Nam	ThS. Bùi Thị Thu Hằng	
119	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Kon Tum	Trương Thị Hoài Nhi	GVC. ThS. Trương Ngọc Hằng	
120	Đại học	Đánh giá hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	Trần Võ Thị Hồng Hiếu	GVC. ThS. Trương Ngọc Hằng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
121	Đại học	Thực trạng hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc	Nguyễn Đình Phương Trinh	GVC. ThS. Trương Ngọc Hằng	
122	Đại học	Thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Phòng giao dịch Lê Đức Thọ, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Thị Giang	ThS. Phạm Thanh Hùng	
123	Đại học	Thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Krông Năng	Đặng Ngọc Phong	ThS. Phạm Thanh Hùng	
124	Đại học	Thực trạng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu Việt Nam - Chi nhánh huyện Cư M'gar	Đặng Thanh Kiên	PFS. TS. Lê Đức Niêm	
125	Đại học	Thực trạng hoạt động huy động vốn tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Buôn Ma Thuột - Phòng giao dịch Lê Duẩn	Nguyễn Thị Thu Thủy	GVC. ThS. Trương Ngọc Hằng	
126	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Đắc Lắc - PGD Buôn Ma Thuột	Lê Thị Hoàng Diễm	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo A	
127	Đại học	Thực trạng hoạt động tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắc Lắc - PGD Lê Hồng Phong	Phan Hoài Phương Thảo	ThS. Trần Thị Ngọc Hạnh	
128	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắc Lắc - PGD Lê Hồng Phong	Lê Thị Huyền Trang	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo A	
129	Đại học	Đánh giá sự hài lòng về chất lượng dịch vụ di động Vinaphone tại thị trường Buôn Ma Thuột	Nguyễn Thu Giang	ThS. Từ Thị Thanh Hiệp	
130	Đại học	Quản trị kênh phân phối tại Công ty TNHH thiết bị khoa học kỹ thuật Vĩnh Hưng thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2018	Hoàng Ngọc Hiếu	Ths. Phạm Thảo Vy	
131	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của điện lực Krông Nô, tỉnh Đắc Nông	Hoàng Thị Kim Hồng	TS. Nguyễn Văn Đạt	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
132	Đại học	Nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty TNHH nước giải khát Thiên Thanh, TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đình Huy	TS. Lê Thế Phiệt	
133	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty TNHH MTV XNK 2-9 Đắk Lắk giai đoạn 2016-2018	Nguyễn Minh Huy	Ths. Phạm Thảo Vy	
134	Đại học	Hoàn thiện hoạt động Marketing tại trung tâm kinh doanh VNPT Đắk Lắk	Đinh Thị Thu Hương	TS. Nguyễn Văn Đạt	
135	Đại học	Phân tích thị trường xe máy của công ty TNHH Honda Gia Hoà Hưng tại Cukuin - Đắk Lắk	Trần Nữ Lan Hương	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	
136	Đại học	Đánh giá mức độ cạnh tranh của thị trường thiết kế xây dựng tại công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiên Phú Thịnh	Phan Thị Diễm Kiều	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	
137	Đại học	Hoàn thiện kênh phân phối các sản phẩm dịch vụ của Vinaphone tại trung tâm kinh doanh VNPT Đắk Lắk	Mạc Thị Kim Lành	TS. Nguyễn Văn Đạt	
138	Đại học	Thực trạng công tác Đào tạo phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu 2/9 Đắk Lắk	Trần Thị Thu Lệ	ThS. Huỳnh Thị Nga	
139	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến nhà đất tại công ty TNHH Nhà đất Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk	Đào Dương Anh Thơ	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	
140	Đại học	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty TNHH sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên chi nhánh Tây Nguyên.	Trần Thị Hằng Ny	TS. Nguyễn Văn Đạt	
141	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Tuấn Sơn Đắk Nông	Lê Thị Phụng	ThS. Huỳnh Thị Nga	
142	Đại học	Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Easoup tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thu Thảo	TS. Nguyễn Văn Đạt	
143	Đại học	Phân tích thực trạng quy trình tổ chức sự kiện tại công ty TNHH Truyền thông sự kiện PRO	Trần Thị Bích Trâm	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	
144	Đại học	Một số giải pháp quản trị chất lượng và phê nhân của công ty TNHH MTV và phê Thuận An Đắk Mil Đắk Nông	Phan Thị Vân	TS. Nguyễn Văn Hóa	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
145	Đại học	Nghiên cứu mở rộng thị trường xe Nissan của công ty cổ phần vỏ xe Năm Châu Duy Nhất	Trần Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	
146	Đại học	Nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Khánh Vân	Trương Thị Ngọc Huyền	TS. Nguyễn Văn Hóa	
147	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm vật chất xe ô tô của khách hàng tại Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Đắk Lắk	Phạm Thị Ngọc Yen	ThS. Huỳnh Thị Nga	
148	Đại học	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại Công ty cổ phần đầu tư – xuất nhập khẩu An Phong Đắk Nông	Phạm Vũ Ngọc Bảo	ThS. Huỳnh Thị Nga	
149	Đại học	Thực trạng xu hướng tiêu dùng sữa bột nội tại thị trường tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Mỹ Duyên	ThS. Từ Thị Thanh Hiệp	
150	Đại học	Hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng của công ty TNHH dịch vụ và thương mại Hệ thống Một màu xanh, TP. HCM	Trần Quyền	TS. Lê Thế Phiệt	
151	Đại học	Tạo động lực cho người lao động tại công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại Tiến Hải, Đắk Lắk	Nguyễn Thị Dung	TS. Lê Thế Phiệt	
152	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên tại công ty bảo hiểm PVI Tây Nguyên, Đắk Lắk	Nông Thị Vui	ThS. Từ Thị Thanh Hiệp	
153	Đại học	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty cà phê Đức Lập, Đắk Nông	Đỗ Phương Thúy Vy	ThS. Hà Thị Kim Duyên	
154	Đại học	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm tôn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ và Thương mại Long Vân, Đắk Lắk.	Vương Thuý Hậu	ThS. Trần Xuân Ninh	
155	Đại học	Nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hiểm tại Công ty bảo hiểm Bảo Việt, Đắk Lắk	Hoàng Thị Ngọc Lan	TS. Lê Thế Phiệt	
156	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn điểm đến du lịch Đắk Lắk của du khách	Hà Thị Hoài Thương	Ths Từ Thị Thanh Hiệp	
157	Đại học	Phát triển du lịch bền vững tỉnh Đắk Lắk	Hoàng Thị Giang Thanh	Ths Từ Thị Thanh Hiệp	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
158	Đại học	Hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần cao su Dakruco, tỉnh Đắk Lắk	Phan Thị Bích Ly	Ths. Lê Việt Anh	
159	Thạc sĩ	Nghiên cứu lợi thế cạnh tranh sản phẩm hồ tiêu Việt Nam trên thị trường thế giới	Lê Quang Bình	TS. Lê Đức Niêm	
160	Thạc sĩ	Thực thi chính sách BHXH đối với người lao động tại các doanh nghiệp nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk	Lê Thị Hoàng Duyên	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	
161	Thạc sĩ	Hiệu quả kinh tế sản xuất trồng trọt trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Trần Quang Huân	TS. Đỗ Thị Nga	
162	Thạc sĩ	Phát triển thương hiệu Bơ DAKADO	Đỗ Thiện Nghĩa	TS. Lê Thế Phiệt	
163	Thạc sĩ	Giảm nghèo trên địa bàn huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Kim Oanh	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	
164	Thạc sĩ	Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Đỗ Phúc Thịnh	TS. Lê Thế Phiệt	
165	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ sản xuất cà phê trên địa bàn huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	Văn Tấn Vũ	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	
166	Thạc sĩ	Phát triển sản xuất lúa trên địa bàn huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Hoàng Thảo My	TS. Đỗ Thị Nga	
167	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk	Trần Mạnh Quân	TS. Lê Đức Niêm	
168	Thạc sĩ	Hiệu quả kinh tế mô hình trồng xen canh Cây sầu riêng trong vườn cà phê trên địa bàn huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Thanh	TS. Lê Thế Phiệt	
169	Thạc sĩ	Phát triển nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng công nghệ cao	Đỗ Văn Thắng	TS. Lê Đức Niêm	
170	Thạc sĩ	Liên kết hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản ở huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Lâm Thanh Tùng	TS. Đỗ Thị Nga	
171	Thạc sĩ	Hiệu quả kinh tế sản xuất nấm tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thế Hiệp	TS. Nguyễn Văn Hóa	
172	Thạc sĩ	Hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	Lê Ngọc Hùng	Nguyễn Văn Đạt	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
173	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao thu nhập của hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Ngô Chí Kiên	Nguyễn Thanh Trúc	
174	Thạc sĩ	Phát triển kinh tế chăn nuôi bò thịt trên địa bàn huyện huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Duy Nghiêm	Nguyễn Thanh Trúc	
175	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của nông hộ khu ven nội thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trần Hồng Nhật	Nguyễn Thanh Trúc	
176	Thạc sĩ	Liên kết kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ cà phê ở huyện Krông Năng - tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Sinh Nhật	TS. Dương Thị Ái Nhi	
177	Thạc sĩ	Phát triển sản xuất cao su trên địa bàn huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Tấn Phú	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
178	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố tác động đến thu nhập của nông hộ tại huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Phan Thị Vân Anh	TS. Nguyễn Văn Hóa	
179	Thạc sĩ	Hiệu quả kinh tế sản xuất cây ăn quả trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đoàn Huy Cường	TS. Nguyễn Văn Hóa	
180	Thạc sĩ	Sản xuất cà phê có chứng nhận trên địa bàn huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Thị Huệ	TS. Nguyễn Thanh Nam	
181	Thạc sĩ	Giảm nghèo trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Thị Huệ	TS. Nguyễn Thanh Nam	
182	Thạc sĩ	Kinh tế nông hộ đồng bào Ê Đê trên địa bàn huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Lê Văn Long	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
183	Thạc sĩ	Sản xuất và tiêu thụ điều trên địa bàn huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk	H 'Juân Ê Ban	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
184	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	Huỳnh Tuân Định	TS. Hoàng Văn Long	
185	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về chất thải rắn trên địa bàn TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Lý Trường Giang	TS. Hoàng Văn Long	
186	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột	Võ Thị Mỹ Hạnh	PGS. TS. Bùi Quang Bình	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
187	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	Cù Mạnh Hưng	TS. Nguyễn Quang Phục	
188	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản lý nguồn thu ngân sách nhà nước tại Cục Hải Quan tỉnh Đắk Lắk	Đinh Quốc Thắng	TS. Nguyễn Quang Phục	
189	Thạc sĩ	Quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hồng Xuân	TS. Dương Thị Ái Nhi	
190	Thạc sĩ	QLNN về huy động vốn của các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Đoàn Mạnh Tuấn Anh	PGS. TS. Bùi Quang Bình	
191	Thạc sĩ	Quản lý thu ngân sách nhà nước tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Đình Dương	TS. Nguyễn Thị Thúy Vinh	
192	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	Bùi Châu Linh	TS. Nguyễn Văn Đạt	
193	Thạc sĩ	Quản lý chi ngân sách nhà nước cho giáo dục trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Thị Thu Quyên	TS. Nguyễn Quốc Oánh	
194	Thạc sĩ	Quản lý Nhà nước đối với sản xuất cà phê bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Hoàng Văn Tùng	TS. Nguyễn Thanh Nam	
195	Thạc sĩ	Quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	Cao Thị Thanh Tuyền	PGS. TS. Trần Đình Thao	
196	Thạc sĩ	QLNN về công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đỗ Thị Như Anh	TS. Nguyễn Thanh Trúc	
197	Thạc sĩ	Quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Văn Toàn	TS. Nguyễn Thanh Trúc	
198	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản lý tài sản tại Trường Đại học Tây Nguyên	Trần Thiên Khôi	TS. Lê Thế Phiệt	
199	Thạc sĩ	Phát triển Cụm Công nghiệp Krông Búk 1, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thế Anh	PGS.TS. Lê Đức Niêm	
200	Thạc sĩ	Phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Việt Đức Dương	PGS.TS. Lê Đức Niêm	
201	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	Nguyễn Hải Quốc	TS. Tôn Đức Sáu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
202	Thạc sĩ	Phát triển tín dụng khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	Lê Phúc Đông	PGS.TS. Lê Đức Niêm	
203	Thạc sĩ	Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Krông Pắc	Lê Quang Sáng	TS. Hoàng Triệu Huy	
204	Thạc sĩ	Quản lý thu bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Huỳnh Kim Tường	TS. Nguyễn Văn Hoá	
205	Thạc sĩ	Huy động vốn cá nhân của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Đắk Lắk	Vũ Văn Anh	PGS.TS. Nguyễn Phương Lê	
206	Thạc sĩ	Sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm dịch vụ thẻ ATM tại Agribank Chi nhánh Bắc Đắk Lắk	Võ Thị Đoan Trang	PGS. TS. Trần Đình Thao	
207	Thạc sĩ	Hoàn thiện hoạt động cho vay ngắn hạn đối với khách hàng Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Đắk Lắk	Đoàn Văn Dũng	TS. Nguyễn Thị Minh Phượng	
208	Thạc sĩ	Phát triển cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk	Nguyễn Quang Hưng	PGS.TS. Thái Thanh Hà	
209	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP phát triển Hồ Chí Minh - CN Đắk Lắk	Thái Thị Ngọc Quý	TS. Trần Tự Lực	
210	Thạc sĩ	Nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty cổ phần Du lịch Công đoàn Ban Mê	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	TS. Nguyễn Thị Thuý Vinh	
211	Thạc sĩ	Tác động của vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội đối với sản xuất của hộ nghèo trên địa bàn huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Phan Thị Thanh Vân	TS. Nguyễn Văn Đạt	
212	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng tín dụng đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đắk Lắk	Trịnh Bá Mạnh	TS. Đỗ Văn Nhân	
213	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Agribank – Chi nhánh Đắk Lắk	Nguyễn Quang Nam	TS. Nguyễn Quốc Oánh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
214	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Vietcombank Đắk Lắk	Thái Vĩnh Phú	TS. Trần Tự Lực	
215	Thạc sĩ	Quản lý hệ thống đại lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế trên địa bàn huyện Krông Pắc tỉnh Đắk Lắk	Trần Tiến	TS. Phan Xuân Linh	
216	Thạc sĩ	Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH 1 thành viên Cao su Krông Buk	Nguyễn Văn Dũng	TS. Phạm Thị Thanh Xuân	
217	Thạc sĩ	Nâng cao năng lực lãnh đạo cho cán bộ chủ chốt cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	Tô Tuấn Anh	TS. Lê Văn Từ	
218	Thạc sĩ	Phát triển sản xuất cà phê tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Nguyên Vân	TS. Nguyễn Văn Hoá	
219	Thạc sĩ	Quản lý nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần thương mại bia Sài Gòn Tây Nguyên	Lê Thị Diễm Châu	TS. Nguyễn Thanh Trúc	
220	Thạc sĩ	Nghiên cứu tính cạnh tranh trong phát triển du lịch của Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phan Thanh Tùng	PGS.TS. Thái Thanh Hà	
221	Thạc sĩ	Thu hút đầu tư tư nhân vào phát triển kinh tế tỉnh Đắk Lắk	Biện Thị Lan Dung	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
222	Thạc sĩ	Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu một số nông sản chủ lực của tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thanh Hùng	TS. Đỗ Thị Nga	
223	Thạc sĩ	Quản lý kênh phân phối sản phẩm của Công ty cổ phần thương mại bia Sài Gòn Tây Nguyên tại Đắk Lắk	Nguyễn Minh Cường	TS. Nguyễn Thị Minh Phượng	
224	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư các công trình thủy lợi tại Ban quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 8- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vũ Thị Hiền	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	
225	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Đoàn Quốc Huy	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	
226	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động marketing sản phẩm dịch vụ MyTV của VNPT Đắk Lắk trên thị trường thành phố BMT	Điền Minh Hường	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	
227	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cư Kuin	Nguyễn Thanh Minh	TS. Phạm Thị Thanh Xuân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
228	Thạc sĩ	Hoàn thiện Quản lý thuế GTGT đối với các Doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Hồng Phương	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	
229	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nguyên	Lê Thị Phương	TS. Nguyễn Lê Hiệp	
230	Thạc sĩ	Nghiên cứu chiến lược phát triển của Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV đến năm 2025	Huỳnh Hữu Sang	TS. Lê Thế Phiệt	
231	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác thanh tra thuế thu thập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Lê Hiệp	
232	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty TNHH MTV cao su Krông Búk	Võ Thị Thanh Trúc	TS. Đỗ Văn Nhân	
233	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thành Viên	TS. Tôn Đức Sáu	
234	Thạc sĩ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Bưu điện tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Ngọc Vương	TS. Lê Văn Từ	
235	Thạc sĩ	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk	Lưu Quốc Hoàng	TS. Dương Thị Ái Nhi	
236	Thạc sĩ	Quản lý nhà nước về chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Võ Văn Thành	TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm	
237	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro trong sản xuất cà phê cho hộ nông dân trên địa bàn huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Phạm Văn Thành	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	

4. Khoa Sư phạm

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Hành vi ngôn ngữ gián tiếp của câu hỏi trong truyện ngắn Thạch Lam.	Nguyễn Văn Hùng	PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	
2	Thạc sĩ	Hiện tượng chơi chữ trong ca dao Việt Nam	Trần An Nhân	PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	
3	Thạc sĩ	Đặc trưng văn hóa Việt	Phan Thị Thơm	PGS.TS. Đoàn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Nam qua tên gọi quán cà phê.		Thị Tâm	
4	Thạc sĩ	Tên gọi Chùa, Tịnh xá, Niệm phật đường ở tỉnh Đắk Lắk – Một số vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa	Nguyễn Thị Dung	PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	
5	Thạc sĩ	Năng lực sử dụng tiếng Việt của học sinh dân tộc thiểu số ở một số trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Dung	PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	
6	Thạc sĩ	Cảnh huống ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông	Trần Hoàng Long	TS. Triệu Văn Thịnh PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	
7	Thạc sĩ	Cảnh huống ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thúy	TS. Triệu Văn Thịnh PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	
8	Thạc sĩ	Tình hình dạy học tiếng Êđê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Thu Trang	PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	
9	Đại học	Từ láy trong thơ Xuân Diệu	Nguyễn Thị Thành Vinh	TS. Trần Thị Thắm	
10	Đại học	Biểu tượng “Lửa” trong ca dao người Việt	Đinh Phạm Hạnh Vân	TS. Trần Thị Thắm	
11	Đại học	Biện pháp tu từ trong truyện ngắn “Dế mèn phiêu lưu kí” của Tô Hoài	Huỳnh Thị Thanh Ngân	TS. Trần Thị Thắm	
12	Đại học	Biểu trưng nghệ thuật “mưa” và “gió” trong ca	Nguyễn Văn Tiến	TS. Trần Thị Thắm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		dao người Việt			
13	Đại học	Đặc điểm ngôn ngữ thơ Nguyễn Phong Việt	Bùi Đặng Như Quỳnh	TS. Trần Thị Thắm	
14	Đại học	Đặc trưng hội thoại trong truyện ngắn Nguyễn Nhật Ánh	Lý Thị Hương	TS. Trần Thị Thắm	
15	Đại học	Phép lặp và phép thế trong truyện ngắn Nam Cao	Hoàng Thị Thủy	TS. Trần Thị Thắm	
16	Đại học	Biện pháp tu từ cú pháp trong tiểu thuyết “Số đỏ” và “Giông tố” của Vũ Trọng Phụng	Phan Thị Thu Hoài	TS. Trần Thị Thắm	
17	Đại học	Trường nghĩa thiên nhiên Nam Bộ trong ca dao người Việt	Vũ Thị Nhâm	TS. Trần Thị Thắm	
18	Đại học	Trường tự vựng “chim chóc” trong ca dao Việt Nam	Lại Thị Hằng Nga	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
19	Đại học	Tín hiệu thẩm mỹ trong tập thơ “Hoa dọc chiến hào” của Xuân Quỳnh	Lê Thị Minh Thuận	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
20	Đại học	Tín hiệu thẩm mỹ về gia đình trong lời hát ra Việt Nam	Phạm Thị Linh	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
21	Đại học	Ấn dụ ý niệm về tình yêu trong thơ của Hàn Mặc Tử	Huỳnh Thị Thanh Hòa	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
22	Đại học	Hiện tượng chuyển trường nghĩa trong thơ Huy Cận.	Phạm Thụy Linh	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
23	Đại học	Trường nghĩa về chiến tranh trong một số sử thi Êđê	H Lệ Kuan	ThS. Vũ Hoàng Cúc	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
24	Đại học	Những kết hợp bất thường trong truyện ngắn của Nguyễn Tuân (xét từ góc độ trường nghĩa).	Hà Hữu Trường	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
25	Đại học	Tín hiệu thẩm mỹ thời gian trong thơ Xuân Diệu	Nguyễn Thị Lan Vi	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
26	Đại học	Ảnh dụ ý niệm động vật trong ca dao Việt Nam (Nhìn từ góc độ miền nguồn)	Nguyễn Nữ Diễm My	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
27	Đại học	Ảnh dụ tri nhận về con người và cuộc sống trong văn chương hậu hiện đại.	Trần Thị Xuân Kiều	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
28	Đại học	Giá trị biểu trưng của trường nghĩa hiện tượng tự nhiên trong ca dao Việt Nam	Huỳnh Tấn Tùng	ThS. Vũ Hoàng Cúc	
29	Đại học	Nghiên cứu thành ngữ M'Nông	'Cà Ben	Trương Thông Tuần	
30	Đại học	Nội dung tục ngữ M'nông	Gonh	Trương Thông Tuần	
31	Đại học	Nội dung ca dao M'nông	Hà Thị Nhạn	Trương Thông Tuần	
32	Đại học	'Một số giá trị văn hóa được thể hiện qua tục ngữ, ca tục ngữ, ca dao, dân ca M'nông	'H-Tra Niê	Trương Thông Tuần	
33	Đại học	Nội dung dân ca M'nông	'Lê Thị Ngọc Điệp	Trương Thông Tuần	
34	Đại học	Nghệ thuật sử dụng từ láy trong tập thơ Từ Ấy và tập	Trần Thị Hồng Nhung	Trương Thông Tuần	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		thơ Máu và Hoa của Tố Hữu.			
35	Đại học	Từ địa phương trong thơ ca yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Ngọc Quý	Trương Thông Tuần	
36	Đại học	Hành vi ngôn ngữ đối thoại trong tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao	Trương Thị Mỹ	Trương Thông Tuần	
37	Đại học	Đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa qua lời đối đáp trong ca dao, dân ca người Việt	Nông Thị Huyền	Trương Thông Tuần	
38	Đại học	Tính biểu trưng của nghệ thuật ngôn từ trong ca dao người Việt	Nguyễn Thị Diệu Linh	Trương Thông Tuần	
39	Đại học	Ẩn dụ tu từ trong ca dao người Việt	Nguyễn Thị Hương	Trương Thông Tuần	
40	Đại học	So sánh tu từ trong ca dao người Việt	Trần Vũ Hiền	Trương Thông Tuần	
41	Đại học	Nghệ thuật lập luận trong ca dao người Việt	Lê Thị Ánh Tuyết	Trương Thông Tuần	
42	Đại học	Đặc trưng văn hóa dân tộc qua cách định danh cỏ cây, hoa quả trong ca dao tổ tiên người Việt	Trần Thị Hương	Trương Thông Tuần	
43	Thạc sĩ	Nghiên cứu từ ngữ chỉ lượng trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du”	Lê Thị Ngọc Hương	Trương Thông Tuần	
44	Thạc sĩ	Trường từ vựng ngữ nghĩa và Ẩn dụ tu từ trong thơ viết cho thiếu nhi của Võ	Vi Thị Ngân	Trương Thông Tuần	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Quảng”			
45	Thạc sĩ	So sánh luật tục Ê đê và luật tục M’Nông - tiếp cận từ lý thuyết ngôn ngữ học tiếp xúc	Nguyễn Văn Thắm	Trương Thông Tuần	
46	Đại học	Biện pháp phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc hình thành hứng thú đến trường cho trẻ lớp mầm	Phan Thị Báu	ThS.Vũ thị Vân	
47	Đại học	Nghiên cứu biện pháp giáo dục của gia đình trong việc phát triển xúc cảm - tình cảm xã hội cho trẻ lớp chồi	Phạm Thị Dung	ThS.Vũ Trọng Hào	
48	Đại học	Xây dựng bài tập tình huống giáo dục nhằm rèn luyện kĩ năng sống cho trẻ 5 -6 tuổi	Nguyễn Thị Thu Hà	ThS.Lê Quang Hùng	
49	Đại học	Nghiên cứu biện pháp phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục kĩ năng sống cho trẻ lớp chồi	Trần Thị Hồng Huệ	ThS.Vũ Trọng Hào	
50	Đại học	Vai trò của gia đình trong việc hình thành kỹ năng lao động cho trẻ 5 - 6 tuổi	Trần Thị Thanh Nga	ThS.Vũ Trọng Hào	
51	Đại học	Nghiên cứu thực trạng việc giáo dục kĩ năng thiết lập mối quan hệ với bạn bè và người lớn cho trẻ lớp lá	Đinh Thị Tiêng	ThS.Nguyễn Thị Hoài	
52	Đại học	Vai trò của giáo viên trong	Hoàng Thị Yên	ThS.Nguyễn Thị	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		việc phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 - 6 tuổi		Ảnh Mai	
53	Đại học	Một số biện pháp tạo hứng thú cho trẻ 3-4 tuổi trong giờ dạy kể chuyện thông qua việc sử dụng đồ dùng minh họa	Bùi Thị Bích Hồng	GVC.TS.Trương Thị Hiền	
54	Đại học	Vai trò của cha mẹ trong việc sử dụng hình thức kỉ luật tích cực để hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ 4-5 tuổi	Nguyễn Thị Hào	GVC.TS.Trương Thị Hiền	
55	Đại học	Biện pháp tổ chức trò chơi dân gian nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5 -6 tuổi tại trường Mầm non 10/3 TP Buôn Ma Thuột	Đặng Thị Hiệp	GVC.TS.Trương Thị Hiền	
56	Đại học	Biện pháp nâng cao kỹ năng nói trước đám đông cho trẻ lớp lá thông qua giờ kể chuyện ở trường MN	Võ Hoài Trang	GVC.TS.Trương Thị Hiền	
57	Đại học	Thực trạng quản lý cảm xúc tiêu cực của trẻ 3-4 tuổi ở trường Mầm non Hoa Pơ Lang	Nguyễn Thị Lan	GVC.TS.Trương Thị Hiền	
58	Đại học	Thiết kế một số bài tập vận động theo nhạc cho trẻ 4 - 5 tuổi ở Trường Mầm non 10 – 3	Vũ Thị Bích Lệ	ThS.Đinh Thị Trang	
59	Đại học	Nâng cao khả năng vận động sáng tạo theo chủ đề cho trẻ từ 5 - 6 tuổi ở	Phan Thị Hòa	ThS.Đinh Thị Trang	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Trường Mầm non 10-3, TP Buôn Ma Thuột			
60	Đại học	Một số biện pháp xây dựng nhà trường thành cộng đồng học tập tại Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	Đỗ Thị Thu An	GVC.ThS. Trần Thị Thùy Trang	
61	Đại học	Xây dựng môi trường tâm lý xã hội trong giáo dục trẻ ở trường Mầm non 10-3	Trần Thị Hiền Ly	GVC.ThS. Trần Thị Thùy Trang	
62	Đại học	Nâng cao hiệu quả sử dụng góc thiên nhiên cho trẻ 5-6 tuổi theo định hướng xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.	Đàm Thị Thanh Xuân	GVC.ThS. Trần Thị Thùy Trang	
63	Đại học	Biện pháp phát triển vốn từ tiếng việt cho trẻ 4-5 tuổi người dân tộc thiểu số thông qua hoạt động giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non	Bùi Kim Ngân	ThS.Trần Thị Lệ	
64	Đại học	Rèn tính tự tin cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non Hoa Pơ Lang, TP Buôn Ma Thuột	H' Cĩn Êban	ThS.Trần Thị Lệ	
65	Đại học	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non Hoa Pơ Lang TP Buôn Ma Thuột	Lương Thị Thu Hà	ThS.Trần Thị Lệ	
66	Đại học	Biện pháp giúp trẻ 4-5 tuổi phát triển kỹ năng giao tiếp	Đào Thị Hà Trang	CN.Nguyễn Xuân Tuyền	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		thông qua hoạt động tạo hình ở trường mầm non			
67	Đại học	Một số hình thức tổ chức hoạt động tạo hình nhằm phát huy tính sáng tạo cho trẻ 5-6 tuổi ở Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	Nguyễn Thị Hậu	CN.Nguyễn Xuân Tuyền	
68	Đại học	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm cho trẻ 5- 6 tuổi trong quá trình hình thành biểu tượng hình dạng	Trịnh Thị Hoan	CN. Bùi Trần Tuyết Hạnh	
69	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập nhằm nâng cao kỹ thuật chuyên bóng cao tay trước mặt cho nhóm nam sinh viên lớp nâng cao bóng chuyên khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	H' Onni Alê	ThS. Nguyễn Thiện Tín	
70	Đại học	Đánh giá thực trạng hoạt động ngoại khóa môn cầu lông cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Tây Nguyên	Lê Thị Kim Anh	CN. Phạm Xuân Trí	
71	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập nhằm nâng cao sức bật cho nhóm nam sinh viên chuyên sâu bóng chuyền lớp Giáo dục thể chất khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Lê Thị Vân Anh	ThS. Nguyễn Thiện Tín	
72	Đại học	Lựa chọn một số bài tập	Y Vui Aýun	ThS. Trần Văn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		nhằm phát triển sức mạnh cho lớp nâng cao bóng đá khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên		Hung	
73	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nâng cao thành tích chạy cự ly 100m cho nam sinh viên lớp Giáo dục thể chất khóa 2012 Trường Đại học Tây Nguyên	Y Oét Ênuôl	ThS. Trần Thị Thu	
74	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng giờ học môn Giáo dục thể chất 2 cho sinh viên lớp Khoa học Cây trồng khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Văn Bắc	CN. Lê Đình Thân	
75	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng một số bài tập phát triển tố chất sức nhanh cự ly 100 cho nam học sinh lớp 10A1 Trường Trung học phổ thông Việt Đức	Nguyễn Huy Biên	CN. Hồ Sỹ Xô	
76	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển tố chất sức mạnh cho nam sinh viên lớp nâng cao thể dục khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Lê Minh Hải	CN. Bùi Thị Thủy	
77	Đại học	Nghiên cứu và đánh giá tố chất sức mạnh của nam sinh viên các lớp Giáo dục thể chất khóa 2011, khóa	Nguyễn Văn Hải	TS. Lê Tử Trường	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		2012 và khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên			
78	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển sức nhanh cho lớp nâng cao bóng đá khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Hán Văn Hè	ThS. Trần Văn Hưng	
79	Đại học	Nghiên cứu và đánh giá tố chất sức bền của nam sinh viên các lớp Giáo dục thể chất khóa 2011, khóa 2012 và khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Văn Huy	TS. Lê Từ Trường	
80	Đại học	Ứng dụng một số bài tập xoa bóp thể thao vào học tập nhằm hồi phục và nâng cao thể lực cho lớp nâng cao thể dục khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Trịnh Thị Mai Hương	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
81	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng một số bài tập phát triển sức bền tốc độ cự ly 1500m cho nam sinh viên lớp Giáo dục thể chất khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	Y Tư Hwing	CN. Hồ Sỹ Xô	
82	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng một số bài tập nâng cao hiệu quả đập bóng biên số 4 theo phương chạy đà cho nam sinh viên Giáo dục thể	Cao Ngọc Kiều	ThS. Trần Thị Thu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		chất khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên			
83	Đại học	Đánh giá thực trạng hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Tây Nguyên	H Wơn Kmăn	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
84	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập phát triển kỹ thuật lúp bóng thuận tay cho sinh viên nam lớp Giáo dục thể chất khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Thị Ly	CN. Phạm Xuân Trí	
85	Đại học	Nghiên cứu và đánh giá tổ chất sức bật môn bóng chuyền của nam sinh viên lớp Giáo dục thể chất khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Y Nghiếc Mbuôn	CN. Nguyễn T.Khánh Sự	
86	Đại học	Giải pháp nâng cao thành tích nhảy xa cho nam sinh viên lớp Giáo dục thể chất khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	Y' Dũa Niê	CN. Lê Đình Thân	
87	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phát bóng cao tay trước mặt cho nam sinh viên lớp Giáo dục thể chất khóa 2013 Trường Đại học	Vương Văn Oanh	CN. Phạm Văn Doanh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Tây Nguyên			
88	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập nâng cao kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt cho nam sinh viên lớp Giáo dục thể chất khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Thị Hoàng Phúc	CN. Phạm Văn Doanh	
89	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển tố chất mềm dẻo cho nam sinh viên lớp nâng cao thể dục khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Huỳnh Tấn Thành	CN. Bùi Thị Thủy	
90	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm phát triển sức mạnh tốc độ cho đội tuyển bóng chuyền nam Trường THPT Quang Trung, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk	Nguyễn Minh Thông	ThS.Trần Thị Thu	
91	Đại học	Ứng dụng các bài tập nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật 2 bước ném rổ 1 tay trên cao cho nam sinh viên lớp GDTC khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Trần Văn Thuận	CN. Nguyễn T.Thùy Linh	
92	Đại học	Lựa chọn và ứng dụng một số bài tập nhằm phát triển sức bật cho sinh viên nam lớp bóng chuyền K2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Võ Văn thương	CN. Nguyễn T.Thùy Linh	
93	Đại học	Nghiên cứu và đánh giá tố	Nguyễn Thành	TS. Lê Tử Trường	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		chất mềm dẻo của nam sinh viên các lớp Giáo dục thể chất khóa 2011, khóa 2012, khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	Trung		
94	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập nhằm nâng cao kỹ thuật phòng thủ hàng sau cho nam sinh viên lớp nâng cao bóng chuyền khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Thị Tuyết	ThS. Nguyễn Thiện Tín	
95	Đại học	Nghiên cứu và đánh giá tổ chất sức nhanh của nam sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2011, khóa 2012, khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	Vũ Thanh Tùng	TS. Lê Tử Trường	
96	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn bài tập nhằm nâng cao khả năng giữ bóng bằng mu giữa bàn chân cho lớp nâng cao bóng đá khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Văn Ước	ThS. Trần Văn Hưng	
97	Đại học	Đánh giá mức độ hiểu biết, tác dụng thể dục thể thao của học sinh Trường trung học phổ thông Phan Bội Châu, huyện Krông Năng	Nguyễn Quốc Vinh	TS. Lê Tử Trường	
98	Đại học	Xây dựng bài tập nhằm nâng cao kỹ thuật đập bóng	Trương Văn Chinh	CN. Nguyễn T. Khánh Sự	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		cho nam sinh viên lớp Giáo dục thể chất khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên			
99	Đại học	Tìm hiểu các nguyên nhân dẫn tới chấn thương trong quá trình học tập môn nhào lộn của sinh viên lớp nâng cao thể dục khóa 2010 Trường Đại học Tây Nguyên	Trần Đình Nam	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
100	Đại học	Nghiên cứu thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả sức bền cho nam sinh viên lớp nâng cao bóng đá khóa 2012 lớp giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Nguyên	Y Phúc Alio	CN. Chu Vương Thìn	
101	Đại học	Ứng dụng một số bài tập nhằm nâng cao tố chất mềm dẻo cho nam sinh viên lớp Giáo dục thể chất khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên	Đoàn Lê Tú An	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
102	Đại học	Tìm hiểu thực trạng thể lực của sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2013 khi học môn võ taekwondo	Y Sáu Êban	CN. Phạm Thế Hùng	
103	Đại học	Tìm hiểu những khó khăn trong quá trình học tập môn cầu lông của sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa	Trần Vũ Bảo	CN. Lê Đình Thân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		2012 năm học 2014 - 2015			
104	Đại học	Tìm hiểu thực trạng sức bền tốc độ của nhóm nâng cao thể dục lớp giáo dục thể chất khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên	Ksor Biếp	CN. Chu Vương Thìn	
105	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng bài tập nhằm nâng cao kỹ năng 2 nước chiếu hết trong môn cờ vua cho sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2013, Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Văn Bính	TS. Lê Tử Trường	
106	Đại học	Đánh giá tổ chất mềm dẻo nữ sinh viên giáo dục thể chất khóa 2014, Trường Đại học Tây Nguyên	H' Lila Bkrông	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
107	Đại học	Tìm hiểu mức độ hài lòng của sinh viên nhóm nâng cao thể dục lớp giáo dục thể chất khóa 2011 về môn học thể dục nâng cao Trường Đại học Tây Nguyên năm học 2013 - 2014	Lê Đức Dương	TS. Lê Tử Trường	
108	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập sức bền chuyên môn cho đội tuyển điền kinh cự li 1500m của trường Trung học phổ thông.....	Đoàn Văn Đại	CN. Chu Vương Thìn	
109	Đại học	Đánh giá trình độ phát triển kỹ thuật cho nam sinh viên	Trần Văn Đượm	ThS. Phạm Hùng Mạnh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		học phổ tu bóng bàn khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên			
110	Đại học	Lựa chọn một số trò chơi vận động trong hoạt động giáo dục thể chất góp phần phát triển kỹ năng làm việc nhóm cho học sinh khối 11 trường Trung học phổ thông.....	Võ Văn Tuấn Em	TS. Lê Tử Trường	
111	Đại học	Tìm hiểu hiện trạng chấn thương trong quá trình học môn thể dục nâng cao của lớp nâng cao thể dục khóa 2011, Trường Đại học Tây Nguyên	Lê Xuân Giang	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
112	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng một số bài tập nhằm phát triển sức nhanh cho nam sinh viên lớp chuyên sâu bóng đá khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên	Võ Duy Khánh	CN. Y RôBi Bkrông	
113	Đại học	Thực trạng việc dạy và học môn bóng rổ cho sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất khóa 2012 Trường Đại học Tây nguyên	Trần Thanh Kiên	ThS. Nguyễn Thiện Tín	
114	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn bài tập phát triển khả năng duy trì sức mạnh và tần số bước chạy trong chạy rút đích cự li 100m cho nam học sinh	Y Chôm Kpor	ThS. Phạm Xuân Trí	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		lớp 11A3, 11A4 trường trung học phổ thông thực hành cao nguyên năm 2014			
115	Đại học	Đánh giá tố chất sức mạnh tối đa cho nam sinh viên lớp nâng cao bóng đá khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên	Y Jon Buôn Không	ThS. Phạm Xuân Trí	
116	Đại học	Ứng dụng một số bài tập nhằm nâng cao sức nhanh trong chạy cự ly 100m cho học sinh nam lớp 10A...trường trung học phổ thông.....	Hồ Sỹ Kỳ	CN. Phạm Văn Doanh	
117	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập nâng cao thành tích nhảy cao kiểu ú p bụng cho nam sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất khóa 2014 năm học 2015 - 2016 trường đại học tây nguyên	Lê Thị Luyến	ThS. Trần Văn Hưng	
118	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng một số bài tập nâng cao thành tích chạy 100m cho nam sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2014 Trường Đại học Tây Nguyên	Y Mika	CN. Phạm Văn Doanh	
119	Đại học	Đánh giá tố chất sức nhanh của nam sinh viên lớp GDTC khóa 2014 Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Ngọc Nam	ThS. Phạm Xuân Trí	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
120	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nâng cao thành tích chạy cự ly 2000m cho đội tuyển nữ việt dã của Trường Đại học Tây Nguyên	Lường Thị Ngà	CN. Bùi Thị Thuỷ	
121	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên lớp nâng cao bóng đá khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên	Y Lưu Niê	ThS. Trần Văn Hưng	
122	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập nâng cao sức mạnh tốc độ (sức bật) cho đội bóng chuyên nam tỉnh Đắk Lắk	Cao Linh Phụng	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
123	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập nâng cao kỹ thuật đệm bóng thấp tay trước mặt cho nam học sinh lớp 11a1, 11a2 năm học 2014 - 2015 trường trung học phổ thông Krông Bông Đắk Lắk	Phạm Thế Sơn	CN. Nguyễn T. Khánh Sự	
124	Đại học	Đánh giá hiệu quả việc tập luyện ngoại khóa ảnh hưởng đến chất lượng học tập của lớp nâng cao bóng chuyên khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên	Ngô Thanh Tân	TS. Lê Tử Trường	
125	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao	Ma Thấu Teo	CN. Phạm Văn Doanh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		sức bền chạy cự ly 3000m cho nam sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2014 Trường Đại học Tây Nguyên			
126	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng một số bài tập bổ trợ phát triển sức mạnh tốc độ nhằm nâng cao thành tích môn nhảy xa kiểu ngồi cho học sinh nữ lớp 11A.. trường trung học phổ thông.....	Trần Văn Thái	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
127	Đại học	Đánh giá trình độ kỹ thuật tấn công của sinh viên lớp nâng cao bóng bàn khoá 2011 sau khi học xong học phần bóng bàn nâng cao 2, Trường Đại học Tây Nguyên	Trần Thái Thành	CN. Vũ Đình Công	
128	Đại học	Đánh giá tổ chất sức mạnh của nam sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2014 Trường Đại học Tây Nguyên	Trần Văn Công Thành	CN. Vũ Đình Công	
129	Đại học	Tìm hiểu động cơ của sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2014 sau khi kết thúc học kỳ 1, Trường Đại học Tây Nguyên	Vũ Ngọc Thành	CN. Nguyễn T. Khánh Sự	
130	Đại học	Một số giải pháp nhằm hạn chế chấn thương trong thi đấu môn bóng chuyền	Lang Hoài Thảo	CN. Chu Vương Thìn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		cho nam sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2012 Trường Đại học Tây Nguyên			
131	Đại học	Thực trạng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa Trường Đại học Tây Nguyên năm 2014	Lê Anh Thắng	ThS. Trần Văn Hưng	
132	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập nâng cao sức mạnh tốc độ (sức bật) cho vận động viên bóng chuyền nữ tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Trung Thiên	CN. Vũ Đình Công	
133	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao tố chất sức bền tốc độ môn bơi trườn sấp cự li 100m cho nam sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên	Lê Thị Thuỷ	CN. Đỗ Thị Thuỷ Linh	
134	Đại học	Lựa chọn một số bài tập phát triển kỹ thuật giật bóng trái tay cho sinh viên lớp nâng cao bóng bàn khóa 2011 Trường Đại học Tây Nguyên	Huỳnh Phan Bảo Trung	ThS. Phạm Xuân Trí	
135	Đại học	Ứng dụng một số bài tập nhằm nâng cao sức mạnh tốc độ cự li 100m cho nam sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2014, Trường Đại học Tây Nguyên	Ngô Văn Trung	CN. Phạm Thế Hùng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
136	Đại học	Đánh giá trình độ thể lực của lớp nâng cao thể dục khóa 2012, Trường Đại học Tây Nguyên	Nhữ Quốc Việt	TS. Lê Tử Trường	
137	Đại học	Tìm hiểu thực trạng chấn thương trong quá trình học cho nhóm nâng cao thể dục lớp giáo dục thể chất khóa 2012 Trường Đại học Tây Nguyên	Phạm Văn Hai	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
138	Đại học	Tìm hiểu thực trạng trình độ thể lực của nhóm nâng cao thể dục lớp giáo dục thể chất khóa 2012 Trường Đại học Tây Nguyên	Cao Xuân Nhon	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
139	Đại học	Đánh giá thực trạng sức bền chuyên môn của nhóm nâng cao thể dục lớp giáo dục thể chất khóa 2012 Trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Minh Mẫn	ThS. Phạm Hùng Mạnh	
140	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả đập bóng biên số 4 cho nam sinh viên lớp nâng cao bóng chuyền 1 khoá 2013 trường Đại học Tây Nguyên	Vũ Nguyễn Hải Hà	ThS. Nguyễn Thiện Tín	
141	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả phòng thủ cho lớp nâng cao bóng chuyền 1 khoá	Đậu Thị Phương	ThS. Nguyễn Thiện Tín	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		2013 trường Đại học Tây Nguyên.			
142	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt cho sinh viên lớp nâng cao bóng chuyền 1 khoá 2013 trường Đại học Tây Nguyên.	Nguyễn Thị Hoài Thương	ThS. Nguyễn Thiện Tín	
143	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao kỹ thuật sút bóng bằng má ngoài bàn chân cho nam sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất Trường Đại học Tây Nguyên	Phan Luân Thành	ThS. Trần Văn Hưng	
144	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao sức mạnh tốc độ cự li 100m cho nam sinh viên lớp sư phạm Sinh học khoá 2015 trường Đại học Tây Nguyên	A Bảo	ThS. Trần Văn Hưng	
145	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao thành tích chạy 100m cho nữ sinh viên lớp sư phạm Sinh học khoá 2015 trường Đại học Tây Nguyên.	Ka Hạnh	CN. Hồ Sĩ Xô	
146	Đại học	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập, bài tập bổ trợ nhằm nâng cao hiệu quả chuyền bóng cao tay chính	Nguyễn Thị Hương	TS. Lê Tử Trường	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		diện trong bóng chuyên cho sinh viên trường Đại học Tây Nguyên			
147	Đại học	Tìm hiểu những khó khăn trong quá trình học tập môn bóng bàn lớp giáo dục thể chất khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	Lương Ngọc Tuấn An	ThS. Phạm Xuân Trí	
148	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên lớp GDTC khóa 2013, sau khi học xong môn bóng bàn Trường Đại học Tây Nguyên	Doãn Chí Sang	ThS. Phạm Xuân Trí	
149	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên lớp nâng cao bóng chuyên khoá 2013 trường Đại học Tây Nguyên.	Lang Văn Chinh	ThS. Phạm Xuân Trí	
150	Đại học	Ứng dụng một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt cho nam sinh viên lớp bóng chuyên nâng cao khoá 2013 trường Đại học Tây Nguyên.	Nay Lép	CN. Lê Đình Thân	
151	Đại học	Lựa chọn một số bài tập nâng cao thành tích chạy cự li ngắn 100m cho nam sinh viên lớp Y Đa khoa khoá 2015 A1 trường Đại	Y Din Êban	CN. Chu Vương Thìn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		học Tây Nguyên.			
152	Đại học	Tìm hiểu những khó khăn trong quá trình học tập của nhóm nâng cao thể dục lớp giáo dục thể chất khóa 12 Trường Đại học Tây Nguyên	Ksor Mát	CN. Phạm Thế Hùng	
153	Đại học	Tìm hiểu thực trạng hoạt động ngoại khóa của sinh viên lớp nâng cao bóng chuyền khóa 2013 Trường Đại học Tây Nguyên	H Noang Niê	CN. Y Rô bi BKrông	
154	Đại học	Nghiên cứu một số bài tập nhằm nâng cao khả năng chấn bóng cho nam sinh viên lớp bóng chuyền nâng cao 1 khoá 2013 trường Đại học Tây Nguyên.	Y Diên Dak Cat	CN. Y Rô bi BKrông	
155	Đại học	Tìm hiểu thực trạng tổ chức mềm dẻo của sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2014 Trường Đại học Tây Nguyên	Trần Thị Thùy Linh	ThS. Trần Thị Thu	
156	Đại học	Tìm hiểu mức độ hài lòng của sinh viên nhóm nâng cao thể dục lớp giáo dục thể chất khóa 2013 về môn học thể dục nâng cao trường Đại học Tây nguyên	Hoàng Thị Thùy Dương		
157	Đại học	Lựa chọn một số bài tập phát triển sức nhanh cho nam sinh viên lớp nâng cao	Nguyễn Văn Tới		

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		bóng chuyền khóa 2014 trường Đại học Tây Nguyên			
158	Đại học	Tìm hiểu mức độ hài lòng của sinh viên lớp giáo dục thể chất khóa 2014 sau khi kết thúc học phần bóng bàn trường Đại học Tây nguyên	Nguyễn Thị Tuyệt Trang		
159	Đại học	Ứng dụng một số bài tập nhằm nâng cao kỹ thuật đá má trong cho nữ sinh viên lớp Kế toán khóa 2015B trường Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Tiến Trúc		
160	Đại học	Đánh giá tổ chất sức mạnh tốc độ của đội tuyển nữ bóng chuyền năng khiếu tỉnh Đắk Lắk lứa tuổi 15-17 năm 2017	Nguyễn Thị Bích Ngọc		
161	Đại học	Thực trạng việc vận dụng các bài học Đạo đức vào thực tiễn của học sinh lớp 5 trường tiểu học Tô Hiệu, Tp Buôn Ma Thuột	Huỳnh Thị Mai	ThS. Lê Quang Hùng	
162	Đại học	Vận dụng phương pháp thí nghiệm trong dạy học chủ đề "Vật chất và năng lượng" môn Khoa học lớp 4	Võ Thị Tú Anh	ThS. Phạm Trọng Lượng	
163	Đại học	Giáo dục lòng tự hào về văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên cho học	Trần Thị Dung	ThS. Đinh Thị Kiều Loan	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		sinh qua tiết Lịch sử và Địa lý địa phương			
164	Đại học	Góp phần phát huy tính tích cực của học sinh tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn Toán	Dương Thị Anh Đào	ThS. Kiều Mạnh Hùng	
165	Đại học	Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh trong dạy học môn Đạo đức lớp 4 (Nghiên cứu tại trường Tiểu học Tô Hiệu, phường EaTam, thành phố Buôn Ma Thuột)	Ngô Thị Hành	ThS. Ngô Thị Hiếu	
166	Đại học	Biện pháp nâng cao năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 5 thông qua phương pháp đóng vai trong môn Đạo Đức	Nguyễn Thị Hát	ThS. Lê Quang Hùng	
167	Đại học	Sử dụng phương pháp tư duy "sáu chiếc mũ" để dạy học môn Toán cuối cấp Tiểu học	Trần Thị Yên Hoa	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	
168	Đại học	Nghiên cứu sự thích ứng với hoạt động học tập của học sinh bán trú lớp 1	Hồ Thị Linh Ly	ThS. Nguyễn Thị Hoài	
169	Đại học	Sử dụng các công cụ đánh giá quá trình học tập của học sinh trong môn Khoa học lớp 5	Phạm Thị Diệu Ly	CN. Lê Thị Cẩm Lệ	
170	Đại học	Vận dụng định hướng STEAM trong dạy học	Hoàng Thị Thanh Nga	ThS. Bùi Thị Tâm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		môn Kỹ thuật lớp 4 (Nghiên cứu tại trường Tiểu học Võ Thị Sáu, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk)			
171	Đại học	Thiết kế một số bài giảng e - learning trong dạy học môn Toán ở Tiểu học	Lê Thị Ngọc	PGS. TS Nguyễn Thanh Hưng	
172	Đại học	Phát triển kỹ năng tương tác trong học tập cho học sinh lớp 5	Nguyễn Thị Nhâm	ThS. Nguyễn Thị Ánh Mai	
173	Đại học	Nâng cao nhận thức về an toàn giao thông cho học sinh lớp 1	H' Duêl Niê	TS. Vũ Minh Chiến	
174	Đại học	Vận dụng phương pháp học tập qua trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học lớp 4	Phan Thị Phượng	ThS. Phạm Trọng Lượng	
175	Đại học	Thiết kế trò chơi trong hoạt động ngoại khóa phân môn Lịch sử lớp 5 (Nghiên cứu tại trường Tiểu học Tô Hiệu, phường EaTam, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk)	Võ Thị Ngọc Sương	ThS. Trần Tấn Hải	
176	Đại học	Nghiên cứu sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường để hình thành hứng thú học tập cho học sinh lớp 1	Ngô Phương Thảo	ThS. Vũ Thị Vân	
177	Đại học	Một số biện pháp góp phần bồi dưỡng năng lực tìm kiếm quy luật toán học cho	Nguyễn Thị Vân	ThS. Bùi Thị Phương Thảo	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		học sinh tiểu học			
178	Đại học	Vận dụng sơ đồ vào dạy đọc hiểu phân môn tập đọc cho học sinh lớp 4	Võ Thị Cẩm Vân	ThS. Lưu Thị Dịu	
179	Đại học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học phân môn Lịch sử lớp 4 (Nghiên cứu tại trường Tiểu học Tô Hiệu, phường EaTam, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk)	Nguyễn Thị Hải Yến	ThS. Lê Thị Thúy An	
180	Đại học	Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh dân tộc thiểu số trong dạy học phân môn Tập đọc lớp 2 (Nghiên cứu tại trường Tiểu học Lê Lợi, xã Ia Son, huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai)	Kpă H'Nuân	ThS. Ngô Thị Hiếu	
181	Đại học	Vận dụng phương pháp vấn đáp hướng dẫn học sinh người Jrai đọc hiểu văn bản Tập đọc lớp 5(Nghiên cứu tại Trường Tiểu học Ia Hdreh, huyện Krông Pa,tỉnh Gia Lai)	Nay H'Anh	ThS. Lưu Thị Dịu	
182	Đại học	Một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học phân môn Lịch sử ở Tiểu học	Nguyễn Thị Anh	ThS. Trần Tấn Hải	
183	Đại học	Tổ chức hoạt động dạy học môn Tự nhiên và xã hội	Nguyễn Lê Bình	CN. Nguyễn Hữu Hiếu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Lớp 2 theo hướng phát triển năng lực học sinh			
184	Đại học	Nâng cao hiệu quả dạy học hợp tác trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3	Võ Thắm Hồng Diệp	CN. Lê Thị Cẩm Lệ	
185	Đại học	Nghiên cứu thực trạng trong việc giáo dục phòng tránh xâm hại trẻ em cho học sinh lớp 5	Hoàng Thùy Dương	ThS. Nguyễn Thị Hoài	
186	Đại học	Vận dụng phương pháp thí nghiệm để nâng cao hiệu quả trải nghiệm trong môn Khoa học lớp 4	Võ Thị Kim Hồng	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
187	Đại học	Rèn luyện các đặc trưng của tư duy sáng tạo cho học sinh khi giải toán số thập phân	Thân Thị Kim Lan	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	
188	Đại học	Nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của gia đình đến hứng thú học tập của học sinh lớp 5	Bùi Thị Diễm Linh	ThS. Vũ Thị Vân	
189	Đại học	Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học phân môn Lịch sử lớp 4 theo mô hình VNEN (Nghiên cứu tại trường tiểu học Võ Thị Sáu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)	Nguyễn Thanh Thùy Linh	ThS. Trần Tấn Hải	
190	Đại học	Vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học môn Khoa học lớp 5 (Nghiên cứu tại trường Tiểu học Tô Hiệu,	Nguyễn Thị Linh	ThS. Lê Thị Thúy An	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		phường Eatam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)			
191	Đại học	Góp phần rèn luyện năng lực sáng tạo cho học sinh khi dạy học môn Toán ở Tiểu học	Hồ Võ Kiều Mi	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	
192	Đại học	Ứng dụng phần mềm Adobe Photoshop CS6 và Adobe After Effect CS6 để thiết kế video dạy học phân môn Lịch sử lớp 5	Mai Thị Nguyệt Minh	ThS. Phạm Trọng Lượng	
193	Đại học	Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua môn Khoa học cho học sinh lớp 4	H Thoa Mlô	ThS. Nguyễn Thị Ánh Mai	
194	Đại học	Một số biện pháp bồi dưỡng năng lực tự học cho học sinh khi giải bài toán có lời văn ở Toán lớp 4	Nguyễn Thị Kiều Oanh	ThS. Bùi Thị Phương Thảo	
195	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học trải nghiệm trong môn Tự nhiên và xã hội cho học sinh lớp 3 (Nghiên cứu tại trường Tiểu học Tô Hiệu, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột)	Đỗ Thị Phương	ThS. Ngô Thị Hiếu	
196	Đại học	Thiết kế hệ thống câu hỏi kiểm tra đánh giá trong phân môn Tập đọc lớp 3 theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT	H Zim Niê Buôn Rít	ThS. Lưu Thị Dịu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
197	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập về phân số theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh lớp 4	Trần Thị Thu Thảo	ThS. Bùi Phương Thảo	
198	Đại học	Vận dụng lí thuyết kiến tạo vào dạy học môn Toán lớp 4	Lê Thị Lệ Thu	ThS. Kiều Mạnh Hùng	
199	Đại học	Thiết kế hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để nâng cao hiểu biết về văn hóa dân tộc thiểu số Tây Nguyên cho học sinh tiểu học	Lê Thị Thúy	ThS. Đinh Thị Kiều Loan	
200	Đại học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học phân môn Địa lý ở lớp 4	Trần Thị Thúy	ThS. Lê Thị Thúy An	
201	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học theo dự án trong dạy học môn Kỹ thuật lớp 5	Trần Thị Huyền Trang	ThS. Bùi Thị Tâm	
202	Đại học	Tổ chức hoạt động dạy học môn Khoa học lớp 4 theo hướng phát triển năng lực học sinh	Triệu Thị Trinh	CN. Nguyễn Hữu Hiếu	
203	Đại học	Vận dụng định hướng STEM trong dạy học môn Khoa học lớp 4 (Nghiên cứu tại trường tiểu học Võ Thị Sáu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)	Cao Thị Tú	ThS. Bùi Thị Tâm	
204	Đại học	Nghiên cứu những giá trị đạo đức mới trong môn	Trần Thị Hoàng Hà	TS. Vũ Minh Chiến	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Đạo đức lớp 5			
205	Đại học	Ảnh hưởng của Franz Kafka trong sáng tác của Nguyễn Bình Phương	Nguyễn Thị Vân Anh	TS. Thái Thị Hoài An	Từ những tiền đề ảnh hưởng như thời đại, văn hóa, cá nhân nhà văn, nghiên cứu sự ảnh hưởng của sáng tác Franz Kafka đến sáng tác của Nguyễn Bình Phương trên các phương diện quan niệm về hiện thực, vấn đề thân phận con người và nghệ thuật thể hiện như huyền thoại, xây dựng nhân vật.
206	Đại học	Tinh thần nữ quyền trong một số tiểu thuyết của Nhất Linh và Khái Hưng	Trần Thị Hằng	ThS. Phan Thị Tâm Thanh	Xem xét tinh thần nữ quyền trong sáng tác của Nhất Linh và Khái Hưng ở ba đặc điểm: Tinh thần nữ quyền qua vẻ đẹp thân thể của người phụ nữ; qua khát vọng tự do , bình đẳng, chống tư tưởng nam quyền; qua khát vọng đòi quyền được yêu, hạnh phúc của người phụ nữ.
207	Đại học	Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong “Tam quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung và “Thủy hử” của Thi Nại Am từ góc nhìn so sánh	Ngô Trung Hiếu	ThS. Phan Thị Tâm Thanh	Nghiên cứu sự tương đồng và dị biệt trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của La Quán Trung và Thi Nại Am thông qua phương thức xây dựng nhân vật, thủ pháp nghệ thuật và các nguyên tắc phản ánh nhằm lí giải thể về tư tưởng của tác phẩm cũng như làm bộc lộ tài năng độc đáo của từng nhà văn.
208	Đại học	Hình tượng người nữ trong sáng tác của Quế Hương	Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS. Hoàng Lê Anh Ly	Từ lí luận về hình tượng nhân vật, đề tài tập trung nghiên cứu hình tượng người phụ nữ trong sáng tác của Quế Hương, qua đó làm rõ vẻ đẹp truyền thống và hiện đại của họ. Đối với việc xây dựng hình tượng người phụ nữ, Quế Hương luôn lựa chọn hình ảnh người phụ nữ có vẻ ngoài mỏng manh, yếu đuối, mang vẻ đẹp của người phụ nữ truyền thống, vẻ đẹp của tính Mẫu: Chịu thương, chịu khó, hi sinh cho gia đình... nhưng ẩn sâu trong tâm hồn là sự mạnh mẽ, độc lập, dám đứng lên vì sự hạnh phúc của bản thân, đó là vẻ đẹp của người phụ nữ hiện đại. Với nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật từ ngoại hình, hành động, tâm lí và cả ngôn ngữ, Quế Hương đã thành công trong việc xây dựng thành công vẻ đẹp song hành, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.
209	Đại học	Yếu tố tâm linh trong thơ Mai Văn Phấn	Trần Thị Như	ThS. Nguyễn Thị Kim Hồng	Nghiên cứu yếu tố tâm linh, xác định đặc điểm và vị trí của nó trong cấu trúc tổng thể thế giới nghệ thuật thơ Mai Văn

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Phân, qua đó khẳng định những đóng góp nghệ thuật của nhà thơ.
210	Đại học	Tư tưởng hiện sinh trong sáng tác của Dương Nghiễm Mậu	Trần Thị Như Quỳnh	TS. Thái Thị Hoài An	Nghiên cứu tư tưởng hiện sinh, sự du nhập của tư tưởng hiện sinh ở miền Nam Việt Nam trước 1975. Nghiên cứu những dấu ấn của Chủ nghĩa hiện sinh trong sáng tác của Dương Nghiễm Mậu như ám ảnh hiện sinh, quan niệm về cái chết và thân phận con người như sự cô đơn, nỗi sợ, cảm thức buồn nôn.
211	Đại học	Hệ thống biểu tượng trong sáng tác của Trần Thùy Mai	Cù Thị Thủy	ThS. Hoàng Lê Anh Ly	Tiếp cận các tác phẩm văn xuôi Nguyễn Trần Thùy Mai phương diện biểu tượng nhằm giải mã những mạch ngầm văn hoá thông qua lớp trầm tích biểu tượng. Từ đó, khẳng định những đóng góp của Trần Thùy Mai trong thành tựu đa dạng của văn học Việt Nam đương đại. Qua thể giới biểu tượng trong các sáng tác của Trần Thùy Mai có thể hiểu được bản chất, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, tự nhiên, hiện thực và truyền thống cũng như cơ sở gắn kết của cả một cộng đồng. Luận văn gợi một hướng nghiên cứu, phê bình văn học từ lý thuyết biểu tượng.
212	Đại học	Ảnh hưởng của Franz Kafka trong sáng tác của Nhật Chiêu	Lương Thị Trang	TS. Thái Thị Hoài An	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của Franz Kafka tới sáng tác của Nhật Chiêu từ các phương diện thân phận con người, nghệ thuật huyền thoại, nghệ thuật xây dựng nhân vật.

5. Khoa Lý luận chính trị

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Phát huy những giá trị tích cực của đạo đức Nho giáo trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Trần Thị Hồng Thanh	ThS. Nguyễn Đình Huân	Nho giáo là hệ thống tư tưởng đề cập đến nhiều lĩnh vực, nhiều mặt hiện thực của đời sống xã hội và con người. Trong hệ thống Nho giáo bao gồm nhiều tư tưởng, nhiều nội dung: triết học, chính trị - xã hội, đạo đức, giáo dục... Trong đó, có thể coi đạo đức là một nội dung cơ bản của Nho giáo. Việc nhấn mạnh đạo đức, đề cao vai trò đạo đức và sức mạnh của đạo đức với con người và xã hội đã trở thành nét đặc trưng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					của Nho giáo. Rõ ràng trong bất cứ xã hội nào, ở thời đại nào, thì đạo đức luôn giữ vị trí quan trọng, nó là nền tảng để điều chỉnh hành vi của con người trong các mối quan hệ xã hội và nhiều khi nó còn có sức mạnh hơn cả những quy phạm pháp luật. Sự ảnh hưởng của học thuyết Nho giáo nói chung, đạo đức Nho giáo nói riêng không chỉ diễn ra trong quá khứ, ngày nay, Nho giáo, đạo đức Nho giáo tiếp tục có những ảnh hưởng trong đời sống chính trị, đạo đức, pháp luật. Nho giáo với xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là hết sức cần thiết. Kế thừa biện chứng, chọn lọc và sáng tạo những tinh hoa trong tư tưởng nhân loại nói chung và Nho giáo nói riêng, đó là việc làm khơi dậy ý nghĩa đích thực của học thuyết Nho giáo đối với việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.
2	Đại học	Tư tưởng triết học thời kỳ Veda – sử thi trong triết học Ấn Độ cổ đại	Hồ Trọng Lương	ThS. Phạm Phương Anh	Khát quát quá trình hình thành và phát triển của triết học Ấn Độ cổ đại Phân tích nội dung và ý nghĩa tư tưởng triết học thời kỳ Veda – sử thi trong triết học Ấn Độ cổ đại
3	Đại học	Triết lý nhân sinh trong tư tưởng triết học Nguyễn Trãi	Trần Thị Sương Sương	ThS. Phạm Phương Anh	Khái quát về bối cảnh lịch sử thời Lê Sơ Phân tích nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học Nguyễn Trãi. Rút ra triết lý nhân sinh trong tư tưởng triết học Nguyễn Trãi.
4	Đại học	Triết lý đạo đức nhân sinh qua biểu tượng “Hoa sen” trong triết học Phật Giáo	Dương Thị Thu Hiền	ThS. Phạm Phương Anh	Trình bày khái quát về sự ra đời và một số nội dung cơ bản của Triết học Phật. Phân tích triết lý đạo đức nhân sinh qua biểu tượng “Hoa Sen” trong triết học Phật giáo.
5					

6. Khoa Ngoại Ngữ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	A Study On Group Work Management In An English Classroom Of Grade 11th Students At Viet Duc High School.	Phạm Thị Minh Huệ	TS. Y Tru Aleo	- To find out the current practice of group work management - To investigate the students' awareness of the importance of group work - To find out the difficulties students have in working in group - To suggest feasible solutions to improve the problems
2	Đại học	A Study On Errors Made On Imperative Mood By The First Year English Majored Students At Tay Nguyen University.	Nguyễn Như Nguyệt	ThS. Ngô Văn Thông	- To provide the essential knowledge of kinds of mood in English; - To investigate the reality of understanding and using English mood and imperative mood of the first year English majored students at Tay Nguyen University; - To give some suggested solutions to improve the errors that the first year English majored students at Tay Nguyen University often make in using imperative mood.
3	Đại học	An Investigation Into Improving Reading Comprehension Skill Through Extensive Reading Activities Of The First Year English Majored Students At Tay Nguyen University.	Hoàng Ngọc Tân	ThS. Nguyễn Thị Hương	- Identifying the difficulties in reading comprehension skill of the first year English majored students at Tay Nguyen University. - Finding out some extensive reading activities used by the first year English majored students at Tay Nguyen University. - Proposing some suggestions for effective reading of the first year English majored students at Tay Nguyen University.
4	Đại học	A Study On Ways Of Giving Feedback That Teachers At Quang Trung High School Use To The 10th Grade Students' Writing And Their Effects	Phạm Thị Thương	ThS. Nguyễn Lê Hằng	-to find out the viewpoints of teachers and 10th grade students at Quang Trung high school about the importance of giving feedback in English writing; -to identify some ways of giving feedback that teachers at Quang Trung high school use to 10th grade students' writing

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		On Students' Achievement			-to find out the students' evaluation about advantages and disadvantages of those ways.
5	Đại học	An Investigation Into Students' Habits Of Watching Bilingual Films To Improve English Vocabulary Of The Fourth Year English Majored Students At Tay Nguyen University And Some Suggested Solutions.	Hoàng Thị Hoài Trang	ThS. Thân Thị Hiền Giang	- To find out the viewpoints of students about the importance of vocabulary. - To identify the effects of watching bilingual films on students' vocabulary improvement.
6	Đại học	An Investigation Into The Differences Between English And Vietnamese Passive Voice And The Ability To Translate English Passive Voice Sentences Into Vietnamese Of The Second Year English Majored Students At Tay Nguyen University.	Hoàng Thị Phi Nga	ThS. Tống Thị Lan Chi	- To find out the ability to identify the differences between English and Vietnamese passive voice based on syntactic and semantic features. - To examine the ability of the second year English majored students at Tay Nguyen university in translating English passive voice sentences into Vietnamese.
7	Đại học	A Contrastive Analysis On Idioms Relating To Human Feelings And Emotions In English And Their Equivalents In Vietnamese	Phạm Thị Mỹ Thơ	ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng	To find out the similarities and differences in idioms relating to human feelings and emotions between English and Vietnamese
8	Đại học	A Contrastive Analysis Of Exclamatory Sentences In English And Vietnamese	Nguyễn Thị Ngọc Hà	ThS. Hoàng Thị Hồng Nhung	To find out the similarities and differences of exclamatory sentences in English and Vietnamese in terms of syntax and pragmatics

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
9	Đại học	An Investigation On English Listening Habits Of Third-Year English Majored Students At Tay Nguyen University And Its Impacts On Academic Performance.	H Nha Ksor	ThS. Bùi Thị Tịnh	- to identify the listening strategies of third-year English majored students at Tay Nguyen University and its impacts on academic performance - to help students understand the importance of improving listening skills in learning English
10	Đại học	An Investigation Into The First-Year English Majored Students' Perceptions Of Self- Regulated Learning Strategies At Tay Nguyen University	Vũ Trần Ngọc Quyên	ThS. Nguyễn Thị Tường Như	-To explore learners' self regulated learning strategies in first year English majors at TNU - To identify the most frequent learners' self regulated learning strategies employed by first year English majors at TNU
11	Đại học	An Investigation Into The Affects Of Peer Assessment On Speaking Skill Of The Second Year English Majored Students At Tay Nguyen University	Huỳnh Ngọc Minh Trang	ThS. Hoàng Thị Xuân	- To find out students' perception towards peer assessment; - To find out the effects of peer assessment on speaking presentation skill of the second year English majored students at Tay Nguyen University; - To suggest some solutions on peer assessment to help improve students' oral presentation skill.

7. Khoa Chăn nuôi – Thú y

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ-Chăn nuôi	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng giống bò và ứng dụng công nghệ WEBGIS trong quản lý giống bò tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Nam	PGS.TS Văn Tiến Dũng	
		Khả năng sinh trưởng của con lai F1 (Brahman x Bò Vàng) nuôi tại huyện Đắk Lắk tỉnh Đắk Nông	Đặng Thị Hà	PGS.TS Văn Tiến Dũng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Ảnh hưởng của thức ăn tinh dạng viên đến sinh trưởng của bò Lai sind nuôi vỗ béo tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Ngô Thị Kim Chi	PGS.TS Văn Tiến Dũng	
		Nghiên cứu phát triển nguồn thức ăn thô xanh cho đàn bò tại tỉnh Lâm Đồng.	Trương Thị Minh Thư	TS: Trương La	
		Nghiên cứu sử dụng khẩu phần hỗn hợp hoàn chỉnh TMR (Total Mixed Ration) cho bò sữa Holstein Friesian tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	Ngô Văn Bình	PGS.TS. Trần Quang Hân	
		Nghiên cứu khả năng sản xuất trứng của vịt cỏ Phú Yên nuôi tại Đa Tềh, Lâm Đồng	Hoàng Văn Nam	PGS.TS.Trần Quang Hân	
		Đặc điểm sinh học, năng suất, phẩm chất thịt gà lai (gà ri Ninh Hòa X Lương Phượng) nuôi tại huyện Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng	Đoàn Hữu Chí	PGS.TS.Trần Quang Hạnh	
		Khả năng sinh sản và sức sản xuất sữa của đàn bò sữa HF nuôi tại nông hộ tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Trương Văn Đại Phúc	PGS.TS. Phạm Thế Huệ	
		Đánh giá khả năng sinh trưởng và sức sản xuất của con lai giữa các giống bò cao sản: Red Angus, Blanc Blue Belge với bò cái nền lai Zêbu chăn nuôi ở nông hộ trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Huỳnh Văn Minh	PGS. TS Phạm Thế Huệ	
		Đánh giá năng suất và chất lượng sữa của bò HF (Holstein Friesian) nuôi tại Công ty Hasfarm Đa Ròn, Đơn Dương, Lâm Đồng	Trần Mạnh Hoài Phương	PGS. TS Phạm Thế Huệ	
		Đánh giá năng suất sinh sản của chim cú đẻ tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Tổng Quang Tùng	PGS.TS.Trần Quang Hạnh	
		Nghiên cứu một số chỉ tiêu sản xuất, năng suất, chất lượng thịt của lợn địa phương (heo đen) nuôi tại xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	PGS.TS.Trần Quang Hạnh	
		Một số đặc điểm sinh học, năng suất, phẩm chất thịt gà H'Mông nuôi tại huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.	Võ Nhật Toàn	PGS.TS.Trần Quang Hạnh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
2	Thạc sĩ – Thú y	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, sinh sản, năng suất và chất lượng thịt của dê lai, dê Bách Thảo nuôi tại Đắk Lắk	Lê Ngọc Trung	PGS. TS. Phạm Thế Huệ	
		Nghiên cứu chế biến bảo quản thân, ngọn lá sản cao sản làm thức ăn cho bò lai theo hướng chuyên thịt giai đoạn sau cai sữa tại 19 huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.	Tôn Thất Dạ Vũ	TS. Trương Tấn Khanh	
		Đánh giá năng xuất và chất lượng cỏ Hamil trồng trên địa bàn huyện Đăk Huoi, tỉnh Lâm Đồng	Nguyễn Quý Phan	TS. Trương Tấn Khanh	
		Theo dõi khả năng sinh trưởng và sinh sản của lợn sóc, nuôi trong điều kiện nông hộ tại huyện Đăk Rông – Lâm Đồng.	Bạch Tùng Giang	TS. Trương Tấn Khanh	
		Khả năng sinh sản của lợn Yorkshir, Landrace và bệnh sản khoa thường gặp tại trại lợn nái CP Ninh Gia - Đức Trọng-Lâm Đồng	Nguyễn Trường Sơn	TS. Vũ Tiến Quang	
		Khảo sát sinh trưởng, tỷ lệ sống và các bệnh thường gặp ở một số loài cá tầm (<i>acipenser</i> spp.) nuôi tại huyện Đăk Rông, tỉnh Lâm Đồng	Nguyễn Thị Thanh Hà	PGS. TS. Trần Quang Hân	
2	Thạc sĩ – Thú y	Hội chứng MMA ở heo nuôi tại huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai và biện pháp phòng trị	Lại Văn Đôn	TS. Cao Văn Hồng	
		Đánh giá chất lượng nguồn nước sử dụng trong chăn nuôi trang trại tại Đồng Nai và đề xuất giải pháp xử lý.	Nguyễn Trường Giang	PGS.TS. Nguyễn Văn Diên	
		Nghiên cứu đặc tính sinh học của vi khuẩn <i>Streptococcus suis</i> gây bệnh trong hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản ở lợn tại tỉnh Đồng Nai và biện pháp phòng và trị	Lương Chí Hào	TS. Nguyễn Thị Bích Thủy	
		Tình hình viêm vú, viêm tử cung trên đàn lợn nuôi ở huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Nguyễn Hữu Hoàn	PGS.TS. Văn Tiến Dũng	
		Đặc điểm dịch tễ bệnh cầu trùng ở gà nuôi thả vườn tại huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai và biện pháp phòng trị	Đào Quang Hoàng	PGS.TS. Nguyễn Văn Diên	
		Tình hình heo bị sa niêm mạc trực tràng và sa âm đạo ở các huyện Thống Nhất, Long Thành, Trảng Bom tỉnh Đồng Nai, và biện pháp	Nguyễn Đình Huy	TS. Cao Văn Hồng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		phòng trị.			
		Hiệu quả của việc áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) đối với công tác thú y trong chăn nuôi lợn nông hộ trên địa bàn huyện Thống Nhất tỉnh Đồng Nai.	Lê Thị Minh	TS. Cao Văn Hồng	
		Khảo sát phẩm chất tinh dịch của các nhóm đực giống tại trại lợn giống Hưng Việt thành phố Bà Rịa và một số bệnh ảnh hưởng đến chất lượng tinh tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	Nguyễn Xuân Sáng	PGS.TS. Văn Tiến Dũng	
		Một số đặc điểm dịch tễ bệnh sán lá gan (Fasciolosis) ở đàn dê tại huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai và biện pháp phòng trị	Nguyễn Đức Sơn	PGS.TS. Nguyễn Văn Diên	
		Sự lưu hành của vi khuẩn Salmonella trên đàn heo sau cai sữa tại huyện Trảng Bom tỉnh Đồng Nai	Nguyễn Trung Thành	TS. Hoàng Mạnh Lâm	
		Tình hình sử dụng thuốc trong phòng trị bệnh cá lóc ở tỉnh Đồng Tháp.	Trần Văn Thành	PGS.TS. Võ Văn Nha	
		Một số đặc điểm dịch tễ và đánh giá tỉ lệ bảo hộ sau tiêm phòng cúm gia cầm (cúm A/H5N1) tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Bùi Thị Thu Thảo	TS. Đinh Nam Lâm	
		Đặc điểm dịch tễ học của giun đũa (<i>Toxocaracanis</i>) trên chó tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và biện pháp phòng trị.	Thân Ái Mỹ	PGS.TS Nguyễn Văn Diên	
		Bệnh Cầu trùng ở heo con theo mẹ nuôi tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và biện pháp phòng trị	Lê Năng Thắng	PGS.TS Nguyễn Văn Diên	
		Khảo sát một số đặc điểm dịch tễ bệnh Lở mồm long móng ở Trâu, bò tại Phú Yên từ năm 2013 – 2018 và đánh giá hiệu quả sử dụng vắc xin	Nguyễn Văn Lâm	TS.Vũ Khắc Hùng	
		Bệnh Carre trên chó và thử nghiệm điều trị bằng kháng huyết thanh	Nguyễn Công Quân	PGS.TS Nguyễn Ngọc Hải	
		Tình hình nhiễm sán lá gan trong đàn bò nuôi ở Phú Yên và biện pháp phòng trị	Đặng Minh Nho	PGS.TS Lê Hữu Khương	
		Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh và hiện trạng đề kháng	Lê Thị Hồng	TS. Đinh Nam Lâm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> phân lập ở đường tiêu hóa của heo tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.	Ngân		
		Xác định khả năng sinh sản của voi cái trong độ tuổi sinh sản trên địa bàn tỉnh đắk Lắk thông qua các hormon sinh sản progesteron, oestrogen, LH	Nguyễn Thị Hòa	TS. Đinh Nam Lâm	
		Khảo sát thực trạng vệ sinh nơi bày bán và tình hình vấy nhiễm sản phẩm thịt heo tươi tại một số chợ thuộc thành phố Tuy Hòa.	Nguyễn Thị Hồng Sen	TS. Đinh Nam Lâm	
3	Đại học – Khóa luận tốt nghiệp	Khả năng sản xuất giống của cá trắm cỏ (<i>Ctenopharygodo idellus</i>) và công tác phòng trị bệnh tại trại cá số 2, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột	Hứa Văn An	Ths. Lý Ngọc Tuyên	
		Khả năng sinh sản và một số bệnh sản khoa thường gặp trên đàn lợn nái F1 (Landrace x Yorkshire) nuôi tại trại Nguyễn Văn Sĩ, xã Đắk Will, Cư Jut, Đắk Nông	Nguyễn Danh Anh	PGS.TS.Văn Tiến Dũng	
		Quy trình chăn nuôi, công tác thú y và một số bệnh thường gặp ở bê sữa Holstein Friesian (HF) từ sơ sinh đến 7 tháng tuổi tại trại bò sữa Vinamilk Đà Lạt	Nguyễn Thị Ngọc Hân	TS. Trương Tấn Khanh	
		Hội chứng tiêu chảy ở lợn con theo mẹ và biện pháp phòng trị tại trại Nguyễn Thị Hiệp, phường Ea tam, Thành phố Buôn Ma Thuột.	Trần Ngọc Hoa	Ths. Nguyễn Mạnh Thuật	
		Tình hình nhiễm giun tròn trên chó nuôi tại phường Khánh Xuân và xã Hòa Thuận, thành phố BMT, Đắk Lắk	Hồ Thị Kiều Hoanh	Ths. Nguyễn Thị Vân Anh	
		Khảo sát tình hình tiêu chảy ở lợn con theo mẹ tại trại Long Vân, xã EaKao, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Cao Thị Hoàng	Ths. Bùi Thị Như Linh	
		Xác định tính miễn cảm đối với kháng sinh của vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> gây viêm tử cung ở lợn nái sinh sản tại xã EaKao, thành phố BMT, Đắk Lắk	Hồ Văn Hùng	Ths. Lê Anh Dương	
		Khả năng sinh trưởng, năng suất thịt và một số bệnh trên gà lai 3F	Bùi Thị Như Ý	Ths. Nguyễn Văn Thái	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		nuôi tại Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk			
		Hiện trạng chăn nuôi, các bệnh thường gặp trên đàn bò và biện pháp phòng trị bệnh tại huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Thị Lan	TS. Trương Tấn Khanh	
		Thực trạng bệnh viêm tử cung trên đàn lợn nái ngoại nuôi tại trại lợn Hiên Chử, buôn Riềng B, xã Eanam, huyện Ea H'leo và đề xuất phác đồ điều trị	Trương Nguyễn Sơn Lâm	Ths. Hoàng Thị Anh Phương	
		Tình hình chăn nuôi và công tác thú y trong chăn nuôi lợn tại huyện Krông Năng, Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hương Liên	TS. Đinh Nam Lâm	
		Xác định tính miễn cảm đối với kháng sinh của vi khuẩn <i>E.coli</i> và <i>Salmonella</i> gây bệnh tiêu chảy ở lợn con theo mẹ nuôi tại xã EaKao, thành phố BMT, Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hồng Loan	Ths. Lê Anh Dương	
		Khảo sát tìm hình nhiễm cầu trùng trên gà nuôi tại trại Nguyễn Xuân Đạt, Buôn Kì, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lak và biện pháp phòng trị bệnh	Nguyễn Thị Ly	Ths. Mai Thị Xoan	
		Tình hình bệnh do ORT trên gà thịt tại trại Hoàng Tấn, Tân Phú, Đồng Nai và thử nghiệm một số phác đồ điều trị.	Hà Thị Thu Mai	Ths. Hoàng Thị Anh Phương	
		Khảo sát các bệnh thường gặp trên chó tại phòng khám thú y Happy Pet thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Tuyết Mai	TS. Đinh Nam Lâm	
		Đặc điểm sinh trưởng và các bệnh thường gặp ở heo con từ lúc sơ sinh đến khi cai sữa tại trại Long Vân, xã EaKao, Thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk	Vương Thị Phúc Ngân	Ths. Bùi Thị Như Linh	
		Nghiên cứu một số chỉ tiêu năng suất và bệnh sinh sản trên lợn nái lai F1 (Yorkshire x Landrace) nuôi tại trại Đồng Tiến, xã Đắk Sin, huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông.	Nguyễn Đức Nghĩa	PGS.TS.Văn Tiến Dũng	
		Khả năng sinh trưởng và một số bệnh thường gặp của nhóm heo F1 (Duroc x Yorkshire) nuôi thịt tại trại Thùy Nguyên, xã Hòa Khánh, Tp. Buôn Ma Thuật	Dương Ngọc Thảo Nhi	Ths. Nguyễn Mạnh Thuật.	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Tình hình chăn nuôi, và một số bệnh thường gặp trên heo tại trại Thủy Nguyên, xã Hòa Khánh, Tp. Buôn Ma Thuột	Huỳnh Thị Mỹ Oanh	TS. Đinh Nam Lâm	
		Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng trên gà thả vườn nuôi tại xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Hoàng Thị Đông Phương	Ths. Trần Thị Thanh Vân	
		Khả năng sinh trưởng và một số bệnh thường gặp trên gà Đông Tảo và gà F1 (Đông Tảo x Ri) tại xã Ea Kao, Tp. BMT.	Nguyễn Thị Phụng	Ths. Nguyễn Đức Điện	
		Tình hình nhiễm giun tròn trên chó nuôi tại phường Thắng Lợi và Thành Nhất, thành phố BMT, Đắk Lắk	Hứa Hồng Sơn	Ths. Nguyễn Thị Vân Anh	
		Đánh giá khả năng sinh sản và một số bệnh sản khoa thường gặp của lợn nái tại trại Nguyễn Chương, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Trần Thị Ngọc Sương	Ths. Mai Thị Xoan	
		Khả năng sản xuất giống của cá mè hoa (<i>Aristichthys nobilis</i>) và công tác phòng trị bệnh tại trại cá số 2, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột.	Đoàn Thanh Tài	Ths. Lý Ngọc Tuyên	
		Hội chứng tiêu chảy ở heo con theo mẹ tại trại Duy Mẫn, Buôn Ma Thuột .	Hà Thị Tâm	PGS.TS.Nguyễn Văn Diên	
		Tình hình nhiễm Ehrlichia canis trên chó tại Trạm xá Thú y trường Đại học Tây Nguyên	Nông Thị Thanh Thùy	Ths. Lương Huỳnh Việt Thắng	
		Khả năng sinh trưởng và một số bệnh thường gặp của hai nhóm lợn F1(Yorkshire × Landrace) và F1(Duroc × Landrace) nuôi tại trại Nguyễn Thị Hiệp, phường Eatam, Tp BMT	Đoàn Thị Thùy Trang	Ths. Nguyễn Mạnh Thuật	
		Tình hình heo nái mắc hội chứng M.M.A tại một số trại nuôi tại xã EaKao, thành phố BMT, Đắk Lắk	Lê Thị Thùy Trang	Ths. Lê Anh Dương	
		Tình hình nhiễm ký sinh trùng đường máu (<i>Leucoytozoon spp</i>) trên	Lê Huỳnh Duy	Ths. Hoàng Thị Anh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		đàn gà tại xã Eakao, Tp. Buôn Ma Thuột và đề xuất biện pháp phòng trị	Trúc	Phương	
		Khảo sát tình hình mắc bệnh viêm ruột tiêu chảy do virus trên chó tại phòng khám Thú Y thuộc Chi Cục Thú Y tỉnh Bình Định	Nguyễn Thị Như Trúc	Ths. Trần Thị Thanh Vân	
		Tình hình mắc hội chứng M.M.A ở heo nái tại trại Ninh Văn Được, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Anh Tuấn	Ths. Bùi Thị Như Linh	
		Quy trình chăn nuôi, thú y và một số bệnh thường gặp trong chăn nuôi gà thả vườn tại trang trại gà Nguyễn Xuân Đạt, Buôn Ki, Huyện Buôn Đôn, Đắk Lắk	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	TS. Trương Tấn Khanh	
		Khả năng sinh sản và các bệnh thường gặp ở heo nái nuôi tại trại Nguyễn Thị Hương, Xã Ea Ngai, huyện Krong Buk, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Võ Tường Vân	TS. Đinh Nam Lâm	
		Khả năng sinh trưởng và một số bệnh thường gặp của bò câu Pháp tại thành phố Buôn Ma Thuột	Đậu Thị Bích Việt	PGS.TS.Trần Quang Hạnh	
		Khả năng sinh trưởng và một số bệnh thường gặp ở gà ta nuôi thả vườn tại trại Vũ Thị Hiến, xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột.	Lê Thị Thu Ngân	Ths. Mai Thị Xoan	
		Khả năng sinh sản và một số bệnh thường gặp ở lợn nái GF24 tại trại chăn nuôi Minh Hoàng, xã Cư Knia, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông	A Lộc	Ths. Mai Thị Xoan	
		Khả năng sinh trưởng của hai nhóm lợn F1 (GF337 x GF24) và F1(GF337 x Landrace) nuôi thương phẩm tại trại Hoàng Phát, xã Hòa Sơn, huyện Krong Bông	Nguyễn Thị Nhị	Ths. Nguyễn Đức Điện	
		Khảo sát một số chỉ tiêu sinh sản và bệnh thường gặp trên heo nái nuôi tại trại Như Phương, Ea Kar, Đắk Lắk	Nguyễn Quang Anh	PGS.TS.Nguyễn Văn Diên	
		Tình hình phát triển chăn nuôi và công tác thú y tại huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	PGS.TS.Trần Quang Hân	
		Một số chỉ tiêu về khả năng sản xuất trứng của giống gà CP- Brow	Phạm Tiến Đức	PGS.TS.Trần Quang Hạnh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		nuôi tại trại Nguyễn Văn Hạnh, Thị trấn Liêng Sơn, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk			
		Thực trạng chăn nuôi bò lai (red angus x laisind) và (BBB x laisind) nuôi tại EaKar, tỉnh Đăk Lăk	Đặng Hoàng Hải	PGS.TS.Phạm Thế Huệ	
		Khả năng sinh sản và một số bệnh sản khoa thường gặp trên đàn lợn nái lai F1 (landrace x yorkshire) nuôi tại trại Nguyễn Thị Hiệp, phường Eatam, TP.BMT, tỉnh Đăk Lăk.	Nguyễn Duy Hội	Ths. Nguyễn Mạnh Thuật	
		Tình hình phát triển chăn nuôi và công tác thú y tại phường Yên Thế, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai	Tổng Quang Huy	PGS.TS.Trần Quang Hân	
		Khả năng sinh trưởng và một số bệnh thường gặp trên gà thịt nuôi tại xã Ea Dar,Huyện EaKar, tỉnh Đăk Lăk	Hà Quốc Hùng	PGS.TS.Trần Quang Hạnh	
		Thực trạng chăn nuôi bò sinh sản tại trại RedStar, tỉnh Đăk Lăk	Mai Thị Thu Hương	PGS.TS. Phạm Thế Huệ	
		Khả năng sinh sản của heo nái lai (Landrace x Yorkshire) và các bệnh sản khoa thường gặp tại huyện Eakar,tỉnh Đăk Lăk	Vương Kim Long	PGS.TS.Phạm Thế Huệ	
		Khả năng sinh sản của lợn nái lai 2 máu(Yorkshire x Landrace) nuôi tại trung tâm giống vật nuôi Tỉnh Gia Lai.	Nguyễn Phương Nam	PGS.TS.Phạm Thế Huệ	
		Đánh giá tình hình phát triển chăn nuôi heo và công tác thú y tại trại heo Ngọc Giáo, huyện cư m'gar,tỉnh Đăk Lăk	Lê Thị Ngọc	PGS.TS.Trần Quang Hân	
		Tình hình chăn nuôi và các bệnh thường gặp trên heo tại trại Ông Nghiệm huyện Cư kuin, Đăk Lăk	Nguyễn Thị Minh Hằng	PGS.TS.Nguyễn Văn Diên	
		Tình hình phát triển chăn nuôi và công tác thú y tại huyện Ea Súp, tỉnh ĐăkLăk	Hồ Thị Phương	PGS.TS. Trần Quang Hân	
		Một số chỉ tiêu về khả năng sản xuất của dòng vịt siêu thịt (SM) nuôi tại Trại Vịt giống VIGOVA, Trung tâm nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi Gia cầm VIGOVA	ĐỗThị Thơm	PGS. TS. Trần Quang Hạnh	
		Ngành Thú y			

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Đại học - Chuyên đề tốt nghiệp	Hội chứng tiêu chảy ở heo con theo mẹ tại trại Trương Văn Mạnh huyện Cư Mgar Đăk Lăk	Phan Văn Bình	Ths. Nguyễn Văn Thái	
		Tìm hiểu quy trình chăn nuôi và công tác thú y tại trại heo Thùy Nguyên, xã Hòa Khánh, thành phố BMT.	Phan Thanh Cường	Ths. Lê Anh Dương	
		Khả năng sinh sản của heo nái và một số bệnh lý thường gặp tại trại Long Vân ,xã EaKao Tp BMT, tỉnh Đăk Lak	Vi Thị Dung	TS. Đinh Nam Lâm	
		Khảo sát tình hình chăn nuôi và một số bệnh thường gặp trên bò nuôi nông hộ tại xã Eadar, huyện Eakar	Trần Lâm Văn Khoa	Ths. Bùi Thị Như Linh	
		Khảo sát tình hình bệnh viêm phổi trên heo thịt tại trại heo Long Vân xã EaKao, thành phố BMT, Đăk Lăk	Nguyễn Thị Thanh Ly	Ths. Lê Anh Dương	
		Khảo sát một số bệnh thường gặp ở chó tại tp.bmT	Hồ Nhật Phong	Ths. Hoàng Thị Anh Phương	
		Khảo sát một số bệnh thường gặp trên lợn thịt tại trại Anh Thương, Krong Pak, Đăk Lăk	Trịnh Đình Quyết Thắng	Ths. Nguyễn Văn Thái	
		Tình hình chăn nuôi và một số bệnh thường gặp trên lợn nái tại trại Đông Nhã, huyện M'Drak, Đăk Lăk	Phạm Quốc Trí	Ths. Nguyễn Văn Trọng	
		Một số bệnh thường gặp trên heo nái sinh sản của xí nghiệp Chăn nuôi heo Đồng Hiệp, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, Thành phố hồ Chí Minh	Trần Ngọc Bảo Trọng:	TS. Trương Tấn Khanh	
		Khảo sát một số bệnh trên chó tại phòng khám Thithi Pet, Tp. Hồ Chí Minh	Phan Hoàng Chính Trực	TS. Nguyễn Ngọc Đình	
		Khả năng sinh trưởng và một số bệnh trên heo con theo mẹ thuộc nhóm Ducroc x (Landrace x Yorkshire) tại trại Nguyễn Thị Hiệp, phường EaTam, Tp. Buôn Mê Thuật.	Nguyễn Cảnh Tùng	Ths. Nguyễn Mạnh Thuật	
		Tình hình hội chứng tiêu chảy ở chó tại bệnh viện thú cưng Thanh	Phạm Thị Thúy	Ths. Nguyễn Văn Thái	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Xuân, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Vi		
		Tình hình mắc hội chứng tiêu chảy ở heo con theo mẹ tại trại Mộng Linh, Cư Jut, Đắk Nông	Y Khoa Niê Siêng	Ths. Nguyễn Văn Thái	
		Khả năng sinh sản và hội chứng MMA trên đàn heo nái (Landrace x Yorkshire) nuôi tại trại Trần Văn Đăng, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Đức Cường	Ths. Nguyễn Đức Điện	
		Ngành Chăn nuôi			
		Tình hình phát triển chăn nuôi tại phường Khánh Xuân , thành phố Buôn Ma Thuột	Hoàng Nguyễn Thúy Linh	PGS.TS. Trần Quang Hân	
		Tình hình chăn nuôi và một số bệnh thường gặp trên gà đẻ nuôi tại thôn 2, xã EaKao, thành phố BMT, Đắk Lắk	Nguyễn Lý Thảo Ly	Ths. Trần Thị Thanh Vân	
		Tình hình chăn nuôi heo thịt và cách phòng bệnh dịch tả ở heo tại trại Hoàng Phát, xã Hoà Sơn, huyện Krong Bông	Võ Hoài Nhân	PGS. TS. Nguyễn Văn Diên	
		Tình hình chăn nuôi và một số bệnh thường gặp trên lợn nái sinh sản tại trại Ngọc Giáo, huyện Cư Mgar, Đắk Lắk	Nguyễn Thị Nhung	PGS. TS. Nguyễn Văn Diên	
		Tình hình chăn nuôi và 1 số bệnh thường gặp trên đàn heo nuôi tại trại Heo Bảo An huyện Ea H'leo tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Nhung	Ths. Nguyễn Văn Trọng	
		Tình hình chăn nuôi và công tác vệ sinh thú y tại trại heo Hoàng Phát huyện Krông Bông tỉnh Đắk Lắk.	Lưu Thanh Tuấn	Ths. Nguyễn Văn Trọng	
		Khả năng sinh trưởng của gà mía thuần và gà F1 (Nòi x Lương Phượng) trại gà Thế Quang, TP.BMT, tỉnh Đắk Lắk	Phan Minh Tú	PGS.TS. Trần Quang Hạnh	
		Tình hình nhiễm giun móc do họ <i>Ancylostomatidae</i> trên chó tại Trạm xá Thú y Đại học Tây Nguyên	Nguyễn Thị Hương	Ths. Lương Huỳnh Việt Thắng	
		Tình hình chăn nuôi heo rừng tại thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Sừu	TS. Nguyễn Ngọc Đình	

8. Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Bất đẳng thức Gronwall và dạng mở rộng cho hàm khoảng	Đỗ Thành Đạo	TS. Trần Thanh Tùng	
2	Thạc sĩ	Phân loại các hàm tựa thuần nhất	Hoàng Bá Đạt	TS. Ngô Đình Quốc	
3	Thạc sĩ	Bất đẳng thức kiểu Hermite-Hadamard cho tích của hai hàm số	Nguyễn Đức Tình	TS. Phạm Hữu Khánh	
4	Thạc sĩ	Chặn sai số của hàm D-gap suy rộng cho bài toán bất đẳng thức biến phân không trơn và không đơn điệu	Lê Bá Thông	TS. Nguyễn Văn Bồng	
5	Thạc sĩ	Về một số định lý điểm bất động của ánh xạ trong đại số Frechet và ứng dụng	Nguyễn Thị Dung	PGS.TS. Kiều Phương Chi	
6	Thạc sĩ	Tính chất xấp xỉ bị chặn đối với hàm chỉnh hình loại liên tục đều yếu	Đặng Thị Tuyết Hồng	PGS. TS. Thái Thuần Quang	
7	Thạc sĩ	Tính chất xấp xỉ bị chặn đối với hàm chỉnh hình bị chặn và loại bị chặn	Trần Quỳnh Mai	PGS. TS. Thái Thuần Quang	
8	Thạc sĩ	Tuyến tính hóa các hàm chỉnh hình có trọng trên không gian Banach và áp dụng	Văn Thị Bích Thủy	PGS. TS. Thái Thuần Quang	
9	Thạc sĩ	Phép biến đổi tích phân Hankel trên nửa trục và trên đoạn hữu hạn	Nguyễn Phi Thanh Phong	TS. Phan Đức Tuấn	
10	Thạc sĩ	Một số ứng dụng của phép biến đổi Z	Phạm Đình Anh	TS. Phan Đức Tuấn	
11	Thạc sĩ	Định lý Adam-Straus và tập xác định duy nhất có bội bị chặn của hàm phân hình trên trường không Acsimet	Nguyễn Ngọc Sang	TS. Nguyễn Trọng Hòa	
12	Thạc sĩ	Một số vấn đề về đa thức duy nhất cho hàm phân hình trên trường không Acsimet	Nguyễn Mạnh Hùng	TS. Nguyễn Trọng Hòa	
13	Thạc sĩ	Một số tính chất của cặp tập mức của các hàm bậc hai nhiều biến	Hoàng Thanh Ngọc	TS. Nguyễn Hữu Quang	
14	Thạc sĩ	Bổ đề S với phương trình và ứng dụng trong lý thuyết tối ưu	Nguyễn Xuân Quân	TS. Nguyễn Hữu Quang	
15	Thạc sĩ	Tập hút lùi đối với hệ phương trình Camassa-Holm có nhót trong không gian ba chiều	Nguyễn Tiến Mạnh	TS. Đặng Thanh Sơn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
16	Thạc sĩ	Tập hút toàn cục đối với hệ phương trình Navier-Stokes-Voigt trong không gian ba chiều	Trần Trung Hiếu	TS. Đặng Thanh Sơn	
17	Thạc sĩ	Dưới gradient và dưới vi phân hàm lồi	Nguyễn Hoài Phương	TS. Nguyễn Duy Bình,	
18	Thạc sĩ	Một số tính chất của hàm (M,N) - lồi	Đinh Thị Lan	TS. Nguyễn Duy Bình,	
19	Thạc sĩ	Tiệm cận thể tích và số điểm nguyên của các tập nửa đại số	Phạm Quốc Việt	TS. Trần Gia Lộc	
20	Thạc sĩ	Một số tính chất của hàm Gamma suy rộng và ứng dụng	Hoàng Nguyễn Minh Tuấn	TS. Trần Gia Lộc	
21	Thạc sĩ	Một số tính chất của đạo hàm các 1 – dạng vi phân trên đa tạp và ứng dụng	Trần Hồng Dân	PGS.TS. Nguyễn Hữu Quang	
22	Thạc sĩ	Phân loại các điểm kì dị của hàm chỉnh hình nhiều biến	Bùi Thị Ngọc Anh	TS. Ngô Đình Quốc	
23	Thạc sĩ	Kỳ dị của mầm hàm nửa tựa thuần nhất	Lê Thị Thanh	TS. Ngô Đình Quốc	
24	Thạc sĩ	Trung bình số học và một số ứng dụng trong giải tích	Phạm Văn Quý	TS. Trần Thanh Tùng	
25	Thạc sĩ	Bất đẳng thức Minkowski và dạng mở rộng cho hàm khoảng	Đoàn Minh Thuận	TS. Trần Thanh Tùng	
26	Thạc sĩ	Bất đẳng thức Hadamard cho hàm 2 biến s-lồi theo tọa độ.	Phan Thị Thu Hương	TS. Phạm Hữu Khánh	
27	Thạc sĩ	Về bất đẳng thức kiểu Hermite-Hadamard cho hàm s-lồi theo nghĩa Breckner.	Nguyễn Thị Thu Thủy	TS. Phạm Hữu Khánh	
28	Thạc sĩ	Xấp xỉ ngoài của hợp hữu hạn các hình elip	Nguyễn Đức Tính	TS. Nguyễn Văn Bồng	
29	Thạc sĩ	Xấp xỉ trong của giao hữu hạn các hình elip	Nguyễn Huy Đạt	TS. Nguyễn Văn Bồng	
30	Thạc sĩ	Điểm bất động và điểm bất động chung của các ánh xạ (ψ, ϕ) -co yếu suy rộng trong không gian mêtric	Hà Văn Thời	PGS.TS. Trần Văn Ân	
31	Thạc sĩ	Không gian M -mêtric và tính chất điểm bất động	Trương Bá Tĩnh	PGS.TS. Trần Văn Ân,	
32	Thạc sĩ	Điểm bất động của ánh xạ F -co suy rộng trong không gian mêtric	Đỗ Quang Hưng	PGS.TS. Trần Văn Ân,	
33	Thạc sĩ	Một số tính chất của liên thông tuyến tính trên đại số	Hoàng Văn Lưu	PGS.TS. Nguyễn Hữu Quang	
34	Thạc sĩ	Một số tính chất của đạo hàm trên đại số thực và ứng dụng	Trình Văn Hòa	PGS.TS. Nguyễn Hữu Quang	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
35	Thạc sĩ	Về đạo hàm hiệp biến và đạo hàm liên kết trên R^n	Nguyễn Văn Quốc	PGS.TS. Nguyễn Hữu Quang	
36	Thạc sĩ	Một số bất đẳng thức trên phổ của phép biến đổi tuyến tính đối xứng	Nguyễn Việt Thanh	PGS.TS. Nguyễn Huỳnh Phán	
37	Thạc sĩ	Phân loại nghiệm kỳ dị của phương trình vi phân tuyến tính	Lê văn Coóng	PGS.TS. Nguyễn Huỳnh Phán	
38	Thạc sĩ	Biến dạng và biến dạng phổ dụng của hệ tuyến tính phức và thực	Ngô Văn Công	PGS.TS. Nguyễn Huỳnh Phán	
39	Thạc sĩ	Nội suy đa thức đối xứng và ứng dụng	Bùi Quang Bốn	TS. Đặng Tuấn Hiệp	
40	Thạc sĩ	Lý thuyết nội suy và một số đồng nhất thức	Bùi Xuân Hai	TS. Đặng Tuấn Hiệp	
41	Thạc sĩ	Bao lồi đa thức của hợp một số tập lồi đặc biệt trong C^n	Trần Trung Chiến	PGS.TS. Kiều Phương Ch	
42	Thạc sĩ	Tập lồi đa thức thuần nhất trong C^n	Lê Anh Đông	PGS.TS. Kiều Phương Chi	
43	Đại học	Định lý thay đổi cơ sở phẳng của môđun đối đồng điều địa phương	Nguyễn Vũ Nguyên Hồng	TS. Phạm Hữu Khánh	
44	Đại học	Một số tính chất của ma trận nửa xác định dương	Cao Thị Kim Ngân	ThS. Nguyễn Thị Ngân	
45	Đại học	Một số tính chất của ma trận xác định dương	Trần Thị My	ThS. Nguyễn Thị Ngân	
46	Đại học	Về k -dạng trên $\mathbb{R}^n$	Ngô Thị Hương Quỳnh	ThS. Đinh Thị Xinh	
47	Đại học	Về đạo hàm Lie của 1-dạng trên $\mathbb{R}^n$	Phạm Hoàng Đăng	ThS. Đinh Thị Xinh	
48	Đại học	Về đại số đa tuyến tính	Phan Hồ Hồng Nguyệt	TS. Ngô Đình Quốc	
49	Đại học	Sự hội tụ theo xác suất của dãy biến ngẫu nhiên	Bùi Thị Bích Phượng	ThS. Từ Thị Việt Hà	
50	Đại học	Tính ổn định nghiệm của phương trình vi phân	Nguyễn Thị Tuyết Trâm	ThS. Mai Quốc Vũ	
51	Đại học	Lý thuyết bậc tô pô và một số ứng dụng	Hoàng Thị Hằng	ThS. Mai Quốc Vũ	
52	Đại học	Rèn luyện các đặc trưng của tư duy logic thông qua dạy phân lượng giác đại số 10	Cao Thị Tuyết Hường	CN. Nguyễn Thị Phương Đông	
53	Đại học	Bất đẳng thức Hermite-hadamard và dạng mở rộng cho hàm khoảng h-lồi	Nguyễn Thị Yên	TS. Trần Thanh Tùng	
54	Đại học	Bất đẳng thức Jensen và dạng mở rộng cho hàm khoảng	Phan Thị Ngọc Anh	TS. Trần Thanh Tùng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
55	Đại học	Bất đẳng thức Beckenbach và dạng mở rộng cho hàm khoảng	Lê Thị Thu Hằng	TS. Trần Thanh Tùng	
56	Đại học	Một số định lý về hàm thực khả vi và ứng dụng	Phạm Thị Tố Như	TS. Trần Thanh Tùng	
57	Đại học	Phương trình sai phân và một số ứng dụng trong toán sơ cấp	Đặng Thị Thùy Dương	CN. Đoàn Thị Thúy Vân	
58	Đại học	Rèn luyện kỹ năng giải toán về ba đường conic cho học sinh lớp 10 trung học phổ thông	Nguyễn Hồ Cao Nguyên	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	
59	Đại học	Phương pháp Newton suy rộng giải bài toán <u>tối</u> ưu không ràng buộc	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	TS. Nguyễn Văn Bồng	
60	Đại học	Phương pháp Newton giải bài toán tối ưu không ràng buộc	Nguyễn Cao Hải	TS. Nguyễn Văn Bồng	
61	Đại học	Đồng nhất thức Abel và ứng dụng	Phạm Thị Phương Thảo	ThS. Dương Quốc Huy	
62	Đại học	Đồng nhất thức Montgomery và ứng dụng vào bất đẳng thức Popoviciu	Nguyễn Thị Trang	ThS. Dương Quốc Huy	
63	Đại học	Đồng nhất thức Montgomery và ứng dụng vào bất đẳng thức Ostrowski	Ngô Thị Tư Tư	ThS. Dương Quốc Huy	
64	Đại học	Khối lượng lepton mang điện trong mô hình chuẩn với nhóm $\lambda(54)$	Vũ Tiên Thọ	PGS.TS. Võ Văn Viên	
65	Đại học	Khối lượng neutrino trong mô hình chuẩn với nhóm $\lambda(54)$	Cao Thị Minh Thư	PGS.TS. Võ Văn Viên	
66	Đại học	Khối lượng neutrino trong mô hình chuẩn với nhóm $\Sigma(18)$	Đặng Thị Vân	PGS.TS. Võ Văn Viên	
67	Đại học	Khối lượng lepton mang điện trong mô hình chuẩn với nhóm $\Sigma(18)$	Đinh Thị Huyền	PGS.TS. Võ Văn Viên	
68	Đại học	Khối lượng lepton mang điện trong mô hình chuẩn với nhóm $\Sigma(81)$	Trương Thị Hải Yến	PGS.TS. Võ Văn Viên	
69	Đại học	Vận dụng quy trình 6E để tổ chức dạy học chủ đề STEM "Máy phát điện gió"	Nguyễn Thị Thúy Hằng	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	
70	Đại học	Vận dụng quy trình 6E để tổ chức dạy học một số kiến thức chương "Các định luật bảo toàn"	Bùi Thị Kim Oanh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
71	Đại học	Chế tạo bộ thí nghiệm và xây dựng bài thực hành “Khảo sát hiện tượng căng bề mặt của chất lỏng”	Trương Thị Ý Nhi	ThS. Nguyễn Thị Hiền	
72	Đại học	Thiết kế Ebook các bài thực hành Cơ học	H'Rũ Niê	ThS. Nguyễn Thị Hiền	
73	Đại học	Tăng cường tính quang xúc tác TiO ₂ trong vùng ánh sáng khả kiến bằng cách sử dụng cấu trúc dị thể với MoS ₂	Y Thơ	ThS. Phùng Nguyễn Thái Hằng	
74	Đại học	Tăng cường tính quang xúc tác TiO ₂ trong vùng ánh sáng khả kiến bằng cách kết hợp đồng thời đồng pha tạp V, N và sử dụng cấu trúc dị thể với MoS ₂	H'Banh Êung	ThS. Phùng Nguyễn Thái Hằng	
75	Đại học	Thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo chủ đề "Ứng dụng dòng điện không đổi" - Vật lí 11	Ksor Y Thiện	ThS. Phùng Thị Tố Loan	
76	Đại học	Thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo chủ đề "Chế tạo tên lửa nước" - Vật lí 10	Trần Thanh Công Minh	ThS. Phùng Thị Tố Loan	
77	Đại học	Thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo chủ đề "Chế tạo máy dò kim loại mini" - Vật lí 10	Trần Thị Mỹ Hậu	ThS. Phùng Thị Tố Loan	
78	Đại học	Khảo sát đặc điểm của sự bùng phát tia Gamma ngoài vũ trụ	Trần Phước Vĩnh	ThS. Lê Minh Tân	
79	Đại học	Tìm hiểu phương pháp trắc quang và ứng dụng xác định các đặc điểm của cụm sao	Nguyễn Thị Ngọc Mai	ThS. Lê Minh Tân	
80	Đại học	Tìm hiểu các phương pháp phát hiện ngoại hành tinh và vận dụng khảo sát nhóm K2	Chu Thị Diệu Quỳnh	ThS. Lê Minh Tân	
81	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hoá học hợp chất chính từ phân đoạn con thứ nhất của cao ethyl acetate thân gỗ cây Gáo nước (<i>Mitragyna Rotundifolia</i> (Roxb.) Kuntze) ở vườn quốc gia Yok Đôn.	Nguyễn Trần Trường An	TS Lê Văn Cơ	
82	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hoá học hợp chất chính từ phân đoạn con thứ nhất của cao chloroform thân gỗ cây Gáo nước (<i>Mitragyna Rotundifolia</i> (Roxb.) Kuntze) ở vườn quốc gia Yok Đôn.	Bùi Lương Đông Anh	TS Lê Văn Cơ	
83	Đại học	Nghiên cứu năng lượng phân ly liên kết N-H trong các dẫn xuất Anilines bằng phương pháp hóa tính toán.	Lê Thị Anh	TS Phan Tứ Quý	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
84	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học cao nước của thân gỗ cây Sưa đỏ (<i>Dalbergia tonkinensis</i>) ở thành phố Buôn Ma Thuột.	Nguyễn Tuấn Anh	ThS Ngũ Trường Nhân	
85	Đại học	Nghiên cứu lý thuyết quá trình hấp phụ Asen trên than hoạt tính bằng phương pháp phiếm hàm mật độ.	Phạm Thị Thanh Bình	ThS Phạm Thị Bé	
86	Đại học	Thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề tích hợp "Nước - phần thiết yếu của cuộc sống" cho học sinh THPT theo định hướng giáo dục STEM.	Phan Trung Chính	ThS Đinh Thị Xuân Thảo	
87	Đại học	Thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề tích hợp "Sự điện phân và ứng dụng" cho học sinh THPT theo định hướng giáo dục STEM.	Ngô Thị Mỹ Duyên	ThS Đinh Thị Xuân Thảo	
88	Đại học	Nghiên cứu lý thuyết quá trình hấp phụ Chì (II) trên than hoạt tính bằng phương pháp phiếm hàm mật độ.	Phạm Minh Đức	ThS Phạm Thị Bé	
89	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hoá học hợp chất chính từ phân đoạn con thứ hai của cao chloroform thân gỗ cây Gáo nước (<i>Mitragyna Rotundifolia</i> (Roxb.) Kuntze) ở vườn quốc gia Yok Đôn.	Dương Thị Thu Hà	TS Lê Văn Cơ	
90	Đại học	Nghiên cứu năng lượng phân ly liên kết N-H trong các hợp chất dị vòng bằng phương pháp hóa tính toán.	Tô Đông Hạ	TS Phan Tứ Quý	
91	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của các phân đoạn 2 và 3 cao chiết chloroform của thân gỗ cây Sưa đỏ (<i>Dalbergia tonkinensis</i>) ở thành phố Buôn Ma Thuột.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	PGS TS Nguyễn Mạnh Cường	
92	Đại học	Phân tích xác định hàm lượng kẽm bằng phương pháp trắc quang trong hạt bí, hạt vừng, hạt đậu phộng.	Vũ Thị Thanh Hằng	ThS Hoàng Thị Thu	
93	Đại học	Nghiên cứu xác định hàm lượng Cadmium bằng phương pháp trắc quang trong lá chè xanh trồng tại địa bàn tỉnh Đak Lak.	Đinh Thị Mỹ Huyền	ThS Hoàng Thị Thu	
94	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hoá học hợp chất chính từ phân đoạn con thứ hai của cao ethyl acetate thân gỗ cây Gáo nước (<i>Mitragyna Rotundifolia</i> (Roxb.) Kuntze) ở vườn quốc gia Yok Đôn.	Lê Thanh Huyền	TS Lê Văn Cơ	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
95	Đại học	Thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề tích hợp "Khẩu phần ăn hợp lý" cho học sinh THPT theo định hướng giáo dục STEM.	Phạm Thị Lê	ThS Đinh Thị Xuân Thảo	
96	Đại học	Nghiên cứu năng lượng phân ly liên kết S-H trong các hợp chất Thiol bằng phương pháp hóa tính toán.	Nguyễn Thị Phương Linh	TS Phan Tứ Quý	
97	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của các phân đoạn 2 và 3 cao chiết Ethyl acetate của thân gỗ cây Sưa đỏ (<i>Dalbergia tonkinensis</i>) ở thành phố Buôn Ma Thuột.	Nguyễn Dương Mỹ Phương	ThS Ngũ Trường Nhân	
98	Đại học	Phát triển năng lực thực nghiệm hóa học cho học sinh trong dạy học phần phi kim Hóa học lớp 10.	Trần Thị Ngọc Quyên	ThS Đặng Thị Thùy My	
99	Đại học	Nghiên cứu lý thuyết quá trình hấp phụ ion Cyanua (CN-) trên than hoạt tính bằng phương pháp phiếm hàm mật độ.	Nguyễn Thị Sơn	ThS Phạm Thị Bé	
100	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của các phân đoạn 5 và 6 cao chiết chloroform của thân gỗ cây Sưa đỏ (<i>Dalbergia tonkinensis</i>) ở thành phố Buôn Ma Thuột.	Nguyễn Thị Như Thảo	ThS Ngũ Trường Nhân	
101	Đại học	Nghiên cứu xác định đồng bằng phương pháp trắc quang trong rau cải xanh được trồng tại địa bàn tp. Buôn Ma Thuột.	Tăng Thị Thu Thảo	ThS Hoàng Thị Thu	
102	Đại học	Thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề tích hợp "Hóa học trong đời sống" cho học sinh THPT theo định hướng giáo dục STEM.	Phạm Tuyên	ThS Đinh Thị Xuân Thảo	
103	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hoá học hợp chất chính từ phân đoạn con thứ ba của cao ethyl acetate thân gỗ cây Gáo nước (<i>Mitragyna Rotundifolia</i> (Roxb.) Kuntze) ở vườn quốc gia Yok Đôn.	Phạm Bùi Phương Uyên	TS Lê Văn Cơ	
104	Đại học	Nghiên cứu năng lượng phân ly liên kết C-H trong các hợp chất Hydrocarbon thơm bằng phương pháp hóa tính toán.	Nguyễn Việt Xuân	TS Phan Tứ Quý	
105	Đại học	Nghiên cứu năng lượng phân ly liên kết O-H trong các dẫn xuất Hydroxylamine bằng phương pháp hóa tính toán.	Trịnh Thị Thanh Xuân	TS Phan Tứ Quý	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
106	Đại học	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của các phân đoạn 5 và 6 cao chiết ethyl acetate của thân gỗ cây Sưa đỏ (<i>Dalbergia tonkinensis</i>) ở thành phố Buôn Ma Thuột.	Đinh Thị Hải Yến	PGS TS Nguyễn Mạnh Cường	
107	Đại học	Đa dạng thành phần loài nấm lớn hoại sinh trên đất tại phường 3 thành phố Đà Lạt	Hoàng Thị Thảo Nhi	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	
108	Đại học	Nghiên cứu các loài nấm ăn dưới tán rừng thông tại vườn quốc gia Chư Yang Sin, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Y Thiều	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	
109	Đại học	Đa dạng thành phần loài nấm lớn hoại sinh trên đất ở khu sinh thái núi Langbiang, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Lưu Thị Diễm Thừa	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	
110	Đại học	Đa dạng thành phần loài nấm hoại sinh trên đất tại khu vực Cầu Đất, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt	Nguyễn Thị Thúy Vi	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	
111	Đại học	Điều tra thành phần loài chi nấm <i>Ramaria holmsk</i> (1970) tại vườn quốc gia Chư Yang Sin, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.	Quảng Thị Kim Tuyền	PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	
112	Đại học	Điều tra thành phần loài chi nấm <i>Russula</i> pers. 1796 tại khu du lịch Langbiang, tỉnh Lâm Đồng	H'Wel H Đok	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	
113	Đại học	Nghiên cứu thành phần loài họ nấm <i>Boletaceae</i> Chevall. 1826 ở các tiểu khu 1352, 1350, 1359 tại VQG Chư Yang Sin, tỉnh Đắk Lắk.	H Ha Buôn Krông	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	
114	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và sinh học của thảo lẩn bóng đốm <i>Eutropis macularius</i> (Blyth, 1853) tại vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hương	ThS. Trương Bá Phong	
115	Đại học	Nghiên cứu mật độ, vi môi trường sống và biến động số lượng của loài <i>Eutropis multifasciaius</i> (Kulh, 1820) ở Huyện Krông Pắc.	Trần Nhật Kim Chi	ThS. Bùi Thị Quỳnh Hoa	
116	Đại học	Nghiên cứu mật độ, biến động số lượng và xác suất phát hiện loài Nhông cát Rivo <i>Leirolepis reevesii</i> (Gray, 1831) ở vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Thị Công	ThS. Trương Bá Phong	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
117	Đại học	Nghiên cứu mật độ, vi môi trường sống và biến động số lượng Nhông xám <i>Calotes bachae</i> Hartmann, Geissler, Ihlow, Galoyan, Rodder & Bohme, 2013 ở Huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS.Trương Bá Phong	
118	Đại học	Điều tra thành phần loài của họ Đậu (Fabaceae) tại các tiểu khu 287, 437, 470, 502, 507 của Vườn quốc gia Yok Đôn.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Thị Thu	
119	Đại học	Điều tra thành phần loài của họ Cúc (Asteraceae) tại các tiểu khu 287, 437, 470, 502, 507 của Vườn quốc gia Yok Đôn	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ThS. Nguyễn Thị Thu	
120	Đại học	Điều tra thành phần loài của họ Gừng (Zingiberaceae) tại các tiểu khu 287, 437, 470, 502, 507 của Vườn quốc gia Yok Đôn.	Quang Bảo Trang	ThS. Nguyễn Thị Thu	
121	Đại học	Điều tra thành phần loài địa y tại tiểu khu 1351, 1359 của Vườn quốc gia Chư Yang Sin	H'Sa Ly Niê	ThS. Nguyễn Thị Thủy	
122	Đại học	Nghiên cứu nuôi trồng nấm Linh chi (<i>Ganoderma lucidum</i>) trên gỗ cây Keo lai (<i>Acacia hybrid</i>) tại Buôn Ma Thuột	Nguyễn Hữu Hiếu	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng	
123	Đại học	Nghiên cứu một số cơ chế kháng nấm <i>Phytophthora</i> của vi khuẩn vùng rễ cây hồ tiêu	Đinh Thị Thu Hà	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
124	Đại học	Tìm hiểu nodejs, mongodb, angular và ứng dụng xây dựng website bán hàng	Phạm Quốc Cường	Ths. Nguyễn Thị Như	
125	Đại học	Xây dựng ứng dụng gửi và nhận tin nhắn trực tuyến cho cá nhân và cho nhóm	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Ths. Trương Thị Hương Giang	
126	Đại học	Đánh giá hiệu năng giao thức aodv và dsdv trong mạng manet	Bùi Trọng Vinh Quang	Ths. Nguyễn Quốc Cường	
127	Đại học	Nội thất trực tuyến với công nghệ augmented reality	Phạm Xuân Thắng	Ths. Vũ Anh Tuấn	
128	Đại học	Sử dụng api để đồng bộ hóa sản phẩm, hóa đơn lazada với website bán hàng	Đinh Thị Thu Trang	Ths. Nguyễn Thị Như	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
129	Đại học	Ảnh hưởng của enzyme chitinase và protease của vi khuẩn nội sinh <i>Bacillus megaterium</i> ĐS9 đến khả năng kháng tuyến trùng	Nguyễn Văn Hải	TS. Trần Thị Phương Hạnh	
130	Đại học	Tuyển chọn một số dòng cây chân danh (<i>Eumymus laxylorus</i> champ) có hoạt tính kháng oxy hóa, kháng α – glucosidase tiềm năng tại Đắk Lắk	Nguyễn Thị Hạnh	PGS. TS. Nguyễn Anh Dũng	
131	Đại học	Ảnh hưởng của vi khuẩn nội sinh phân lập tại Gia Lai	Bạch Thị Mỹ Huyền	TS. Trần Thị Phương Hạnh	
132	Đại học	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa và một số hoạt tính miễn dịch của nấm hương (<i>Lentinula endodes</i>)	Phan Thu Mỹ	TS. Nguyễn Thị Thanh	
133	Đại học	Tuyển chọn một số chủng vi khuẩn lam từ đất nông nghiệp có khả năng sinh polysaccharide ngoại bào	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	ThS. Nguyễn Minh Trung	
134	Đại học	Ảnh hưởng của enzyme chitinase và protease của vi khuẩn nội sinh <i>Bacillus theringiensis</i> ĐS8 đến khả năng kháng tuyến trùng	Lê Thị Kim Ngọc	TS. Trần Thị Phương Hạnh	
135	Đại học	Nghiên cứu một số cơ chế kháng tuyến trùng của vi khuẩn vùng rễ cây hồ tiêu	Lê Khánh Linh	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
136	Đại học	Nghiên cứu khả năng hấp phụ màu Congo red từ vỏ sầu riêng đã qua xử lý	Nguyễn Thị Kim Bình	ThS. Đặng Thị Thanh Hà	
137	Đại học	Phân tích hàm lượng nitrat trong một số loại rau tại phường Khánh Xuân - Tp Buôn Ma Thuột và đánh giá rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe con người	Lê Văn Cường	ThS. Phan Thị Thục Uyên	
138	Đại học	Xử lý nước thải nhà máy giấy Nam Tiến- Bình Dương ở quy mô phòng thí nghiệm và lựa chọn phương án tối ưu	Giang Thế Dương	ThS. Trần Thị Minh Hà	
139	Đại học	Đánh giá hàm lượng kim loại nặng trong đất trồng rau tại một số khu vực trong Tp Buôn Ma Thuột	Bùi Thị Hiền	ThS. Đoàn Thụy Thúy Huỳnh	
140	Đại học	Nghiên cứu khả năng hấp phụ amoni, chlorine của than hoạt tính làm từ vỏ cà phê	Ngô Tuấn Kiệt	CN. Lê Thị Thúy Loan	
141	Đại học	Chế tạo vật liệu hấp phụ từ vỏ sầu riêng để xử lý đồng (Cu ²⁺) trong nước	Lê Thị Ngát	ThS. Đặng Thị Thanh Hà	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
142	Đại học	Đánh giá phát thải khí metan từ bãi chôn lấp chất thải rắn tại Thành Phố Buôn Ma Thuột	Lê Thị Thanh Trâm	ThS. Phan Thị Thục Uyên	
143	Đại học	Nghiên cứu khả năng tái sử dụng nước thải của khu công nghiệp Tam Thăng bằng mô hình màng siêu lọc (uf) và màng thẩm thấu ngược(ro).	Huỳnh Quốc Phúc	ThS. Cao Minh Ngọc	
144	Đại học	Chế tạo vật liệu hấp phụ biến tính trên nền than hoạt tính và thử nghiệm xử lý ô nhiễm nước ngầm	Trần Thị Ngân Hà	ThS. Trần Thị Minh Hà	
145	Đại học	Nghiên cứu khả năng hấp phụ màu Congo red của than hoạt tính chế tạo từ vỏ sầu riêng.	Đinh Văn Hiếu	ThS. Đặng Thị Thanh Hà	
146	Đại học	Ứng dụng công nghệ SBR dòng vào liên tục ICEAS (Intermittent cycle extended aeration system) để thử nghiệm xử lý nước thải rỉ rác	Phạm Thị Lý	ThS. Trần Thị Minh Hà	
147	Đại học	Nghiên cứu khả năng xử lý ô nhiễm kim loại nặng bằng thực vật cỏ voi, cỏ màn trâu, dương xỉ	Lê Thị Thu Uyên	ThS. Bùi Xuân Hậu	
148	Đại học	Khảo sát tình trạng sử dụng phân bón hóa học trên đất trồng cây hồ tiêu tại xã Dray Bông huyện Cư Kuin	Lê Thị Xuân	CN. Lê Thị Thúy Loan	
149	Đại học	Nguyên lý Dirichlet và ứng dụng giải một số dạng toán sơ cấp	Nguyễn Thị Thu Hà	ThS. Nguyễn Thị Ngân	
150	Đại học	Một số phương pháp giải bài toán xác định đa thức	Nguyễn Thái Thảo Uyên	ThS. Nguyễn Thị Ngân	
151	Đại học	Một số dạng toán về số nguyên tố	Đào Thị Tú Trinh	ThS. Nguyễn Thị Ngân	
152	Đại học	Ứng dụng của hàm đa thức một biến giải một số bài toán thực tiễn	Bùi Thị Trang	ThS. Đinh Thị Xinh	
153	Đại học	Các dạng toán về hàm mũ, hàm logarit và ứng dụng	Ngô Thị Ngọc	ThS. Từ Thị Việt Hà	
154	Đại học	Mối quan hệ giữa bất đẳng thức biến phân và một số bài toán khác	Mai Quỳnh Anh	ThS. Mai Quốc Vũ	
155	Đại học	Rèn luyện thao tác phân tích khi dạy phần quan hệ vuông góc hình học 11	Ngô Thị Mỹ Duyên	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	
156	Đại học	Rèn luyện thao tác tương tự khi dạy phần vectơ trong không gian hình học lớp 11	La Thị Hà Loan	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
157	Đại học	Biến ngẫu nhiên rời rạc và ứng dụng	Lâm Thị Mỹ Trúc	TS. Trần Thanh Tùng	
158	Đại học	Vận dụng kiến thức toán học trong việc giải quyết một số vấn đề về lãi suất và lạm phát	Trịnh Thị Mai Liên	TS. Trần Thanh Tùng	
159	Đại học	Xấp xỉ đa thức và ứng dụng	Hoàng Bảo	ThS. Dương Quốc Huy	
160	Đại học	Xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan các chương 1 - 4 học phần Vật lý chất rắn	Mai Thị Hương	ThS. Trần Quốc Lâm	
161	Đại học	Xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan các chương 5 - 9 học phần Vật lý chất rắn	Nguyễn Thị Huyền	ThS. Trần Quốc Lâm	
162	Đại học	Xây dựng code cho các chế độ tưới nước của mạch dùng vi điều khiển họ 8051	Nguyễn Xuân Huy	Th.S Nguyễn Văn Sĩ	
163	Đại học	Đánh giá hiệu năng giao thức định tuyến tora trong mạng manet	Trần Bảo Trung	Ths. Nguyễn Quốc Cường	
164	Đại học	So sánh hiệu năng giữa hai hệ thống hàng đợi m/m/1 và m/d/1	La Thanh Trường	Ths. Nguyễn Đức Thắng	
165	Đại học	Tìm hiểu magento và ứng dụng xây dựng website bán laptop cũ	Phạm Hồng Vĩ	ThS. Nguyễn Thị Như	
166	Đại học	Xây dựng ứng dụng lập lịch làm việc cá nhân và lịch hẹn với bạn bè trên android	Ngô Quang Huy	Ths. Trương Thị Hương Giang	
167	Đại học	Xây dựng module mạng xã hội cho cá nhân trong mạng xã hội cuoituan.vn	Vì Ngọc Quý	Ths. Trương Thị Hương Giang	
168	Đại học	Xây dựng module gửi và nhận tin nhắn trực tuyến trên mạng xã hội cuoituan.vn	Lê Quang Thịnh	Ths. Trương Thị Hương Giang	
169	Đại học	Chương trình đánh phách bài thi môn tin học đại cương	Đoàn Đình Toàn	Ths. Nguyễn Văn Sỹ	
170	Đại học	Ứng dụng công nghệ mô phỏng trong giảng dạy và học tập học phần quản trị mạng	Trần Mạnh Trí	Ths. Nguyễn Đức Thắng	
171	Đại học	Tìm hiểu cơ sở dữ liệu mongo	Phạm Ngọc Tú	Ths. Phan Thị Đài Trang	
172	Đại học	Dùng bộ công cụ của violet và ispring kết hợp với power point để hỗ trợ giáo viên tạo bài giảng điện tử các môn học của học sinh lớp 4	Nguyễn Thị Thuý Ái	Ths. Nguyễn Văn Sỹ	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
173	Đại học	Thiết kế website đoàn thanh niên trường đại học tây nguyên	Nguyễn Phan Đình Phúc	Ths. Nguyễn Đức Thắng	
174	Đại học	Xây dựng ứng dụng quản lý sơ yếu lý lịch	Trần Đức Thuận	Ths. Vũ Anh Tuấn	
175	Đại học	Tìm hiểu scratch ứng dụng tạo trò chơi drift master	Trần Thiện Trí	Ths. Nguyễn Thị Như	
176	Đại học	Sử dụng thí nghiệm theo phương pháp kiểm chứng trong dạy học chương Nhóm Nitơ hóa học lớp 11 nâng cao	Hoàng Thị Thùy Dung	ThS. Đặng Thị Thùy My	
177	Đại học	Khai thác và sử dụng các mô phỏng trên website PhET trong dạy học hóa học ở trường trung học phổ thông	Nguyễn Trung Hiếu	Ths. Đinh Thị Xuân Thảo	
178	Đại học	Sử dụng thí nghiệm theo phương pháp kiểm chứng trong dạy học chương Dẫn xuất halogen – Ancol – Phenol hóa học lớp 11 nâng cao	Lý Thị Hồng Linh	Ths. Đặng Thị Thùy My	
179	Đại học	Tìm hiểu về đồng phân quang học và chất quang hoạt trong hóa học hữu cơ	Lê Viết Long	Ts. Lê Văn Cơ	
180	Đại học	Một số phương pháp xác định cấu hình tuyệt đối các hợp chất flavanoid	Tái Văn Mỹ	Ths. Ngũ Trường Nhân	
181	Đại học	Tìm hiểu về đồng phân hình học và sự khác nhau về tính chất của các đồng phân hình học	Nguyễn Ti Na	Ts. Lê Văn Cơ	
182	Đại học	Nghiên cứu khả năng thế nguyên tử Clo trong phân tử Hexaclobenzen bằng phương pháp phiếm hàm mật độ	Nguyễn Trường Tâm	Ths. Phạm Thị Bé	
183	Đại học	Xác định hàm lượng chì có trong loài hến tại hồ Ea Kao – Tp Buôn Ma Thuột bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	Phạm Ngô Thạch Thảo	Ths. Phạm Thị Huyền Thoa	
184	Đại học	Xác định hàm lượng chì trong đất trồng rau tại thành phố Buôn Ma Thuột	Nguyễn Thanh Thùy	Ths. Hoàng Thị Thu	
185	Đại học	Nghiên cứu khả năng ức chế ăn mòn của Amoxicillin bằng phương pháp hóa tính toán	Y – Det Tor	Ts. Phan Tứ Quý	
186	Đại học	Nghiên cứu lý thuyết phản ứng halogen hoá ankan bằng phương pháp phiếm hàm mật độ	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Ths. Phạm Thị Bé	
187	Đại học	Ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành phức daligant PAN- Pb- CH ₂ ClCOOH	Bùi Duy Anh	Ths. Hoàng Thị Thu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
188	Đại học	Nghiên cứu tách tinh dầu từ lá cây sả chanh	Triệu Thị Thiên Hòa	TS. Lê Văn Cơ	
189	Đại học	Tìm hiểu nguyên tắc thiết kế các sensor huỳnh quang theo cơ chế PET	Lê Thị Thanh Huệ	TS. Phan Tứ Quý	
190	Đại học	Nghiên cứu khả năng hấp phụ của methyl red trên than hoạt tính	Vũ Minh Đăng	ThS. Phạm Thị Bé	
191	Đại học	Điều tra thành phần loài nấm ăn dưới tán rừng thông tại Cầu Đất, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Triệu Thị Thắm	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	
192	Đại học	Nghiên cứu thành phần loài nấm thuộc chi <i>Ganoderma</i> tại khu bảo tồn thiên nhiên Chư Yang Sin thuộc huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	A Uyết	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	
193	Đại học	Nghiên cứu mật độ và vi môi trường sống loài <i>Eutropis multifasciatus</i> (kuhl,1820) ở thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Trương Văn Thông	ThS.Trương Bá Phong	
194	Đại học	Nghiên cứu mật độ , vi môi trường sống loài nhông cát Rivo <i>Leiolepis reevesii</i> (Gray , 1831), huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	Đồng Hoàng Gia Long	ThS.Trương Bá Phong	
195	Đại học	Điều tra các loài cây thuốc thông dụng tại các tiểu khu 287,470,502 của vườn quốc gia Yokdon, Đăklăk	Chánh Thị Xuân Hòa	ThS. Nguyễn Thị Thu	
196	Đại học	Điều tra thành phần loài họ Bông (Malvaceae) tại tiểu khu 287, 470, 502 của vườn quốc gia Yok Đôn	A Pơ	ThS. Nguyễn Thị Thu	
197	Đại học	Điều tra thành phần loài Địa y tại tiểu khu 1350 và 1353 của Vườn quốc gia Chư Yang Sin	Rơ Ông K' Luyện	ThS. Nguyễn Thị Thủy	
198	Đại học	Sản xuất chế phẩm vi khuẩn vùng rễ <i>Bacillus subtilis</i> BH15 dạng bột	Lê Đức Tín	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
199	Đại học	Vi nhân giống lan Hoàng Thảo Kèn (<i>Dendrobium Citriflorum</i>)	Trần Thị Quỳnh Chi	TS. Trần Thị Phương Hạnh	
200	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của chitosan và điều kiện nuôi cấy lên sự sinh trưởng của lan rừng giả hạc Đắc Gle (<i>D. Anosmum lindl</i>) trong điều kiện <i>in vitro</i>	Dương Nguyễn Phương Dung	TS. Nguyễn Đình Sỹ	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
201	Đại học	Đánh giá hiệu quả của phân bón sinh học AMI – AMI đến mật độ vi sinh vật, tuyến trùng và sinh trưởng, năng suất cà phê tại huyện Krong Năng, Đắk Lắk	Y Sao Mlo	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng	
202	Đại học	Phân lập và tuyển chọn chủng vi khuẩn có hoạt tính kháng anpha-glucosidase tại huyện Krông Búk tỉnh Dak Lak.	Nguyễn Văn Hà	TS. Nguyễn Văn Bốn	
203	Đại học	Sản xuất chế phẩm vi khuẩn vùng rễ <i>Bacillus mojavensis</i> DS29 dạng lỏng	Nguyễn Thanh Nam	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
204	Đại học	Nghiên cứu điều kiện nuôi cấy nấm Trichoderma sp. trong môi trường lỏng	H' Yuôn Niê	ThS. Ngô Văn Anh	
205	Đại học	Tuyển chọn một số chủng vi khuẩn vùng rễ cây hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.) có khả năng kháng nấm <i>Phytophthora</i> .sp trong điều kiện vườn ươm	Hoàng Đại Phi Trường	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
206	Đại học	Ứng dụng bột đầu tôm trong sản xuất chế phẩm có hoạt tính kháng nấm <i>Fusarium</i> .sp và <i>Phytophthora</i> .sp	Nguyễn Thị Thúy An	TS. Nguyễn Văn Bốn	
207	Đại học	Nghiên cứu một số điều kiện thích hợp để nhân nuôi các chủng vi khuẩn nội sinh rễ cây hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.)	Trương Thị Hội	TS. Trần Thị Phương Hạnh	
208	Đại học	Tuyển chọn một số chủng vi khuẩn vùng rễ cây hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.) có khả năng kháng nấm <i>Fusarium</i> .sp trong điều kiện vườn ươm	Phạm Lê Thảo Ngọc	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
209	Đại học	Tuyển chọn xạ khuẩn vùng rễ cây hồ tiêu có khả năng kháng nấm <i>Fusarium</i> .sp và tuyến trùng trong điều kiện <i>in vitro</i>	Trần Thị Dung	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
210	Đại học	Ứng dụng bột vỏ tôm trong sản xuất chế phẩm có hoạt tính kháng nấm <i>Phytophthora</i> .sp	Trương Quốc Đạt	TS. Nguyễn Văn Bốn	
211	Đại học	Ảnh hưởng của vi khuẩn nội sinh phân lập tại Đắk Lắk	Trương Hoàng Ký	TS. Trần Thị Phương Hạnh	
212	Đại học	Tuyển chọn nấm vùng rễ cây hồ tiêu có khả năng kháng nấm <i>Fusarium</i> .sp và tuyến trùng trong điều kiện <i>in vitro</i>	H Yur Niê	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
213	Đại học	Sản xuất chế phẩm vi khuẩn nội sinh (...) rễ cây hồ tiêu có khả năng kháng tuyến trùng dạng lỏng	Nguyễn Thị Tường Vi	TS. Trần Thị Phương Hạnh	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
214	Đại học	Tuyển chọn một số chủng vi khuẩn lam có khả năng sinh IAA tại Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Nguyễn Thị Kim Yên	ThS. Nguyễn Minh Trung	
215	Đại học	Tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ cây hồ tiêu có khả năng kháng tuyến trùng tại Đắk Lắk	H' Sương Adong	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang	
216	Đại học	Khảo sát một số chỉ tiêu ô nhiễm của nước thải chăn nuôi heo tại trang trại thị xã Ayun Pa và đánh giá hiện trạng	Nguyễn Chí Thanh	ThS Đặng Thị Thanh Hà	
217	Đại học	Khảo sát hiệu quả xử lý photpho vô cơ ở quy mô phòng thí nghiệm bằng một số loại hoá chất	Đặng Thị Bích Hằng	ThS. Trần Thị Minh Hà	
218	Đại học	Khảo sát, đánh giá hiện trạng xử lý nước thải của xí nghiệp thoát nước Buôn Ma Thuột	Nguyễn Văn Thiều	ThS. Trần Thị Minh Hà	
219	Đại học	Khảo sát hiệu quả xử lý nước hồ trường ĐHTN bằng mô hình hấp phụ đa bậc với dòng chảy liên tục	Lê Thị Quyên Hạnh	ThS. Trần Thị Minh Hà	
220	Đại học	Phân tích đánh giá chất lượng nước hồ Tây huyện Đăk Mil thông qua chỉ số WQI	Nguyễn Thị Luyến	CN. Lê Thị Thúy Loan	
221	Đại học	So sánh, đánh giá hiệu quả xử lý của một số loại giá thể dùng trong xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học sinh trưởng dính bám	Lê Thị Kim Nhung	ThS. Trần Thị Minh Hà	
222	Đại học	Đánh giá tiềm năng năng lượng từ chất thải rắn tại TP Buôn Ma Thuột	Phạm Công Toàn	ThS. Phan Thị Thục Uyên	
223	Đại học	Khảo sát chất lượng nước ngầm tại phường Tự An, tp BMT	Trần Khánh Hoài	ThS. Đặng Thị Thanh Hà	
224	Đại học	Khảo sát 1 số chỉ tiêu có trong đất trồng rau ở quy mô hộ gia đình trên địa bàn xã Ea Tu tp Buôn Ma Thuột	Phạm Văn Phong	ThS. Đặng Thị Thanh Hà	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị đột quy Tây Nguyên	20/10/2018	Trường Đại học Tây Nguyên	300
2	Hội thảo Công bố một số kết quả nghiên cứu khoa học - Khoa Chăn nuôi Thú y	11/2018	Trường Đại học Tây Nguyên	25
3	Hội thảo Công bố một số kết quả nghiên cứu khoa học năm 2018 và định hướng năm 2019 - Khoa Kinh tế	14/12/2018	Trường Đại học Tây Nguyên	48
4	Hội thảo Công bố một số kết quả nghiên cứu khoa học năm 2018 và định hướng năm 2019 - Khoa Sư phạm	14/12/2018	Trường Đại học Tây Nguyên	67
5	Hội thảo Công bố một số kết quả nghiên cứu khoa học năm 2018 và định hướng năm 2019 - Viện Công nghệ sinh học và Môi trường	21/12/2018	Trường Đại học Tây Nguyên	15
6	Hội nghị Toán học Miền trung - Tây Nguyên lần thứ ba	02-04/8/2019	Trường Đại học Tây Nguyên	80

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
Đề tài/Dự án có yếu tố nước ngoài						
1	Dự án: “Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sản phẩm mô nhỏ ở Việt Nam và Indonesia”	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam - điều phối viên PGS.TS. Nguyễn Tấn Vui TS. Trương Tấn Khanh TS. Lê Đức Niêm TS. Nguyễn Thanh Trúc TS. Văn Tiên Dũng CN. Võ Thị Thu Nguyệt ThS. Nguyễn Văn Đạt ThS. Ao Xuân Hòa TS. Nguyễn Văn Minh ThS. Đỗ Thị Kiều An NCS. Nguyễn Bạch Mai KS. Lê Thụy Vân Nhi	Chính phủ Úc – thông qua ACIAR	12/2016 đến 12/2019	132,2 nghìn đôla Úc	Đang thực hiện - Tài liệu tập huấn để sử dụng trong khu vực; - Bản đồ các chuỗi giá trị sản phẩm bao gồm cả các tác nhân, các quy trình, và các luồng thông tin Các vùng địa lý đại diện cho sản xuất và các luồng thông tin của các chuỗi giá trị khác nhau Báo cáo về phân tích vai trò giới trong các chuỗi giá trị tại các điểm khác nhau của dự án. - Đánh giá những thay đổi trong kiến thức, thái độ, kỹ năng, nguyện vọng của

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
						nông dân và các tác nhân chuỗi giá trị. Đánh giá tác động của liên minh chia sẻ kiến thức và các cuộc đối thoại trong việc nâng cao nhận thức về vai trò của cây sắn phục vụ phát triển chính sách
2	Đề tài: “Nghiên cứu phương pháp sử dụng đa dữ liệu trong bảo tồn đa dạng sinh học tại tỉnh Đắk Nông, Tây Nguyên, Việt Nam”	PGS.TS. Trần Trung Dũng PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương- điều phối viên ThS. Nguyễn Đức Định TS. Văn Tiến Dũng TS. Nguyễn Thanh Trúc TS. Võ Hùng ThS. Hoàng Trọng Khánh ThS. Nguyễn Thị Tình ThS. Hồ Đình Bảo ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc ThS. Cao Thị Hoài	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ	12/2016 đến 12/2019	167.947 USD	Đang thực hiện - Ước lượng được các nhân tố sinh thái rừng như: đường kính, chiều cao, mật độ,... và xác định đa dạng thành phần loài thực vật thân gỗ, chỉ số đa dạng sinh học,... - Tổ chức lớp tập huấn liên quan đến sử dụng viễn thám trong giám sát và điều tra đa dạng sinh học
3	Dự án: “Tăng cường năng lực hệ thống Giáo dục Đại học Việt Nam nhằm hỗ trợ khả năng tìm kiếm việc làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp và kỹ năng khởi nghiệp	PGS.TS. Trần Trung Dũng - Chủ trì ThS. Tống Thị Lan Chi ThS. Y Cuôr BKrông TS. Dương Thị Ái Nhi PGS. TS. Nguyễn Quang Vinh ThS. Hoàng Thị Anh Phương ThS. Nguyễn Thị Thùy ThS. Ngô Thị Ngọc Yên ThS. Lê Thị Thúy An	Trường Đại học Alicante, Tây Ban Nha (thông qua Chương trình Erasmus+)	10/2017 đến hết tháng 9/2020.	45.761 Euro	Đang thực hiện - Tổ chức tập huấn với chủ đề “Tổ chức đào tạo kỹ năng và thực tập, thực tế cho sinh viên các cơ sở giáo dục đại học; - Thành lập Phòng Hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp của sinh viên;

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	(V2WORK)”	TS. Trương Thị Hiền TS. Hoàng Văn Chuyển ThS. Hà Thị Minh Trang ThS. Nguyễn Thị Khuyên ThS. Phạm Văn Thuận ThS. Vũ Trinh Vương ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng ThS. Đinh Thị Xuân Thảo ThS. Nguyễn Thị Đào				
4	Dự án: “Nông nghiệp bền vững/SFARM”	PGS.TS. Trần Trung Dũng PGS.TS. Nguyễn Văn Nam - Điều phối viên ThS. Nguyễn Thị Đào TS. Văn Tiến Dũng PGS.TS. Phan Văn Trọng ThS. Nguyễn Thị Đào ThS. Đỗ Thị Kiều An TS. Nguyễn Văn Minh TS. Hoàng Văn Chuyển ThS. Nguyễn Thị Vân	Ủy ban văn hóa, giáo dục và nghe nhìn châu Âu	10/2017 đến 09/2020	75,664.00 EUR	- Đang thực hiện - Tổ chức các đợt tập huấn do chuyên gia đến từ các trường châu Âu phụ trách.
I	ĐỀ TÀI KHCN CẤP BỘ					
1	B2017 - TTN - 01: Thu thập, sàng lọc tác dụng chống oxy hóa và ức chế một số dòng tế bào ung thư của một số cây thuốc tại Đắk Lắk	TS. Nguyễn Quang Vinh ThS. Mai Thị Hải Anh ThS. Nguyễn Thị Vân ThS. Mai Quốc Quân KS. Nguyễn Thị Thảo CN. Nguyễn Thị Lan Hương CN. Lê Tô Lan Phương	Bộ GD&ĐT	1/2017-12/2018	350	Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
		ThS. Nguyễn Thị Thủy KS. Lê Cao Linh Chi ThS. Trần Thy Minh Kiều ThS. Nguyễn Thị Huyền KS. Ngô Thị Diễm Nguyễn Thị Quỳnh Chi Nguyễn Thị Mai Nguyễn Thị Hạnh				
2	B2017 - TTN - 02: Đánh giá hiện trạng, tiềm năng và phương thức sử dụng nguồn thức ăn sẵn có cho gia súc nhai lại tại Tây Nguyên	TS. Văn Tiến Dũng TS. Trương Tấn Khanh ThS. Nguyễn Đức Điện KS. Ngô Thị Kim Chi	Bộ GD&ĐT	1/2017-12/2018 gh 6/2019	300	Đã nghiệm thu
3	B2017 - TTN - 03: Khai thác giá trị ngôn ngữ và văn hóa của Sử thi Êđê ứng dụng vào giáo dục và đào tạo ở Tây Nguyên	TS. Nguyễn Minh Hoạt ThS. Thái Thị Hoài An PGS.TS. Đoàn Văn Phúc TS. Y Tru Alio ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền TS. Bùi Thị Đào ThS. Lê Thị Thắm CN. Niê Thanh Mai ThS. Phạm Trọng Lượng CN. Trần Hữu Phước	Bộ GD&ĐT	1/2017-12/2018	150	Đã nghiệm thu
4	B2017 - TTN - 04: Nghiên cứu xác	TS. Lê Văn Cơ ThS. Ngũ Trường Nhân	Bộ GD&ĐT	1/2017-12/2018	350	Đã nghiệm thu

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	định tên khoa học, thành phần hóa học và tác dụng hạ đường huyết của một số mẫu nấm lớn thuộc chi Amauroderma (Linh chi đen) ở khu vực tỉnh Đắk Lắk	CN. Ninh Thị Minh Giang CN. Phan Thị Thu Hà TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên CN. Nguyễn hữu Kiên ThS. Trịnh Thị huyền Trang TS. Nguyễn Thị Thanh ThS. Nguyễn Thị Thu Hoài ThS. Đoàn Chiến Thắng				
5	B2018 - TTN - 01: Thu thập và xây dựng bộ tiêu bản nấm ăn và dược liệu tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk	PGS. TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên ThS. Nguyễn Hữu Kiên ThS. Nguyễn Thị Thủy CN. Trần Thị Thanh Thảo CN. Trần Thị Kim Thi CN. Vũ Bích Thủy ThS. Phạm Thị Phương CN. Đỗ Thị Anh ThS. Nguyễn Thị Tình	Bộ GD&ĐT	1/2018-12/2019	450,000	Đang thực hiện
6	B2018 - TTN - 02: Xác định cơ cấu cây trồng và kỹ thuật canh tác phù hợp nhằm giảm thiểu thiệt hại do Voi gây ra ở khu vực có xung đột Voi – Người, trong	TS. Cao Thị Lý TS. Võ Hùng ThS. Nguyễn Công Tài Anh ThS. Đỗ Khánh Dâng ThS. Hồ Đình Bảo ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc KS. Hoàng Trọng Khánh TS. Nguyễn Văn Minh ThS. Nguyễn Thị Hương Cẩm	Bộ GD&ĐT	1/2018-12/2019	550,000	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	vùng đệm vườn quốc gia Yok Don, tỉnh Đắk Lắk	KS. Phạm Duy Mẫn				
7	B2018 - TTN - 03 - MT: Biên soạn về tài liệu về giáo dục bảo tồn và phát triển tài nguyên nấm lớn có giá trị dược liệu vùng Tây Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Thủy PGS. TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên ThS. Nguyễn Hữu Kiên CN. Trần Thị Thanh Thảo CN. Trần Thị Kim Thi CN. Vũ Bích Thủy ThS. Phạm Thị Phương CN. Đỗ Thị Anh ThS. Nguyễn Thị Tình ThS. Trần Đức Phương	Bộ GD&ĐT	1/2018-12/2019	450,000	Đang thực hiện
8	B2019 - TTN - 01: Tính bị chặn của các toán tử tích phân kì dị và hoán tử	ThS. Dương Quốc Huy PGS.TS. Lương Đăng Kỳ ThS. Nguyễn Ngọc Huệ TS. Phạm Hữu Khánh ThS. Từ Thị Việt Hà	Bộ GD&ĐT	1/2019-12/2020	250,000	Đang thực hiện
9	B2019 - TTN - 02: Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc, tái sinh và xác định khả năng phục hồi rừng tự nhiên tại Vườn Quốc gia Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	TS. Nguyễn Thanh Tân PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Nguyễn Đức Định ThS. Lê Đình Nam ThS. Phan Thị Hằng KS. Hoàng Văn Thế KS. Đào Phi Tiến	Bộ GD&ĐT	1/2019-12/2020	600,000	Đang thực hiện
10	B2019 - TTN - 03:	ThS. Hà Thị Kim Duyên	Bộ	1/2019-	350,000	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng vùng Tây Nguyên	PGS. TS. Lê Đức Niêm ThS. Từ Thị Thanh Hiệp ThS. Lê Việt Anh ThS. NCS. Bùi Ngọc Tân ThS. Phạm Thị Oanh ThS. Nguyễn Đức Quyền ThS. Nguyễn Thị Tuyền CN. Nguyễn Sơn Hưng CN. Nguyễn Trung Đức	GD&ĐT	12/2020		
11	19/2018-NVQG: Nhiệm vụ quỹ gen cấp quốc gia “Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Chân danh hoa thưa (Euonymus laxiflorus Champ. ex Benth.) ở Tây Nguyên làm nguyên liệu sản xuất thuốc”	PGS. TS. Nguyễn Anh Dũng Nguyễn Quang Vinh - thư ký TS. Nguyễn Đình Sỹ ThS. Trương Hồng Hà TS. Nguyễn Văn Bốn DS. CK1. Nguyễn Khắc Sơn TS. Trần Minh Định ThS. Phạm Tuấn Linh ThS. Nguyễn Ngọc Dương	Bộ KH&CN và nguồn khác.	'11/2018 - 10/2022	4.100,000	
II	CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP BỘ					
	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển bền vững cây Hồ tiêu (Piper nigrum L.) ở Tây	PGS.TS Trần Trung Dũng PGS.TS Nguyễn Anh Dũng - Phó Chủ nhiệm ThS. Trương Hồng Hà – Thư ký - ủy viên	Bộ GD&ĐT	2017-2019		Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Nguyên					
	Nghiên cứu tình hình dịch bệnh và sản xuất hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.) tại Tây Nguyên	ThS. Trần Thị Huế Nguyễn Văn Nam Đỗ Thị Kiều An Trần Thị Lệ Trà Nguyễn Tuấn Trần Thị Phụng Ngô Đăng Duyên Nguyễn Văn Minh Nguyễn Thị Hương Cẩm Dương Thị Oanh	Bộ GD&ĐT	5/2017-5/2019 Gia hạn 11/2019	500,000	Đang thực hiện
	Nghiên cứu đặc tính sinh thái vi sinh vật trên đất trồng cây hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.) ở Tây Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Huyền TS. Philipe Ngô Thị Diễm Mai Quốc Quân Ngô Văn Anh Lê Hồng Quân Đỗ Thị Tú Oanh Lê Trọng Hà	Bộ GD&ĐT	5/2017-5/2019 Gia hạn 11/2019	650,000	Đang thực hiện
	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật vùng rễ kháng nấm <i>Phytophthora</i> trên cây hồ tiêu	ThS. Trịnh Thị Huyền Trang Nguyễn Anh Dũng Nguyễn Thị Thu Hoài Vũ Thị Duyên Đỗ Thị Tú Oanh Đỗ Hồng Quân	Bộ GD&ĐT	5/2017-4/2019 Gia hạn 11/2019	600,000	Đang thực hiện
	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật nội sinh	ThS. Ngô Văn Anh Nguyễn Thị Huyền Mai Quốc Quân	Bộ GD&ĐT	5/2017-5/2019 Gia hạn	600,000	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	kháng nấm <i>Phytophthora</i> trên cây hồ tiêu	Ngô Văn Phương Hoàng Thị Minh Trang Phan Đình Thanh Đỗ Thị Tú Oanh Huỳnh Nguyễn Tổ Uyên		11/2019		
	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật vùng rễ kháng tuyến trùng <i>Meloidogyne incognita</i> trên cây hồ tiêu	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam TS. Nguyễn Văn Bốn Nguyễn Thị Huyền Trần Thị Huê Trang Thị Nguyệt Quế Trần Thị Phượng Chung Như Anh Ngô Văn Anh Đỗ Thị Kiều An	Bộ GD&ĐT	5/2017-4/2019 Gia hạn 11/2019	550,000	Đang thực hiện
	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật nội sinh kháng tuyến trùng <i>Meloidogyne incognita</i> trên cây hồ tiêu	TS. Trần Thị Phương Hạnh Nguyễn Văn Bốn Nguyễn Thị Thu Hoài Vũ Thị Duyên Ngô Văn Anh Lê Hồng Quân	Bộ GD&ĐT	5/2017-5/2019 Gia hạn 11/2019	550,000	Đang thực hiện
	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật có hoạt tính hỗ trợ tăng trưởng cho cây hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.) ở Tây Nguyên.	TS. Võ Thị Phương Khanh TS. Nguyễn Văn Bốn Trịnh Thị Huyền Trang Nguyễn Thị Thu Hoài Nguyễn Thị Hồng Phượng Bùi Thị Thu Trang Ngô Quang Hương Ngô Văn Anh	Bộ GD&ĐT	5/2017-5/2019 Gia hạn 11/2019	650,000	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
		Vũ Thị Duyên				
	Nghiên cứu tuyển chọn giống và xây dựng quy trình nhân giống cây hồ tiêu hiệu quả cho địa bàn tỉnh Đắk Lắk	ThS. Mai Quốc Quân Nguyễn Đình Sỹ Trần Thị Phương Hạnh Ngô Văn Anh Nguyễn Thị Huyền Huỳnh Nguyễn Tố Uyên Đỗ Thị Tú Oanh	Bộ GD&ĐT	5/2017-4/2019 Gia hạn 11/2019	550,000	Đang thực hiện
	Khảo nghiệm ứng dụng các giải pháp công nghệ sinh học trong phát triển bền vững cây hồ tiêu (Piper nigrum) ở Tây Nguyên	TS. Nguyễn Đình Sỹ TS. Đặng Bá Đàn PGS.TS. Nguyễn Văn Nam TS. Trần Thị Phương Hạnh TS. Võ Thị Phương Khanh ThS. Trịnh Thị Huyền Trang ThS. Ngô Văn Anh ThS. Mai Quốc Quân KS. Ngô Thị Diễm GS. Kim Yong Kil	Bộ GD&ĐT	1/2018-12/2019 Gia hạn 06/2020	700,000	Đang thực hiện
ĐỀ TÀI KHCN CẤP CƠ SỞ						
1	Sự phù hợp của kháng sinh điều trị ban đầu trên bệnh nhân xơ gan có biến chứng viêm phúc mạc nhiễm khuẩn nguyên phát	BS. Đoàn Thị Hồng Linh	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	13,035	01 báo cáo khoa học theo quy định
2	Nhận thức về đột quỵ não của người	ThS. Vũ Thị Thu Hường	Kinh phí của Nhà	1/2018-12/2018	17,567	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	nhà bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên năm 2018		trường			
3	Giá trị của phương pháp kiểm soát tình trạng dinh dưỡng CONUT trong đánh giá dinh dưỡng ở bệnh nhân bệnh thận mạn chưa điều trị thay thế tại bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên năm 2018	BS. Trịnh Ngọc Thảo Vy	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	13,497	01 báo cáo khoa học theo quy định
4	Nâng cao kỹ năng tự học cho sinh viên khoa sư phạm trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Lưu Thị Diệu	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	23,012	01 báo cáo khoa học theo quy định
5	Nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học, trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Bùi Thị Tâm	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	23,012	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
6	Hành vi văn hóa học đường của sinh viên khoa sư phạm trường Đại học Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp	ThS. Nguyễn Thị Ánh Mai	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	21,472	01 báo cáo khoa học theo quy định
7	Nghiên cứu những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Mạc Ngôn	ThS. Phan Thị Tâm Thanh	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	12,331	01 báo cáo khoa học theo quy định
8	Vận dụng sơ đồ (Graph) trong dạy học Lịch sử Lớp 11 ở trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	ThS. Lê Thị Thúy An	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	24,772	01 báo cáo khoa học theo quy định
9	Tính đa dạng về thành phần loài của một số họ thuộc bộ phụ bướm Rhopalocera, bộ Lepidoptera tại rừng đặc dụng - Cảnh quan Đray Sáp, Đắk Nông	KS. Trần Thị Lệ Trà	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	29,942	01 báo cáo khoa học theo quy định
10	Đánh giá mức độ đa dạng sinh học vi nấm trong đất dưới	KS. Chung Như Anh	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	29,997	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	tán rừng tại Vườn quốc gia Chư Yang Sin, tỉnh Đắk Lắk					
11	Thiết lập và thẩm định chéo mô hình ước tính sinh khối trên mặt đất chi dipterocarpus của rừng khộp Việt Nam	ThS. Nguyễn Thị Tình	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	30,000	01 báo cáo khoa học theo quy định
12	Phát hiện và hệ thống hóa kiến thức sinh thái địa phương về một số loài lâm sản ngoài gỗ của cộng đồng dân tộc thiểu số tại buôn Tul - xã Yang Mao - huyện Krông Bông - tỉnh Đắk Lắk	ThS. Cao Thị Hoài	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	24,827	01 báo cáo khoa học theo quy định
13	Sử dụng khung sinh kế bền vững để phân tích sinh kế của người Ê đê ở buôn Păn Lăm, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk	ThS. Vũ Thị Việt Anh	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	26,367	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Lắc					
14	Quá trình phát triển quy mô đào tạo và đội ngũ giảng viên các trường đại học ở Tây Nguyên từ năm 1996 đến năm 2017	ThS. Nguyễn Minh Hải	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	28,666	01 báo cáo khoa học theo quy định
15	Xây dựng một số kịch bản mô phỏng trên Network Simulator 2 để phục vụ cho công tác giảng dạy chuyên ngành Quản trị mạng	ThS. Nguyễn Đức Thắng	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	17,402	01 báo cáo khoa học theo quy định
16	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả vận hành và quản lý phòng máy tính bộ môn Tin học	ThS. Nguyễn Quốc Cường	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	22,792	01 báo cáo khoa học theo quy định
17	Số hóa 3D không gian trường Đại học Tây Nguyên năm 2018	ThS. Vũ Anh Tuấn	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	24,992	01 báo cáo khoa học theo quy định
18	Hệ bù vi phân tuyến tính với điều kiện không địa	ThS. Mai Quốc Vũ	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	20,240	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	phương					
19	Chéo hóa đồng thời một họ hữu hạn các ma trận và ứng dụng	ThS. Nguyễn Thị Ngân	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	13,442	01 báo cáo khoa học theo quy định
20	Mối liên hệ giữa bộ trội với hàm lỗi suy rộng và ứng dụng	ThS. Dương Quốc Huy	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	14,608	01 báo cáo khoa học theo quy định
21	Điều tra thành phần loài của học Gừng (Zingiberaceae) tại vườn quốc gia Yok Đôn, Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Thị Thu	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	29,650	01 báo cáo khoa học theo quy định
22	Nghiên cứu thành phần loài của học Boletaceae tại vườn quốc gia Chư Yang Sin	ThS. Nguyễn Hữu Kiên	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	26,444	01 báo cáo khoa học theo quy định
23	Nghiên cứu xác định cấu trúc hóa học một số hợp chất chính từ cao chloroform lõi gỗ Sưa đỏ <i>Dalbergia Tonkinensis</i> ở thành phố Buôn Ma Thuột	ThS. Ngũ Trường Nhân	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	29,722	01 báo cáo khoa học theo quy định
24	Xây dựng hệ thống quản lý học tập	ThS. Đinh Thị Xuân Thảo	Kinh phí của Nhà	1/2018-12/2018	22,022	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	MOODLE và vận dụng mô hình BLENDED LEARNING để giảng dạy ứng dụng tin học trong dạy học cho sinh viên sư phạm hóa học		trường			
25	Điều chế chất keo tụ ($\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$, $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$) từ bùn thải nước cấp để xử lý photpho có trong nước thải nhà máy chế biến tinh bột sắn Đắk Lắk	ThS. Trần Thị Minh Hà	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	25,624	01 báo cáo khoa học theo quy định
26	Nghiên cứu, chế tạo thiết bị phát hiện gian lận thi cử sử dụng công nghệ cao	CN. Tôn Thất Trường Nam	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	73,315	01 báo cáo khoa học theo quy định Máy phát hiện gian lận
27	Phát triển mô hình doanh nghiệp xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	ThS. Đỗ Thị Thanh Xuân	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	26,037	01 báo cáo khoa học theo quy định
28	Hợp đồng mua bán cà phê giữa nông dân với doanh nghiệp trên địa bàn	ThS. Đỗ Thị Bông	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	21,087	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	tỉnh Đắk Lắk					
29	Pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài tại tỉnh Đắk Lắk	ThS. Đặng Thị Nhung	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	19,063	01 báo cáo khoa học theo quy định
30	Thực trạng việc làm đối với lao động di cư tự do trên địa bàn huyện Ea Suop, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Huỳnh Thị Nga	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	25,432	01 báo cáo khoa học theo quy định
31	Một số giải pháp góp phần rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ toán học cho học sinh dự bị đại học của Khoa Dự bị và Tạo nguồn, trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Kiều Mạnh Hùng	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	29,007	01 báo cáo khoa học theo quy định
32	Bút kí của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường dưới góc nhìn sinh thái học	ThS. Trần Thị Lệ Thanh	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	17,457	01 báo cáo khoa học theo quy định
33	Các chiến lược đọc hiểu để phát triển kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh cho sinh	ThS. Y Cuôr Bkrông	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	18,502	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	viên không chuyên ngữ năm thứ 3 tại trường Đại học Tây Nguyên					
34	Đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn ngữ liệu trực tuyến (Online Resources) vào việc phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ năm thứ 2 - khoa Kinh tế - trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Cù Thị Ngọc Hoa	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	15,312	01 báo cáo khoa học theo quy định
35	Một số biện pháp nâng cao năng lực học tập môn Ngữ văn của học sinh trường THPT Thực hành Cao Nguyên	ThS. Lương Văn Hà	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	20,207	01 báo cáo khoa học theo quy định
36	Khai thác tư liệu của bảo tàng, nhà truyền thống, di tích lịch sử - cách mạng ở thành phố Buôn Ma Thuột để	ThS. Lê Văn Đoài	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	21,692	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	phục vụ giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh - trường Đại học Tây Nguyên					
37	Biện pháp quản lý hoạt động ngoại khóa của sinh viên học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Phạm Huy Tựa	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	17,567	01 báo cáo khoa học theo quy định
38	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính phục vụ công tác đào tạo cho sinh viên của trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Nguyễn Văn Minh	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	25,212	01 báo cáo khoa học theo quy định
39	Thực trạng và giải pháp phát triển nguồn lực thông tin	ThS. Vũ Đình Trung	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	17,402	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	tại Thư viện trường Đại học Tây Nguyên					
40	Sinh kế của người M'ông tại các buôn tái định cư Thủy điện buôn Tua Srah, xã Krông Nô, huyện Lắk	ThS. Phạm Trọng Lượng	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	28,127	01 báo cáo khoa học theo quy định
41	Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khoa Lý luận chính trị từ khóa 2014 đến khóa 2017 - Thực trạng và giải pháp	sv. Y Gào Êung sv. Lê Thanh Cảnh Lớp Triết học K16	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	9,922	01 báo cáo khoa học theo quy định
42	Điều tra đánh giá ảnh hưởng của một số biện pháp canh tác đến tình hình bệnh hại cây hồ tiêu (piper nigrum L.) tại Cư Kuin	sv. Tạ Quang Tuấn Trương Thị Thanh Thanh Đinh Hữu Thành Nguyễn Viết Lâm Lớp BVTV K15	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	10,043	01 báo cáo khoa học theo quy định
43	Tình hình nhiễm đơn bào Balantidium coli trên heo sau cai sữa nuôi tại một số trại thuộc huyện Cư	Sv. Nguyễn Anh Đài Trần Tấn Nguyên Nguyễn Tiến Dũng Phạm Thị Ngọc My Lớp Thú y K2015	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	8,987	01 báo cáo khoa học theo quy định

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Mgar, tỉnh Đắk Lắk					
44	Khả năng sinh trưởng, năng suất và phẩm chất thịt của gà lai (gà Tam hoàng x gà Ri x gà Mía) nuôi bằng cám hỗn hợp Anco và cám phối trộn tại thành phố Buôn Ma Thuột	Sv. Bùi Thị Như Ý Hứa Văn An Đậu Thị Bích Việt Lớp Thú Y K2014 Nguyễn Duy Hội Nguyễn Quang Anh Lớp CNTY K2015	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	9,900	01 báo cáo khoa học theo quy định
45	Khả năng sinh trưởng, năng suất, chỉ tiêu chất lượng thịt và chỉ tiêu về khả năng sinh sản của bò câu Pháp tại thành phố Buôn Ma Thuột	SV. Đậu Thị Bích Việt Huỳnh Thị Mỹ Oanh Bùi Thị Như Ý Hứa Văn An Lớp Thú y K2014	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	9,993	01 báo cáo khoa học theo quy định
46	Thực trạng chăn nuôi bò lai hướng thịt tại huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk	sv Hoàng Anh Dương Hò Thị Phương Mai Thị Thu Hương Lê Thị Ngọc Trần Xuân Trường Lớp Chăn nuôi K15	Kinh phí của Nhà trường	1/2018-12/2018	8,382	01 báo cáo khoa học theo quy định
47	T2019-01SV: Nghiên cứu nhân giống lan Hạc Vỹ Thiên Cung	sv Trịnh Ngọc Sơn Nguyễn Ngọc Tú Duyên Lục Thị Nguyệt KHCT K15	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,997	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	(<i>Dendrobium aphyllum</i>) bằng phương pháp nuôi cấy mô in – vitro					
48	T2019-02SV: Chỉ số huyết áp cổ chân – cánh tay và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2, tại Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Đắk Lắk năm 2019	sv Trần Thị An Nhân Nguyễn Thị Hồng Nhi Nrong K' Duy Py Trần Phước Hữu Lớp YBK14	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,780	Đang thực hiện
49	T2019-03SV: Tỷ lệ hội chứng chuyển hóa và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân hội chứng vành cấp điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Đắk Lắk năm 2019.	sv Nguyễn Sinh Huy Lớp YK15A1 Tống Nguyễn Bình Nguyễn Thị Huỳnh Chung Lớp YK14A1 Trần Ngọc Hoài Hương Lớp YK15A2 Phạm Hoài Hương Lớp YK16C	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	8,940	Đang thực hiện
50	T2019-04SV: Theo dõi khả năng sinh trưởng và bệnh ở gà 3F Việt được nuôi trên đệm sinh học	sv Phan Triệu Thân Trịnh Quang Lâm Nguyễn Trần Phúc Quỳnh Lê Thị Như Nhung Lê Thị Thảo Lớp Thú y K15	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,990	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
51	T2019-05SV: Ảnh hưởng của bổ sung bột tỏi lên sự sinh trưởng và bệnh tật trên gà mía lai tại thành phố Buôn Ma Thuột	sv Nguyễn Văn Hoài Nguyễn Thị Lan Anh Lương Văn Phú Lê Minh Hải Nguyễn Xuân Hùng Lớp Thú y K16	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,854	Đang thực hiện
52	T2019-06SV: Đánh giá khả năng sinh trưởng và hiệu quả nuôi rắn mối (<i>Eutropis multifasciata</i>) tại Phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột	sv Bùi Văn Đệ Nguyễn Thị Hải Yến Bùi Huyền Đan Trịnh Thị Lý Trịnh Văn Lợi Lớp Thú y K15	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,899	Đang thực hiện
53	T2019-07SV: Đạo hàm và φ -đạo hàm trên đại số Banach	sv Lê Chí Hiếu Nguyễn Phùng Xuân Vũ Lớp SP Toán K16 Đinh Thị Thanh Tâm Ngô Thị Hoài Lớp SP Toán K17	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	8,041	Đang thực hiện
54	T2019-08SV: Nuôi cấy cây lá bép (<i>Gnetum gnemon</i> L.) trong điều kiện in vitro	sv Bùi Thị Hương Bùi Thị Bích Huyền Phạm Thị Như Quỳnh Huỳnh Ngọc Vy Nguyễn Thị Ngọc Lan CNSH K16	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,955	Đang thực hiện
55	T2019-09SV: Xây	sv Lê Thị Anh Đào	Kinh phí	1/2019-	9,943	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	dựng nguồn học liệu số cho học phần thiết kế và lập trình web cơ bản của ngành công nghệ thông tin	Đỗ Ngọc Anh Bùi Nhật Trường Nguyễn Duy Hải CNTT K16	của Nhà trường	12/2019		
56	T2019-10SV: Đánh giá tác động của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên khoa Kinh tế - trường Đại học Tây Nguyên	sv Ngô Thị Huyền Lê Thị Diễm Kiều Vũ Thị Dung Trần Thị Ngọc Bích Lê Thị Thùy Linh Lớp Kế toán K2016A	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,990	Đang thực hiện
57	T2019-11SV: Tìm hiểu việc vận dụng quan hệ vuông góc và quan hệ song song trong dạy học yếu tố hình học ở cấp Tiểu học tại TP. Buôn Ma Thuột	sv Đào Thị Kim Oanh Phạm Thị Dung Ngô Thị Ý Nhi GD Tiểu học K16	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	7,390	Đang thực hiện
58	T2019-12SV: Tìm hiểu nhận thức của sinh viên chuyên ngành Giáo dục Mầm non về đạo đức nghề nghiệp ở	sv Phạm Thị Thúy An Phạm Thị Kim Ngân Nguyễn Thị Nhàn Giáo dục Mầm non K16	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,780	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Trường Đại học Tây Nguyên					
59	T2019-13SV: Đánh giá khả năng thích ứng trong thực tập sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, trường Đại học Tây Nguyên	sv Bùi Thị Lộc Vương Thị Cảnh Trần Phạm Mỹ Quỳnh Chu Thị Minh Lớp GDCT K16	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	9,996	Đang thực hiện
60	T2019-01CB: Đánh giá đặc điểm hình thái, sinh trưởng, năng suất và phẩm chất của một số dòng gác (<i>Momordica cochinchinensis</i>) thu thập từ Việt Nam, Thái Lan và Úc trồng tại trại thực nghiệm Khoa Nông Lâm nghiệp, trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Đào	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,860	Đang thực hiện
61	T2019-02CB: Ảnh hưởng của nhiệt độ và hàm lượng maltodextrin đến	ThS. Nguyễn Thị Thảo	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,740	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	chất lượng của bột bơ sáp (<i>Persea americana</i> Mill.) bằng phương pháp sấy phun					
62	T2019-03CB: Tối ưu hóa điều kiện tách chiết saponins và sản xuất dịch chiết cô đặc giàu saponins từ củ đinh lăng lá nhỏ	TS. Hoàng Văn Chuyển	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,736	Đang thực hiện
63	T2019-04CB: Tác dụng chống oxy hóa và chống đông máu của cây gổi hạc <i>Leea rubra</i> Blume Ex Spreng. Thu hái tại Đắk Lắk	ThS. DS. Ngô Thị Ngọc Yến	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,170	Đang thực hiện
64	T2019-05CB: Đánh giá tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk năm	ThS. BS Đỗ Thị Thược	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	20,960	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	2019.					
65	T2019-06CB: Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh bướu giáp ở trẻ em tại bệnh viện Đại học Y dược Huế	BS Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,966	Đang thực hiện
66	T2019-07CB: Đặc điểm lâm sàng, một số cận lâm sàng và các yếu tố liên quan trong hội chứng thận hư ở trẻ em tại bệnh viện đa khoa tỉnh Dak Lak năm 2018-2019	ThS .BS Lê Thị Lệ Thủy	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	27,700	Đang thực hiện
67	T2019-08CB: Đánh giá một số chỉ số hồng cầu trong máu ngoại vi và nồng độ Ferritin huyết thanh ở bệnh nhân suy tim mạn tính	BS .Nguyễn Văn Long	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,980	Đang thực hiện
68	T2019-09CB: Kiến thức, nhận thức và cách chăm sóc của cha /mẹ khi trẻ bị sốt tại bệnh viện đa	ThS. Nguyễn Thị Kim Quyên	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	23,000	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	khoa tỉnh Đắk Lắk					
69	T2019-10CB: Giá trị của Siêu âm qua thành bụng trong chẩn đoán bệnh lý đại trực tràng tại bệnh viện Đại học Tây Nguyên	ThS. BS Nguyễn Duy Thịnh	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	27,950	Đang thực hiện
70	T2019-11CB: Thực trạng dinh dưỡng và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân trước phẫu thuật ổ bụng tại bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên năm 2019	Ths. Chu Thị Giang Thanh	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	21,798	Đang thực hiện
71	T2019-12CB: Thực trạng kỹ năng tiêm mạch của điều dưỡng tại Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên năm 2019	ThS Nguyễn Mạnh Tuyền	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	17,660	Đang thực hiện
72	T2019-13CB: Khảo sát sự lưu hành và yếu tố nguy cơ truyền lây giun đũa chó sang	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,631	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	người tại Tp. Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk					
73	T2019-14CB: Ảnh hưởng của các mức thức ăn tinh hỗn hợp khác nhau đến hiệu quả nuôi vỗ béo bò lai F1 (Droughtmaster x Laisind) tại Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	KS. Ngô Thị Kim Chi	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,336	Đang thực hiện
74	T2019-15CB: Nhân rộng mô hình “Ủ chua thức ăn xanh trong nông hộ” cho đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Ea Dar, Huyện Ea Kar	ThS. Bùi Thị Như Linh	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,641	Đang thực hiện
75	T2019-16CB: Nghiên cứu chiết - tách quang sự tạo phức đa ligand trong hệ 1-(2-pyridylazo)-2-naphthol – Pb(II) – CH ₂ ClCOOH và	ThS. Hoàng Thị Thu	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,980	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	ứng dụng xác định hàm lượng chì trong rau xanh tại tp Buôn Ma Thuột					
76	T2019-17CB: Ứng dụng mô hình LANDGEM (Landfill Gas Emission Model) đánh giá hàm lượng phát thải khí metan từ chất thải hữu cơ tại bãi chôn lấp chất thải rắn Tp Buôn Ma Thuột	ThS. Phan Thị Thục Uyên	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	22,958	Đang thực hiện
77	T2019-18CB: Nghiên cứu phổ sóng điều hòa bậc cao trong quá trình chuyển hóa đồng phân dạng keto-enol của guanine	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,988	Đang thực hiện
78	T2019-19CB: Tổng hợp, cấu trúc và thử hoạt tính sinh học phức chất của Pt(II), Cu(II) và Ni(II) với phối	CN. Ninh Thị Minh Giang	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	28,952	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	tử loại quinoline-thiosemicarbazide					
79	T2019-20CB: Tổng hợp và nghiên cứu cấu trúc phức chất của nguyên tố đất hiếm europium và neodymium với một số phối tử chứa hệ liên hợp π	CN. Phan Thị Thu Hà	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,462	Đang thực hiện
80	T2019-21CB: Xây dựng bộ tiêu bản cố định vật thể giới tính người để phục vụ cho bài thực hành xét nghiệm vật thể giới tính người	CN. Vũ Bích Thủy	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,883	Đang thực hiện
81	T2019-22CB: Tuyển chọn vi khuẩn lam (cyanobacteria) có khả năng sinh polysaccharide ngoại bào giúp chống hạn cây trồng tại TP. Buôn Ma Thuật	ThS. Nguyễn Minh Trung	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	298,893	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
82	T2019-23CB: Phân tích trình tự gen mã hóa enzyme laccase từ fusarium oxysporum	ThS. Đặng Thị Thanh Hà	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,956	Đang thực hiện
83	T2019-47CB: Điều tra thành phần loài nấm ăn tại Vườn Quốc gia Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	CN. Trần Thị Kim Thi	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,295	Đang thực hiện
84	T2019-24CB: Nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc vận dụng Kế toán quản trị trong các doanh nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo (B)	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	16,990	Đang thực hiện
85	T2019-25CB: Nghiên cứu hoạt động phát hành ý kiến kiểm toán giữa BIG 4 và NON-BIG 4 khi có hành vi điều chỉnh lợi nhuận của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố	CN. Nguyễn Thị Trà Giang	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	22,850	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Hồ Chí Minh					
86	T2019-26CB: Xây dựng quy trình mô phỏng nghiệp vụ ngân hàng phục vụ đào tạo ở Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo (A)	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,300	Đang thực hiện
87	T2019-27CB: Phát triển nông nghiệp gắn với giảm nghèo trên địa bàn huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk	TS. Dương Thị Ái Nhi	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	22,150	Đang thực hiện
88	T2019-28CB: Yêu tố tác động vào xu hướng tiêu dùng sữa bột nội tại thị trường Đắk Lắk	ThS. Từ Thị Thanh Hiệp	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	22,750	Đang thực hiện
89	T2019-29CB: Các yếu tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	ThS. Phạm Thảo Vy	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	21,005	Đang thực hiện
90	T2019-30CB: Giáo dục pháp luật cho sinh viên trường	ThS. Trịnh Thị Thủy	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	21,304	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Đại học Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp					
91	T2019-31CB: Chi trả dịch vụ môi trường rừng và sinh kế cộng đồng: trường hợp nghiên cứu tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	ThS. Phạm Văn Trường	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	20,223	Đang thực hiện
92	T2019-32CB: Phát triển năng lực dạy học tích hợp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ở Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Trần Thị Thùy Trang	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	21,750	Đang thực hiện
93	T2019-33CB: Đặc điểm diễn ngôn nữ quyền sinh thái trong văn xuôi nữ Việt Nam đương đại	ThS. Hoàng Lê Anh Ly	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	16,550	Đang thực hiện
94	T2019-34CB: Đánh giá thành tích môn học giáo dục thể chất 1 của sinh viên trường Đại	ThS. Chu Vương Thìn	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	16,500	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	học Tây Nguyên					
95	T2019-35CB: Nghiên cứu một số biện pháp phòng ngừa chấn thương trong quá trình học tập Giáo dục Thể chất cho sinh viên không chuyên Trường Đại học Tây Nguyên.	ThS. Phạm Hùng Mạnh	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	19,390	Đang thực hiện
96	T2019-36CB: Nâng cao kỹ năng cảm thụ tác phẩm văn học cho sinh viên ngành Ngữ văn, Trường Đại học Tây Nguyên.	ThS. Nguyễn Thị Kim Hồng	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	21,409	Đang thực hiện
97	T2019-37CB: Giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường Đại học ở Tây Nguyên theo tư tưởng Hồ Chí Minh	ThS. Nguyễn Thị Khuyên	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	28,885	Đang thực hiện
98	T2019-38CB: Đánh giá công tác cổ vận học tập tại trường Đại học Tây	ThS. Phạm Phương Anh	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	20,443	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Nguyên					
99	T2019-39CB: Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên khoa Nông Lâm nghiệp, trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Liên	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	20,580	Đang thực hiện
100	T2019-40CB: Ứng dụng nền tảng GNOMIO vào việc dạy và học môn Nghe 2 cho sinh viên chuyên ngữ năm nhất Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Trần Ngọc Anh	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	18,890	Đang thực hiện
101	T2019-41CB: Tăng cường kỹ năng nói tiếng Jrai cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai, Trường Đại học Tây Nguyên	ThS. Rơ Lan A Nhi	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	18,364	Đang thực hiện
102	T2019-42CB: Tính triết luận trong kịch	TS. Đoàn Tiến Dũng	Kinh phí của Nhà	1/2019-12/2019	21,861	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	Lưu Quang Vũ thời kì đổi mới		trường			
103	T2019-46CB: Nghiên cứu Trường nghĩa chỉ thời gian trong thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám	CN. Phạm Thị Trang	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	22,018	Đang thực hiện
104	T2019-43CB: Nâng cao khả năng tự học của học sinh Khoa Dự bị và Tạo nguồn, trường Đại học Tây Nguyên	CN. Trần Quỳnh Mai	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	22,386	Đang thực hiện
105	T2019-44CB TĐ: Xây dựng quy trình huấn luyện và chăm sóc cây con in vitro của hai loài lan rừng Hoàng Thảo Giả Hạc và Hoàng Thảo Kèn trong điều kiện nhà màng tại Đại học Tây Nguyên	KS. Lê Trọng Hà	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	100,000	Đang thực hiện
106	T2019-45CB: Xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến	ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	28,402	Đang thực hiện

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (TR.Đ)	Tóm tắt sản phẩm ứng dụng thực tiễn
	công tác sinh viên tại trường Đại Học Tây Nguyên					
107	T2019-47CB: Ứng dụng sa bàn trong giảng dạy nội dung chiến thuật cho sinh viên học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh trường Đại học Tây Nguyên	CN. Nguyễn Việt Hồng	Kinh phí của Nhà trường	1/2019-12/2019	29,409	Đang thực hiện

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Ngành Sư phạm Ngữ văn	Tháng 3/2013	Khá		Đạt	2013	2018

Đã Lỗi ngày 23 tháng 12 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Thanh Trúc